

Lời tựa của tác giả	3
Danh sách các tổ chức được nhắc đến trong cuốn sách này:.....	3
Mở đầu	6
Mất nước	8
Con ngựa hoang	20
Nhà cách mạng tập sự	34
Con Rồng Cháu Tiên	40
Thanh kiếm báu	51
Nghệ Tĩnh đỏ.....	57
Mất hút.....	64
Trong hang Pacbo	73
Triều dâng	81
Những ngày tháng 8.....	94
Tái thiết và kháng chiến	107
Hổ và Voi.....	126
Nơi đó, Điện biên phủ.....	138
Giữa hai cuộc chiến.....	147
Tất cả cho tiền tuyến	164
From Man to Myth.....	179

*Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng
Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt nam*

Từ bé, tôi đã được dạy bài hát này, vì thế bây giờ vẫn thuộc. Lên 8 tuổi, tôi vẫn nhớ như in một buổi sáng, bà ngoại gọi tôi thảng thốt: “Nam ơi, Bác Hồ mất rồi”, chẳng biết gì nhưng thấy cả nhà khóc tôi cũng òa lên khóc. Lớn dần lên, biết thêm rất nhiều bài hát hay, thỉnh thoảng được khen là “cháu ngoan”,... thấy Bác vẫn là một cái gì đó thiêng liêng, nhưng quả thật giống như một vị thánh chẳng có ích gì nhiều trong cuộc sống. Học xong, về nước, những háo hức của công việc mới lụi đi. Cho đến năm 1999, khi FPT quyết định xuất khẩu phần mềm. Bước ra nước ngoài, hầu như rất ít người biết đến Việt nam là gì, ở đâu, ngoài việc Việt nam gắn liền với chiến tranh và Hồ Chí Minh. Hè năm 2002, Phan Phương Đạt mang về một cuốn sách. “Ho Chi Minh, a life”. Tôi liền mượn đọc. Gấp cuốn sách lại, ký ức nguyên vẹn của buổi sáng năm 1969 lại ùa về. Nước mắt cứ tự nhiên tràn ra. Bỗng nhiên hiểu ra sự cô đơn khôn cùng của Bác trước lúc ra đi, được Trần Hoàn diễn tả lại xúc động trong bài hát của mình. Chợt thấy những tư tưởng của Bác sao mà gần gũi, thật phù hợp cho hoàn cảnh của Fsoft lúc đó khi khách hàng thưa thớt, anh em chán nản. Tôi đã đọc đi đọc lại mấy lần, và quyết tâm dịch quyển sách này ra tiếng Việt. Tôi muốn chia sẻ với vợ tôi, với con gái tôi, với bạn bè tôi, với đồng nghiệp của tôi về những điều tầm thường mà vĩ đại của con người HCM, về những bi kịch và oai hùng của nước Việt nam thế kỷ 20, thế kỷ loạn lạc nhất trong lịch sử loài người. Nhiều bạn bè tôi hay hỏi, liệu lịch sử Việt nam có thay đổi nếu như năm 1945, HCM chấp nhận thỏa hiệp với Pháp để tránh cuộc chiến tranh? Tôi không biết. Nhưng nếu dựa vào những gì Người kịp làm trong năm đầu tiên của nước cộng hòa non trẻ, cũng như những ý nguyện được để lại trong bản di chúc, có thể nói rằng dân tộc ta đã không may, khi không có được một quãng thời gian hòa bình đủ dài để HCM thể hiện tài năng chấn hưng đất nước của mình. Đọc cuốn sách này, có thể nói bất cứ một người dân Việt nào muốn, đều có thể tìm thấy hình ảnh mình trong cuộc đời của HCM. Có thể hiểu vì sao, con người Bác lại có sức thuyết phục và lôi cuốn lạ kỳ. Từ ông Tây, ông Mỹ, đến trí thức, dân thường. Mới cách đây mấy tháng khi ở Nhật bản, tôi được biết những người thuyền viên Việt nam sang Nhật bỏ trốn, đã chọn HCM làm ông tổ nghề, vì theo họ, H cũng đã làm thuyền viên và cũng đã bỏ trốn. Xin cảm ơn tác giả W. Duiker đã đem lại cho tôi một cái nhìn toàn diện về tổ quốc tôi trong thế kỷ XX thông qua tiểu sử của người con ưu tú nhất mà đất nước đã sản sinh ra - Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thành Nam

Lời tựa của tác giả

Tôi (W. Duiker) đã bị hấp dẫn bởi HCM từ giữa những năm 1960, khi còn là một nhân viên đối ngoại trẻ tuổi làm việc tại toà đại sứ Mỹ. Tôi đã bị lúng túng khi phát hiện thấy những du kích Việt cộng trong rừng tỏ ra có kỷ luật và được động viên tốt hơn quân đội chính quy của chính quyền Sài Gòn được chúng tôi ủng hộ. Tôi đã để tâm tìm hiểu và tìm ra lời giải thích qua vai trò chiến lược và động lực thúc đẩy của nhà cách mạng Việt nam lão thành HCM

Sau khi ra khỏi chính phủ để tiếp tục con đường nghiên cứu khoa học của mình, tôi đã nghĩ tới việc viết tiểu sử của con người kỳ lạ này, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng trong bối cảnh lịch sử thời đó, chưa thể có đầy đủ điều kiện để tiếp cận các nguồn thông tin. Bởi thế cho đến tận gần đây, khi cuộc chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới trở nên cởi mở hơn đã thúc đẩy tôi bắt đầu sự nghiệp khó khăn này.

Hôm nay, sau hơn 2 thập kỷ trở về, tôi muốn cảm ơn các con gái tôi Laura và Claire đã không phàn nàn kêu ca, lắng nghe cha chúng thuyết giảng hàng giờ về Việt nam. Tôi vô cùng biết ơn vợ tôi Yvone, người đầu tiên đọc bản thảo, người đã kiên nhẫn chấp nhận HCM như một thành viên của gia đình chúng tôi.

Danh sách các tổ chức được nhắc đến trong cuốn sách này:

Đảng cộng sản Annam (ACP): đảng được thành lập tại Đông dương năm 1929 sau khi Hội thanh niên cách mạng bị giải thể. Sau đó được sát nhập vào Đảng cộng sản Việt nam tháng 2/1930

Đội tuyên truyền giải phóng quân (APB): tiền thân chính thống của quân đội Việt nam
Cứu quốc quân: các đơn vị vũ trang được tổ chức hoạt động chống Pháp và Nhật, sau đó được sát nhập vào APB thành quân giải phóng Việt nam (VLA)

Quân đội Việt nam cộng hòa: quân đội của chính quyền miền Nam từ 1956-1975

Quốc gia Liên hiệp Việt nam (ASV): chính quyền của Bảo đại được hiệp định Elysee năm 1949 thừa nhận. ASV hợp tác với Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp – Việt minh. Sau hiệp định Geneva ASV bị chính quyền miền Nam độc lập thay thế

Tâm Tâm Xã (Association of like mind): tổ chức cách mạng cực đoan do một số phân tử di cư thành lập ở Nam trung quốc năm 1924. Sau này bị Q biến thành Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội

Hội nghiên cứu chủ nghĩa Max: Hội trên giấy do đảng cộng sản đông dương lập ra khi tự giải tán và rút vào bí mật tháng 11 năm 1945.

Cao đài: một tôn giáo hồ lớn phát sinh ở Nam bộ vào cuối thế chiến thứ nhất. Cao đài chống lại tất cả các chính quyền muốn kiểm soát nó. Hiện vẫn đang còn hoạt động

Đảng nhân dân cách mạng Campuchia (CPRP): một trong 3 đảng thừa kế đảng Cộng sản Đông dương bị giải tán năm 1951. Các lực lượng vũ trang của CPRP được gọi là **Khơ me đỏ**. Giữa những năm 60, Đảng cộng sản Khơ me thay thế CPRP.

Trung ương cực miền Nam (COSVN): cơ quan đầu não của đảng cộng sản ở phía Nam trong hai cuộc chiến tranh. Thành lập năm 1951 và giải tán sau năm 1975

Quốc tế cộng sản: tổ chức cách mạng được thành lập tại nước Nga Xô viết năm 1919, lãnh đạo hoạt động của các đảng thành viên. Giải tán năm 1943. Đảng CS Đông dương gia nhập năm 1935.

Đông dương cộng sản Đảng (CPI): Tổ chức chết yếu, gồm những phần tử ly khai khỏi Thanh niên Hội năm 1929. Đầu năm 1930, lại hợp nhất với Tân Việt và Hội thành đảng Cộng sản Việt nam.

Đảng hiến pháp: đảng chính trị ôn hòa do một số phần tử cải lương thành lập ở Nam bộ đầu những năm 1920. Đảng này chủ trương dành quyền tự trị dưới sự bảo trợ của Pháp. Lãnh đạo là Bùi Quang Chiêu hay lên tiếng phê phán đảng Cộng sản và bị thủ tiêu trong thời gian cách mạng tháng 8.

Đảng Đại Việt: thành lập trong thời kỳ thế chiến 2, theo Nhật chống Pháp. Đảng này tồn tại ở Nam Việt nam đến tận năm 1975.

Việt nam dân chủ cộng hòa (DRV): chính phủ do HCM lập ra ngày 2/9/1945. Hiệp định Geneva năm 1954 thừa nhận chủ quyền của DRV ở miền Bắc VN. Năm 1976 đổi thành CH XHCN Việt nam

Đông kinh nghĩa thực (Hanoi Free School): trường học do một số nhà yêu nước lập ra ở Hà nội để thúc đẩy cải cách trong thập kỷ đầu của thế kỷ 20. Sau khi bị Pháp đóng cửa, những nhà sáng lập đã truyền đạt ý tưởng vào trường Dục Thanh ở Phan thiết, nơi Q đã từng dạy năm 1910.

Việt nam cách mạng Đồng minh Hội (Đồng minh Hội): con đẻ của tướng Quốc dân đảng Trương Phát Khuê, liên kết một số đảng theo đường lối dân tộc chủ nghĩa, thành lập tháng 8/1942. Khuê định dùng liên minh này để chống Nhật ở Đông dương. Mặc dù Q đã tranh thủ lợi dụng cho mục đích của mình, sau thế chiến II, Hội này quay ra chống Đảng cộng sản đông dương kịch liệt. Khi cuộc chiến với Pháp nổ ra tháng 12/1946, Hội này coi như giải tán.

Mặt trận Tổ quốc: thành lập năm 1955, thay thế cho mặt trận Liên Việt và trước đó là Việt minh

Hòa hảo: cũng là một tôn giáo hỏ lớn do nhà sư Huỳnh Phú Sổ thành lập năm 1939. Cực kỳ chống Pháp, và chống cả Cộng. Hiện vẫn đang hoạt động

Thanh niên cao vọng: một tổ chức dân tộc do Nguyễn An Ninh lập ở Sài gòn giữa những năm 1920. Chết yếu.

Đảng cộng sản Đông dương (ICP): do HCM và các đồng chí thành lập tháng 10/1930. Trước đó là đảng cộng sản Việt nam. Tự giải tán năm 1945. Thành lập lại năm 1951 dưới tên Đảng lao động Việt nam.

Liên bang Đông dương: kế hoạch của ICP để thống nhất Đông dương. Sau năm 1951, kế hoạch này được gọi là “mối quan hệ đặc biệt” giữa ba nước.

Liên hiệp Đông dương: tổ chức hành chính do Pháp lập ra cuối thế kỷ 19 để bảo đảm luật lệ của Pháp ở khu vực.

Ủy ban kiểm tra quốc tế: giám sát thực thi hiệp định Geneva, gồm có Canada, ấn độ, Ba lan

Đảng nhân dân cách mạng Lào: đảng do ĐCS Việt nam bảo trợ, thành lập đầu năm 1950, còn hay được gọi là **Pathet Lào**

Mặt trận Liên Việt: do ICP thành lập năm 1946 để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng với đảng, sát nhập với Việt minh năm 1951, đến năm 1955 bị Mặt trận Tổ quốc thay thế

Quốc học: trường trung học uy tín ở Huế, thành lập năm 1896, đào tạo các quan lại thế hệ mới, dạy tiếng Pháp và các môn văn minh phương Tây. Q học trường này từ 1907-1908.

Vệ quốc quân: tên khác của Giải phóng quân (VLA) sau CMT8, được chọn để tránh rắc rối với lực lượng Tàu đang chiếm đóng.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (NLF): liên minh rộng rãi nhiều nhóm chống đối tại miền Nam, thành lập năm 1960 dưới sự bảo trợ của DRV, giải tán năm 1976.

Ủy ban giải phóng dân tộc: thành lập ở Tân trào để chuẩn bị cho CMT8. H làm chủ tịch

Tân Việt: đảng cách mạng chống Pháp, thành lập cuối những năm 1920, sau đó sát nhập vào với ICP

Quân đội nhân dân Việt nam: thành lập ở DRV sau 1954, thừa kế Giải phóng quân Việt nam hoạt động trong chiến tranh chống Pháp.

SEATO: liên minh do Mỹ thành lập để ngăn chặn sự bành trướng của CNCS ở Đông Nam á.

Thanh niên tiên phong: do Phạm Ngọc Thạch thành lập trong thời gian thế chiến 2, được Nhật ủng hộ. ICP đã dùng lực lượng này để hỗ trợ CMT8 tại Sài gòn.

Việt cộng: tên miệt thị để chỉ quân giải phóng miền Nam Việt nam, lực lượng vũ trang của NLF

Việt minh: do ICP đứng ra thành lập tháng 5/1941. Lực lượng chính trị chủ yếu trong chiến tranh với Pháp sau 1945

Đảng cộng sản Việt nam: do H thành lập tháng 2/1930. Sau đó đổi thành ICP. Đến tháng 12/1976 mới lấy lại tên này.

Đảng dân chủ Việt nam: tập hợp những phần tử yêu nước không cộng sản trong thành phần Việt minh. Tồn tại đến sau năm 1976

Quân đội quốc gia Việt nam: tên chính thức của các lực lượng vũ trang của Quốc gia liên hiệp do Bảo đại cầm đầu. Năm 1956 được Quân đội Việt nam cộng hòa thay thế.

Việt nam quốc dân đảng: đảng dân tộc không cộng sản, thành lập ở Bắc kỳ năm 1927. Trong nhiều thập kỷ là đối trọng chính trị chủ yếu của ICP. Nay đã bị giải tán.

Việt nam quang phục Hội: đảng chống thực dân do Phan Bội Châu thành lập năm 1912. Mục tiêu thay thế chế độ quân chủ bằng nền cộng hòa. Sau mấy cuộc nổi dậy thất bại, đảng bị mất uy tín và tan rã.

Mở đầu

Sáng 30/4/1975, từng đoàn xe tăng Liên xô do các chiến binh Bắc Việt với mũ cối gắn sao vàng vẫy cờ của PRG vượt qua những vùng ngoại ô Sài Gòn tiến thẳng tới dinh Độc lập. Đoàn xe từ từ vượt qua Tòa Đại sứ Mỹ, nơi những chiếc trực thăng đang di tản những người Mỹ cuối cùng. Chiếc tăng đầu tiên do dự đôi chút rồi húc đổ cánh cổng sắt tiến thẳng vào sảnh. Viên chỉ huy lao ra, leo lên nóc tòa nhà thay thế lá cờ ba que của Việt Nam Cộng Hòa bằng lá cờ xanh đỏ của PRG. Cuộc chiến dai dẳng nhất trong lịch sử nước Mỹ đã đến hồi kết sau gần 1 thập kỷ ác liệt và đẫm máu, cướp đi hơn 58 ngàn sinh mạng.

Chiến thắng của cộng sản tại Sài Gòn là kết quả của sự quyết tâm và tài năng của VWP dưới sự lãnh đạo của Lê Duẩn cộng với sự hy sinh của các chiến binh - bộ đội (trung tư như người Mỹ gọi các người lính là GI), những người đã chiến đấu và ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng trong các cánh rừng và đầm lầy Việt Nam. Nhưng cao hơn tất cả, chiến thắng đó được xác định bởi một tầm nhìn, ý chí và sự lãnh đạo của một con người: HCM. Đặc vụ của QTCS tại Matxcova, thành viên của phong trào cộng sản quốc tế, người kiến tạo cho thắng lợi của Việt Nam, không nghi ngờ gì nữa, HCM là một trong những nhà chính trị có ảnh hưởng nhất của thế kỷ 20. Đồng thời, ông cũng là một trong những con người bí hiểm nhất, một nhân vật mờ ảo mà lý lịch và động cơ của ông luôn gây nên những cuộc tranh luận không ngừng.

Ông là một nhà dân tộc chủ nghĩa hay là một người cộng sản? Hình ảnh một con người giản dị và quên mình là chân thật hay đơn giản chỉ là kết quả của các ngón kỹ xảo? Với những người ủng hộ, Hồ là biểu tượng của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, người cống hiến cả cuộc đời mình cho hạnh phúc của đồng bào và các dân tộc bị áp bức. Với những người đã được tiếp kiến ông, Việt Nam hay nước ngoài, ông là một người hết sức nhã nhặn, một nhà yêu nước quên mình, luôn đau nỗi đau chung của dân tộc. Những người phê phán lại vạch ra những hành động cách mạng quá trớn được thực hiện dưới tên ông, tố cáo ông là con thần lẩn hoa, là sói đội lột cừu.

Câu hỏi về tính cách và động cơ của HCM là tâm điểm của các cuộc tranh luận tại Mỹ về đạo lý của cuộc chiến ở Việt Nam. Với những nhà phê phán chính sách của chính phủ Mỹ, ông đơn giản là một nhà cách mạng đấu tranh vì độc lập của Việt Nam, một đối thủ mạnh mẽ của chủ nghĩa đế quốc trong Thế giới thứ ba. Những người ủng hộ cuộc chiến thì lại nghi ngờ về động cơ yêu nước, cho rằng ông là đặc vụ của Stalin.

Đối với người Mỹ, cuộc luận chiến về sự đam mê của HCM dần dần đã thành quá khứ. Nhưng đối với Việt Nam, nó gợi lên những câu hỏi có tính chất nền móng, bởi vì nó định nghĩa một trong những vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam: mối quan hệ dựa sự tự do của con người và bình đẳng kinh tế trong Việt Nam sau chiến tranh. Từ sau cuộc chiến, nhiều đồng chí hiện đang cầm quyền đã mượn uy ông để biện hộ cho mô hình cộng sản phát triển đất nước. Họ nói rằng, mục tiêu cuối cùng của ông là kết liễu sự bóc lột toàn cầu của chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội mới theo những viên vông của K. Marx. Nhưng cũng có một vài giọng chông đối đã phản biện rằng, thông điệp lớn nhất của cuộc đời ông là xoa dịu quy luật đấu tranh giai cấp của Marx bằng cách hoà trộn nó với đạo đức Khổng tử và thuyết ba ngôi của cách mạng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Họ dẫn lời của ông: Không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Sự phức tạp trong tính cách của ông thể hiện sự phức tạp của thế giới thế kỷ 20, thế kỷ của chủ nghĩa dân tộc, cách mạng, chủ nghĩa bình đẳng và cuộc đấu tranh cho tự do. Dù

tốt hay xấu, HCM là hiện thân của hai thế lực chủ yếu đang điều khiển xã hội hiện đại: sự khát khao độc lập dân tộc và cuộc tìm kiếm công lý xã hội và bình đẳng kinh tế. Đã đến lúc phải phơi bày nhân vật bao trùm thế kỷ 20 này cho sự phân tích lịch sử.

Tuy cái tên HCM được hàng triệu triệu người biết đến, nhưng không phải dễ dàng có thể kiểm tra được các nguồn thông tin về ông. Như một nhà cách mạng chống Pháp ông luôn luôn phải sống trong bí mật, sử dụng nhiều tên tuổi khác nhau. Thống kê cho thấy ông đã sử dụng hơn 50 cái tên trong cuộc đời và các bài viết. Bản thân HCM cũng làm vấn đề thêm phức tạp bằng cách tự sáng tạo ra những huyền thoại về cuộc đời mình. Vào cuối những năm 1950, một số tiểu sử của HCM được công bố và chỉ đến gần đây các nhà nghiên cứu mới xác nhận được những tác phẩm đó thực sự là của HCM.

Phong cách lãnh đạo của ông cũng làm các nhà nghiên cứu chú ý. Mặc dù là người sáng lập ra Đảng cộng sản Đông dương (ICP), nhưng khác với Lênin, Stalin hay Mao Trạch Đông, HCM thường lãnh đạo bằng cách thuyết phục và đồng thuận thay cho việc áp đặt ý chí của mình. Ông cũng rất kín đáo với những tư tưởng và động cơ bên trong của mình.

Trái với các nhà cách mạng nổi tiếng khác, ông không sa đà vào các cuộc tranh luận về hệ triết học tư tưởng mà tập trung toàn bộ tâm trí của mình để giải quyết các vấn đề cụ thể để giải phóng Việt nam và các dân tộc bị áp bức khỏi ách đô hộ của phương Tây.

Trong một cuộc phỏng vấn khi được hỏi sao ông không bao giờ viết các chuyên luận về tư tưởng, HCM đã trả lời rằng ông muốn nhường việc đó lại cho Mao. Trong những năm cuối của ông, các tác phẩm nghiêm túc về học thuyết đều do những học trò của ông như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh hay Lê Duẩn viết.

Bao giờ cũng có những yếu tố huyền thoại bao quanh những con người nổi tiếng. Không phải ai cũng biết cách tạo và hưởng thụ những huyền thoại như HCM. Từ vị trí trong đền thờ của những vị thánh cách mạng, HCM chắc sẽ rất vui lòng được biết rằng, hương khói huyền thoại bao quanh ông vẫn còn nguyên trong cuốn tiểu sử này.

Mắt nước

Khi đội quân của ông đang rong ruổi âm ỉ trên các đường phố tiếp nhận sự đầu hàng của quân thù, ông lặng lẽ vào thành phố, trong một ngôi nhà 2 tầng nhỏ với chiếc máy chữ đã theo sát mình từ Matxcova đến Trung hoa và Việt nam trong những tuần đầu 1941.

2h chiều ngày 2/9/1945 trên lễ đài dựng tạm tại một quảng trường mà sau này được gọi là Ba Đình, trong bộ quần áo kaki bạc màu, với chất giọng còn đậm nguồn gốc xứ Nghệ, ông đã đọc bản tuyên ngôn khai sinh cho một dân tộc độc lập. Những lời đầu tiên của bản hiến pháp đã làm sững sốt một số người Mỹ có mặt trong đám đông: "Tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá đã cho họ những quyền tối thượng trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Tại thời điểm đó, chỉ có ít người biết được HCM chính là đại diện của QTCS, người sáng lập ra ICP năm 1930. Đối với đa số dân Việt nam, HCM chỉ đơn giản là một người yêu nước, đã phục vụ lâu dài cho đất nước. Trong suốt 1/4 thế kỷ tiếp sau, nhân dân Việt nam và cả thế giới mới có cơ hội để chiêm nghiệm, đánh giá con người này.

Cuộc trường chinh của HCM đến quảng trường Ba đình ngày đó, được khởi đầu từ một ngày hè năm 1858, khi hạm đội Pháp nổ súng tấn công thương cảng Đà Nẵng. Mặc dù cuộc tấn công không phải hoàn toàn là bất ngờ. Trước đó vài thập kỷ, các nhà truyền giáo Pháp đã lang thang khắp nơi để cứu rỗi tâm hồn Việt, các nhà buôn thì bận rộn tìm kiếm thị trường và tìm những con đường thâm nhập vào Trung quốc, các nhà chính trị Pháp thì tin rằng, chỉ có thôn tính các thuộc địa tại châu Á mới giúp nước Pháp đứng vững ở vị trí siêu cường. Cho đến giữa thế kỷ, người Pháp vẫn hy vọng bằng con đường ngoại giao thuyết phục được triều đình Huế chịu ảnh hưởng của họ. Tuy nhiên khi các cuộc đàm phán chẳng đi đến đâu, chính quyền của Hoàng đế Luise quyết định dùng vũ lực.

Cuộc chiến với Pháp không phải là cuộc chiến đầu tiên của Việt nam. Có thể nói, hiếm có dân tộc nào trên châu Á đã chiến đấu bền bỉ và lâu dài để bảo vệ nền độc lập của mình hơn người Việt nam. Từ thế kỷ thứ hai trước công nguyên, khi nước cộng hoà Roma còn đang trong trứng nước, Trung hoa đã xâm chiếm Việt nam và thực hiện hàng loạt các chương trình chính trị và văn hoá để đồng hoá dân tộc này. Mặc dù Việt nam đã giành được độc lập vào thế kỷ thứ 10, phải đến hàng trăm năm sau, khi Việt nam chấp nhận một hình thức triều cống, các hoàng đế Trung hoa mới chịu chấp nhận sự thật về một nước Việt nam độc lập.

Hơn nghìn năm chung sống với Trung hoa đã để lại những hệ quả sâu sắc. Hệ thống chính trị, văn học, nghệ thuật, tư tưởng, tôn giáo và cả ngôn ngữ Hoa đã bắt rễ sâu bèn trên mảnh đất Việt nam. Mặc dù những yếu tố dân tộc chưa bao giờ biến mất trong văn hoá Việt nam, đối với người quan sát không được đào tạo bên ngoài, Việt nam chẳng khác gì một con rồng thu nhỏ hình ảnh của người láng giềng không lồ ở phía Bắc.

Tuy có vẻ như người Việt sẵn sàng hấp thụ những ảnh hưởng văn hoá từ phương Bắc, họ vô cùng cương quyết trong vấn đề độc lập dân tộc. Những vị anh hùng dân tộc, từ Hai Bà Trưng đến Lê Lợi, Nguyễn Trãi đều xuất thân từ các cuộc kháng chiến. Lịch sử đã hình thành một dân tộc có có đặc tính dân tộc và ý chí chống ngoại xâm mạnh mẽ.

Cuộc đấu tranh về sự tồn vong đã hun đúc truyền thống quân sự, sẵn sàng chấp nhận dùng vũ lực để bảo vệ đất nước. Từ sau khi giành được độc lập, Việt nam (lúc đó gọi là Đại Việt) đã có cuộc hành quân lâu dài về phương Nam chống lại Champa. Bắt đầu từ thế kỷ 13, Đại Việt đã bắt đầu thắng thế và thôn tính hoàn toàn Champa vào thế kỷ 17. Đất nước Việt nam trải dài đến tận mũi Cà mau trong vịnh Thái lan và Việt nam trở thành

một cường quốc ở ĐNA. Tuy nhiên đất nước đã phải trả giá cho sự phát triển. Các mâu thuẫn đã phát sinh ra cuộc nội chiến dai dẳng Đảng Trong - Đảng Ngoài. Gia Long tạm thời thống nhất được đất nước từ đầu thế kỷ 19, tuy nhiên các mâu thuẫn quyết liệt giữa các vùng về quyền lợi kinh tế chưa bao giờ được giải quyết trọn vẹn.

Cũng tại thời điểm đó, các hạm đội châu Âu, theo chân của Vasco da Gama bắt đầu lảng vảng dọc bờ biển Nam Trung Hoa và vịnh Thái lan để tìm kiếm kim loại quý, đặc sản và các linh hồn cần cứu rỗi. Không chịu ngồi nhìn kẻ kinh địch Anh cùng cố lực lượng tại Ấn độ và Miến điện, người Pháp quyết định chọn Việt nam.

Vào năm 1853, Tự Đức lên ngôi. Thật không may, ông vua trẻ này phải gánh trên vai trách nhiệm chống lại cuộc xâm lược đầu tiên sau nhiều thế kỷ. Tuy có thiên chí và thông minh, ông vua này lại thiếu tính cương quyết và có một sức khoẻ ẻo lả. Khi quân Pháp tấn công Đà Nẵng, bản năng của Tự Đức đã mách bảo là phải chiến đấu. Hạm đội của đô đốc Charlé Rigault de Genouilly, đợi mãi không thấy sự nổi dậy của quần chúng như các nhà truyền giáo thông báo, lại bị bệnh tả và ly hoành hành đã bỏ Đà Nẵng và tấn công vào Sài gòn, một thành phố đang trên đà phát triển. Sau 2 tuần, Sài gòn thất thủ. Thất bại tại phía Nam đã làm nản lòng Tự Đức. Ông đồng ý đàm phán và cắt 3 tỉnh Nam Bộ (sau đó là 3 tỉnh nữa) thành thuộc địa của Pháp với tên gọi Cochinchina. Pháp đã thắng hiệp đầu. Trong những năm tiếp sau, triều đình cố gắng giữ độc lập. Nhưng sau khi Pháp tấn công Hà nội và chiếm một số thành phố tại châu thổ sông Hồng thì triều đình hoàn toàn bị tê liệt. Ông vua ốm yếu Tự Đức vừa chết trước đó vài tháng đã để lại một triều đình đầy mâu thuẫn. Sau vài tháng đấu đá, Tôn Thất Thuyết nắm được quyền bính và đưa Hàm Nghi lên ngôi với hy vọng tiếp tục kháng chiến. Theo yêu cầu của Việt nam, Nhà Thanh gửi quân sang giúp đỡ nhưng vô hiệu. Năm 1885, Trung hoa rút quân và ký hiệp định với Pháp, bãi bỏ chế độ triều cống của Việt nam. Tại Huế, Hàm Nghi phải bỏ chạy lên núi cùng với Tôn Thất Thuyết. Triều đình chấp nhận nhượng bộ và để cho Pháp trên thực tế thôn tính nốt Tonkin (Bắc bộ) và Annam (Trung bộ), mặc dù triều đình bù nhìn vẫn được duy trì ở Annam.

Quá trình Pháp thôn tính Việt nam là cuộc thị uy của các quốc gia tiên tiến phương Tây đang bước vào thời đại công nghiệp hoá. Bị thúc ép bởi nhu cầu tìm kiếm nguyên liệu rẻ và thị trường, phương Tây đã dùng vũ lực để áp đặt chế độ cai trị của mình. Vào cuối thế kỷ 19, tất cả các quốc gia Nam và Đông Nam Á (trừ Thái lan - Xiêm) đã trở thành thuộc địa.

Triều đình đầu hàng không đồng nghĩa với kết thúc mong muốn độc lập của Việt nam. Rất nhiều các quan lại và tướng lĩnh không chấp nhận hạ vũ khí. Đáng kể nhất là phong trào Cần Vương (Cứu Vua) của Phan Đình Phùng tại Hà tĩnh. Khi Hoàng Cao Khải, bạn thơ ấu của Phan đến khuyên ông đầu hàng, ông đã khảng khái trả lời như một nhà nho yêu nước:

"Nếu Trung Hoa, hàng ngàn lần mạnh hơn chúng ta, lại có biên giới chung với chúng ta, đã không thể dùng sức mạnh để đè bẹp Việt nam, chỉ có thể nói sự tồn vong của dân tộc Việt nam đã chính là nguyện vọng của Thượng đế"

Tuy nhiên sự tồn tại của hai nhà Vua: Đồng Khánh và Hàm Nghi đã tạo nên một sự chia rẽ sâu sắc trong tầng lớp trí thức nho giáo theo tư tưởng Trung quân trong suốt gần nửa thế kỷ sau.

Nghệ An, nơi có những bãi biển yên ả, những dãy núi tím đỏ, những cánh đồng lúa xanh, là trung tâm của phong trào chống Pháp. Mảnh đất hẹp và căn cứ này luôn phải đối mặt với mọi thử thách của thiên nhiên, đã làm cho những con người sống trên nó nổi tiếng là

cứng đầu và bất trị. Trong 2 thập kỷ cuối của thế kỷ 19, nhiều người trong số những tầng lớp ưu tú nhất của Nghệ an đã chiến đấu và hy sinh dưới ngọn cờ Cần Vương.

Tại đây, làng Kim Liên - Huyện Nam Đàn, năm 1863, vợ hai của phú nông Nguyễn Sinh Vương (hay còn gọi là Nguyễn Sinh Nhâm), bà Hà Thị Hy đã sinh con trai đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Vợ cả của Vương đã chết trước đó vài năm, để lại cho chồng một con trai khác tên là Nguyễn Sinh Tro. Lên 4 tuổi, Sắc mồ côi cả cha lẫn mẹ và được anh Tro nuôi nấng. Do thường xuyên bị hạn hán đe dọa, người dân phải làm đủ mọi việc để sống: thợ mộc, thợ đấu, thợ rèn, thêu. Tuy vậy truyền thống học hành vẫn được đề cao. Nhiều nhà nho đèn sách đi thi hoặc mở thêm lớp dạy học kiếm sống.

Mặc dù gia phá nhà Vương còn ghi lại nhiều đời đỗ đạt, Sắc không có nhiều cơ hội để trở thành thư sinh. Những buổi đi chăn trâu cho anh, cậu thường ghé vào nghe ké lớp học của Vương Thúc Mậu. Lớn lên, Sắc đã nổi tiếng khắp làng về tính ham học và được Hoàng Dương (Hoàng Xuân Dương), bạn của Mậu, chú ý. Để ý thấy cậu bé thường xuyên nằm trên lưng trâu đọc sách trong lúc chúng bạn chơi đùa, Dương nhận lời đỡ đầu cậu. Năm 15 tuổi, Sắc theo Dương chuyển sang làng Hoàng Trù và bắt đầu học với cha nuôi của mình. (theo truyền thống nho giáo, những học trò tài năng thường hay được họ hàng hoặc người thân đỡ đầu. Khi đỗ đạt, cả cha mẹ và người đỡ đầu đều được hưởng vinh quang)

Họ Hoàng bắt đầu từ Hưng Yên và có dòng dõi khoa bảng. Bố của ông Dương đã từng ba lần đi thi và đậu tú tài. Trong lúc chồng dạy học, vợ ông là Nguyễn Thị Kép và hai con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An suốt ngày bận rộn ngoài đồng để nuôi sống gia đình. Truyền thống xã hội Việt nam trao nhiều quyền cho người phụ nữ, tuy nhiên với ảnh hưởng ngày càng lan rộng của đạo Khổng đến thời điểm đó, vai trò của phụ nữ ngày càng trở nên thứ yếu. Họ không có cơ hội được hưởng giáo dục. Trong bối cảnh đó, bà Kép và con gái đã may mắn hơn vì có được chút ít kiến thức. Gia đình bà Kép cũng có truyền thống khoa bảng và bố bà cũng đậu tú tài.

Cậu bé Sắc đã lớn lên trong một môi trường như vậy. Cũng không ngạc nhiên khi cậu phải lòng cô bé Loan xinh đẹp. Mặc dù bà Kép hơi băn khoăn vì cậu mồ côi cha mẹ, đám cưới vẫn được tiến hành vào năm 1883. Cặp vợ chồng trẻ được bố mẹ vợ cho một căn nhà 3 gian ăm cúng ngay cạnh nhà. Ở giữa hai nhà là gian nhà nhỏ đặt bàn thờ tổ tiên. Trong 7 năm sau đó, bà Loan sinh được 3 người con: con gái Nguyễn Thị Thanh, 1884; con trai Nguyễn Sinh Khiêm năm 1888 và ngày 19 tháng 5 năm 1890, cậu bé Nguyễn Sinh Cung mà sau này là HCM ra đời¹.

Năm 1891, Sắc ra Vinh thí Tú Tài và bị trượt. Không nản chí ông vẫn tiếp tục đèn sách. Năm 1893, bố vợ ông qua đời, ông phải đi dạy thêm để giúp đỡ gia đình. 5/1894 Sắc đi thi lần thứ hai và đỗ cử nhân. Thông thường người có học vị cử nhân thường tìm các vị trí trong bộ máy chính quyền. Ông Sắc lại quyết định sống thanh bạch bằng nghề dạy học tại quê nhà. Và bà Loan lại tiếp tục ra ruộng.

Tình hình kéo dài không lâu, mùa xuân năm 1895, Nguyễn Sinh Sắc ra Huế thi Hội. Ông bị trượt nhưng quyết định xin ở lại vào trường Quốc tử giám để ôn thi cho kỳ sau. Quốc tử giám có nguồn gốc từ những ngày đầu độc lập tại Hà nội và là nơi đào tạo cho bộ máy cai trị của triều đình. Nhờ một số người bạn giúp đỡ, Sắc được nhận học bổng. Ông quay về Nghệ an để đón vợ và con vào.

Không có tiền để đi tàu thủy, gia đình Sắc quyết định đi bộ. Vào thời đó, đường từ Vinh đi Huế hết sức vất vả và nguy hiểm phải vượt qua những cánh rừng rậm đầy hổ báo cũng như luôn phải đối phó với những băng cướp đường. Họ đi khoảng 30 km/ngày và mất

tổng cộng khoảng 1 tháng. Khi mệt quá cậu bé Cung 5 tuổi được cha mẹ cõng và kể cho những câu chuyện về những vị anh hùng cứu nước Việt nam.

Mặc dù đã trở thành trung tâm chính trị của cả nước (Gia Long quyết định chuyển kinh đô vào miền Trung để thể hiện ý chí thống nhất đất nước của mình), Huế tại thời đó cũng chỉ có không đến chục ngàn dân. Kiệt sức vì đi đường, Sắc may mắn được một người bạn cho ở nhờ. Sau đó gia đình chuyển đến một căn nhà nhỏ trên phố Mai Thúc Loan, nằm gần tường đông của Cẩm thành trên bờ bắc sông Hương. Sắc ít khi đến trường, ông thích tự học ở nhà và dạy con cũng như con cái của lớp quan lại láng giềng. Cậu bé Cung từ nhỏ đã tỏ ra rất thích tìm hiểu thế giới xung quanh. Khi quan sát những nghi lễ cung đình, cậu đã hỏi mẹ, liệu không biết vua có quà không mà phải đi kiệu.

Năm 1898, Sắc thi trượt lần 2 và buộc phải chấp nhận công việc dạy học tại thôn Dương Nỗ. Bà Loan thì kiếm thêm bằng công việc may vá và giặt thuê. Chủ trường Dương Nỗ, một tay phú nông đã đồng ý cho 2 con trai của Sắc được tham dự trường. Có thể đây là nền giáo dục Không tử chính thức đầu tiên mà cậu bé Cung được hưởng.

Tháng 8/1900 Sắc được bổ nhiệm làm giám khảo trường thi tại Thanh hóa. Ông mang cậu bé Khiêm đi, còn Cung ở lại Huế với mẹ. Trên đường về, ông ghé qua Kim Liên để xây lại mộ cho bố mẹ. Đây được coi là vinh hạnh vì thông thường cử nhân không được làm giám khảo, tuy nhiên cái giá của chuyến đi là quá đắt. Tại Huế, bà Loan đã qua đời ngày 10/2/1901 vì hậu sản sau khi sinh cậu bé thứ tư: Nguyễn Sinh Xin. Bà con hàng xóm vẫn nhớ cảnh cậu bé Cung vừa đi vừa khóc qua các nhà để xin sữa nuôi em. Khuôn mặt tươi vui của cậu trở nên buồn rười rượi.ⁱⁱ

Nghe tin vợ chết, ông Sắc lập tức trở về Huế và mang các con ra Hoàng Trù. Cậu bé Cung khi đó đã là một học trò nhanh trí và nhớ được khá nhiều chữ Hán, tuy nhiên bố cậu vẫn lo cậu ham chơi và gửi cậu học ở một người bà con xa bên vợ: ông Vương Thúc Đỗ. Vương nổi tiếng thời bấy giờ vì không bao giờ đánh học trò và thường chiêu đãi các học trò của mình bằng những câu chuyện những anh hùng chống ngoại xâm, trong đó có anh cả của ông, người đã từng chiến đấu dưới ngọn cờ Cần Vương.

Sắc quay lại Huế sau vài tháng, nhưng các con ông vẫn ở Hoàng Trù với bà nội. Thanh lúc này đã là một cô gái trưởng thành, giúp bà nội việc đồng áng. Ngoài việc nhà, cậu bé Cung chạy chơi khắp xóm với chúng bạn, câu cá, thả diều. Trong các trò chơi, bao giờ cậu cũng là người kiên trì nhất. Cậu thích nhất là leo lên núi Chung, thả tầm nhìn xuống những cánh đồng lúa, rặng tre và dãy Trường sơn xanh mờ phía xa. Trên núi có đền thờ Nguyễn Đức Du, một vị tướng chống quân Nguyên Mông. Cũng trên núi này, năm 1885, ông Vương Thúc Mậu, người mà ông Sắc thường mon men học lỏm ngoài cửa, đã phát cờ khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương. Chỉ có một nốt buồn trong giai đoạn này của cuộc đời Cung: em Xin cậu đã chết lúc mới 1 tuổi.

Quay về Huế, Sắc lại đi thi và lần này ông đỗ Tiến sĩ đệ nhị, hay Phó Bảng. Tin vui này làm nức lòng cả hai làng Kim Liên và Hoàng Trù. Lần đầu tiên từ giữa thế kỷ 17, khu vực này mới có người đỗ cao như vậy. Kim Liên từ nay đã có thể coi mình là "Đất văn vật". Cũng như lần trước Sắc từ chối những nghi lễ long trọng, ông phân phát thức ăn cho người nghèo. Tuy nhiên ông chấp nhận căn nhà 3 gian và 2 sào ruộng như là quà tặng của làng Kim Liên. Gia đình ông chuyển về Kim Liên.

Phó bảng là một học vị danh giá và thường mang lại quyền lực cũng như tiền bạc. Tuy nhiên Sắc không có mong muốn tham gia vào quan trường trong cảnh nước mất. Lấy cơ là đang để tang vợ, ông quyết định ở lại Kim Liên dạy học. Ông cũng lấy tên mới là Nguyễn Sinh Huy (sinh ra cho danh dự)

Khi đó cậu bé Cung đã 11 tuổi, bắt đầu vào tuổi trưởng thành. Theo thông lệ, bố cậu đặt tên cho cậu là Nguyễn Tất Thành (Người sẽ thành công). Cậu được bố gửi đến học lớp của nhà nho Vương Thúc Quý, con của Vương Thúc Mậu, người đã nhảy xuống hồ tự tử để khỏi rơi vào tay giặc Pháp. Cũng như Sắc, sau khi đỗ đạt, Quý từ chối quan trường, ở làng dạy học, bí mật tìm cách lật đổ chế độ bù nhìn ở Huế. Khác với thông lệ, ông không bắt học sinh học thuộc lòng mà tìm cách cho các em hiểu được bản chất nhân đạo của các tác phẩm của Khổng Tử. Trước mỗi giờ học, ông lại thắp hương trước bàn thờ cha ngay trên tường lớp học để khắc sâu tinh thần yêu nước, chiến đấu cho Việt nam độc lập vào tâm trí các học trò của mình. Đáng tiếc là chẳng bao lâu sau lớp học bị đóng cửa vì Quý bỏ làng theo quân khởi nghĩa. Thành theo học một thầy giáo khác, nhưng không chịu nổi kiểu dạy nhồi sọ cổ lỗ, cậu quay về học với bố. Cũng như bạn mình, Sắc không bao giờ khuyến khích học trò học chỉ để đỗ đạt làm quan, mà hãy tìm cách cứu giúp đồng loại. Thành nhận được học vấn không chỉ ở trên lớp học. Bác thợ rèn hàng xóm tên là Diên thường xuyên dạy cậu nghề và dẫn cậu đi săn chim. Những buổi tối, cậu thường cùng bạn bè quây quần quanh bác để nghe kể chuyện. Diên thường kể về những anh hùng dân tộc như Lê Lợi, Mai Thúc Loan. Ông cũng say sưa kể về cuộc chiến đấu dũng cảm của các chiến sĩ trong phong trào Cần Vương, về cuộc tự sát của Vương Thúc Mậu, về sự hy sinh của Phan Đình Phùng. Thành rất xúc động được biết rằng nhiều bà con của cha cậu cũng đã chiến đấu và hy sinh vì chính nghĩa.

Tinh thần yêu nước bắt đầu thấm sâu vào cậu bé. Thành phát hiện ra rằng những quyển sách cậu đọc chỉ nói về lịch sử Trung quốc. Cậu đi bộ ra Vinh để mua sách về lịch sử Việt nam, không đủ tiền, cậu nán lại, học thuộc lòng để có thể về kể lại cho các bạn bè của mình.

Cho đến giờ, Thành chưa có nhiều điều kiện để biết về người Pháp. Cậu chỉ nhìn thấy họ khi còn nhỏ ở Huế, và vẫn thường ngạc nhiên tự hỏi không hiểu sao quan quân lại phải cúi đầu trước người ngoại quốc. Anh em cậu cũng hay lân la chơi với các công nhân Pháp đang xây dựng cầu Tràng Tiền. Thỉnh thoảng họ đùa với cậu và cho kẹo. Về nhà Thành hỏi mẹ, tại sao những người Pháp cũng lại khác nhau? Tại quê nhà Nghệ An, công trình làm đường sang Lào đã làm biết bao thanh niên trong làng phải trở thành thân tàn ma dại, hoặc không bao giờ trở về. Con đường sang Lào, "con đường chết" đã làm cho sự thiếu thốn cảm của Thành với người nước ngoài càng mạnh mẽ thêm.

Một trong những người bạn gần gũi với Nguyễn Sinh Sắc là nhà yêu nước nổi tiếng Phan Bội Châu, quê cách Kim Liên chỉ vài cây số. Mặc dù bố đỗ tú tài và được học kinh điển từ nhỏ, đối với Châu số phận của đất nước quan trọng hơn là quan trường. Khi còn trẻ ông đã tụ tập những thanh niên cùng chí hướng, phát cờ khởi nghĩa tại quê nhà. Khi bị giặc Pháp đàn áp, ông đã phải chạy vào rừng ẩn náu.

Năm 1900, Châu thi đỗ giải nguyên. Không hề có ý định quan trường, ông bắt đầu xây dựng phong trào tại các tỉnh miền Trung. Trong khi đi vận động, Châu thường ghé qua Kim Liên thăm các ông bạn là Nguyễn Sinh Sắc và Vương Thúc Quý. Họ thường trải chiếu ngồi uống rượu, có cậu Thành phục vụ. Thành rất ấn tượng về phong cách lưu loát, nhã nhặn của Châu. Nhờ đã được đọc trước một số tác phẩm của Châu, Thành rất kính trọng lòng yêu nước và chia sẻ sự khinh bỉ của ông với triều đình thối nát ở Huếⁱⁱⁱ.

Châu nghiên cứu các tác phẩm của những nhà cải cách Trung Hoa như Khang Hữu Vi, Lương Kỳ Siêu và tin tưởng rằng Việt nam phải từ bỏ xã hội truyền thống, tiếp thu công nghệ và cách tổ chức xã hội của các nước phương Tây thì mới có thể tồn tại được. Nhưng Châu lại tin rằng chỉ có lớp học giả mới có thể dẫn dắt đến những thay đổi đấy. Ông cũng

muốn mượn một số di sản truyền thống để có thể có được sự ủng hộ của nhân dân. Vì thế, khi thành lập Hội Duy Tân năm 1904, ông đã mời hoàng thân Cường Để, một thành viên hoàng gia làm chủ tịch hội.

Cùng với các nhà cải cách Trung hoa, Phan Bội Châu rất ngưỡng mộ mô hình Nhật bản. Hoàng đế Minh Trị đã tụ tập được các tầng lớp ưu tú trong xã hội, thay đổi một cách sâu sắc xã hội Nhật bản. Chiến thắng của Nhật hoàng trước quân đội Nga năm 1905 được coi như là biểu tượng của sức mạnh châu Á trước quân xâm lược châu Âu. Cuối năm 1904, Phan Bội Châu đi Nhật và bắt tay xây dựng trường học tại Yokohama để đào tạo những thanh niên Việt nam yêu nước. Đó là khởi đầu của phong trào Đông Du.

Khi quay về Việt nam, Châu đến Kim Liên và đề nghị anh em Tất Thành tham gia Đông Du. Nhưng Thành đã từ chối. Theo một số người, cậu cho rằng dựa vào Nhật để đánh Pháp chẳng khác gì "Đuổi hổ cửa trước, đưa sói vào cửa sau". Một số nhà nghiên cứu lại cho rằng đó là quyết định của bố cậu. Trong bản tự truyện của mình, HCM đã giải thích rằng, ông muốn sang Pháp để *"nắm được bí quyết thành công của phương Tây ngay tại quê hương của nó"*^{iv}. Sau đó ít lâu, Thành đề nghị bố cho mình đi học tiếng Pháp. Ông Sắc hơi băn khoăn vì tại thời đó, chỉ có những người chịu làm tay sai cho Pháp mới học tiếng Pháp. Nhưng cuối cùng ông cũng đồng ý, có thể do ảnh hưởng từ các tác phẩm của những nhà cải cách Trung hoa đang thuyết phục nhà Thanh thay đổi. Mặc dù gắn chặt sự nghiệp của mình với nền giáo dục truyền thống, Sắc hiểu rằng các con ông phải thích nghi với những hiện thực mới. Ông cũng thường hay nhắc đến lời dạy của Nguyễn Trãi về việc phải hiểu được kẻ địch mới có thể đánh bại chúng.

Hè năm 1905, Thành bắt đầu học tiếng Pháp với một người bạn của bố tại Kim Liên.

Tháng 9, ông Sắc đã xin cho cả hai con mình vào trường dự bị Pháp-Việt tại Vinh. Các trường kiểu này tại các tỉnh miền Trung được thành lập theo quyết định của toàn quyền Dume, nhằm lôi kéo các trí thức trẻ khỏi nền giáo dục Khổng tử, chuẩn bị nhân sự cho bộ máy cai trị. Hai anh em Thành lần đầu tiên được học tiếng và văn hoá của Pháp. Các cậu còn được học chữ quốc ngữ do các nhà truyền giáo sáng lập vào thế kỷ 17 và đang được truyền bá trong giới trí thức tiến bộ.

Tháng 6, năm 1906, Sắc quyết định nhận chức phong của triều đình và đưa cả hai con trai vào Huế. Vẫn như xưa, họ đi bộ nhưng cả hai cậu bé đã lớn nên cũng đỡ vất vả hơn. Các cậu thường tra khảo nhau về các tên tuổi qua các triều đại phong kiến Việt nam.^v

Thành phố đã có nhiều thay đổi. Tường thành của kinh đô cổ vẫn soi bóng xuống bờ bắc sông Hương, những cô gái điếm tóc dài tha thướt vẫn khăn khăn mời chào khách hàng. Nhưng những con bão lớn trong hai năm vừa qua đã để lại nhiều ngôi nhà đổ nát rêu phong hai bên sông. Những ngôi nhà trắng kiểu châu Âu của các cô vắn Pháp cũng đang nhanh chóng thay thế những cửa hàng lụp xụp trong khu thương mại cũ.

Ban đầu mấy cha con sống nhờ một người bạn, nhưng rồi họ được phân một căn phòng nhỏ trong trại lính cũ cạnh cửa Đông Ba bên bờ tường phía đông của cấm thành. Họ sống đơn giản, thức ăn chủ yếu là cá muối, vừng, rau quả và gạo rêu tiền. Nước uống được sử dụng từ giếng chung hoặc từ con kênh chảy ngang cửa Đông Ba.

Được sự giúp đỡ của Cao Xuân Đức, một quan chức của Hàn Lâm Viện đã giúp ông từ lần trước, Sắc được phân làm thanh tra Bộ Lễ, theo dõi các học sinh của Quốc học. Đây là một chức quan nhỏ so với học vị phó bảng của ông. Các bạn ông đều đã làm đến tri huyện hoặc cao hơn. Chắc chắn là triều đình đã nghi ngờ vào sự trung thành của Sắc khi ông từ chối làm quan.

Thực tế là Sắc không cảm thấy dễ chịu phục vụ trong bộ máy đang thoái ruồng. Ông thường chia sẻ với bạn bè sự cấp thiết của việc cải cách. Không giải thích được quan điểm "trung quân ái quốc" trong hoàn cảnh thực tế, ông khuyên học sinh từ bỏ con đường quan trường. Theo ông, tầng lớp quan lại hiện tại chỉ biết hà hiếp nhân dân.

Dễ dàng lý giải được sự thất vọng của Sắc về hệ thống xã hội lúc đó. Mô hình chính quyền nho giáo phụ thuộc rất nhiều vào sự trong sạch về đạo đức của tầng lớp quan lại được tuyển chọn qua thi cử. Hệ thống chỉ có hiệu quả nếu các quan lại áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức như phục vụ xã hội, chính trực và nhân từ, được huấn luyện từ nhỏ, trong việc thực thi quyền lực. Thế nhưng từ cuối thế kỷ 19, sự bạc nhược của triều đình đã dẫn đến sự suy thoái của các thể chế xã hội. Uy tín của Hoàng đế giảm sút nghiêm trọng. Tầng lớp quan lại lợi dụng chức quyền để làm giàu. Ruộng công bị chiếm hữu, nhà giàu lại được miễn thuế.

Một tiếng nói phản kháng quan trọng nữa vào thời điểm đó là Phan Chu Trinh - người đồ phó bảng cùng năm với Sắc. Trinh sinh năm 1872 tại Quảng Nam, là con út trong một gia đình 3 anh em. Bố ông là quan võ, cũng đã từng tham gia thi cử nhưng không thành, theo Cần Vương và bị đồng đội xử tử vì bị nghi làm phản. Trinh làm việc Bộ Lễ từ năm 1903. Ông đặc biệt quan ngại về nạn ăn hối lộ và bắt tài của các viên chức tại nông thôn. Ông đã từng công khai nêu vấn đề này cho các thí sinh tham gia kỳ thi năm 1904. Năm 1905, Trinh từ chức, ông dự kiến tham khảo ý kiến với các nhà nho khác trên toàn quốc về phương thức hành động trong tương lai.

Trinh gặp Châu tại Hồng Kông và theo Châu sang Nhật. Trinh tán thành những cố gắng của Châu trong việc đào tạo cho thế hệ mới nhưng họ bất đồng trong việc sử dụng thành viên của hoàng gia cho phong trào. Trinh cũng cho rằng, tốt hơn hết là thuyết phục Pháp phải tiến hành những cải cách cần thiết cho xã hội Việt nam. Tháng 8 năm 1906, Trinh công bố bức thư cho toàn quyền Paul Beau chỉ ra tình hình nguy kịch tại Việt nam.

Trong bức thư, Trinh đánh giá cao những thay đổi mà Pháp mang đến cho Việt nam trong lĩnh vực giao thông và liên lạc. Nhưng ông phản đối việc duy trì một triều đình bù nhìn thối nát, phản đối sự coi thường và khinh bỉ người Việt dẫn đến sự căm thù trong dân chúng. Trinh kêu gọi toàn quyền Pháp tiến hành ngay những cải cách xã hội theo các định chế dân chủ phương Tây. Nhân dân Việt nam sẽ đời đời biết ơn.^{vi}

Bức thư của Trinh gây chấn động lớn trong tầng lớp trí thức Việt nam, đẩy cao sự mâu thuẫn với chính quyền. Chế độ thực dân của Pháp, dưới chiêu bài "khai hoá văn minh", bóc lột các tài nguyên thiên nhiên và áp đặt lối sống phương Tây, đã tạo nên sự căm thù trong tất cả các tầng lớp xã hội Việt nam lúc đó. Trí thức căm hận trước các cuộc tấn công vào các định chế và chuẩn mực nho giáo. Nông dân rên xiết dưới các loại thuế khoá nặng nề, nhất là thuế rượu, cấm nông dân chưng rượu gạo và phải mua các loại rượu vang Pháp đắt tiền cho những ngày lễ tết. Công nhân các đồn điền cao su phải dãi nắng dầm mưa và thường là bỏ xác nơi đất khách quê người. Công nhân nhà máy và thợ mỏ cũng chẳng hơn gì, lương thấp, làm ngoài giờ và điều kiện sống thì dưới đáy xã hội.

Trinh không phải là người duy nhất tìm kiếm câu trả lời cho sự tồn vong của đất nước ở phương Tây. Đầu năm 1907, một nhóm các trí thức yêu nước đã lập ra Trường Hà nội tự do, hay còn gọi là Đông Kinh Nghĩa Thực, theo mô hình Học viện của nhà cải cách Nhật bản Fukuzawa Yukichi. Mục tiêu của trường là tuyên truyền các tư tưởng tiến bộ của Trung hoa và phương Tây vào tầng lớp thanh niên Việt nam. Đến giữa hè, trường đã mở được 40 lớp với hơn 1000 sinh viên. Phan Bội Châu khi đó vẫn đang ở Nhật bản, tiếp tục tuyển sinh cho chương trình đào tạo của mình và gửi các bài thơ đầy nhiệt huyết về nước.

Một trong những bài thơ hay nhất là "*Việt nam Vong quốc Sử*", hay Lịch sử của một Việt nam mất nước. Đáng buồn, bài thơ lại được viết bằng chữ Hán.

Được một thời gian, chính quyền Pháp nghi ngờ mục đích giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục và ra lệnh đóng cửa vào tháng 12. Nhưng người Pháp không thể ngăn được các cuộc thảo luận về sự tồn vong của dân tộc trên khắp đất nước. Tại Quốc Tử Giám, Huế, Nguyễn Sinh Sắc dạy các học sinh: làm quan của một xã hội nô lệ còn tệ hơn là nô lệ. Nhưng ông không tìm được lời giải. Sau này, HCM nhớ lại cha ông thường ngửa mặt tự hỏi: Đi về đâu, "*Anh, Nhật hay Mỹ?*"

Sau khi quay lại Huế, theo lời khuyên của Cao Xuân Đứ, Sắc gửi hai con mình vào trường Đông Ba nằm trong hệ thống giáo dục Việt Pháp mới. Trường nằm ngay trước cổng Đông Ba của thành Nội, trên khuôn viên cũ của chợ Đông Ba sau khi chợ được chuyển đi chỗ khác vào năm 1899, có 4 phòng học và văn phòng. Các năm đầu, học sinh được dạy bằng 3 thứ tiếng: Pháp, Hán, Việt. Lên năm trên, tiếng Hán bị hạn chế. Không phải ai cũng đồng tình, nhưng Thành tỏ ra hài lòng. Ngay từ khi ở Vinh, thầy giáo dạy tiếng Pháp của cậu đã dạy: "muốn đánh Pháp phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp phải biết tiếng Pháp". Ban đầu, Thành hơi bị lập dị với đôi guốc mộc, tóc dài và bộ quần áo nâu sồng, trong lúc các bạn cậu hoặc khăn đóng, áo dài hoặc đồng phục kiểu phương Tây. Nhưng cậu hoà nhập nhanh. Cậu học cật lực và trong một năm đã hoàn thành chương trình hai năm học.

Mùa thu năm 1907, hai anh em Thành thi đậu vào Quốc học Huế, trường cao nhất trong hệ thống giáo dục Pháp Việt. Trường được thành lập vào năm 1896 theo chỉ dụ của vua Thành Thái, nhưng đặt dưới sự điều khiển của Thống sứ Pháp. Trường có 7 bậc, 4 lớp bậc tiểu học và 3 lớp bậc trung học, chương trình tập trung vào tiếng Pháp và văn hoá. Triều đình muốn dần dần thay thế Quốc Tử Giám để đào tạo tầng lớp cai trị mới. Vì thế dân địa phương thường gọi là: "Trường thiên đường".

Tuy nhiên điều kiện sống và học tập ở đó khó có thể gọi là "thiên đường". Nhà chính vốn là một trại lính, mái lợp rạ, nay trở nên dột nát và xiêu vẹo. Xung quanh có một số túp lều tre. Cổng trường được xây theo kiểu mái Trung hoa hai tầng hướng ra đại lộ Jules Ferry. Thành phần học sinh khá đa dạng. Một số theo kiểu tự học, được học bổng như Thành. Số khác con nhà giàu có xe đưa đón. Cũng như các trường khác, thầy giáo rất nghiêm khắc, không chần chừ khi dùng roi vọt. Hiệu trưởng đầu tiên của trường là ông Nordemann, lấy vợ Việt nam và nói được tiếng Việt. Hiệu trưởng tiếp theo là ông Logiou, đã từng là lính lê dương.

Bạn bè nhớ lại Thành thường ngồi cuối lớp, ít khi để ý đến những gì xảy ra trong lớp. Nhưng cậu nổi tiếng với nhiều câu hỏi đôi khi có tính khiêu khích, nhất là những câu hỏi về ý nghĩa của những tác phẩm của các nhà triết học Ánh sáng Pháp. Cậu rất giỏi ngoại ngữ và được các thầy cô quý. Một trong những thầy giáo có nhiều ảnh hưởng với Thành là Lê Văn Miên, tốt nghiệp trường Mỹ thuật Paris. Tuy thường xuyên đả kích chế độ thực dân, Miên có một kiến thức sâu rộng về văn hoá Pháp. Ông dạy các học sinh về những người Pháp tốt hơn ở nước Pháp, thổi vào tâm hồn các em một thành phố Paris vĩ đại với các bảo tàng và thư viện. Tuy học rất giỏi, nhưng giọng nói và điệu bộ nhà quê của Thành thường bị các bạn trêu chọc. Một lần, không giữ được bình tĩnh cậu đã thoi cho một kẻ trêu chọc một quả. Thầy giáo đã khuyên cậu, tốt hết là hãy dồn sức vào việc tìm hiểu những vấn đề thế giới. Quả vậy, Thành quan tâm nhiều đến chính trị. Sau giờ học, cậu thường tụ tập ngoài bờ sông, chờ đợi những tin tức của Phan Bội Châu, cùng nhau đọc thơ: "Á tế Á ca", bài thơ về một châu Á tự do khỏi ách nô lệ da trắng.

Một động lực thúc đẩy lòng yêu nước của Thành ở trường là thầy Hoàng Thông. Thông thường dạy học sinh: mất nước nghiêm trọng hơn mất nhà, mất nước là mất tất cả. Thành thường đến nhà thầy đọc sách. Một số nhà nghiên cứu còn cho rằng Thông đã cho Thành tiếp xúc với một số nhóm khởi nghĩa.

Cuối năm 1907, tình hình ngày càng trở nên căng thẳng. Vua Thành Thái lên ngôi từ năm 1889 đã buộc phải thoái vị vì bị nghi ngờ có liên quan đến quân nổi loạn chống Pháp. Tuy nhiên vị vua kế vị 8-tuổi càng có tư tưởng chống Pháp hơn. Theo gương Hoàng đế Minh trị Nhật bản, ông lấy hiệu là Duy Tân, nhằm mục đích mang lại cách tân cho đất nước.

Tuy nhiên đại đa số các tầng lớp tiên bộ Việt nam cho rằng đã quá muộn để có thể hy vọng gì đó ở triều đình phong kiến. Nguyễn Quyền ở trường Hà nội Tự do đã viết một bài thơ kêu gọi đồng bào cắt bỏ mái tóc dài búi tóc, như một cử chỉ đoạn tuyệt với quá khứ phong kiến. Thành và các bạn thường đi cắt tóc rong, vừa đi vừa hát:

Tay lược, tay kéo, Cắt! Cắt! Cắt đi sự ngu dốt, cắt đi sự trì trệ, Cắt! Cắt!

Từ đầu năm 1908, sự bất bình bắt đầu lan rộng trong nông dân. Giữa tháng Ba, đám đông nông dân tụ tập tại phủ tri huyện tại Quảng Nam và tiến về Hội An. Họ đòi miễn các loại sưu cao thuế nặng, và được sự ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp trí thức. Phong trào bắt đầu lan rộng ra các tỉnh duyên hải miền Trung và có dấu hiệu bạo lực. Triều đình đem quân đàn áp bắt bớ, sau khi các nông dân biểu tình chiếm một số công sở, giam giữ một số quan lại. Đôi khi đoàn biểu tình bắt và cắt tóc những người qua đường. Người Pháp gọi đây là "Cuộc nổi dậy tóc ngắn"

Đến cuối mùa xuân, những làn sóng nổi dậy đã dội đến chân thành Huế. Trong tuần đầu tháng Năm, dân làng Công Lương biểu tình chống thuế. Viên quan đến xử lý bị bắt trời cho vào cũi, chở đến công Thống sứ Pháp. Ngày 9/5, khi đoàn biểu tình đi qua chỗ các sinh viên, Thành đã bắt ngờ kêu gọi hai người bạn của mình tham gia để làm phiên dịch cho các nông dân. Cậu lật ngựa chiếc mũ nan, báo hiệu vứt bỏ "status quo" của mình. Trước sức ép của đoàn biểu tình, Thống sứ Lavecque phải tiếp đoàn đại biểu nông dân có cậu học sinh Nguyễn Tất Thành làm phiên dịch. Cuộc đàm phán thất bại, kể cả sau khi vua Duy Tân đã can thiệp. Quân đội Pháp đã xả súng lên cầu Tràng Tiền làm hàng trăm người chết và bị thương.

Đêm đó Thành phải đi trốn. Các bạn cậu chẳng ai có thể ngờ rằng, sáng hôm sau, khi tiếng chuông báo hiệu giờ học vừa dứt, cậu lại xuất hiện, ngồi đúng vào vị trí của mình. Nhưng cũng không được lâu. Đúng 9:00, một sĩ quan cảnh sát Pháp xuất hiện và sau khi nhận ra Thành, đã yêu cầu ban giám hiệu đuổi ngay kẻ phản nghịch ra khỏi trường. Trong những tuần tiếp theo, tình hình tiếp tục phức tạp. Cuối tháng sáu, những người theo Phan Bội Châu tiến hành cuộc đầu độc các sĩ quan Pháp tại Hà nội sau đó khởi nghĩa cướp chính quyền. Tuy nhiên do có kẻ phản bội, cuộc binh biến bất thành. Quân Pháp đàn áp dã man, 13 người bị xử tử, nhiều người bị lưu đày. Hốt hoảng, triều đình hạ lệnh bắt tất cả các trí thức yêu nước. Phan Chu Trinh cũng bị bắt và bị đưa về Huế xử. Nhờ có Thống sứ Pháp can thiệp, Trinh thoát chết nhưng bị đày đi Côn Đảo. Từ năm 1911, Trinh sống lưu vong tại Pháp.

Do hành động của hai cậu con trai, Sắc bị khiển trách và bị đưa về làm tri huyện Bình Khê, Bình Định. Đây là một vùng không phải là quá heo hút, nhưng là nơi xuất phát của khởi nghĩa Tây Sơn chống lại nhà Nguyễn. Bởi thế triều đình thường đưa những viên quan lại không vừa ý về đó. Anh trai Thành là Khiêm cũng bị theo dõi, đến năm 1914 thì

bị xử về tội mưu phản. Nhà chức trách còn tra hỏi cả chị gái Thành ở Kim Liên vì nghi ngờ về tội chứa chấp 1 số phần tử mưu phản.

Sau khi bị đuổi khỏi trường, Thành mất tích mấy tháng. Có tin đồn là anh đi xin việc một số nơi nhưng đều không được nhận. Nhưng chắc chắn là anh không quay lại quê vì đã bị theo dõi. Sau đó, Thành quyết định đi bộ vào phía Nam để tránh sự theo dõi của triều đình. Cũng có thể vào thời điểm đó anh đã quyết định xuất dương tìm đường cứu nước tại phương Tây. Địa điểm thuận tiện nhất vào thời điểm đó chỉ có thể là cảng Sài Gòn. Tháng 7/1909 Thành dừng lại tại Bình Khê để gặp cha mình. Cuộc gặp gỡ không mấy vui vẻ với anh vì ông Sắc đang trầm uất, suốt ngày uống rượu. Sắc đã mắng nhiếc và cho cậu con trai mấy gậy.

Sau đó Thành đến Quy Nhơn ở nhờ nhà một người bạn của cha mình là Phạm Ngọc Thọ. Theo lời khuyên của Thọ, Thành đâm đơn thi vào chân giáo viên của một trường học địa phương dưới tên là Nguyễn Sinh Cung. Chủ tịch hội đồng thi vốn là giáo viên cũ của cậu tại trường Đông Ba nên rất quý cậu. Tuy nhiên không hiểu sao chính quyền tỉnh biết được thành tích bất hảo của Thành và tên anh bị đưa ra khỏi danh sách dự thi.^{vii}

Không thất vọng, Thành đi tiếp đến Phan Rang gặp Trương Gia Mỗ, đồng nghiệp của cha cậu ở Huế và cũng là bạn của Phan Chu Trinh. Chủ nhà đã thuyết phục Thành chậm lại chuyến xuất ngoại của mình và xin cho anh một chân dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết). Vì đã cạn tiền, Thành chấp nhận. Trước khi đến Phan Thiết, anh phải chứng kiến một cảnh tượng đau lòng khi các sĩ quan Pháp cười ha hả bắt các công nhân cảng Việt nam phải nhảy xuống nước trong giông tố. Nhiều người đã chết.

Trường Dục Thanh được các nhà yêu nước địa phương thành lập theo mô hình trường Tự do Hà Nội. Ngôi nhà là sở hữu của một nhà thơ bán xứ, nằm ở bờ nam sông Phan Thiết. Trường do hai người con của nhà thơ điều hành. Công trường kẻ rõ khẩu hiệu: "Đoạn tuyệt với cổ hủ, đem tới văn minh". Ngôn ngữ chính thức là quốc ngữ, một số môn được dạy bằng tiếng Pháp và tiếng Hán. Thành đến Phan Thiết ngay trước Tết nguyên đán năm 1910, và nhận trách nhiệm dạy tiếng Hán và quốc ngữ. Anh còn kiêm luôn chân dạy võ. Theo trí nhớ của các học viên, thầy giáo Thành rất được ngưỡng mộ. Mặc bộ bà ba trắng, đi guốc mộc, Thành dạy theo phong cách của Socrat khuyến khích các học sinh đưa ra những ý tưởng của riêng mình. Thành cùng các học sinh thăm quan các vùng phụ cận, lên rừng, xuống biển. Khung cảnh khá điển hình ngoài việc một xưởng nước mắm ở khá gần với những hương vị đặc biệt làm cho học sinh khó tập trung.

Chương trình giảng dạy tại Dục Thanh mang nội dung yêu nước khá rõ ràng. Thành thường mở đầu bài giảng của mình bằng bài thơ từ trường Tự do Hà Nội

Ôi, thương đế có thâu nỗi khổ đau

Dân ta mang xiềng xích, héo mòn trong tai ương

Bởi thế chủ đề tranh cãi không bao giờ là mục tiêu giành độc lập mà là bằng cách nào. Các thầy giáo trong trường chia làm 2 phe. Một bên ủng hộ Phan Chu Trinh với đường lối cải cách, bên kia ủng hộ Phan Bội Châu với chủ trương dùng vũ lực và dựa vào Nhật bản. Thành không chọn phe, cậu biết rằng cậu phải hiểu tận cùng tình thế trước khi quyết định.

Đầu năm 1911, trước khi năm học kết thúc, Thành biến mất. Nguyên nhân chính xác về sự ra đi của Thành không rõ ràng, nhưng có thể có liên quan đến tin cha cậu chuyển vào Cochinchina. Trước đó, đầu năm 1910, Sắc bị triệu hồi khỏi Bình Khê. Trong thời gian làm tri huyện ở đó, ông nổi tiếng là ủng hộ người nghèo, tha cho các nông dân tham gia biểu tình, khoan dung với những tội hình sự lật lọng. Ông cho rằng lối bịch để mất thời gian

vào những việc đó khi nước đã mất. Ngược lại ông rất cứng rắn với bọn nhà giàu và có thể lực. Sau khi tấn 100 roi vào mông một nhân vật thể lực trong vùng và sau đó tên này lăn ra chết, Sắc bị gọi về Huế, hạ 4 bậc, phạt đánh roi và cách chức. Theo lời bạn bè, Sắc cũng chẳng buồn. Ông nói: "nước đã mất, liệu có thể có nhà được không?" Đầu năm 1911, ông xin phép chính quyền Pháp được đến Cochinchina nhưng bị từ chối. Hồ sơ của cảnh sát Pháp viết:

"Nguyễn Sinh Sắc... bị nghi ngờ là đồng loã với Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Con trai y, đang học ở Huế bỗng nhiên mất tích, nghi rằng đang ở Cochinchina. Sắc chắc muốn gặp con và hội kiến với Trinh."^{viii}

Nhưng Sắc cũng chẳng đợi được cấp phép, ngày 26/2/1911, ông tới Tourane (Đà Nẵng) và lên tàu đi Sài Gòn. Đến nơi, ông tìm được một chân dạy tiếng Hán và bán thuốc Nam để kiếm sống.

Liệu Thành có biết được tất cả thông tin về cha cậu và rời Phan Thiết để đi tìm cha? Một người bạn của Thành ở Dục Thanh cho biết là cậu đã chia sẻ với anh ta là sẽ cùng ăn tết với cha. Hay cậu đã biết mình bị theo dõi và quyết định lẩn trốn? Ngay sau khi Thành đi, một viên chức Pháp có đến trường tìm hiểu tung tích cậu. Thành đi chỉ để lại một mảnh giấy nhỏ, nhờ các bạn trả lại sách cho thư viện. Chẳng bao lâu sau, trường Dục Thanh cũng bị đóng cửa.

Sài Gòn là miền đất hoàn toàn mới lạ với cậu thanh niên Nguyễn Tất Thành. Một thời chỉ là thành phố nhỏ trên bờ sông Sài Gòn, thành phố đã lớn rất nhanh và vượt cả cố đô Hà Nội với dân số lên tới hàng trăm ngàn. Sự lớn mạnh của Sài Gòn chủ yếu dựa trên lĩnh vực kinh tế. Ở đây đã hình thành cả một lớp thương nhân người Âu, Việt và người Hoa định cư trên khu vực này từ thế kỷ trước. Lĩnh vực làm ăn chủ yếu là khai thác các đồn điền cao su dọc biên giới Campuchia (cây cao su được đưa vào Việt Nam từ Brazil vào cuối thế kỷ 19) và canh tác lúa trên những cánh đồng rộng lớn đồng bằng Nam Bộ. Trong 25 năm đầu của thế kỷ 20, Nam Bộ đã đứng thứ ba trên thế giới về xuất khẩu gạo.

Ban đầu Thành sống trong một vựa lúa cũ. Chủ vựa lúa là Lê Văn Đạt^x còn có xưởng sản xuất chiếu cói và có quan hệ với các thành viên của trường Dục Thanh. Thành tìm được cha, lúc đó đang ở tạm trong một nhà kho cũ. Qua các mối quen biết của Dục Thanh, Thành tìm được một ngôi nhà ở phố Châu Văn Liêm gần cảng Sài Gòn. Được cha khuyến khích, Thành bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi của mình. Vào tháng Ba, cậu đăng ký tham gia một lớp thợ mộc và sắt, chắc là để kiếm tiền cho chuyến đi. Sau khi được biết phải mất ba năm mới có thể thành nghề kiếm tiền, Thành bỏ học, đi bán báo cùng với một người bạn từ Kim Liên, tên là Hoàng.

Chỗ ở của Thành ở gần bến Nhà Rồng nơi các con tàu xuyên đại dương thường xuyên lui tới. Thành quyết định tìm việc làm trên một trong những con tàu đó để ra nước ngoài. Thời đó chỉ có hai hãng tàu hoạt động tại cảng Sài Gòn là Messageries Maritimes và Chargeurs Reunis. Chỉ có hãng Reunis cần tuyển người địa phương cho một số vị trí phụ bếp và bồi bàn. Thông qua một người bạn ở Hải Phòng đang làm trong hãng, Thành đã có được cuộc hẹn phỏng vấn với thuyền trưởng tàu Đô đốc Latouche Tréville vừa đến từ Tourane. Ngày 2/6, một anh thanh niên tên là Ba xuất hiện ở cầu tàu. Thuyền trưởng Louis Eduard Maisen e ngại nhìn khuôn mặt thông minh nhưng thân hình khá mảnh khảnh của anh. Ba quả quyết là việc gì anh cũng làm được và đã thuyết phục được Maisen cho một chân phụ bếp. Ngày hôm sau, anh bắt tay ngay vào công việc rửa bát, giặt quần áo, lau sàn, nhặt rau và đốt lò. Ngày 5/6, "Đô đốc LT" hú còi rời sông Sài Gòn ra biển Nam Trung Hoa, thẳng tiến tới Singapore lúc đó đang thuộc Anh.

Tại sao Nguyễn Tất Thành lại quyết định rời đất nước? Trong bình luận gửi nhà báo xôviết Ossip Mandelstam nhiều năm sau, HCM đã viết "*Khi tôi 13 tuổi, lần đầu tiên tôi nghe thấy những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Lúc đó tôi nghĩ mọi người da trắng đều là người Pháp. Và vì người Pháp viết ra những từ đó, tôi muốn làm quen với nền văn minh Pháp để có thể hiểu được ý nghĩa đằng sau những từ đó*". Muộn hơn, HCM cũng đã trả lời tương tự cho câu hỏi của phóng viên Mỹ Anna Luise Strong:

"Nhân dân Việt nam, bao gồm cả cha tôi, thường xuyên tự đặt câu hỏi, ai sẽ giúp chúng ta cởi bỏ ách thống trị của Pháp. Nhiều người nói Nhật bản, có người nói Anh, lại có người nói Mỹ. Tôi thấy tôi phải ra nước ngoài. Sau khi đã tìm hiểu họ sống như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"

Các nhà viết sử ở Hà nội cũng thường nhắc đến những hoài ức của HCM về việc rời đất nước như một sứ mệnh cứu nước. Cũng nên nhớ rằng HCM hay có khuynh hướng kịch hoá những sự kiện trong đời mình cho những mục đích khác. Tuy nhiên, không nghi ngờ gì, khi rời Sài gòn tháng 6 năm 1911, cậu thanh niên Nguyễn Tất Thành đã hoàn toàn nhận thức được những bất công mà đất nước mình đang phải gánh chịu và trong nước không có lời giải. Biết đâu, anh có thể tìm kiếm được những lời giải ở nước ngoài.

Con ngựa hoang

Mặc dù không có những ghi chép chính xác về các hoạt động của Thành sau khi rời Việt nam, những bằng chứng thu thập được cho phép dự đoán rằng phần lớn thời gian của Thành dành cho việc lang thang trên biển và đi qua khắp 5 châu. Vào thời đó, chế độ thực dân châu Âu đã thuộc địa hóa hầu như cả thế giới. Trên các bến cảng Á, Phi, Mỹ la tinh, những người dân bản xứ xun xoe thoả mãn nhu cầu của các ông chủ da trắng. Trong các tác phẩm sau này, HCM đã miêu tả sự tàn bạo của các ông chủ và sự khốn cùng của dân lao động một cách hết sức ấn tượng. Có thể phần lớn các quan điểm cách mạng của HCM đã được hình thành trong giai đoạn này.

Tàu LT là một tàu nhỏ đối với các tàu vượt đại dương, dài khoảng 400 fut và có trọng tải nhỏ hơn 6000 tấn. Vì thế cuộc sống của Thành trên tàu hết sức vất vả. Tuy nhiên anh vẫn nhìn đời một cách hóm hỉnh: "*nhân vật của chúng ta vừa huyết sáo vừa chùi toa lét và đổ rác*". Một trong những đối thủ chính trị của HCM sau này, ông Bùi Quang Chiêu đã tình cờ gặp Thành trong chuyến đi. Ông lấy làm kinh ngạc sao một người thông minh như Thành lại chấp nhận một thứ lao động khổ sai như vậy. Thành chỉ cười và nói, anh cần đi đến Pháp để đòi sửa lại bản án cho cha.^x

LT cập bến Marseilles ngày 6 tháng bảy năm 1911 sau khi đã qua Singapore, Colombo và Port Said. Thành nhận được những đồng lương đầu tiên khoảng 10 frances. Chừng đó chỉ đủ cho vài ngày trên bờ, nhưng Thành đã có thể dừng bước uống cafe trên đường Cannebiere, để được gọi bằng "Ngài". Thành ngạc nhiên kết luận: "Người Pháp ở Pháp tốt hơn và lịch sự hơn người Pháp ở Đông dương". Sau khi tìm hiểu các hang cùng, ngõ hẻm, gặp gỡ đủ các loại dĩ bợm ở đây, Thành tự hỏi, tại sao người Pháp lại không khai hoá văn minh cho đồng bào chính quốc trước.

Thành quay lại tàu trước khi nó nhổ neo và đến Le Havre ngày 15 tháng 7. Sau đó LT giông buồm đi Dunkirk, rồi quay về Marseilles và neo ở đó đến giữa tháng 9. Từ đó, Thành đã viết một bức thư gửi thẳng cho tổng thống Pháp. Quả là một sự kiện gây tò mò, và đáng để in toàn văn bức thư ở đây:

Marseilles
15 tháng 9 năm 1911

Thưa ngài Tổng thống!

Tôi rất rất lấy làm vinh dự được nhờ ngài một việc nhỏ để có thể được vào học tại trường Thuộc địa như một sinh viên thực tập.

Hiện tại, để kiếm sống, tôi đang phải làm việc tại hãng Chargeurs Réunis (tàu đò đốc LT). Tôi đang bị bỏ rơi và rất muốn có được một nền giáo dục đầy đủ. Tôi muốn trở thành có ích cho nước Pháp về vấn đề các đồng bào của tôi, và giúp họ có thể được hưởng những thành quả của giáo dục.

Tôi sinh tại tỉnh Nghệ an thuộc Annam

Vô cùng biết ơn Ngài Tổng thống đã ra tay cứu giúp

Nguyễn Tất Thành
Sinh năm 1892
Con ông Nguyễn Sinh Huy (Tiến sĩ)
Sinh viên Pháp ngữ và Hán ngữ

Trường Thuộc địa được thành lập năm 1885 nhằm mục đích đào tạo nhân viên cho bộ máy cai trị của Pháp tại thuộc địa, có khoảng 20 học bổng cho các sinh viên từ Đông Dương. Một số nhà nghiên cứu tỏ ra ngạc nhiên về quyết định xin học của Thành, họ cho rằng có thể lúc đó Thành đã từ bỏ giấc mộng ái quốc để đeo đuổi con đường công chức. Tuy nhiên, thực ra quyết định này chẳng có gì khác với việc gia nhập Quốc học Huế. Rõ ràng là Thành chưa quyết định được mình sẽ phải chọn con đường nào để cứu nước. Và điều có ích nhất bây giờ là tiếp tục sự nghiệp học hành. Trong bức thư viết cho chị cậu mùa hè năm 1911, Thành cũng đã nói với chị là sẽ đi học tại Pháp khoảng 5-6 năm. Cũng có thể đây chỉ là một động tác “qua người” đẹp mắt, mà sau này HCM cũng đã nhiều lần sử dụng, nguy trang cho ý đồ đích thực của mình nhằm đạt được mục đích cuối cùng.^{xi} Từ Marseilles, tàu LT về Việt nam và cập bến Sài gòn vào khoảng giữa tháng 10. Thành rời tàu và tìm cách gặp cha. Từ khi mất việc, Sắc lang thang bán thuốc nam và dạy học trong khắp Nam bộ. Thậm chí có lần còn bị bắt vì say rượu. Mặc dù rất cố gắng trong khoảng thời gian đó, ông đang ở loang quanh Sài gòn, nhưng không có bằng chứng là hai cha con đã gặp nhau. Ngày 31/10/1911, Thành viết một lá thư cho Toàn quyền Pháp tại Annam, giải thích về việc cha con chia cách đã 2 năm và nhờ chuyển cho cha một khoản tiền nhỏ nhưng không được trả lời.^{xii}

Quay trở lại Marseilles, Thành nhận được tin là đơn xin học của mình đã bị từ chối. Nhà trường chỉ nhận những học sinh được toàn quyền Đông Dương giới thiệu. Khi tàu được đưa lên bờ sửa chữa tại Le Havre, Thành quyết định ở lại. Anh xin vào làm vườn cho một chủ tàu ở Sainte-Adresse, một khu nghỉ mát đã nổi tiếng nhờ những bức tranh mà Monet vẽ tại đây. Hàng ngày, lúc rảnh rỗi anh lang thang trong thư viện của ông chủ hoặc luyện tiếng Pháp với con gái ông chủ. Có thể là Thành đã đi Paris gặp Phan Chu Trinh trong thời gian này. (Theo một số nguồn tin, ông Sắc đã viết cho Thành một thư giới thiệu cho Trinh khi cậu rời Việt nam). Nếu họ gặp nhau, chắc chắn chủ đề sôi nổi nhất là cuộc cách mạng dân quyền của Trần Dân Tiên lật đổ triều đình nhà Thanh để thành lập một nước cộng hoà kiểu phương Tây.

Thành có quan hệ rất tốt với chủ nhà, và chính ông này đã giới thiệu cậu cho một con tàu đi châu Phi cũng của hãng Chargeurs Reunis. Mặc dù nhiều người ngăn cản, Thành vẫn quyết chí ra đi. Anh đã đến một loạt các nước Á-Phi, bao gồm Algeria, Tunisia, Morocco, India, Indochina, Saudi Arabia, Senegal, Sudan, Dahomey và Madagascar. Anh bị mê hoặc bởi những điều nghe được, học được. Những cảnh tượng kinh hoàng của chế độ thuộc địa cũng gây cho anh những xúc động sâu sắc. “*Đối với bọn thực dân, tính mạng những người dân thuộc địa không đáng 1 đồng xu.*”

Trong những năm đó, Thành đã đến nhiều hải cảng trên Tây bán cầu. Sau này, HCM đã kể lại cho những người bạn Cuba của mình rằng ông đã đến Rio và Buenos Aires. Con tàu của anh cũng đã ghé qua bờ Đông nước Mỹ, và Thành đã chọn NewYork làm nơi dừng chân của mình. Anh rời tàu và quyết định tìm việc để ở lại nước Mỹ.

Giai đoạn này là một trong những giai đoạn mù mờ nhất trong cuộc đời HCM. Theo lời ông và một số người quen biết khác, anh đã làm đầy tớ cho một gia đình giàu có ở NY với mức lương “trên trời” là \$40/tháng. Ngoài giờ làm việc, Thành lang thang với bạn trong khu China town, ngửa cổ ngắm những toà nhà chọc trời NewYork, tham dự các cuộc họp của hội da đen Harlem, và ngạc nhiên khi thấy pháp luật công nhận sự bình đẳng của những kẻ nhập cư châu Á. Sau này, một đoàn đại biểu các nhà hoạt động hoà bình Mỹ đã hỏi HCM: tại sao ông lại đến nước Mỹ? HCM đã trả lời, ông nghĩ là nước

Mỹ là biểu tượng chống chủ nghĩa thực dân châu Âu và sẽ giúp Việt nam giành độc lập. Nhưng ông đã nhầm.

HCM còn nói là ông đã từng sống ở Boston và làm bánh ngọt cho khách sạn Parker House. Ông cũng đã đi thăm một số bang miền Nam để chứng kiến cảnh bọn 3K hành hình người da đen mà sau này ông đã miêu tả rất sống động trong một truyện ngắn viết khi đang ở Nga những năm 1920. Rất tiếc là chỉ có ít bằng chứng rõ ràng về việc HCM đã từng ở nước Mỹ. Một là bức thư ký tên là Paul Tất Thành gửi cho toàn quyền Pháp xin phục hồi cho cha anh. Bức thư đóng dấu NY ngày 15/12/1912. Thứ hai là tấm bưu thiếp gửi Phan Chu Trinh từ Boston, kể rằng anh đang phụ bếp tại khách sạn Parker House^{xiii} HCM nói với một nhà báo Mỹ, bà Anna Louise Strong rằng quãng thời gian ở Mỹ ảnh hưởng rất ít đến quan điểm chính trị của ông vì lúc đó ông còn quá trẻ. Nhiều khả năng là HCM rời Mỹ vào năm 1913. Sau chặng dừng chân ở Le Harve, anh đến Anh để học tiếng Anh. Trong một bức thư gửi Phan Chu Trinh, anh nói rằng đã ở London bốn tháng rưỡi để học tiếng Anh và giao lưu với người nước ngoài. Bức thư chắc phải được viết trước khi nổ ra đại chiến thế giới I, tháng 8 năm 1914, vì Thành còn hỏi PCT sẽ đi nghỉ hè ở đâu. Bức thư thứ hai cho PCT, Thành đã bình luận về sự khởi đầu của chiến tranh. Anh cho rằng những kẻ dây vào sẽ phải lãnh đủ, anh chờ đợi những sự thay đổi lớn ở châu Á và hy vọng chiến tranh sẽ làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của Pháp.

Trong hồi ký của mình HCM đã thừa nhận những công việc rất cực nhọc của ông ở Anh như quét tuyết và đốt lò. Một vài người quen khi gặp Thành ở Pháp đã nhận thấy bàn tay của anh bị cái lạnh làm cho cong queo. Cũng may là sau đó anh tìm được một chân phụ bếp trong khách sạn Drayton Court rồi chuyển đến Carton giúp việc cho đầu bếp nổi tiếng Auguste Escoffier và ông đã từ chối cơ hội để trở thành đầu bếp.

Ngoài việc lang thang ở Hayden Park với cây bút chì và quyển sách để học tiếng Anh, Thành còn tham gia vào các hoạt động chính trị của Hội công nhân hải ngoại, tham gia vào các cuộc biểu tình đòi độc lập của người Ailen. Có thể là trong thời gian này Thành đã lần đầu tiên làm quen với các tác phẩm của Karl Max. Anh vẫn không quên nỗi đau mất nước. Trong một bức thư gửi PCT, Thành đã viết những câu thơ:

Đương đầu với trời đất

Thôi thúc bởi ý chí

Người anh hùng phải chiến đấu cho đồng bào

Có một điều Thành không biết là các bức thư của anh gửi cho PCT đều rơi vào tay mật thám Pháp. Trong khi khám xét căn hộ của PCT, chúng đã phát hiện ra những bức thư ký tên N. Tất Thành gửi từ số 8, Stephen Street, Tottenham Court Road, London. Trong một bức thư, người thanh niên này còn thề thốt là sẽ tiếp tục sự nghiệp của PCT. Cảnh sát Pháp đã nhờ các đồng nghiệp Anh tìm kiếm nhưng chẳng thấy ai ở địa chỉ đó. Cảnh sát Anh lục khắp London được 2 sinh viên Việt nam tên là Thành, trong đó có một Nguyễn Tất Thành, nhưng họ chẳng có dính líu gì đến chính trị.

Không có nhiều tài liệu minh chứng cho hoạt động của HCM ở Anh. Một số nhà sử học thậm chí nghi ngờ ông đã ở Anh. Họ cho rằng ông đã bịa ra giai đoạn đó để có được tấm áo xuất thân vô sản. Điều này hơi vô lý vì HCM chẳng bao giờ phủ nhận nguồn gốc nhà nho của mình.^{xiv} Tuy nhiên có nhiều chứng cứ khẳng định được HCM đã ở London.^{xv} Thời điểm chính xác Thành quay về Pháp cũng gây nhiều tranh cãi. ít nhất là chính quyền Pháp cũng không biết gì về chuyện này cho đến khi có một sự kiện làm cho Thành trở thành người Việt nam yêu nước nổi tiếng nhất ở đất nước mình. HCM viết rằng, ông đã quay về Pháp khi chiến tranh còn đang xảy ra. Một số người quen cũ của ông ở Pari cho

rằng ông đến Pháp năm 1917 hoặc 1918. Viên mật vụ được phân công theo dõi ông vào năm 1919 báo cáo rằng HCM đã “ở Pháp từ lâu”. Nhiều nguồn cho rằng đó là khoảng tháng 12/1917.

Lý do Thành về Pháp có thể dễ hiểu. Sau chiến tranh, số người Việt nam tại Pháp đã tăng lên gấp bội so với trước đó. Hàng ngàn người Việt nam làm việc tại các công xưởng, tham gia quân đội so với không đến 100 người trước chiến tranh. Qua mối quan hệ đã sẵn có với Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường, Thành có thể thâm nhập vào cộng đồng chính trị Việt nam hải ngoại nhằm mưu đồ cứu nước. Trinh đang được coi là lãnh tụ của phong trào, nhưng sau khi bị bắt vì nghi ngờ phản bội hồi đầu chiến tranh, Trinh trở nên rất thận trọng.

Sau khi về Paris, Thành nhanh chóng tham gia vào các hoạt động kích động công nhân Việt nam trong bối cảnh các cuộc chống đối ở Pháp ngày một nhiều do sự kéo dài khốc liệt của chiến tranh. Cũng chưa rõ, làm thế nào Thành có thể tham gia vào các hoạt động đó. Có thể với tư cách của Hội công nhân hải ngoại? Cũng có thể là quan hệ trực tiếp với các nhà hoạt động cánh tả.

Một nhà hoạt động cách mạng, Boris Souvarine, sau này trở thành sử gia nhớ lại đã từng gặp Thành ngay sau khi anh từ London trở về. Ông cho rằng đó là vào khoảng năm 1917. Thành thuê 1 căn hộ dơ dáy tại Montmartre và tham gia sinh hoạt với chi bộ đảng Xã hội Pháp tại đó. Souvarine đã giới thiệu Thành với Leo Poldes, người sáng lập câu lạc bộ Faubourg. Các buổi nói chuyện diễn ra thường xuyên về tất cả các chủ đề từ chính trị tới những điều huyền bí. Souvarine nhớ lại là Thành rất bền lễn, thậm chí khúm núm, nhưng hoà nhã và ham học. Mọi người còn gọi anh là “Người câm ở Montmartre”.^{xvi}

Leo Poldes là người đã rèn luyện tính nhút nhát của Thành bằng cách bắt anh phát biểu trước cử tọa. Trong bài phát biểu đầu tiên của mình miêu tả sự thống khổ của nhân dân thuộc địa, Thành thậm chí còn nói lắp. Không mấy người trong cử tọa hiểu, nhưng họ thông cảm với chủ đề và Thành được hoan hô nhiệt liệt. Sau đó Thành được mời phát biểu thường xuyên

Trong cuộc trả lời phỏng vấn nhà văn Mỹ Stanley Karnow, Leo đã nhận xét về Thành trong thời gian anh tham gia câu lạc bộ Faubourg: “có hơi hướng của Chapline, hài hước nhưng buồn, *vous savez*”.^{xvii} Leo đặc biệt có ấn tượng về đôi mắt sáng và lòng ham mê học hỏi của Thành. Anh đã vượt qua được nỗi sợ hãi phải phát biểu trước công chúng và tích cực tham gia vào các cuộc tranh luận. Qua đó Thành quen biết những nhân vật nổi tiếng trong giới trí thức cách mạng Pháp: nhà văn xã hội Paul Louis, nhà quân sự Jacques Doriot, tiểu thuyết gia Henri Barbusse với những tác phẩm miêu tả sự cùng cực của binh lính trên mặt trận.

Đã gần 30 tuổi, và hầu như kinh nghiệm nghề nghiệp chỉ loanh quanh mấy việc phụ bếp hoặc dạy học, lại không có giấy phép làm việc Thành không thể xin được việc ổn định. Anh phải làm đủ việc từ bán món ăn Việt nam, kẻ bảng hiệu, dạy chữ Hán, làm nến...

Cuối cùng anh kiếm được một chân tô màu ảnh đen trắng trong một hiệu ảnh của Phan Chu Trinh. Vào những thời gian rỗi Thành hay ngồi lì trong thư viện và đọc các tác phẩm của Secxpia, Tolxtoi, Lỗ Tấn, Hugo, Zola, Dickens. Gia tài của anh chỉ có cái va li và thường xuyên chuyển chỗ trong những nhà trọ chật hẹp của khu công nhân Paris^{xviii}

Thủ đô của nước Pháp cuối chiến tranh vẫn tham vọng trở thành trung tâm chính trị và văn hoá của thế giới phương Tây. Rất nhiều những nhà tư tưởng lỗi lạc của thế kỷ 19 đã sống ở Paris. Không khí cách mạng càng sục sôi trong giai đoạn cuối chiến tranh, khi sự tàn bạo của cuộc chiến đổ thêm dầu vào phong trào chống chủ nghĩa tư bản.

Việt nam chiếm số lượng lớn nhất trong cộng đồng hải ngoại tại Paris thời điểm đó: khoảng 50000 người, trong đó có hàng trăm con em trí thức. Trong bầu không khí bị chính trị hoá cao độ, lớp sinh viên này đã hoàn toàn chín muồi cho những hoạt động chính trị hướng tới độc lập dân tộc. Rất tiếc là chẳng có gì xảy ra cả. Trong giới có ảnh hưởng, một số muốn mặc cả với Pháp cho thêm quyền tự chủ đối lấy việc đã tham gia bảo vệ mầu quốc trong chiến tranh, một số thì lại bí mật đi đêm với Đức để hy vọng Pháp thua trận. Theo cảnh sát Pháp, Phan Chu Trinh và bạn ông là Phan Văn Trường đã thử cả hai phương án này. (Phan Văn Trường sinh năm 1878 tại Hà đông, học luật và trở thành công dân Pháp năm 1910). Cả hai đã thành lập “Hội đồng thân ái” trước khi chiến tranh xảy ra, nhưng chỉ thu thập được khoảng 20 chục thành viên. Trinh, được coi là nhà ý tưởng, tỏ ra rất ít có khả năng tổ chức. Tuy nhiên, do có tin đồn về việc họ đang dự kiến lật đổ chính quyền tại Đông dương, cả hai đã bị tạm giam ngay sau khi chiến tranh nổ ra. Chính vì lý do đó mà những bức thư Thành gửi cho Trinh đều rơi vào tay cảnh sát Pháp. Sau khi được tha, Trường và Trinh không dám nghĩ đến chuyện thách thức chế độ thực dân nữa. Cộng đồng Việt nam hải ngoại thực sự đình trệ về mặt chính trị.

Thành muốn nhanh chóng thay đổi tình hình đó. Mặc dù, cho đến lúc đó thành tích chính trị của anh mới chỉ là phiên dịch cho cuộc biểu tình tại Huế năm nào. Trông bề ngoài hoàn toàn không bắt mắt, bạn bè đều phải thừa nhận anh có một đôi mắt sáng và cái nhìn mãnh liệt như xuyên thấu suy nghĩ của người đối thoại.

Hè năm 1919, được sự bảo trợ của Trinh & Trường, Thành thành lập Hội ái quốc Annam. Ngoài những thành viên trí thức, Thành còn lôi kéo thêm một số thành viên từ tầng lớp lao động mà anh quen từ hồi còn làm thuỷ thủ tại Marseilles, Le Havre, Toulon. Bề ngoài, hội không đặt ra những mục tiêu cực đoan để lôi kéo đông đảo sự tham gia của cộng đồng người Việt. Việc dùng chữ Annam thay cho Việt nam muốn cho chính quyền thấy Hội không phải là mối nguy hiểm cho chế độ thực dân. Thực chất, ngay từ đầu, Thành muốn biến hội thành một lực lượng hiệu quả chống lại chế độ thực dân ở Đông Dương. Anh đã liên lạc với những hội tương tự của người Triều tiên và Tuynizi.

Đây là một thời điểm hết sức thuận lợi cho những hoạt động tương tự. Sau chiến tranh, Paris trở thành trung tâm kích động của các nhóm chống thực dân. Các cuộc thảo luận về chủ đề này diễn ra thường xuyên ở quốc hội Pháp. Toàn quyền Albert Sarraut đã phát biểu tại Hà nội hứa hẹn nhiều quyền hơn cho nhân dân Việt nam. Năm 1919, đại diện các nước Đồng minh thắng trận họp tại Versailles để đàm phán điều kiện đầu hàng của khối Trung tâm và tổ chức thế giới sau chiến tranh. Tổng thống Mỹ Wilson đã mang lại niềm hy vọng cho các dân tộc thuộc địa bằng luận cương 14 điểm, trong đó thừa nhận quyền tự quyết của tất cả các dân tộc.

Ngày 18/6/1919, Hội ái quốc Annam do Nguyễn Ai Quốc ký tên đã công bố bản kiến nghị 8 điểm có tên: “Yêu cầu của nhân dân Annam” gửi các quốc gia Đồng minh, đề nghị áp dụng những tư tưởng của Wilson cho thuộc địa của Pháp tại Đông Nam Á. Ngôn ngữ của bản kiến nghị rất ôn hoà, không đặt điều kiện độc lập dân tộc mà chỉ đòi hỏi quyền tự quyết về chính trị, sự bình đẳng giữa người Pháp và người Việt, quyền tự do báo chí, hội họp, bãi bỏ các loại thuế hà khắc.

Nhiều nhà sử học đã nghi ngờ rằng Thành là tác giả duy nhất của bản kiến nghị. Họ cho đó là công sức tập thể. Nhiều người cho rằng đây là tác phẩm của Phan Văn Trường, người được cho là trí thức nhất trong hội. Trong cuốn tự truyện của mình, HCM tự nhận mình là tác giả và Phan Văn Trường đã chinh văn phạm tiếng Pháp cho ông. Tuy nhiên việc Thành có là tác giả hay **không không** quan trọng bởi chính anh là người đã tổ chức

công bố bản kiến nghị và sau đó tự nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Chính Thành đã đưa tận tay bản kiến nghị cho các thành viên chủ yếu của nghị viện và tổng thống Pháp. Cũng là anh dẫn bước trên các hành lang của điện Verzeille để trao bản kiến nghị cho các đoàn đại biểu Đồng minh. Qua các mối quan hệ của mình Thành đã công bố bản kiến nghị trên báo Nhân đạo và nhờ các chiến hữu từ thời còn thủy thủ phân phối hơn 6000 bản copy trên các đường phố Paris.

Chẳng có hồi âm nào từ chính quyền Pháp mặc dù các cuộc thảo luận về vấn đề thuộc địa vẫn đang diễn ra tại nghị viện. Hội nghị Versailles cũng làm thinh về chủ đề này. Tổng thống Wilson, dưới sức ép của các đồng minh đã không bảo vệ tuyên bố 14 điểm của mình. Cả thế giới thuộc địa bị thất vọng.

Tuy nhiên bản kiến nghị cũng đã làm kinh ngạc giới chức chính trị Pháp. Ngày 23/6, tổng thống Pháp viết thư cho toàn quyền Albert Sarraut, đề nghị xem xét và xác định danh tính tác giả. Tháng 8, tin từ Đông dương báo về: bản kiến nghị đang được phân phát trên các đường phố Hà nội và đã gây nên cuộc thảo luận sôi nổi trong báo giới. Tháng 9, Thành chính thức xác nhận mình là Nguyễn Ái Quốc trong một cuộc phỏng vấn cho một phóng viên người Mỹ của một tờ báo Trung hoa tại Paris. Cũng vào quãng thời gian đó, thanh tra mật thám Pháp Paul Arnoux, chuyên theo dõi cộng đồng Việt nam hải ngoại, tình cờ gặp Thành đang đi phân phát truyền đơn. Sau mấy lần uống cafe, bị ảnh hưởng bởi nhiệt huyết của chàng trai trẻ, Arnoux đã liên lạc với Bộ thuộc địa và thu xếp để Albert Sarraut gặp Thành. Và cuộc gặp đã diễn ra ngày 6 tháng 9 tại toà nhà Bộ thuộc địa ở phố Ordinat. Các mật thám Pháp đã tranh thủ thời cơ này để chụp ảnh hồng tìm ra tung tích chính xác của Thành.

Có thể NAQ (như Thành đã tự gọi mình) đã nuôi một chút hy vọng bản kiến nghị của mình có thể thấu tai chính quyền Pháp và mang lại những thay đổi ở Đông Dương. Bản tính của anh là tin vào những điều tốt đẹp của con người, kể cả kẻ thù. Sau khi đi một vòng Thụy sĩ, ý, Đức, Thành đã kể với bạn của mình: “*nếu bạn là người tốt, ở đâu bạn cũng gặp người tốt*”. Cũng có thể là Thành đã tin vào những lời dụ dỗ của A. Sarraut. Trong cuộc trả lời phỏng vấn cho tờ báo Trung hoa Thế giới, sau khi phàn nàn về tình hình tồi tệ ở Đông Dương, Thành đã thừa nhận là trước tiên cần có quyền tự do ngôn luận để nâng cao dân trí sau đó mới có thể tính đến quyền tự trị, tiến lên độc lập.

Nhưng những hy vọng của NAQ đã nhanh chóng bị tàn lụi. Ngay sau cuộc gặp gỡ, Thành đã gửi đến A. Sarraut toàn văn bản kiến nghị cùng với bức thư đi kèm như sau:

Như đã trao đổi với Ngài hôm qua, tôi xin gửi kèm đây toàn văn Bản kiến nghị. Vì Ngài đã thật là tốt bụng cho phép tôi nói chuyện thẳng thắn, tôi đã mạo muội hỏi Ngài rằng liệu đã có hành động nào được tiến hành liên quan đến 8 điểm kiến nghị. Đáng tiếc là câu trả lời không được thoả mãn.

Xin Ngài nhận cho lòng kính trọng của tôi.

Nguyễn Ái Quốc

Mấy ngày sau, mật thám Pháp đã xác định được NAQ tên thật là Nguyễn Tất Thành, con ông Nguyễn Sinh Sắc và đã tham gia xúi giục nổi loạn ở Huế năm 1908.

Cho dù động cơ gửi Bản kiến nghị là gì đi nữa, không nghi ngờ là NAQ đã gây được tiếng vang to lớn trong phong trào yêu nước Việt nam tại Pháp. Người già thì kinh ngạc vì sự táo tợn của anh thợ tô màu. Thanh niên thì như được tiếp thêm nhiệt huyết. Một số kẻ khôn ngoan thì coi anh như “Người man rợ”. Họ thì thầm: liệu có thể hy vọng được gì ở một tay đầu gấu xứ Nghệ?

Bán kiến nghị cũng đã mang lại cho NAQ sự kính trọng của các đồng chí trong Đảng Xã hội Pháp (FSP). Mặc dù lúc đó đã quen với những tên tuổi lớn của FSP như Marcel Cachin, Paul-Vaillant Couturier, Leon Blum, Edouard Herriot, Henri Barbusse và cháu của Karl Max –Jean Longuet, theo lời của Zecchini, Thành chưa bao giờ được coi là thành viên đầy đủ của FSP cho đến khi Bán kiến nghị được công bố.^{xix}

HCM đã thừa nhận rằng ông tham gia FSP vì “họ thông cảm với tôi, với cuộc đấu tranh của những dân tộc bị áp bức”. Thiên hướng về CNXH của HCM cũng như của nhiều nhà dân túy châu Á khác có thể giải thích như hậu quả tự nhiên của chế độ thuộc địa tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đế quốc. Nhưng giải thích như thế cũng chưa đầy đủ. Các nhà trí thức châu Á, (đặc biệt là ở Trung quốc và Việt nam) cảm thấy đạo đức tập thể của chủ nghĩa xã hội phương Tây xem ra gần gũi với đạo Khổng hơn thái độ vị kỷ và chạy đua lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản. Đối với họ sự hào nhoáng của các thành phố thương mại thật đáng tởm, còn nền công nghiệp thì bị tha hoá bởi sự tham lam và bành trướng. Ngược lại chủ nghĩa xã hội tán dương các cố gắng tập thể, kêu gọi lối sống giản dị, bình đẳng về của cải và cơ hội có nhiều điểm tương đồng với nho giáo. Xem ra là từ Khổng tử tới Max gần hơn tới Adam Smith và John Mill.^{xx}

Từ năm 1920 trở đi Ngài (Monsieur) Nguyễn tham gia tích cực hơn các hoạt động chính trị của FSP, Liên đoàn lao động và Liên minh quyền con người. Nhưng có vẻ như ông cũng dần dần nhận ra rằng, các đồng chí của ông chẳng mấy quan tâm đến các vấn đề thuộc địa. Max có khuynh hướng trọng Âu và hội của ông cũng vậy. Thuộc địa, nói cho cùng, cung cấp của cải cho cách mạng và công việc cho các công nhân.

Cuộc cách mạng Bolsevich ở Nga đã làm sâu sắc thêm sự bất đồng trong hàng ngũ những người xã hội, giữa một bên là phe ôn hoà của Jean Longuet, Leo Blum và phe cấp tiến của Couturier và Cachin. Nên nhớ rằng lúc đó Quốc tế thứ nhất của Max đã bị thay bởi Quốc tế II chủ trương ôn hoà và đấu tranh nghị viện. Vào cuối năm 1919, một uỷ ban ủng hộ lời kêu gọi của Lênin thành lập Quốc tế thứ ba, đấu tranh vũ lực để giành chính quyền cho giai cấp vô sản, đã được thành lập trong nội bộ FSP. NAQ cũng tích cực tham gia, quỳên góp tiền cho chế độ Xôviết. Tuy nhiên ông vẫn tỏ ra ngờ nghệch, mơ hồ về sự khác nhau giữa Quốc tế II và Quốc tế III, đặc biệt mù mờ trong lĩnh vực lý thuyết. Có lần Quốc còn đề nghị Longuet giải thích ý nghĩa của chủ nghĩa Max. Ông này ngượng nghịu chỉ cho Quốc chỗ tìm đọc cuốn Tư bản luận. Đúng lúc đó “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lê nin ra đời đã biến Quốc từ một người yêu nước thành nhà cách mạng Marxist chân chính. Sau này, NAQ thừa nhận, ông chẳng hiểu gì các cuộc cãi vã lúc đó và đơn giản chỉ ủng hộ phe nào đứng về phía nhân dân các thuộc địa. Lê nin đã chỉ ra rằng, chế độ thuộc địa là dinh dưỡng cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc, và các Đảng cộng sản châu Âu cần liên minh với các phong trào giải phóng dân tộc Á-Phi chống lại kẻ thù chung. Khác xa với các nhà xã hội Paris, Lê nin là con người của hành động và đã chinh phục hoàn toàn NAQ.

NAQ bắt đầu viết cho các báo cánh tả từ hè 1919. Các bạn phóng viên của ông như Jean Longuet, Gaston Monmousseau đã giúp hoàn thiện lối viết mộc mạc và nhiều khi quá thẳng của Quốc. Bài báo đầu tiên: “*Vấn đề người bản xứ*” được đăng trên báo Nhân đạo ngày 2/8/1919. NAQ cho rằng, người Pháp chẳng mang lại gì cho người bản xứ. Mang tiếng là khai hoá văn minh, hệ thống giáo dục của họ chỉ nhồi sọ và phục vụ một số nhỏ con cái các quan chức. Quốc dự đoán, người Việt nam hoàn toàn không được chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh với các nước láng giềng, sớm muộn sẽ bị Nhật bản đè bẹp về kinh tế. Trong một bài khác “*Đông dương và Triều tiên*” đăng trên báo Nhân dân tháng 10/1919,

và sau đó là “Thư gửi Ngài Outrey” Quốc đã kích Maurice Outrey, đại diện cho Nam bộ tại Nghị viện Pháp vì tay này đã kích Hội an nam ái quốc và cho rằng chẳng có ai đàn áp dân chúng cả.

Công việc thợ ảnh của Quốc rõ ràng là chẳng bận rộn lắm. Ngoài viết báo, anh còn bắt tay vào viết một tác phẩm dài với tên gọi “*Những người bị áp bức*” với sự giúp đỡ của một nhà văn chống chế độ thuộc địa Paul Vigne d’Octon. Anh cố tình sử dụng rất nhiều trích dẫn mà không nói rõ nguồn, hy vọng khi các nhà xuất bản xúm vào đòi quyền tác giả sẽ làm cho cuốn sách nổi tiếng hơn. Đáng tiếc là bản thảo cuốn sách này bị đánh cắp. Nhiều người cho rằng mật thám Pháp đã “thâu”, tuy nhiên không thấy có bằng chứng lưu lại trong hồ sơ. Mặc dù không có nhiều thông tin về nội dung cuốn sách, chúng ta có thể dự đoán là rất nhiều dữ liệu đã được dùng lại trong cuốn sách viết được công bố năm 1925: “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”. Giọng điệu cuốn sách này đã gay gắt hơn rất nhiều, thể hiện rõ quan điểm Marxism của Quốc.

Quãng tháng 7/1919, NAQ chuyển đến căn hộ của Phan Chu Trinh tại Villa des Gobelins, (gần quảng trường Italia, khu trung lưu của Paris) cùng với 1 số đồng nghiệp khác. So với những chỗ ở trước của Quốc thì đây quả là một sự cải thiện đáng kể. Tuy nhiên cuộc sống chung cũng có nhiều vấn đề. Theo các báo cáo của cảnh sát Pháp theo dõi Trinh, NAQ và PCT thường to tiếng với nhau về con đường của cách mạng Việt nam. Quốc cho rằng các quan lại Việt nam như những con cừ non trong tay Pháp, sử dụng để ngăn cản và bóc lột nhân dân. Trinh thì cho rằng Quốc quá nông nổi: “*Anh bạn Quốc, hãy để tôi nói rằng anh còn rất trẻ và có cái đầu nóng. Anh muốn 20 triệu đồng bào ta đứng lên làm gì đó khi họ không có một tác vũ khí trong tay. Tại sao lại phải tự sát một cách vô mục đích như vậy?*” Trinh muốn dựa vào Pháp để cải cách chế độ đã thối nát trong tay các nhà nho. Quốc thì coi Pháp là kẻ thù số một: “*Tại sao 20 triệu dân ta không làm gì đó để buộc chính quyền phải coi chúng ta như những con người. Kẻ nào không coi chúng ta là người, kẻ đó là kẻ thù. Chúng ta không thể chung sống với chúng. Không thể chịu nhục!*” Quốc nói, “*Ông có kinh nghiệm hơn tôi, nhưng hãy nhìn xem. Cha anh ta đã đòi cái mà ông đòi suốt hơn 60 năm nay. Hỏi họ nhận lại được cái gì?*” Tuy nhiên Quốc vẫn rất kính trọng Trinh và thường dẫn ông này đến các cuộc hội họp của các nhà cách mạng cấp tiến, hy vọng rằng Trinh sẽ thay đổi quan điểm.

Trong lúc đó, chính quyền Pháp vẫn tiếp tục thẩm tra nhân thân của Quốc. Họ đã thẩm vấn cha, anh và chị của Thành và hy vọng có thể kiểm tra vết sẹo trên tai từ thời nhỏ. Năm 1920, khi vào viện vì bị apxe, Quốc đã bị cảnh sát chụp ảnh. Ngày 17/8/1920, Albert Sarraut, khi đó đã là Bộ trưởng thuộc địa, ra lệnh phải truy xét bằng được nguồn gốc của NAQ. Quốc bị chất vấn tại Bộ thuộc địa. Sau đó 3 ngày lại bị gọi lên đồn cảnh sát. Tại đó Quốc khai mình sinh năm 1894, tại Vinh có 6 anh chị em và đều đã chết cả. “*Hắn ta là ai vậy? Hắn thường xuyên thay tên đổi họ và hiện đang dùng một cái tên mà ngay cả người mù tịt về tiếng Việt cũng thừa hiểu nghĩa là gì. Hắn không có một tí giấy tờ tùy thân nào từ Đông Dương, thế mà dám can thiệp vào công việc chính trị của chính phủ, tham gia các đảng phái, phát biểu tại các cuộc hội họp. Và còn cười vào mũi chúng ta bằng những thông tin giả mạo*”. Đó là nội dung báo cáo của Pierre Guesde cho Bộ thuộc địa. Cũng theo báo cáo đó, mật thám Pháp đã nhận dạng chính xác NAQ là Nguyễn Tất Thành.

Trong một thời gian dài, các phong trào xã hội Pháp do nhiều phe phái hợp thành:

- những người theo Auguste Blanqui đòi lật đổ cái đã, xây dựng xã hội mới tính sau.
- những nhà cải cách ôn hoà, đệ tử của Eduard Bernstein và Quốc tế II

- những lý thuyết gia cấp tiến có nguồn gốc từ cách mạng Pháp chứ không phải Marx
- những lãnh đạo công đoàn, đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt và không quan tâm lắm đến ý thức hệ

Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã giáng một đòn mạnh vào sự thống nhất mong manh trong một FSP hỗn tạp. Và khi Lenin đứng lên kêu gọi cuộc thánh chiến chống chủ nghĩa tư bản, các thành viên của FSP phải lựa chọn chỗ đứng của mình. Tại hội nghị Strasbourg tháng 2/1920, mặc dù đa số đồng ý ly khai với Quốc tế II, cũng còn rất đông người phản đối gia nhập Quốc tế III. Cuộc tranh luận ngày càng trở nên quyết liệt. Marcel Cachin và Tổng bí thư Louise Frossard sau khi tham gia đại hội QTCS lần thứ hai ở Matxcova, đã tổ chức một cuộc biểu tình với khoảng 30 ngàn người tham gia tại ngoại ô phía Tây Paris ngày 13/8. NAQ chen trong đoàn người lắng nghe Cachin nhân danh QTCS phát động cuộc chiến đấu giải phóng các dân tộc bị nô lệ, đánh thẳng vào thành trì của chủ nghĩa đế quốc. Trước thềm đại hội Tour vào cuối tháng 12, các cuộc họp cấp địa phương diễn ra liên miên, với hai nhóm tả hữu và lớp lưng chừng dưới cờ của Jean Longuet. NAQ ít tham gia tranh luận, khi phải phát biểu, ông kêu gọi sự đoàn kết và chú ý đến các vấn đề thuộc địa: *“Các đồng chí, chúng ta đều là những nhà xã hội. Dù là quốc tế Hai, Hai rưỡi, hay Ba, chúng ta đều cùng muốn giải phóng giai cấp công nhân... Trong lúc các đồng chí tranh cãi ở đây, đồng bào của tôi đang chết dần chết mòn”*

NAQ được mời đi dự đại hội với tư cách đại diện cho nhóm các đảng viên từ Đông Dương.

Đại hội khai mạc ngày 25/12/1920 trong một trường dạy đua ngựa cạnh nhà thờ St. Julian trên bờ nam sông Loire. Gian đại hội được trang trí bằng các bức ảnh nhà xã hội Jean Jaure và những khẩu hiệu kêu gọi giai cấp công nhân đoàn kết. Bục phát biểu được dựng tạm bằng những tấm ván gỗ đặt lên trên các giá cửa. 285 đại biểu đại diện cho 178,000 đảng viên, ngồi sau các bàn gỗ theo khuynh hướng chính trị của mình. NAQ ngồi với cánh tả do Marcel Cachin lãnh đạo. Chủ đề chính của đại hội là có tham dự QTCS hay không?

Với bộ comple rộng thùng thình trên một cơ thể mảnh khảnh của đại biểu châu Á duy nhất, NAQ nổi bật giữa một đám hàng trăm tay người Âu râu ria xồm xoàm. Vì thế ảnh Quốc được báo Le Matin đăng ngay sáng hôm sau. Lăn theo bức ảnh, cảnh sát mò đến định tóm NAQ, nhưng các đại biểu đã xúm vào bảo vệ được Quốc.

NAQ đã lên diễn đàn ngay hôm đầu tiên của hội nghị. Ông nói một mạch, không cần giấy tờ và đi thẳng vào vấn đề, đã kích sự tàn bạo của chế độ thực dân và kêu gọi các nhà xã hội hành động ủng hộ các dân tộc bị áp bức. Bài diễn thuyết của ông bị Jean Longuet cắt đứt với lý do rằng ông ta đã bàn đến chuyện đầy ròi. Quốc đã nhanh trí ví von ngay với quan điểm của Max (ông của JL): *“tôi đành phải áp dụng chuyên chính của sự im lặng”*. Theo Quốc, chỉ có gia nhập quốc tế III mới chứng tỏ rằng FSP đánh giá được tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. *“Nhân danh loài người, nhân danh tất cả các nhà xã hội cánh hữu và cánh tả, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các đồng chí. Hãy cứu chúng tôi”* đó là những lời cuối cùng của bài phát biểu của NAQ.

Ngay sau đó Jean Longuet vội vã giải thích rằng ông ủng hộ nhân dân Việt nam và vấn đề đang được thảo luận ở quốc hội. Nhưng Couturier đã bác bỏ luận điểm đó: nhân dân thuộc địa đang cần những hành động chứ không phải các cuộc thảo luận.

Ngày 27, Cachin chính thức đề nghị FSP chấp nhận những điều kiện của Lênin và gia nhập quốc tế III. Hơn 70% đại biểu ủng hộ. Những người đối lập đã rời khỏi hội trường để phản đối. Các đại biểu còn lại đã biểu quyết tách ra khỏi FSP và thành lập Đảng cộng

sản Pháp (FCP). Tuy nhiên chẳng có cuộc thảo luận tiếp theo nào về vấn đề thuộc địa và chủ tịch đoàn đã từ chối đề nghị (chắc là của NAQ) ra một thông cáo ủng hộ các dân tộc thuộc địa.^{xxi}

Tại đại hội Tour, NAQ đã đưa ra chính kiến rõ ràng, ông không chỉ quan tâm đến sự thành công của cách mạng quốc tế mà còn cả vận mệnh của dân tộc mình. Trong một nhận xét gửi cho bạn mình Quốc viết: *“Tôi không có may mắn được học hành trong trường đại học. Nhưng tôi đã được học trong cuộc sống từ lịch sử, xã hội đến khoa học quân sự. Người ta phải yêu quý điều gì? Kinh thường điều gì? Người Việt nam chúng tôi yêu độc lập, lao động và tổ quốc”*.

Nhưng NAQ cũng bắt đầu cảm thấy thất vọng về các đồng nghiệp của mình ở FCP. Tháng 2/1921, NAQ bị ốm phải vào viện. Khi khỏi bệnh, Q viết bài “Đông Dương” cho tạp chí Người Cộng sản. Bài báo đã thể hiện thái độ phê bình gay gắt đối với sự thiếu quan tâm của FCP tới các vấn đề thuộc địa. Ngược lại với quan điểm thế giới vô sản đại đồng, NAQ khẳng định: *“các dân tộc Đông dương sẽ sống mãi”*. Ông cũng từ bỏ hy vọng giành được mục tiêu mà không phải dùng đến vũ lực. *“Dưới bề ngoài để bảo là sự bất bình đang sôi sục, chờ dịp bùng nổ”*.

Trong bài báo thứ hai dưới cùng một tiêu đề viết trong tháng 5, NAQ đề cập đến khả năng tiến hành cách mạng tại các nước thuộc địa. Nên nhớ rằng, tại thời điểm đó, các nhà cách mạng cấp tiến châu Âu cho rằng phải còn lâu các dân tộc chậm tiến mới có thể tiến hành cách mạng. Cũng trong tháng đó, Stalin đăng đàn trên báo Sự thật khẳng định *“các dân tộc tiên tiến sau khi tự giải phóng bản thân, sẽ có trách nhiệm giải phóng các dân tộc chậm tiến”*. Về phía mình, NAQ cho rằng các điều kiện cách mạng đã hình thành ở Trung quốc và Nhật bản, rất có thể một ngày gần đây, Trung quốc sẽ là đồng minh với Nga trong cách mạng toàn cầu. Quả là một sự tiên tri khi tình hình ở Trung quốc lúc đó còn đang rối ren sau cái chết của Viên Thế Khải và Tôn Dật Tiên thì phải đi tị nạn.

NAQ đã dẫn ra những chứng cứ lịch sử cho rằng chủ nghĩa cộng sản có nhiều cơ hội để phát triển ở châu Á hơn châu Âu. Người Trung hoa cổ đại đã áp dụng hệ thống “bình điền”, chia ruộng đất thành những phần bằng nhau cho nông dân và dành một phần cho ruộng công. Hơn 4000 năm trước, nhà Hạ đã áp dụng chế độ lao động bắt buộc. Và chính Khổng Tử đã qua mặt Quốc tế cộng sản khi tuyên truyền học thuyết về bình đẳng tài sản từ thế kỷ 6 trước công nguyên. Ông nói, sẽ không có hoà bình cho thế giới cho đến ngày xây dựng được một nhà nước toàn cầu. Ông còn thuyết giảng: *“người ta không sợ có ít, chỉ sợ chia không bình đẳng”*. Một trong những học trò của ông là Mạnh Tử còn đi xa hơn trong việc xây dựng kế hoạch chi tiết cho sản xuất và tiêu thụ. Những truyền thống như vậy vẫn còn ảnh hưởng to lớn trong những xã hội châu Á. Chẳng hạn, Việt nam đã áp dụng những hạn chế trong việc mua bán đất đai, 1/4 đất ruộng được sử dụng như tài sản công. Khi các dân tộc châu Á thức dậy, họ sẽ trở thành một thế lực to lớn của cách mạng, lật đổ chủ nghĩa đế quốc toàn cầu.

NAQ còn dùng ngòi bút của mình để vạch trần những ảo tưởng của xã hội văn minh Pháp. Trong bài báo với nhan đề: *“nền văn minh thượng đẳng”*, viết tháng 9 năm đó, NAQ chế diễu nguyên tắc tam ngôi của cách mạng Pháp, sử dụng những ví dụ cụ thể trong một cuốn hồi ký của 1 người lính Pháp. Trong tờ *Le Libertaire*, Quốc kể lại những sự tàn bạo của các thầy giáo Pháp ở trường quốc học Huế, ngay dưới khẩu hiệu *Aimez la France, qui vous protege*.

Chính quyền Pháp càng ngày càng theo dõi NAQ chặt chẽ hơn vì sự cấp tiến của ông. Đầu năm 1921, Albert Sarraut lại mời Quốc lên Bộ thuộc địa và tuyên bố “Nếu Pháp trả

lại độc lập của Đông Dương cho ông, ông làm sao có thể điều hành được. Các ông làm gì có đủ sức mạnh”. NAQ đã trả lời “Ngược lại, các ông sẽ thấy chúng tôi sẽ biết cách cai trị như thế nào. Nhật bản và Xiêm cũng chẳng có bề dày lịch sử hơn chúng tôi, và họ là những dân tộc tự do”. Đến đó, AS chủ động đổi chủ đề.^{xxiii}

Việc Quốc tham gia Đảng cộng sản Pháp đã làm tình hình tại Villa des Gobellin thêm căng thẳng. Một người bạn thân của Quốc là Trần Tiến Nam đã tâm sự với 1 cô bạn gái của mình (trong thời gian Đại hội Tour) là ít người đồng tình với quan điểm của NAQ. Cảnh sát theo dõi ngôi nhà cũng thông báo là thường xuyên có những cuộc cãi lộn. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào tháng Bảy. Ngày 6/6, Quốc tham gia vào đoàn biểu tình công nhân kỷ niệm những chiến sĩ ngã xuống trong Công xã Paris 1871, bị cảnh sát đánh toi bời may mắn thoát được về nhà. Bạn cùng phòng được một phen khiếp vía. Trần Tiến Nam vội vàng chuyển chỗ vì sợ dính líu. Ngày 11/7, cảnh sát báo cáo đã xảy ra một cuộc cãi vã lớn từ 9h tối tới tận sáng hôm sau. Quốc thu xếp hành lý bỏ đến ở với mình là Võ Văn Toàn ở 12 Rue Buot. Một tuần sau, Paul Couturier thu xếp được cho Quốc một căn phòng nhỏ tại số 9 ngõ cụt Compoinet khu công nhân Batignolles - Tây bắc Paris. Chỗ ở mới thật là thảm hại so với tiện nghi tại Villa des Gobellin. Căn phòng chỉ vừa đủ để kê một chiếc giường, một chiếc bàn nhỏ và tủ quần áo. Cửa sổ nhòm thẳng vào tường nhà người khác. Không điện, nước, lò sưởi.

Công việc của NAQ cũng thay đổi thường xuyên, anh làm thợ tô màu cho PCT đến ngày 7/1920. Sau đó chuyển sang vẽ bích hoạ cho một nhà sản xuất đồ gỗ Tàu ở khu Latin. Lại chuyển đến hiệu ảnh tại phố Froidevaux. Cuối cùng Q cũng tìm được một chỗ làm ở hiệu ảnh gần nhà sau khi chuyển khỏi Villa des Gobellin. Nhưng đồng lương còm cõi khoảng 40 fr/tuần có vẻ chẳng ảnh hưởng gì đến lối sống của Q. Anh vẫn thường xuyên dự các cuộc miting, thậm chí ở tỉnh xa, thăm triển lãm, đi thư viện, thù đãi bạn bè trong căn phòng nhỏ của mình. Trong số những người quen mới có ca sĩ Maurice Chevalier và nhà văn Collete. Chắc chắn là NAQ được FCP tài trợ thêm.^{xxiii}

Cuộc chia tay tại Villa des Gobellin có lẽ đã được khơi mào bằng sự bất đồng xung quanh việc thành lập Ủy ban các vấn đề thuộc địa thuộc FSP. Khoảng giữa tháng sáu, Quốc đã dẫn PCT đến dự một cuộc họp của Ủy ban. Vài tuần sau, Quốc dự cuộc họp thứ hai tại Fontaineblau. Sau khi trở về 2 ngày, đã xảy ra cuộc cãi lộn cuối cùng (cảnh sát còn thông báo là trước đó 1 ngày có 6 người đàn ông lạ mặt đến căn hộ). Một trong những hoạt động đầu tiên của ủy ban là thành lập Hội Liên thuộc địa, nhằm tạo một tiếng nói chung cho đại diện tất cả các thuộc địa hiện đang sinh sống ở Pháp. Lúc mới thành lập hội có khoảng 200 thành viên, chủ yếu là Việt nam và Madagascar, thêm vài thành viên Bắc Phi và Ấn độ. NAQ là động lực chủ yếu của tổ chức mới cùng với Nguyễn Thế Truyền, Max Bloncourt, Hadj Ali người Alger. Chính tại đây anh hiểu ra những khó khăn to lớn khi liên kết các lực lượng thuộc địa thành một tổ chức thống nhất. Người Việt thì đòi một tổ chức thuần Việt, người Phi thì cho rằng dân châu Á kiêu căng, hợm mình. Một số phần tử cấp tiến châu Âu muốn tham dự thì lại bị cho ra rìa... Các cuộc họp cứ vắng dần, từ hơn 200 người xuống còn khoảng 50. Trong một phiên họp thậm chí chỉ có 27 mống, kể cả hai cô gái Pháp, bồ của các thành viên. Q cũng có một số bạn gái nhưng chẳng dính dáng gì đến chính trị. Tuy nhiên Q cũng đã có một thành công nhỏ là thuyết phục được Phan Văn Trường tham gia.

Hội họp chẳng phải là hoạt động duy nhất của Q trong thời gian này. Anh đã học được từ những người bạn Pháp cách sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền cách mạng. Được sự đồng tình của uỷ ban và Hội, Q thành lập báo Le Paria (Người cùng

khô) viết bằng tiếng Pháp, nhưng có thêm tiêu đề tiếng Hoa và Arab. Báo ra hàng tháng và số đầu tiên ra ngày 1/4/1922. NAQ là tổng biên tập kiêm phóng viên chính, và thỉnh thoảng kiêm luôn cả việc trình bày và phát hành. Qua các trang NCK, Quốc tiếp tục rèn luyện kỹ năng viết báo của mình. Lối viết của anh đơn giản, không hoa mỹ, chịu ảnh hưởng nhiều của Leo Tonstoi. Q chủ yếu dựa trên các sự kiện và con số để nêu quan điểm của mình. Độc giả có cảm tưởng như Q là một từ điển thông kê sống về cuộc sống khổ cực tại các thuộc địa. Đôi khi, anh sử dụng giọng văn châm biếm thay cho các con số. Lối châm biếm của anh cũng rất trực diện, đi thẳng vào vấn đề không mang tính triết lý như Lỗ Tấn thời bấy giờ. Sau này, rất nhiều nhà nghiên cứu cũng không thể hiểu nổi, tạo sao một con người có sự quyến rũ cá nhân sâu sắc và một tính cách huyền ảo lại có thể áp dụng một cách hành văn có vẻ vụng về và đơn giản như vậy. Đây chính là chìa khoá của tính cách và sự hiệu quả trong hoạt động cách mạng của HCM. Không giống như nhiều lãnh tụ Marxist khác, HCM luôn coi độc giả của mình là tầng lớp bình dân: nông dân, thợ thuyền, viên chức, binh lính, chứ không phải các trí thức của xã hội. Ông không có ý định gây ấn tượng bằng sự uyên bác, sắc sảo của mình mà thuyết phục độc giả bằng sự đơn giản và sống động, để chia sẻ các quan điểm về thế giới và con đường tiến tới thay đổi. Độc giả sành điệu sẽ có khi cảm thấy chán ngấy, ngược lại, những bài viết tố cáo, kêu gọi lại có sức mạnh phi thường. Phút chốc, NCK đã trở nên nổi tiếng là tiếng nói đại diện cho các dân tộc bị áp bức. Bất cứ ai sẽ bị bắt ngay lập tức nếu bị bắt gặp đang đọc báo. NAQ nhớ lại *“Hầu như tất cả các số báo đều được Bộ thuộc địa mua hết”*. Tuy nhiên một số lượng nhỏ cũng được chuyển về các thuộc địa qua kênh các thuỷ thủ. Đồng thời, NAQ vẫn tiếp tục viết cho các báo cánh tả khác tại Paris. Năm 1922, Khải Định sang Pháp dự Triển lãm thuộc địa, được tiến hành từ tháng 4 đến tháng 8 tại Marseille. Mặc dù đã được Sarraut đề nghị im lặng, NAQ và PCT vẫn tận dụng cơ hội này. Trên tờ Dán báo, 9/8/1922, Q miêu tả Khải Định như một món đồ trang trí được bày trong tủ kính của Triển lãm trong khi dân chúng thì bị đày xuống bùn đen. NAQ còn viết vở kịch *“Con rồng tre”* được công diễn tại CLB Fabourg. Sự khinh quân này đã đẩy cha con NAQ tới sự chia rẽ sâu sắc hơn. Khi nhận được tin con, SẮC đã tuyên bố, đưa con nào không công nhận hoàng đế, đưa con đây cũng không có cha.

Chuyến đi thăm của Khải Định là cơ hội cuối cùng cho Q và Trinh đứng trên một trận tuyến. Trước đó, tháng 2/1922, Trinh đã gửi cho Quốc một lá thư. Mặc dù vẫn bảo vệ quan điểm của mình về việc nhấn mạnh giáo dục, Trinh tự nhận mình là một *“con ngựa già”*, con Q đang là một *“chú ngựa hoang”* đầy sức sống. Tuy nhiên Trinh khuyên Q đừng mất thời giờ tại nước ngoài như Phan Bội Châu mà hãy về nước chiến đấu. Nếu chẳng may thất bại, sẽ có người khác đứng lên tiếp tục. Q lại có những kế hoạch khác. Bây giờ anh đã trở nên một nhân vật chủ chốt trong phong trào cấp tiến của Pháp. Được sự trợ giúp của George Pioch, kỹ năng phát biểu của anh đã hoàn thiện và Q thường xuyên tranh luận với các lãnh đạo chủ chốt của FCP. Anh cũng bị mật thám Pháp quan tâm kỹ lưỡng. Ngày 22/6/1922, Albert Sarraut lại mời Q lên Bộ thuộc địa. Sau khi đe dọa sẽ trừng trị thẳng tay những hoạt động nhập khẩu cách mạng vào Đông Dương, AS định mua chuộc Q: *“Tôi rất kính trọng ý chí của anh. Hãy để quá khứ thành quá khứ. Chúng ta đã là bạn. Khi nào anh cần gì cứ bảo tôi”*. NAQ đứng dậy cảm ơn và nói: *“Điều tôi cần nhất trong cuộc đời là độc lập cho đồng bào của tôi. Xin phép ngài cho tôi đi”*. Vài ngày sau, Quốc viết thư cho Bộ thuộc địa. (Bức thư này cũng được công bố trong báo Nhân đạo và Người cùng khổ). Trong thư Q đã cảm ơn chính phủ Pháp đã cung cấp một

số “phụ tá” (tức các mật thám theo dõi) và rất lầy lăm “xấu hổ” vì đã tiêu tốn mồ hôi của giai cấp vô sản. Q cũng cung cấp luôn lịch hoạt động hàng ngày của mình

“Sáng: từ 8h-12h, tại cửa hàng

Chiều: tại toà báo

Tối: ở nhà hoặc đi học

Chủ nhật/ngày nghỉ: viện bảo tàng, thăm quan

Tôi mong rằng phương pháp này sẽ làm Ngài hài lòng, kính thư – Nguyễn ái Quốc”

Sarraut tất nhiên là chẳng có bụng dạ nào để ý đến sự châm biếm của Q. Ông này liên lạc với Toàn quyền Đông dương Maurice Long, đề nghị bắt và đưa về VN. Long cho rằng cứ nên giữ Q ở Pháp, để theo dõi hơn. Sarraut lại đề nghị đầy Quốc đến vùng Nam Trung Quốc. Long cũng không đồng ý, sợ Q có thể lãnh đạo cách mạng trong nước từ đó.

Tuy nhiên điều làm Q thất vọng hơn cả là thái độ của các đồng chí trong cánh tả Pháp về vấn đề thuộc địa. Sau khi xuất hiện rùm beng, Hội Liên thuộc địa nhanh chóng bị lãng quên. Theo Q ngay cả báo Nhân đạo cũng không quan tâm đến vấn đề đúng mức. Q cho rằng các báo tư sản còn miêu tả thuộc địa kỹ hơn, thậm chí đã tạo cho mọi người hình ảnh các nước thuộc địa hết sức mỹ mãn: “cát, mặt trời, gió biển, những hàng dừa xanh và các thổ dân loè loẹt”. Điều này làm cho giọng điệu của Q ngày càng trở nên chống Pháp. Trong loạt bài báo miêu tả cảnh khổ cực của các công nhân cảng Marseilles cuối năm 1921, Q đã ký tên Nguyễn Ô Pháp (tức là ông Nguyễn ghét Pháp). Q còn tranh luận nảy lửa với một lãnh đạo của FCP về vấn đề thuộc địa. Đến nỗi, Jacques Doriot – một ngôi sao mới nổi của FCP phải thì thầm khuyên Q dịu giọng.

Tháng 3/1923, một mặt để tiết kiệm tiền, mặt khác tiện làm việc, Q chuyển từ ngõ Compoint đến căn phòng 100fr/tháng ở tầng trên của trụ sở báo NCK tại Rue du Marche des Patriarches. Đây là chỗ ở cuối cùng của Q ở Paris. Một nhân vật Việt nam quan trọng đã giúp Q rất nhiều trong việc phát hành báo là Nguyễn Thế Truyền. Truyền sinh năm 1898, đến Paris năm 1920 để nghiên cứu kỹ nghệ. Năm 1921 Truyền gia nhập FCP và trở thành đồng minh thân cận nhất của Q trong cộng đồng Việt nam.

Trong một lần đại hội FCP vào tháng 10 năm trước, NAQ gặp Dmitri Manuilsky, đại diện của QTCS tại Liên xô. Ông này rất đặc ý nghe Quốc đả phá kịch liệt sự thiếu quan tâm đến các vấn đề thuộc địa của FCP. Nhiều tháng sau, khi Manuilsky được phân công chuẩn bị bản báo cáo về các vấn đề dân tộc và thuộc địa cho Đại hội 5 QTCS mùa hè năm 1924, ông lập tức nhớ đến chàng thanh niên Việt nam đầy nhiệt huyết. Q được mời đến Moscow làm việc cho QTCS.

Đối với Q, lời mời đến Moscow là phần thưởng to lớn cho nhiệt huyết anh đã bỏ ra cho Đảng. Đây cũng là cơ hội to lớn để Q quay về châu Á và Việt nam. Nhưng vốn tính cẩn thận, Q thông báo cho bạn bè là chuẩn bị đi nghỉ 3 tuần ở miền Nam Pháp. Ngày 13/6/1923, sau khi không để lại một chút nghi ngờ nào cho 2 “trợ lý” của cảnh sát Pháp, Q đi ra cửa sau của một rạp chiếu bóng, đến Gare du Nord và lên tàu đi Berlin trong vai một nhà buôn châu Á giàu có. Đến Berlin, Q đi tiếp đến Hamburg, lên tàu *Karl Liebknecht* đến nước Nga Xô viết. Ngày 30/6 Q cập bến Petrograd với hộ chiếu của một nhà buôn Trung quốc Trần Vang^{xxiv}

Chuyến đi của NAQ đã làm cho cả cảnh sát Pháp và những người bạn của Q nhưc đầu. Q đã chính thức nói không với con đường cải cách của PCT để đi theo Vladimir Lenin.

“Mặc dù Q còn trẻ và có thể có những hành động thiếu suy nghĩ. Nhưng điều quan trọng là anh ta có một trái tim của con người yêu nước. Anh đã chọn con đường cô đơn và đầy gian khó để giải phóng dân tộc mình. Và tất cả chúng ta phải kính trọng trái tim can đảm

đó". Đó là những lời tâm huyết của PCT dành cho người đồng chí trẻ tuổi của mình trong bức thư gửi cho bạn bè tháng 9/1923.

Nhà cách mạng tập sự

Năm 1923, Nước Nga đang phục hồi từ 7 năm chiến tranh, cách mạng và nội chiến. Ngoài Moscow, Petrograd và một số thành phố lớn thuộc phần lãnh thổ châu Âu, cuộc cách mạng tháng 10 vẫn chỉ là cuộc “Cách mạng trên điện báo” (theo lời của Leo Trotsky). Trên những cánh đồng Nga mênh mông, gần 50 000 đảng viên Bolsheviks đang tìm cách thuyết phục hàng chục triệu nông dân Nga, vốn chẳng biết gì về những ý tưởng của Karl Max, lại càng không quan tâm đến số mệnh của cách mạng vô sản thế giới. Để điều chỉnh lại chính sách cưỡng đoạt mà nhà nước Bolshevik đã sử dụng để thiết lập quyền lực của mình trong cuộc nội chiến, Lenin đã buộc phải thừa nhận rằng nước Nga xô viết phải đi qua giai đoạn quá độ của chủ nghĩa tư bản. Năm 1921, Lenin tung ra chính sách kinh tế mới NEP, công nhận quyền tư hữu ruộng đất, áp dụng chế độ thuế thay cho trưng thu, nhà nước chỉ kiểm soát những ngành công nghiệp quan trọng. Những cảm tưởng đầu tiên của NAQ tại thiên đường của CNXH, cái mà anh đã từng tô màu rực rỡ trong những bài báo hồi còn ở Pháp, không được dễ chịu cho lắm. Q bị giữ lại mấy tuần trong không khí căng thẳng, cho đến khi có một đại diện của FCP đến nhận diện. Sau đó Q được phân làm việc tại văn phòng Viễn đông của QTCS (gọi tắt là Dalburo)

Dalburo được thành lập tháng 6/1920 theo sáng kiến của Maring (Người Hà lan tên thật là Hendrik Sneevliet, sau này trở thành cố vấn thường trực cho Đảng CS Trung quốc), do nhà Đông phương học người Nga, Safarov lãnh đạo. Mục tiêu là tuyên truyền cho tư tưởng cách mạng tại vùng Trung đông và Viễn đông. Maring còn đề nghị thành lập các trường học để huấn luyện cho những hạt nhân cách mạng từ châu Á và châu Phi. Vô cùng nhanh nhạy trong việc gây ấn tượng, mới chân ướt, chân ráo đến nơi Q đã viết thư cho ban chấp hành trung ương FCP, đả kích cơ quan này đã không thực hiện đúng nghị quyết của đại hội 4 QTCS về việc mở rộng các hoạt động liên quan đến các vấn đề thuộc địa. Anh nhấn mạnh “nhân dân thuộc địa được hứa hẹn mà không thấy có hành động, tự nhiên sẽ đặt câu hỏi, liệu các đồng chí cộng sản là nghiêm túc hay lừa bịp”. Cuối thư Q nhắc lại, điều kiện tiên quyết để gia nhập QTCS là cam kết tiến hành một cách có hệ thống các hoạt động tuyên truyền để hỗ trợ giải phóng các dân tộc thuộc địa. Q cũng viết thư cho chủ tịch đoàn chủ tịch QTCS, trình bày các ý tưởng của mình để ủng hộ cuộc đấu tranh ở Đông Dương. NAQ miêu tả Việt nam như một thuộc địa chỉ có 2% vô sản mà lại vô tổ chức, tầng lớp trung lưu bé tí tập trung ở vài thành phố lớn, giai cấp tiểu tư sản ủng hộ độc lập nhưng không có chủ kiến chính trị rõ ràng, nông dân thì đông, bị áp bức và nếu được tổ chức tốt sẽ có tiềm năng lớn. Q cũng nhấn mạnh, động lực cách mạng chủ yếu bây giờ nằm trong tay các trí thức và nhà nho yêu nước. Bởi thế Q cho rằng mục tiêu đầu tiên là phải có hành động chung giữa các lực lượng cách mạng dân tộc và Đảng cộng sản.

Tư tưởng của NAQ chính là tư tưởng của Lenin trong “Luận cương các vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Mặc dù những tư tưởng đó không còn là rất mới như thời sau đại hội 2 của QTCS, nhưng các nhà lãnh đạo xô viết buộc phải chú ý đến chàng thanh niên châu Á đầy tham vọng này và tính đến anh trong các nước cờ lâu dài ở châu Á.

Năm 1923, quan điểm của Lenin về một nhà nước công nông trong các xã hội chưa qua cuộc cách mạng công nghiệp lại được khuấy lên. Năm 1922, một số kẻ theo chủ nghĩa dân túy đã lập nên “Quốc tế xanh” ở Prague, khuyến khích thành lập các đảng nông dân với đường lối chính trị mới. Các phần tử cấp tiến Đông Âu, do Dombal (đảng viên cộng

sản người Balan) khởi xướng, cũng muốn QTCS phải có một tổ chức tương tự để lôi kéo sự ủng hộ của nông dân. Tuy không hào hứng lắm nhưng ban chấp hành QTCS cũng quyết định lợi dụng Triển lãm nông nghiệp quốc tế tại Moscow để tổ chức hội nghị Nông dân quốc tế vào ngày 10/10/1923. Những nhà tổ chức cũng gom được khoảng 150 đại biểu từ các nước tham dự triển lãm. NAQ được bầu đại diện cho Đông Dương. Trong bài phát biểu của mình vào ngày 13, NAQ, qua các ví dụ và sự kiện đơn giản, đã chỉ ra rằng nông dân là nạn nhân bản cùng nhất của chủ nghĩa đế quốc. Bởi thế, Q kết luận QTCS chỉ có thể là QTCS chân chính nếu có được sự tham gia tích cực của nông dân châu Á.

Hội nghị đã quyết định thành lập Quốc tế Nông dân do A. Smirnov làm tổng thư ký.

NAQ được bầu làm 1 trong 11 thành viên của chủ tịch đoàn của Hội đồng Nông dân quốc tế.

Tháng 12/1923. NAQ nhập học tại Đại học Cộng sản cho những người bị áp bức phương Đông. Trường này do Lenin lập ra từ năm 1921, nhưng lại đặt dưới quyền của Stalin nên còn được gọi là trường Stalin, chuyên dạy cho các học viên từ các nước châu Á và các học viên không phải dân tộc Nga từ miền đông Nga. Một trường khác, gọi là trường Lenin, chuyên đào tạo cán bộ cho châu Âu.^{xxv}

Trường có khoảng 1000 học viên từ 62 dân tộc khác nhau, trong đó 900 là đảng viên cộng sản, 150 là phụ nữ, khoảng một nửa xuất thân từ nông dân, số còn lại là công nhân và “trí thức vô sản”. Có vẻ NAQ là học viên đầu tiên từ Đông Dương.

Khoảng 150 giáo viên dạy đủ các môn từ Toán học cho tới Lịch sử phong trào cách mạng và công nhân cũng như chủ nghĩa Max, trong ngôi nhà số 10 trên phố Tverskaya. Học viên còn được học các hoạt động cách mạng như tổ chức biểu tình, rải truyền đơn. Học viên đều dùng bí danh trong sinh hoạt. Các môn học được dạy bằng tiếng Pháp hoặc tiếng mẹ đẻ. Tiếng Nga được khuyến khích sử dụng trong giao tiếp. Năm học kéo dài từ tháng 9 tới tháng 7 với 3 tuần nghỉ Noel, 1 tuần nghỉ Xuân và nghỉ Hè. Trường có hai trại hè ở Crum. Vào các kỳ nghỉ, học viên được huy động tham gia tăng gia sản xuất. Điều kiện học tập ở đây khá lý tưởng, trường có 2 thư viện với gần 47000 đầu sách. Mỗi dân tộc lớn đều có phòng riêng với các sách báo bằng tiếng mẹ đẻ.

Ngay sau lễ kỷ niệm 3 năm ngày thành lập trường, Q đã viết thư cho Petrov, bí thư Dalburo, phản nản là hầu như chẳng có người Việt nam nào học ở đây cả. Q đề xuất trường Stalin đặc biệt quan tâm đến đào tạo đội ngũ cán bộ thế hệ mới cho châu Á tiến tới thành lập Liên bang Cộng sản Phương Đông.

Trường Phương Đông có hai mức: căn bản 3 năm và tại chức 7 tháng. Nhiều khả năng là Q học lớp 7 tháng vì anh còn phải làm việc tại QTCS. Lãnh đạo QTCS coi Q là một thành phần quan trọng, thêm đại diện cho các nước châu Á và thuộc địa trong vô khối những tổ chức quốc tế được thành lập thời bấy giờ. Anh được mời đến quảng trường Đỏ dự miting và phát biểu trong ngày quốc tế lao động với tư cách là thành viên của Quốc tế lao động Đỏ. Q còn dự đại hội của Quốc tế phụ nữ và nói chuyện với vợ góa của Lenin: Krupskaya.

Bằng vô số cách khác nhau, Q dần dần trở thành một nhân vật nổi bật trong giới lãnh đạo QTCS và quen thân với các cây đa cây đề như Bukharin, Dmitrov, Thalemann, Kuusinen. Q còn chơi với một số bạn bè Trung quốc học cùng trường như Chu Ân Lai. Q cũng gặp Tưởng Giới Thạch khi ông này thăm Nga 3 tháng cuối hè năm 1923. Có vẻ như mọi người đều thích Q. Ruth Fischer, một nhà cộng sản cội người Đức nhận xét: “NAQ không gây ấn tượng từ lần gặp đầu tiên, anh ta chinh phục bằng lòng hào hiệp và sự giản dị”. Là một người thực tế, không tham gia các cuộc tranh luận vô bổ về học thuật, Q đã

tránh được sự bất đồng đang hình thành lúc đó trong giới lãnh đạo xô viết, dẫn đến sự méo mó của Đảng Bolsevic và QTCS trong thập kỷ tiếp theo.

Nhà báo Ossip Mandelstamd, người đã phỏng vấn Q tháng 12 năm 1923 cho báo “Ngọn lửa nhỏ” viết về Q:

Một người trẻ tuổi mảnh dẻ, thám hiểm những triết lý của đạo Khổng, với cặp mắt to và xuyên thấu. Khi anh ta nói về đất nước mình, cả người anh như co giật, mắt anh chói lên những tia hào quang. Anh ta phát âm từ “văn minh” với một sự ghê tởm lộ rõ, và đặc biệt phần uất với việc nhà thờ Thiên chúa chiếm mất 1/5 đất trồng trọt của đồng bào anh

Boris Souvarin, người sau này đã rời bỏ FCP, tuyên bố: “*Q đã trở thành một người Stalinist hoàn hảo*”

Chỉ có một người không mấy ấn tượng với Q. Đó là M. Roy, một đảng viên cộng sản Ân. Ông này cho rằng Q là một người yếu đuối cả về thể xác và tư tưởng. Trớ trêu thay, chính Q là một trong số ít người ủng hộ luận điểm của Roy cho rằng các nước châu Á cũng có thể làm cách mạng. Roy sau này trở thành đặc phái viên của QTCS tại Trung quốc và theo nhiều nhà quan sát, chính sự yếu kém của ông này đã làm Đảng cộng sản Trung quốc thất bại trong cuộc tranh giành quyền lực năm 1927.

Quốc còn dành nhiều thời giờ để viết cho các báo cánh tả ở Pháp cũng như *Inprecor* (cơ quan ngôn luận của QTCS). Chủ đề của ông rất rộng: từ chủ nghĩa đế quốc ở Trung quốc, 3K ở Mỹ, thiên đường Liên xô đến sự cùng khổ của nhân dân Đông dương. Cùng với các bạn Trung quốc tại trường Stalin, Q viết một cuốn sách nhỏ: “Trung quốc và thanh niên Trung quốc” xuất bản bằng cả tiếng Nga, Trung và Anh. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Q trong thời kỳ ở Nga, và có lẽ trong cả cuộc đời là cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”, được xuất bản ở Paris năm 1926 (NXB Lao động). Tác phẩm chủ yếu đả kích chế độ thực dân Pháp tại Đông dương, tuy cũng có vài dẫn chứng khác tới các thuộc địa châu Phi.

Tuy nhiên cách hành văn dông dài cũng như trình bày câu thả làm có nhà nghiên cứu cho rằng, có lẽ ai đó đã mượn tên Q để xuất bản. Tuy nhiên nếu xét kỹ giọng điệu và văn phong, có vẻ như vẫn là Q. Chắc chắn là cuốn sách đã được ra đời một cách vội vàng.^{xxvi}

Một điều dễ nhận thấy trong các bài viết của Q là niềm tin “ngây thơ” với Liên xô và đặc biệt là tình cảm với Lenin. Có lẽ thất vọng lớn nhất trong đời Q là không được gặp Lenin. Năm 1923, khi được hỏi mục đích đến Liên xô, Q đã trả lời: để gặp Lenin. Rất tiếc tháng Giêng năm 1924, Lenin qua đời. Giovanni Germanetto, một người quen Italia của Q kể lại: “*Matxcova, tháng giêng 1924, lạnh buốt, nhiệt độ xuống dưới -40. Lenin mất mấy ngày trước đó. Có tiếng gõ nhẹ vào cửa phòng chúng tôi ở khách sạn Lux. Một người thanh niên châu Á mảnh dẻ bước vào tự giới thiệu là NAQ. Anh nói muốn đi tiễn đưa Lenin. Tôi khuyên anh nên ở nhà đợi thêm một chút vì thấy anh ta ăn mặc rất mỏng manh. Chúng tôi uống chè rồi Q về phòng mình.*

Quãng 10h đêm lại thấy có tiếng gõ cửa. Vẫn đồng chí Q. Mặt, tay, mũi, tai tím ngắt vì lạnh. Anh lập cập nói đã đến thăm Lenin. Anh không thể đợi được đến ngày mai để viếng người bạn tốt nhất của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.... Cuối cùng anh xin chúng tôi một chén trà nóng”

Theo Yevgeny Kobelev, sau khi dự đám tang Lenin, Q đã giam mình vào trong phòng và viết: “*Người là cha, anh, thầy, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Người là ngôi sao dẫn đường cho các dân tộc bị áp bức. Người sẽ sống mãi trong hành động của chúng ta*”^{xxvii}

Tuy nhiên nếu để ý đến những chi tiết nhỏ nhặt, dễ nhận thấy là không phải cái gì tại nước Nga xôviết cũng làm Q dễ chịu. Tháng 12/2003, người ta phen cho Q vào 1 buồng của khách sạn Lux với 4-5 anh bạn nữa. Và có vẻ mấy anh này không phải là những

người đồng phòng dễ chịu. Tháng 3, Q viết thư kêu cứu: “*ban ngày tôi không ngủ được vì ồn, ban đêm tôi không ngủ được vì rận/rệp*” Cuối cùng Q được chuyển sang một phòng khác.

Về chiến lược đường lối cách mạng, cũng chẳng phải mọi thứ đều suôn sẻ. Từ khi đặt chân đến Nga, Q liên tục thả bom xuống những người bạn có thể lực của mình về các vấn đề thuộc địa. Trong một bức thư viết tháng 2/1924 cho người bạn tại Trung ương QTCS (chắc là Manuilsky), Q cảm ơn bạn đã nêu vấn đề thuộc địa tại hội nghị của FCP ở Lyon. Cũng ngày đó, Q viết thư cho Tổng thư ký QTCS Grygori Zinoviev đòi được gặp mặt thảo luận về vấn đề thuộc địa. Không được trả lời, Q viết lá thư thứ hai kêu ca là tại sao không trả lời lá thư thứ nhất. Zinoviev quyết định lờ đi.

Chẳng biết Q định thảo luận gì với Zinoviev, nhưng tháng Tư, Q công bố bài báo: “*Đông dương và Thái bình dương*” trong tạp chí *Inprecor*. Ông tuyên bố giai cấp vô sản châu Âu thực là ngây thơ khi cho rằng các vấn đề châu Á chẳng liên quan gì đến họ. Sự bóc lột các thuộc địa không những đang làm giàu cho các nhà tư bản và các chính trị gia vô liêm sỉ mà còn dẫn đến hiểm họa chiến tranh đế quốc. Khi đó thì công nhân châu Á và Đông dương chết, giai cấp vô sản châu Âu cũng bị hiểm họa. Tầm quan trọng của “vấn đề phương Đông” đã được Roy nêu lên từ Đại hội 2 năm 1920 nhưng bị các đồng chí châu Âu gạt đi. Họ cho rằng, trước hết các Đảng châu Âu phải dành được chính quyền trước. Các đồng chí châu Á cứ đợi đã! Thoạt đầu quan điểm châu Á được sự ủng hộ từ các cấp cao nhất: Lenin và cả Stalin. Tuy nhiên sau khi Lenin chết đi, Stalin chuyển trọng tâm sang đấu đá để dành quyền lực tại Moscow. Zinoviev tìm cách lảng tránh. Maring bỏ QTCS chạy lấy người, thậm chí Manuilsky, vì thiếu các thông tin thực tế, đành tập trung vào các điều kiện tại Balkans.

Vai trò của nông dân còn thấp kém nữa. Thậm chí Bukharin còn chế nhạo Thomas Dombal là: “*Một người nông dân hảo huyền*”. NAQ không chịu đầu hàng, phát biểu tại hội nghị Quốc tế nông dân tháng 6/1924. Tuy nhiên ông cũng phải thừa nhận với một người bạn đó chỉ là: “*tiếng kêu cứu giữa hoang mạc*”.

Đại hội lần thứ 5 của QTCS tại Matxcova vào ngày 17 tháng 6 năm 1924 là cơ hội tuyệt vời để Q chiếm lĩnh diễn đàn về vấn đề thuộc địa. Đó cũng là mục tiêu của chuyến đi Nga của ông theo lời mời của Manuilsky. Vì lúc đó chưa có đảng cộng sản tại Đông dương, Q nằm trong thành phần của FCP. Hơn 500 đại biểu từ khoảng 50 nước tham dự.

Mặc dù chương trình nghị sự có hẳn một phiên họp về vấn đề thuộc địa và các dân tộc ngoài Nga, các thủ lĩnh của CPSU đang bù đầu với cuộc đấu đá giữa Stalin và Trotsky, bởi thế các đồng chí châu Á cũng chẳng được quan tâm lắm.

Ngay tại phiên họp đầu tiên, Q đã làm cho mọi người chú ý. Khi đại biểu Koralov đang đọc dự thảo nghị quyết để công bố, Q đã đứng lên hỏi: liệu văn kiện này có nhắm tới nhân dân các nước thuộc địa không. Koralov bực tức trả lời, đã có phiên họp riêng về vấn đề thuộc địa, cần gì phải bàn ở đây. Q không chịu và yêu cầu đại hội phải đề gửi nhân dân các nước thuộc địa trong tất cả các văn kiện của mình. Ngày 23/6, đến phiên Q phát biểu. Người thanh niên Việt nam mảnh dẻ dõng dạc tuyên bố: **Tôi ở đây**

để nhắc nhở QTCS về sự tồn tại của các thuộc địa. Có vẻ như các đồng chí không chịu hiểu rằng, số phận của giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt giai cấp vô sản ở các nước thực dân gắn chặt với số phận của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Thuộc địa chứa đựng hiểm họa cũng như tương lai của cuộc cách mạng thế giới.

Tôi nghe bài phát biểu hùng hồn của nhiều đồng chí ở mẫu quốc, nhưng xin lỗi, các đồng chí định giết con rắn bằng cách đâm lên đuôi nó. Chúng ta đều biết là sức mạnh và nọc

độc của con rắn để quốc nằm nhiều ở thuộc địa hơn ở mẫu quốc. Thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, binh lính cho chiến tranh. Trong tương lai thuộc địa sẽ là thành trì của phản cách mạng. Nếu muốn phá vỡ một vật gì đó, các đồng chí đủ thông minh để chọn công cụ thích hợp. Đập trứng thì cần thìa, đập đá cần rìu. Vậy sao các đồng chí lại không muốn sức mạnh, sự tuyên truyền của cách mạng tương xứng với kẻ thù. Trong khi các đồng chí lờ đi các thuộc địa, chủ nghĩa tư bản dùng thuộc địa để hỗ trợ, bảo vệ và đánh lại các đồng chí.

Ngày 1/7, Q phát biểu lần nữa, tiếp sau sự chỉ trích của Manuilsky đối với một số đảng cộng sản châu Âu về vấn đề thuộc địa. Q trực tiếp chỉ ra sự yếu kém của FCP và đảng cộng sản Anh, Hà lan và đưa ra một loạt các biện pháp cải thiện tình hình. Mặc dù chưa dám khẳng định nông dân sẽ đóng vai trò chủ đạo trong cuộc cách mạng sắp tới, NAQ cũng nhấn mạnh vai trò của họ:

Nạn đói đang hoành hành trên tất cả các thuộc địa Pháp. Nông dân căm thù và sẵn sàng nổi dậy. Nhưng họ không có tổ chức và lãnh đạo. QTCS cần phải giúp họ đứng lên tự giải phóng mình.

Với những bài phát biểu sắc bén của mình, NAQ đã trở thành một nhân vật gây chú ý với giới lãnh đạo QTCS. Chân dung của Q do họa sĩ Nga Kropchenko N.I. vẽ xuất hiện trên Báo Công nhân Nga số cuối tháng Bảy. Báo Pravda chạy một tiêu đề giật gân: “*Từ lời nói đến hành động – Diễn văn của đại biểu Đông dương NAQ*”. Tuy nhiên, chẳng ai ngờ được, chẳng bao lâu sau quan điểm coi trọng nông dân trong cách mạng châu á sẽ bị coi là dị giáo và sẽ bị Matxcova trừng phạt.^{xxviii}

Không hiểu có phải vì những lời phê phán của Q mà lãnh đạo QTCS đã chú ý đến việc tuyển mộ nhiều nhà cách mạng trẻ từ châu Á đưa sang Nga để đào tạo. Trong những năm sau đó, chỉ riêng từ Việt nam đã có hơn 100 học viên. Nhóm học viên Việt nam đầu tiên đến qua đường Pháp vào khoảng giữa năm 1925. FCP cũng lằng lằng sửa sai bằng cách thành lập Ủy ban thuộc địa do Jacques Doriot lãnh đạo. FCP còn tổ chức một trường đào tạo ở ngoại ô Paris dành cho các học viên từ các nước thuộc địa trước khi chuyển tiếp sang trường Stalin ở Nga. Một trong 8 học viên đầu tiên của trường này là người Việt nam.

Với sự xuất hiện tại Đại hội V của QTCS, Q đã chấm dứt giai đoạn “tập sự”, chính thức trở thành nhà lãnh đạo cách mạng châu Á, người phát ngôn cho các vấn đề phương Đông và nông dân. Q cảm thấy đã hoàn tất công việc của mình tại Moscow, sẵn sàng trở về châu Á để bắt tay xây dựng phong trào. Đó cũng là mục đích chính của Q khi rời nước Pháp. Trong lá thư của mình gửi Ủy ban TƯ của QTCS năm 1924, Q viết:

Khi tôi đến Matxcova tôi nghĩ sẽ chỉ ở đây 3 tháng trước khi sang TQ để liên lạc với đất nước tôi. Bây giờ đã là tháng thứ 9 và tôi vẫn chờ đợi trong vô vọng. Tôi không hề có ý định đưa ra các luận điểm về sự tồn tại hay không tồn tại của các tổ chức công nhân, của các phong trào dân tộc chủ nghĩa hay của những hội nhóm bí mật nào đó. Chúng ta cần nghiên cứu tình hình một cách nghiêm túc và nếu ở đó chưa có gì thì phải THÀNH LẬP MỘT CÁI GÌ ĐÓ.

Chuyến đi của tôi sẽ phải có các nhiệm vụ sau:

- *Tạo mối liên lạc giữa Đông dương và QTCS*
- *Nghiên cứu tình hình kinh tế chính trị xã hội tại thuộc địa*
- *Liên lạc với các tổ chức đã có sẵn*
- *Tạo cơ sở thông tin và tuyên truyền*

Làm thế nào để có thể hoàn thành những nhiệm vụ đó? Trước hết là phải đi Trung quốc. Sau đó thì phải làm bất cứ việc gì mà tình hình yêu cầu. Cần bao nhiêu tiền? Tôi đã trao đổi với các đồng chí Trung quốc, chắc là khoảng US100/tháng (chưa tính thuế), không kể chi phí chuyển đi sang TQ. Tôi nghĩ là chúng ta đã có đủ thông tin căn bản để thảo luận. Nỗi khát khao được trở về của Q được sự ủng hộ của Dalin, đặc vụ của QTCS nằm trong phái đoàn của Borodin trợ giúp Tôn Trung sơn tổ chức lại QĐĐ theo đường lối Lenin. Khi về Matxcova Dalin cũng ở khách sạn Lux và có nhiều dịp nói chuyện với Q. Tháng Tư năm 1924, sau khi tháp tùng đoàn đại biểu TQ từ Yakutsk về Matxcova, Q được mời lên phòng làm việc của Manuilsky. “Thế nào, anh bạn trẻ? Anh có sẵn sàng chiến đấu không?”

Manuilsky đồng ý cử Q về Quảng đông với điều kiện Q phải hỗ trợ các dân tộc khác trong vùng. Chẳng bao lâu sau, Q được cử làm thành viên Ban bí thư Viễn đông (Dalburo) của QTCS. Tuy nhiên bộ máy quan liêu đã làm cản trở chuyến đi của anh vì không tìm được công việc thích hợp. Bực mình Q đề nghị chỉ cần chi trả tiền vé, anh sẽ tự lao động để kiếm sống. Cuối cùng, ngày 25/9, Dalburo quyết định: “*Đồng chí NAQ sẽ đi Quảng châu*”

Q đã thuyết phục được QTCS cử về quê hương với cái giá khá đắt Vì không có vị trí chính thức, anh phải sống một cách bất hợp pháp trong thành phố đầy rẫy những mật vụ Anh, Pháp. Q còn phải tự kiếm sống trong một đất nước mà anh chưa bao giờ đến. (Trước khi đi anh đã tranh thủ nhận nhiệm vụ với hãng tin ROSTA thỉnh thoảng gửi bài từ TQ về kiếm thêm tí chút)^{xxix}

Q rời Matxcova một ngày tháng 10 trên chuyến tàu xuyên Xiberi khởi hành từ ga Yaroslavskii, sau khi đã nhờ Dombal thông báo với mọi người là bị ốm. Q còn viết một lá thư gửi cho một người bạn Pháp thông báo anh không được phép đi Đông dương, bởi thế sẽ quay về Pháp.

Q ở lại Vladivostock vài ngày rồi lên một con tàu Xoviet. Tàu cập bến Quảng châu ngày 11/11/1924^{xxx}

Con Rồng Cháu Tiên

Châu Á năm 1924 đã khác xa so với thời Q ra đi năm 1911. Mặc dù Thế chiến thứ Nhất không phá vỡ hệ thống thuộc địa tại Nam và Đông Nam Á, Trung Quốc đã thay đổi sâu sắc. Mùa thu năm 1911, một cuộc cách mạng đã phá vỡ triều đình Bắc Kinh. Những người nông dân của Tôn Dật Tiên đã nổi dậy lật đổ nhà Thanh nhưng đã không qua mặt được Viên Thế Khải. Tháng 2/1912 TDT đã buộc phải nhường chức tổng thống của nước cộng hòa mới thành lập cho VTK với trụ sở tại Bắc kinh.

Viên thực chất muốn trở thành hoàng đế. Tuy nhiên đảng viên của Tôn, chiếm gần nửa trong nghị viện đã không cho Viên thực hiện điều này. Tháng Giêng năm 1914, Viên giải tán quốc hội và điều hành bằng sắc lệnh. Đảng của Tôn bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Tôn phải chạy ra nước ngoài. Năm 1916, Viên đột ngột qua đời. Trung Hoa rơi vào vòng loạn đả của các thủ lĩnh địa phương. Mặc dù chính quyền vẫn còn tồn tại một cách mong manh tại Bắc kinh, nhưng men xã hội đã tích lũy khắp nơi. Tháng 1/1919, sinh viên nổi dậy tại BK và các thành phố lớn. Cũng năm đó, Tôn đổi tên đảng thành Quốc dân Đảng, hùng cứ tại Quảng Châu (dưới sự bảo trợ của một thủ lĩnh địa phương). Tháng 4/1921, Tôn tuyên bố thành lập nước cộng hòa mới và tự phong làm tổng thống.

Tại Nga, sau khi tạm yên tình hình trong nước, năm 1920, đảng bộ Viễn đông được thành lập tại Iakurst để lãnh đạo phong trào cộng sản vùng Viễn đông-Thái Bình dương.

Grigorin Voitinsky được cử sang TQ. Sau khi ở BK một thời gian ngắn, ông sang Thượng hải và bắt đầu tụ tập các lực lượng cách mạng trong vùng. Mùa hè năm 1922, Đảng cộng sản TQ được thành lập tại Thượng hải. Maring (đảng viên cộng sản người Hà lan), người được cử thay Vointinsky phụ trách Quốc tế cộng sản tại TQ đã rất kiên quyết yêu cầu ĐCS TQ kết hợp với QĐĐ. Tháng giêng 1923, hai đảng ký thoả thuận Nội Liên (bloc within) để thành lập mặt trận thống nhất TQ dưới sự hỗ trợ của Nga. Các đảng viên CCP được mời tham dự QĐĐ

Tại Đông Dương, tình hình cũng thay đổi nhanh chóng, mặc dù có thể không nhanh như bên Trung Hoa. Dân số ở cả 3 miền tăng từ 7 triệu năm 1880 đến 16 triệu năm 1926 (Tokin: 6, Annam: 5 và khoảng hơn 4 triệu tại Cochinchina). Mặc dù vẫn là đất nước nông nghiệp nặng nề, đến giữa những năm 20 đã có khoảng 1 triệu dân sống ở các đô thị, chủ yếu là Hà nội và Sài gòn.

Phong trào đấu tranh giành độc lập cho Việt nam đã hầu như suy sụp. Những nhà cải lương phải im tiếng sau khi PCT bị bắt và đày sang Pháp. Phan Bội Châu khởi đầu khá ấn tượng, lôi kéo được sự hỗ trợ của nhiều nhà yêu nước xuất chúng, cũng dần dần héo hắt sau mấy cuộc khởi nghĩa vội vàng thất bại, đặc biệt sau khi Phan Bội Châu bị bắt ở Nam Trung quốc.

Năm 1911, nghe tin cuộc cách mạng của Tôn Trung Sơn, PBC đã từ bỏ ý định phục hồi chế độ quân chủ, lập ra đảng mới: Việt nam Quang phục Hội. Mục tiêu của Châu là xây dựng mô hình nước cộng hòa kiểu Tôn. Năm 1912, Châu gặp Tôn và được hứa Việt nam sẽ là nước đầu tiên được giúp đỡ một khi cách mạng thành công tại Trung hoa. Đáng tiếc sau đó, Châu bị mấy thủ lĩnh địa phương tổng giam vì các hoạt động lật đổ. Năm 1917, khi Châu ra tù, Quốc dân đảng đã bị mất quyền, Tôn thì đã chạy sang Nhật bản. Một lần nữa hy vọng vào sự trợ giúp của nước ngoài bị tan vỡ. Có vẻ như Châu đã hoàn toàn mất hết kiên nhẫn, ông thậm chí còn đề nghị hợp tác với Pháp, hy vọng vào sự cải cách của chế độ thực dân. Đầu những năm 20, bộ máy cách mạng của Châu tại Việt nam thực tế đã

tan vỡ. Châu ra sông lưu vong tại Nam Trung hoa với một số những môn đệ gần gũi nhất. Thời kỳ Phan Bội Châu rõ ràng đã đến hồi kết thúc.

Hai Phan thất bại đã cho thấy một sự thay đổi lớn lao trong xã hội Việt nam. Tầng lớp quý tộc-học giả truyền thống, những người đã chi phối nền chính trị Việt nam hàng thế kỷ qua, đã mất dần ảnh hưởng. Mặc dù nhiều học giả đã nhận thức được sự thay đổi của thời cuộc và vai trò ngày càng tăng của quần chúng, như một giai cấp, họ không cảm thấy tự tin. Phan Bội Châu nhắc nhiều đến hình ảnh: “hàng chục nghìn anh hùng vô danh, đánh đuổi thực dân Pháp”, nhưng đảng viên của ông chỉ gồm toàn những học giả với đời sống khá giả. Mặc dù cương lĩnh của đảng là cổ vũ thương mại và công nghiệp, thành phần lãnh đạo đảng lại chủ yếu là các địa chủ. Những nhà quý tộc giàu có khăn áo thướt tha mở cửa hàng để quyên vốn cho đảng, thực chất coi khách hàng bằng nửa con mắt. Khoảng cuối chiến tranh thế giới thứ nhất, chế độ thi cử kiểu Khổng tử bị bãi bỏ trên khắp Việt nam. Chữ quốc ngữ được phổ biến ở khắp 3 miền. Mặc dù đa số thanh niên vẫn phải học ở các thầy đồ làng truyền thống, con cháu của các quý tộc đã được gửi đi học tại các trường kiểu Pháp như Quốc học. Họ được dạy bằng tiếng Pháp và được tiếp tục đưa sang Pháp đào tạo. Cùng lúc đó, một tầng lớp trung lưu mới được hình thành. Họ là những nhà buôn, chủ hãng hoặc công chức trong các công sở của người châu Âu. Họ ngưỡng mộ lòng yêu nước của Phan và các bạn, nhưng trong lòng họ giũu cột các quan điểm bảo thủ. Họ mặc đồ Tây, uống vang Bordeaux và nói tiếng Pháp. Nhà văn Pháp Paul Monet miêu tả họ như: “*nguyên mẫu của nền văn minh Pháp, bị tách khỏi những tín ngưỡng truyền thống, hoàn toàn coi thường Khổng tử vì họ không hiểu*”. Các quan chức thuộc địa Pháp vui mừng vì có những thành quả đầu tiên của quá trình văn minh hoá. Họ không hề ngờ rằng, chính thể hệ này mới là những người thách thức sự thống trị của họ. Những hành động bất nhất của nhà cai trị Pháp vô tình lại tăng thêm nỗi thất vọng của dân Việt. Năm 1919, toàn quyền Albert Sarraut hứa hẹn: “sẽ coi những con dân của mình như người anh em và dần dần phục hồi toàn bộ nhân quyền”. Ngay cả NAQ khi đó đang ở Paris, cũng không khỏi khắp khắp một chút hy vọng mong manh về đất nước đã sản sinh ra khẩu hiệu: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”. Tuy nhiên sau khi AS được thăng chức đưa về cố quốc, chẳng ai hơi đâu nhớ đến những lời hứa đó nữa. Hệ thống trường học thiếu tiền, cả nước chỉ có khoảng 5000 học sinh trung học. Nếu trước đây trong chế độ phong kiến, có đến 25% dân số có khả năng giải mã được trên những ký tự ngoằn ngoèo của chữ Hán, thì sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tỷ lệ biết chữ (kể cả quốc ngữ hay chữ Hán) chỉ vào khoảng 5%. Những thống kê này đặt một dấu chấm hỏi to đùng lên “*Sứ mệnh mang lại nền văn minh*” của thực dân Pháp. Mặc dù không ít người Việt nam đã cống hiến cho mẫu quốc trong thế chiến thứ Nhất, họ vẫn không bộ máy thực dân công nhận ngay tại nước mình. 10000 viên chức Pháp được trả lương cao gấp nhiều lần đồng nghiệp Việt nam. Đại đa số trong hơn 40000 người châu Âu, nhiều người đến Việt nam “*trên răng, dưới dép*”, nay khá giả nhìn dân bản địa không khác gì một con chó. Chính quyền độc quyền sản xuất muối, thuốc phiện và rượu bán cho dân với giá cắt cổ. Hơn 500 ngàn nông dân không ruộng đất, phải cày thuê cuốc mướn, nộp tô đôi khi tới 50% mùa màng cho khoảng 5 vạn địa chủ. Georges Garros, trong cuốn sách xuất bản giữa thập kỷ *Forceries humaines* lạnh lùng nhận xét: người Pháp mà rơi vào hoàn cảnh ấy, chắc chắn sẽ làm cách mạng. Về phần mình, trong cuộc trả lời phỏng vấn Ossip Mandelstam năm 1923 tại Moscow, NAQ miêu tả Việt nam như một dân tộc: “*bị đẩy vào địa ngục*”. Một lớp các nhà hoạt động chính trị mới ra đời khoảng giữa những năm 20 là con đẻ của tâm trạng vỡ mộng của xã hội. Họ được đào tạo theo hệ thống trường Tây, ngưỡng mộ

văn hóa Tây, đọc sách báo Tây nhưng phần nộ vì sự bất công mà nhà cầm quyền Pháp áp đặt cho đồng bào của mình. Họ đòi hỏi: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” cho dân tộc mình. Những hạt giống phản kháng đầu tiên nảy mầm ở Sài gòn nơi khoảng cách giàu nghèo, bản xứ và ngoại quốc rõ rệt nhất. Sài gòn cũng là nơi tập trung nhiều ngoại kiều và công nhân nhất do sự phát triển kinh tế nhanh chóng. Người đầu tiên là nhà địa chủ Bùi Quang Chiêu, người mà NAQ đã từng gặp trong chuyến xuất ngoại đầu tiên của mình. Ông ra tờ báo *La Tribune Indigene* và thành lập Đảng Hiến pháp, đảng chính trị đầu tiên ở Đông dương. Mặc dù Chiêu và các đồng sự gây sức ép đòi Pháp cho người Việt nam nhiều quyền hơn nữa trong đời sống chính trị, mục tiêu của các ông là giảm sự thống trị của Hoa kiều trong lĩnh vực kinh tế.

Người mà người Pháp sợ hơn là Nguyễn An Ninh. Ông này là con của một nhà nho Nam bộ, có liên quan đến Trường Tự do Hà nội, sau đó tham gia vào phong trào kháng chiến của Phan Bội Châu. Ninh tốt nghiệp luật ở Paris, đã từng gặp NAQ và tỏ ra rất ham thích chính trị. Về nước đầu những năm 20, Ninh ra báo: *La Cloche Felee* (Tiếng chuông rè) để kêu gọi tinh thần yêu nước của dân chúng và đòi cải cách chính trị. Cũng như Phan Chu Trinh, Ninh ngưỡng mộ văn hoá phương Tây và coi đó là sự bù đắp cho nền Nho giáo kìm hãm sự sáng tạo của con người. Theo ông đó là nguyên nhân mà ta mất nước. Ông kêu gọi khởi xướng một nền văn hoá mới, không bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng du nhập của Khổng tử và Lão tử. Cũng như Mahamat Ghandi, Ninh cho rằng giải pháp nằm trong vấn đề tinh thần và chỉ có thể tìm thấy trong nhân dân. Ảnh hưởng của Ninh mạnh đến nỗi đại sứ Maurice Cognacq phải mời lên thăm vấn. Ngài đại sứ thông báo là các hoạt động của Ninh đã bị theo dõi chặt chẽ và Ninh phải thôi ngay, nếu không ngài sẽ buộc phải có những hành động không hay. Ngài còn châm biếm, dân Việt còn ngu lăm, làm sao hiểu được những điều ông phát biểu, tốt hết là ông hãy đến Moscow. Ninh bỏ ngoài tai và vẫn tiếp tục hoạt động^{xxx1}

Khi NAQ đến Quảng đông tháng 11/1924, thành phố đang náo động vì hàng ngàn người đổ ra bờ sông để bày tỏ sự ủng hộ đối với chính quyền Tôn Trung Sơn và tiền tổng thống đi Bắc kinh. Từ tháng giêng năm 1923, theo sự thoả thuận với Maring mật vụ của QTCS, Tôn thi hành chính sách: Nội liên, đưa một số Đảng viên CCP vào những vị trí quan trọng của quốc dân đảng. Sau khi đại diện của QTCS – Mikhail Borodin đến Quảng đông, Quốc dân đảng được tái cơ cấu theo đường lối của Lê nin. Học viện quân sự Hoàng phủ được mở ra để đào tạo các sĩ quan trẻ cho cách mạng. Tướng Giới Thạch, cánh tay phải của Tôn được bổ nhiệm làm Giám đốc, Chu Ân Lai làm chính uỷ học viện.

Quyết định của Tôn nghiêng về nước Nga xô viết và hợp tác với CCP làm cho giới ngoại giao và thương mại phương tây ở Quảng đông sôi máu. Mùa hè năm 1924, chính quyền Anh ra lệnh đàn áp các cuộc biểu tình của công nhân trên Đảo Sa điện. Đáp lại, công nhân công bố tổng bãi công. Chính phủ Tôn cử quân đội đến ủng hộ các công nhân bãi công. Hội Công thương Quảng đông (chủ yếu gồm các thương gia phương Tây) thành lập các đội du kích vũ trang để bảo vệ cộng đồng phương tây. Đã xảy ra các cuộc đụng độ giữa họ và quân đội chính phủ.

Tình hình bắc Trung quốc cũng thay đổi nhanh chóng. “Tướng Thiên chúa” Phương Du Tường lật đổ Vu Bắc Phú ở Bắc kinh. Phương có cái nhìn thiện cảm với chế độ của Tôn và mời Tôn lên Bắc kinh đàm đạo. Tôn đồng ý.

Mặc dù không được giao nhiệm vụ rõ ràng, vừa đến Quảng châu, NAQ đã ngay lập tức bắt liên lạc với Borodin và được ông này mời đến ở cùng với mình tại Bao công Quán, một biệt thự ngay cạnh cơ quan trung ương của QĐĐ. Tầng 1 là văn phòng của 20 nhân

viên phái bộ QTCS. Tầng 2, Quốc và Borodin ở. Cả hai đã từng gặp nhau ở Moscow, cùng nói được tiếng Anh (Borodin đã ở Chicago) và cùng chia sẻ mục tiêu thúc đẩy cách mạng ở châu Á. Vì thế nên họ nói chuyện rất tâm đầu ý hợp. Để che mắt mật thám Pháp, NAQ lấy tên là Lý Thụy. Chỉ có Borodin và vợ biết được danh tính của NAQ. Quốc được phân vào phân xã của cơ quan thông tấn Xô viết ROSTA. Trong các bài viết về Moscow, Q thường ký tên Nilovskii. Thỉnh thoảng Q còn làm việc phiên dịch hoặc đại diện cho Quốc tế nông dân. Tuy nhiên, mục đích chính của chuyến trở về của NAQ là xây dựng hạt nhân cho một đảng mới theo kiểu Lenin, từ đó tìm cách đưa phong trào cách mạng Việt nam vào tổ chức, theo ý chỉ của mình.

Sự hiểu biết của các nhà cách mạng Việt nam lúc đó về chủ nghĩa Max và cuộc cách mạng Nga lúc đó hết sức đơn giản. Một nhà dân túy nói: “Chúng tôi không theo chủ nghĩa cộng sản, chúng tôi theo những người cộng sản, bởi vì họ hứa sẽ mang lại quyền tự quyết cho các dân tộc. Chúng tôi chờ đợi họ như những vị cứu tinh.” Có người còn ngây thơ: “Nếu phương Tây căm thù người Nga và những người cộng sản, họ phải là những người tốt.”^{xxxii}

NAQ không hề có một ảo tưởng nào. Từ năm 1922, trong một bài báo viết tại Paris, ông nhận xét, đa số nhân dân tại thuộc địa hiểu Bolsevism là: “Đạp đổ tất cả hoặc tấy chay nước ngoài. Cả hai cách hiểu đều nguy hiểm”. Quần chúng “đã sẵn sàng nổi dậy, nhưng họ không biết bắt đầu như thế nào”. Việc xây dựng một đảng đại diện cho các tư tưởng Max và Lenin nhưng lại đáp ứng được khát vọng: độc lập dân tộc của đông đảo quần chúng, là một việc cấp bách nhưng vô cùng khó khăn.

Người Việt nam nổi tiếng nhất ở TQ khi đó là Phan Bội Châu. Sau khi ra tù vào năm 1917, Châu đã có một thời ve vãn ý tưởng dần xếp với Pháp nhưng nhanh chóng vỡ mộng. Ông xoay sang dưỡng lão tại Hàng Châu ở nhà của đệ tử có tên là Hồ Học Lâm. Tuy đã 55 tuổi, lại chẳng có cơ sở nào ở trong nước, nhưng hình ảnh một nhà cách mạng lão thành quốc thước với bộ râu quai nón và cặp kính trắng lạnh lùng vẫn có sức hấp dẫn lớp trẻ. Khoảng đầu những năm 20, một nhóm các thanh niên trí thức Việt nam do Lê Hồng Phong, Lê Văn Phan (sau này gọi là Lê Hồng Sơn), Lê Quang Đạt và Trương Văn Lệnh dẫn đầu đã vượt biên sang nhận Châu làm sư phụ. Một điều thú vị là nhóm này hầu như đều đến từ Nghệ An và sau đều trở thành nòng cốt của tổ chức cách mạng do Quốc thành lập^{xxxiii}.

Nhóm thanh niên kích động này nhanh chóng cảm thấy tù túng với tổ chức của Châu. 8 tháng trước khi Quốc tới Quảng châu, tháng 3/1924, họ tách ra thành lập tổ chức mới lấy tên là Tâm Tâm Xã. Nóng nảy và dễ kích động, họ cho rằng mọi thứ lý thuyết đều vớ vẩn, họ theo đuổi đường lối của Auguste Blanqui ở châu Âu thế kỷ 19, người đã kích động khởi nghĩa tại Pháp, Italia và Tây ban nha. Mục tiêu của tổ chức là tuyên truyền và khủng bố để châm ngòi cho việc lật đổ chế độ cai trị của Pháp.

Người đỡ đầu cho tổ chức là Lâm Đức Thụ. Ông này tuy đã 36 tuổi và giàu có nhờ lấy một bà vợ giàu, nhưng sinh ra trong một gia đình chống Pháp, lại có tiền và quan hệ rộng rãi nên rất có uy tín. Trụ sở của TTX đóng ngay tại hiệu thuốc của vợ chồng Thụ tại **Đa Trùng**, một phố nhỏ gần trụ sở QTCS. Một trong những phi vụ đầu tiên của nhóm là đánh bom toàn quyền Đông dương Martial Merlin khi tay này đến thăm Quảng đông tháng 6/1924. Đáng ra chàng thanh niên ngăm đen đẹp trai Lê Hồng Sơn sẽ xử lý vụ này, tuy nhiên anh này với biệt danh **“Hit man”** quá quen mặt với cảnh sát. Phạm Hồng Thái, một chàng trai mới lò dò từ Đông dương sang được giao nhiệm vụ thay thế. Anh này là con một viên quan đã từng tham gia phong trào Cần vương ở Nghệ An, được tiêm nhiễm

tư tưởng cách mạng trong thời gian học tại trường Pháp ở Hà nội. Sau một thời gian làm thợ cơ khí ở ga ra, rồi thợ mỏ, Thái cùng các bạn là Lê Hồng Phong và Hồ Tùng Mậu chuyển sang Trung quốc.

Tối 19/6, khách sạn Victoria trên đảo Sa điện ồn ào những lời chúc tụng nhân đại tiệc chúc mừng toàn quyền Pháp. Đúng 8:30, khi món súp đang được dọn ra thì một tiếng nổ đinh tai nhức óc đã biến bàn tiệc thành một địa ngục. Năm thực khách chết ngay tại chỗ, hàng chục người khác bị thương nằm la liệt. Trên đường trốn chạy, Thái nhảy xuống sông và chết đuối trên sông Châu Giang. Thoát chết trong gang tấc, Merlin rời Quảng châu ngay hôm sau trong khi đám tang người liệt sĩ trẻ được tổ chức trọng thể. Đây là vụ ám sát một quan chức cao cấp châu Âu đầu tiên ở châu Á. Tiếng bom Sa điện đã gây một cú sốc lớn trong cộng đồng người Pháp và tôn Phạm Hồng Thái lên vị trí “tử vì đạo”. Chính quyền Tôn Trung Sơn quyết định dựng bia tưởng niệm. Phan Bội Châu thì tranh thủ vụ việc để “đánh bóng” lại hình ảnh của mình. Ông này viết một bài tiểu sử về Thái như một cộng sự trong tổ chức của ông^{xxxiv}. Tháng 7/1924, trong chuyến đi dự lễ khai trương bia tưởng niệm Thái, Châu đã trao đổi với một số đệ tử về việc thay Quang Phục Hội bằng Việt nam Quốc dân đảng, theo mô hình đảng của Tôn. Châu trở về Hàng châu tháng 9/1924.

Mặc dù Merlin thoát hiểm nhờ có một thực khách có hình dạng giống ngài toàn quyền một cách kỳ lạ (vị này chết ngay tại chỗ), nhưng vẫn có những nghi ngờ về kẻ phản bội ở trong hàng ngũ. Một thành viên của Tâm Tâm Xã, Lê Quang Đạt, đã công khai đặt vấn đề về vai trò của Lâm Đức Thụ vì những mối quan hệ của ông này với Pháp. Tuy nhiên Lê Hồng Sơn đã gạt đi, và Thụ vẫn tiếp tục cộng tác với tổ chức^{xxxv}.

Năm tháng sau vụ đánh bom, NAQ đến Quảng châu. Nhưng chỉ ngày hôm sau, ông đã tiếp cận các thành viên TTX trong vai một nhà báo Trung quốc họ Vương. Những hành vi cấp tiến của họ làm Q rất khoái. Việc đầu óc họ còn trong trắng về lý thuyết càng thuận tiện cho việc tuyên truyền những tư tưởng Max-Lenin. Q thích Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu nhưng đặc biệt ưu ái chàng trai chắc nịch Lê Hồng Phong, người được đích thân Châu tuyên mộ.

Với bản lĩnh của mình, có vẻ như Q chẳng gặp khó khăn gì khi dụ khị mấy chàng trai trẻ. Tháng 12/1924, Q báo về Matxcova là đang bắt liên lạc và hợp tác với “một nhóm nhà cách mạng Việt nam”. Tháng 2/1925, Q thành lập nhóm 9 người và đặt tên là Quốc dân đảng Đông dương, 5 trong số đó được ông coi là nòng cốt của Đảng cộng sản tương lai. Q khuyến khích các thành viên về nước chiêu mộ thêm đệ tử, hoặc tham gia quân đội QĐĐ Trung hoa, hay gia nhập CCP. Q cần gấp sự hỗ trợ về tài chính và tài liệu tuyên truyền từ Maxcova.^{xxxvi} Mặc dù không nhất trí với các phương pháp đấu tranh của Châu, Q vẫn sử dụng ông này vào việc xây dựng tổ chức của mình. Thông qua các thành viên TTX, Q lần ra mối quan hệ với Châu. Châu có vẻ cũng như đã nhận ra được danh tính của Lý Thụy. Vào khoảng giữa tháng 2 và tháng 3, Châu viết cho Q một bức thư có nhắc đến cuộc gặp đầu tiên của hai người ở Kim liên. Châu hoàn toàn ủng hộ đường lối của Q trong việc cải tổ lại đảng của mình. Tuy nhiên Q nhanh chóng nhận thấy rằng Châu và nhiều cộng sự lớn tuổi của ông không thể là hạt nhân cho một tổ chức mới mà Q đang gây dựng. Q thành lập Cộng sản đoàn với 5 hạt nhân ưu tú, trong đó có Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu.

Sự xuất hiện của một nhân vật hoạt động tích cực như vậy ở trụ sở QTCS, tất nhiên là gây chú ý cho các mật vụ Pháp. Một đặc vụ với bí danh “Noel” được cử sang từ Paris với mục đích xác định được danh tính của Lý Thụy. Kẻ giúp đỡ đắc lực nhất cho Noel chính

là Lâm Đức Thụ với bí danh là “Pinot”. Tay này làm điệp viên hai mang cho cả Pháp và các lực lượng cách mạng. Tháng 3, Thụ chụp được 1 tấm ảnh Q cùng với các đồng chí trước cửa trụ sở Quốc dân đảng. Phòng Nhì nhanh chóng xác nhận: Lý Thụy chính là Nguyễn ái Quốc.

Sự hình thành của một đảng cách mạng mới đã chín muồi. Tháng 6, tại nhà Lâm Đức Thụ, Q cùng với các nòng cốt trong Cộng sản đoàn lập nên Hội thanh niên cách mạng Việt nam. Cùng với các hoạt động của Hội, tờ báo Thanh niên mà đa phần các bài là do Quốc viết đã đặt dần dần nền móng của một tầm nhìn mới vượt qua cả chủ đề độc lập dân tộc.

Nhờ mối liên hệ của chính quyền Tôn Trung Sơn với QTCS, Quảng châu lúc đó được coi như là “Matxcova của phương Đông” thu hút các nhà cách mạng từ Triều tiên, Ấn độ, Đông dương và Tây ấn thuộc Hà lan. Từ kinh nghiệm hoạt động ở Paris, Q cùng với đặc vụ của QTCS người Ấn độ Roy và lãnh tụ cục tá của QĐĐ Lão Trung Kha, thành lập “Hội các dân tộc bị áp bức châu Á”. Phiên họp đầu tiên của Hội được tiến hành vào giữa tháng Bảy.

Cương lĩnh hoạt động của Hội thanh niên cách mạng được xây dựng dựa trên hai trụ cột chủ nghĩa dân tộc và cách mạng xã hội theo mô hình của Lenin được đại hội QTCS lần II phê chuẩn năm 1920. Tuy nhiên nếu Lenin coi cách mạng dân tộc chỉ là một bước chiến thuật nhằm lôi kéo sự ủng hộ của những người theo chủ nghĩa dân tộc, cương lĩnh của Hội lại tỏ ra chú trọng đến độc lập dân tộc hơn nhiều là số phận của cách mạng thế giới. Chính điều đó đã gây nhiều nghi ngờ cho nhiều nhà quan sát về sự trung thành của Q với các tư tưởng Maxism và cuộc đấu tranh để xây dựng ảo tưởng cộng sản. Trên thực tế cuối những năm 20, đã xuất hiện những bài viết chỉ trích Q ở Matxcova và từ những người cộng sự của Q.

Có nhiều lý do để khẳng định, Q trước tiên là một nhà yêu nước. Trong bài báo “Con đường đưa tôi đến với Lenin” viết năm 1960, Q khẳng định, chính khao khát độc lập cho Việt nam đã đưa ông đến với chủ nghĩa Max. Khác với Lenin, đối với Q độc lập dân tộc gần như đã là mục tiêu cuối cùng. Q thường xuyên phát biểu: “*cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam sẽ được tiến hành vào một thời điểm thích hợp*”.

Tuy nhiên cũng khó có thể nói, Q chỉ coi chủ nghĩa Max chỉ là công cụ cho cuộc đấu tranh giành độc lập của mình. Những bài viết và phát biểu của cậu ở Paris và Matx về một thế giới tương lai sôi sục nhiệt huyết. Trước khi chết, khi trả lời một phóng viên Xoviet, Q đã ân hận mãi về việc đã đá kích một nữ đồng chí của mình ở Nga vì đã mặc lụa tơ tằm và đi giày cao gót. “*Chẳng nhẽ những người trẻ tuổi ăn mặc đẹp lại là điều xấu xa?*”^{xxxvii} Câu hỏi ngờ ngác của cô gái đã hằn sâu vào trí nhớ Q.

Nếu Q vừa là nhà dân tộc chủ nghĩa vừa là một người theo chủ nghĩa Max, câu hỏi làm thế nào kết hợp giữa bản chất yêu nước của Q và đòi hỏi tinh thần quốc tế vô sản của chủ nghĩa Max đã được Lenin phần nào đề cập đến trong “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Lenin đề xuất khái niệm “Liên hiệp” các quốc gia độc lập như một hình thái chuyển tiếp trước khi thành lập “Quốc gia vô sản toàn cầu”. Sự liên kết giữa nước Nga cách mạng, Hungary và Phần lan cũng như giữa Armeni và Azerbaijan không thể không ảnh hưởng đến Q. Trong một bức thư gửi QTCS, Q đã đề nghị tuyển mộ thêm nhiều học viên vào trường Stalin cho “Liên hiệp cộng sản Đông phương”. Một tài liệu mới được tìm thấy ở Nga viết năm 1924, ký tên là Nguyễn. Có đến 99% đó chính là Q. Khi bàn về tương lai của Đảng cộng sản Việt nam, tài liệu khẳng định: “*Cần phải tính đến thực tế Việt nam và giương cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc dưới danh nghĩa của*

QTCS” . Cương lĩnh của Việt nam thanh niên cách mạng Hội cũng nhắc đến cách mạng toàn cầu như “mục đích cuối cùng” của Hội.

Tại sao Q lại không chọn con đường phi bạo lực đòi lại độc lập dân tộc mà lại tin vào cách mạng trên phạm vi toàn thế giới? Mùa xuân năm 1925, Nguyễn Thượng Huyền, (cháu của Nguyễn Thượng Hiền, người đã có thời là hiệu trưởng Đông kinh nghĩa thực), có viết một bài báo và nhờ Q nhận xét. Trong bài báo, Huyền cho rằng nguồn gốc cách mạng là từ Kinh dịch và Không tử cho rằng thay đổi triều đại chính là cách mạng. Huyền kết luận, thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp là tất yếu vì sự hung bạo của chúng và độc lập chỉ có thể đạt được bằng các cuộc chống đối phi bạo lực trong xã hội như Mahatma Gandhi. Trong bức thư trả lời, Q đã tỏ ý nghi ngờ nguồn gốc cách mạng và cho rằng nó xuất phát từ văn hoá Tây phương. Cách mạng thay đổi các thể chế điều hành đất nước, còn cải cách chỉ cải tiến chúng. Thay đổi triều đại không phải là cách mạng. Về thất bại của cách mạng ở Việt nam, Q viết:

Không lẽ ông chờ đợi người Pháp khoan tay nhìn ông đuổi họ ra? Tốt nhất là hãy tự nhìn lại mình: tại sao người Pháp lại cai trị được dân ta? Sao ta lại ngu thế? Bây giờ ta phải làm gì? Ông so sánh với người ấn độ, Ai cập. Họ có đảng phá chính trị, các hội nông dân, các tổ chức. Ta không có đảng, không có tuyên truyền, không có tổ chức. Họ như chiếc ô-tô có cả tài xế, còn ta mới chỉ có cái khung xe. Vậy mà ông muốn ta chạy như họ!

Để kết luận, Q dẫn câu chuyện của La Fontaine về các con chuột đùn đẩy nhau đeo chuông lên cổ mèo. “Giờ đây, các con rồng cháu tiên Việt nam chẳng khác gì những con chuột. Thật là nhục nhã”

Tại Hàng châu, PBC rất quan tâm đến những gì đang diễn ra. Ông hứa sẽ đến Quảng châu thăm Q mùa hè năm 1925. Trong bức thư viết cho Q trước đó, Châu hết lời khen ngợi sự sáng suốt và kinh nghiệm của Q, Châu còn tỏ vẻ vui mừng vì đã có người nổi nghiệp vì ông đã quá “đắt”. Tuy nhiên rõ ràng là Châu vẫn muốn đóng một vai trò trong tổ chức. Trong một bức thư khác gửi cho Hồ Tùng Mậu, ông đã cạnh khoẻ phê bình Q và các đồng sự quá nóng vội. Trước đó, Châu cũng đã từng than vãn là Q bỏ rơi ông. Khoảng giữa tháng 5, Châu rời Hàng châu đi Thượng hải. Tại đó, nhờ có mật báo, các mật thám Pháp trong vai tài xế taxi đã đợi sẵn, tóm gọn và chở thẳng ông về Hà nội để xét xử về tội phản quốc.

Vụ bắt giữ này đã gây ra một cuộc tranh cãi lâu dài và lôi thôi nhất trong lịch sử rầm rối của chủ nghĩa dân tộc Việt nam. Nhiều thành viên của Thanh niên hội cho rằng chính thư ký của Châu, Nguyễn Thượng Huyền đã phản bội ông. Châu cũng nghĩ thế. Tuy nhiên một số người theo chủ nghĩa dân tộc không cộng sản lại nghi ngờ Lâm Đức Thụ và thậm chí NAQ đã dựng lên vụ này để kiếm tiền thưởng và dùng Châu như một anh hùng - “vật tế thần” cho phong trào. Quan điểm này cũng được nhiều nhà nghiên cứu phương Tây nhắc lại nhưng không có những chứng cứ cụ thể. Các tài liệu của phòng nhì Pháp không rõ, nhưng xu hướng không cho rằng Q có dính líu. Họ cũng cho là Huyền có thông tin tốt hơn về sự di chuyển của Châu. Lâm Đức Thụ về sau tự nhận trách nhiệm nhưng không đáng tin cậy vì ông này ưa khoác lác và thổi phồng.

Mặc dù không phủ nhận là Q có thể phản bội Châu nếu tin rằng điều đó phục vụ lợi ích cách mạng, nhưng trong vụ này rõ ràng là Q không tin là có thể khai thác được gì cho phong trào từ việc bắt Châu. Thanh niên Hội vẫn tập trung sử dụng hình ảnh Phạm Hồng Thái để tuyên truyền và lôi kéo các thành viên của mình. Và lại một lãnh tụ có tính chất biểu tượng dễ điều khiển ngoài tự do rõ ràng có lợi hơn cho phong trào so với ngồi tù ở

Việt nam. Cũng cần nhận thấy rằng đến cuối đời Châu vẫn dành sự kính trọng cao nhất cho Q.

Toà đã xử Châu khổ sai chung thân ngày 23/11/1925 dẫn đến một phong trào phản kháng mạnh mẽ trong khắp nước. Toàn quyền mới, đảng viên Xã hội Varrene chẳng muốn khởi đầu sự nghiệp của mình bằng sự thù hận, đã đề nghị Paris giảm xuống án quản thúc tại gia ở Huế. Trước khi giảm án, Varrene đã đề nghị Châu hợp tác. Lúc đầu ông này từ chối nhưng sau đã tỏ ra khôn ngoan hơn. Tuy vẫn giữ quan hệ với các thành viên chủ chốt của phong trào dân tộc, thỉnh thoảng Châu lại đưa ra những phát ngôn có thể coi là có lợi cho Pháp ví như khen ngợi hệ thống giáo dục của Pháp ở Đông dương. Theo mật thám Pháp, một số phần tử quá khích thậm chí đã có kế hoạch ám sát Châu. Châu chết tại Huế năm 1940.

Trong thời gian vụ án Châu, một lãnh tụ cải lương khác là Phan Chu Trinh đã trở về Việt nam sau nhiều thập kỷ trong sự chào đón của dân chúng. Ông này chết năm 1926 vào tuổi 53 và đám tang ông đã trở thành một sự kiện dân tộc. Q có vẻ như không hài lòng cho rằng Pháp đã cường điệu sự kiện này nhằm mang lại một bộ mặt nhân tính hơn cho chính sách thực dân của mình và đánh lạc hướng dân chúng.

Nhờ sự cố gắng không mệt mỏi của Q, những tư tưởng Marxism dần dần được phổ biến trong các tầng lớp cách mạng ở Việt nam. Những nhà yêu nước trẻ được đưa từ trong nước sang và được đào tạo tại một cơ sở có cái tên rất kêu: Trường chính trị đặc biệt cho Cách mạng Việt nam. Trường này ban đầu được đặt tại phố Dân Sinh, sau đó chuyển sang một toà nhà 3 tầng thuộc sở hữu của một người thân Cộng sản ở phố Văn Minh (đối diện với Đại học Quảng đông, bây giờ là bảo tàng Lỗ Tấn^{xxxviii}). Tầng 1 là cửa hàng, lớp học và văn phòng của Q ở tầng 2 còn ký túc xá ở tầng 3. Đằng sau có cửa hậu để chạy trốn khi cảnh sát vây bắt. Giáo viên chủ yếu là các thành viên Thanh niên Hội như Mậu, Quốc, nhưng thỉnh thoảng cũng có thầy từ phái đoàn Xôviết như Vasily Blucher (Galen), P.A. Pavlov, M.V. Kuibyshev, V.M. Primakov, hoặc từ CCP như Lý Đạo Cơ, Chu Ân Lai, Lý Phu Quân và nhà tổ chức nông dân Bằng Bái. Một phần ba kinh phí của trường do CCP đài thọ, phần còn lại là đóng góp từ các tổ chức khác nhau, trong đó có các học viên Việt nam tại học viện Hoàng Phố.

Thầy Vương (bí danh của Q) là thầy giáo nổi tiếng nhất trường. Học viên đều yêu ông thầy mảnh khảnh, mắt sáng, giọng ấm, hài hước, dễ gần và đặc biệt kiên nhẫn trong việc giải thích các khái niệm khó. Thầy Vương trở thành cuốn bách khoa sống khi cần đến các số liệu. Một học viên đến giờ còn nhớ: “*Thầy kể vanh vách, thực dân Pháp đã trộm bao nhiêu tấn thóc, Ngân hàng Đông dương kiếm được bao nhiêu lợi nhuận, ông Varrene đã chở về nước bao nhiêu cô vật của dân ta*”.

Cũng như ở Paris, Q vừa là thầy giáo, vừa là cố vấn tinh thần, một người nghiêm khắc và một người bày trò có hạng. Q dạy học viên cách ăn nói, phát biểu, cách thông cảm với nhân dân. Q lo lắng nơi ăn, chốn ở và động viên các học viên bằng một sự lạc quan vô bờ bến vào sự thắng lợi của cách mạng. Như một nghi lễ, khi kết thúc khoá học, Q dẫn các học viên thăm mộ của 72 liệt sĩ Trung hoa trên đồi Hoàng Hoa và tuyên thệ trước lăng Phạm Hồng Thái.

Một số học viên tài ba hơn (ví dụ như Lê Hồng Phong) được phái đi tu nghiệp tiếp ở Moscow. Một số người sung quân đội hoặc tham gia học viện Hoàng Phố. Nguyễn Lương Bằng, một con nhà lao động, được chỉ thị kiểm việc trên tàu viễn dương để móc nối giữa Hải phòng và Hongkong. Hơn 70 học viên đã tốt nghiệp cho đến hết năm 1927.

Đa số học viên quay về Việt nam và tiếp tục tìm kiếm thêm lính mới. Lớp này đa số cũng từ tầng lớp môn sinh. Cảnh sát Pháp xác nhận khoảng 90% thành viên Thanh niên hội là tầng lớp trí thức tiểu tư sản. Năm 1928, hội có khoảng 300 thành viên ở Đông dương, trong đó khoảng 150 ở Cochinchina (Sài gòn, Cần thơ, Mỹ tho), 80 ở Annam và 70 ở Tonkin. Một năm sau, con số đã lên đến hơn 1700.^{xxxix} NAQ đã đi những bước quan trọng đầu tiên, tuy rất nhỏ và thận trọng, để chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam. Ông đã viết trước đó vài năm: “Thật là sai lầm khi cho rằng Đông dương đã sẵn sàng cho cách mạng, nhưng càng sai lầm hơn khi nghĩ rằng họ cam chịu và không muốn làm cách mạng”

NAQ quá kinh nghiệm để hiểu rằng, muốn duy trì được tổ chức hãy còn trong trứng nước của mình, tuyên truyền là quyết định. Tạp chí *Thanh niên* ra đời. Được in tại Quảng châu, xuất bản hàng tuần và gửi sang Việt nam qua đường thủy. Từ 21/6/1925 đến 5/1930, tổng cộng đã có 208 số được phát hành. Cũng như với tờ *Người cùng khổ*, NAQ sử dụng lối hành văn đơn giản, với nhiều biếm họa đả kích chế độ thực dân Pháp cũng như bọn vua chúa bù nhìn. Hầu hết các bài xã luận đều do ông viết nhưng không ký tên. Thanh niên Hội còn phát hành tờ *Lính Kách Mệnh* 2 tuần 1 lần và tạp chí *Việt nam Tiền phong* hàng tháng.

Đối với các hội viên nằm trong chương trình đào tạo, Q viết hẳn một cuốn sách nhỏ lấy tên là *Đường Kách mệnh*. Đây là cuốn sách đầu tiên bằng tiếng Việt giải thích những luận điểm căn bản của chủ nghĩa Max-Lenin và khả năng áp dụng ở Việt nam. Tuy không có mục đích trước nhưng chắc chắn 1 số bản của cuốn sách này được tuồn về Việt nam. Cuốn sách được viết bằng một văn phong cực kỳ đơn giản. Q biết chắc rằng đa số độc giả thậm chí còn chưa biết thế nào là Kách mệnh (thuật ngữ này mới được đưa vào tiếng Việt đầu thế kỷ 20, tiếng Hán có nghĩa là Thay đổi số mệnh), bởi thế, ngay từ đầu ông đã định nghĩa KM là “phá hủy cái cũ, xây dựng cái mới, phá hủy cái xấu, xây dựng cái tốt”. Tiếp đó, Q tiến hành phân thành 3 loại KM:

1. Tư sản (như ở Pháp, Nhật, US)
2. Dân tộc (như ở Italy thế kỷ 19, cách mạng 1911 ở Trung quốc)
3. Giai cấp (như cách mạng tháng 10 Nga)

Q khẳng định tất cả các cuộc KM đều được tiến hành theo hai giai đoạn: giai đoạn dân tộc và giai đoạn toàn cầu. Tất nhiên quan điểm này được mượn của Lenin, nhưng Q cũng đã khéo léo lồng ý của mình vào đó. Ông không khẳng định rõ bao giờ thì giai đoạn 2 mới bắt đầu. Thậm chí ông cho rằng, KM Việt nam chỉ có thể chuyển sang giai đoạn 2 nếu hầu như tất cả các nước đã làm việc đó. Q nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của liên minh công nông, đặc biệt là vai trò của nông thôn trong KM Việt nam với hơn 90% dân làm nông nghiệp. Giống như giai cấp công nhân trong *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, người nông dân trong *Đường KM* “không có gì để mất ngoài xiềng xích”. Cái mà họ cần, như Q đã từng viết ở Pháp trước đó là Tổ chức và Sự lãnh đạo. Cách mạng Việt nam cần có một Đảng vững mạnh với những tư tưởng dễ hiểu và theo đuổi.

Một vấn đề thú vị được đề cập đến trong cuốn sách là tính cách của “nhà cách mạng”. Có thể so sánh với cuốn *Tự bạch về nhà cách mạng* nổi tiếng của Nechayev, một tay khủng bố Nga thế kỷ 19. Ông này cho rằng, nhà cách mạng là công cụ mù quáng để thực hiện những lý tưởng cách mạng. Họ phải tàn nhẫn, dùng mọi thủ đoạn để đạt được mục tiêu, phải tuân thủ kỷ luật đảng, sẵn sàng từ bỏ những quan hệ bè bạn, gia đình, thậm chí lừa dối vì lợi ích của CM. Tuy quan điểm cực đoan của Nechayev bị phê phán nhiều,

nhưng Lenin vẫn rất khoái và nhiều điểm trong cuốn “*Tự bạch*” trở thành tiêu chuẩn của người Bolsheviks. Có nhiều điểm tương đồng trong định nghĩa của Q về nhà cách mạng, như tuân thủ kỷ luật đảng, đặt quyền lợi cách mạng lên trên quyền lợi cá nhân. Nhưng điểm khác biệt chủ chốt ở cái hồn tinh thần nằm đằng sau hai bản tiêu chuẩn này. Trong khi Lenin cho rằng những quan điểm đạo đức không liên quan lắm đến tính cách của người CM thì Q hầu như áp dụng tất cả những chuẩn mực đạo đức của người quân tử trong đạo Khổng: tiết kiệm, cởi mở nhưng công bằng, cương quyết sửa chữa lỗi lầm, thận trọng, ham học và quan sát, không kiêu ngạo và khoan hồng.

Nếu tính đến tài năng xuất chúng của Q trong việc thay đổi hình thức tuyên truyền cho những đối tượng khác nhau, có thể cho rằng Q cố tình giữ những “*bình cũ*” để đưa “*rượu mới*” vì biết rằng đa số hội viên của ông xuất phát từ những gia đình nho học và chắc chắn vẫn giữ những giá trị căn bản của đạo Khổng. Tuy nhiên, thực tế cuộc đời HCM đã chứng tỏ rằng đạo đức cá nhân ông: hình ảnh một con người giản dị và hào hiệp với niềm lạc quan vô bờ bến và tinh thần nghiêm túc và hiến dâng cho những lý tưởng cách mạng, đã trở thành sự đảm bảo tiêu chuẩn của ảnh hưởng của ông trong đảng. Đối với rất nhiều người khác, HCM trở thành biểu tượng của chủ nghĩa cộng sản Việt nam.

Cuốn sách của Q còn thỏa mãn những logic thâm kín của Việt nam. Trong khi bảo đảm rằng cách mạng VN sẽ được giúp đỡ từ cách mạng thế giới, người đọc cũng sẽ lấy làm sung sướng được biết rằng phương Tây cũng chưa ra gì và sẽ còn phải trải qua những thời loạn lạc. Việc phân tích nguyên nhân thất bại của các nhóm dân tộc chủ nghĩa cũng rất có ý nghĩa cho lớp trẻ. Q đã chỉ ra rằng các nhóm này thiếu hẳn một tư tưởng, một ý niệm rõ ràng về tương lai của Việt nam độc lập. Phật giáo với triết lý chịu đựng không thể là tác nhân thay đổi. Khổng giáo bị mất giá trị trầm trọng do sự đầu hàng của triều đình. Bởi thế các nhóm dân tộc chủ nghĩa chủ yếu được xác định bởi vùng, miền, chiến thuật hay cá nhân thủ lĩnh. Những hành động của họ chỉ biểu hiện sự phần uất của một nhóm người trước một kẻ thù muôn lần mạnh hơn.

Có thể coi Đường Kách mệnh là cuốn sách tư tưởng nhưng quá hoang sơ, thậm chí nhiều chỗ gây bối rối cho người đọc về chủ nghĩa Max-Lenin. Tuy nhiên với quan điểm tuyên truyền rất rõ ràng của Q: càng đơn giản càng tốt, cuốn sách đã trở thành công cụ giới thiệu tư tưởng tốt cho những nhà cách mạng sơ khởi. Ngoài ra, Q đã tiến một bước dài trong phong trào cách mạng Việt nam và thế giới bằng việc lần đầu tiên nhấn mạnh vai trò của nông thôn ở Việt nam và tương lai cách mạng châu Á. Một số nhà quan sát còn cho rằng ĐKM là tác phẩm đầu tiên của “*chủ nghĩa cộng sản nông thôn*”, một biến thể của chủ nghĩa Max-Lenin, vốn thường được gán cho Mao Trạch Đông.

Tính đến mùa xuân năm 1927, chỉ với 2 năm ở Quảng châu, Q đã trở thành một thành viên được kính trọng và không thể thiếu của phong trào cách mạng ở đây. Q chơi thân với Chu Ân Lai, nhà tổ chức thanh niên Trương Đại Lợi (*cần xem lại Zhang Tailei*), lãnh tụ cánh tả của Quốc dân Đảng Lão Trung Khải (Liao Zhong Kai). Cuộc sống xem ra đã có vẻ ổn định, Q dự kiến kiếm 1 cô vợ Tàu vừa để học tiếng và lo việc gia đình và nhờ “*thỏ công*” Lâm Đức Thụ lo hộ vụ này. Q chỉ đặt một điều kiện: “*không trả một xu*” (trái với tục lệ người Hoa)

Nhưng chẳng có vấn đề gì, Thụ tìm ngay được 1 cô tên là Tăng Tuyết Minh, con gái vợ ba của một nhà buôn. Sau khi bố chết, cô này bị đuổi ra khỏi nhà, sống vạ vật cho đến khi làm quen được với vợ của Thụ. Nhiều đồng chí của Q đã phản đối cuộc hôn nhân này vì cho rằng Minh không được học hành đầy đủ, tuy nhiên Q vẫn quyết định cưới và hai vợ chồng cùng sống trong căn phòng của Q tại biệt thự của Borodin. Tuyết Minh khá xinh (theo lời kể thì mặt tròn, môi nhỏ, da mịn, tóc thề ngang vai), nhưng chẳng quan tâm gì đến các vấn đề dân tộc và cách mạng. Sau

mấy lần thử tìm cách dụ dỗ thất bại, Q từ bỏ ý định thay đổi quan điểm chính trị của vợ. Có nguồn tin cho rằng, vợ chồng Q có một đứa con gái^{xl}

Tuy nhiên mây đen đang che phủ dần sự nghiệp của Q ở Quảng châu. Trong khi ông đang tìm cách dẹp yên những đốm lửa bất hoà ở trong nước thì tình hình Trung quốc thay đổi nhanh chóng. Cuộc hôn phối khó khăn Quốc – Cộng trong những năm qua được duy trì chủ yếu nhờ uy tín cá nhân của Tôn cũng như quan hệ thân thiết giữa Tôn và Borodin. Tuy nhiên cái chết của Tôn năm 1925 trong khi đang thương thảo với tướng Phương Yuxiang, đã thay đổi tất cả. Sau một cuộc chiến quyền lực ngắn, Tưởng Giới Thạch lên nắm quyền. Tưởng tạm thời duy trì liên minh mặc dù có sự phản đối quyết liệt của phái hữu trong QĐĐ. Bản thân Tưởng cũng chẳng có thiện cảm gì với cộng sản. Sau chuyến viếng thăm Matxcova năm 1923, Tưởng hiểu rằng mục đích cuối cùng của Matxcova là loại bỏ đảng của ông ta. Ngày 12/4/1927, trong chiến dịch chung tiêu trừ cát cứ tại phía Bắc và Trung nguyên, Tưởng đã ra tay, điều quân tàn sát hàng ngàn đảng viên cộng sản và những người ủng hộ tại Thượng Hải.

Quảng châu phản ứng tức thì, quân đội của Lu Jishen bao vây hơn 2000 đảng viên cộng sản. Hàng trăm học viên thân cộng tại Hoàng Phố (trong đó có một số Việt nam) bị bao vây và bắn chết. Bạn Q, Trương Lợi cũng nằm trong số này. Khi quân của Lý tiến hành bao vây lãnh sự quán Liên xô, Borodin và một số cộng sự phải trốn sang Vũ Hán. Ban đầu, phòng nhì Pháp cũng nghĩ là Q sẽ chạy theo Borodin. Thực tế thì Q đã ở lại vì tin tưởng vào những mối quan hệ của mình với QĐĐ. Tuy nhiên ông cũng ẩn vào một chỗ hẻo lánh hơn và đi bán báo để kiếm tiền sinh sống. Chẳng được bao lâu, Trương Văn Lệnh, một tay chân trước đây của Tâm Tâm Xã, đang là quan chức của chính quyền thành phố, đã mật báo là đã có lệnh bắt Q và ông phải trốn càng nhanh càng tốt. Người đã chỉ điểm Q chính là Nguyễn Hải Thần. Thần vốn là bạn thân của Thụ và đã từng ở nhà ông này. Q muốn hợp tác với Thần và những thành viên còn sót lại của Phan Bội Châu VNQĐĐ, nhưng Thần kịch liệt phê phán xu hướng thân cộng của Thanh niên hội. Năm 1926 Trương Bội Công mò đến từ Bắc kinh càng thôi thúc Thần phải thành lập đảng mới để chống lại ảnh hưởng của hội.

Ngày 5/5/1927, Q lên tàu đi Hồng Kông bỏ Tuyết Minh lại Quảng châu. Cùng ngày, nhà ông bị khám xét. Một lần nữa Nguyễn Ái Quốc lại lên đường.

Thanh kiểm báu

Q nghĩ gì khi nhìn qua cửa sổ ngắm những cánh đồng lúa xuân đang vào vụ gặt trên con tàu đi vào vô định ngày ấy. Chắc chắn là ông hài lòng vì những gì đã làm ở Quảng châu. Đích thân ông đã đào tạo hàng trăm chiến sĩ phân phối về cả 3 miền đất nước, thành lập một tổ chức vững mạnh làm tiền thân cho đảng cộng sản Đông dương sau này. Cuộc đảo chính của Tưởng đã làm đảo lộn tất cả. Thanh niên Hội không thể đặt trụ sở ở Quảng châu được nữa. Liên lạc giữa Q với các đồng chí trong nước đã bị cắt đứt, có thể phải đến hàng năm. Bản thân Q cũng chưa biết mình sẽ đi về đâu!

Ban đầu, có thể Q (vẫn đang dùng tên là Lý Thụy) đã hy vọng là sẽ dùng HK làm nơi cư trú và bàn đạp cho tổ chức của hội. Nhưng chính quyền sở tại nghĩ khác và ngay ngày hôm sau Q phải lên đường đến Thượng Hải, thành phố vẫn đang còn bàng hoàng về vụ “khủng bố trắng”. Để che mắt, Q phải đóng giả một nhà buôn và thuê phòng khách sạn sang trọng. Chẳng mấy chốc hết tiền, Q may mắn vớ được một chuyến tàu về Vladivostok.

Vladivostok khi đó là cơ quan đầu não của các hoạt động cách mạng tại Viễn đông. Tại đây, Q đã gặp lại Jacques Doriot, một trong những ngôi sao đang lên của Đảng cộng sản Pháp. Ông cũng gặp lại đại diện QTCS Grigori Vointinsky. Mỗi ông một ý, Doriot khuyên Q dựa vào FCP để thâm nhập Đông dương từ Thái lan, Voitinsky thì lại đề nghị Q về Thượng hải và xây dựng phong trào trong đám lính Việt đang đóng ở đó. Q lịch sự lắng nghe, nhưng trong thâm tâm, ông đã biết mình phải làm gì.

Q về đến Matxcova tháng 6 năm đó và ngay lập tức viết đơn xin phép được cấp kinh phí để có thể hoạt động ở Thái lan trong khoảng 2 năm. Trong khi chờ phê duyệt, Q viết một loạt các bài báo cho *Inprecor* miêu tả tình hình tại Đông dương. Sau chuyến đi nghỉ chữa bệnh ở nhà nghỉ Eppatoria Crum (chưa rõ bệnh gì), Q nhận được tin vui: Trường Stalin đã quyết định thành lập phân ban Việt nam cho những sinh viên đã được Q gửi đi từ Quảng châu. Trong số đó, Trần Phú là người gây được nhiều chú ý nhất. Con một viên quan triều đình ở Quảng Ngãi, Phú đã tham gia một đảng dân tộc nhỏ, khi sang Quảng châu để bàn việc hợp tác với Thanh niên hội, Phú đã bị Quốc thu phục và gửi sang Matxcova đào tạo^{xli}

Tháng 11/1927, thay vì chi tiền cho Q đến Thái lan, QTCS điều ông sang Pháp để vạch một chiến lược toàn diện hơn xây dựng cơ sở cách mạng trong vùng. Không thấy đã động gì đến chuyện kinh phí cả. Trên đường sang Paris, Q ghé qua Berlin, tại đây ông tham gia xây dựng chi nhánh của Liên hiệp Phản đế (vỏ bọc của đại diện Liên xô ở nước ngoài). Đến Pháp, mặc dù được báo cáo trực tiếp cho trung ương FCP, Q tỏ ra hết sức thất vọng vì vấn đề thuộc địa không được ai quan tâm. Cũng không ai đề nghị tìm việc làm hoặc cấp kinh phí gì cho Q cả. Quãng cuối tháng 12, Q tham gia hội nghị Trung ương Liên hiệp Phản đế tại Brussel. Tại đây ông đã làm quen với Sukarno, Nehru, gặp lại ông bạn Nhật Katayama Sen và đặc biệt với vợ góa của Tôn Trung Sơn Tổng Khánh Linh, người sẽ giúp đỡ Q trong thời điểm quyết định sau này.

Sau hội nghị, Q chỉ trở về Paris một thời gian ngắn và sang Berlin. Ông viết thư cho Dombai xin tiền của Quốc tế Nông dân để về Đông dương hoạt động. Ông này khuyên Q nên xây dựng phong trào nông dân ở các tỉnh biên giới với Trung quốc nhưng cũng không thấy đã động gì đến chuyện tiền nong. Chẳng có việc gì làm, Q dự định hoàn thành một cuốn sách khoảng 120 trang về những kinh nghiệm bản thân trong phong trào nông

dân Trung quốc. Đến khoảng tháng 4 thì Q cạn tiền, ông viết một bức thư thống thiết về Dalburo miêu tả mình như một người :

Không được làm việc ở Pháp, vô dụng ở Đức nhưng rất cần ở Đông dương. Tôi đã khẩn thiết đề nghị tổ chức cung cấp tài chính để tôi có thể trở về Đông dương hoạt động. Tôi đã nói với đồng chí Khi Doriot khi đi ngang qua đây là nếu không có tiền sống thì hãy cho tôi tiền đi lại để tôi có thể lên đường chứ không phải lang thang ở châu Âu này nữa. Rốt cuộc chẳng có hồi âm gì. Tình hình của tôi hiện tại như sau: 1/chờ đợi chỉ đạo trong vô vọng 2/không có gì để sống...

Hai tuần sau Q nhận được giấy phép trở về Đông dương, FCP cấp tiền đi đường và 3 tháng ăn ở. Đầu tháng 6, Q rời Berlin, qua Thụy sĩ, sang Italia. Tại biên giới, theo lời kể của Q, may mắn sao tên Q lại không có trong Từ điển chống QTCS của bọn cảnh sát phát xít. Tuy nhiên Q vẫn bị bắt tại Rome và bị đánh đập tàn nhẫn. Cuối cùng ông cũng được thả và lên một con tàu Nhật ở Naple để về Thái lan. Đó là cuối tháng 6/1928.

Q đến TL tháng 7/1928. Vương quốc Thái lan khi đó là quốc gia duy nhất ở ĐNA không phải là thuộc địa. Bởi thế ngay cả nhà cách mạng nổi tiếng như Q cũng được đi lại thoải mái, chẳng ai quan tâm. Trước đó, theo lệnh của Q, thanh niên Hội đã xây dựng mạng lưới trong giới Việt kiều, vốn tập trung rất đông tại khu vực cao nguyên Khorat, Đông bắc Thái lan. Từ vùng núi Trường sơn đến cao nguyên này khoảng 2 tuần đi bộ, chính quyền Thái lan lại ưu ái các nhà yêu nước Việt nam, bởi thế khu vực này có thể được coi là thánh địa chống thực dân. Nhiều người trong số 20.000 Việt kiều ở khu vực này là tín đồ cũ của phong trào Cần Vương và Phan Bội Châu. Từ năm 1925, NAQ đã cử Hồ Tùng Mậu sang lập 4 chi nhánh tại Phichit, Nakhon Panom, Udon Thani và Sakon Nakhon dưới dạng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Từ tháng 8 năm 1928, trong cộng đồng người Việt tại Bandong (một huyện của Phichit) xuất hiện một người Việt nam lạ mặt tự xưng là Thầu Chín. Ông ở đây 2 tuần và tháng 9/1928 vượt 10 ngày đường rừng để đến Udon Thani. Có ngày ông đi được đến 70 km. Cộng đồng người Việt ở đây vốn xuất phát là dân tiểu thương nên lười lao động và không muốn hoà nhập với xã hội Thái. Thầu Chín đến thay đổi tất cả. Đích thân ông đứng ra xin phép và khênh gạch để xây trường học cho bà con học tiếng Thái. Mỗi ngày ông đặt quyết tâm học 10 từ Thái. Tối tối ông đến các gia đình, kể cho họ nghe tình hình thế giới và Đông dương, giải thích cho họ chính quyền và người dân Thái ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam. Ông đổi tên tờ báo tiếng Việt Đồng Thanh thành Thân Ái (gắn với một tổ chức do Thanh niên Hội lập ra), bằng cách hành văn dễ hiểu, qua các bài thơ và vở kịch kịch động tinh thần yêu nước. Đầu năm 1929, Thầu Chín đến Sakhon Nakhon. Dân ta ở đây không được giác ngộ cho lắm, thờ chúa, phật và cả Trần Hưng Đạo đủ cả. Mỗi khi mắc bệnh lại cúng vái tứ phương. Thầu Chín đích thân chẩn bệnh và mời bác sĩ đến chữa bệnh cho nhân dân. Ông cũng không ngần ngại sử dụng đức Thánh Trần cho việc tuyên truyền yêu nước

Trên Điện Diên Hồng, ngàn người như một

Kẻ nào muốn cướp Việt nam hãy bước qua xác chúng ta

Còn một người còn sống là sông núi Việt nam vẫn là của ta

Mật thám Pháp đã mất khá nhiều công sức để tìm Q sau khi ông rời Quảng châu năm 1927. Phòng nhì Pháp đã dò được Quốc ở Paris nhưng lại mất vết khi Q bỏ Brussel. Năm 1928, 1929 chúng nghe nhiều tin đồn về một người Việt kỳ lạ lang thang trong các làng Việt kiều ở Đông bắc Thái và tìm cách xác định danh tính người này. Tháng 10/1929, toà án triều đình tại Vinh đã xử tử Q vắng mặt về tội nổi loạn. Trong hồi ký của mình, Q đã nhắc đến việc có lần phải cắt tóc trốn vào chùa đi tu để tránh cảnh sát.

Trong lúc Q lặn lội sang Xiêm thì các đồng chí của ông tìm mọi cách để giữ vững hoạt động của Thanh niên Hội. Sau khi hầu như những thành viên chủ chốt được thả, Hội được đặt dưới sự lãnh đạo của Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu với trụ sở tại căn phố hẹp Dân Sinh gần Cửa Dong Da địa điểm cũ của Trường đào tạo. Tháng 12/1927 các đảng viên CCP liền lĩnh mở cuộc khởi nghĩa và bị đàn áp dã man. Nhiều chiến sĩ của Hội cũng tham gia và bị giết. Lê Hồng Sơn và một số người khác bị bắt và đưa ra tòa, nhưng không bị buộc tội mà bị trục xuất. Hồ Tùng Mậu chuyển trụ sở sang Hồng Kông và mất liên lạc với CCP và QTCS.

Dù những thất bại tạm thời Thanh niên Hội vẫn có vị trí vững chắc trong phong trào cách mạng Việt nam. Hội tiếp tục mở rộng trong nước và đàm phán với các đảng phái chính trị khác để thành lập mặt trận thống nhất chống Pháp. Có điều các cuộc đàm phán này thường diễn ra trong không khí nghi kỵ vì Hội kiên quyết giữ vai trò lãnh đạo. Quãng tháng 12/1927, một số nhà giáo và nhà báo ở Bắc bộ và Bắc Annam thành lập ra VNQDD. Tuy cùng tên với đảng của Phan Bội Châu nhưng chẳng có liên quan gì. Đảng này theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn và cũng có mong muốn hợp tác với Thanh niên Hội. Hai bên đã từng hẹn đàm phán tại Xiêm nhưng thất bại vì Hội không cử đại diện đến. Và lại QDD không chấp nhận sự lãnh đạo của Hội ở trong nước, tất yếu dẫn đến sự tranh giành ảnh hưởng quyết liệt giữa hai tổ chức.

Ngoài ra những mâu thuẫn trong Hội cũng bắt đầu xuất hiện. Thực ra mâu thuẫn này có nguồn gốc từ chính sách hai mặt của Q: cam kết theo chủ nghĩa quốc tế Max-Lenin nhưng vẫn lấy độc lập dân tộc làm cương lĩnh hoạt động chính. Sau khi Q rời Quảng châu mùa xuân năm 1927, một số học trò của ông như Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu nhanh chóng trở thành những người Marxist đầy khao khát, trong khi đó Lâm Đức Thụ và một số cựu binh lại quan điểm khác. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi mùa xuân năm 1928, tại một cuộc họp ở nhà riêng của Thụ, ông này đã tìm cách thông qua được bản cương lĩnh mang tính dân tộc mà chẳng đả động gì đến cách mạng xã hội hay đấu tranh giai cấp gì cả^{xlii}.

Trong ba năm đầu tiên, cả hai phái trong Hội đều tìm chế, tuy nhiên sau hội nghị HK, mâu thuẫn bùng phát dẫn đến tan vỡ tổ chức. Mọi sự khởi đầu từ nhóm lãnh đạo Bắc bộ và bí thư thứ nhất Trần Văn Cung. Ông này người xứ Nghệ, đảng viên đảng Tân Việt, tham gia khởi nghĩa Quảng Châu và đã từng ngồi tù Quốc dân đảng. Cung cũng tham dự vào hội nghị HK và tỏ ra rất thất vọng về đường lối uỷ mị của ban lãnh đạo mới. Cung không tin là có thể thuyết phục nông dân và công nhân ủng hộ chỉ bằng diễn thuyết chung chung về lòng yêu nước và độc lập dân tộc. Cần phải mang lại cho họ những lợi ích kinh tế cụ thể. Không được chào đón nồng nhiệt ở hội nghị, Cung quay ra thuyết phục các đồng chí mình ở Bắc bộ^{xliii}.

Đầu tiên họ không hài lòng về việc chẳng ai quan tâm chiêu mộ giai cấp vô sản vào Hội. Ngoài Tôn Đức Thắng, thợ máy của Pháp về nước trở thành lãnh tụ công đoàn tại nhà máy đóng tàu Ba son và một vài “công hội đỏ” khác ở những thành phố lớn, không có nhiều công nhân gia nhập Hội. Hoạt động của Hội chủ yếu dựa vào các sinh viên từ TQ trở về. Số này phần lớn xuất thân từ thành phần học giả và chủ yếu mở rộng tổ chức trong tầng lớp bạn bè của mình. Cơ sở Hội ở nông thôn cũng rất yếu.

Thứ đến, họ không hài lòng về thái độ của lãnh đạo Hội đối với việc thành lập Đảng cộng sản mà theo họ là tuyệt đối cần thiết. Tại hội nghị 5/28 ở HK, khi Cung nêu vấn đề, Thụ đã gạt đi “để xem sau”. Sự bất mãn càng lộ rõ trước thêm đại hội VI của QTCS được tổ chức vào hè năm 1928. Thất vọng trước sự tan vỡ của liên minh Quốc – Cộng dẫn đến sự

đàn áp đẫm máu những người cộng sản tại TQ, bị buộc phải tỏ ra cứng rắn trong cuộc đấu tranh giành quyền lực với Troski, Stalin đã yêu cầu các đại biểu từ bỏ chính sách mặt trận liên hiệp rộng rãi được thông qua tại đại hội II 8 năm trước. Các đảng CS tại thuộc địa được chỉ thị không liên minh với các đảng tư sản dân tộc. Nội bộ trong đảng cũng phải thanh lọc các phần tử “tiểu tư sản”. Những đảng viên thành phần trung lưu phải được đưa đi “vô sản hoá”.... Tất cả phải hành động để chuẩn bị cho làn sóng cách mạng mới trong điều kiện nền kinh tế của các nước tư bản châu Âu đang có dấu hiệu đình trệ, hứa hẹn một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Vì chưa có đảng CS, Việt nam không có đại diện chính thức tại đại hội VI. Tuy nhiên có 3 người Việt nam trong thành phần đảng CS Pháp. Một người tên là Nguyễn Văn Tạo, quê gốc Nghệ an, đã từng bị đày khỏi trường tại Sài gòn do các hoạt động chống đối. Ông này đã phát biểu tại đại hội dưới tên An, kêu gọi cần nhanh chóng thành lập ĐCS ở Việt nam để lãnh đạo giai cấp vô sản nhỏ nhoi ở đó. Ông còn cho rằng những tổ chức dân tộc cải lương như đảng Hiến pháp, đảng độc lập Việt nam (do Nguyễn Thế Truyền lập) theo đường lối cải cách hoà bình là “cực nguy hiểm” vì đánh lạc hướng dân chúng.

Những nghị quyết của đại hội VI QTCS càng làm căng thẳng thêm những bất đồng và đổ thêm dầu vào yêu sách đòi cải tổ Hội thành đảng cộng sản có ý thức hệ tư tưởng rõ ràng. Dẫn đầu phe chống đối vẫn là Trần Văn Cung. Sau một thời gian làm thợ, Cung tin tưởng rằng chỉ bằng những khẩu hiệu yêu nước, khó có thể lấy được sự ủng hộ của công nhân. Cần phải tăng tiền lương, giảm giờ làm! Và chỉ có đảng CS mới làm được việc đó!!!

Tháng 5/1929, Thanh niên Hội tiến hành đại hội đầu tiên. 17 đại biểu đại diện cho hơn 800 thành viên tại Bắc bộ, 200 từ Nam bộ và 200 từ Trung bộ tập trung tại HK. Ngay sau khi đến nơi, Cung gặp Lê Hồng Sơn đề nghị giải tán Hội và thành lập ĐCS. Là thành viên của nhóm cộng sản nòng cốt do NAQ thành lập trong Hội, đương nhiên là Sơn ủng hộ việc cải tổ. Tuy nhiên Sơn nghĩ chưa đến thời điểm vì các thành viên còn chưa đủ giác ngộ. Và lại thành lập ĐCS ở HK dễ gây chú ý cho chính quyền QĐĐ tại Quảng châu.

Tuy nhiên Cung không nghe và đưa ra đề nghị ngay tại ngày đại hội đầu tiên. Bị chủ tịch Lâm Đức Thụ từ chối thẳng thừng, Cung cùng với các đồng chí liền bỏ hội nghị về Bắc bộ lập ra Đông dương cộng sản Đảng (CPI), công khai chỉ trích Hội không tuân theo các quyết định của QTCS. Sau khi Cung bỏ đi, hội nghị tiếp tục họp và thông qua nghị quyết về sự cần thiết thành lập một ĐCS ở Việt nam, tuy nhiên thời điểm chưa chín muồi do giai cấp công nhân còn quá yếu và thiếu một lý thuyết cách mạng. Hội nghị cũng chính thức đề nghị QTCS công nhận Hội.

Các nhà lãnh đạo Hội đã mắc sai lầm nghiêm trọng khi đánh giá thấp sự ủng hộ cho một đảng cộng sản từ phong trào cách mạng trong nước. CPI ra sức lừa các thành viên của Hội sang hàng ngũ của mình. Tháng 8, Hồ Tùng Mậu và Lê Quang Đạt ra tù ở Quảng châu và trở về HK. Được sự ủng hộ của Sơn, họ bí mật thành lập tổ chức cộng sản bên trong Hội, gọi là An Nam cộng sản Đảng (ACP), cho Lâm Đức Thụ ra rìa. Những chi bộ đầu tiên của ACP được thành lập ở Nam bộ. Cùng tháng, Mậu gửi thư cho Cung đề nghị sát nhập, nhưng Cung từ chối vì “bận”. Bí quá, Mậu viện cả QTCS: “*Nếu chúng ta có hai Đảng, 1 ở phía Nam, một ở phía Bắc, thì không hiểu quốc tế thứ Ba sẽ nghĩ thế nào?*”.

Suốt năm 1929, các phe phái tiếp tục đả kích nhau với chiếc mũ “mensevick”. Cuối tháng 10, CPI cử Đỗ Ngọc Du tới HK để hoà giải mà không cần sự giúp đỡ của người ngoài. Tuy thế, do đã được dặn trước, Du cứ khẳng khẳng đòi ACP giải thể và các đảng viên sẽ gia nhập CPI. Lẽ dĩ nhiên là ACP từ chối.

Trong khi đó, các đảng viên của Tân Việt ở miền Trung cũng gia tăng hoạt động. Họ đổi tên thành Đông dương cộng sản Liên đoàn, nhằm tránh sự đào tẩu của đảng viên sang hai đảng kia. Thế là ở Việt nam có 3 đảng cộng sản một lúc còn Hội thì chỉ còn cái vỏ. Cuối tháng 8, được tin NAQ đang hoạt động ở Xiêm, Sơn cử Lê Duy Diễm liên lạc với Q, hy vọng rằng Q, như người sáng lập Hội có thể sử dụng uy tín và khả năng thuyết phục của mình để hoà giải giữa các phe phái.

Matxcova cũng phê phán kịch liệt “sự chần chừ và thiếu kiên quyết” của Hội và ra mặt ủng hộ CPI. QTCS nhấn mạnh sự cần thiết phải có ngay một đảng thống nhất để lãnh đạo phong trào tại Đông dương và hứa sẽ gửi đại diện đến làm trung gian. Giọng điệu của Matxcova càng hung phân khi nghe thị trường chứng khoán NewYork sập, tiếp theo những vụ khủng hoảng ngân hàng tại Áo. Các nhà lãnh đạo Xô viết như cảm thấy thời khắc sụp đổ của chủ nghĩa tư bản toàn cầu đã điểm. Mùa thu 1928, Dalburo mở chi nhánh ở Thượng hải, gọi là Cục Viễn đông (FEB) . FEB đề xuất thành lập một tổ chức mới với trụ sở ở Sing để điều phối hoạt động các nhóm cộng sản ở ĐNA, với tên gọi: “Liên hiệp các nhóm cộng sản”. ACP nắm được tin này qua các đồng chí TQ của mình và tỏ ra không hào hứng lắm. Đảng cộng sản Nam Dương, thành lập ở Sing giữa những năm 20, chủ yếu là dành cho người Hoa, vì thế chịu ảnh hưởng sâu sắc của CPP. ACP sợ rằng, CPP thực tế sẽ định hướng các hành động của họ. Họ cho rằng các đồng chí TQ thường chỉ quan tâm các vấn đề của mình và coi thường các dân tộc khác. Sơn gửi Lê Quang Đạt đến Thượng Hải để thuyết phục FEB trực tiếp lãnh đạo ACP. Ngày 16/12/1929 Hồ Tùng Mậu gặp phái viên của QTCS tại HK. Phái viên này cho rằng cả 3 phe đều chưa xứng với danh hiệu “cộng sản” và nếu chưa có đảng thống nhất, hãy cứ để cho CPP lãnh đạo^{xliv}

Tại Xiêm, Q được các đại biểu đi dự hội nghị 5/29 thông báo về sự chia rẽ trong Hội. Liên đó, tháng 9, Q viết một bức thư gửi cho CPI nói toẹt ra rằng, ông chỉ tin tưởng vào những người cộng sản, và đề chứng tỏ lòng trung thành của mình với QTCS, CPI cần cử đại diện sang dự hội nghị dự kiến sẽ diễn ra ở Vladivostok vào đầu năm 1930. Lãnh đạo CPI chần chừ. Q đã hai lần định vượt biên giới về Việt nam nhưng phải hoãn vì bị cảnh sát theo dõi quá sát sao. Khi ông đang chuẩn bị lần thứ ba thì phái viên từ Hồngkong đến (có thể là Lê Duy Diễm) mang theo những tin tức khẩn cấp. Q liền đi Bangkok và từ đó đáp tàu đi Quảng châu. Q đến Quảng châu 20/1/1930. Vì sợ cảnh sát Anh, Q viết thư mời các đồng chí của mình từ HK. Tuy nhiên họ lại cho rằng gặp nhau ở HK an toàn hơn vì cảnh sát Anh tỏ ra bao dung với các hoạt động của các ngoại kiều, miễn là đừng mất ổn định của HK. Điều kiện sống ở HK xem ra cũng tốt hơn ở Quảng châu. Người Hoa ở đây hiền hơn, thỉnh thoảng mới xảy ra bãi công. Hồ Tùng Mậu cử một đệ tử của mình hộ tống Q đến HK và ở một khách sạn tại Cửu long. Ngay lập tức, Q đến nhà Lê Hồng Sơn và gặp các lãnh đạo của Hội. Ông đã kích họ đã xa rời quần chúng, miêu tả việc tách đảng như “trò trẻ con”. Q còn gặp với đại diện của CCP. Sau đó, ông gửi thư mời ba phái cạnh tranh ở Đông Dương đến HK để chuẩn bị thành lập đảng mới.

Cuối tháng Giêng, các đoàn ACP, CPI từ Đông dương lục đục kéo đến HK. Đại biểu của Liên đoàn bị bắt trên tàu thủy vì bị nghi đánh bạc. Ngày 3/2, Đại hội hợp nhất được diễn ra tại một căn nhà nhỏ ở khu phố nghèo của Cửu long, sau đó lại phải chuyển đến một sân vận động. Đại biểu của ACP là Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiều, đại biểu CPI là Trịnh Đình Cừ và Nguyễn Đức Cảnh. Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn đại diện cho Hội cũ. Đại hội diễn ra một cách êm thấm đáng ngạc nhiên. Q nhẹ nhàng chỉ trích tất cả các bên và nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết. Hoá ra các mâu thuẫn kịch liệt chỉ là biểu hiện của tự ái cá nhân. Miền bắc thì chê miền nam lười và dễ tính, miền nam lại chê miền

bất khắc khổ và ương ngạnh. Cả hai đều không bằng lòng với việc các đồng chí Nghệ An chiếm hết vị trí lãnh đạo. Để tránh phiền phức, Q sử dụng uy tín QTCS của mình đề xuất giải tán tất cả các tổ chức hiện tại, lập ra đảng mới và được tán thành tức thì. Chỉ còn một vấn đề là đảng mới sẽ lấy tên là gì. Nhưng điều này Q cũng đã lo trước, ông bỏ cả Đông dương, An nam và sử dụng lại chữ Việt nam của triều Nguyễn, đảng mới sẽ có tên là Đảng cộng sản Việt nam (VCP). Phần còn lại của Đại hội diễn ra trong không khí đoàn kết và thân ái tiếp tục thông qua điều lệ và cương lĩnh của Đảng.

Cần phải nhắc lại rằng Q đã được báo cáo về Đại hội 6 của QTCS và những thay đổi về đường lối của phong trào, tuy nhiên ông không nhận được bức thư phê phán của QTCS trực tiếp gửi Hội năm 1929 thông qua FCP. Mặc dù thừa nhận rằng ở Việt nam chỉ có thể diễn ra cách mạng dân chủ tư sản, QTCS vẫn nhấn mạnh giai cấp công nhân phải giữ vai trò lãnh đạo và đấu tranh với tất cả các biểu hiện của bọn “dân tộc xét lại”. Lý thuyết cách mạng hai giai đoạn của Lê nin được Hội kế tục cũng bị đá kích là “kìm hãm và làm suy yếu quần chúng”. Cuối cùng bức thư kết luận: “không cần phải đợi đến khi ACP được tái tổ chức mới có thể phát động quần chúng nổi dậy”.

Chịu ảnh hưởng của sự thay đổi đường lối của QTCS, Lời kêu gọi của đại hội thống nhất tuy vẫn được gửi cho toàn thể nhân dân (công nhân, nông dân, binh lính, sinh viên học sinh và tất cả anh chị em bị áp bức bóc lột) Việt nam, nhưng đã xoá đi quan điểm của Q về liên minh công-nông chiến lược. Lời kêu gọi công khai nhấn mạnh đây là “Đảng của giai cấp vô sản”, có nhiệm vụ lật đổ “chế độ thực dân đế quốc, tàn dư phong kiến và các lực lượng tư sản phản cách mạng”, lập nên nhà nước “công nông binh” dần dần chuyển tiếp thành nhà nước XHCN. Dù thế, Q cũng không dễ dàng từ bỏ đường lối thành lập mặt trận rộng rãi của Lenin. Tài liệu chiến lược mới của đảng mới đòi hỏi phải lôi kéo sự ủng hộ của trung nông, trí thức, tiểu tư sản và các nhóm dân tộc như đảng Hy vọng Thanh niên của Nguyễn An Ninh. Chỉ có đảng Hiến pháp của Bùi Quang Chiêu là bị coi là rõ ràng “phản động”. Chính sự trung thành với Lê nin này sẽ mang lại cho Q rất nhiều sự rắc rối trong thời gian sắp tới.

Trong thư gửi Hilary Noulens, đại diện cho FEB (Far East Buro), Q miêu tả: “Từ quá trình Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đã nở ra Đảng cộng sản Việt nam. Một tổ chức tuy còn non trẻ nhưng được tổ chức tốt nhất, có hiệu quả nhất và sẽ tiến bộ nhanh chóng”. Đảng có 204 đảng viên ở Bắc và Trung bộ, 51 tại Nam bộ, 15 ở Trung quốc và 40 ở Xiêm. Trong các tổ chức sinh viên, học sinh, nông dân, Đảng có khoảng 3500 môn đồ.

Thanh kiếm thần mà Lê Lợi đã dùng để đánh tan quân xâm lược từ thế kỷ 15, giờ đây đang nằm trong tầm tay của Q.

Nghệ Tĩnh đồ

Đảng cộng sản Việt nam ra đời, thỏa mãn ước mơ của Q khi rời quê hương cách đây 21 năm, tìm một con đường để giải phóng đất nước. Cùng với cuộc đại khủng hoảng đang diễn ra ở thế giới tư bản, phong trào cách mạng ở Đông dương có vẻ như minh chứng cho dự báo của QTCS về ngày huy hoàng sắp đến của cách mạng thế giới. Tuy nhiên, với Q, có nhiều câu hỏi cần phải trả lời. Liệu đảng mới sẽ thuộc đảng bộ sắp được thành lập tại Singapore hay sẽ báo cáo trực tiếp cho văn phòng FEB tại Thượng Hải? Liệu Q sẽ tiếp tục đóng vai trò đại diện của QTCS hay sẽ trực tiếp lãnh đạo Đảng? Nếu lãnh đạo thì sẽ đóng ở đâu vì nếu Q về Đông dương, sẽ bị bắt và xử ngay. Ngày 13/2, bất chấp cái lạnh, Q đi Thượng hải để liên lạc với Hilaire Noulens tại trụ sở của FEB trong một biệt thự châu Âu trên phố Nam kinh náo nhiệt.

Gặp Noulens không phải là việc dễ. Ngày 18, Q viết thư cho Nou, giọng rất bức xúc: *Tôi phải gặp đồng chí ngay, bởi vì 1/ báo cáo này đã viết 2 ngày vẫn chưa đến được tay đc; 2/ Mọi việc có thể giải quyết trong 1 giờ mà tôi đã ở đây 5 ngày rồi; 3/ tôi buộc phải ngồi không trong khi công việc chỗ khác đang chờ.*

Trong bức thư, Q cũng kiên quyết phản đối quan điểm của QTCS về việc thành lập các đảng khu vực, bỏ qua yếu tố dân tộc. Q không đồng ý để VCP thuộc đảng bộ Đông Nam A, cho rằng Việt nam cần phải có một đảng độc lập, báo cáo cho FEB qua văn phòng Hồng Kông. Có vẻ như cuối cùng Q cũng gặp được Nou và thuyết phục Nou đồng ý với quan điểm của mình, vì sau đó vài ngày Q báo cáo với Dalburo ở Moscow. Nhưng vẫn còn một vài khúc mắc:

Tôi không rõ vai trò của mình. Tôi là thành viên Đảng CS Pháp hay Việt nam. Khi chưa có lệnh mới, tôi sẽ tiếp tục làm việc với VCP. Nhưng dưới danh nghĩa nào? Tôi không thể về Đông dương vì đã có bản án tử hình vắng mặt. Liệu vai trò của tôi với QTCS đã chấm dứt? Nếu không, tôi có thể liên lạc với văn phòng địa phương được không? Rất mong Ban chấp hành xem xét nhanh.

Trước khi rời Thượng hải, Q gặp Nguyễn Lương Bằng, một tay chân cũ từ thời ở Quảng đông. Q dặn Bằng tìm cách tuyên truyền, thu phục gần 4000 lính Việt nam hiện đang đóng trong khu nhượng địa Pháp. Q còn nhấn mạnh việc giữ vững quan hệ với Đảng CS TQ. Sau đó Q về Hongkong thành lập văn phòng phía Nam của FEB, đợi lệnh mới. Văn phòng này được đặt trong một ngôi nhà 2 tầng ở đảo HK, dưới danh nghĩa một hãng buôn. Q thuê một căn hộ gần sân bay ở Cửu long, hoạt động với tên gọi nhà báo Vương. Văn phòng có trách nhiệm liên lạc với các đảng ở ĐNA: Thái, Sing và Việt nam

Cuối tháng 3, Q đi tour trong khu vực với nhiệm vụ khôi phục tổ chức ở Nam Dương. Tại Thái lan, Q qua Udon Thani, thông báo về việc thành lập VCP. Theo lời của Hoàng Văn Hoan, Q kêu gọi các thành viên của Hội tham gia tích cực vào các hoạt động của đảng CS Thái sắp được thành lập. Để trấn an tâm lý bất ổn vì không được tham gia trực tiếp vào giải phóng VN, Q khuyên nên tổ chức Hội thành văn phòng tỉnh của VCP. Cuối tháng 4, Q quay trở về BK chủ tọa hội nghị thành lập đảng CS Thái, bầu ban chấp hành lâm thời với 1 đại biểu Việt nam từ Udon Thani. Sau đó Q đi Malaya và Sing, dự hội nghị đảng Nam Dương, cải tổ thành đảng CS Malayan. Cả hai đảng mới đều báo cáo cho FEB qua văn phòng HK. Q quay về HK giữa tháng 5

Trong khi Q bận rộn “đỡ đê” cho các đảng mới, tình hình Việt nam nhanh chóng trở nên căng thẳng. Đầu tiên là cuộc khởi nghĩa của VNQDD vào đầu tháng 2. Bỏ qua những nguyên tắc của Lenin về việc vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, QDD dựa vào một

lớp các nhà cách mạng tinh túy, dự kiến sử dụng khởi nghĩa vũ trang để lật đổ Pháp, với sự hậu thuẫn của các binh sĩ phản chiến. Quân đội viễn chinh Pháp, do Toàn quyền Ly Myre thành lập từ năm 1879, có khoảng 30,000 quân, với khoảng 2/3 là dân địa phương. Đội quân này được chia thành 31 tiểu đoàn do các sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngoài ra còn khoảng 15,000 dân quân do hạ sĩ quan Pháp chỉ huy. Đa phần lính Việt nam là do các chức sắc trong làng bắt đi, chẳng có cảm tình gì với Pháp. Đến cuối những năm 20, tâm lý ghét Pháp trong binh sĩ dâng cao, là mảnh đất màu mỡ để gieo tinh thần dân tộc chủ nghĩa. Từ năm 1929, QĐĐ đã bắt đầu tàng trữ vũ khí tại nhiều địa điểm trên cả nước. Đáng tiếc là Pháp đã phát hiện và tiêu hủy phần lớn. Sau đó vấn đề thêm căng thẳng. Một chủ đồn điền Pháp bị ám sát trên đường phố Hà nội khi vừa bước ra cửa nhà người tình. Chính quyền nghi ngờ QĐĐ đứng đằng sau, lập tức vây bắt hàng trăm lãnh đạo đảng và những người ủng hộ. Lo ngại trước nguy cơ bị tiêu diệt, QĐĐ quyết định ra tay nhanh. Lúc đó, họ đã có khoảng 1000 cơ sở trong các trại lính ở Bắc bộ. Đầu tháng 2, cuộc binh biến nổ ra ở một số đồn ở trung du Bắc bộ, quan trọng nhất là ở Yên Bái. Kế hoạch đầu độc các sĩ quan Pháp bị một tên chỉ điểm tuồn cho Pháp. Viên chỉ huy trại lính đã đề phòng và khi cuộc bạo động nổ ra vào giữa đêm, quân Pháp đã được chuẩn bị. Đến đầu giờ sáng thì Pháp đã kiểm soát được tình hình. Cuộc nổi dậy ở một số địa điểm khác cũng nhanh chóng bị dập tắt. Rất nhiều lãnh đạo bị bắt. Ngày 17/6, 13 kẻ cầm đầu bị xử tử tại Yên Bái.

Cuộc khởi nghĩa đã thất bại ngay từ đầu về nguyên tắc, khi không có những biện pháp kích động dân chúng tham gia, cũng không có phương án “tẩu vi” khi gặp sự cố. Liên lạc cũng bị cắt đứt ở phút cuối, dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong hành động. Quan trọng hơn nữa là cuộc khởi nghĩa không được sự ủng hộ của dân chúng trong toàn quốc. Các lãnh đạo thoát chết chạy trốn sang Trung quốc và bị phân rã thành 2 nhánh: một nhánh vẫn trung thành với chủ trương khởi nghĩa vũ trang, nhánh kia thì nghiêng về cải cách hòa hoãn.

Trên thực tế thì tình hình Đông dương đang chứa đựng nhiều dấu hiệu bất ổn. Đầu tiên là trong giới học trò. Mặc dù số lượng học sinh liên tục tăng (đầu năm 1930, cả nước có 7000 trường công với gần 340,000 học sinh), bất mãn vẫn không ngừng gia tăng do thiếu điều kiện học lên. Chỉ có khoảng 5000 học sinh ở cấp trung học và khoảng 500 được vào học tại đại học duy nhất ở Hà nội. Việc làm sau khi học xong càng không có, lương thì thấp hơn hẳn các đồng cấp châu Âu, làm tăng thêm tinh thần chống sự thống trị của ngoại quốc. Khi phong trào học sinh tạm lắng xuống cuối những năm 20, đến lượt công nhân nổi dậy. Công nghiệp phát triển mạnh kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhưng chỉ có giới chủ được hưởng lợi. Cuối những năm 20, giai cấp công nhân Việt nam có 200,000 người, trong đó đã có 50,000 làm việc trong các khu mỏ ở miền Đông bắc. Tình cảnh của công nhân làm việc tại các đồn điền chè và cao su ở Tây nguyên và dọc biên giới Campuchia, hết sức khốn khổ:

Tất cả đều phải dậy từ 4h sáng mà nhiều người vẫn chưa kịp ăn sáng. Kềng tập trung lúc 5h và không ai được muộn. 20 phút tập trung là một cực hình vì bọn chủ tìm mọi cơ để đánh đập, chửi bới.

Sau đó tất cả phải ra đồn điền, mỗi người phải cạo mủ từ khoảng 280 đến 350 gốc. Ai không đủ tiêu chuẩn sẽ bị đánh, nếu không có tiền nộp chuộc. Chiều về, phải phục dịch chủ, dọn dẹp nhà cửa. Cuộc sống đúng là: “con không biết mặt cha, chó không biết mặt chủ”.

Thực tế châu Âu cho thấy điều kiện trong xã hội tiền công nghiệp không bao giờ dễ chịu. Việt nam cũng không phải là ngoại lệ. Công nhân các “nhà hàng mồ hôi” ở Nam định, Hải phòng, hầm mỏ Quảng ninh hay các đồn điền miền Nam đều cùng khổ như nhau. Việc tuyển dụng cũng không hẳn là tự nguyện. Các băng nhóm tội phạm nhiều khi rình bắt người trên đường rồi tống thẳng đến các nhà máy. Một số nông dân không đủ tiền nộp tô cho địa chủ trốn ra thành phố. Nhưng cũng chẳng hơn gì. Đồng lương thì chết đói. Bao lực tràn lan. Charles Dickens mà còn sống hẳn sẽ rất hiểu cuộc sống này.

Rồi cuộc đại khủng hoảng xảy ra. Tư bản Pháp bỏ chạy. Hơn một nửa số nhân viên phải ra đường. Có người chạy về quê cuống quýt tìm đường sống. Nhiều người biểu tình phản đối. Bãi công nổ ra tràn lan. Có trường hợp là do Tân Việt hoặc Thanh niên Hội xúi giục, nhưng đa số là tự phát. Tháng ba/1930, công nhân đồn điền Phú riêng nổi loạn. Vài tuần sau đến lượt nhà máy dệt Nam định, rồi Diêm Bến thủy. Pháp thẳng tay dẹp loạn. Đã có người chết, nhiều người bị thương. Tình hình đặc biệt nghiêm trọng ở Vinh. Rất nhiều công nhân có nguồn gốc từ những địa phương lân cận, dẫn đến sự bất mãn cao độ ở nông thôn. Hàng ngàn nông dân Thanh chương đã tràn vào đập phá đồn điền và treo cờ đỏ búa liềm. Lính lê dương Pháp đàn áp giết hàng chục người.

Từ cuối năm 1929, CPI đã cử một đảng viên kỳ cựu của mình là Nguyễn Phong Sắc về nằm vùng ở nhà máy Diêm Bến thủy. Vài tuần ngay sau Hội nghị thành lập tháng 2/1930, Tỉnh ủy Nghệ an rồi các chi bộ địa phương liên tiếp được thành lập và hầu như hoạt động tự do vì Pháp không để ý, còn quan lại địa phương thì sợ. Các cán bộ địa phương tự chủ hoạt động mà không cần bất cứ sự lãnh đạo nào từ TƯ, tiếp tục thổi ngọn lửa cách mạng. Đến đầu tháng 9, tình hình bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát. Nông dân các huyện dọc sông Cả nổi dậy cướp chính quyền, tổ chức theo kiểu Liên xô thành các Xô-viết, chủ yếu là từ thành phần nông dân nghèo. Chính quyền mới lập tức xóa bỏ các loại sưu thuế, lấy lại ruộng đất từ tay địa chủ để chia cho dân nghèo. Công nhân Bến thủy và học sinh Huế đồng loạt biểu tình ủng hộ.

Lo sợ, Pháp lập tức tăng cường quân lê dương để hỗ trợ quân triều đình. Ngày 12/9 khi hàng ngàn người từ Yên xuyên đổ về Vinh để chiếm trụ sở ngân hàng Đông dương, máy bay Pháp đã ném bom thẳng vào đoàn người. Con đường từ Yên xuyên về Vinh đầm máu và xác người.

Trong lúc Nghệ Tĩnh đang bạo loạn, Đảng bộ địa phương đang bối rối không biết phải hành động thế nào, tại HK, những lãnh đạo cao cấp ráo riết chuẩn bị cho Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ nhất. Cuối tháng 9, đoàn Nam bộ đến nơi nhưng chẳng thấy dấu hiệu gì của đoàn Bắc và Trung bộ. Được sự đồng ý của Q, anh em định bỏ về, thì thật may mắn có mấy đại biểu của Bắc kỳ đến từ Hải phòng ngay trước giờ lên đường. Tất cả quyết định vẫn tiếp tục hội nghị. Q và Trần Phú đi Thượng hải để tư vấn với Noulens. Đầu tháng 10, Phú quay về. Q ở lại thêm vài ngày rồi trở về HK trên một con tàu Mỹ. Ngày 20/10, Hội nghị khai mạc tại một căn hộ nhỏ ở phố Khai Y, đảo HK. Nhờ trời, đến lúc này, đại biểu 3 miền đều có mặt, trừ một đại biểu đã đến được HK nhưng lại bị lạc vì không tìm được địa điểm. Q vừa là chủ tịch vừa là đại diện của QTCS. Trong số đại biểu, có một thiếu nữ da nâu, hấp dẫn. Đó chính là Nguyễn Thị Minh Khai, được cử sang giúp cho Q tại Văn phòng miền Nam từ tháng 4/1930.

Chủ đề chủ yếu của Hội nghị là thảo luận cương lĩnh chính trị chính thức thay thế đề cương tạm thời do Q soạn thảo tại Hội nghị thống nhất hồi tháng 2. Đề cương của Q thừa hưởng từ cương lĩnh của Thanh niên Hội nên hiển nhiên là có một số điểm không trùng với quan điểm chính thống của Matxcova tại thời điểm này, tỷ như vai trò chính thống

của giai cấp công nhân hoặc kế hoạch cách mạng 2 giai đoạn của Lênin. Đa số các đại biểu đã chấp nhận quan điểm của Matxcova, thay thế cho những “khiếm khuyết” của đề cương tạm thời của Q. Ngày 9/12, Ban chấp hành TƯ mới ra thông tư (chắc là do Phú thảo), đã kích quan điểm mặt trận thống nhất bao gồm cả những phần tử tư sản của hội nghị tháng 2. Thông tư cũng phê phán chủ trương hợp nhất bình đẳng, cho rằng lẽ ra phải chọn những thành phần ưu tú nhất của mỗi phái.

Cương lĩnh chính trị mới đề nghị thành lập mặt trận phản đế, do công nhân lãnh đạo, kết hợp với bần nông và trung nông. Mặt trận không cấm các phần tử tư sản, nhưng cương lĩnh cảnh báo, phải hết sức cẩn thận với bọn này. Đảng có thể hợp tác với các đảng dân tộc khác, nhưng phải chống lại quan điểm “dân tộc hẹp hòi” của các đảng này, và tiêu diệt ảnh hưởng của chúng đến quần chúng. Cương lĩnh cũng đề xuất khai trừ những phần tử chủ trương khủng bố, ám sát, coi thường quần chúng. Chủ trương này chắc chắn được sự ủng hộ của Q, vì ông đã phát biểu tương tự khi nhận xét cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Một kết quả nữa của hội nghị tháng 10 là việc đổi tên đảng từ đảng cộng sản Việt nam thành đảng cộng sản Đông dương do sức ép của Liên xô. Rõ ràng là Matxcova cho rằng chữ “Việt nam” quá “dân tộc chủ nghĩa” không phù hợp với “cách mạng thế giới”. QTCS cũng đang kêu gọi những nước nhỏ thành lập những đảng khu vực.

Tình hình bạo loạn ở miền Trung cũng đã gây chú ý. Đến lúc đó gần như mọi sự ngã ngũ, cuộc nổi dậy chỉ diễn ra lẻ tẻ ở vài huyện. Nông dân, công nhân, tầng lớp thị dân, thậm chí cả dân nghèo miền Bắc cũng tỏ thái độ thờ ơ, không nổi dậy hưởng ứng. Nghị quyết hội nghị kêu gọi các lãnh đạo địa phương tìm mọi cách để mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong cả nước, và chỉ thị không được manh động, sử dụng bạo lực mù quáng. Một thông điệp gửi riêng cho đảng bộ Nghệ Tĩnh nêu rõ:

Nếu quần chúng đứng lên tự phát, đảng đương nhiên phải lãnh đạo. Trường hợp này, có bằng chứng cho thấy đảng bộ địa phương đã chủ động “giật dây”, và đấy là một sai lầm chết người: 1/ Tình hình cách mạng và nhận thức quần chúng chưa chín muồi ở nhiều địa phương. 2/ Tại một số xã, phong trào mạnh thì lại quá thiếu vũ khí.

Hội nghị đã bầu Ban chấp hành TƯ và Ban thường vụ gồm Trần Phú, Nguyễn Trọng Nghĩa và Nguyễn Phong Sắc (mặc dù ông này không dự). Trần Phú còn được bầu làm Tổng bí thư. Q tiếp tục là đại diện cho QTCS. Ban đầu Ban thường vụ định đóng ở Hải phòng, nhưng sau chuyển vào Sài Gòn do lý do an ninh.

Quốc không thể không biết rằng những quyết định của Hội nghị lần này đã mâu thuẫn rõ ràng và thậm chí trái ngược với những tư tưởng và phong cách lãnh đạo của mình. Nhiều chỉ trích hoàn toàn không có cơ sở. Từ thời lãnh đạo Thanh niên Hội, Q đã cố gắng nâng cao trình độ nhận thức tư tưởng của các thành viên. Bây giờ khi các thành viên trẻ hơn cáo buộc về tội yếu kém về tư tưởng, chắc Q rất đau. Trên thực tế, quan điểm mới của QTCS không những không phù hợp với Q mà còn là bước lùi so với những tư tưởng của Lenin đầu những năm 20. Q đã chấp nhận tất cả với một thái độ nhã nhặn: “lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác” và viết báo cáo gửi cho Noulens sau khi hội nghị kết thúc. Vào cuối thu và mùa đông năm 1930-1931, Pháp tăng cường đàn áp. Biểu tình bị dập tắt ngay lập tức, quân đội tràn vào chiếm đóng những làng xã ủng hộ biểu tình. Đảng bộ các tỉnh miền Trung báo cáo tinh thần dân chúng xuống thấp. Những phần tử tích cực cuống quýt quay sang các biện pháp như ám sát hoặc khủng bố để trấn áp dân chúng. Pháp càng đàn áp dữ hơn. Ban thường vụ cũng lúng túng, chỉ thị: “chúng ta không có máy bay, không có quân đội để ứng cứu. Nhưng tuyệt đối không được hoảng loạn”. Tại HK, Q cũng hết sức cố gắng để lôi kéo sự chú ý của thế giới. Trong báo cáo gửi cho Moscow, Q

nói suốt ngày gõ cửa các đồng chí ở văn phòng FEB tại Thượng hải, để kêu gọi các đảng khác ủng hộ phong trào tại Việt nam. Trong một bài báo viết năm 1931, có tên “Nghệ Tĩnh đỏ”, Q ca ngợi sự kết hợp của công nhân với nông dân và kết luận, cuộc nổi dậy xứng đáng được tô màu “đỏ”.

Q cũng hết sức băn khoăn về khả năng của mình có thể tham gia tích cực vào việc lãnh đạo phong trào. Mâu thuẫn với Trần Phú ngày càng căng thẳng. Phú thẳng cánh chỉ trích quan điểm “dân tộc” của Q, phản bội lại những tư tưởng của QTCS. Phú cũng không dấu diếm tham vọng kiểm soát đảng trong tương lai. Trong một lá thư gửi Q tháng Giêng năm 1931, Phú kêu ca về sự mất liên lạc với văn phòng FEB tại Thượng hải và cho rằng Q chính là thủ phạm. Phú viết, nếu Q không thể đảm bảo được liên lạc, thì văn phòng ở HK có vai trò gì? Mặc dù rất khó chịu với giọng điệu “bề trên” của Phú, Q vẫn tìm cách bắt liên lạc với Thượng hải và thúc giục Noulens nhanh chóng có những chỉ thị cho phong trào ở Việt nam.

Đầu tháng 3, Joseph Ducroux, điệp vụ của QTCS dưới tên gọi Serge Lefranc đến HK để gặp Q trong chuyến đi thị sát khu vực. Q và Lefranc quen nhau từ đầu những năm 1920 khi cùng tham gia Liên đoàn cộng sản trẻ tại Paris. Lefranc cho rằng sử dụng Q chỉ với mục đích liên lạc và phiên dịch thì quá phí và đề nghị chuyển Q về văn phòng Thượng hải, trực tiếp chỉ đạo Đông dương. Hai tuần sau, L đến Sài gòn. Ngày 23, Ngô Đức Trí, thành viên Ban thường vụ mới, từng gặp L khi học tại trường Stalin, gặp L tại khách sạn Sài gòn Palace. Ngày hôm sau, L gặp 2 thành viên còn lại tại nhà Phú, chuyển tiền và hứa Noulens sẽ sớm gặp ban lãnh đạo ICP. L cũng thông báo việc chuyển Q về Thượng hải. Sau khi gửi bưu thiếp cho Q, L rời Sài gòn ngày 27.

Cảnh sát Pháp bắt đầu thành công trong việc truy quét, bắt bớ những phân tử cộng sản đầu sỏ, từ đó tra khảo ra những đầu mối khác. Nội bộ phong trào bắt đầu có hiện tượng rối loạn, nghi kỵ lẫn nhau. Thậm chí khi Nguyễn Đức Cảnh bị bắt năm 1929, đảng bộ miền Trung đã quyết định ám sát ông này trong nhà tù để khỏi khai lung tung. Cuối tháng 3/1931, Trần Phú triệu tập hội nghị trung ương lần thứ hai tại Sài gòn. Không rõ là hội nghị bàn về vấn đề gì nhưng thấy nghị quyết dừng cảm tuyên bố nhờ tình hình thế giới thuận lợi và những cố gắng của đảng, phong trào vẫn phát triển mạnh mẽ. Hội nghị cũng thừa nhận những vấn đề nghiêm trọng đang tồn tại. Vai trò lãnh đạo của đảng tại Bắc kỳ rất yếu, do tư tưởng “tiểu tư sản” bị thừa hưởng từ Thanh niên Hội, không thâm nhập được vào giai cấp nông dân và công nhân. Vài ngày sau hội nghị, cảnh sát bắt thành lập ập vào ngôi nhà Ban thường vụ đang họp kín với đại diện các địa phương ở Nam bộ. Tất cả đều bị bắt, trừ Trần Phú đúng lúc đó đang ra vườn đi vệ sinh nên đã kịp thoát ra cổng sau. Trong tù, Ngô Đức Trí không chịu được tra tấn đã khai ra tuốt tuột. Đến ngày 17/4, trong ban lãnh đạo đảng, chỉ còn Trần Phú tự do.

Cùng ngày, Phú viết thư cho văn phòng FEB, buộc tội những đảng viên nòng cốt Bắc kỳ và Trung kỳ, vẫn bị ảnh hưởng của giới lãnh đạo cũ, chống đối lại đường lối mới, dẫn đến thảm họa hiện tại. Tuy nhiên Phú vẫn lạc quan thông báo, hiện tại đảng đã có tới 2400 đảng viên so với 1500 hồi tháng 10; hơn 63000 nông dân đã tham gia cách mạng, so với chỉ có 2800 mùa thu năm trước. Đảng sẽ phát triển và cần tiền, Phú kết luận. Trước đó vài ngày, Noulens đã viết thư phê phán Q ở HK không cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình ở Đông dương, chẳng hạn tại sao lãnh đạo bị bắt và trong hoàn cảnh nào? Để FEB có thể rút ra những kinh nghiệm và bài học. Noulens cho rằng việc chuyển Q về Thượng hải tại thời điểm này là không hiện thực và cần chuẩn bị kỹ lưỡng hơn nữa. Ngày 20/4, Q viết cho Ban thường vụ ở Sài gòn, chuyển tải những yêu cầu của

Noulens. Ngày 24/4 Q viết cho Phú, kêu ca về vai trò của mình chẳng khác gì “hộp thư”, và sẵn sàng làm nhiệm vụ khác. Trong mọi trường hợp Q nhấn mạnh vai trò của việc bảo đảm thông tin đầy đủ. Nhưng Phú không bao giờ nhận được những bức thư này. Ngày 18/4 Phú bị bắt. Một tháng sau, Phú chết trong tù. Có nguồn tin nói là do lao phổi, nguồn khác lại cho rằng do tra tấn. Ngô Đức Trí và Nguyễn Trọng Nghĩa đang ngồi tù. Nguyễn Phong Sắc bị hành hình trong tháng 4. Ban lãnh đạo đảng trong Đông dương hoàn toàn bị tan rã.

Theo báo cáo của Surête, cuối mùa xuân năm 1931, hơn 2000 người đã bị hành hình, 51000 thành viên của phong trào bị bắt. Thêm vào đó là hạn hán trong các tỉnh miền Trung dẫn đến mất mùa. Hơn 90% dân Nam đàng, Nghê an có nguy cơ chết đói. Ngay cả những người ôn hòa như Bùi Quang Chiêu cũng phải viết trên tờ *La Tribune Indochinoise*: miền Trung đang yên tĩnh, nhưng đó là sự im lặng của chết chóc.

Ngày 12/5/1931, Noulens gửi cho Q bản đánh giá có tính phê phán tình hình Đông dương. Noulens phê phán lãnh đạo đảng đã không tuân thủ nghiêm ngặt những chỉ dẫn của QTCS. Đặc biệt là chủ nghĩa “anh hùng quá khích”, nổi dậy vội vã, bắn cảnh sát hay những hành động khủng bố khác đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phong trào. Họp hành thì dài dòng và thoải mái, không có những biện pháp bảo mật. Thiếu những biện pháp giáo dục và tổ chức quần chúng. Cuối cùng Noulens hứa sẽ báo cáo tình hình Đông dương cho phong trào cách mạng thế giới và dặn “*Tìm mọi cách viết cho chúng tôi về hoạt động, thành tích và thất bại của các bạn*”

Trong lúc chờ đợi phân công công tác mới, Q sống trong một căn hộ nhỏ ở bán đảo Cửu long và sa vào quan hệ tình ái với Nguyễn Thị Minh Khai. Cũng như Q, Duy (tên hoạt động của NTMK) là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Cô sinh năm 1910 tại một gia đình danh giá ở Hà đông. Ông nội Duy là một quan chức triều đình ở Bắc giang, đã đậu đến Phó bảng. Bố Duy, ông Nguyễn Văn Bình, sau khi thi trượt, chấp nhận làm một nhân viên hỏa xa ở Vinh năm 1907. 14 tuổi, khi vào trường trung học, Duy được Trần Phú truyền bá những tư tưởng cách mạng. Năng nổ và xinh xắn, cô lập tức được Q chú ý ngay khi đến Hong kong.

Không có nhiều tài liệu viết về mối tình Q-K và cũng không rõ họ có cưới nhau chính thức hay không? Cuộc hôn nhân của Q với Tăng Tuyết Minh coi như tan vỡ sau khi Q bỏ trốn năm 1927, mặc dù có một số chứng cứ cho thấy Minh đã gặp Q tại HK đầu những năm 1930. Lâm Đức Thụ đã khai với mật thám Pháp là Minh chê Q già, và đồng ý lấy Q chỉ vì tiền. Trong một bức thư nhờ Thụ chuyển cho Minh, Q viết: “*Mặc dù chúng ta xa nhau và không nói ra nhưng tình cảm vẫn nguyên vẹn. Cho anh gửi lời hỏi thăm tới mẹ em*”. Mùa xuân năm 1931, Q xin phép văn phòng FEB được cưới NTMK. Noulens trả lời phải báo trước cho ông ta hai tháng trước khi làm đám cưới. Không may, ngay sau đó Khai bị cảnh sát HK bắt vì nghi ngờ hoạt động chống phá. Nhờ tự khai là công dân TQ dưới cái tên Trần Thái Lan, Khai bị di lý về Quảng đông, tổng giam vài tháng rồi được thả ra vì thiếu chứng cứ. Khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5, Q viết thư cho Noulens thông báo vắng tất một đồng chí trong đội liên lạc bị bắt. Sau đó lại nhắc lại đề nghị được chuyển công tác.

Cùng thời điểm, Lefranc vẫn tiếp tục chuyến đi của mình đến Singapore để tiếp xúc và thu nhập thông tin với các thành viên của đảng cộng sản Malayan - MCP. Cả Q lẫn Noulens đều đang rất cần những thông tin này. Do được Q báo trước, một lãnh đạo của MCP là Phú Đại Thanh, chiến hữu của Q khi thành lập đảng ở Xiêm, đã hẹn gặp Lefrance tại Collier's Quay. Cảnh sát Anh đã theo dõi Lefranc từ lâu và mắt dấu ông này

ở Ấn và Xrilanca. Lần này thì chúng gặp may. Phú đang bị cảnh sát bám sát vì quan hệ với một đảng viên người Indonexia Tan Malaka. Khi được biết là Phú sẽ gặp một điệp viên từ châu Âu sang có tên là Lefranc, cảnh sát nghi ngờ ngay đó chính là Joseph Ducroux, đã được London báo từ trước. Sau khi bắt giữ cả hai, cảnh sát đã lục soát phòng ngủ và thu tất cả các giấy tờ của Lefranc, trong đó có cả bưu thiếp của Q (dưới tên T.V. Wong) và Noulens. Lefranc và đồng phạm bị xét xử và tống giam tại Sing, còn thông tin về Q và Noulens ngay lập tức được báo về Thượng hải và Hong kong.

2:00 giờ sáng ngày 6/6, cảnh sát HK ập vào một căn hộ trên bán đảo Cửu long, bắt đi trên tầng 2 một người đàn ông có tên là Tống và một phụ nữ trẻ tự xưng là cháu của ông ta và có tên là Lý Sâm. Dựa trên những tài liệu, truyền đơn thu được, cảnh sát đã xác định đó chính là điệp vụ của QTCS Nguyễn Ái Quốc, còn người phụ nữ là Lý ung Thuận, vợ của Hồ Tùng Mậu.

Cuộc sống phút chốc bị đảo lộn. Mọi quan hệ với trong nước bị cắt đứt. Đe dọa nhãn tiền là bị dẫn độ cho Pháp và triều đình Annam. Tương lai vô cùng bất định!

Mất hút

Năm 1931 là năm các chính quyền thuộc địa tại Đông Á ra tay ngăn chặn làn sóng cộng sản đang dấy lên. Tháng 6, cảnh sát Singapore bắt Serge Lefranc, đặc vụ của QTCS đang đi tour khu vực Đông Nam Á theo chỉ thị của văn phòng Thượng hải. Ngày 5/6, phái viên của ICP tại FEB Lê Quang Đạt bị bắt tại nhượng địa Pháp ở Thượng hải. Sáng hôm sau, NAQ và đồng chí của mình là Lý Sâm bị bắt tại Hồng Kông. Vài ngày sau đến lượt Hilaire Noulens và vợ. Ông này tự khai là công dân Bỉ nhưng đã bị nhanh chóng vạch trần khi lặn theo người đến mấy quyền hộ chiếu khác nhau và lãnh sự Bỉ từ chối xác nhận. Mặc dù chẳng có thể gán được cho Noulens tội gì rõ ràng, các quan chức thuộc địa tin chắc rằng ông này là cộng sản gốc và chuyển giao cho chính quyền Quốc dân đảng tại Giang tây. Tại đây Noulens bị kết án chung thân, sau Liên xô thông qua tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế đã can thiệp để đưa về Matxcova.

NAQ (dưới bí danh là phóng viên Trung quốc Tống Mãn Châu) bị bắt mà không có trát của toà do cảnh sát nghi ngờ là có những hoạt động liên quan đến QTCS. Mặc dù Q chẳng phạm tội gì của HK, chính sách của Anh lúc đó là không cho phép sử dụng lãnh thổ mình để tiến hành các hoạt động lật đổ. Chính quyền sở tại tin chắc ông là NAQ và hy vọng có thể tìm cách để trục xuất Q sang Đông dương. Tuy nhiên do lúc đó giữa Pháp và Anh chưa có thoả thuận về dẫn độ tội phạm chính trị, cách duy nhất mà chính quyền có thể làm là đề nghị toà ra lệnh trục xuất Q ra khỏi HK trên một con tàu và đến một địa điểm đã chỉ định sẵn.^{xlv}

Do không có hộ chiếu và Q kiên quyết khẳng định mình là người Hoa chứ không phải người Việt nam, toà phải mở phiên điều trần vào ngày 10/7/1931. Tại phiên điều trần này, Q chỉ dùng tiếng Anh, khai mình sinh ở Đông hưng (thành phố thuộc Quảng đông gần biên giới với Đông dương). Ông thừa nhận mình đã sang Pháp, nhưng chưa hề tới Nga và càng không liên quan gì đến QTCS. Ông cũng phủ nhận mình có quen biết Lefranc mặc dù công nhận là mình đã ký vào bưu thiếp tìm thấy trong túi của Lefranc. Cuối cùng Q đề nghị được dẫn độ sang Anh chứ không phải trục xuất sang Đông dương. Gần cuối phiên điều trần, Q bất ngờ nhận được sự trợ giúp về pháp luật từ bên ngoài. Cho đến nay vẫn chưa rõ là làm thế nào mà luật sư Frank Loseby lại trở thành một nhân vật quan trọng của vụ án này? Có nguồn tin cho rằng ông ta có một trợ lý người Việt, anh này đã kể lại với ông chủ về Q. HCM thì nói rằng mình và Loseby có chung một người bạn giấu tên ở HK. Theo thông tin chính thức của Hà nội, Loseby được Tổ chức cứu trợ Đỏ quốc tế và Mặt trận phản đế (một công cụ của Moscow để cứu giúp các đồng chí của mình bị sa cơ) thuê.^{xlvi} Loseby lập tức phản đối việc trục xuất Q theo những thủ tục bình thường vì điều đó sẽ gây nguy hiểm cho Q và Lý Sâm (cô gái cùng bị bắt với Q). Lý do đơn giản là chính quyền Pháp ở Đông dương đang theo dõi sát sao vụ này và đã đề nghị chính quyền HK thông báo địa điểm và thời gian trục xuất. Loseby muốn các thân chủ của mình phải được rời HK theo sự sắp xếp của chính họ. Thống đốc HK lưỡng lự nhưng cũng đồng ý. Ngày 24/7 ông này điện cho Bộ Thuộc địa ở London đề nghị thả tự do cho Q và buộc phải rời HK trong 7 ngày. Theo ông nếu trục xuất Q sang Đông dương thì chẳng khác gì dẫn độ và “mâu thuẫn với những nguyên tắc của nước Anh”.

Tuy nhiên, sự việc diễn ra không đơn giản. Jules Cambon, đại sứ Pháp tại London chính thức lên tiếng phản đối quyết định thả Q. Ông ta cho rằng Q là một sự nguy hiểm quốc tế và cần phải bị kiềm chế. Mặc dù Pháp không có đủ thẩm quyền pháp lý để đòi hỏi dẫn độ Q, chính phủ Pháp muốn chính phủ Anh hiểu rõ quan điểm của mình. Ông này cũng nhắc

lại đề nghị của tổng lãnh sự Pháp tại HK đề nghị trục xuất Q sang Đông dương. Bộ Ngoại giao Anh, muốn lấy lòng Pháp trong việc chung sức chống lại các hoạt động lật đổ đã đồng ý với quan điểm này^{xlvi}

Yêu cầu của Bộ ngoại giao đã gây ra cãi nhau to trong Bộ thuộc địa. Mặc dù có nhiều quan chức phản đối cho rằng làm thế khác gì dí cổ Q vào lưỡi dao của Pháp, cũng có những quan chức đồng tình với Bộ ngoại giao. Bài phát biểu sau có thể làm rõ quan điểm đó:

Cá nhân tôi nhất trí với quan điểm của Bộ ngoại giao là trả lại tay này về Đông dương. Hẳn là một tay kích động xấu xa bị bắt cùng một rọ với Le Franc ở Thượng hải. Chúng ta quả là không may vì không tìm được đủ chứng cứ để tống cổ hắn vào tù ở HK. Có vẻ các vị cảm thấy là nhân đạo khi cho hắn sang Nga thay vì đẩy vào tay kẻ thù của hắn. Nhưng hãy để ý rằng, các hoạt động cách mạng ở Đông dương là bản thủ, phần nhiều liên quan đến giết người, đốt nhà hoặc tra tấn dã man. Tuy không trực tiếp nhúng tay, nhưng đa phần các vụ này đều do Nguyễn chịu trách nhiệm. Nếu hắn ta được tự do, hẳn lại tiếp tục những hành động như vậy. Bởi thế tôi đồng ý quan điểm của chính phủ Pháp là các thế lực Thuộc địa cần đoàn kết với nhau để dập tắt những ổ dịch cách mạng lây lan nhanh chóng này bảo vệ lợi ích của văn minh ở phương Đông.

Trước sức ép của Bộ ngoại giao, cuối cùng thống đốc HK đã ra lệnh trục xuất Q sang Đông dương. Đoán trước được ý định đó, Loseby đã sử dụng lên đình quyền giam giữ yêu cầu mở phiên tòa công khai để xem xét tính pháp lý của vấn đề. Ngày 14/8, tòa tối cao HK đã mở phiên xét xử kéo dài trong mấy tuần. Tại phiên tòa, Loseby đã chứng minh là chính quyền đã vi phạm pháp luật khi đặt những câu hỏi có nội dung chính trị, không liên quan gì đến vụ việc, trong lần thẩm vấn Q trước đó. Cảm thấy quan tòa Ngài Joseph Kemp có thể huỷ bỏ lệnh trục xuất hiện tại, các quan chức HK vội vàng thảo một lệnh theo một chương khác của Pháp lệnh về trục xuất năm 1917. Tòa đã chấp nhận lệnh mới, nhấn mạnh rằng mặc dù việc trục xuất có thể dẫn đến những hậu quả tương đương như dẫn độ, nhưng cũng chẳng có gì trái với luật pháp nước Anh cả. Lý Sâm được trả tự do, còn Q lại đối mặt với nguy cơ bị đưa về Đông dương.^{xlvii}

Ngay lập tức Loseby chống án lên Hội đồng cơ mật tại London, cho rằng chính quyền đã lạm dụng quyền lực. Được Hội đồng chấp nhận đơn, Q có cơ hội thay đổi không khí vì ít nhất là cũng vài tháng sau vụ việc mới được xem xét. Ông được chuyển sang bệnh viện Đường Bowen vì lý do sức khỏe. Mặc dù không có biểu hiện bệnh tật rõ ràng, Q bị kiệt sức và trông hốc hác. Trong hồi ký của mình, Q miêu tả giai đoạn này khá tăm tối, bị ngược đãi, ăn cơm hầm, cá thiu và thú vui duy nhất là săn rận. Tuy nhiên một số nguồn thông tin khác cho rằng, trong thời gian ở bệnh viện, Q sống khá thoải mái, thường xuyên được vợ chồng một quan chức thuộc địa (bạn Loseby) và một số người châu Âu khác viếng thăm. Loseby cũng bố trí cơm nước cho Q từ một nhà hàng cạnh bệnh viện. Q dành thời gian rỗi để đọc và thậm chí đã hoàn thành một cuốn sách bằng tiếng Anh. Đáng tiếc là Loseby đã đánh mất nó trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Như thường lệ, Q cũng không bỏ lỡ cơ hội để tiên hành tuyên truyền cho những tư tưởng cách mạng của mình. Trong một câu chuyện của mình, Q kể:

Một hôm, có một cô hộ lý TQ thì thầm hỏi: “Bác ơi, chủ nghĩa cộng sản là gì ạ, bác có phải là người cộng sản không, bác đã làm gì mà bị bắt?” Cô ấy biết rằng, những người cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu, giết người, cho nên không hiểu vì sao họ lại bị bắt. “Thế này, cháu ạ, nói một cách đơn giản, những người cộng sản muốn xây dựng một chế độ mà các hộ lý Trung quốc không phải phục tùng các quan lớn người Anh nữa”

Bức thư đầu tiên mà Q gửi từ trong tù là cho Lâm Đức Thụ, thông báo đã ở tù 3 tuần. Q nói “rất xấu hổ và không có ai để chứng thực cho sự vô tội” của mình. Q đề nghị Thụ làm hết sức mình để được tự do và hứa sẽ biết ơn đời đời. Tất nhiên là chẳng có ích gì. Mặc dù biết rõ quan hệ tay đôi của người đồng chí cũ của mình, Q vẫn giữ liên lạc và đề nghị Thụ đừng đến thăm vì sợ bị liên lụy. Sau đó vài tháng Thụ đã báo cho chỉ huy người Pháp của mình là Q đã xin 1000 đô HK để được đưa sang châu Âu. Khi Thụ nói không có tiền, Q đã đề nghị vợ Thụ bán đi một số đồ trang sức.^{xlix}

Đây chắc cũng là một giai đoạn cô đơn của Q. Người tình mới Nguyễn Thị Minh Khai thì ở trong tù, cha mới chết trước đó 2 năm tại Nam bộ, không một xu dính túi. Thịnh thoảng Q mới có liên lạc với các anh chị. Anh Khiêm, từng bị bắt vì tạo phản năm 1914, được tha năm 20, sống ở Huế, chủ yếu làm thuốc và xem địa lý để tiếp tục hoạt động nhưng cũng rất túng thiếu. Năm 1926, Q đã nhờ Phan Bội Châu gửi cho anh mình một ít tiền. Chị Thanh cũng đầy tai tiếng với chính quyền, bị bắt năm 1918 vì tội tàng trữ vũ khí, được tha năm 22, cũng sống và làm thuốc ở Huế, sau khi cha chết năm 1929, chị có về Kim liên để thấp hương cho bà con.¹

Trong lúc đó, các cơ quan chức năng tiếp tục tranh cãi. Bộ thuộc địa thì đồng ý với chính quyền HK về việc trục xuất và để cho Q tùy nghi di tản. Bộ ngoại giao thì sợ Pháp phạt ý, lại muốn tham khảo chính quyền Pháp về các hình phạt có thể áp dụng với Q. Tuy nhiên cả hai đều đồng ý chưa có hành động nào trước khi Hội đồng cơ mật ở London đưa ra quyết định cuối cùng. Ngày 22/12, Đại sứ Pháp tại London, Jaques Truelle đã trả lời yêu cầu của Anh về các tội Q đang bị xử ở Đông dương. Theo ông này, Q đích thị là đặc vụ của QTCS tại Đông Nam Á trong đó có nhiệm vụ trợ giúp cả Đảng cộng sản Malay, đang là thuộc địa của Anh. Truelle cũng xác nhận toà án Nam triều đã kết án Q tử hình về tội mưu toan lật đổ. Tháng 10/1929, bản án này đã được xem xét lại và hạ xuống khổ sai chung thân. Truelle thông báo là Q sẽ được xét xử lại, bản án sẽ được Toàn quyền Đông dương phê duyệt, và mặc dù tội danh vẫn không thay đổi, Pháp bảo đảm sẽ không kết án tử hình Q. Cuối năm 1931, đơn khiếu kiện của Q được Hội đồng cơ mật đưa ra xem xét. Quyền lợi của Q được luật sư D.N Pritt (hãng Light và Futon) bảo vệ. Đảng viên Đảng Lao động Stafford Cripps đại diện cho chính quyền HK. Ông này, một mặt sợ mất mặt chính quyền HK, mặt khác được mấy người bạn ở Bộ thuộc địa có tư tưởng thân cách mạng khuyến bảo, đã đề nghị thỏa hiệp. Ngày 27/6/1932, chính phủ Anh đồng ý trả tiền khiếu nại và hỗ trợ Q đi đến bất cứ nơi nào Q muốn. Cũng có tin đồn là Q được tha vì đồng ý nhận làm điệp viên cho Anh.^{li} Đầu tiên Q được thông báo là chính phủ Anh đồng ý cho tị nạn chính trị, tuy nhiên chẳng có đường nào đến Anh mà lại tránh được cảnh sát Pháp. Nếu qua kênh Suez, Q có thể bị bắt ở Port Said (Ai cập). Qua Nam Phi hoặc Úc thì các chính phủ này lại không đồng ý. Buồn cười nhất là cuối cùng hoá ra chính phủ Anh cũng không đồng ý nhận. Không hiểu sao chữ “không” trong từ “không đồng ý” trong bức điện của London gửi HK lại bị ai đó xoá đi mất.

Chính quyền đã bắt đầu sốt ruột với vị khách rắc rối này. Ngày 28/12/1932, Q được thả ra khỏi bệnh viện và phải rời HK trong vòng 21 ngày. Trước đó, để đánh lừa Pháp, ông Loseby đã tung tin Q bị chết vì lao phổi. Tờ “Công nhân hàng ngày” của QTCS tại London đã đưa tin về cái chết của ông trong số ngày 11/8/1932. Q phải đóng giả một ông đồ nho, sống tại khách sạn YMCA tại Cửu long vài ngày rồi lên tàu đi Singapore. Rủi thay, cơ quan nhập cảnh Sing lại tổng cổ Q trở lại HK trên tàu Ho Sang. Đến HK, cảnh sát lại bắt Q vì tội thiếu giấy tờ. Tuy nhiên chính quyền HK đã can thiệp, trả tự do cho Q ngày 22/1 và cho 3 ngày để tìm đường thoát khỏi thuộc địa. Nhờ sự giúp đỡ của Loseby,

tối ngày 25, cảnh sát mặc thường phục đã dùng xuồng máy đưa Q ra ngoài khơi đến một con tàu Trung quốc đang neo đi Hạ môn.^{lii}

Q và người phiên dịch xuồng Hạ môn vào sáng hôm sau (thành phố này lúc đó được phương Tây gọi là Amoy) và nhận phòng tại YMCA ở khu Trung quốc. Nhờ một người Hoa địa phương giàu có, bạn của Loseby chu cấp, Q chơi bờm nghỉ ngơi vài tuần qua Tết ở Hạ môn trước khi lên tàu đi Thượng Hải trong vai một thương nhân người Hoa. Lúc này cảnh sát Pháp đã đánh hơi được Q đang ở đâu đó Nam Trung quốc và tăng cường truy nã. Các đảng viên CCP thì đã phải rút hết vào bí mật từ sau vụ tàn sát 1927. May mắn cho Q, đúng lúc đó có đoàn đại biểu chống chiến tranh của Quốc hội Pháp do bạn ông từ thời FCP, Paul Couturier dẫn đầu đang ở thăm Thượng hải. Q quyết định dùng con bài cuối cùng: vợ góa của Tôn Trung Sơn, bà Tống Khánh Linh. Anh thuê một xe taxi, liều mạng phi đến biệt thự của bà này tại Rue Moliere nhượng địa Pháp để bỏ một bức thư vào hộp thư. Trên đường về, nhờ chiếc xe trông quá xịn, Q đã thoát được một cuộc vây bắt của cảnh sát Pháp. Madam Tống đã giúp Q gặp được Couturier, ông này liên lạc với CCP và bố trí đưa Q lên một chiếc tàu Liên xô chuẩn bị đến Vladivostok.

Q đến Matxcova mùa xuân năm 1934. Nước Nga xô viết đang ở trong ánh hào quang của giai đoạn công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đối với các khách du lịch ngăn ngày và không đi quá xa ra khỏi Mat, Len và các thành phố lớn, tình hình quả là được cải thiện đáng kể so với thập kỷ trước. Nhà viết kịch Bernard Shaw đã miêu tả những điều nhìn thấy như một “Cuộc thử nghiệm xã hội vĩ đại”. Tuy nhiên đối với nhiều triệu người dân Xô viết tình hình lại không được khả quan như vậy. Giai cấp trung nông, tiếng Nga gọi là Culac (có nghĩa là nắm đấm) bị tiêu diệt trong công cuộc tập thể hoá nông nghiệp. Cửa cải của nông dân bị tước đoạt để trang hoàng cho các quày tạp hoá ở đô thị. Những kẻ chống đối hoặc bị giết hoặc bị đưa đi đày ở Siberia. Hàng ngàn người bị bắt lao động khổ sai tại những công trình thế kỷ như kênh đào Kareli nổi vịnh Phần lan với Bạch hải. Nạn đói đã nổ ra tại Ucraina năm 1932, trong 2 năm sau đó, ước tính đã có từ 5-7 triệu người chết đói. Khoảng giữa những năm 30, phong trào chống đối kế hoạch hoang tưởng của Stalin trong đảng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên Stalin đã ra tay, Trosky bị đẩy đi lưu vong. Kamenev và Zinoviev bị cô lập. Ngôi sao đang lên Kirov bị ám sát. Một cuộc thanh trừng tập thể được tiến hành nhằm vào tầng lớp Bolsevic cũ đã từng cùng với Lenin tiến hành khởi nghĩa. Trong năm 1935, hơn 100,000 người đã bị bắt với tội danh “kẻ thù của quốc gia” chỉ riêng ở Leningrat.

Trên danh nghĩa, những biến động đó chẳng ảnh hưởng đến cá nhân Q. Anh được tiếp đón trọng vọng ở văn phòng Dalburo (lúc đó đang do một người cộng sản Phần lan Otto Kuusinen lãnh đạo). Q lập tức được phân quản lý 144 sinh viên Việt nam đang học tại học viện Stalin (lúc đó đã được đổi tên thành Học viện các vấn đề Dân tộc và Thuộc địa). Cần phải nhắc lại rằng, các sinh viên VN ở đây đã từng tổ chức lễ truy điệu Q và Trần Phú trước đó. Ông Nguyễn Khánh Toàn, một cựu sinh viên kể lại về giai đoạn này: *Bác Hồ cực kỳ gần gũi với các sinh viên Việt nam. Thông thường Bác hay đến buổi tối để chia sẻ các kinh nghiệm hoạt động của mình liên quan đến đạo đức của người cách mạng và tình đoàn kết. Có một số học viên trẻ kiêu ngạo hoặc tự ái hay cãi nhau những chuyện lật vặt, Bác lại là người đứng ra phân xử. Bác nói: “Nếu chúng ta không giữ được đoàn kết trong một nhóm nhỏ thế này, làm sao có thể nghĩ đến chuyện thống nhất quần chúng để lật đổ chế độ thuộc địa khi về nước”^{liii}*

Q cũng như các học viên học viện được sống khá dễ thở trong chế độ bao cấp: ăn, ở và dịch vụ y tế miễn phí. Hè được đi nghỉ ở Crum. Mỗi tháng lĩnh 140 rub tiêu vặt. Bởi thế

cũng dễ hiểu là Q có thể chẳng biết gì về những bi kịch đang diễn ra trong xã hội xô-viết. Sức khỏe Q không được tốt. Tháng 9/1934, Q đi dưỡng bệnh vài tuần ở Crum, sau đó anh nhập học một khoá 6 tháng ở Trường Đại học Lenin, chuyên việc đào tạo cán bộ cho các Đảng cộng sản anh em. Không có nhiều thông tin lắm về những tháng đầu tiên Q tới Nga. Chỉ biết rằng, Q rất tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tranh cãi bảo vệ quyền lợi cho các đồng chí Việt nam và cách mạng Việt nam. Ở nhà, anh chịu khó tập thể dục để phục hồi sức khỏe. Quan điểm trước đây của các nhà sử học là Q may mắn đứng ngoài rìa những cuộc thanh trừng tập thể đang diễn ra lúc đó. Những thông tin mới được tiết lộ gần đây nhất ở Moscow cho thấy thực tế không phải như vậy. Có vẻ như Q đã bị một toà án gồm có ông bạn cũ Manuilsky, chiến binh đa mưu của CCP – Khang Sinh và bà Valeria Vasilieva xét hỏi. Không rõ tội danh của Q là gì, tuy nhiên chỉ riêng việc ông có những quan điểm trái ngược với đường lối của Đại hội QTCS lần 6 về cách mạng dân tộc, thêm vào đó lại là bạn thân của Borodin đang bị xét xử cũng đã quá đủ để Stalin nghi ngờ. Việc Anh thả Q tháng 12/1932 cũng làm dấy lên một số nghi vấn là ông đã nhận làm gián điệp để đổi lấy tự do. Chắc là nhờ sự bảo trợ của Manuilsky và đặc biệt là Vasilieva, Q đã thoát tội. Bà này đại diện cho bộ máy của QTCS trong việc tiếp xúc với các sinh viên Việt nam và rất nhiệt tình bảo vệ Q cho rằng lỗi duy nhất của ông là thiếu kinh nghiệm. Trong một bức thư gửi cho lãnh đạo của ICP tại Nam Trung quốc, bà đã viết: *“liên quan đến NAQ, anh ta cần phải học thật tốt trong 2 năm tới và không làm gì khác. Sau khi anh ta học xong, chúng tôi sẽ có kế hoạch sử dụng”*

Trong khi Q đang ở Moscow, các chiến hữu ở trong nước đang ra sức khôi phục lại bộ máy của Đảng sau khi các lãnh đạo cao cấp bị bắt từ tháng 4/1931 tại Nam bộ. Để giúp đỡ ICP, QTCS đã kêu gọi tất cả các đảng CS lên tiếng ủng hộ cuộc “khởi nghĩa” của công nhân ở Đông dương. Hơn 30 học sinh VN tại Moscow được lệnh hồi hương để giúp đỡ các đồng chí của mình. Mặc dù đa số bị Pháp bắt hoặc đào ngũ (một nguồn tin nói 22 trong số 35 người đã bị vô hiệu hoá), một số cũng đến được đích. Trong đó có Lê Hồng Phong, đệ tử cũ của Q ở Tâm tâm xã. Phong học lái máy bay ở Leningrad, sau đó chuyển đến trường Stalin năm 1929, rồi Liên xô năm 1931. Tháng 4/1932, Phong về đến Long châu, một thành phố nhỏ ở biên giới Quảng tây và VN. Sau đó cùng với 2 đồng môn Phùng Chí Kiên và Hà Huy Tập, Phong chuyển đến Nam ninh và lập ra Ban chỉ huy hải ngoại có nhiệm vụ làm cầu nối giữa QTCS và bộ máy đảng ở trong nước.

Đảng cũng chia ra theo các vùng để dễ bề khôi phục. Đến giữa những năm 30, dân số Việt nam vào khoảng 18 triệu, trong đó 4 triệu ở Nam bộ, 5 triệu ở Trung bộ, còn lại ở Bắc bộ. Một cựu học viên của trường Stalin, ông Trần Văn Giàu, chịu trách nhiệm khôi phục lại bộ máy ở Nam bộ. Ông này về Sài gòn đầu năm 1933. Đường lối của Moscow lúc đó là chỉ chiêu nạp đảng viên trong tầng lớp công nhân thành thị. Tuy nhiên mặc dù thất nghiệp tràn lan do cuộc đại khủng hoảng, công nhân vẫn có vẻ thờ ơ với chính trị. Đảng có ảnh hưởng sâu rộng hơn nhiều trong nông dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long vốn chẳng ưa gì tầng lớp địa chủ và quan lại tham nhũng. Lợi dụng chính sách có vẻ “thoáng” hơn của chính quyền, một số thành viên theo trường phái Trosky đã xuất bản tạp chí *La Lutte*. Thậm chí có cán bộ Đảng còn đăng ký chạy đua vào hội đồng thành phố. Giữa năm 1933, xứ ủy Nam kỳ được thành lập với 2 tiểu ban phụ trách các tỉnh miền đông và miền tây và một trường đào tạo cán bộ. Phòng Nhì Pháp bắt lực vì không được lệnh ra tay. Trần Văn Giàu đã bị bắt nhưng lại được tha vì không có chứng cứ. Chỉ có tay ám sát chuyên nghiệp Lê Hồng Sơn, sau một hồi lẩn trốn, cuối cùng cũng bị bắt tại nhượng địa Pháp ở Thượng hải. Sau đó Sơn bị dẫn độ về VN và bị triều đình xử tử vào

2/1933 tại Vinh. Tình hình ở các vùng khác không được khả quan lắm. Tại Annam, một số đảng viên từ Xiêm về tìm cách kết hợp với các đảng viên bị bắt trong đợt Xô viết Nghệ Tĩnh mới được tha để phục hồi lại cơ sở đảng. Tuy nhiên có sự nghi kỵ đối với các đảng viên đã từng ở tù. Tỉnh uỷ Nghệ An còn ra tuyên bố: *“trong 100 đảng viên cộng sản cũ, chỉ có một có khả năng trung thành với các học thuyết của đảng”*. Dù sao, đến giữa năm 1934, ba khu uỷ đã được thành lập, mỗi uỷ ban phụ trách từ 5-7 tỉnh. Tonkin là vùng trắng cho đến năm 1934 khi một số đảng viên bắt đầu hoạt động lại ở Việt Bắc. Sau đó nhờ có sự móc nối của Lê Hồng Phong, xứ uỷ Bắc kỳ mới được thành lập lại. Cũng vào khoảng thời gian đó, một số đảng viên do Q gây dựng từ những năm trước đã thành lập uỷ ban trung ương lâm thời tại cao nguyên Khorat để tuyển mộ và đào tạo thành viên cho các hoạt động trong nước. Uỷ ban này sau đó đã tự xưng là văn phòng liên lạc của xứ uỷ Nam kỳ và Trung kỳ với thế giới bên ngoài. Các uỷ ban tương tự cũng được thành lập ở Lào và Campuchia.

Vấn đề quan trọng của đảng là xem xét lại chiến lược của mình sau những tổn thất lớn lao trong XVNT. Khoảng giữa năm 1932, Lê Hồng Phong cùng với một số đồng chí nữa đã dự thảo cương lĩnh mới. Cương lĩnh này hiển nhiên chịu ảnh hưởng của xu thế chính trị lúc đó tại Matxcova nên mang nặng tính bè phái và thiên tả. Cương lĩnh nhấn mạnh tầm quan trọng của cách mạng phản phong so với cuộc đấu tranh phản đế và hết sức nghi ngờ các đảng phái có tính dân tộc. Tờ *Bolsevic*, cơ quan của uỷ ban hải ngoại cũng tập trung vào những luận điểm tương tự. Các bài báo được cho là của Hà Huy Tập đã phê phán những quan điểm “tiểu tư sản” như *“cách mạng dân tộc phải xảy ra trước cách mạng XHCN”*. Tập cũng chỉ trích các cơ sở đảng trong nước quá chú trọng trong việc huy động nông dân và yêu cầu họ tuyển mộ nhiều công nhân hơn nữa. Theo Tập, nông dân “tham lam sở hữu, không chính kiến, không đoàn kết, chậm hiểu biết các tư tưởng mới và không thể trở thành lực lượng cách mạng”. Tuy những lời phê phán không nhằm vào ai cụ thể, rõ ràng mục tiêu của ban biên tập là những luận điểm và chính sách của NAQ. Một bài báo, sau khi đề cập việc *“một số đồng chí trong nước cho rằng địa chủ và tư sản dân tộc cũng có tinh thần chống đế quốc và như vậy có thể trở thành một phần của cách mạng”* đã nói toẹt rằng đó chính là những quan điểm của NAQ tại đại hội thống nhất tháng 2/1930, nhưng sau đó đã bị các lãnh đạo mới của đảng loại bỏ. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân chứ không phải của tất cả quần chúng. Bài báo viết: *“Đảng cộng sản lãnh đạo cuộc đấu tranh giai cấp chứ không phải đấu tranh dân tộc. Bởi vì đây là đảng của giai cấp công nhân, trên tinh thần vô sản quốc tế, đảng phải kiên quyết chống lại những tư tưởng dân tộc và những tuyên truyền sáo rỗng kiểu: khôi phục đất nước của những con rồng, cháu tiên. Chúng ta chống lại thực dân Pháp, nhưng không có nghĩa là chúng ta ủng hộ các tư tưởng dân tộc.”*

Hà Huy Tập còn chỉ trích gay gắt hơn

“Chúng ta chịu ơn NAQ, nhưng các đồng chí không được quên bản chất dân tộc của NAQ và những chỉ đạo sai lầm của ông về các vấn đề cách mạng tư sản dân tộc, cũng như những lý thuyết có tính cơ hội mà ông đã gieo rắc trong các thành viên Thanh niên Hội và Tân Việt... Ông không chịu tuân theo những chỉ thị của QTCS trong việc sát nhập. Bản cương lĩnh chính trị tháng 2/30 cũng như đảng thống nhất mới đã không tuân thủ những nguyên tắc của QTCS. NAQ còn lớn tiếng ủng hộ những chiến thuật sai lầm và thoả hiệp như “trung lập với giai cấp tư sản và địa chủ, liên kết với các trung nông và nông dân”. Do đó từ tháng 1 đến 10/30, ICP đã tiến hành một đường lối đối lập với

QTCS. Mặc dù đảng đã hăng hái lãnh đạo quần chúng vùng lên, các xô viết trong XVNT cũng đã không làm theo các đường lối chính trị đúng đắn”^{lv}

Tháng 6/1934 Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập đã triệu tập hội nghị tại Makao để bàn về đường lối tương lai cũng như chuẩn bị cho Đại hội đảng lần thứ nhất. Nghị quyết của hội nghị này đã phê phán các nhà cải lương dân tộc như Bùi Quang Chiêu, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh. Nghị quyết cho rằng hội này rất nguy hiểm vì “*giả danh bảo vệ các tầng lớp lao động, chống lại chính quyền, đòi hỏi các cải cách hiến pháp, thống nhất giai cấp chỉ nhằm mục đích đưa nhân dân khỏi con đường cách mạng*”. Bởi thế nhiệm vụ quan trọng của đảng là chống lại sự ảnh hưởng của những nhóm tương tự, cũng như những tư tưởng rơi rớt từ Thanh niên Hội và Tân Việt.^{lv}

Hội nghị cũng quyết định triệu tập Đại hội lần thứ nhất tại Hồng Kông vào tháng Giêng 1935. Tuy nhiên theo nguồn của mật thám Pháp, QTCS đã đề nghị chuyển sang tháng 3. Địa điểm cũng được quyết định lại là Macao. Từ cuối mùa hè năm 34, các lãnh đạo đảng đã dự thảo những văn kiện sẽ thảo luận tại đại hội. Giấy mời cũng được gửi đi các nơi, yêu cầu tập trung vào ngày 15/3. Ban lãnh đạo rất hy vọng là Moscow sẽ cử đoàn đại biểu chính thức tham dự. Khoảng đầu tháng 8, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai (mới được thả ở Quảng châu, lấy tên là Vân) và Hoàng Văn Nón (đảng viên từ Cao bằng) lên đường đi dự đại hội 7 QTCS dự kiến sẽ tổ chức ở Moscow hè năm sau.^{lvi} Hà Huy Tập đương nhiên nhận trách nhiệm chuẩn bị đại hội Đảng. Tập sinh ở Nghệ an, đầu tiên tham gia Tân Việt, sau đó trốn sang Thanh niên Hội. Khi học ở trường Stalin, Tập tỏ ra rất nhạy bén về lý thuyết và lớn tiếng phê phán những thiếu sót về tư tưởng của Hội. Trong con mắt của mật thám Pháp, Tập là người kiêu ngạo, gian狡 và đa nghi đến cực điểm. Tập thường xuyên gây vấn đề với các đồng chí của mình và được gọi là “Ông Lùn” vì tầm vóc thấp bé của mình. Quan hệ căng thẳng nhất là với Trần Văn Giàu. Ông này đến Macao từ Nam bộ vào tháng 9/1934, một mặt để báo cáo tình hình, mặt khác tham gia vào quá trình chuẩn bị đại hội. Giàu chắc chắn coi Tập là chíp hôi. Còn Tập thì nghi ngờ vì sự ngạo mạn và độc lập của Giàu. Thậm chí Tập còn nghi Giàu là mật thám Pháp và viết thư mách về Moscow. Mãi sau này, khi có tin về việc Pháp lục soát khám xét nhà Giàu, Tập mới thừa nhận là mình không có cơ sở.

Kẻ phá hoại hoá ra nằm ở chỗ khác. Ngay trước thềm đại hội, một đảng viên kiêm nấu bếp tên là Nguyễn Văn Trâm đã cuỗm toàn bộ tiền quỹ của đảng và trốn sang HK^{lvii}. Vì Trâm nằm trong thành phần đi chọn địa điểm đại hội, ban lãnh đạo quyết định phải thay đổi địa điểm. Tập còn nghi một thành viên nữa là Nguyễn Hữu Cần có thể đã báo tin cho cảnh sát Pháp. Tập định lừa mật thám bằng cách ngầm cho Cần này biết là do khó khăn nên đại hội đảng có thể không tổ chức được. Trần Văn Giàu được phái về Nam bộ để xây dựng bộ máy. Cuối cùng thì đại hội cũng được tổ chức vào 27/3. Có Tập, Hoàng Đình Gióng, Phùng Chí Kiên và độ mươi đại biểu khác. Không có đoàn nào từ QTCS và cũng chẳng có đại diện của đảng cộng sản nào. Thời điểm đó, đảng có khoảng 800 đảng viên ở Đông dương và Xiêm. Đa số là người Kinh và ở quãng tuổi 20-30. Sự có mặt của Minh Khai, người tình một thời của NAQ trong bộ máy lãnh đạo chứng tỏ không có sự phân biệt nam nữ đáng kể. Mặc dù ở Moscow, gió đã có vẻ đổi chiều, đại hội vẫn thông qua nghị quyết giữ nguyên đường lối cũ, xây dựng mặt trận thống nhất trong phạm vi hẹp, thâm nhập các đảng dân tộc để lừa các thành viên sang bên ta. Ủy ban trung ương gồm 9 thành viên do Hà Huy Tập làm tổng bí thư sẽ đóng trụ sở tại Sài Gòn. Ban liên lạc hải ngoại của Phong được chuyển sang Thượng hải. Trong báo cáo gửi QTCS ngày 31/3, Tập còn tranh thủ đá NAQ mấy phát nữa. Tập viết: *toàn đảng đang tiến hành cuộc chiến*

chống lại những tư tưởng “cách mạng dân tộc rơi rớt từ thời Thanh niên Hội dưới sự lãnh đạo của NAQ. Những tư tưởng đó là trở ngại chính cho chủ nghĩa cộng sản”. Tập còn đề xuất NAQ phải viết bản tự kiểm điểm. Vài tuần sau, Tập lại tấn công tiếp, dẫn lời một số đại biểu đại hội đã quy một phần trách nhiệm cho Quốc trong việc hàng trăm đảng viên ICP bị bắt. Tập buộc tội Quốc đã tiếp tục dùng Lâm Đức Thụ mặc dù biết rõ tay này là mật thám Pháp, Q còn bắt các học viên trường thanh niên Quảng châu nộp ảnh và khai tên tuổi họ hàng. Những thông tin này sau bị rơi vào tay Pháp. Cuối cùng Tập kết luận *“NAQ không thể chối bỏ trách nhiệm trong những vụ việc này”*

Q chắc chắn là được đọc hết những bài viết này của Tập. Không rõ ông nghĩ gì về các phê phán của Tập đối với mình. Chỉ thấy Q phàn nàn trong thư gửi Dalburo tháng 1/1935 là trình độ lý luận của một số sinh viên Việt nam trong trường Stalin quá thấp: nhiều người không hiểu thế nào là cách mạng dân chủ tư sản, cũng chẳng hiểu cách mạng ruộng đất có liên quan gì đến sự nghiệp chống đế quốc. Q cho rằng mặc dù các vấn đề này có từ những năm 1930-31 nhưng gần đây đã trở nên đặc biệt nghiêm trọng do các đồng chí lãnh đạo còn quá trẻ. Không hiểu là ông định ám chỉ Tập hay kẻ đã chết là Trần Phú. Đại hội lần thứ 7 của QTCS được khai mạc ngày 25/7/1935 tại Nhà Công đoàn đầy góc ngách. Trong khi khẩu hiệu trên hội trường thông báo về chiến thắng đang đến gần của giai cấp vô sản, bên ngoài đại hội là không khí rất căng thẳng của vụ xử tử hai lãnh tụ cũ là Kamenev và Zinoviev. Các đại biểu bị tập trung cả vào khách sạn Lux và bị cấm ra vào điện Kremlin. Đoàn Việt nam có ba đại biểu: Lê Hồng Phong (còn có các tên khác là Litvinov, Hải An, Chajan, Chayan); Nguyễn Thị Minh Khai (Vân hay Phan Lan) và Hoàng Văn Nón. Hai đại biểu nữa cũng đã xuất phát từ Việt nam nhưng không bao giờ đến nơi. Cả ba đều đã đăng đàn phát biểu. Minh Khai nói về sự bóc lột phụ nữ và tầm quan trọng của phụ nữ trong cách mạng; Nón phát biểu về các phương pháp huy động quần chúng. Bài phát biểu chính của Phong nói về những sai lầm đã qua và nhiệm vụ hiện tại của Đảng. Các bài phát biểu đều đã không “gãi” đúng vào mục đích của đại hội 7, nhằm xác định chiến lược mới cho các đảng cộng sản. Chiến lược này gần với các ý tưởng của Q thời Thanh niên hội hơn là chiến lược cực tả của đại hội Sáu. Nguyên nhân chính dẫn đến thay đổi là sự lớn mạnh nhanh chóng và nguy hiểm của Hitler và chủ nghĩa phát xít. Stalin đã tin rằng sự lên ngôi của Hitler tại Đức năm 1933 đã phản ánh giai đoạn sụp đổ của chủ nghĩa tư bản dẫn đến chính quyền của đảng CS. Tuy nhiên sau đó ông đã thay đổi quan điểm và coi chủ nghĩa phát xít như hiểm họa trực tiếp và quan trọng nhất của Liên xô. Thư ký mới của QTCS, ông Dimitrov, đã lờ đi nhiệm vụ cách mạng vô sản và chính quyền xô viết do đại hội Sáu đề ra. Ông nhấn mạnh sự nguy hiểm của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng CS huy động hoặc tham gia vào các phong trào tiến bộ, nhằm thành lập mặt trận rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật. Cuối đại hội, ICP được kết nạp vào QTCS và Phong được bầu lên chủ tịch đoàn.

Q tham gia đại hội với tư cách quan sát viên từ Dalburo với mật danh là Linov. Mặc dù không phát biểu chính thức nhưng chắc chắn là Q rất tích cực sau hậu trường, la cà trò chuyện. Q cũng tham gia vào bữa tiệc chào mừng việc kết nạp ICP do Maurice Thorez, một lãnh đạo đảng CS Pháp tổ chức. Tuy chiến lược mới làm Q hài lòng vì nó phù hợp với tư tưởng mặt trận rộng rãi mà ông đã đặt ra cho Thanh niên Hội và vẫn giữ vai trò là người phát ngôn chủ yếu cho Đông Nam á tại Ban chấp hành QTCS, chắc hẳn là Q không dễ chịu khi phải ngồi ngoài lề đại hội và nhìn LHP xuất hiện trong hào quang như một nhà lãnh đạo của ICP mới. Tệ hơn nữa, mối tình với Minh Khai cũng đi đến hồi kết. Chẳng mấy chốc sau khi đại hội kết thúc Minh Khai và Phong làm lễ kết hôn tại

Matxcova. Trong khi đó, tất cả các tài liệu của lãnh đạo ICP gửi đi từ Makao cho QTCS trước đại hội đều nhấn mạnh là “vợ đ/c Quốc” (*Le femme de Quoc*) tức Minh Khai (MK) sẽ có mặt trong thành phần đoàn. Chỉ có khả năng là Phong đã cưa đổ MK trên đường đi dự đại hội. Sao lại đến nông nỗi vậy? Có nguồn cho rằng chẳng qua Q và MK đã bị xa nhau quá lâu. Cũng có nguồn cho rằng QTCS đã cấp cho Q “một người vợ tạm thời”. Lại có tin đồn là Q đã có con gái với một cô bạn người Nga.

Quan hệ giữa Q và MK là một trong những vấn đề gây bối rối nhất trong cuộc đời ông. Mặc dù Q không bao giờ nhắc đến chuyện này, các nguồn tin chính thức của đảng đều phủ nhận, tuy nhiên các bằng chứng cho thấy họ đã có quan hệ khá khăng khít. Ít nhất là các đồng chí của họ đều coi họ là vợ chồng. Tuy nhiên nếu nói như một nhà sử học nào đó là Q đã bị “thất bại kép”: mất cả vợ và chức lãnh đạo đảng vào tay LHP thì cũng chưa thực sự ổn lắm. Thực tế cuộc đời Q đã cho thấy ông ưa chuộng những mối quan hệ ngẫu hứng để khỏi ảnh hưởng đến các mục đích chính trị của mình. Có thể ngay từ đầu Q đã coi mối quan hệ với MK là tạm thời.

Sau khi cưới xong, Phong ngay lập tức trở về TQ để báo cáo tình hình. Mãi đến hè năm 1936, MK và Hoàng Văn Nón mới rời Matxcova đi Pháp trong vai một cặp vợ chồng nhà buôn người Hoa giàu có đi nghỉ mát. Sau đó hai người qua Hồng Kông, Thượng Hải. Tại đây MK tái ngộ LHP và cùng trở về Sài Gòn. MK được bầu làm uỷ viên trung ương xứ uỷ Nam kỳ. MK và Phong chắc không biết được rằng số mệnh đã giao cho họ trở thành cặp liệt sĩ quan trọng nhất của cách mạng Việt nam^{lviii}. Trước khi rời Moscow, MK và Nón có đến gặp Q. Tình hình lúc đó đã có một số thay đổi theo đường lối mới của đại hội 7. Tại Pháp, Mặt trận bình dân thắng cử và thành lập chính phủ mới được FCP ủng hộ. Chính phủ kêu gọi chống phát xít, hỗ trợ Liên xô, cải cách tại các thuộc địa. Q viết cho các đồng chí mình:

Thắng lợi của MTBD tại Pháp là cơ hội hiếm có mà chúng ta phải sử dụng. Vấn đề quan trọng nhất bây giờ là sự thống nhất của Đảng, đặc biệt giữa các cơ sở trong và ngoài nước. Khi về đến Sài Gòn, hãy nói với đồng chí LHP 3 điều:

- 1. Uỷ ban hải ngoại phải ngay lập tức trở về Việt nam để đảm nhận vai trò lãnh đạo phong trào, chỉ để lại vài đồng chí giữ quan hệ với thế giới bên ngoài.*
- 2. Đảng phải kiên quyết tách xa khỏi bọn Troskist đang phản bội lợi ích của cách mạng*
- 3. Tập trung hết sức lực để xây dựng mặt trận rộng rãi chống phát xít và chiến tranh. Đoàn kết các lực lượng yêu nước cứu nước nhưng kiên quyết duy trì sự lãnh đạo của đảng và giai cấp lao động*

Chiến lược xây dựng mặt trận rộng rãi nhưng kiên quyết giữ vững sự lãnh đạo đã từng được Q áp dụng trong việc xây dựng Thanh niên Hội. Q chắc bị áp lực khi chỉ đạo bài xích các phần tử Troskist. Lúc đó Stalin đang phải vật và chiến đấu với các thế lực theo Troski trong phong trào cách mạng thế giới. Mặc dù Q không đồng tình với lý thuyết phi thực tế “*cách mạng liên tục và khắp nơi*” của Troski, hẳn là ông thừa hiểu rằng những người Troskist còn tốt hơn khỏi lần các kẻ thù thực sự của cách mạng. Nếu được tự do lựa chọn, Q sẽ tìm cách thuyết phục họ chấp nhận sự lãnh đạo của ICP.

Sau khi các đồng chí về hết, Q càng cảm thấy vô dụng. Từ năm 1935, Q đã nói với nhà báo xô viết Ilia Erenburg rằng ước muốn duy nhất của mình là được về nước hoạt động càng sớm càng tốt. Sau khi đại hội 7 kết thúc, Q đã chính thức xin phép về nước nhưng bị từ chối với lý do là tình hình Đông dương rất phức tạp. Mùa hè năm 1936, Q lại xin phép hồi hương qua đường Berlin và Paris. Giấy tờ đang được chuẩn bị thì chuyên đi bị huỷ do

cuộc nội chiến Tây ban nha và sự khủng bố ở Pháp. Trong lúc chờ đợi, Q đăng ký vào học tại Học viện các vấn đề dân tộc và thuộc địa (trường Stalin cũ) và chuyển đến một căn hộ độc thân ở phố Bolsaia Bronaia. Trong lúc rảnh rỗi Q dịch các tác phẩm: *Tuyên ngôn đảng cộng sản* của Marx và *Bệnh ảo trí tả khuynh* của Lenin ra tiếng Việt. Ông còn viết bản khoá luận về “*Cách mạng ruộng đất ở Đông Nam á*”. Đối với một nhà hoạt động tích cực và ít quan tâm đến các lý thuyết giáo điều như Q, phải ngồi nhai giáo án khô khốc, dịch tác phẩm lý luận của những danh nhân hẳn phải là một cực hình. Tháng 6/1938 Q viết một lá thư tuyệt vọng cho Trung ương QTCS: “*Làm gì với tôi thì làm, cho tôi ở đâu thì ở, nhưng đừng bắt tôi bắt lực và ở ngoài đảng*”. Với sự giúp đỡ của Vassilieva, cuối cùng Q được cho phép về Trung quốc qua Trung Á. Ngày 29/9/1938, Q ra khỏi trường. Hồ sơ của trường ngày 30/9 chính thức xác nhận sinh viên số 19 mang tên Lin được giải phóng.

Nếu không có thêm hồ sơ mật giai đoạn những năm 30 được Matxcova cho phép sử dụng, rất khó lý giải tại sao cuối cùng Matxcova lại giải phóng Q khỏi giai đoạn cải tạo nhiều năm vì bị nghi ngờ là đồng ý cung cấp thông tin cho Anh để đổi lấy tự do trong phiên toà ở HK. Cũng có vẻ như không phải là Stalin không ưa chuộng những quan điểm dị giáo của Q trước đây. Bởi nếu vậy, sau đại hội 7, Q đã bị phái đi ngay để thực thi những chiến lược mới. Tình hình TQ lúc đó đang thay đổi nhanh chóng: trước sức ép to lớn của Tưởng, Mao phải từ bỏ căn cứ phía nam sông Dương tử tiến hành cuộc Trường chinh đến Di An. Có thể dự đoán Matxcova cần người nắm vững thông tin về TQ. Đối với Q đây là cơ hội để ông chung sức cùng các đồng chí của mình bước vào giai đoạn mới của cách mạng Việt nam.

Trong hang Pacbo

Năm 1938 Trung quốc đang trong tình trạng chiến tranh. Cuộc chiến khởi nguồn từ năm 1931 khi bọn quân phiệt Nhật bất ngờ chiếm Mãn châu và thành lập chế độ bù nhìn Mãn châu quốc. Trong những năm sau đó, chúng tiến dần xuống phía nam, chiếm đóng các tỉnh Đông bắc quanh kinh đô cũ là Bắc kinh. Ban đầu Tưởng Giới Thạch chẳng quan tâm lắm đến điều đó. Bỏ qua sự quân sự của các đồng sự, Tưởng tiếp tục chiến dịch quét sạch cộng sản ở bờ nam sông Dương tử làm Mao phải bỏ chạy lên Di an. Năm 1937, Tưởng bị các đồng chí của mình bắt cóc khi đang đi thăm Tây an và buộc phải thay đổi thái độ. Lần thứ hai, liên minh Quốc-Cộng được thành lập nhằm chống lại sự xâm lược của Nhật. Cuộc chiến bùng nổ sau đó vài tháng sau trận đánh trên cầu Marco Polo. Cuộc xâm lược của Nhật mang đến sự thống khổ cùng cực cho nhân dân TQ nhưng lại mở ra một cơ hội mới cho NAQ. Nhờ có liên minh Q-C mới, Q có thể di chuyển tự do để liên lạc với các đồng chí của mình. Cuộc chiến cũng đe dọa sẽ lan đến các vùng khác của châu á, có thể kết liễu sự thống trị của Pháp tại Đông dương.

Q rời Matxcova đầu thu 1938, đi tàu hoả qua những thảo nguyên Trung á bát ngát. Sau vài ngày nghỉ ngơi ở Alma-Ata, Q theo một đoàn xe qua Urumgi đến Lan châu, thành phố phía đông của con đường tơ lụa nổi tiếng thời Trung cổ. Đại diện của CCP tại Lan châu đã giúp Q đến Tây an. Tại đó tư lệnh quân giải phóng Trung quốc (PLA) Vũ Thiệu Quân đã được lệnh của thượng cấp “phải tiếp đón một vị khách châu á quan trọng, chăm sóc cẩn thận và hộ tống ông ta đến Di an”^{lix}. Đường đến Di an phải qua vô số những trạm kiểm soát của Quốc dân Đảng. Q phải đóng vai một anh đánh xe chở quần áo và thực phẩm cho các bộ tộc trên núi và hầu như phải đi bộ suốt chặng đường 200 dặm này.

Di an lúc đó tràn ngập quân phục màu xanh của 200,000 binh lính và sĩ quan PLA. Họ ở trong những cái hang khoét vào vách núi để tránh cái nắng nóng mùa hè và hưởng chút hơi ẩm mùa đông. Q may mắn hơn, được xếp ở trong toà biệt thự Đào Viên, sau này trở thành nhà ở của Mao. Có vẻ như Q không gặp Mao, lúc đó đang thu nhập ảnh hưởng to lớn trong Đảng. Ở Di an hai tuần, Q cùng với tướng Ze Tianying nam tiến Quế lâm trên một đoàn 5 chiếc xe hơi với cái tên mới: Hồ Quang.

Quế lâm là thành phố khá quê mùa ở Quảng tây, rất nổi tiếng với những cánh rừng đá đã tạo cảm hứng cho biết bao hoạ sĩ thủy mặc Trung hoa. Tại đây, Q làm việc cho Văn phòng cứu quốc, một tổ chức quần chúng của liên minh Quốc-Cộng. Ông ở luôn tại bộ chỉ huy của Bát lộ quân ở làng Lộ mã, ngay ngoại ô thành phố. Một người bạn TQ của Q tại đây nhớ lại:

Tôi làm việc với HCM tại bộ chỉ huy Bát lộ quân ở Quế lâm từ cuối năm 1938 đến mùa hè năm 1939. Chúng tôi sống với nhau trong một căn nhà rộng phía tây làng Lộ mã. HCM khi đó lấy tên là Hồ Quang và nghe giọng, tôi cho ông là người Quảng đông. Văn phòng của chúng tôi hoạt động như một câu lạc bộ kiêm thêm nhiệm vụ giáo dục và văn hoá. Có nhiều cán bộ, phụ trách từ sức khoẻ, tài chính đến tuyên truyền. HCM vừa là cán bộ vệ sinh vừa là nhà báo. Ông có những tiêu chuẩn vệ sinh rất cao và sẵn sàng phê phán không khoan nhượng. Ông thiết kế bì, đầu đề, viết rất nhiều bài và thơ cho Thời báo Sinh hoạt của chúng tôi lúc đó.

Ông tạo ấn tượng mạnh. Sáng dậy rất sớm, tập thể dục và quét nhà bụi mù lên, che miệng bằng một miếng vải. Công việc viết báo và thanh tra vệ sinh chiếm khoảng 1/3->nửa thời gian, còn lại chẳng hiểu ông viết cái gì đó rất thành thạo trên chiếc máy chữ ngoại quốc của mình. Lúc đó tôi không biết Hồ Quang là ai, nhưng biết là ông có thể lực. Một lần tôi có nhắc nhở ông ta chuyện gì đó, cũng bình thường thôi. Sáng hôm sau đã thấy cán bộ Đảng gọi lên hỏi: ai cho phép anh phê phán mọi người một cách bừa bãi?

NAQ rất có ý thức xây dựng mối quan hệ hữu hảo với các đồng nghiệp. Một lần có anh bạn hay đi Hồng kong và Hải phòng mua hộ ông một chiếc máy chữ Pháp để thay thế cái máy kiểu Anh ông đang dùng, Q đã dẫn anh này đi chiêu đãi, uống hết 2 chai rượu.

Một số bài viết của Q được gửi về Hà nội và đăng trên tờ báo tiếng Pháp: *Notre Voix* với bút danh là P.C. Lin. Các bài này chủ yếu nói về tình hình cuộc chiến chống Nhật của nhân dân Trung quốc. Có bài châm biếm sứ mạng “khai hoá văn minh” cho Trung hoa của phát xít Nhật trong khi giết hại dã man hàng vạn thường dân tại Nam kinh đầu năm 1938. Bài khác ca ngợi mặt trận liên minh Quốc-Cộng chống Nhật. Bài thứ ba thì chỉ rõ lợi thế công nghệ của Nhật trong cuộc chiến chỉ mang lại những thắng lợi tạm thời ban đầu. Các xe cơ giới của Nhật sa lầy trên những đường mòn Trung quốc. Chính phủ Nhật đã hứa kết thúc chiến tranh trong 3 tháng rồi 6 tháng, mà vẫn chưa biết đến bao giờ mới thực hiện được.

Notre Voix một tờ báo công khai của ICP là kết quả của những thay đổi dễ thở hơn tại thuộc địa do thắng lợi của Mặt trận Bình dân tại Pháp năm 1936 mang lại. Cùng với chính sách mới liên minh rộng rãi chống phát xít được thông qua tại Đại hội QTCS lần thứ 7, những đường lối thiên tả của ICP thông qua tại đại hội Macao tỏ ra lỗi thời. Tháng 7/1936, Lê Hồng Phong trở về từ Moscow triệu tập hội nghị Trung ương để phổ biến chính sách mới: Mặt trận dân chủ Đông dương được thành lập; ICP gửi thư tới VNQDD và các đảng phái chính trị khác đề nghị hợp tác đấu tranh dành độc lập dân tộc.^{lx} UBUTU cũng quyết định sẽ chuyên trụ sở về Hóc môn. LHP với tư cách là đại diện của QTCS cũng về theo. Hai năm tiếp theo chứng kiến sự bành trướng công khai của ICP. Số lượng

đảng viên tăng lên vài lần. Các tổ chức “hội phản đế” mọc ra khắp nơi, trở thành những trung tâm đào tạo và tuyên mộ. Một số gương mặt trẻ, ôn hoà xuất hiện như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Trần Huy Liệu. Chính sách mới cũng là một liều thuốc đắng cho những người chủ trương cứng rắn và giáo điều như Hà Huy Tập. Tại hội nghị TW 1938, HHT và LHP đã cãi vã kịch liệt về Mặt trận Bình dân và chính sách liên minh với các đảng nhỏ khác. Cuối cùng, Nguyễn Văn Cừ, đảng viên từ Bắc bộ, theo chủ trương cân bằng giữa công khai và bí mật đã được bầu làm Tổng bí thư thay Tập vốn chẳng được mấy người ưa.^{Lxi}

Q quan sát những thay đổi trên từ căn cứ tạm thời của mình ở phía nam Trung quốc. Ông hy vọng các đồng chí của mình sẽ nhận ra mình qua phong cách và nội dung các bài báo trong *Notre Voix* được viết dưới bút danh Lin (mà ông đã từng dùng ở Matxcova). Tháng 7/1939 Q đã liêu hơn, gửi thẳng thư tay có địa chỉ của mình qua người quen cho các uỷ viên trung ương. Bức thư là bản tuyên ngôn ủng hộ chính sách mặt trận rộng rãi đã được đại hội 7 của QTCS thông qua.

1. Vào thời điểm này đảng cần phải kiềm chế không đòi hỏi như độc lập dân tộc, lập nghị viện... Điều đó chỉ có lợi cho bọn phát xít Nhật. Cần tập trung vào việc đòi các quyền dân chủ như tự do hội họp, tự do báo chí, tự do tổ chức, tự do ngôn luận và đưa đảng ra công khai.

2. Muốn đạt được điều đó, phải thành lập mặt trận liên minh rộng rãi bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông dương và giai cấp tư sản dân tộc.

3. Đảng phải bằng mọi cách lôi kéo được những tầng lớp tư sản có thể lôi kéo được, trung lập hóa những phần tử có thể trung lập được. Kiên quyết không để họ rơi vào tay bọn phản động kẻ thù của cách mạng.

4. Không thoả hiệp với bọn Troskist đang trở thành chó săn của chủ nghĩa phát xít.

5. Mặt trận dân tộc Đông dương cần phải có quan hệ chặt chẽ với Mặt trận Bình dân của Pháp để đấu tranh cho tự do và dân chủ.

6. Đảng không được phép đòi hỏi quyền lãnh đạo mặt trận. Ngược lại phải thể hiện đảng là lực lượng tích cực nhất, trung thành nhất và hy sinh nhiều nhất. Chỉ có qua cuộc chiến đấu hàng ngày, nhân dân mới có thể hiểu được những chính sách đúng đắn của đảng và thừa nhận vai trò lãnh đạo của đảng.

7. Đảng phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa bè phái, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá và chính trị của đảng viên và giúp đỡ những người chưa phải là đảng viên nâng cao trình độ. Đảng cũng phải duy trì những quan hệ mật thiết với đảng cộng sản Pháp

NAQ gửi kèm bức thư này trong báo cáo chính thức đầu tiên cho QTCS. Q giải thích về sự chậm trễ này là do tình hình thực tế xấu đi. Q cũng xin lỗi và nhờ (có thể có chút châm biếm ở đây) các đồng chí tại Matxcova xem hộ liệu có sai sót gì về tư tưởng trong bức thư gửi ICP. Q nói đã mất hết tài liệu chính thức của đại hội 7 và chỉ dựa vào trí nhớ. Q cũng thông báo, mặc dù Mặt trận bình dân Pháp đã mang lại một số cải cách tại Đông dương, chính sách thiên hữu của chính phủ Daladier từ năm 1938 đang có nguy cơ xoá sách những cải cách đó. Một số cuộc đấu tranh của công nhân đã bùng phát trở lại và được sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng.

Tháng hai năm 1939, Quốc – Cộng liên minh mở trường đào tạo quân sự tại Hằng dương, 200km về phía đông bắc Qué lâm. Khoá học đầu tiên bắt đầu từ 15/2 và kết thúc vào giữa tháng 5. Tướng chỉ thị tướng Gia Gian Anh tìm một vài cán bộ cộng sản để giúp đỡ. NAQ lúc đó vẫn với tên là Hồ Quang những đã mang hàm thiếu tá, được phân về làm

quản lý, kiêm luôn phụ trách liên lạc vô tuyến. Sau khi kết thúc nhiệm vụ vào tháng 9, Q trở về Quế lâm, vài ngày sau lên đường đi Long châu để bắt liên lạc với hai đồng chí được ICP cử sang. Đáng tiếc là khi Q đến nơi, hai đồng chí nọ đã tiêu hết tiền đành phải quay về. Thất bại, Q lại trở về Quế lâm tìm cách khác. Ông quyết định đi Trùng Khánh, thủ đô kháng chiến của Quốc dân đảng sau khi Nhật chiếm lưu vực sông Dương tử. Trên đường đi, Q nghỉ lại tại tầng thượng của văn phòng Bát lộ quân ở Quế dương, thủ phủ Quế châu cho đến tháng 7/11. Tại Trùng Khánh, Quốc nổi lại quan hệ với Chu Ân Lai lúc đó đang phụ trách văn phòng đại diện của Đảng cộng sản. Q đã quen Chu từ thời Paris, sau đó là thời gian Chu làm chính uỷ của học viện Hoàng Phố. Sau này Chu kể lại, Q sống rất đơn giản như một ông nông dân và lúc nào cũng cặp kè cái máy chữ bên mình. Rất ít người trong văn phòng biết nhân thân của Q. Thật trớ trêu, Phùng Chí Kiên và Đặng Văn Cáp, đại diện cho chi nhánh Côn minh của ICP (cùng với Hoàng Văn Hoan và Vũ Anh) đã đến Quế dương để gặp Q vào ngày 11/11. Biết Q đã đi Trùng Khánh Kiên quay lại và để Cáp ở lại đợi. Ngày 18/11, Q trở về Quế dương, nhưng Cáp lại bị lạc trong những ngõ hẻm gần văn phòng và không gặp được Q. Dù sao, Q cũng đã biết được sự tồn tại của ICP tại Côn minh. Tháng 2/1940, Q lên đường đi gặp Phùng Chí Kiên và các đồng chí khác. Vũ Anh (lúc đó có bí danh là Trịnh Đông Hải) hỏi tương lại:

Một người đàn ông trung niên, cổ còm cà vạt tiến tới hỏi tôi :ở đây có ai tên là Trịnh Đông Hải. Khi được biết đó chính là tôi, ông ta xưng danh là Trần và hạ giọng mời tôi ra quảng trường thành phố nói chuyện. Trên đường tôi đặc biệt ấn tượng về tác phong nhanh nhẹn và đôi mắt sáng ngời của ông. Tôi lờ mờ đoán ra đó chính là NAQ, người mà Đảng đã cất công tìm kiếm lâu nay. Điều đó đem lại cho tôi sự tự tin.

Vũ Anh giới thiệu về mạng lưới ngầm của Đảng ở Côn minh dưới vỏ bọc của một hãng buôn, sau đó dẫn Q đi gặp Phùng Chí Kiên. Họ cũng gặp Hoàng Văn Hoan, người đã từng dự lớp huấn luyện của Thanh niên Hội, sau đó đã công tác nhiều năm ở Xiêm, hiện đang làm thợ may ở Côn minh. Q ở trong một hiệu sách và tham gia các hoạt động cách mạng. Như thường lệ lúc nào ông cũng kè kè cái máy chữ bên cạnh và viết rất nhiều bài báo cho báo Đồng Thanh của đảng. Tháng 4/1940, Q & PCK đi thăm các cơ sở dọc theo tuyến đường sắt Côn minh – Hà nội mới được Pháp xây dựng. Cuối tháng 5, Q trở về Côn minh.^{lxii}

Điều kiện hoạt động của đảng tại Đông dương càng ngày càng trở nên khó khăn. Chính phủ Daladier đang đặt dấu chấm hết cho Mặt trận Bình dân tại Pháp. Chính quyền tại thuộc địa được thể đặt thêm nhiều kìm cựa với hoạt động của đảng. Tháng 8 năm đó, nước Đức phát xít ký hiệp ước không xâm lược với Liên xô. Một tuần sau quân Đức vượt biên giới Balan. Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Diễn biến này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của đảng. Toàn quyền Castraux ra lệnh triệt phá tất cả những hoạt động chống đối của ICP và các đảng cánh tả khác. Lê Hồng Phong bị bắt lại vào tháng 9 tại Sài gòn. Hà Huy Tập thì đang ở tù sau những cuộc biểu tình tháng Năm từ năm ngoái. Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ vội vã triệu tập hội nghị TW tại ngoại ô Sài gòn để bàn biện pháp đối phó. Dưới sự truy đuổi gắt gao, chỉ có 4 thành viên có mặt trong đó không có đại diện Bắc bộ. Hội nghị nhận định, mặc dù sự đàn áp của Pháp bắt đảng phải rút vào hoạt động bí mật, thế chiến thứ hai bùng nổ sẽ là cơ hội tốt cho các mạng Việt nam giành độc lập như Lê nin đã từng chỉ ra. Lần đầu tiên từ khi Thanh niên Hội tan rã, vấn đề độc lập dân tộc được đặt lên hàng đầu. Hội nghị cũng quyết định chấm dứt chiến lược Mặt trận bình dân, thảo ra những chính sách mới chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Hai tháng

sau, Nguyễn Văn Cừ cùng một uỷ viên TW trẻ mới là Lê Duẩn bị bắt và tống vào nhà lao Sài gòn.^{lxiii}

Sau khi Q quay về Côn minh, BCH TƯ đã cử hai đồng chí trẻ để tham gia huấn luyện: đó là Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp. Đồng sinh năm 1908 tại Quảng Ngãi trong gia đình mà bố làm đến chức thượng thư dưới thời Duy Tân. Tốt nghiệp Quốc học Huế, Đồng trốn sang Quảng châu và học tại trường quân sự Hoàng Phố. Năm 1929, Đồng đã từng tham gia đại hội của Thanh niên Hội tại Hồng Kông. Gò má cao, mắt sâu, phong cách nhẹ nhàng nhưng kiên quyết, Đồng được anh em tôn làm thủ lĩnh. Sau khi bị bắt năm 1931 tại Sài gòn, Đồng được ném mùì “chuồng cọp” Côn đảo và chỉ được ân xá năm 1937 trong thời kỳ Mặt trận bình dân.

Giáp sinh năm 1910 tại Quảng bình cũng trong một gia đình quan lại. Tuy nhiên cha Giáp tham gia kháng chiến từ những năm 1880s. Năm 1924, Giáp vào học viện quốc gia tại Huế. Tính dữ dội và mãnh liệt, sau vụ đám tang Phan Chu Trinh, Giáp bị cuốn vào các hoạt động cách mạng và bị đuổi khỏi trường năm 1927. Giáp gia nhập Tân Việt nhưng sau đó nhanh chóng chuyển sang ICP. Bị bắt tại Huế vì tham gia các hoạt động ủng hộ Xô viết nghệ tĩnh, năm 1933 Giáp được tha và tiếp tục đi học. Sau khi lấy bằng Luật tại đại học Hà nội, Giáp dạy sử tại một trường tư. Tại đây, ông đã gặp Nguyễn Thị Minh Thái, em gái của Nguyễn Thị Minh Khai (được cho là vợ Q) và có một con gái. Giáp thường viết bài cho báo đảng Notre Voix và hợp tác với Trường Chinh trong việc xuất bản các cuốn sách mỏng về tình hình nông thôn. Lúc rảnh rỗi, Giáp thích được đọc về lịch sử quân sự trong thư viện thành phố Hà nội. Người giới thiệu Giáp đi Côn minh là Hoàng Văn Thụ, một người dân tộc Thổ, uỷ viên TƯ từ năm 1938 và là bí thư chi bộ Bắc bộ. Thụ cũng hay nói chuyện với Giáp về các vấn đề quân sự. Một ngày đầu tháng Năm, sau khi tan lớp, Giáp chia tay với người vợ trẻ và đưa con thơ tại Hồ Tây mà không biết đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng của họ. Giáp nhập nhóm với Đồng và theo tàu lên Lào cai vượt biên giới đi Côn minh.

Tại Côn minh, Giáp và Đồng được Kiên & Vũ Anh dẫn đi gặp ông Vương (chính là NAQ) tại một địa điểm thơ mộng là Hồ Xanh. Vương khuyên hai thanh niên đi Diên an để theo học trường quân sự của CCP tại đó. Giáp & Đồng đến Quế dương để xin cấp các giấy tờ đi Diên an. Tại đây họ được lệnh chưa đi vội mà đợi ô Vương đến cùng đi.

Q có lý do để thay đổi kế hoạch. Ngày 20/6 Đức buộc Pháp đầu hàng và dựng lên một chính quyền bù nhìn. “Chắc chắn tình hình ở Đông dương sẽ thay đổi”. Mấy ngày sau, Kiên và Anh cũng đến Quế dương, sau đó cả hội đi Quế lâm và Q tổ chức cuộc họp ban biên tập tạp chí Đ.T. Quốc nhận định “Thất bại của Pháp là cơ hội to lớn của cách mạng Việt nam, chúng ta phải ngay lập tức tìm đường về nước để lợi dụng cơ hội này”. Khi ai đó hỏi “vũ khí ở đâu?”, Q trả lời:

Đây là vấn đề quan trọng nhất của cách mạng. Nếu chúng ta có vũ khí bây giờ, ai sẽ là người cầm vũ khí. Vì vậy chúng ta phải về nước và động viên quần chúng. Khi nhân dân đứng dậy, họ sẽ có vũ khí

Q chỉ thị cho Kiên & Anh cùng với Đồng Giáp chuẩn bị chuyển trụ sở hải ngoại của đảng về Đông dương. Một đ/c khác được phái đi liên lạc với Diên an, Q thì đi Trùng Khánh tư vấn với Chu Ân Lai và một số lãnh đạo TQ khác. Cuối tháng 7, Q trở về Côn minh. Tại đây ông nhận được một lá thư của Hồ Học Lâm, đảng viên QĐĐ nhưng có cảm tình với cách mạng VN từ những năm 20. Lám thông báo: tướng Trương Bội Công, gốc Việt, khét tiếng chống cộng đã được lệnh chuyển về biên giới phía bắc Cao bằng để tập hợp

lực lượng yêu nước từ Việt nam. Lâm khuyên Q nên cử các đồng chí của mình về khu vực này để bảo vệ quyền lợi của Đảng.

Sở dĩ TQ đột nhiên quan tâm đến Đông dương thuộc Pháp là vì sự xuất hiện của quân đội Nhật tại vùng này. Từ đầu năm 40, Nhật đã tiến dần xuống phía nam, chiếm đảo Hải nam và quần đảo Paracel. Cuối mùa xuân, Tokyo gây sức ép đòi Castreaux phải đóng cửa biên giới không cho các đoàn tàu ngược sông Hồng tiếp tế cho quân TQ. Không được sự hỗ trợ của Paris, Mỹ thì đang lo bảo vệ những quyền lợi của mình, Castreaux phải nhượng bộ và vì thế bị mất chức. Toàn quyền mới Decoux lập tức phải đối diện với những đòi hỏi ngang ngược hơn của Tokyo: được đóng quân và sử dụng các sân bay tại Bắc bộ. Chưa biết tính sao, thì ngày 22/9, quân Nhật tấn công khiêu khích dọc biên giới Lạng sơn. Cùng chiến đấu với quân Nhật có các đồng minh Việt nam từ Quang phục Hội do Cường Để lãnh đạo.

ICP đã may mắn có được ảnh hưởng ở khu vực gồm toàn các dân tộc Tày, Nùng, Thổ này từ đầu những năm 30. Năm 1935, một lãnh tụ người Tày là Hoàng Đình Gióng đã được bầu vào ban chấp hành TƯ tại Makao. Vài năm sau lại đến lượt Hoàng Văn Thụ. Các đảng viên đã thu phục đồng bào dân tộc bằng lời hứa quyền tự trị trong nước Việt nam cách mạng tương lai. Chớp thời cơ các đồn binh Pháp đang hoang mang sau cuộc tấn công của Nhật, ngày 27/9 cơ sở đảng địa phương đã xúi giục các bộ tộc tấn công và chiếm huyện lỵ Bắc sơn và một số xã, thu vũ khí. Tuy nhiên sau khi đạt được thoả thuận với Nhật, quân Pháp đã quay lại đàn áp. Quân khởi nghĩa phải chia thành từng nhóm nhỏ rút vào núi và vượt biên giới hy vọng tìm sự giúp đỡ của Trung Bội Công.

Trong khi đó, Q suy nghĩ kế hoạch thành lập một mặt trận đồng minh mới để lôi kéo các thành phần yêu nước ngoài đảng và được sự công nhận của Quốc dân đảng ở phía nam lúc đó do tướng Lí Jishen, khét tiếng về vụ tàn sát cộng sản ở Thượng hải năm 1927 lãnh đạo. Sau khi cân nhắc, Q đã quyết định lựa chọn cái tên là Việt nam Độc lập đồng minh Hội, gọi tắt là Việt minh. Tên này đã được Hồ Học Lâm dùng để liên kết các đảng viên cộng sản và quốc dân đảng Việt nam tại Nam ninh trước đó vài năm. Q cũng mời luôn Lâm làm chủ tịch, còn Phạm Văn Đồng làm phó dưới cái tên Lâm Bá Kiệt. Dưới vỏ bọc mới, đoàn đã tiếp cận tướng Lí nhờ giúp đỡ trong việc huy động nhân dân cho cuộc chiến đấu tương lai ở Đông dương. Tuy còn nghi ngờ, Lí đã đồng ý công nhận Việt minh với điều kiện không để cho Đảng cộng sản thống trị

Trong thời gian này, hoạt động của UBTU tại Sài gòn bị rối loạn, trừ Phan Đăng Lưu tất cả các thành viên đều vào tù. Trần Văn Giàu được tha tháng 5/1940 nhưng sau đó 5 ngày lại bị bắt lại. Liên lạc với các xứ uỷ khác cũng như với uỷ ban Hải ngoại bị cắt đứt. Mặc dù tình hình mùa màng tại Nam bộ có khá hơn các vùng khác của cả nước, thuế quá cao làm nông dân không hài lòng, ước tính có tới 30% nhân dân có cảm tình với đảng cộng sản. Mùa xuân năm ấy, Pháp quyết định tuyển mộ quân tại địa phương để tham chiến ở châu Âu và đặc biệt đưa đi Cambodia chuẩn bị cho cuộc đụng độ với Xiêm, đang nhân cơ hội đòi lại phần đất bị Pháp chiếm năm 1907. Các đảng viên đã nhanh chóng lợi dụng tình hình đưa ra khẩu hiệu “đừng chết cho bọn Colons (gọi người Pháp ở ĐĐ) tại Cambodia” kích động sự chống đối của nông dân. Tháng 7, xứ uỷ Nam kỳ dưới sự lãnh đạo của Tạ Uyên quyết định tiến hành khởi nghĩa theo nghị quyết của hội nghị TƯ 6 11/1939. Phan Đăng Lưu được cử đi tư vấn với các đồng chí ở Bắc kỳ. Lưu chưa kịp trở về thì hàng ngàn binh sĩ nổi lên làm binh biến chống việc gửi sang biên giới Xiêm. Uyên vội vàng ra lệnh khởi nghĩa vào cuối tháng 11/1940. Trên thực tế, Lưu đã họp với các đồng chí của mình tại ngoại ô Hà nội. Rút kinh nghiệm từ thất bại ở Bắc sơn, Trường

Chinh, Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ đều phản đối kế hoạch vội vã của Uyên, cho rằng phải chuẩn bị từ từ và đợi thời cơ chín muồi. Cuộc họp cũng cử HVT tổ chức lại các lực lượng bị tan rã ở Bắc sơn để tiến hành chiến tranh du kích. Xét thấy BCHTU thực chất đã bị bắt hết, xứ uỷ Bắc kỳ quyết định chuyển mình thành UBTU lâm thời và cử Trường Chinh làm bí thư.^{lxiv}

Hội nghị cử Lưu quay về ngay mang theo lệnh tạm hoãn cuộc khởi nghĩa. Lưu về đến Sài Gòn ngày 23/11 và bị bắt ngay khi vừa xuống ga. Mọi sự đã quá muộn, cuộc khởi nghĩa đã bùng phát ở nông thôn trước đó một ngày, một số huyện ở tây nam Sài Gòn đã bị quân khởi nghĩa chiếm. Khởi nghĩa cũng nổ ra ở nội đô Sài Gòn nhưng do được báo trước nên chính quyền đã đàn áp một cách dễ dàng. 4 ngày sau, quân Pháp phản công và dập cuộc khởi nghĩa vào biển máu. Hàng trăm người chết, hàng ngàn người bị bắt. Trong đó có vợ cũ của Q: Nguyễn Thị Minh Khai. Tháng 3/1941, toà án binh Pháp xử tử hình Minh Khai, Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Cừ. Tạ Uyên bị giết trong cuộc khởi nghĩa. Trước khi chết Minh Khai được gặp lại chồng mình đã bị giam từ 6/1939. Lê Hồng Phong sau đó chết vì bị tra tấn dã man vào tháng 9/1942 tại Côn đảo.

Tại Quế lâm, Q nghe tin Bộ Công đang tích cực chiêu mộ quân ở Jingxi bèn gửi Giáp và Vũ Anh đến xem xét tình hình. Tại đó 2 anh này đã thuyết phục được Công mời chủ tịch Việt minh là Học Lâm đến để cùng hợp tác. Biết chuyện khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, Q căn dặn các đồng nghiệp “Tình hình trong nước và quốc tế đang có lợi cho ta. Tuy vậy giờ khởi nghĩa vẫn chưa điềm. Đã chót vùng lên rồi thì bây giờ phải tìm đường lui càng nhanh càng tốt để bảo toàn lực lượng”. Trên thực tế tình hình thế giới đang biến đổi rất khó lường. Sau khi chiếm nước Pháp, Đức chuẩn bị làm cỏ nước Anh bằng không quân. Mặc dù hiệp định Xô-Đức vẫn còn hiệu lực, việc Đức đưa quân vào Bankan rất gây căng thẳng. Tại TQ, Nhật tiếp tục tiến sâu vào trung nguyên và đưa quân vào Đông dương. Để tận dụng đội ngũ cách mạng sẵn có ở Jingxi, Q quyết định chuyển trụ sở hải ngoại về đó. Đồng thời cử Vũ Anh vượt biên về nước thăm dò để tìm địa điểm cho hội nghị TU sắp tới. Tại Jingxi, Q cùng với Kiên, Đồng, Giáp tổ chức các khoá học 2 tuần cho thanh niên, dạy về tình hình thế giới, vận động quần chúng và các phương pháp tổ chức tuyên truyền. Như thường lệ, Q chuẩn bị tài liệu dưới dạng tờ rơi gọi là “Con đường giải phóng”. Q thường xuyên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đối xử với dân địa phương, yêu cầu các học viên học tiếng và ăn mặc như người địa phương. Tại lễ tốt nghiệp, các học viên hôn biểu tượng của đất nước độc lập trong tương lai: lá cờ đỏ sao vàng trước khi trở về nước. Để xây dựng quan hệ tốt với Công, Q đề xuất thành lập Việt nam Dân tộc giải phóng Uỷ viên Hội gồm thành viên của cả QĐĐ và ICP, đồng thời đứng luôn chân chủ tịch thường vụ với bí danh Hoàng Quojun.

Tuy nhiên đa số thời gian Q dành cho việc chuẩn bị cho hội nghị TU sắp tới, sẽ được ghi nhận trong lịch sử đảng như Hội nghị 8 nổi tiếng. Đầu tháng Giêng 1941, BCH lâm thời gồm Chinh, Thụ, Việt cũng đã có mặt ở Jingxi. Vũ Anh cũng đã trở về báo cáo tìm được địa điểm thích hợp ở hang Cốc bó (Nguồn) cạnh làng Pacbó. Ngày 28/1, sau khi ăn Tết âm lịch, Q cùng với Vũ Anh, Kiên và Lê Quảng Ba và một số đồng chí khác lên đường về nước. Chặng đường có chừng 40 dặm nhưng khá vất vả vì luôn rừng lợi suối. Đầu tháng 2, họ đến biên giới và từ đó xuôi về Pacbó cách biên giới khoảng hơn nửa dặm. Sau này, Q và các đồng chí của mình luôn nhớ lại những ngày ở Pacbo là những kỷ niệm khó quên nhất. Đốt lửa sưởi ấm, bắt cá, tắm suối, dịch sách, viết báo... Giáp kể lại: “*Hàng đêm chúng tôi ngồi quây quanh bếp lửa nghe Q kể chuyện lịch sử thế giới và cách mạng*

như những đứa trẻ nghe chuyện thần thoại” Trong vòng 3 tháng sau đó, Q xuất bản tờ báo Việt nam độc lập (bán hẳn hoi để có giá) và thành lập Hội cứu quốc.

Hội nghị 8 được tiến hành ngày 10/5/1941 tại Pacbó. Q chủ trì hội nghị với tư cách đại diện của QTCS. Đây là lần đầu tiên Q chủ trì một cuộc họp của đảng kể từ hội nghị thống nhất tháng 2/1930. Tham dự có Vũ Anh, Chinh, Thụy, Việt, Kiên và một số đồng chí khác từ các vùng của Đông dương. Hoan, Giáp, Đồng vẫn ở Jingxi để cùng với Công chuẩn bị hoạt động cho Giải phóng Ủy viên Hội. Mục tiêu chủ yếu của hội nghị là chính thức tuyên bố thành lập Việt minh (Việt nam độc lập đồng minh Hội). Tên gọi của tổ chức mới cho thấy trọng tâm chủ yếu của đảng là Độc lập và cho Việt nam, chính thức từ bỏ quan điểm của hội nghị tháng 10/30 về việc thành lập liên bang Đông dương, tiến tới tiến hành cách mạng thế giới. Nhiệm vụ của Việt minh là chuẩn bị để giành chính quyền vào thời điểm thích hợp. Hai cương lĩnh chính của Việt minh là độc lập dân tộc và công bằng xã hội. Bằng việc thành lập Việt minh, Q đã chơi một canh bài đánh cược vào việc Nhật sẽ làm Pháp suy yếu và thắng lợi cuối cùng của đồng minh. Không thể áp dụng chính sách khởi nghĩa thành thị của Nga, không có được nông thôn rộng lớn của Mao, Q cho rằng vấn đề không phải là phương pháp mà thời cơ. Trong lúc thời cơ chưa đến, đảng phải kiên trì chờ đợi, xây dựng cơ sở chính trị rộng rãi, chuẩn bị lực lượng quân sự nhỏ để có thể chớp lấy thời cơ tiến hành khởi nghĩa. Nhiệm vụ cuối cùng của hội nghị 8 là bầu ban chấp hành mới. Do Q kiên quyết từ chối, chức Tổng bí thư được trao cho Chinh người đang tạm thời giữ cương vị này từ mùa thu 1940. Chinh (tên thật là Đặng Xuân Khu) sinh năm 1907 trong một gia đình nhà giáo ở đồng bằng bắc bộ. Chinh đã tốt nghiệp trường Albert Sarraut nổi tiếng ở Hà nội. Tham gia Thanh niên Hội vào cuối những năm 20, bị bắt giam cho đến tận năm 1936, sau đó Chinh trở thành phóng viên đồng thời cũng là thành viên quan trọng của xứ uỷ Bắc kỳ. Kiêu hãnh trong thái độ, thận trọng và chu đáo trong suy nghĩ, mô phạm trong quan hệ với đồng chí, Chinh không có được sự hấp dẫn cá nhân như Q. Nhưng rõ ràng là trong giai đoạn mới này, đảng cần có tiếng nói chín chắn của Chinh. Sau khi hội nghị kết thúc ngày 19/5, Chinh trở về Hà nội để tìm trụ sở cho UBTƯ mới.

Q rất vui được trở lại quê hương sau 30 năm. Khi trốn lên tàu đi Hạ môn ở HK, vai trò lãnh đạo của Q rất mờ nhạt. Chiến lược được Q xác định từ thời Thanh niên Hội đang bị Matxcova xem xét lại, các đồng nghiệp trẻ phần đông tốt nghiệp từ trường Stalin cũng liên tục tấn công những quan điểm tư tưởng của ông. Vậy mà lần này quay lại, xem ra vai trò lãnh đạo của Q được tất cả chấp nhận một cách không do dự. Một phần chắc chắn là những thay đổi về trong chiến lược của đại hội QTCS lần thứ 7 trùng với những quan điểm của Q cho rằng cách mạng châu á có những đặc thù riêng và không thể copy mù quáng mô hình bolsevic. Q cũng phải cảm ơn phòng Nhì Pháp đã hoạt động quá tốt và loại bỏ tất cả những đối thủ chính trị của ông như Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong. Tại thời điểm này không ai có thể thách thức được vai trò lãnh đạo của Q trong đảng. Vậy thì vì có gì mà ông không chịu nhận chức vụ TBT? Phải chăng Q vẫn tự cho mình là chiến sĩ quốc tế một ngày nào đó sẽ lại lãnh đạo cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc khắp vùng ĐNA. Cũng có thể Q đã ngấm đến trong tương lai chức chủ tịch sẽ giúp ông đứng trên đầu tranh giai cấp để đại diện cho tất cả nhân dân đấu tranh cho một Việt nam độc lập và giàu mạnh.

Triều dâng

Sau hội nghị trung ương 5/41, các thành viên tản ra khắp nơi. Chinh cùng với Việt, Thu trở về xây dựng trụ sở TU tại ngoại ô Hà nội. Một số khác chạy ra các tỉnh lân cận xây dựng các đội du kích, mở rộng căn cứ tại Việt bắc. Một số vượt biên tiếp tục củng cố quan hệ đồng minh lỏng lẻo với các phần tử dân tộc không cộng sản. Q vẫn ở lại Pacbo, chuẩn bị cho công cuộc nam tiến. Cũng như ở thời gian ở Thái, không để phí thời gian Q liền biến mình thành người thầy và người cha cho đám quần chúng – con chiên. Q tổ chức các khoá học ngắn ngày về chủ nghĩa Max-Lê và các kỹ năng quân sự biến các cán bộ địa phương vừa là chiến binh vừa là tông đồ. Q đích thân giảng dạy các khoá này, giải thích về tình hình và tương quan lực lượng trên thế giới. Giáo trình về cách thức tổ chức chiến tranh du kích cũng do Q chuẩn bị, chắc là nhờ những kinh nghiệm học được trong thời gian ở trong bát lộ quân. Q cũng thường xuyên viết bài cho tờ Việt nam độc lập in trên giấy được chế từ bột tre. Để cho dân chúng có thể đọc được báo, chương trình xoá mù chữ được tiến hành trong vùng. Các bài báo của Q đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau, bao gồm cả lịch sử đảng và phong trào cách mạng thế giới nhưng tựu trung là đều kêu gọi quần chúng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù. Ví dụ như bài “Phụ nữ” trong số 104:

(tìm nguyên tác)

Trong các bài viết của mình, Q luôn nhắc đến việc dành độc lập cho đất nước như một nghĩa vụ thiêng liêng. Trong bài thơ “Lịch sử nước ta”, ngay trang đầu Q đã viết: “*Dân ta phải biết sử ta, Cho tường gốc tích nước nhà Việt nam*” và kết luận: “*Dân ta xin nhớ chữ đồng, Đồng lòng, đồng sức, đồng tình, đồng minh*”. Cuối bài này, Q đã liệt kê ra một loạt những mốc thời gian quan trọng của Việt nam. Thời điểm cuối cùng là năm 1945, Việt nam độc lập. Khi các đồng chí hỏi tại sao ông lại biết trước là năm 45 nước ta sẽ được độc lập, Q chỉ trả lời: *để rồi xem*.

Trong lúc đó, PCKiên được chỉ thị đi tìm địa điểm cho căn cứ cách mạng đã quyết định dừng chân tại một vùng núi giữa hai huyện Nguyên Bình và Hoà An phía tây tỉnh lỵ Cao bằng. Căn cứ này nằm trong thung lũng nhỏ bao quanh bằng những tảng đá đỏ nên được Võ Nguyên Giáp gọi là Lô cốt đỏ. Bản thân trụ sở thì chỉ là một túp lều nhưng so với hang Pacbo thì quả là đã quá sang trọng. Tháng 1/42, trong bộ quần áo người Nùng mang theo chiếc máy chữ và những dụng cụ luyện tập thể dục, Q cùng với một vài đồng chí nữa rời Pác bó đi bộ đến căn cứ mới. Trên đường có lúc cả đoàn bị lạc nhưng Q chỉ cười to “*Thế này đâm ra hay, biết đâu sau này lại dùng được đường này để chạy trốn*”. Q đặt tên cho căn cứ mới là Lam sơn và lại bắt tay vào công việc đào tạo và khích lệ một số đồng chí sốt ruột vì cuộc đấu tranh không có hồi kết. Q nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ nòng cốt. Ông nói: “*cách mạng như nước thủy triều, có lúc lên lúc xuống. Cán bộ nòng cốt chính là những cột cừ giữ đất khi nước xuống*”. Tuy điều kiện ở tốt hơn nhưng căn cứ mới dễ bị Pháp truy quét. Thỉnh thoảng cả bọn lại phải trốn vào rừng rậm hoang sơ rất vất vả. Q luôn sẵn sàng chia sẻ những điều kiện khó khăn nhất với các đồng chí của mình. Khi tinh thần xuống, ông động viên: *người cách mạng cần nhất 3 tính cách: kiên trì, bình tĩnh và cảnh giác*”

Từ những năm 30, Đảng đã chủ trương chọn Việt bắc để xây dựng căn cứ hỗ trợ cho mình. Đại hội I năm 1935 đã hứa sẽ dành cho tất cả các dân tộc sống ở trong khu vực này quyền tự trị trong liên bang Đông dương độc lập trong tương lai. Được Q khuyến khích, rất nhiều cán bộ đã học tiếng cũng như các phong tục địa phương, tham gia vào các hoạt

động cộng đồng, một số lập gia đình tại chỗ. Q luôn nhắc các đồng chí của mình: Tuyên truyền là công tác quan trọng nhất của cách mạng, và là bảo đảm cho thành công.

7/12/1941, Nhật bắt ngờ tấn công Mỹ ở Trân Châu Cảng. Ngay lập tức trên báo Độc lập, Q có bài phân tích tình hình, nhận định cuộc chiến trên Thái Bình Dương đã trở thành cuộc xung đột có tính toàn cầu, và cách mạng Việt nam cần có những điều chỉnh để có thể tập hợp lực lượng sẵn sàng cho những thách thức mới. Q cho rằng từ Cao bằng phải mở rộng liên kết với những đội du kích đang hoạt động ở Bắc sơn, Võ nhai do Chu Văn Tấn chỉ huy, tiến tới mở hành lang xuống đồng bằng Bắc bộ. Cũng trong thời gian này, quân Pháp tăng cường càn quét, lùng sục. Phùng Chí Kiên bị giết trong một trận càn. Tháng 6 năm 1942, Q quyết định rời Lam sơn về lại Pacbo trong vai một thầy cúng đi chữa bệnh cho vợ.

Ngày 13/8/1942 Q cùng Lê Quảng Ba lên đường sang Tàu để tìm kiếm thêm sự hỗ trợ quốc tế. Họ đi bộ, ngày nghỉ, đêm đi để tránh mật thám Pháp, đến được thị trấn biên giới nhỏ Bamong ngày 25/8. Sau khi nghỉ 2 ngày tại nhà một nông dân có cảm tình với cách mạng Việt nam Xu Weisan, cùng với một liên lạc viên trẻ TQ, Q lên đường tới kinh đô cách mạng Trùng khánh, để LQ Ba lại ở Bamong. Chưa đi được bao xa thì cả hai đã bị cảnh sát TQ bắt tại làng Teyuan, gần thị trấn Debao, 20 dặm về phía Đông bắc của Giang tây. Chính quyền địa phương nghi họ là gián điệp của Nhật vì cả giấy chứng nhận của Hội Chống xâm lăng, thẻ nhà báo mang tên Hồ Chí Minh của Tân xã quốc tế, lẫn chứng minh thư của Quân đoàn 4 mà Q mang theo người đều đã hết hạn. Mục tiêu chuyến đi TQ này của Q cũng là một câu hỏi được nhiều người quan tâm. Trong hồi ký của mình, Q tự nhận là nhằm tìm kiếm mối quan hệ với Tưởng và nhờ chính phủ Quốc dân đảng giúp đỡ đuổi Nhật. Một số nhà sử học thì cho rằng chẳng qua Q muốn bắt liên lạc với các đồng chí của mình ở CCP. Sự thật thì chắc là cả hai. Hiên nhiên là Q muốn gặp lại Chu Ân Lai và những người quen cũ mà ông đã không gặp từ năm 1938 tại ở Diên An, nhưng mục đích chính của Q chắc là tìm sự ủng hộ của Tưởng. Q thừa biết sau chiến thắng Midway, quân đồng minh đang chiếm ưu thế và chính phủ Tưởng được đồng minh ủng hộ, có nhiều khả năng sống sót sau hậu chiến. Q cũng cần chính phủ Tưởng làm nơ cho các hoạt động của Việt minh ở phía Nam TQ. Người mà Q muốn liên lạc để giới thiệu nhiều khả năng là Tổng Khánh Linh, đang phụ trách chi nhánh TQ của Hội Chống xâm lăng. Hoa mắt với đồng giấy tờ giả, chính quyền địa phương cho rằng kẻ bị bắt chắc phải có tầm quan trọng lớn. Họ đã liên lạc với toà án quân sự ở Quế lâm, thủ phủ Quảng tây. Toà này yêu cầu dẫn giải Q đến để xét xử. Mặc dù Xu Weisan có người quen trong chính quyền nhưng vẫn không can thiệp được. Ngày 29/8, Q bị tống vào nhà giam Quốc dân đảng ở Jingxi, để tiếp tục đợi lệnh trên. Chính trong điều kiện tù ngục khó khăn này, tập thơ nổi tiếng của Q “Nhật ký trong tù” đã ra đời.^{lxv}

Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng ngồi trong ngục biết làm chi đây

Ngồi buồn ngâm vịnh cho khuây

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do

Ngày 10/10, kỷ niệm 31 năm cách mạng tư sản TQ, Q bị chuyển sang Debao. Trong thời gian này, được tin Wendell Willkie, đặc phái viên của Rusevelt cũng đến Trùng khánh và được tiếp đón nồng nhiệt, Q đã cảm cảnh làm bài thơ:

Tôi với ông.....

Từ Debao, Q bị chuyển qua Tiandong và Lungan tới Nam ninh. Tình hình có vẻ như cũng được cải thiện. Ngày 9/12, Q được đưa lên tàu chuyển về Liễu Châu, trụ sở của

quân khu 4. Tư lệnh vùng là tướng Trương Phát Khuê, cũng không chia sẻ quan điểm chống cộng điên cuồng của Tưởng và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt nam. Q hy vọng là vụ việc sẽ được báo cáo lên ông này. Tuy nhiên, chẳng có gì xảy ra cả, ngày hôm sau Q bị đưa đi Quế lâm. Tại đây Q khai trước thẩm phán tòa quân sự là có quan hệ với phong trào cộng sản ở Đông dương nhưng không liên quan gì đến CCP cả. Thẩm phán tuyên bố Q là tù chính trị và được trả lại Liễu châu cho Phòng chính trị quân khu xử. Q về lại đến Liễu châu đầu tháng 2 năm 1943.

Tin Q bị bắt về đến Pacbo vào cuối tháng 10. Các đồng chí của ông đã gửi thư phản đối khắp nơi cho các hãng thông tấn như AP, Reuters, UPI, Tass. Trong điện gửi Tass, họ khoe rằng Hội Chống xâm lăng Việt nam có đến 200,000 thành viên và Q là nhân vật chủ chốt của Hội. Một cán bộ của Đảng là Hoàng Đình Gióng đã được cử đi đưa một bức thư đến tận tay Tôn Kế, con trai Tôn Trung Sơn, hiện là chủ tịch Nghị viện. Bức thư viết:

Kính thưa Tôn Chủ tịch

Đại diện của chúng tôi, ông Hồ Chí Minh đã bị bắt trên đường đến diện kiến Tưởng Nguyên soái. Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu ngài can thiệp để thả ông ấy ra càng sớm càng tốt

Mặc dù chẳng biết HCM là ai, Tôn chuyển vụ việc cho Vũ Thế Chương (Wu Tiecheng), tổng thư ký của Ban thường vụ TƯ Quốc dân đảng. Ngày 9/11, ông này điện xuống Quế lâm và Liễu châu đề nghị nghiên cứu vụ việc và nêu được thì thả Q ra. Đáng tiếc là lúc đó Q vẫn còn đang ở trên đường từ Debao đến Nam ninh.^{lxvi}

Khoảng mùa đông năm 1942-1943, một cán bộ Đảng được cử đi tìm gặp Q mới trở về thông báo là Q đã chết tại nhà tù ở Liễu châu. Các lãnh đạo ở Việt bắc vội báo ngay tin cho các đồng chí của mình đang đóng gần Hà nội và cử Phạm Văn Đồng phụ trách việc tang lễ. Vài tuần sau, khi sự việc còn đang tù mù, bỗng có tờ báo đến từ TQ, trên đó có mấy dòng viết tay nét chữ của Q: “*Gửi các chiến hữu. Chúc khoẻ và đừng cảm trong công việc*” kèm theo là bài thơ:

Núi áp ôm mây, mây áp núi

Lòng sông gương sáng bụi không mờ

Bồi hồi dạo bước Tây phong lĩnh

Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa

Anh em mừng hứ, mới gọi tay cán bộ kia ra tra hỏi. Tay này khẳng định là chính Tỉnh trưởng thông báo tin này. Vạn vọng kỹ mới vỡ lẽ là tay này kém tiếng Tàu, nghe nhầm chữ *Shi* tức là OK thành *Xi* tức chết^{lxvii}

Trong tập NKTT, Q ví mình như quả bóng bị đá đi đá lại giữa các nhà tù. Trong 5 tháng cuối, ông đã từng qua đến 18 nhà tù của 13 huyện nam Trung hoa. Cuộc sống đã dễ thở hơn. Thức ăn đã tạm được, tối ngủ không bị xiềng, thỉnh thoảng ban ngày còn được đi dạo, thậm chí còn được đọc sách báo. Q thường tận dụng cơ hội liên lạc với các đồng chí của mình bằng cách viết bằng nước com lên mép của các quyển tạp chí. Để giết thời gian, Q đã dịch cuốn *Nguyên tắc Tam dân* của Tôn Trung Sơn sang tiếng Việt. Khoảng mùa xuân năm 1943, Trương Phát Khuê cũng hiểu ra rằng tay tù chính trị của mình là ai, hay ít nhất cũng nắm được rằng tay này là cộng sản. Theo Hoàng Văn Hoan, chính một thành viên quốc dân đảng Việt nam tên là Trần Bao đã khai ra Q chính là đặc vụ của QTCS. Tuy nhiên trong hồi ký của mình sau này, trưởng phòng chính trị QK 4, tướng Lương Hoa Sinh kể rằng khi thẩm vấn Q, ông đã hiểu ngay tay này là cộng sản và đề nghị thủ tiêu. Không hiểu sao, Trùng khánh lại phản đối và yêu cầu Lương “cải tạo” tay tù này.

Quan điểm của chính phủ TW có thể bị Chu Ân Lai, lúc đó là trưởng đại diện của CCP tại Cq ảnh hưởng. Nghe tin Q bị bắt, Chu đã liên hệ với tướng Phương Yuxiang, một trong những đối thủ của Tưởng những năm 20-30, giúp đỡ. Phương đã tư vấn với đại diện Xô viết ở Cq, rồi cùng với Phó chủ tịch chính phủ là Lý Trung Nhân đến gặp Tưởng. Phương nói với Tưởng, việc Q là cộng sản VN chẳng ảnh hưởng gì đến QĐ đảng, Trung cộng rồi Xô cộng đều có đại diện tại Cq, đâu có ai bị bắt bớ gì? Chưa nói đến VN đang đứng cùng bên với Tưởng trong cuộc chiến chống Nhật, xử Q như tội phạm sẽ làm mất uy tín chính phủ, có thể ảnh hưởng đến sự ủng hộ của thế giới. Lý cũng hòa vào, đề nghị giao cho vụ việc cho địa phương xử lý. Tưởng miễn cưỡng đồng ý, điện cho QK 4 thả Q ra dưới sự giám sát và tìm cách lợi dụng Q cho các mục đích của QĐĐ.

Không rõ bức điện này có tác dụng gì không! Trong một cuộc phỏng vấn sau này ở Mỹ, Trương Phát Khuê cho rằng mình chưa bao giờ hành động theo lệnh trên trong vụ giam giữ HCM. Khi biết được Q là đại diện của phong trào cộng sản VN, Trương đã giao cho trưởng phòng chính trị mới là tướng Hầu Chíminh nhiệm vụ dụ dỗ Q hợp tác để đổi lấy tự do. Trương cho biết ông đã trực tiếp thẩm vấn và bị thuyết phục bởi năng lực tổ chức và nhiệt huyết chống Pháp của Q. Q thông báo đảng CS VN đặt mục tiêu hàng đầu là độc lập và tự do của dân tộc mình. Q đề nghị giúp đỡ Trương trong việc tổ chức lại các lực lượng VN yêu nước ở Nam Trung hoa và cam kết sẽ không xây dựng xã hội cộng sản tại VN trong ít nhất là 50 năm.

Trương hiển nhiên là có những mưu đồ chính trị dài hạn riêng trong việc thả Q. Xuất thân từ Quảng đông, đã từng tham gia cuộc hành quân Bắc phạt, Trương lại bị cho ra rìa trong các quan hệ chính trị Quốc – Cộng. Trương ghét cả Nhật và Pháp và không loại trừ có cảm tình với tham vọng dành độc lập của nhân dân Việt nam. Là tư lệnh QK4, Trương cần phải chuẩn bị lực lượng để có thể tấn công quân Nhật ở Đông dương khi cần thiết. Kế hoạch tập hợp lực lượng Việt nam của Trương đang bị nhiều vấn đề nghiêm trọng. Cuối năm 1941, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt nam, liên minh giữa Quốc dân đảng và ICP tan vỡ do các lãnh tụ QĐĐ phát hiện ra mưu đồ của Giáp và Đông. Sau đó thì chính Tưởng Tam, Hải Thần và Nghiêm Kế Tô hục hặc lẫn nhau, Nhà tài trợ chính Trương Bội Công bị bắt vì tội hối lộ. Mùa hè 1942, Trương quyết định tổ chức lại, thành lập Việt nam cách mạng đồng minh Hội, do tướng Hậu Chiminh làm cố vấn. Tuy nhiên Hội này cũng chẳng hơn gì Ủy ban trước do các lãnh đạo suốt ngày đấu đá. Có lẽ Trương hy vọng là Q sẽ mang lại được nguồn sinh khí mới cho đám tay chân VN của mình. Ngày 10/9/1943, Q được trả tự do. Một thành viên phòng chính trị kể rằng, ông ta đang ăn thì bỗng thấy tay từ bước vào sà xuống tán phét với tướng Hậu Chiminh và các cộng sự khác.^{lxviii}

Mùa thu 43, Trương tuyên bố sẽ quan tâm trực tiếp đến Đồng minh Hội và cử phó của mình là tướng Tiêu Văn làm cố vấn. Hồ Chí Minh được bổ nhiệm làm phó chủ tịch. Chủ tịch hội lúc đó là Nguyễn Hải Thần chắc chắn là rất khó chịu nhưng không dám làm mất lòng người đỡ đầu của mình. Trong một bữa chiêu đãi, Hải Thần đã đưa ra câu đối: “*Hồ Chí Minh, Hậu Chí Minh, hai đồng chí cùng quyết chí mình*”. HCM đã trả lời: “*Anh cách mạng, tôi cách mạng, chúng ta sẽ cùng nhau cách mạng*”. Được sự tru ái của Trương, Q càng ngày càng hoạt động tích cực trong Đồng minh Hội. Ông chuyển đến sống ở trụ sở Hội và thường xuyên tham gia giảng dạy về các vấn đề quốc tế và địa phương. Q thường nói với các học viên là Trung hoa là động lực hòa bình, Nhật sẽ thất bại trước Đồng minh trong khoảng 1 năm nữa và TQ sẽ giúp VN trở thành một quốc gia thống nhất, hòa bình, độc lập và dân chủ ở Đông Nam á.

Cảm thấy yên tâm, Trương đề nghị Q giúp đỡ để tổ chức đại hội lần 2 của ĐMH. Q đồng ý và đề xuất hội nghị trừ bị vào cuối tháng 2 năm 1944. Tại hội nghị này, Q kêu gọi ĐMH mở rộng cửa cho Việt minh cũng như tất cả các tổ chức Việt nam yêu nước và chống phát xít khác. Đề cập đến nỗi sợ cộng sản của các đại biểu, Q nhấn mạnh ICP hiện là tổ chức có ảnh hưởng lớn nhất và *“nhân dân Việt nam không có gì phải sợ chủ nghĩa cộng sản”*. Chủ nghĩa cộng sản sẽ lan tỏa tư tưởng bình đẳng kinh tế trên toàn thế giới, như sự bình đẳng chính trị do Cách mạng Pháp khởi xướng năm 1789 được dân chủ gieo rắc khắp châu Âu. Theo ông, các đảng phái chính trị phải đoàn kết vì mục tiêu chung như nước Trung hoa tam dân đã liên kết với đế quốc Anh, cộng sản Nga và tư bản Mỹ để chống lại chủ nghĩa phát xít. Trương Phát Khuê nghe rất sướng tai, đề nghị Hồ tổ chức đại hội vào cuối tháng 3.^{lxix} Mặc dù một số phần tử không cộng sản chẳng thích thú gì với ý tưởng mở rộng phong trào của Hồ ra sức chống đối, tuy nhiên do Trương “đại ca” đích thân đứng ra đốc thúc và bảo kê, đại hội vẫn được tổ chức vào ngày 24/3/1944 với 15 đại biểu từ ICP, VNQDD và Đại Việt. 2 đại diện của Việt minh là Phạm Văn Đồng và Lê Tổng Sơn. Đại hội đã bầu ra ban chấp hành 7 thành viên trong đó có H. Sau đại hội, Trương hoàn toàn tin tưởng rằng là H mới là người có thể đứng ra lãnh đạo được các hoạt động của Đồng minh hội (ĐMH) và ủy quyền cho H toàn quyền hành động với lời hứa sẽ gửi H trở lại Việt nam. Để chứng minh sự “trung thành” của mình, H lập kế hoạch mở rộng ĐMH (kêu gọi cả những đảng được coi là bù nhìn như đảng Hiến pháp), tuyên truyền thiện chí của TQ với nền độc lập của VN, tăng cường các hoạt động vũ trang để chuẩn bị cơ sở để đón quân đội TQ vào Việt nam đánh Nhật... và đề nghị Trương cung cấp tài chính, vũ khí. Trương đã khôn khéo “né” và hứa chỉ cung cấp hộ chiếu, tiền bạc cũng như các phương tiện đi lại cho H, còn giúp đỡ trực tiếp những hoạt động kháng Nhật bên trong Đông dương thì còn phải xem xét.

Trước khi rời Lưu châu, H tới thăm tướng Tiêu Văn, cố vấn của Trương cho ĐMH và là người đã giúp H chuẩn bị cho chuyến trở lại VN. Trong lúc trà dư tửu hậu, H đã thề với Tiêu: *“99% những điều tôi nói về cách mạng VN là đúng, chỉ có 1% chưa nói với tướng quân thôi”*. Có lẽ H ám chỉ lời hứa với Trương về việc không xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở VN trong 50 năm. Cuối tháng 8, H cùng 18 học sinh VN từ trường đào tạo của Trương, trong quân phục Tưởng, qua Long châu, Jingxi lên đường về Việt nam. Sau khi nghỉ lại vài ngày ở thị trấn biên giới Pingmeng để dưỡng sức và đảm bảo an toàn, cả đoàn về đến Pacbo vào ngày 20/9^{lxx}

Trong thời gian Q vắng mặt, tình hình VN đã có nhiều biến đổi. Cuộc chiến Thái bình dương bùng nổ đã mang lại cơ hội cũng như thách thức mới cho VN với sự có mặt của Anh, Mỹ và Tàu Tưởng. Sau một số thắng lợi ban đầu của phong trào cách mạng, Pháp đã xiết chặt kiểm soát và bóp rập trong năm 1943, Hoàng Văn Thụ bị bắt và tử hình. Trường Chinh thoát chết vì kịp thời cải trang thành nông dân. Tuy nhiên từ giữa 1944, các nhóm cách mạng nhỏ bị Pháp truy quét lại có cơ hội tập hợp lực lượng lại, tình hình kinh tế tiếp tục bi đát dẫn đến sự bất bình của dân chúng ở thành thị và nông thôn tạo thành môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng những hạt nhân cách mạng. Trong hội nghị tháng 7/1944 có đại diện của ICP tại 3 tỉnh biên giới, các đại biểu đã cãi nhau kịch liệt về đề nghị của Giáp về việc phát động chiến tranh du kích để thành lập khu giải phóng và xây dựng quân đội chính quy. Hội nghị tạm thời đồng ý với Giáp về chiến tranh du kích nhưng chưa xác định được thời điểm khởi động. Hội nghị cũng không thống nhất được về việc thành lập quân đội. Trong chuyến đi cùng Vũ Anh đón H về Pacbo, Giáp đã trình bày về kế hoạch của mình cũng như những nghị quyết của hội nghị tháng 7. H đã không

đồng ý với Giáp và chỉ rõ: “quyết định mở cuộc tấn công ở Việt Bắc là chỉ dựa vào tình hình địa phương và chưa đánh giá tình hình cả nước. Do chưa có nơi nào có phong trào mạnh, nên sẽ không thể cùng đứng lên ủng hộ. Pháp sẽ dễ dàng có điều kiện tập trung lực lượng và đàn áp. Giai đoạn cách mạng hòa bình đã qua, nhưng thời khắc tổng tiến công vẫn chưa tới. Trước mắt các hoạt động tuyên truyền chính trị vẫn phải được ưu tiên”. Để bù lại cho nỗi thất vọng của người đồng chí trẻ, H đề nghị Giáp bắt tay vào xây dựng những đơn vị đầu tiên của quân đội và đặt tên là đội “Việt nam tuyên truyền giải phóng quân”. H còn căn dặn tiêu chí đầu tiên của đội là “bí mật, luôn luôn bí mật. Địch nghĩ ta ở tây thì ta đang ở đông. Đánh bất ngờ, rút ngay khi địch chưa kịp trở tay”. Ngày 22/12, Giáp đã tập hợp 34 thành viên trong một khu rừng Việt Bắc, khởi đầu cho một đội quân huyền thoại. 2 ngày sau khi chào đời, đội quân mới thành lập đánh chiếm 2 đồn Na Ngân, Phai Khắt. Ngoài vô khối vũ khí thu được, tin thắng trận lan như lửa cháy rừng trong toàn Việt Bắc.

Ngày 11/11/1944, máy bay trinh sát của trung úy Rudolph Shaw bị trục trặc động cơ và Shaw phải nhảy dù xuống những cánh rừng Việt Bắc. Việt Minh là những người đầu tiên tìm ra anh ta. Shaw kêu lên: “Viet Minh, Viet Minh”, những người còn lại hét “America, Roosevelt!” và đó cũng là cuộc nói chuyện duy nhất của họ. Việt Minh quyết định đưa viên phi công đến chỗ HCM. Đêm đi, ngày nghỉ để tránh quân Nhật, trèo đèo, lội suối, họ đã mất gần một tháng để vượt qua quãng đường có 40 dặm. H chào đón Shaw bằng thứ tiếng Anh thông dụng: “how do u do, pilot! Where are u from?”. Viên phi công ứa nước mắt ôm chầm lấy H và nói “tôi nghe giọng ông mà như nghe tiếng bố tôi ở US”.

H đã không chờ đợi cuộc gặp gỡ bất ngờ này với viên phi công Mỹ. Mặc dù khi Mỹ bắt đầu tham chiến, H đã coi sự ủng hộ của Mỹ là quân chủ bài mà mình phải có để đánh Pháp, đuổi Nhật để dành độc lập. Trong thời gian ở Lưu châu, H đã dành rất nhiều thời gian để nghiên cứu các tài liệu của thư viện Văn phòng Thông tin chiến tranh Mỹ (OWI). Hiển nhiên là H biết Roosevelt không có cảm tình với chủ nghĩa thực dân châu Âu và ủng hộ việc trao trả lại độc lập cho các thuộc địa ở châu Á sau chiến tranh. Về Đông Dương, R đã từng nói: “Pháp đã vắt kiệt mảnh đất này trong 100 năm, các dân tộc Đông Dương xứng đáng một số phận tốt hơn thế”. Mặc dù thừa biết chế độ Mỹ là một chế độ tư bản, H khâm phục cam kết của nước Mỹ với những nguyên tắc dân chủ và tin tưởng R sẽ dẫn dắt nước Mỹ tiến tới bình đẳng hơn về kinh tế và xã hội.

Các viên chức Mỹ ở Nam Trung Hoa cũng đã biết đến H từ lâu trước khi H được phóng thích. Từ mùa thu năm 1942, báo chí địa phương đã đưa tin về một tù nhân chính trị tên là Ho Chih Chi vì những quan hệ với một chính phủ Việt Nam lâm thời thân Đồng Minh. Khi các nhân viên đại sứ quán Mỹ liên lạc với đại diện của phong trào Nước Pháp Tự Do, tay này đã phủ nhận những tin này. Tuy nhiên, đại sứ Clarence Gauss cũng vẫn điện báo cho bộ ngoại giao ngày 31/12/1942 tin về vụ bắt bớ, và ra lệnh cho các nhân viên của mình tìm hiểu thêm. Vì không có sự hợp tác từ phía chính phủ Trùng Khánh, họ chẳng tìm được gì và cho rằng cái phong trào nào đó ở Đông Dương chẳng có tí ý nghĩa nào với nước Mỹ. Nhưng có những người Mỹ khác không nghĩ như vậy. Mùa hè năm 1943, Chu Ân Lai tiếp cận các quan chức OSS để nhờ thả H đổi lấy sự ủng hộ quân đội Đồng Minh tại Đông Dương. OSS đã trao đổi với một viên chức OWI mà H đã từng đến xin làm phiên dịch và một nhân viên sứ quán để tìm cách can thiệp với chính phủ TQ thả H và thảo luận sự cộng tác. Không rõ kế hoạch này có ảnh hưởng gì đến quyết định của Trương Phát Khuê nhưng ít nhất là cũng không thấy H hợp tác ngay với quân Mỹ, ngoài việc sứ quán Mỹ nhận được điện của Phân Hội Việt Nam của Hội Quốc Tế Chống xâm lược

nhờ xin thả H để tham gia vào các hoạt động chống Nhật tháng 11/1943^{lxxi}. Một viên chức sứ quán tên là Philip Sprouse nhận ra ngay tên của người tù từ năm ngoái. Tuy nhiên đại diện của phong trào Nước Pháp Tự do đã thuyết phục Sprouse rằng chẳng qua các Hội, đoàn này chỉ là trò chính trị vớ vẩn phục vụ mục đích của Trung quốc và không nên bận tâm làm gì. Đại sứ Gauss đã gửi cả bức thư xin cũng như lời giải thích của ông về việc “Không trả lời” cho bộ Ngoại giao và vụ việc “chìm ngấm” ở Washington. Mùa xuân 1944, đại diện Việtminh tại Nam Trung hoa lại tiếp tục gửi thư đến văn phòng OSS, OWI và Sứ quán Mỹ đề nghị chiến đấu cùng Đồng minh chống Nhật tại Đông dương và nhờ Mỹ giúp đỡ giành độc lập. Ngày 18/8, đại diện OSS đã chuyển thư đến tùy viên sứ quán William Langdon kèm theo lời bình: “Đông dương hậu chiến sẽ đại loạn nếu chúng ta không dựng lên một cơ chế tự trị trước đó”. Ngày 8/9 Langdon tiếp đoàn Việt minh, hứa sẽ chuyển thư cho Đại sứ, nhắc lại sự ủng hộ độc lập cho các dân tộc phương đông, trong đó có Việt nam. Ông này cũng khôn khéo lờ đi việc giúp đỡ trực tiếp: “*các bạn đang là công dân Pháp mà chúng tôi lại đang sát cánh với Pháp để đánh lại phe Trục. Không có lý gì Mỹ lại cùng lúc vừa tổn xương máu, tiền bạc để cứu nước Pháp vừa giúp đỡ người khác lật đổ đế chế Pháp*”. Đại diện Việt minh là Phạm Việt Tú ra sức thuyết phục là VM chỉ đánh Nhật chứ không đánh Pháp, và mong được sự độc lập. Langdon không lay chuyển, viên cố tướng Đờ Gôn đã tuyên bố ở Wasinhton là sẽ trao cho các nước thuộc đế quốc Pháp những quyền tự trị, và nếu VM không hài lòng, có thể nói chuyện trực tiếp với người Pháp. Mặc dù OSS báo cáo tương đối lạc quan về cuộc gặp gỡ, Langdon và OWI cho rằng các phần tử dân tộc chủ nghĩa VN tại Nam Trung hoa chưa có đủ kinh nghiệm để điều hành đất nước và những hội, nhóm của họ không có ý nghĩa nào cả trong Đông dương. Các nguồn Pháp còn tung tin Việt minh chỉ là bộ mặt cho vài trí thức bất mãn và không được dân chúng hưởng ứng.

HCM không liên quan trực tiếp đến vụ này, nhưng có vẻ như H đã có contact với Tú và các đồng chí của anh ta để đề xuất cuộc gặp với các viên chức Mỹ tại Côn minh. Sau khi ra tù tháng 9 năm 1943, H đã lân lan làm quen, tạo niềm tin và giữ quan hệ tốt với các nhân viên OWI tại Lưu châu. Văn phòng OWI tại đây chính là người đã tìm cách sắp xếp để H đi San Francisco tháng 8/1944. Lãnh sự quán tại Côn minh đã xin ý kiến chỉ đạo của Bộ ngoại giao trước yêu cầu của OWI cấp visa cho một người có tên là Ho Tinh-ching (được miêu tả là người Việt gốc Hoa) sang Mỹ để cung cấp một số tin tức về Việt nam. Viên chức bộ ngoại giao xử lý yêu cầu này lại chính là Sprouse. Anh này nhận ra Mr. Ho và viết thư giới thiệu, ghi nhận thành tích của H giúp quốc dân đảng tuyên truyền trong Việt nam. Vụ Viễn đông đồng ý cấp visa nhưng Vụ châu Âu phản đối vì sợ những rắc rối với Pháp. Mặc dù OWI ra sức bảo vệ rằng những hoạt động của H trên đất Mỹ sẽ được kiểm soát chặt chẽ, cuối cùng bộ ngoại giao đã từ chối cấp visa cho H. Tại sao H lại muốn đi Mỹ vào lúc này? Tình hình mặt trận Thái bình dương đang biến chuyển có lợi cho Đồng minh và chiến thắng rất có thể đến vào năm sau. H thừa biết phải có mặt ở VN vào thời điểm đó để lãnh đạo cuộc đấu tranh. Có thể tại thời điểm tháng 8/44, Trương Phát Khuê vẫn chưa đồng ý cho H quay về VN, và H định xin sang Mỹ để trực tiếp nhờ các quan chức cao cấp Mỹ can thiệp cho ông được trở về VN.

Vụ trung ury Shaw tự nhiên dẫn xác đến trước cửa đã tạo cơ hội vàng để H có thể đề nghị Mỹ giúp đỡ Việt minh. Ngay lập tức, lấy cớ phải đi công tác cùng, H đã cùng 2 chiến sĩ trẻ nữa hộ tống Shaw sang Côn minh. Sang bên kia biên giới, Shaw bắt được liên lạc với tổ chức cứu trợ phi công Mỹ (AGAS) và được đưa ngay về Côn minh (CM) bằng máy bay. Không nản chí, H quyết định đi bộ đến CM, trong vai người tuần đường trên tuyến

đường sắt HN-CM^{lxxii}. Nếu gặp người có lòng, họ nghỉ đêm nhờ, còn không thì ngủ ngoài trời. Lúc qua Y lương, một thành phố nhỏ trên đường, cả đoàn đã gặp Hoàng Quảng Bình, một người quen cũ cách đây 4 năm của H ở CM, hiện đang hành nghề cắt tóc. Theo lời Bình, trông Hồ rất ốm yếu và trầm uất, ăn ít, quần áo thì rách rưới, giày thủng lỗ chỗ, lại đang sốt do lây của những người đi đường. Vậy mà khi Bình nhắc đến chuyện từ chối sự lôi kéo của Đồng Minh Hội, mắt H sáng lên. H khuyên Bình phải gia nhập ngay Đồng minh Hội rồi tuyên truyền kéo người từ đó sang với Đảng.^{lxxiii} Sau khi ở lại Y lương vài ngày cho khỏe, cả đoàn lại lên đường và đến Côn minh trong những tuần đầu tiên của năm 1945. Đáng tiếc là khi đến nơi thì Shaw đã bay về Mỹ. H ở cùng với Tống Minh Phương, đại diện Việt minh tại địa phương, một sinh viên Hà nội sang đây từ năm 1943, mở quán ngay cạnh trụ sở OSS^{lxxiv}. H quyết định liên lạc với AGAS, hy vọng có thể nhờ họ dàn xếp gặp mặt với tướng Chennault, tư lệnh Sư đoàn không quân số 14. Đồng thời H cũng liên lạc với văn phòng OSS, những người đã giúp Phương gửi lá thư cho đại sứ Gauss.

H đã cực kỳ gặp may và đến CM đúng thời điểm. Cách đây vài tháng AGAS được chỉ thị ngoài việc cứu phi công còn phải tăng cường thu nhập thông tin tình báo về quân Nhật trong Đông dương. Nguồn chính của AGAS là nhóm được gọi là GBT (do tên đầu của 3 người: Canada LL Gordon, Mỹ: Harry Bernard và một người Mỹ gốc Tàu: Frank Tan). Nhóm này làm việc trong một hãng dầu và sử dụng các nguồn địa phương để thu nhập tin tức. Ngày 9/3/1945, Nhật chính thức truất quyền Pháp ở Đông dương, những người nước ngoài bị thuyền chuyển, theo dõi, thậm chí bắt giữ. Nhóm GBT tháo chạy sang Nam Trung hoa. AGAS mất một nguồn tin quan trọng. Các quan chức Mỹ ở Wasinhton tháo dỡ lệnh cấm, cho phép liên lạc với các nhóm kháng chiến chống Pháp để thu nhập tin tình báo (trước đây Mỹ từ chối liên lạc với các nhóm này vì sợ mất lòng Pháp). Khoảng giữa tháng 3, người chịu trách nhiệm về GBT ở AGAS - trung úy thủy quân lục chiến Charles Fen, được thông báo là có một cụ già đã từng cứu sống một phi công Mỹ, hiện đang ở Côn minh và có thể có những quan hệ trong nước để thu thập tin tình báo. Trung úy Fen vốn là một phóng viên sinh ra tại Ailen, được chuyển đến TQ vì biết tiếng Hoa và am hiểu châu á. Fen liền đề nghị sắp xếp cuộc gặp với H, lúc đó đang suốt ngày ngồi tại thư viện OWI đọc từ tờ *Thời báo đên Từ điển bách khoa Mỹ*. Cuộc gặp đã diễn ra ngày 17/3/1945 và được Fen ghi lại trong hồi ký của mình như sau:

Hồ đi cùng với một thanh niên tên là Fam. Không hoàn toàn như tôi tưởng. Nhất là H không “già”, tuy bộ râu bạc có dấu hiệu tuổi tác nhưng khuôn mặt đầy sức sống, đôi mắt tinh tường và ánh lên những tia sáng. Chúng tôi nói bằng tiếng Pháp. H đã gặp Hall, Blass và Sibours (những sĩ quan OSS khác) nhưng có vẻ như chẳng đi đến đâu.. Tôi hỏi ông muốn gì khi gặp bọn họ, H nói: chỉ cần sự công nhận tổ chức của ông ta (Việt minh). Đã từng nghe đến tổ chức này có xu hướng cộng sản, tôi liền hỏi luôn H. Ông ta trả lời: người Pháp gọi tất cả những người muốn độc lập là cộng sản. Tôi giải thích những yêu cầu của AGAS và hỏi không biết ông có giúp được không? H đồng ý ngay nhưng nói rằng ông ta không có điện đài viên cũng như các phương tiện kỹ thuật. Chúng tôi bàn với nhau về điện đài, máy phát và điện đài viên. H đề nghị dùng pin thay cho máy phát vì sợ ồn dễ bị quân Nhật phát hiện. Tôi nói, pin không dùng được vì không đủ công suất. Khi được hỏi muốn được chúng tôi giúp gì để trao đổi, Ho nói ngay: thuốc men và vũ khí. Tôi từ chối ngay vũ khí vì rất rách việc với Pháp. Chúng tôi lại thảo luận về Pháp. H khẳng định lại Việt minh là một tổ chức chống Nhật. Tôi rất ấn tượng về cách ăn nói gãy gọn của H. Nếu không để ý đến những ngón tay nhăn nheo luôn động đậy, đáng ngòi của ông

*ta rất giống Đức Phật. Fam ghi lại nội dung cuộc gặp và chúng tôi thống nhất sẽ gặp nhau nữa. Khi ra về cả hai để lại tên của họ viết bằng chữ Hán, có thể đọc phiên âm là *Pham Phuc Pao* và *Ho Tchi Ming**

Fenn trao đổi với các đồng nghiệp của mình và quyết định chuẩn bị gửi Già Hồ (mặc dù mật hiệu của H là Lucius, hội này vẫn thích gọi là Già Hồ) về Đông dương cùng với một điện đài viên người TQ. Ba ngày sau họ gặp lại

Chúng tôi gặp những người VN lần thứ hai tại một quán cafe trên đường Chin Pi. Có vẻ như chủ quán là bạn họ. Chúng tôi ngồi trên tầng 2, uống cafe fin, kiểu Pháp, rất đặc và ngon. Xung quanh chẳng có ai nhưng H bảo cứ phải cẩn thận. Chúng tôi gọi người TQ là “bạn”, Mỹ là “anh em”, Pháp là “trung lập”, Nhật là “chiếm đóng” còn người Việt nam là “bản xứ”. H nói rằng mang cả hai điện đài viên người Hoa đi rất dễ lộ đặc biệt là anh người Mỹ gốc Hoa. Nhóm của H thì lại hay nghi ngờ người Hoa. Tốt hết là để Frank Tan lại, sau đó gửi cho ông một sĩ quan Mỹ. H hỏi tôi có đi được không và tôi sẽ rất được hoan nghênh. Sau đó chúng tôi bàn về những đồ tiếp tế khác. Fam nhắc đến loại “thuốc nổ cao cấp” nào đó mà Hall đã hứa, làm tôi phải lờ ngay đi. Tuy nhiên chúng tôi thống nhất là có thể thả một số vũ khí nhẹ, thuốc men và một bộ điện đài nữa. Người của tôi sẽ huấn luyện quân H sử dụng điện đài. H còn muốn gặp Chennault. Tôi đồng ý thu xếp nhưng bắt H phải hứa không được mè nheo Chennault giúp đỡ bất cứ thứ gì. Già Hồ mặc quần bông, áo kaki cài cúc cổ màu cát, chòm râu bạc, thưa. Đôi mày nâu chuyển sang xám ở đuôi, tóc vẫn đen nhưng đã hơi rụng. Fam còn trẻ, mặc đồ âu, xương gò má cao, cằm bự. Cả hai nói chuyện thì thảm nhưng thỉnh thoảng như bị nén lại. Tóm lại là chúng tôi đã có cuộc gặp gỡ thú vị.

Sau cuộc gặp, Fenn kiểm tra lại thì biết rằng mặc dù Pháp dán cho Việt minh cái nhãn cộng sản, Trung hoa quốc dân đảng chỉ coi đây là một tổ chức cơ hội. Khi Fenn hỏi về chỉ huy sở ở Trùng khánh thì được lệnh: “cứ cái gì có lợi thì làm, có điều đừng can thiệp vào chuyện chính trị giữa Pháp và dân bản xứ”. Mấy ngày sau, Fenn thu xếp H gặp tướng Chennault tại chỉ huy sở của sư đoàn 14, sau khi đã nhắc lại H không được chính thức đề nghị giúp đỡ gì. H đến cuộc gặp vẫn trong bộ kaki cũ, có điều một chiếc cúc cổ bị mất đã được đơm lại. Chennault là người đặc biệt thích phô trương bề ngoài của mình nên diện bộ đại lễ phục nhà binh. Viên tướng này nổi tiếng ở Trung hoa nhờ chỉ huy phi đội “Phi Hồ” giúp Hoa kháng Nhật trong những năm 30. Trong cuộc gặp, Ch cảm ơn H đã cứu phi công Shaw và không đả động gì đến chính trị. H cũng làm đúng như lời hứa, không đòi hỏi giúp đỡ gì, lại còn tỏ ra tặng bốc đội Phi Hồ. Đến cuối buổi gặp, bỗng nhiên H ngó ý xin một tấm ảnh có chữ ký.

Chennault đặc biệt thích cho ảnh. Bởi vậy ông ta ấn nút gọi ngay thư ký riêng Doreen. Một cô gái mang vào một album dày 8x6. “Lấy một cái đi” Chennault nói. H chọn một tấm và nhờ Ch ký tặng. Doreen đưa ra chiếc Parker 51 và Ch viết vào tấm ảnh “Bạn chân thành của anh, Clair L. Chennault”. Và chúng tôi chui ra khỏi căn phòng để hoà với không khí rộn ràng của Côn minh.

Thế là HCM đã xây dựng được quan hệ với những quan chức Mỹ chủ chốt ở Côn minh. Tuy nhiên, Việt minh vẫn không được Mỹ chính thức thừa nhận và H phải bằng lòng với những sự trợ giúp hết sức khiêm tốn. Trước khi lên đường, H được Fenn cấp cho 6 khẩu Colt 45 mới cóng nguyên hộp. Cuối tháng 3.45, H và một điện đài viên nữa được máy bay Mỹ chở đến thành phố Paise, 60 dặm phía bắc Jingxi. Sau chiến dịch “Số 1” ở nam Trung hoa, tháng 11 năm ngoái, Nhật chiếm Lưu Châu, Trương Phát Khuê phải chuyển chỉ huy sở của quân đoàn 4 đến thành phố Paise này. Mục đích đến Paise của H là bắt

liên lạc với Đồng minh Hội để biến hội này thành phương tiện phục vụ các mục tiêu của Việt minh. Hội này hầu như đã tan rã sau khi H rời Lư châu tháng 8 năm ngoái, vì Tàu tưởng không quan tâm, một số thành viên không cộng sản chủ chốt thì lại quyết định quay về Vân nam. Thông qua đại diện của Việt minh là Lê Tổng Sơn, H thành lập “Ủy ban hành động” gồm toàn tay chân của mình. Để trấn an một số phần tử còn nghi hoặc, H xem ảnh có chữ ký của Chennault và phát cho mỗi thành viên một khẩu Colt. Tuy nhiên, vài ngày sau, Tiêu Văn, vốn rất nghi ngờ Việt minh, đã ra lệnh giải tán uỷ ban hành động để thành lập một uỷ ban khác có đông đảo đại diện hơn, bao gồm cả H. Không còn gì để làm, H lên đường về Pắc bó.^{lxxv}

Tháng tư 1945, đại úy Archimes ‘Al’ Patti tới Côn minh với chức vụ trợ lý cho đại tá Paul Helliwell phụ trách công tác của OSS tại Đông dương. Patti chiến đấu ở châu Âu đến 1/1944 thì được chuyển về phòng Đông dương tại trụ sở OSS ở Washinhton. Patti rất tôn trọng lịch sử và coi thường chế độ thực dân của Pháp. Trong thời gian lục lợi đồng tài liệu, Patti đã được biết về các hoạt động của Việt minh và vị lãnh đạo huyền bí của họ “Già Hồ”. Trong một cuộc họp ngay sau khi Patti nhậm chức, AGAS đã thông báo việc H đồng ý hợp tác tổ chức mạng lưới tình báo ở Đông dương. Một sĩ quan khác cũng cho biết H tham gia vào một chiến dịch tâm lý cùng với cơ quan tuyên truyền của Tưởng và sự hỗ trợ của văn phòng OWI^{lxxvi}. Rõ ràng là tổ chức của H là công cụ hợp lý nhất để Patti thực hiện các nhiệm vụ của mình, mặc dù có thể có những trở ngại trong quan hệ với Tưởng và phong trào nước Pháp Tự do. Có trong tay chỉ thị của Washington về việc thu nhập thông tin tình báo bằng mọi giá, Patti yêu cầu được gặp Hồ lúc đó đã rời Côn minh. Cũng may là ngay sau khi mới đến P có được tiếp Phương, đại diện Việt minh ở CM. Anh này cho biết có thể gặp H lúc đó đang ở Jingxi. Xếp của Patti ở Trùng khánh là Heppner hơi do dự vì lúc đó đại sứ mới của Mỹ là Hurley rất thân Tưởng và không thích những hoạt động của OSS nhằm xây dựng liên minh Quốc-Cộng. Hurley cảnh báo là Tưởng và Pháp sẽ rất không hài lòng nếu Mỹ liên lạc với Việt minh vì phòng nhì Pháp đã xác định chính xác H là Nguyễn ái Quốc. Tuy nhiên, ngày 26/4, Heppner nhận được công điện của tướng Albert Wedemayer, tư lệnh quân đội Mỹ ở Trung hoa cho phép tiến hành các hoạt động của OSS ở Đông dương. Heppner bật đèn xanh cho Patti, không quên dặn ông này đừng làm mất lòng Tưởng và Pháp. Ngày hôm sau Patti bay đến Jingxi và được đại diện Việt minh dẫn đi gặp H tại một ngôi làng cách thành phố chừng 10km. Sau khi thăm dò danh tính và quan điểm của đối tác, H nhanh chóng miêu tả tình hình Đông dương, thông báo rằng VM có thể tiến hành rất nhiều hoạt động chiến tranh và tình báo có hiệu quả nếu được cung cấp thuốc men, vũ khí và phương tiện liên lạc. Patti không cam kết nhưng hứa sẽ xem xét. Theo như hồi ký, có vẻ P rất hài lòng. Một tuần sau đó, H trở về Pacbo với đoàn tháp tùng hơn 40 người, trong đó có điện đài viên Mỹ, anh Mac Shin và Frank Tan, thành viên cũ của nhóm GBT. H bắt đầu cung cấp những thông tin bổ ích, trong đó có cả thời tiết, cứu sống một số phi công Mỹ. OSS cũng thả dù thêm một bộ điện đài, vũ khí và thuốc men. Việt Minh đã chính thức chiến đấu cùng với lực lượng đồng minh.

Tình hình tại chiến trường Thái bình dương càng ngày càng thuận lợi cho quân Đồng minh. Các thành phố Nhật tan hoang do các phi đội B29. Nhà trắng xem xét phương án tấn công Đông dương với sự hỗ trợ của quân Tưởng từ phía Nam trung hoa đánh xuống. Trong khi đó, tại Đông dương, nạn đói đang hoành hành do hạn hán từ cuối năm 1944, cộng với việc trưng thu thóc và bắt nhổ lúa trồng đay của quân Nhật. Chính quyền Nhật từ chối mở cửa các kho thóc hay tăng cường việc vận chuyển gạo từ phía nam ra. Nông

dân ăn hết khoai sắn, chuyển sang các loại rau, củ, cùng đường phải ăn vỏ cây, lá cây. Nạn đói lan dần đến thành phố. Giá hàng tiêu dùng phi mã. Thị dân phải đem đổi các đồ dùng trong nhà để mua gạo. Xác chết chất đống 2 bên đường, nông dân lang thang từng đám kiếm ăn^{lxxvii}. Cho dù hậu quả của cơn đói có nặng nề thế nào đi nữa, nó đã cho Việt minh một cơ hội vàng để thu phục lòng dân. VM đã kích động nông dân phá kho thóc để chia cho dân nghèo, khơi dậy lòng căm thù cả Pháp và Nhật đã gây ra nạn đói. Sau chiến thắng ban đầu tại Nà ngán, Phai khắt, đội quân của Giáp tiến lên phía bắc gần biên giới Việt – Trung, giải phóng các làng dân tộc 2 bên đường. Khi quân Pháp phản kích ác liệt, Giáp lui về khu rừng nằm giữa Cao bằng và Bắc cạn, gọi là chiến khu Hoàng Hoa Thám, cùng với Vũ Anh và Phạm Văn Đồng bàn kế hoạch Nam tiến.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, thành lập chính phủ bù nhìn do Bảo đại cầm đầu. Vì thế toàn bộ vùng phía bắc châu thổ sông Hồng trở nên mảnh đất màu mỡ cho cách mạng phát triển. Trước đó 1 ngày, thấy trước tình huống Trường Chinh đã triệu tập cuộc họp trung ương tại làng Đình Bảng, khoảng 12 dặm phía bắc Hà nội. Phân tích các yếu tố có lợi: khoảng trống quyền lực do cuộc đảo chính, nạn đói và khả năng Đồng minh tấn công Đông dương, TƯ đã ra nghị quyết đặt ưu tiên cao nhất cho đấu tranh quân sự, phát triển các căn cứ du kích, mở rộng cơ sở chính trị của Việt minh và tập hợp các đội quân khác nhau dưới chung một ngọn cờ Giải phóng quân Việt nam. Tuy nhiên Trường Chinh cũng cẩn thận nhắc các cơ sở Đảng không được manh động, chỉ hoạt động phía sau lưng Nhật để đợi cho quân Đồng minh bắt đầu tiến công mới được ra tay. Trong trường hợp Nhật đầu hàng trước khi Đồng minh tấn công, cũng có thể lợi dụng cơ hội để tổng khởi nghĩa. Trước khi rời Côn minh, H đã gửi văn bản ký tên Lục cho OSS để đưa ra nhận định của mình về sự kiện 9/3. Mục tiêu của văn bản này là thuyết phục Đồng minh tấn công Đông dương. Như mọi khi, H dùng ngôn ngữ ví von: *“từ đảo Nhật bản đến New Guinea, quân Nhật như con rắn mà cổ nó là Đông dương. Nếu đập gãy cổ, con rắn sẽ hết cựa quậy”*. Lục nhận xét: *“Con sói thực dân Pháp đã bị phát xít Nhật hất khỏi Việt nam sau 87 năm. Đối với thế giới đang chiến tranh, sự kiện đó chỉ là tích tắc, nhưng chắc chắn nó sẽ có hậu quả sâu sắc đối với Đông dương, Pháp, Nhật và Trung quốc”*^{lxxviii} Tại Cao bằng các lãnh đạo đảng cũng đưa ra nhận định của mình phải tăng cường cuộc đấu tranh vũ trang. Giáp đưa đội quân của mình Nam tiến, giải phóng các làng trên đường và liên tục tuyển mộ quân. Sau khi vượt qua Chợ Chu, cuối cùng Giáp đã hội quân với Cứu quốc quân của Chu Văn Tấn ở một làng nhỏ có tên là Kim Lũng nằm sâu trong rừng giữa Thái nguyên và Tuyên quang. Đầu tháng 4/1945, TƯ quyết định tổ chức hội nghị quân sự tại Hiệp hoà. Hội nghị đã đưa ra nhận định, chỉ tổng tấn công khi quân Đồng minh đã đánh nhau với quân Nhật bên trong Đông dương, hoặc khi Nhật đã đầu hàng Đồng minh trước đó. Cũng trong hội nghị này, Giáp được tin vợ mình (Nguyễn Thị Minh Thái) đã chết trước đó 3 năm. Được tin H đã trở lại VN, về đến Cao bằng sau hội nghị, Giáp lập tức lên đường đi đón.

Cuối tháng 4, H về đến Pacbo và gửi báo cáo tình báo đầu tiên cho Patti, kèm theo hai bức thư: một cho các lãnh đạo Đồng Minh và một cho tổ chức vừa mới thành lập là Liên hợp quốc. Nội dung của cả hai bức thư là đề nghị công nhận Việt minh và Việt nam. Cả hai tài liệu này đều được đứng tên là Đảng Dân tộc Đông dương, tổ chức tự xưng là đã thành lập Đồng minh Hội, sau đó sát nhập với Việt minh. Patti đã chuyển các tài liệu này cho chính quyền Mỹ ở Trùng khánh. Ngày 4/5, trong vai một ông già Nùng được các vệ sĩ và nhóm AGAS tháp tùng, H lên đường đi Kim Lũng, nơi hội quân của các lực lượng cách mạng. Tại Lam sơn họ gặp Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng và Vũ Anh. H gửi

báo cáo cho Fenn cảm ơn ông này đã gửi thiết bị liên lạc và huấn luyện cho quân. Ngày 9/5 cả đoàn đi Ngân sơn. Ngày 17, tại Nhà kiên H gặp Giáp đang đi lên phía bắc. Hai người chưa gặp nhau từ cuối năm ngoái khi thành lập Việt nam tuyên truyền giải phóng quân. Giáp báo cáo với H về tình hình trong nước và kết quả của hội nghị Hiệp hoà. H cũng thông tin về tình hình thế giới. Cả hai bàn bạc việc chọn địa điểm để xây dựng căn cứ địa cách mạng và đã thống nhất chọn Kim Lũng. Cảm nhận được ngôi làng nhỏ bé này sẽ trở thành địa danh lịch sử của cách mạng Việt nam, H đã quyết định đổi tên thành Tân Trào (Thuỷ triều mới).

Cả đoàn tiếp tục nam tiến, ngày 21/5 họ vượt sông Đáy, đến Tân trào. Thoạt đầu H ở trong một nhà dân, còn hai sĩ quan liên lạc Mỹ được cho ở ngoài rừng. Sau đó dân làng đã dựng lên một ngôi nhà sàn để làm trụ sở. Còn H đích thân chọn chỗ để dựng lán cho mình trong một khu rừng tre. Để chuẩn bị khởi nghĩa, H ra lệnh triệu tập Hội nghị cán sự vào đầu tháng 6. Hội nghị đã thống nhất tất cả các lực lượng vũ trang tại 6 tỉnh Việt bắc (Cao bằng, Bắc kạn, Lạng sơn, Hà giang, Tuyên quang, Thái nguyên) thành Quân giải phóng Việt nam (VLA). Chính quyền dân sự do Ủy ban lâm thời điều hành, tiến hành tuyên cử bầu ra các cơ quan hành chính địa phương, cải cách ruộng đất và xoá mù chữ. Giáp được chỉ định đứng ra để điều phối các công việc tương tự trong toàn quốc, dưới sự cố vấn của H. Trong hai tháng tiếp theo, một nhiệm vụ quan trọng của H là giữ vững liên lạc với các nhà bảo trợ Mỹ ở Nam Trung quốc. Trong một báo cáo, H đã đề nghị sử dụng đội du kích hàng ngàn người ở Chợ Chu để tấn công quân Nhật. Mặc dù e ngại những rắc rối chính trị khi có quan hệ chính thức với Việt minh, Patti vẫn được cấp trên là đại tá Helliwell “bật đèn xanh”, sau khi thấy rõ sự bất lực của đội tàn quân Pháp chạy trốn do tướng Gabriel Sabatier chỉ huy. Patti điện cho H chuẩn bị một sân bay nhỏ để tiếp đón vũ khí và quân đội. Ngày 30/6 H đồng ý tiếp nhận với điều kiện không được có người Pháp tham gia vào chiến dịch. Trung uý Dan Phelan được thả dù xuống Tân trào từ trước làm đại diện cho OSS. Ngày 16/7, thiếu tá Allison Thomas cùng đội “Con nai” của OSS nhày dù xuống Tân trào để nghiên cứu tình hình và giúp đỡ Việt minh chống Nhật trong sự chào mừng của hàng trăm du kích. Thomas kể lại:

Tôi được dẫn đến gặp Ông Hồ, một lãnh đạo lớn của VML (Việt minh League). Ông ta nói tiếng Anh thành thạo, nhưng trông rất yếu vì mới đi bộ từ TQ về. Người ta đã dựng cho chúng tôi những cái lán tre có sàn cao và mái lợp lá cọ. Người ta còn giết một con bò để chiêu đãi, và chúng tôi được chén bữa tối gồm bia, cơm, măng rừng và beefsteak.

Cũng có những người trong nhóm Con nai không được chào đón. Ví dụ như trung uý Pháp Montfort. Sáng hôm sau, H nói với Thomas: “Tôi không có vấn đề gì với người Pháp, nhưng nếu quân tôi mà biết tay này là người Pháp, họ đã bắn chết tươi rồi”.

Montfort cùng hai sĩ quan Pháp nữa được lệnh biến khỏi làng càng sớm càng tốt và nhập vào đoàn người di tản sang TQ. Sau đó H gọi một tay đầu bếp đến để dạy cách quay gà theo kiểu Mỹ, và sai người đi kiếm vài chai Sâmpanh và Dubonnet để mở tiệc chào mừng.

Ngay ngày hôm sau, H đã đề nghị qua Thomas báo cáo với chính quyền Mỹ là Việt minh sẵn sàng đàm phán với đại diện cấp cao của Pháp. Patti đã chuyển thông điệp này cho thiếu tá Jean Sainteny, đại diện của phái bộ quân sự Nước Pháp Tự do mới được cử đến để tiếp nhận lại Đông dương sau chiến tranh. Vài ngày sau, H lại gửi lời kêu gọi sẵn sàng tiếp xúc với Pháp ở trong Đông dương hoặc Trung quốc. Trong lời kêu gọi, H đề nghị tổ chức nghị viện thông qua bầu cử phổ thông đầu phiếu, trả lại các nguồn tài nguyên cho nhân dân Việt nam, cấm buôn bán thuốc phiện, và cam kết phục hồi độc lập cho Việt nam

theo những quy định của Hiến chương LHQ trong vòng từ 5-10 năm. Pháp vẫn lờ đi những đề nghị của H.

Trong lúc đó các sĩ quan Mỹ vẫn tiếp tục huấn luyện hơn 100 quân du kích cách sử dụng các loại vũ khí Mỹ (súng trường M1, carbin, bazooka) và các kỹ thuật chiến tranh du kích tại một địa điểm cách Tân trào khoảng 2 dặm. Henri Prunier, một “thầy” Mỹ tỏ ra rất ấn tượng về khả năng học hỏi nhanh của quân du kích. H cũng nhanh chóng đã thông về mặt tư tưởng cho các sĩ quan Mỹ. Thomas đã viết trong một báo cáo gửi về Côn minh: “*Quên ngay mấy cái nghi ngờ vớ vẩn. VM không phải là cộng sản. Đấu tranh cho tự do và cải cách nhằm thoát khỏi sự tàn bạo của Pháp*”. Phelan cũng đã từng ngần ngại tham gia chiến dịch này vì nghe đồn là H có tư tưởng cộng sản. Một lần H hỏi Phelan có nhớ những câu mở đầu của tuyên ngôn Độc lập Mỹ để ông ta cho vào bản tuyên ngôn Độc lập của đất nước mình. “*Nhưng rõ ràng là ông ta biết nhiều hơn tôi*” Phelan nhớ lại và báo cáo VM “*... là những người yêu nước đáng được sự tin cậy và giúp đỡ toàn diện*”. Sau này, Phelan cũng không bao giờ thay đổi lập trường của mình. Nhiều năm sau, ông đã trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Robert Shaplen, miêu tả H như “*Một con người cực kỳ dễ chịu. Nếu tôi phải chọn một tính cách của con người nhỏ bé đó, ngồi trên ngọn đồi trong những cánh rừng già, thì đó chính là sự dịu dàng của ông ta*”.^{lxxix}

Sức khỏe của H vốn đã suy sụp sau khi mắc bệnh lao trong những tháng ngồi tù ở TQ, lại bị dày đọa bởi chuyến đi bộ sang Côn minh. H đã bị ốm nặng trên đường đến Jingxi những vẫn tiếp tục hành trình của mình. Giờ đây H đang rất yếu. Võ Nguyên Giáp kể lại: *Bác ốm. Mặc dù mệt và sốt, Bác vẫn tiếp tục làm việc. Ngày nào lên báo cáo tình hình tôi cũng cảm thấy lo lắng. Nhưng Bác nói: “yên tâm, mọi sự sẽ qua thôi, báo cáo tình hình cho Bác đi”. Tuy nhiên tôi nhận thấy B yếu đi và gầy đi rõ ràng. Chúng tôi chẳng có thuốc thang gì ngoài mấy viên aspirin và ký ninh nhưng tình hình vẫn xấu đi. Một hôm tôi thấy B mệt lả đi, bình thường trừ những lúc ngủ, B chắc bao giờ chịu nằm nhưng giờ đây B nằm sốt li bì trong ổ rom. Trong những đồng chí hay ở bên B chỉ còn tôi lúc đó đang ở Tân trào. Tôi xin phép B được ở lại cùng với người một đêm, chỉ thấy B hơi mở mắt và khẽ gật đầu đồng ý. Đêm tối mịt mùng và rừng sâu bao quanh căn lán nhỏ. Mỗi khi tỉnh dậy, B lại quay lại tình hình hiện tại: “điều kiện đang rất thuận lợi cho cách mạng, dù có phải đốt cháy dãy Trường sơn cũng phải dành cho được độc lập”, B nhắc lại những quan điểm vẫn hay thường nói hàng ngày: “trong chiến tranh du kích, khi phong trào lên, phải tận dụng thời cơ để mở rộng căn cứ, chuẩn bị cho những thời điểm quyết định”. Dù không muốn tin, tôi vẫn nhận ra rằng, có lẽ B đang cố gắng truyền lại những lời di chúc cuối cùng của mình. Cứ thế suốt đêm, mê man nói tiếp những phút tỉnh táo. Sáng hôm sau, tôi báo tin ngay lập tức cho Trung ương, đồng thời hỏi bà con dân tộc xem có ai có bài thuốc gì. Dân làng mách có một ông lang chuyên chữa sốt. Tôi liền cử người đi đón về ngay. Sau khi bắt mạch, ông lang sắc một niêu thuốc từ một thừ rễ cây ông đào trong rừng, hoà với một bát cháo và đút cho B. Điều kỳ diệu đã xảy ra. B tỉnh dậy. Ngày hôm sau, B uống thêm 2, 3 bát thuốc nữa. Con sốt lui dần, B đã đứng dậy được và có thể tiếp tục công việc.*^{lxxx}

Về chuyện này, người Mỹ có một câu chuyện khác. Một nhân viên OSS là y tá. Anh này đã khám bệnh cho H, chẩn đoán là sốt rét và ỉa chảy và đã tiêm mấy mũi kí ninh cùng với sulfa. Không rõ điều này có tác dụng đến đâu, Thomas ghi lại sau này: “*Mặc dù H bệnh nặng, nhưng tôi cũng không chắc chắn là nếu không có chúng tôi thì ông ta sẽ chết*”. Viên y tá đã khám cho H là Paul Hoagland thì một mực cho rằng chính thuốc của ông ta đã cứu sống H.

Đầu tháng 8, sau khi nghe tin Mỹ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima, H đã chỉ thị cho tổng bộ Việt minh từ khắp nước ngay lập tức cử đại biểu về Tân trào để tham dự Quốc dân Đại hội. Ngày đại hội dự kiến là ngày 16/8. Hội nghị TƯ đảng lần thứ 9 được dự kiến họp trước đó 3 ngày. Qua chiếc radio của Thomas, H cảm được cuộc chiến đã đến hồi kết: thành lập Liên hiệp quốc, Mỹ thả quả bom nguyên tử thứ hai, Nga trực tiếp tham chiến. Trước đó sau một hồi lưỡng lự, H đã đồng ý đi gặp phong trào Nước Pháp tự do tại Côn minh. Có lần H đã ra đứng đợi ở đường băng nhưng vì thời tiết xấu máy bay không hạ cánh được. Sau sự kiện Hiroshima, H đã huỷ bỏ ý định này. Ngày 12/8, các lãnh đạo Đảng đã quyết định kêu gọi tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, và quyết định vẫn triệu tập Hội nghị TW lần thứ 9 vào ngày hôm sau mặc dù một số đại biểu vẫn chưa đến được. Hội nghị đã bầu ra Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh làm chủ tịch và ra lời hiệu triệu khởi nghĩa. Ngày 16/8 Tổng bộ Việt minh tiến hành Đại hội Quốc dân tại Tân trào. Có hơn 60 đại biểu từ khắp nước về dự. Có người đã phải đi hàng tuần. Nhiều người mang theo quà là gạo và thịt. Một đại biểu dân tộc còn dắt theo cả một con trâu. Đại hội được tiến hành trong một ngôi đình 3 gian bên bờ suối. Gian trái treo ảnh Lenin, Mao và tướng Clair Chennault, gian giữa bày các vũ khí chiếm được của Nhật còn gian phải là thư viện kiêm luôn nhà ăn của các đại biểu. Sau khi Trường Chinh khai mạc, HCM lên phát biểu. Do Ban tổ chức chỉ giới thiệu HCM như một nhà cách mạng lão thành nên nhiều đại biểu cũng không rõ nhân thân của H. Tuy nhiên sau đó đã có tiếng thì thầm, HCM chính là Nguyễn ái Quốc. Trong bài phát biểu của mình, H nhắc lại việc phải nhanh chóng chiếm chính quyền để có thể chào đón quân đồng minh trên thế mạnh. Tránh đối đầu mà dùng biện pháp mềm dẻo để thu phục quân Nhật. H cũng cảnh báo rằng Pháp có thể dựa vào Đồng minh để mở cuộc tiến công chiếm lại Đông dương và chúng ta sẽ phải tiến hành cuộc đấu tranh kéo dài để có được nền độc lập hoàn toàn. Đại hội đã phê duyệt “10 quốc sách” của Việt minh, quyết định quốc kỳ, quốc ca của nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà, một quốc gia dân chủ, theo đuổi sự công bằng kinh tế và xã hội. Đại hội cũng bầu ra Ủy ban giải phóng Dân tộc gồm 5 người do HCM làm Chủ tịch, sẽ chỉ đạo khởi nghĩa và hoạt động như chính phủ lâm thời. Ngày hôm sau, H đã cùng các đại biểu làm lễ tuyên thệ ngay trên bờ suối. Bản “Kêu gọi khởi nghĩa” được phát ra *Giờ quyết định cho dân tộc đã điểm. Hãy đứng lên giải phóng bản thân mình. Các dân tộc bị áp bức trên thế giới đều đang đua tranh giành lại độc lập, chúng ta không thể lạc hậu. Tiến lên, Tiến lên dưới ngọn cờ Việt minh, Dũng cảm tiến lên.* Đây cũng là văn bản cuối cùng được ký tên NGUYỄN ÁI QUỐC

Những ngày tháng 8

Ngày 14/8, tiếng súng chiến tranh lặng im trên toàn châu Á. Nhật đã đầu hàng và tướng Mc Carthur bay đến vịnh Tokyo để ký kết các điều kiện đầu hàng với Hoàng gia Nhật bản trên chiến hạm Missouri. Từ các căn cứ địa của mình trên vùng rừng núi Tân trào, Việt minh bắt đầu hành động. Ngày 16, cùng ngày với Đại hội quốc dân, các đơn vị của Giáp do nhóm Con nai hộ tống bắt đầu tiến về phía Nam. Lác đác tại một số vùng nông thôn Bắc bộ, nơi nạn đói và lụt lội đã cướp đi sinh mạng của hơn 1 triệu người trong nửa năm đầu, dưới sự chỉ đạo của các hội Việt minh địa phương, nông dân đã nổi dậy cướp chính quyền, phá kho thóc và thành lập các Ủy ban giải phóng nhân dân địa phương. Ngày 19/8 tại Thái nguyên, khi quân của Giáp ăn mặc chỉnh tề tiến vào thành phố và được nhân dân nhiệt liệt chào đón, lực lượng bảo an và các quan chức chính phủ lâm thời của Trần Trọng Kim đã nhanh chóng đầu hàng. Tuy nhiên quân Nhật đồn trú đã kiên

quyết kháng cự. Được tin, TƯ đã ra lệnh cho Giáp chỉ để lại một đơn vị nhỏ, còn lại tiến thẳng về thủ đô. Tình hình cũng xảy ra tương tự ở Tuyên quang.

Ở Hà nội, tin Nhật sắp đầu hàng được rỉ tai nhau từ ngày 11/8. Cơ quan đảng dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Khang đã tích cực chuẩn bị cho khởi nghĩa cướp chính quyền từ tay quân Nhật. Họ đợi ngày này đã lâu. Mặc dù chỉ có khoảng hơn 50 đảng viên ở trong thành phố, đảng đã tổ chức được hàng ngàn người bất mãn với chính quyền hiện tại vào các Hội cứu quốc của Việt minh. Tại ngoại ô, nông dân được huy động để sẵn sàng tràn vào thành phố hỗ trợ cuộc khởi nghĩa.^{lxxxii}

Tình hình kinh tế ở Hà nội cũng có lợi cho cách mạng. Đồng bạc Đông Dương bị mất giá trầm trọng, chỉ trong mấy tháng giảm từ 0.25 \$ xuống còn 0.10. Chi phí sinh hoạt tăng 30 lần so với trước chiến tranh. Các tầng lớp trung lưu bắt đầu có cảm tình với Việt minh, nhiều người bí mật mua trái phiếu Việt minh. Trong hai tuần đầu tháng 8, đảng tìm cách cài người vào các đơn vị quân đội đóng trong thành phố và thiết lập quan hệ với đại diện của triều đình ở Bắc bộ Phan Kế Toại (ông này có con tham gia Việt minh). Ngày 13/8, Toại gặp Nguyễn Khang và khuyên Việt minh tham gia thành lập chính quyền cùng Bảo Đại để đón tiếp quân đồng minh. Khang từ chối và đề nghị Bảo Đại thoái vị nhường chính quyền cho chính phủ cộng hòa. Toại hứa sẽ truyền đạt thông điệp đó cho triều đình. Cùng ngày, tại Huế Trần Trọng Kim xin từ chức vì bất lực trước tình hình (ông này trước đây là nhà sử học) và trao quyền lại cho một chính phủ lâm thời. Các phần tử không cộng sản ở Hà nội đã thành lập ra Ủy ban cứu quốc, tự xưng là đại diện cho chính phủ lâm thời mới này. Ngày 15/8 sau khi Tokyo ký văn bản đầu hàng, quân Nhật tại Hà nội ngay lập tức bàn giao quyền lực cho chính quyền lâm thời. Xứ uỷ Bắc kỳ họp khẩn cấp tại Hà Đông trước tình hình mới. Mặc dù chưa có chỉ thị gì từ Tân trào, cuộc họp vẫn quyết định tổng khởi nghĩa tại các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ, tiến tới giải phóng thủ đô. Nguyễn Khang được giao chỉ huy Ủy ban khởi nghĩa vũ trang gồm 5 người. Tối ngày 16/8, người Hà nội pháp phòng chờ đón số phận của mình. Ánh đèn rực rỡ từ những khung cửa sổ khách sạn đối lập với màn đêm đen đặc và những ngọn đèn đường tù mù vì sợ bị oanh tạc. Tại một rạp chiếu bóng gần hồ Hoàn Kiếm bỗng vang lên những tiếng súng lục: Việt minh chiếm sân khấu và kêu gọi khởi nghĩa. Một sĩ quan Nhật chạy ra ngoài lập tức bị bắn chết, nằm trên đường mấy tiếng đồng hồ không ai thèm ngó tới. Ngày 17, Hội đồng tư vấn Bắc bộ, một tổ chức bù nhìn do Pháp lập ra cách đây 2 thập kỷ, họp tại Tòa Thống sứ. Thành viên của Hội đồng này chủ yếu là thành viên của đảng Đại Việt và cũng chiếm chân trong Ủy ban cứu quốc vừa được thành lập 4 ngày hôm trước. Hội đồng quyết định kêu gọi cuộc biểu tình của dân chúng để ủng hộ Bảo Đại. Trưa ngày 17, trong lúc HĐ còn đang họp, các đảng phái thân chính phủ lâm thời của Trần trọng Kim đã tổ chức một cuộc miting lớn với gần 20000 người tham dự ngay trước cửa Nhà hát Lớn. Khi cuộc miting còn đang diễn ra, các phần tử vũ trang Việt minh đã nhảy lên cướp khán đài, giật cờ triều đình, treo cờ đỏ sao vàng. Nguyễn Khang đã lên phát biểu kêu gọi quần chúng ủng hộ Việt minh giành lại độc lập cho dân tộc. Cuộc miting đã kết thúc trong hỗn loạn, dòng người đội mưa tiến về Bắc bộ phủ, Tòa Thống sứ và khu phố cổ.

Trong khi đó, dưới sự chỉ huy của Ủy ban khởi nghĩa vũ trang, nông dân các làng ngoại ô đã chiếm chính quyền và tổ chức thành các đơn vị dân quân với giáo mác và vài khẩu súng kíp, sẵn sàng tràn vào nội thành vào sáng hôm sau. Đêm 17, là một đêm mùa hè nóng nực. Các lãnh đạo Đảng bí mật họp tại một địa điểm ngoại ô và quyết định khởi nghĩa vào ngày 19/8. Họ ước tính có khoảng 100,000 người hay 1/2 dân số nội thành ủng hộ Việt minh, thêm vào đó là các đơn vị dân quân ở ngoại ô sẵn sàng tiếp viện. Trong

ngày 18, vũ khí sẽ được tuồn vào và các đội xung kích sẽ án ngữ các vị trí quan trọng. Đêm ngày 18, các uỷ viên UBKNVT lặng lẽ đột nhập Hà nội.

Rạng sáng chủ nhật, ngày 19/8. Dòng người từ các huyện Thanh trì, Thường tín, Phú xuyên, cuộn cuộn đổ vào thành phố hoà cùng với công nhân, sinh viên, tiểu thương và các công chức tò mò, bắt đầu tụ tập trước quảng trường Nhà hát Lớn. Đàn ông mặc áo nâu, đi dép cao su, đàn bà áo nâu, chít khăn mỏ quạ, đi giày cỏ. Rợp trời cờ đỏ sao vàng. Cuộc diễu hành bắt đầu bằng phút mặc niệm các chiến sĩ đã ngã xuống vì độc lập dân tộc. Dàn nhạc chơi giai điệu mới “Đoàn quân Việt nam đi”, các lãnh đạo Việt minh tuyên bố lệnh Tổng khởi nghĩa. Đoàn người chia làm nhiều ngả chiếm Bắc bộ phủ, Dinh Toàn quyền, Trụ sở báo an và các địa điểm quan trọng khác. Họ hầu như không gặp sự chống đối nào, ngoại trừ một chút khó khăn ở Bắc bộ phủ. Sau khi đàm phán, quân Nhật tuyên bố sẽ không can thiệp. Uỷ ban cứu quốc bù nhìn hoàn toàn bị tan rã. Đến cuối ngày, toàn bộ thành phố đã nằm trong tay quân khởi nghĩa. Đoàn diễu hành đi khắp các phố hát vang những bài ca cách mạng và hô khẩu hiệu đòi độc lập dân tộc. Chắc chắn là rất ít người trong số họ hiểu Việt minh là ai và tại sao lại có thể đại diện cho dân tộc. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Thái bình dương đã kết thúc và viễn cảnh được đá đít Pháp cũng đã đủ để ăn mừng.

Ngay trong đêm 19, lãnh đạo Xứ uỷ gửi chỉ thị đi khắp nơi: “Hành động như Hà nội, nếu quân Nhật kháng cự, hãy tiêu diệt, dành chính quyền bằng mọi giá”. Làn sóng khởi nghĩa mau chóng lan rộng và đến ngày 22/8, cờ đỏ sao vàng đã bay khắp các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ. Quân Nhật ở Thái nguyên cũng đồng ý hạ vũ khí vào sáng hôm sau. Tình hình miền Trung, đặc biệt ở Huế có vẻ phức tạp hơn. Do không có vùng giải phóng để huy động lực lượng, thông tin từ Tân trào thì phải hàng mấy ngày mới đến, dân nội thành thì toàn là công chức và quan lại, không có đông công nhân, tiểu thương, sinh viên, chỉ bộ Đảng ở đây chủ yếu phải dựa vào những chỉ thị từ hội nghị tháng 3 để chuẩn bị lực lượng trong các làng ngoại ô. Ngày 21/8, Hà nội gửi điện yêu cầu Bảo đại thoái vị. Nhà cách mạng, nhà thơ trẻ Tố Hữu được phái vào kích động phong trào. Sáng 22/8, hơn 100,000 tụ tập trước cửa Ngọ môn để chứng kiến Uỷ ban khởi nghĩa chiếm chính quyền mà không gặp phải sự kháng cự nào của quân Nhật.

Nam bộ tỏ ra khó nhằn đối với Việt minh. Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, tất cả các lãnh đạo Đảng hoặc chết hoặc đang ở trong trại giam. Các đảng phái dân tộc chủ nghĩa mọc ra như nấm dưới sự cai trị của Nhật, hô hào khẩu hiệu nhái theo học thuyết Monroi: “Châu á của người châu á”. Chính quyền Pháp thì bám vào tầng lớp thị dân Sài gòn và một số thành phố thuộc đồng bằng sông Cửu long. Trong hoàn cảnh đó, cựu học viên của trường Stalin, Trần Văn Giàu, sau khi trốn khỏi nhà tù, quyết định xây dựng lại từ đầu. Vì mất liên lạc với TU, xứ uỷ Nam kỳ quyết định hành động theo chỉ thị của Hội nghị 6 năm 1939, kêu gọi chuẩn bị lực lượng để tổng khởi nghĩa. Không có rừng núi như Việt bắc làm chiến khu, Giàu tập trung nỗ lực vào khu đô thị Sài gòn – Chợ lớn, cùng lúc xây dựng phong trào tại các vùng nông thôn. Giàu thường lấy những người thiếu số Bônsevic, nhờ huấn luyện kỹ đã dành được chính quyền, để động viên tinh thần anh em. Đầu năm 1945, Đảng đã điều khiển được hoạt động của hơn 70 tổ chức công đoàn gồm gần 3000 công nhân. Sau cuộc đảo chính tháng 3, lợi dụng tình hình nhốn nháo, Đảng thừa cơ nắm quyền lãnh đạo tổ chức Thanh niên Tiền phong do Nhật dựng lên. Dưới sự lãnh đạo của Phạm Ngọc Thạch (con trai ông Phạm Ngọc Thọ, người đã từng gặp H ở Quy nhơn khi H trốn vào nam năm 1908), tổ chức này đã phát triển nhanh chóng, và đến tháng 8 năm 1945 đã có hơn 1 triệu thành viên ở tất cả các tỉnh của Nam bộ. Ngày 14/8,

Nhật chuyển giao quyền lực. Thừa cơ, ngày 16, khi Sứ thần của Bảo đại là Nguyễn Văn Sâm chưa đến nơi, các phần tử dân tộc không cộng sản lập ra Mặt trận Quốc gia Thống nhất, chiếm lấy chính quyền. Cũng lúc đó, ngày 14 Giàu đã họp các đồng chí của mình để chuẩn bị khởi nghĩa. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm cay đắng năm 1940, nhiều người do dự vì Việt minh không có vũ khí để vũ trang cho dân quân và Thanh niên Tiền phong. Thêm vào đó, họ cũng chẳng có thông tin gì về kế hoạch của các đồng chí phía Bắc. Cuối cùng cuộc họp quyết định khởi nghĩa “thử” ở một số xã nông thôn, rồi sẽ xem tiếp. Cuộc thử nghiệm đã diễn ra suôn sẻ ở Tân An, một thị trấn nhỏ phía Nam Sài gòn. Ngày 20, sau khi nghe tin Hà nội thành công, Giàu đã yêu cầu Mặt trận Quốc gia từ chức vì quá dính líu với Nhật, chắc chắn sẽ không được Đồng minh chấp nhận. Giàu thông báo chỉ có Việt minh mới được sự hỗ trợ hoàn toàn của Đồng minh. Đang hoang mang, Mặt trận lại được tin Bảo đại đã gửi điện đề nghị Hà nội lập chính phủ cộng hoà thay thế Trần Trọng Kim, cả hội vội vàng giải tán. Ngay lập tức Giàu thành lập Uỷ ban Nam bộ do chính ông làm chủ tịch, triệu tập cuộc họp Xứ uỷ, quyết định khởi nghĩa vào ngày 25. Sáng 25, các đội xung phong chiếm các trụ sở và nhà máy. Nông dân rầm rập tiến vào từ ngoại ô, hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc, đả đảo thực dân, Việt nam của người Việt nam, Tất cả chính quyền cho Việt minh. Tuy Việt minh tránh đối đầu với quân Nhật, vẫn xảy ra những cuộc đụng độ với người châu Âu. Đã xảy ra một số vụ thảm sát người châu Âu trên đường phố Sài gòn. Chiều ngày 25, Uỷ ban Nam bộ với 6 thành viên là Việt minh đã tuyên thệ nhậm chức chính quyền tạm thời. Đài Việt minh thông báo: “Khởi nghĩa đã thắng lợi tại thành phố Hồ Chí Minh”^{lxxxii}

Ngày 22/8 HCM rời Tân trào, tối hôm đó H đến Thái nguyên, nghỉ đêm và tiếp tục theo đường số 3 xuôi về Hà nội. Sáng 25, Giáp, Trần Đăng Ninh đón và báo cáo tình hình với H tại làng ngoại ô Ga. Trưa hôm đó, Trường Chinh chở H qua cầu Long biên đến tầng tầng trên cùng của một ngôi nhà 3 tầng trên phố Hàng Ngang. Sau 55 năm, HCM đã có mặt tại Hà nội^{lxxxiii}. Ngày hôm sau, H chuyển xuống tầng 2 vốn là tầng để ăn, ở cùng với Giáp, Ninh. H làm việc với một cái máy chữ cũ trên bàn ăn và ngủ trên giường xếp, Giáp và Ninh thì ngủ trên chõng và 2 chiếc ghế xếp lại. Đối với hàng xóm, họ chỉ là những hộ hàng từ quê ra.

Ngay buổi trưa đến HN, H đã triệu tập Uỷ ban thường vụ TƯ để bàn việc ra mắt chính phủ lâm thời. H đề nghị mở rộng thành phần chính phủ được bầu ở Tân trào, nhấn mạnh lẽ ra mắt phải được tổ chức trước càng đông dân chúng càng tốt. Tất cả mọi việc đều phải hoàn thành trước khi quân Đồng minh vào đến Hà nội. Theo quy định của Hội nghị Postdam, quân Tưởng sẽ tiếp quản miền Bắc, còn quân Anh sẽ tiếp quản Nam bộ. Người Pháp chỉ được tham gia các hoạt động nhân đạo. Trong lúc đại quân còn chưa kịp đến thì những đơn vị OSS tiên tiêu do Archimedes Patti chỉ huy đã đến Hà nội để tiếp nhận tù binh và đánh giá tình hình. Sainteny, đại diện của phong trào Nước Pháp Tự do đã xin đi theo với lý do để bảo vệ những người Pháp bị kẹt lại. Cả hội ở khách sạn Metropole sang trọng, ngay đối diện toà nhà Bắc bộ phủ. Trưa ngày 26, Patti bất ngờ được mời đến gặp H tại số nhà 48 Hàng Ngang. Sau khi chén súp cá, gà và lợn luộc cả hai đã đàm đạo khá lâu về tình hình hiện tại. H hết sức bất mãn về sự có mặt của quân Pháp trong đoàn Patti. Ông cho rằng mục tiêu của hội này chắc chắn không phải chỉ là lo lắng cho người Pháp ở đây. Quân Anh thì hiển nhiên là sẽ thông đồng với Pháp, còn Tưởng thì chẳng có lý gì lại không bán đứng Việt nam vì lợi ích của mình. H thăm dò thái độ của Mỹ, phủ định tin đồn về nguồn gốc cộng sản của mình, biện hộ rằng sở dĩ mình phải đến Matxcova và chơi với cộng sản Trung hoa là do hoàn cảnh đưa đẩy. Patti thì chẳng hứa hẹn gì, nói rằng

mình không có thẩm quyền bàn về các vấn đề chính trị địa phương. 3h30, Patti xin phép về nhà mình tại Maison Gautier, một vila sang trọng cạnh hồ Hoàn kiếm. Lúc đó, H được tin là Sứ thần Bảo đại ở Nam bộ là Nguyễn Văn Sâm đã xin triều đình từ chức. Về đến nhà, Patti đã thấy Sainteny gửi giấy hẹn sang nói chuyện. Thừa biết là Patti đã có quan hệ với H, S đề nghị Patti môi giới cuộc gặp gỡ với Việt minh. Chiều hôm đó, Patti được thông báo là Giáp sẽ đến gặp S và Patti vào sáng hôm sau. Rõ ràng là Giáp muốn có những người bạn Mỹ bên cạnh trong lần tiếp xúc đầu tiên với đại diện của Pháp. Hôm sau, Giáp đến trong bộ lễ phục trắng, và ngay lập tức được S huấn thị về việc Việt minh đã lơ là trong việc bảo vệ luật pháp, trật tự và tính mạng của những người Pháp. Giáp đáp lại, tôi đến đây không phải để giải thích các hành động của người Việt mà để tiếp xúc với đại diện của một nước Pháp “mới”. S xuống giọng, hứa sẽ xem xét các yêu cầu của người Annam, tuy nhiên cũng dọa thêm là nếu không dựa vào Pháp, Việt nam sẽ bị Tàu Tưởng làm cỏ.

Trong khi H bắt đầu cuộc thương lượng đầy sóng gió với Pháp về số phận mới của Việt nam, chính phủ Việt minh tiếp tục thương lượng với triều đình Huế. Ngày 20, Bảo đại đồng ý từ chức, kêu gọi Hà nội thành lập chính phủ mới. Việt minh quyết định đẩy nhanh tiến độ bằng cách gửi đoàn đại biểu gồm Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng và Trần Huy Liệu vào ngày 29 yêu cầu Bảo đại thoái vị. Ngày hôm sau, đoàn gặp Bảo đại. Nhà vua tiến hành nghi lễ thoái vị, chiều hôm đó, lại lặp lại nghi lễ trước công Ngọ môn. Sau khi nhận ấn kiếm, Liệu chuyển lời của HCM mời Bảo đại ra Hà nội tham gia vào chính phủ với tư cách một công dân. Bảo đại đồng ý dù đây là lần đầu tiên nghe thấy cái tên HCM mà ông ta có thể phần nào đoán ra đó chính là nhà cách mạng lão thành Nguyễn ái Quốc. Không khí buổi lễ thoái vị có vẻ hội hè chứ không có ý gì ép buộc. Tuy nhiên không ít quan lại triều đình cảm thấy ngậm ngùi khi phải chứng kiến cảnh vị vua cuối cùng của Việt nam rời khỏi ngai vàng^{lxxxiv}. Một số các cận thần của Bảo đại không được may mắn như nhà Vua. Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi bị bắt và bị đưa ra Hà nội sau đó bị thủ tiêu. Ở Quảng Ngãi, Tạ Thu Thâu, người theo chủ nghĩa Troskist và thường xuyên công kích ICP cũng nhận được số phận tương tự.

Ngày 28, H triệu tập cuộc họp của Ủy ban giải phóng dân tộc (sẽ nhanh chóng trở thành chính phủ lâm thời) tại toà nhà Bắc bộ phủ để bàn về thành phần chính phủ và xem xét nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập mà H đã chuẩn bị và đánh máy trong căn phòng tối tăm ở phố Hàng ngang. Sau này H kể lại “đó là thời điểm hạnh phúc nhất của đời tôi”. Trên cuộc họp, H đã đề xuất mở rộng thành phần để có thể có đại diện rộng rãi nhất của dân chúng trong chính phủ và đã được nhiệt liệt hoan nghênh. Một số thành viên Việt minh đã tình nguyện từ chức để nhường chỗ cho các đảng phái khác. Hai ngày sau, H tuyên bố thành phần chính phủ mới: ngoài chức danh Chủ tịch, H còn kiêm bộ trưởng ngoại giao, Giáp: bộ nội vụ, Đồng: bộ tài chính, Chu Văn Tấn: bộ quốc phòng, Liệu: bộ Tuyên truyền. Khoảng một nửa thành viên chính phủ là Việt minh, ngoài ra là từ đảng Dân chủ (thành lập 1944), một số giáo chức thiên chúa và các thành viên phi đảng phái. Mấy ngày sau đó, H làm việc ở văn phòng nhỏ tại Bắc bộ phủ để tra chuốt lại bản Tuyên ngôn, H cũng chuyển sang ở một vila tại Rue Bonchamps nhưng vẫn về ăn với các đồng chí tại Hàng Ngang. TƯ đã quyết định lễ Độc lập sẽ được tổ chức tại quảng trường Puginier, mang tên của một giáo sĩ Pháp mà sau này sẽ được đổi thành Ba đình theo đề nghị của H để kỷ niệm ba làng ở Thanh hoá đã nổi lên chống Pháp ở cuối thế kỷ 19. Từ sáng ngày 2/9, Hà nội đổ rục cờ hoa và biểu ngữ. Cờ đỏ chấy từ mái nhà, bay trên các ngọn cây, trôi trên mặt hồ. Khẩu hiệu: “Đả đảo thực dân Pháp”, “ủng hộ chính phủ lâm

thời”, “ ủng hộ chủ tịch Hồ Chí Minh” “Chào mừng Đồng minh” bằng đủ các thứ tiếng Việt, Nga, Hoa, Pháp, Anh giăng khắp nơi. Xưởng máy, cửa hàng, chợ búa trống trơn, tất cả xuống đường. Đoàn người đủ màu sắc đổ về Ba đình. Chính giữa quảng trường, đội cận vệ đứng nghiêm trong nắng hè chói chang, bảo vệ một khán đài bằng gỗ mới dựng lên hôm trước, dự kiến sẽ là nơi Chủ tịch HCM giới thiệu chính phủ và đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Buổi lễ dự kiến bắt đầu lúc 2h nhưng H đến chậm mấy phút do đoàn xe Mỹ chở phải khó khăn lắm mới vượt qua được biển người. Giáp là MC chương trình, giới thiệu HCM. Bài nói của H ngắn nhưng xúc động:

“Tất cả sinh ra đều bình đẳng. Tạo hoá đã cho họ những quyền không thể tách rời, trong đó có quyền Sống, Tự do và Mưu cầu Hạnh phúc”. Câu nói bất hủ đó trích trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776. Nói rộng ra điều đó có nghĩa là tất cả các dân tộc trên trái đất bình đẳng từ lúc ra đời. Tất cả các dân tộc đều có quyền sống và được hưởng tự do và hạnh phúc. Tuyên ngôn Nhân quyền của Cách mạng Pháp 1789 cũng đã nhấn mạnh “Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng và mãi mãi sẽ tự do và bình đẳng”

Sau đó H miêu tả những đau khổ mà chế độ thực dân Pháp đã gây ra cho Việt nam, và cuối cùng người Việt nam đã phải đứng lên đánh đuổi Pháp giành lại độc lập dân tộc. H kết luận *“Việt nam có quyền được hưởng tự do, độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể nhân dân Việt nam sẽ huy động tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần, sẵn sàng hy sinh tính mạng và của cải để bảo vệ tự do và độc lập của mình”*. Giữa bài nói của mình, H đã dừng lại hỏi “Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?”. Hàng triệu người đã reo lên “Có”, theo lời Giáp kêu. Sau khi chính phủ tuyên thệ độc lập, đám đông bắt đầu giải tán trong tiếng gầm rú của phi đội P-38 của Mỹ bay chào mừng. Cùng ngày hôm đó, lễ độc lập được tổ chức tại tất cả các đền, chùa và nhà thờ thiên chúa giáo. Tối đó, H tiếp đại diện của các tỉnh^{lxxxv}. Khoảng 15000 dân Pháp sống ở Hà nội lúc đó quan sát sự kiện này với sự lo lắng ra mặt. Họ lẳng lặng chuẩn bị vũ khí và thực phẩm cho những ngày khó khăn sắp tới. 5000 quân Pháp bị giam ở Hoà lò cũng âm thầm chuẩn bị nổi dậy khi quân đội của Nước Pháp Tự do theo Đồng minh tiến vào Đông dương. Sáng 3/9, chính phủ họp phiên đầu tiên ở Bắc bộ phủ để thảo luận chiến lược hoạt động, dựa trên “10 chính sách” mà Quốc dân Đại hội đã vạch ra ở Tân trào. Trong bài khai mạc, H nhấn mạnh mục tiêu quan trọng nhất của chính phủ là đẩy lùi nạn đói. Mặc dù vụ đông xuân có một số tiến bộ, nhưng nạn lụt vào tháng 8 đã đẩy các tỉnh Bắc bộ vào tình cảnh hết sức khó khăn. Sản lượng lúa của 15 tỉnh Bắc bộ chỉ là 500,000 tấn so với 832,000 tấn của năm 1944. Sinh viên các trường đại học phải lập những đội tình nguyện đi thu nhặt xác chết vào mỗi buổi sáng sớm. Một loạt các biện pháp được thông qua. Đầu tiên là thực thi tiết kiệm. H tự nguyện 10 ngày nhịn ăn 1 ngày để giúp người nghèo. Đất công, thường chiếm khoảng 20% đất canh tác ở làng, được trưng thu để chia đều cho dân nghèo từ 18 tuổi trở lên. Cấm sản xuất bún và nấu rượu. Giảm và miễn thuế nông nghiệp. Mở các trạm tín dụng nông nghiệp tại xã. Đẩy mạnh khai hoang. Theo đề nghị của H, chính phủ còn quan tâm đến một số vấn đề quan trọng khác trong đó có việc xoá mù chữ. Theo đánh giá, chính sách giáo dục thiện cận của Pháp đã đẩy một dân tộc thường xuyên có tỉ lệ biết chữ cao ở châu á xuống mức 90% mù chữ vào năm 1945. Chính phủ ra sắc lệnh yêu cầu tất cả người Việt nam phải học đọc và viết chữ quốc ngữ trong vòng 1 năm. Sắc lệnh mang hơi hướng của Nho giáo viết: “Ai chưa biết phải học. Vợ học chồng. Em học anh. Già học trẻ. Bố mẹ học con. Tất cả đều phải học chăm chỉ hơn”. Các lớp xoá mù được mở khắp nơi, đền chùa, chợ búa cũng biến thành trường. Đến mùa thu năm 1946,

hơn 2 triệu người Việt nam đã được xoá mù chữ. Ngày 8/9, Chính phủ quyết định tổ chức Tổng tuyển cử trong 2 tháng tới để bầu ra quốc hội lập pháp có khả năng thông qua hiến pháp mới. Ngày 13/10 ban bố sắc lệnh về việc thành lập các hội đồng nhân dân tại địa phương thông qua bầu cử. Các chính sách kinh tế của chính phủ chủ yếu là miễn giảm thuế, nâng cao điều kiện lao động và cấp đất cho người nghèo. Không có quốc hữu hoá hoặc cải cách ruộng đất. Chỉ có đất của người Pháp và những kẻ cộng tác mới bị tịch thu. Chính sách này phù hợp với các tuyên bố của H trước đó về cách mạng 2 giai đoạn, khi dành được chính quyền, ưu tiên đầu tiên của ông là thành lập chính phủ có khả năng đoàn kết rộng rãi các tầng lớp dân chúng, tập hợp được sức mạnh để đối phó với đe dọa ngoại xâm. Tuy nhiên đây đó vẫn xảy ra những hiện tượng quá khích, các phần tử địa chủ, quan lại bị thanh toán, đền chùa bị đập bỏ, nhân dân bị cấm không được tiến hành các nghi lễ phong tục, tập quán.

Trong khi H đang trau chuốt những nét bút cuối cùng cho bản tuyên ngôn độc lập, những đơn vị quân Tưởng đầu tiên đã bắt đầu tiến vào Việt nam. Vào phút cuối, Tưởng đã đổi ý, không dùng Trương Phát Khuê mà sử dụng quân đoàn 1 của Lư Hán ở Vân Nam để tiến vào Hà nội. Tiêu Văn, người đỡ đầu cũ của H trong Việt nam cách mạng đồng minh Hội ở Lưu châu trước đây được cử làm chính uỷ. Các bọn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh cũng được dịp bám theo. Đội quân 180,000 này rõ ràng không phải là lực lượng tốt nhất của Quốc dân đảng. Dân Việt nam thì chỉ thấy một đội quân bệ rạc, áo quần bẩn thỉu, chân thì phù thũng, dắt díu theo cả họ hàng hang hốc. Patti miêu tả trong hồi ký của mình:

Quân Tưởng của Lư Hán tiến vào thành phố lúc ban đêm. Chúng tôi nghe rõ tiếng bước chân, tiếng động cơ rồi tiếng quát tháo. Sáng hôm sau, đập vào mắt chúng tôi là một cảnh tượng gây sốc. Các đơn vị “tinh nhuệ” hôm qua (các đơn vị tiên tiêu) đã biến thành đội quân “thổ phi”. Khắp phố là cảnh hỗn loạn, lính Tàu đi lại lang thang vô mục đích. Trên các hè phố, lễ đường, vườn hoa, ngõ ngang quân lính và người thân, các dụng cụ gia đình lẫn lộn với quân trang quân dụng. Một số đám đùn chèn uống, xếp đồ đạc, thậm chí giết giữ

Đối với HCM, bề ngoài của đội quân này không quan trọng bằng mục đích của nó. Mặc dù Tưởng đã hứa với Roosevelt tại Hội nghị Cairo 1943 là không hề có ý định dòm ngó Việt nam, hiển nhiên là TQ muốn duy trì một chế độ mà mình có thể ảnh hưởng. Thái độ của quân Tưởng đối với Pháp khi Pháp quay trở lại tiếp quản Đông dương cũng là điều H bận tâm, Trương Phát Khuê kịch liệt chống Pháp nhưng cũng không loại trừ một số kẻ thoả hiệp để bảo vệ quyền lợi của mình. Trong hội nghị TU vào giữa tháng 8, H đã tập trung phân tích những vấn đề liên quan phức tạp liên quan đến quân Đồng minh, khai thác sự mâu thuẫn giữa chúng để bảo vệ độc lập. H cho rằng 2 đối tượng nguy hiểm nhất là Pháp và Tưởng. Pháp chắc chắn muốn chiếm lại Việt nam. Tưởng cũng vậy, nếu không được thì cũng sẽ cố gắng dựng lên một chính phủ thân Tưởng ở Hà nội. H dự đoán, một là Mỹ và Tưởng có thể ở một bên, còn Anh ủng hộ Pháp để chiếm lại VN, chính phủ mới có thể lợi dụng sự mâu thuẫn này. Hai là, các nước đồng minh thống nhất chĩa mũi dùi sang Liên xô, khi đó Mỹ, Anh sẽ đều quay sang ủng hộ Pháp vào VN. Trong mọi điều kiện VN, phải cố gắng tránh đối đầu một mình. Đối với Pháp, tránh đụng độ vũ trang, nhưng kiên quyết huy động quần chúng chống lại Pháp khôi phục cai trị. Đối với Anh, Tưởng, phát triển quan hệ hữu hảo, nếu bị can thiệp vào công việc, dùng quần chúng để đòi độc lập. Dựa trên chính sách đó, chính phủ mới ở VN đã hết sức mềm dẻo với Tưởng. Khi người bảo trợ cũ là Tiêu Văn đến HN, HCM đã đích thân hứa phát triển mối quan hệ hữu hảo. Giáp đổi tên Giải phóng quân thành Vệ quốc quân, rút một số đơn vị ra ngoại ô,

bổ trí lại các đơn vị trong HN để tránh đụng độ. Ngày 14/9 Lư Hán đến Hà nội và chiếm luôn Dinh Thống sứ, đuổi Sainteny xuống một biệt thự gần Ngân hàng Đông dương khi đó vẫn do Nhật chiếm. Các phần tử dân tộc thân Tưởng cũng tranh thủ ừa vào. Chính phủ phải thông báo cho các uỷ ban nhân dân từ biên giới hết sức bình tĩnh trước những hành động khiêu khích của đám này trên đường từ Việt bắc về Hà nội. Tại Hà nội, Nguyễn Hải Thần và tay chân tự động lập ra “Vùng tự trị” và bắt đầu gây rối.

H có lẽ cũng đã cảm thấy những cố gắng của mình nhằm xây dựng quan hệ chiến lược với Mỹ thông qua OSS không mang lại nhiều kết quả. Trong một bức thư gửi Charle Fenn vào giữa tháng 8, H viết rất vui vì chiến tranh đã kết thúc, nhưng cũng rất buồn vì phải chia tay những người bạn Mỹ. H tiên đoán “Khi các ông đi, quan hệ giữa chúng ta chắc chắn sẽ xấu đi”. Đối với H, Mỹ qua tổng thống Roosevelt là người lớn tiếng đòi phục hồi độc lập cho các dân tộc bị áp bức ở châu á. Nhưng H cũng hiểu rằng, với tình hình thế giới phân cực, kiểu gì Mỹ cũng sẽ trở thành thành trì của chủ nghĩa tư bản, chống lại cách mạng thế giới. Tháng 4, Truman lên thay R chết vì bệnh, đã lỡ đi không nhắc đến vấn đề độc lập ở Đông dương nữa. Tháng 5, tại hội nghị San Francisco, phái đoàn Mỹ cho thấy rằng sẽ không phản đối nếu Pháp trở lại Đông dương. Sự thay đổi chính sách này là kết quả cuộc tranh luận giữa Vụ châu á và Vụ châu Âu của Bộ Ngoại giao Mỹ. Vụ châu Âu cho rằng trong tình hình sự đối đầu ngày càng căng thẳng giữa Mỹ và Liên xô tại châu Âu, Mỹ phải ủng hộ Pháp. Tuy nhiên Mỹ cũng yêu cầu “bảo đảm những điều kiện tự trị tiến bộ hoặc hình thức liên hiệp cho các dân tộc mong muốn độc lập, tương ứng với các điều kiện bên ngoài cũng như khả năng thực tế của dân tộc đó”. Tướng De Gaul cũng hứa Đông dương “sẽ nhận được những hình thức tự trị tương xứng”. Vào cuối tháng 8, khi Việt minh đang bận củng cố quyền lực, Truman đã gặp De Gaul ở Nhà Trắng. De Gaul đã từ chối yêu cầu của Nhà trắng hứa hẹn về tương lai của Đông dương, cho rằng nói bây giờ chỉ là những lời “nói suông”. Mấy ngày sau, Mỹ tuyên bố không phản đối việc Pháp trở lại Đông dương. Đáng tiếc là đến tận tháng 10 tin này mới đến Trưng Khánh, bởi thế Patti và những quân nhân Mỹ đến Hà nội chẳng được chỉ thị nào của Đại sứ quán cả. H vẫn tiếp tục liên lạc với Patti mà không biết rằng ông này cũng chẳng biết gì hơn mình về đường lối chính thức của Mỹ. Trong cuộc gặp gỡ trước ngày 2/9, H kêu ca là Mỹ không hiểu gì về mục tiêu của Tưởng và Pháp. H cam kết rằng Việt minh không phải là ICP, chấp nhận đàm phán với Pháp về một nền độc lập hạn chế và hứa sẽ dành cho Mỹ những nhượng quyền kinh tế đặc biệt. Patti, cũng như tất cả những người Mỹ đã từng tiếp xúc với H ở cuối cuộc chiến, có cảm tình với chính phủ của H. Tuy nhiên cấp trên của ông này là Richard Hepnner đã ra lệnh không được dính líu gì đến các vấn đề chính trị. Bị bỏ rơi, H tìm cách thoả hiệp với Tưởng. Khi Tiêu Văn nhắc khéo về việc bổ sung thêm thành phần chính phủ, H đã thề thốt rằng mục tiêu của ông là dân chủ hoá chính phủ và tổng tuyển cử sẽ được tiến hành cuối năm.

Trong lúc đó, chính quyền mong manh ở phía Nam phải đối mặt với nhiều đe dọa trực tiếp. Sau những sự kiện lộn xộn ngày 25/8, Uỷ ban Nam bộ bắt đầu ổn định tình hình và thu tóm quyền lực để chuẩn bị đón quân đội chiếm đóng Anh. Vài ngày sau, Hoàng Quốc Việt được TU phái vào. Việt đã khuyên Giàu tránh đối đầu với quân Anh. Tuy nhiên vị thế của Giàu khá tế nhị. Ông này phải chấp nhận trong uỷ ban có nhiều thành phần khác. Hội này không những luôn luôn nghi ngờ bản chất của Việt minh mà còn rình rập thế cơ để tố cáo Việt minh thoả hiệp với quân thù. Trên thực tế, Xứ uỷ Nam bộ cũng bị mất liên lạc với TU và đã quen tự quyết định tình hình. Thậm chí, khi Việt vào, Giàu mới biết nhân vật kỳ bí HCM chính là Nguyễn ái Quốc. Bởi vậy các đồng chí phía Nam

không nhiệt tình lắm với những đề nghị của Việt, chưa kể nhiều khi Việt như muốn ra lệnh. Xuất thân từ công nhân, với tư tưởng cứng nhắc, Việt cũng chẳng thích thú gì với hội của Giàu. Việt coi hội này như những kẻ phiêu lưu tiểu tư sản đã bị nhiễm lối sống của tư bản Sài gòn. Sự chia rẽ giữa Xứ uỷ hai miền từ cuối những năm 30, càng trở nên căng thẳng cuộc khởi nghĩa tại hai nơi bị buộc phải đi theo những con đường khác nhau. Ngày 2/9, đám đông tụ tập trước dinh Norodom để chào mừng độc lập và nghe truyền thanh bản Tuyên ngôn độc lập của HCM. Trong lúc đó, căng thẳng với kiều dân Pháp vẫn rất cao. Khi những người biểu tình đang rầm rộ tiến vào Rue Catinat thì tiếng súng bỗng đột nhiên vang lên tại quảng trường Nhà thờ. Đám đông trở nên bị kích động, thanh niên ứa vào những ngôi nhà lân cận để tìm kẻ bắn lén. Lộn xộn xảy ra, cha cai quản Nhà thờ Tricoire đang đứng trên thềm thì bị trúng đạn chết ngay tại chỗ. Bạo lực lan nhanh, nhà cửa bị đập phá, cửa hàng bị hôi của, đám đông đi tìm người châu Âu để đánh. Báo chí Pháp gọi ngày này là Ngày Chủ nhật đen. Bốn người chết và hàng trăm người bị thương. Vài ngày sau, Giàu ra lời kêu gọi các đồng chí của mình duy trì kỷ luật, kiềm chế tránh bị lôi kéo vào những hành động manh động. Các phe phái dân tộc chủ nghĩa và nhóm Trotskist được thể lần át Việt minh. Hai giáo phái chính là Cao đài và Hoà hảo bắt nguồn và sinh sôi nảy nở trên đồng bằng Mekong từ những năm đầu thế kỷ, với hàng trăm ngàn giáo dân, cũng ra sức củng cố quyền lực trong khu vực hoạt động của mình, chống lại sự bành trướng của Việt minh.

Ngày 12/9 Sư đoàn Gurkha số 20 của tướng Douglas Gracey đến Tân sơn nhất cùng với một số đơn vị quân Pháp. Sư đoàn này vừa trải qua những trận chiến với quân Nhật tại Miến điện. Gracey, con của một quan chức thực dân ở Ấn độ, tốt nghiệp Sandhurst, dáng khác khô, với bộ ria mép đặc trưng cho các vị tướng Anh. Con đường binh nghiệp của Gracey chủ yếu ở các nước thuộc địa châu Á. Ông được binh lính kính trọng vì lòng dũng cảm và công bằng. Có vẻ như Gracey là sự bổ nhiệm hoàn hảo cho nhiệm vụ tiếp quản sự đầu hàng của Nhật và duy trì luật pháp tại Đông dương. Tuy nhiên ngay từ những ngày đầu tiên ông này đã gặp phải những vấn đề lớn. Đầu tiên là thiếu kinh nghiệm xử lý chính trị, xuất phát từ nguồn gốc của mình Gracey coi việc các dân tộc châu á phải bị cai trị là đương nhiên. Tiếp đến là sự thiếu nhất quán trong lãnh đạo đồng minh. Khi ở Rangoon, Gracey được giao nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ quân đội đồng minh ở Đông dương phía dưới vĩ tuyến 16. Tuy nhiên, trên đường hành quân, tướng Slim chỉ huy quân Anh ở Đông Nam á lại chỉ đạo Gracey chỉ tập trung kiểm soát một số vùng trọng yếu, còn lại để mặc quân Pháp, trừ khi Pháp yêu cầu hoặc có lệnh của tướng Mountbatten, chỉ huy toàn bộ quân đội Đồng minh tại ĐNA (trụ sở tại Ceylon). Thực tế là Slim đã trả lại nửa nam của Đông dương cho Pháp.

Sài gòn khi Gracey đến không yên bình. Quân Nhật đầu hàng làm thành phố hầu như không có chủ. Cảnh sát Việt nam chẳng biết phải báo cáo cho ai. Ngày 8/9, Giàu kêu gọi dân chúng bình tĩnh và hợp tác với Uỷ ban Nam bộ và ngay lập tức bị các thành viên phê phán về thái độ hoà hoãn, thậm chí còn nghi ngờ Giàu là “tay sai” của Pháp. Hôm sau Uỷ ban bị cơ cấu lại, Giàu phải từ chức, Việt minh chỉ còn 4 trong số 13 thành viên. Ngày 12/9, một số tù binh Pháp được quân Pháp đi theo Gracey giải cứu ứa ra đường, đập phá và tấn công những người Việt nam cho bố tức. Gracey ra lệnh cho quân Nhật tước vũ khí của các đơn vị Việt nam, đuổi Uỷ ban Nam bộ ra khỏi toà nhà Thống sứ. Bộ chỉ huy Anh tuyên bố sẽ trực tiếp cai trị cho đến khi chế độ thực dân Pháp được phục hồi.^{lxxxvi} Trong vài ngày sau, các đơn vị Anh đã tuần tiễu khắp đường phố và đuổi quân “phiến loạn” ra khỏi những vị trí trọng yếu. Giàu nhận được lệnh từ Hà nội tìm mọi cách tránh đối đầu

trực tiếp, âm thầm sơ tán các đơn vị Việt minh ra ngoại ô. Ủy ban Nam bộ cũng bắt đầu thương lượng với đại diện Pháp Jean Cedile, đã nhảy dù xuống Nam bộ từ 22/8. Tuy nhiên như nhà ngoại giao Pháp Bernard de Folin ghi lại, đây là cuộc đối thoại của 2 người câm, mặc dù có sự trợ giúp đặc lực của Peter Dewey từ OSS. Pháp chỉ chấp nhận nói chuyện về độc lập sau khi chế độ cai trị thực dân được khôi phục lại. Đến giữa tháng 9, Phạm Văn Bách lúc đó là chủ tịch UBND hiểu rằng các cuộc đàm phán là vô nghĩa, UB kêu gọi tổng bãi công vào ngày 17. Ngay lập tức Gracey ban bố thiết quân luật, thả tất cả quân Pháp (chủ yếu là lính lê dương), trang bị vũ khí và đề nghị Pháp lập lại trật tự. Đụng độ đã xảy ra giữa quân Việt nam và Pháp. Đêm 22/9, Cedile ra lệnh cho quân Pháp chiếm lại tất cả các vị trí trọng yếu và đuổi UB ra khỏi trụ sở mới là toà Thị chính Sài Gòn. Sáng hôm sau, 22000 người Pháp hân hoan biết rằng Sài Gòn lại dưới quyền cai trị của họ. Người Pháp tràn ra phố đánh đập bất cứ người Việt nam nào bất kể trẻ già, trai, gái mà chúng gặp trên đường.

Chỉ huy của OSS lúc đó tại Sài Gòn là trung tá Dewey. Chàng thanh niên 28 tuổi này tốt nghiệp đại học Yale, từng là phóng viên báo Tin tức Chicago, gia nhập OSS tại châu Âu, vốn là con của đại sứ Mỹ tại Pháp. Anh nói tiếng Pháp thành thạo nhưng lại căm ghét chế độ thực dân chẳng khác Patti. Dewey liền đến gặp Gracey để phàn nàn về sự lộng hành của quân Pháp. Gracey chẳng những không tiếp mà còn yêu cầu Dewey rời khỏi Đông dương càng sớm càng tốt, cho rằng các hoạt động của OSS không có ích gì mà còn gây rối thêm. Tuy nhiên Gracey cũng xuống nước, đề nghị Pháp rút quân khỏi đường phố, trao lại quyền gìn giữ trật tự cho Nhật. Ngày 24/9, hàng trăm phân tử vũ trang, chủ yếu là Cao đài và Bình Xuyên tràn vào khu phố người Pháp Herault hô ầm ĩ “Giết bọn Âu trắng”. Hơn 150 người chết, 100 người bị bắt đi và mất tích luôn, trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ em. Nông dân ngoại ô cũng bạo loạn, đốt nhà, chiếm đất và đánh giết các địa chủ. Bây giờ thì Giàu không còn tin vào hoà hoãn nữa. Lo sợ các lực lượng dân tộc sẽ chiếm mất quyền lực, Giàu ra lệnh tiếp tục bãi công và phong toả thành phố. Những chiến lũy được dựng trên các ngã đường để ngăn người Pháp ra khỏi thành phố và không cho người Việt nam từ ngoài vào. Dewey điện cho Patti “*Nam bộ như lò thuốc súng, người Mỹ cần hành động*”. Trưa ngày hôm sau, trên đường ra sân bay Tân sơn nhất, Dewey bị bắn chết trên một chiến lũy và trở thành người Mỹ đầu tiên chết trong cách mạng Việt nam. Trụ sở OSS cũng bị tấn công và được quân Anh giải cứu. Các sĩ quan OSS điều tra cái chết của Dewey đều cho rằng Việt minh không có động cơ để giết Dewey cũng như người Mỹ vốn ủng hộ nền độc lập của Việt nam. Một phần lỗi là do Gracey đã từ chối cho Dewey được treo cờ Mỹ trên chiếc Jeep của mình (theo Gracey là chưa xứng đáng), và nhiều khả năng là Việt minh đã nhằm chiếc xe của Dewey là chỗ quân Pháp. Biết chuyện qua Patti HCM đã bị sốc, sau đó gửi thư đến tổng thống Truman bày tỏ sự đau buồn. Sự hỗn loạn ở Sài Gòn đã ảnh hưởng nặng đến hình ảnh gìn giữ hoà bình của quân Anh. Ngài Mountbatten đã triệu Gracey và Cedile đến Singapore để mắng mỏ vì kỳ thị chủng tộc và không chịu làm việc với người Việt nam. Nhưng mọi sự đã muộn. Đầu tháng 10, quân Pháp do Leclerc chỉ huy đã tiến vào Nam bộ, vài ngày sau, tại Cung Sportif, Grace đã ký hiệp định giao lại toàn quyền cai trị Việt nam từ vĩ tuyến 16 trở về trước cho Pháp. Ngày 10/10, Giàu tấn công quân Anh-Pháp tại Tân sơn nhất và các cửa ô. Tuy nhiên chỉ vài tuần sau, các đơn vị Việt minh và các phân tử dân tộc thiếu kinh nghiệm đã bị đẩy bật ra xa ngoại ô Sài Gòn và buộc phải lẩn trốn trong những cánh rừng và đầm lầy. Trước tình hình đó, Việt minh ra sức tìm cách hàn gắn các phe phái, còn Lê Duẩn thì khẩn cấp triệu tập cuộc họp Việt minh ở đồng bằng sông Mekong để chuẩn bị

cho chiến tranh. Tại Hà nội, HCM lên đài kêu gọi cả nước ủng hộ miền Nam, thề sẽ thống nhất đất nước. Tại miền trung, nhiều nơi, cả làng đã hưởng ứng Nam tiến đánh Pháp. Tuy nhiên trong chỗ thân tín, H khuyên các cộng sự phải kiên nhẫn, “từ kinh nghiệm lịch sử, chỉ có cuộc chiến kéo dài mới dành được kết quả”.

Quả thật là chính quyền non trẻ chưa thể có đủ năng lực đến tiến hành chiến tranh. Tuy quân Pháp chưa đến Bắc bộ, nhưng dưới sự bảo kê của quân Tưởng, các phần tử dân tộc đang ngày càng lấn lướt. HCM phải hết sức khéo léo để lôi kéo đồng minh. Ông ra lệnh cung cấp thuốc phiện cho Lư Hán, tư lệnh quân Tưởng ở Việt nam. Ông cho mời Bảo đại từ Huế ra, tỏ vẻ lấy làm tiếc là đàn em đã dùng vũ lực để ép BĐ thoái vị. H nói “Tôi cho rằng ngài phải lãnh đạo đất nước, còn tôi sẽ lãnh đạo chính phủ”. HCM đã đề nghị Bảo đại làm cố vấn tối cao cho Chính phủ và ông này đã nhận lời.^{lxxxvii} Mặc dù H đã làm hết sức để giữ hình ảnh ôn hoà, ông không thuyết phục được các phần tử dân tộc trong Đồng minh Hội, đã tố cáo Việt minh trá trở trong khi chủ động đơn phương dành chính quyền. Nguyễn Hải Thần và Đại Việt gọi chính phủ là “*Hồ và băng đảng khô rách áo ôm*” đang tìm cách thoả hiệp với Pháp. Vũ Hồng Khanh và báo chí VNQDD thì rêu rao về nguy cơ “*Khủng bố đỏ*”. Mặc dù như Patti nhận xét bọn này không có một chiến lược kinh tế xã hội nào và “*mất phương hướng chính trị một cách vô vọng*”, chúng có trong tay một con bài quan trọng là sự ủng hộ của quân Tưởng. Tuy nhiên bọn này cũng chẳng có mục tiêu thống nhất. Hội liên quan đến Đồng minh Hội do Tiêu Văn ủng hộ thì mong quân Tưởng và Nhật rút sớm để có thể thành lập chính phủ của mình. Đại Việt và Việt nam QDD thì theo đuôi Lư Hán và muốn quân chiếm đóng Tưởng ở lại lâu dài. Nhà báo Pháp Phelip Deviller, lúc đó đang ở Hà nội cũng nhận thấy sự chia rẽ trong hàng ngũ Việt minh làm 3 nhóm: nhóm cộng sản cứng rắn như Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu, Hồ Tùng Mậu; nhóm cộng sản thực dụng như Giáp, Hoàng Minh Giám và bố vợ Giáp là Đặng Thai Mai; nhóm thứ 3 là nhóm không cộng sản, theo Việt minh vì yêu nước. Deviller cho rằng HCM đã rất khéo léo xoa dịu mâu thuẫn giữa các nhóm, đặc biệt là thuyết phục các đồng chí cứng rắn không manh động. Trong một bình luận, H cho rằng các phần tử phản động sẽ “*bị quét sạch*” nhưng từng bước cho đến khi chính phủ nắm được chính quyền một cách vững chắc. Nhiều lúc tình hình quá căng thẳng, H phải thay đổi chỗ ở thường xuyên, đề phòng bị ám sát. Theo H, cách tốt nhất để trị hội Dân tộc chủ nghĩa là làm việc với quân Tưởng. Tuy nhiên chưa rõ là Lư Hán sẽ ở lại đây bao lâu. Đầu tháng 10, Tưởng cử tướng Hồ Yingqin sang thị sát tình hình, phê phán Lư Hán không có kế hoạch hành động để ngăn cản cộng sản thâm tóm quyền lực. Khả năng quân Tưởng rút lại càng mù mờ hơn. Trong khi đó Pháp vẫn là mối đe dọa lớn nhất, nếu các nước Đồng minh cùng xúm lại để chống Nga, đương nhiên Pháp sẽ được rảnh tay để chiếm lại Đông dương mà chẳng ai phản đối mặc dù có thể không thích. Hiểu được điều đó, từ giữa tháng 9, H đã bí mật đàm phán với Marcel Alessandri và Leo Pignon (Sainteny lúc này đã sang ẩn độ). Trong các cuộc phỏng vấn với các nhà báo phương Tây, H đã chào mừng người Pháp quay trở lại Đông dương nếu họ đến như những người bạn chứ không phải những kẻ chinh phục. Hy vọng cuối cùng của H là được Mỹ bảo trợ. Mặc dù liên tiếp bị cấp trên khiển trách, đại diện cao cấp nhất của Mỹ ở Đông dương là thiếu tá Patti không giấu được thiện cảm với chính phủ Việt nam. Ông này báo cáo là tuy chính phủ rõ ràng là thiên tả nhưng họ đang nắm vững chính quyền và sẵn sàng tiến hành chiến tranh với Pháp. Vài tuần sau Patti lại báo cáo: các nhà lãnh đạo Việt nam rất muốn được Mỹ bảo trợ như Philippines, tuy nhiên họ hiểu rằng điều đó là vô vọng nên đề nghị lộ trình 10 năm để tiến tới độc lập hoàn toàn, cho tới lúc đó Pháp có thể cử Thống sứ với tư cách là nguyên thủ quốc gia,

dưới sự giám sát của Liên hiệp quốc. Quan điểm của chính phủ Mỹ không nhất quán, chủ yếu là do mâu thuẫn giữa 2 Vụ châu Á và châu Âu. Ngày 28/9, vụ phó vụ Viễn đông John Carter Vincent (sau này trở thành nạn nhân của phong trào chống Cộng do nghị sĩ Mc Carthy khởi xướng) đã nêu vấn đề với thứ trưởng Dean Acheson. Theo Vincent, chính sách “không can thiệp” của Mỹ sẽ dẫn đến cuộc khủng hoảng toàn diện ở Đông dương vì Pháp không chịu nhượng bộ. Vincent đề nghị Mỹ và Anh thành lập một uỷ ban điều tra tình hình. Trên cơ sở báo cáo của UB này, một cuộc đàm phán quốc tế có thể có đại diện thích hợp của Annam sẽ được tiến hành. Những biện pháp này sẽ tránh được một cuộc bùng nổ chủ nghĩa dân tộc ở Đông dương. Vụ châu Âu có quan điểm khác, Vụ trưởng Freeman Mathew cho rằng hãy để Anh Pháp tự giải quyết lấy. UB mà điều tra chỉ có thể dẫn đến một kết quả duy nhất là Pháp phải trả lại Đông dương. Khi đó Nga sẽ nhảy vào đòi chia phần, rất rắc rối :”*bất lợi cho Pháp, cho phương Tây và cho cả người Đông dương nói chung*” Vốn xuất thân từ dân Châu Âu, Acheson đồng ý với Mathew và Mỹ sẽ chỉ can thiệp nếu tình hình xấu đi nhanh chóng. Ngày 20/10 Vincent ra thông báo, Mỹ không phản đối Hà lan và Pháp tiếp quản các thuộc địa cũ tại Đông Nam á, nhưng Mỹ hy vọng là nhân dân các nước này sẽ được chuẩn bị cho trách nhiệm tự trị. Trong lúc đó Pháp cũng tỏ rõ thái độ. Cuối tháng 10, đại diện của SQ Pháp tại Washington đã gặp một quan chức vụ Viễn đông là Abbot Moffat để bày tỏ quan điểm về tin đồn là đại diện của chính phủ HCM đang tới Mỹ, ông này tuyên bố “chính phủ Pháp coi hành động này của Mỹ là không thân thiện”.

HCM có thể không biết về những thay đổi này trong thái độ của Mỹ, nhưng rõ ràng là ông nhận thấy xu hướng xấu đi. Trong bữa tiệc chia tay với Patti ngày 30/9 tại Bắc bộ phủ, H chia sẻ, ông không thể nào liên kết được những gì Mỹ đã tuyên bố tại Teheran, Quebec và Postdam với thái độ dửng dưng cho phép Anh và Tưởng đưa Pháp trở lại Việt nam. Tại sao Hiến chương Đại tây dương lại không áp dụng cho Việt nam? H đề xuất một chương trình cải cách kinh tế xã hội cho khối các nước thuộc địa châu á. Patti bày tỏ thiện cảm với cuộc đấu tranh của nhân dân VN nhưng cũng nhắc lại quan điểm của Mỹ: ủng hộ chủ quyền của Pháp nhưng không ủng hộ những tham vọng thực dân của Pháp. Cuối buổi nói chuyện, H nhắc lại những thời điểm máu chót trong đời cách mạng của mình. Ông phủ nhận mình là cộng sản, là “bù nhìn của Matxcova” theo cách hiểu của Mỹ. H đã nợ Liên xô bài học tư tưởng và đã trả hết trong 15 năm hoạt động cho Đảng, bây giờ ông là người tự do. Có phải là Mỹ đã giúp Việt nam trong những tháng gần đây để dành độc lập? Thế thì tại sao Việt nam lại mang nợ với Matxcova. Khi chia tay, H nhờ Patti mang theo thông điệp Việt nam luôn biết ơn Mỹ đã giúp đỡ và mãi mãi coi Mỹ như người bạn và đồng minh tin cậy, cuộc đấu tranh giành độc lập của Mỹ là tấm gương cho nhân dân Việt nam noi theo. Vài ngày sau, H còn gửi một bức thư cho tổng thống Truman. Nhưng tất cả đều vô vọng, những hoạt động của Patti, bức thư của người kế nhiệm Patti về đề nghị của Hà nội để Mỹ trung gian hoà giải, và những bức thư của H cho Truman đều bị vứt vào sọt rác.

Đến mùa thu năm 1945, bức tranh về CMT8 trở nên rõ ràng hơn. Tuy lãnh thổ vẫn do quân Tưởng chiếm đóng, Việt minh kiểm soát phía Bắc chủ yếu nhờ sự hỗ trợ vì độc lập của dân chúng và hình ảnh huyền thoại của chủ tịch HCM. Tại miền Nam, quân Pháp đã khôi phục lại chế độ thuộc địa, Việt minh đang xây dựng những căn cứ địa tại nông thôn. Đối với HCM, diễn biến trên chính trường quốc tế mới là điều quan trọng. H muốn nhờ tay nước ngoài để ngăn chặn tham vọng thực dân của Pháp. Kinh nghiệm lâu năm cho H biết Stalin chẳng quan tâm gì đến châu á và không thể ảo tưởng về sự giúp đỡ của LX.

Tuy nhiên cũng khó có khả năng là LX sẽ ủng hộ Pháp. H biết rõ về những tư tưởng chống thực dân ở Mỹ, tuy nhiên hy vọng Mỹ giúp đỡ thật là mong manh. Nếu liên minh Xô - Mỹ chuyển thành thế đối đầu, Việt nam sẽ bị kẹt trong thế mâu thuẫn toàn cầu mới. Tại hội nghị Tân trào, Q đã nhấn mạnh, rất có thể vì sợ cách mạng thế giới, Mỹ sẽ quay sang ủng hộ Pháp.

Mặc dù con đường phía trước còn đầy chông gai, thực tế là Việt minh đang nắm chính quyền tại Hà nội. Sau này nhiều nhà sử học của Đảng đã tăng bốc vai trò lãnh đạo tài tình của Đảng, rằng CMT8 là điển hình kết hợp giữa nông thôn và thành thị, là hình mẫu cho các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thứ Ba... Gần đây nhiều nhà nghiên cứu lại cho rằng CMT8 là một cuộc nổi dậy có tính ngẫu hứng, rất ít có kế hoạch và chỉ đạo. Một số còn gọi đó là cuộc đảo chính. Những nhận xét này cũng có phần đúng, Lenin đã từng nói thực tế cách mạng phức tạp hơn nhiều so với lý thuyết với cách mạng và bất cứ cuộc cách mạng nào cũng có yếu tố ngẫu nhiên. Mặc dù có thể Đảng đã dự trù nhiều thứ ở Tân trào, khi Nhật đầu hàng, cuộc nổi dậy đã diễn ra có phần bột phát. Nhiều cơ sở đảng chẳng có liên hệ gì với TU, cứ tùy cơ ứng biến mà làm. Nạn đói khủng khiếp hoành hành trước đó vài tháng làm nhân dân nổi giận cũng giúp cho cuộc nổi dậy thành công nhanh chóng. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận CMT8 là một thành công to lớn của Đảng. Không thể có một cuộc cách mạng nếu không có những người cách mạng. Trong khi các phần tử dân tộc chủ nghĩa co ro nằm chờ ở Nam Trung hoa thì Việt minh đã dám chấp nhận thử thách và đã chớp được cơ hội tại thời điểm cuối của cuộc chiến tranh Thái bình dương, đặt thế giới vào một sự đã rồi "Fait accompli". Bằng cách sử dụng Việt minh như một mặt trận rộng rãi với chương trình thu hút tất cả các tầng lớp nhân dân, HCM đã mở rộng đáng kể phạm vi ảnh hưởng của Đảng cộng sản. Không những thế, Việt minh còn giúp H kêu gọi sự công nhận của các nước đồng minh thắng trận như đại diện hợp pháp cho các quyền lợi dân tộc. Hình ảnh ôn hoà đó chính là hình ảnh của HCM, một "người đơn giản là yêu nước", mặc áo kaki và đi dép cao su, đã chiếm trọn trái tim hàng triệu người Việt nam và những người gần gũi với H như Charles Fenn, Archimedes Patti, Jean Sainteny, Tướng Leclerc. Không phải tất cả các đồng đội của H đều ủng hộ ông. Sau này Trường Chinh đã nói, Đảng đã tắm máu không sạch và để lại quá nhiều kẻ thù tương lai trong CMT8.

Chiến lược của H không phải là hoàn hảo. Chương trình hành động của Việt minh chỉ là điểm khởi đầu và sau này, rất có thể Đảng phải lộ bộ mặt thật sẽ dẫn đến sự thất vọng của dân chúng. Nhưng HCM luôn luôn là một con người thực dụng. Trong cuộc phỏng vấn với nhà báo Mỹ Harold Isaacs cuối năm 1945, H nói: "*Độc lập là một sự kiện. Cái gì phải đến sau đó sẽ đến. Nhưng độc lập phải có trước, không phụ thuộc sau đó sẽ là cái gì*". Có giữ được độc lập hay không là một chuyện khác "*chúng tôi đang đơn độc, và chúng tôi phải phụ thuộc vào chính mình*". H nói với Isaacs, chấp nhận cuộc chơi đầy khó khăn phía trước.^{lxxxviii}

Tái thiết và kháng chiến

Tình hình Hà nội trở nên xấu đi và đặt những gánh nặng to lớn lên H như người lãnh đạo Đảng và chính phủ. Những cái đầu nóng ở ICP đòi phải dẹp các nhóm đối lập thì H lại kiên trì chính sách hoà giải và hoà hợp dân tộc, nhằm chia rẽ và cô lập những kẻ thù của Đảng. Trong khi đa số người Việt nam quyết liệt phản đối Pháp quay trở lại, thì H lại đánh tiếng sẽ đón tiếp Pháp như những người bạn.

Mặc dù tìm kiếm hoà bình, chính phủ mới cũng tích cực chuẩn bị cho chiến tranh. Lực lượng dân quân tự vệ được H gọi là “bức tường thép của Tổ quốc” được tổ chức khắp các làng xã, nhà máy, đường phố, do cơ sở đảng địa phương lãnh đạo và tổ chức tập luyện. Thức ăn và vũ khí thì tự lo lấy. Tại Hà nội, hàng chục ngàn thanh niên gia nhập tự vệ. Ngoài ra còn có bộ đội địa phương, được lựa chọn nòng cốt từ hội thanh niên cứu quốc, do Bộ quốc phòng trang bị và huấn luyện tại Trường huấn luyện quốc phòng Hồ Chí Minh. Quân đội chính quy: Quân giải phóng Việt nam mới đổi tên thành Vệ quốc quân, được tổ chức thành các tiểu đoàn, du nhập thêm số Dân vệ của chính phủ cũ bị giải ngũ. Trường kháng Nhật Việt bắc chuyển về Hà nội được đổi thành Học viện chính trị quân sự, dưới danh nghĩa huấn luyện để có thể hợp tác với quân Tưởng. Nếu kể cả số quân phía Nam, quân đội lên tới 80,000 người. Tuy nhiên vũ khí thì hết sức thiếu thốn. Nếu có thì cũng từ loại đồ cổ, nhiều khi từ thế kỷ trước ngoại trừ một ít mìn chống tăng và tiểu liên thu được của Nhật. Còn lại đa số là giáo, mác hoặc súng kíp do mấy bác thợ rèn địa phương tự chế. Để có tiền mua vũ khí từ lực lượng chiếm đóng, HCM miễn cưỡng đồng ý tổ chức “Tuần lễ vàng” kêu gọi nhân dân đóng góp. Theo Patti, H không tin tưởng lắm vào sự thành công của phi vụ này vì sẽ chỉ có người nghèo là tích cực, còn hội nhà giàu sẽ chẳng đóng được bao nhiêu. Thực tế đã diễn ra đúng như vậy, và H “cảm thấy như kẻ phản bội” khi đề “vụ việc” này diễn ra. Chính phủ tìm cách tăng thuế thực phẩm. Khi một quan chức đề nghị đánh thuế thịt gà, vịt, bò, “Công dân” Vĩnh Thụy buột miệng “*sao không thêm cả thịt chó?*”. H là người đầu tiên lăn ra cười^{lxxxix}. Chính phủ còn phát động phong trào thu gom đồng và các loại kim loại khác để đúc vũ khí khắp nơi.

Mặc dù vậy H tin tưởng rằng vũ khí quan trọng nhất sẽ là sự ủng hộ của quần chúng, đi đâu ông cũng nhắc cán bộ hành xử cho đúng với dân: “*Trợn mắt nhìn ngàn trảng sữ, cúi đầu làm ngựa nhi đồng*”. Ông luôn luôn nhân mạnh, cuộc đấu tranh sống còn của chính phủ là trên mặt trận ngoại giao và chính trị. Nếu dụ dỗ nhượng bộ quân Tưởng, bọn dân tộc chủ nghĩa sẽ bị cô lập. Và lúc đó H có thể xây dựng mặt trận thống nhất để chống sự trở lại của Pháp ở phía Bắc. Sau khi đặc phái viên của Tưởng, tướng He Yingqin đến thị sát Hà nội và ra lệnh: giảm ảnh hưởng của cộng sản, chính phủ đã tỏ thái độ mềm mỏng. H ra lệnh thả Ngô Đình Diệm, con của một quan chức triều đình yêu nước, bộ trưởng nội vụ trong chính phủ Bảo đại trước WWII, nhưng đã từ chức vì cho rằng Pháp không cho chính phủ thực quyền. Diệm theo Thiên chúa và chống cộng điên cuồng, đặc biệt là khi một trong 5 anh em của Diệm là Ngô Đình Khôi bị Việt minh thủ tiêu. Hành động này của H đã bị nhiều đồng chí chỉ trích, trong đó có chiến hữu từ thời Paris là Bùi Lâm. Để lôi kéo cộng đồng thiên chúa, H còn dành cho họ một chân trong chính phủ và thỉnh thoảng đi dự lễ nhà thờ. Ông cũng không ngần ngại đến thăm các đồng bào miền núi, thắp hương cho Khổng tử ở Văn miếu. Dưới sức ép của tướng Tiêu Văn, từ cuối tháng mười H bắt đầu đàm phán với Nguyễn Hải Thần, “lãnh đạo tối cao” của Đại Việt cùng các đảng khác như Việt Quốc và Đồng minh Hội. Nhưng các cuộc đàm phán chẳng đi

đến đầu. ĐMH đòi giải tán chính phủ, đổi tên Việt minh, thay đổi quốc kỳ. Các đồng chí của H rất bức tức, một người viết

Tôi là người tán thành việc diệt sạch bọn Việt quốc tay sai của Tưởng. Có hôm tôi bảo: “Thưa Bác, tại sao ta lại để cho bọn ám sát và phản bội đó tồn tại? Bác cứ ra lệnh, bảo đảm cháu sẽ bọn nó tiêu trong một đêm”. Bác cười và chỉ vào phòng, hỏi lại “Nếu có con chuột chạy vào phòng này, chú sẽ dùng đá ném hay đặt bẫy hoặc đuổi nó ra?” “Thưa Bác, nếu ném đá sẽ vỡ mất nhưng đồ quý trong phòng”^{xc}

Mặc dù không nhượng bộ những yêu cầu của phe đối lập, ngày 11/11, ICP đột ngột tuyên bố tự giải tán, đổi thành Hội nghiên cứu chủ nghĩa Max ở Đông dương. Rõ ràng Đảng muốn thể hiện yêu cầu của đất nước cao hơn cuộc đấu tranh giai cấp, và lợi ích của nhân dân cao hơn lợi ích của Đảng. Dù thế, ngày hôm sau vẫn xảy ra vụ đụng độ lớn giữa Việt minh và phe dân tộc gần Nhà hát Lớn làm hàng chục người chết. Rõ ràng là ngoài việc nhằm thống nhất dân chúng, động thái này chủ yếu là hướng đến quân Tưởng và xoa dịu phe đối lập. Trong Đảng cũng đã có những cuộc tranh luận gay gắt, các đảng cộng sản khác cũng lúng túng không hiểu. Thực chất thì đảng không giải tán mà chỉ rút vào hoạt động bí mật để rồi mấy năm sau lại tái xuất hiện. Ngày 19/11, theo lệnh của Trương Phát Khuê, Tiêu Văn triệu tập cuộc họp chính phủ và phe đối lập. Hai bên thống nhất thành lập chính phủ liên hiệp, tập hợp tất cả các tổ chức vũ trang dưới sự lãnh đạo của chính phủ, tổ chức hội nghị quân sự để bàn cách giúp đồng bào phía Nam chống Pháp. Các phe phái phải ngay lập tức ngừng các hoạt động chống đối nhau. Cuộc đàm phán kéo dài mấy tuần. Đầu tiên, phe đối lập đòi chức Chủ tịch và 6 ghế bộ trưởng. H thì đề nghị thành lập Hội đồng Cố vấn chính trị do Trần làm chủ tịch và 3 ghế bộ trưởng. Căng thẳng leo thang khi Giáp cho tay chân mặc thường phục đuổi các phần tử Việt quốc đang rải truyền đơn chạy re kèn. Sau vụ này H liền lập tức bị triệu đến trụ sở quân Tưởng nghe xử. Một vấn đề nữa là ngày bầu cử. Phe đối lập cho là ngày 23/12 là quá gấp để họ chuẩn bị. Trương Phát Khuê can thiệp, ngày 19/12 hai bên nhất trí dời ngày tổng tuyển cử 15 ngày. Không phụ thuộc vào kết quả bầu cử, Việt quốc sẽ có 50 ghế và ĐMH có 20 ghế trong quốc hội tương lai. HCM sẽ làm chủ tịch, Hải Thần phó chủ tịch, Việt minh, VQ, ĐMH và Đảng Dân chủ mỗi đảng có 2 ghế bộ trưởng và hai ghế nữa sẽ dành cho các phần tử không đảng phái. Quyết định này bị phản ứng quyết liệt trong đảng. Một đồng chí đã hỏi “Hải Thần có phải là cục phân bản thiu?”. H trả lời “*Nhưng nếu dùng để bón lúa được thì tại sao lại không dùng?*” Khi một số cho rằng Việt minh và phe đối lập như lừa với nước, có sao lại nhượng bộ 70 ghế, H châm biếm: “*Nếu lấy lừa để đun sôi nước, thì lại có thể uống được đấy*”.

Ngày 1/1/1946, chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt tại Nhà hát Lớn. HCM kêu gọi bầu cử dân chủ và thống nhất các lực lượng vũ trang. Hải Thần cũng phát biểu, nhận một phần trách nhiệm về sự chậm trễ trong việc hoà hợp dân tộc và hứa sẽ hợp tác chống Pháp.^{xcii} Ngày 6/1 cuộc tổng tuyển cử đầu tiên được tiến hành trên toàn quốc và các vùng do Việt minh kiểm soát ở Nam bộ. Việt minh nhận được 97% phiếu và lẽ ra sẽ có 300 ghế quốc hội, nhưng 70 ghế phải nhượng cho phe đối lập. HCM cũng ra ứng cử tại Hà nội và được 98.4% phiếu bầu

Trong một cuộc hội nghị tháng 11, TU đã ra nghị quyết hy vọng là Pháp có thể dành độc lập cho Đông dương để đổi lấy những lợi ích kinh tế. Paris thì lại nghĩ khác và không muốn đàm phán gì trước khi chủ quyền của Pháp được phục hồi. Cuối tháng 9, De Gaulle điện cho Leclerc “*Việc của ngài là khôi phục lại sự cai trị của Pháp và tôi rất lấy làm tiếc là ngài vẫn chưa làm điều đó*” . Trong khi đó, Leo Pignon và Alessandri lại coi H là

người có bản lĩnh, tin cậy và đáng đàm phán. Cedile cũng điện từ Sài Gòn cho rằng có nhiều phần tử ôn hoà trong chính phủ và nên đàm phán. Ngày 10/10 Paris điện cho Alessandri đề nghị thương lượng với Hà nội về các vấn đề trên toàn Đông dương. Hai ngày trước đó, Jean Sainteny trở lại Việt nam với tư cách đại diện toàn quyền cho Pháp tại Bắc bộ và Bắc Trung bộ, sau chuyến đi sang Ấn độ thăm tướng D'Argenlieu để xin từ chức vì bất mãn, bị từ chối. Sainteny ở trong toà nhà Ngân hàng Đông dương. Sainteny gặp H lần đầu tiên vào giữa tháng 10 cùng với một quan chức thực dân cũ là Pignon. H đi cùng với bộ trưởng văn hoá Hoàng Minh Giám. Mặc dù là người đàm phán cứng rắn và yêu nước Pháp, Sainteny rất kính trọng H và tự đáy lòng, ông này cảm thấy H thân Pháp. Nhiệm vụ của Saiteny là thuyết phục để H đồng ý cho quân Pháp quay trở lại Bắc bộ, đổi lấy việc Pháp sẽ thương lượng để đuổi Tưởng đi. Tại lúc đó, tướng Leclerc đang có 8000 quân ở Nam bộ từ Sư đoàn số 2 đã nổi tiếng trong chiến dịch Normandy. Pháp không dễ dàng tràn vào bằng vũ lực bởi ngoại trừ sự chống đối của Việt minh, còn có hơn 30000 quân Tưởng đang thông thả “giải giáp” quân Nhật. S đã cảnh báo chính phủ Pháp “tuyệt đối chưa dùng vũ lực, vì sẽ vấp phải sự chống đối mạnh mẽ”. Ngay từ đầu, H đã thành thật thú nhận là ông không yêu cầu độc lập ngay lập tức. Ông đồng ý để Pháp quay lại với một chân trong liên hiệp Pháp nếu Pháp đồng ý độc lập trong vài năm tới. Nhưng mọi việc không dễ dàng, rắc rối đầu tiên là câu chữ, H đề nghị phải dùng chữ “Independence” trong văn bản cuối cùng, trong khi đó De Gaul không chịu chấp nhận. Leclerc, sau khi đi thăm tướng Mountbatten về, định hoà giải bằng cách đề nghị Paris có một thể chế phù hợp cho Đông dương sau chiến tranh (ông này dùng chữ “Autonomie”), liền bị De Gaul chửi mắng thậm tệ “*Nếu tôi mà nghe mấy thứ nhảm nhí này thì để quốc Pháp đã tiêu vong lâu rồi. Hãy đọc thật kỹ câu chữ trong tuyên bố tháng 3 của Pháp về Đông dương*”. Vấn đề gây tranh cãi thứ hai là quy chế của Nam bộ, H muốn gộp chung cả vào đàm phán nhưng Saiteny cho rằng dân chúng ở thuộc địa cũ của Pháp này phải được tự do lựa chọn thể chế cho mình. Cả hai tranh cãi liên miên mấy tuần liền trong căn phòng mịt mù khói thuốc. Sainteny hút tẩu sang trọng, còn H hút đủ thứ thuốc Tàu, Mỹ và Gaulois Pháp. Thịnh thoảng H xin nghỉ để hội ý với chính phủ mình, hoặc xin ý kiến “Cố vấn” Vĩnh Thụy. Thái độ của H với Bảo đại làm S và nhiều người khác ngạc nhiên. H bao giờ cũng tỏ ra rất lễ phép. H còn mắng cán bộ của mình đã gọi là “ông cố vấn” mà không phải là “thưa Ngài”. Có lần H còn đề nghị Bảo đại làm người đứng đầu nhà nước trong tương lai. Như cố vấn tối cao, BĐ dự tất cả các cuộc họp chính phủ và cảm thấy như ở nhà, kể cả trong quan hệ với những kẻ cứng rắn như bộ trưởng tuyên truyền Trần Huy Liệu, trước đây đa số thời gian là sống ở Nga hoặc trong tù. Thoạt tiên BĐ có cảm tình với H so với mấy tay đối lập bám đít Tưởng. Ông chủ tịch yếu đuối và mềm dẻo này, thích nói chuyện văn thơ hơn chính trị và có vẻ giống một nhà nho hay thầy đồ hơn là điệp viên của QTCS hay chủ tịch nước. Dần dần BĐ cũng nhận ra bộ mặt thật của H và chính phủ. Khi nghe tin Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi bị bắt, BĐ đã phản đối và đề nghị thả. H âm ừ nói rằng nhân dân sẽ không hiểu (hai ông này đều bị thủ tiêu). Khi xung đột giữa các phe phái tăng cao, BĐ được cử đi Thanh hoá lánh nạn. Trở về, ông được bầu vào đại biểu quốc hội và thịnh thoảng theo H đi thăm thú để nhân dân thấy rằng ông vẫn còn sống.

Trong những tuần đầu 1946, dưới vỏ bọc của chính phủ liên hiệp mới, H nổi lại các cuộc thương lượng với S. Cũng quãng thời gian đó, Kenneth Landon, chuyên gia về các vấn đề châu á của vụ ĐNA Bộ ngoại giao Mỹ đến Hà nội để tìm hiểu tình hình. S hứa với Landon rằng chính phủ Pháp sẽ tìm cách hoà giải với Việt nam. Nhưng H lại không lạc

quan khi trao đổi riêng với Landon. H nghi ngờ sự thành thật của chính phủ Pháp và khẳng định quyết tâm sắt đá của VN giành lại độc lập. H nhờ Landon chuyển bức thư cho tổng thống Truman kêu gọi Mỹ ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt nam, trong bối cảnh Mỹ đang chuẩn bị trao trả lại độc lập cho Philippines^{xcii}. Những nghi ngờ của H đối với Pháp xem ra là có cơ sở. Tại Paris, bộ ngoại giao Pháp thông báo cho đại sứ Mỹ Jefferson Caffery rằng Pháp sẽ “thoáng” trong đàm phán, tuy nhiên vấn đề độc lập hoàn toàn của Việt nam chưa được xét đến lúc này. Trong báo cáo sau đó cho Washington, Caffery nhận xét: chính sách về Đông dương của chính phủ Pháp đang bị một số viên tướng thủ cựu lũng đoạn.

Tuy nhiên tình hình biến chuyển theo chiều hướng có lợi cho đàm phán. Paris cần một số tiền bộ tại Hà nội để hỗ trợ cho cuộc đàm phán với Tưởng ở Trùng Khánh về việc quân Pháp sẽ thay thế quân Tưởng ở Bắc bộ. Chính phủ xã hội mới của Felix Guin thay thế De Gaul cũng tỏ ra mềm mỏng hơn. D’Arengeulieu quay về Pháp để xin ý kiến chính phủ mới, không quên dặn Leclerc chưa vội nhượng bộ với chữ “Independence”. Ngày 14/2, Leclerc điện về Paris “*đang có cơ hội để chính phủ Pháp ra tuyên bố ủng hộ việc dùng chữ Độc lập cho toàn Đông dương, nhưng có giới hạn, trong khuôn khổ khối Liên hiệp Pháp*”. Đáng tiếc là D’Argenlieu, một người bảo thủ được mệnh danh là “bộ óc thông minh nhất của thế kỷ 12” đã không chấp nhận ý tưởng này.^{xciii} Trước khi từ chức, De Gaul cũng cử bộ trưởng Max Andre sang thăm dò thái độ của H. Theo Pháp, H sẵn sàng chấp nhận sự quay lại của Pháp với một số điều kiện.

Mặt khác, H phải đối diện với nhiều sức ép bên trong về việc không được nhượng bộ Pháp. Báo chí đòi lập ra sức đả kích vụ H đàm phán với Pháp, đòi giải tán chính phủ “của bọn phản bội” đang bán đứng quyền lợi dân tộc cho Pháp. H càng khó thoả hiệp trong bối cảnh Pháp càng ngày càng đẩy mạnh chiến tranh tại phía Nam. Tháng 11/1945, mặc dù bị VM bao vây, Pháp vẫn chiếm thành phố nghỉ mát Nha trang. Vài tuần sau, quân của tướng Alessandri vượt biên giới tại Lai châu, bắt đầu chiến dịch đóng cửa biên giới, cắt đứt liên hệ của VM với Nam Trung hoa. Khoảng giữa tháng 2/46 Pháp cảnh báo VN phải thoả hiệp nhanh vì hiệp định Hoa-Pháp sắp được ký. 18/2, S điện về Paris thông báo H đã nhượng bộ không dùng chữ “Independence” mà chỉ cần Pháp “công nhận những nguyên tắc tự trị của Việt nam, trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp”. D’A đồng ý trên nguyên tắc. Ngày 20/2, hãng Reuters công bố những điều khoản của hiệp định Trùng Khánh sắp được ký kết, cho phép quân Pháp vào thay thế quân Tưởng. Paris cũng lệnh cho Leclerc chuẩn bị đổ bộ ra Hải phòng. Hà nội rối loạn. Những phần tử đối lập, vốn đang tức việc H đàm phán với Pháp, kêu gọi tổng bãi công và đòi H từ chức, lập chính phủ mới do “Công dân” Vĩnh Thụy đứng đầu. Hai bên đã đụng độ ở khu vực quanh hồ Hoàn Kiếm. Ngày 22/2, H trả lời phỏng vấn, không bình luận về tin đồn về hiệp định Hoa-Việt. Trên thực tế, chính phủ tích cực chuẩn bị chiến tranh, thành lập thêm các đơn vị dân quân tự vệ, bắt đầu sơ tán trẻ em và người già khỏi thành phố. Sainteny, đã đồng ý với nguyên tắc tự trị của VN (nhưng không nhắc đến từ độc lập), lại nêu yêu cầu mới, đòi hỏi chính phủ Việt nam phải có sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp dân chúng mới có thể đứng ra ký hiệp định. H cũng chỉ đạo đẩy nhanh kỳ họp quốc hội lần thứ nhất mới được bầu tháng giêng, lập ra chính phủ liên hiệp. Nhưng Việt quốc được Tưởng ủng hộ, kiên quyết đòi đa số trong chính phủ. Có vẻ như có lúc H đã mất hy vọng. Theo Bảo đại, sáng 23/2, H bất thành linh đến thăm và đề nghị Bảo đại ra nắm quyền.

“Thưa ngài, tôi không biết làm gì hơn. Tình hình căng thẳng. Tôi hiểu rõ người Pháp không muốn nói chuyện với tôi. Tôi không thuyết phục được đồng minh ủng hộ. Cả thế giới bảo tôi đồ quá. Tôi đề nghị ngài hy sinh một lần nữa và ra nắm chính quyền”.

BĐ từ chối, nhưng sau khi tham khảo ý kiến các cố vấn đã nhận lời. Nhưng H lại đổi ý. Chiều đó, H gặp lại BĐ

“Thưa ngài, hãy quên những điều tôi nói lúc sáng. Tôi không có quyền từ bỏ những trách nhiệm của mình lúc khó khăn. Trả lại quyền lực cho ngài là sự hèn nhát của tôi. Xin ngài hãy tha lỗi cho phút yếu mềm và ý định chuyển gánh nặng trách nhiệm cho ngài. Tôi có kế hoạch từ chức chẳng qua vì sự chống đối quyết liệt của phe đối lập với hiệp định mà tôi đang thảo luận với Pháp.”

Cái gì đã làm H thay đổi ý định? Chỉ biết là ngày hôm sau, thấy các bên thông báo là đã thoả thuận được thành phần chính phủ liên hiệp. Hai bộ quan trọng nhất là Nội vụ và Quốc phòng được trao cho các phần tử trung lập. Việt minh và các đảng khác chia nhau 8 ghế còn lại. Theo Võ Nguyên Giáp, H đã nhờ Tiêu Văn, vốn rất ghét Pháp, thuyết phục phe đối lập thoả hiệp để có thể thành lập chính phủ chống Pháp.^{xciv}

D’A quay lại Sài gòn ngày 27/2. Cùng ngày, ông đồng ý bản hiệp định khung do S đề nghị, công nhận Việt nam là “Nhà nước tự do, có quốc hội, quân đội và tài chính riêng” nhưng không chấp nhận quyền tự trị của VN trong đối ngoại cũng như sự thống nhất về chính trị và lãnh thổ giữa 3 miền. Tuy nhiên vấn đề thống nhất có thể giải quyết thông qua trung cầu ý dân. Cùng ngày tại Trùng khánh, Pháp đồng ý bỏ yêu cầu về các lãnh thổ hải ngoại tại Quảng châu và Thượng hải và sẵn sàng ký hiệp định Hoa Việt. Tất cả đã sẵn sàng để quân Pháp quay trở lại Bắc bộ. Paris tức tốc điện cho Leclerc: “Hãy giương buồm lên”

Ngày 2/3, Quốc hội họp phiên đầu tiên tại Nhà hát lớn. Cả toà nhà tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Hơn 300 đại biểu, khách mời và phóng viên tham dự. Trong bộ quần áo kaki nổi tiếng H bước lên diễn đàn đề nghị quốc hội chấp nhận 70 đại biểu của Việt quốc và ĐMH đang phải đợi ở phòng chờ. Sau khi được chấp nhận, H tuyên bố khai mạc quốc hội đại diện cho toàn thể dân tộc Việt nam và đại diện cho chính phủ liên hiệp lâm thời xin từ chức. Quốc hội đã nhất trí bầu H làm chủ tịch, Hải Thần làm phó chủ tịch mặc dù ông này cáo ốm không đến dự. H tuyên bố thành lập Uỷ ban dân tộc kháng chiến đấu tranh cho độc lập hoàn toàn của dân tộc và Hội đồng cố vấn quốc gia do Bảo đại làm chủ tịch. Cùng ngày hạm đội Pháp chở đạo quân của tướng Leclerc rời Sài gòn nhằm hướng Hải phòng thẳng tiến.

Ngày 5/3 H triệu tập lãnh đạo đảng họp tại Hương canh ngoại ô Hà nội (sau khi TU’ đã họp ngày 24/2) để đánh giá tình hình và đề ra chiến lược thích hợp. ý kiến rất khác nhau. Một số đòi đánh ngay lập tức, số khác thì đề nghị theo Tàu chống Pháp... Đánh giá là lực lượng vũ trang Việt minh còn quá yếu, H khẳng định cần phải hoà hoãn bằng mọi giá. Có lúc H phải hét lên: *“Các người quên lịch sử rồi sao? Mỗi khi bọn Tàu đến, chúng ở lại hàng ngàn năm. Tây thì bắt quá ở vài năm rồi cũng sẽ phải cuốn xéo”*. Sau này khi nói chuyện với nhà sử học Pháp Paul Mus, H dùng từ còn kinh hơn: *”Thà người c. Tây một lúc, còn hơn ăn c. Tàu cả đời”^{xcv}*. Cuối cùng quan điểm của H thắng thế. Nghị quyết cuộc họp nêu rõ: “Vấn đề bây giờ không phải là đánh hay không. Mà là biết ta và biết người, đánh giá đúng tình hình để có hành động thích hợp. Tình hình hiện tại phức tạp hơn nhiều so với lúc xảy ra CMT8. Khi đó, các lực lượng đối lập hoặc không muốn hoặc không thể ngăn cản. Bây giờ, được Tưởng giúp sức, chúng sẵn sàng manh động chống chính phủ. Lúc đó, đồng minh đang lộn xộn, chúng ta có thể khai thác những mâu thuẫn. Bây giờ

mâu thuẫn đã tạm thời lắng xuống. Lực lượng tiến bộ do LX lãnh đạo thì ở xa, chẳng cách nào giúp được cách mạng VN. Bởi vậy “chiến đấu đến cùng” chẳng khác gì tự làm yếu và cô lập mình”. Nghị quyết cũng nêu rõ, hoà hoãn với Pháp sẽ làm cho chính phủ bị chủi là bán nước, giúp Pháp củng cố lực lượng tấn công miền bắc. Nhưng hoà hoãn với Pháp sẽ làm Tưởng suy yếu, kéo theo bọn cơ hội dân tộc chủ nghĩa. Hoà hoãn cũng giúp chính phủ có thời gian chuẩn bị đầy đủ các điều kiện lâu dài cho cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn. Cuối cùng nghị quyết yêu cầu Pháp phải công nhận các quyền tự quyết và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt nam.

Cùng ngày 5/3, hạm đội Pháp của Leclerc tiến vào vịnh Bắc bộ. Bất ngờ Saiteny nhận được điện từ Sài gòn thông báo, Tưởng từ chối cho Pháp đổ bộ nếu không có những nhượng bộ nữa. Ủy ban kháng chiến quốc gia cũng ra lời kêu gọi chuẩn bị đứng lên bảo vệ đất nước. Quân Pháp lên bờ chắc chắn sẽ vấp phải sự kháng cự của cả Việt nam lẫn Tưởng. Leclerc hoảng quá, yêu cầu S phải làm mọi cách để thoả thuận với các bên, kể cả “hứa những điều mà sau này sẽ vứt đi”. Cuối ngày hôm đó, S gặp H. Cảm nhận được cuộc đàm phán Hoa – Pháp đang gặp khó khăn, H thừa cơ đòi thêm chữ “independence” và toàn vẹn lãnh thổ. S hứa sẽ tổ chức trưng cầu ý dân 3 miền về việc thống nhất nhưng kiên quyết từ chối dùng từ “Independence”. Cuộc đàm phán chẳng đi đến đâu.

Sáng hôm sau, hạm đội Pháp tiến vào vịnh Hải phòng. 8h30, tàu đổ bộ Pháp được hạ xuống cửa sông Cẩm. Quân Tưởng trên bờ nổ súng. Sau chừng 15 phút suy nghĩ, quân Pháp đã bắn trả. Đạn vãi như mưa trên đường phố Hải phòng đến tận 11h. Kết quả, một số tàu Pháp bị hư hại, một kho đạn của Tưởng bốc cháy dữ dội. Tại Hà nội, tình hình lại tiến triển thuận lợi. Sau khi tư vấn với các đồng chí, H quyết định nhượng bộ. Hoàng Minh Giám được phái đến biệt thự của S thông báo VN đồng ý những điều kiện của Pháp, thay chữ “independence” bằng chữ “Free state”. Khoảng 4h chiều, tại toà biệt thự trên Lý Thái Tổ đối diện với Bắc bộ phủ, toàn văn bản hiệp định đã được công bố trước các đại diện Việt nam, Pháp và một số nhà quan sát khác. Hiệp định thừa nhận Việt nam dân chủ cộng hoà “là một quốc gia tự do, có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp”. Pháp cũng đồng ý việc tiến hành trưng cầu ý dân ở cả ba miền để thống nhất đất nước. Đổi lại Việt nam đồng ý để 15000 quân Pháp vào Bắc bộ thay thế quân Tưởng. HCM ký trước rồi đưa cho thứ trưởng quốc phòng Vũ Hồng Khanh (Việt quốc) ký tiếp theo. Sau lễ ký, đáp lại sự hài lòng ra mặt của S, H phát biểu: “*ông đã thắng, ông biết rằng tôi muốn nhiều hơn thế. Nhưng tôi hiểu rằng không thể có mọi thứ ngay một lúc*”. Sau đó H bình thản lại ngay, quay sang nói với Pignon và S: “*Tôi có một điều an ủi, đó là tình bạn giữa chúng ta*”. Ban chấp hành TƯ họp sau lễ ký bàn cách tuyên truyền về hiệp định. Hoàng Quốc Việt được cử đi Sài gòn, Hoàng Minh Giám đi Huế, Võ Nguyên Giáp đi Hải phòng để giải thích về nội dung bản hiệp định.

Tin về bản hiệp định được loan trên các báo ngay sáng hôm sau và được dân chúng đón nhận với sự thờ ơ chen lẫn ngạc nhiên và giận dữ. Tình hình ở thủ đô khá căng thẳng. Các báo đối lập gọi H là Việt gian. Đảng quyết định tổ chức một cuộc mít tinh của quần chúng trước cửa nhà hát lớn lúc 4h chiều để ủng hộ chính phủ. Phe đối lập đã cài người vào để gây kích động, một kẻ giấu mặt thậm chí đã ném một quả lựu đạn, may mà quen rút chột. Giáp vừa mới quay về từ Hải phòng, lên diễn đàn giải thích nội dung hiệp định và kêu gọi mọi người bình tĩnh giữ vững trật tự. Giáp so hiệp định này với hiệp định Brest Litovsk mà Lê nin đã ký với Đức năm 1918, tuy có nhượng bộ một phần lãnh thổ Nga nhưng cuối cùng dẫn đến độc lập hoàn toàn. Tiếp theo một số diễn giả, H xuất hiện trên ban công:

Đất nước chúng ta được tự do từ tháng 8/1945. Nhưng đến giờ, chưa có một cường quốc nào công nhận điều đó. Bản hiệp định này mở đường cho việc công nhận quốc tế và nâng cao vị thế của Việt nam trên thế giới. Chúng ta đã trở thành một dân tộc tự do. Quân Pháp sẽ rút khỏi Việt nam. Đồng bào cần phải bình tĩnh, giữ gìn kỷ luật, củng cố khối đoàn kết dân tộc. Tôi, HCM, đã cùng với các đồng chí của mình chiến đấu suốt đời vì độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không thể phản bội đất nước của mình.

Sự chân thành và xúc động trong phát biểu của H đã gây ấn tượng. Buổi miting kết thúc trong tiếng hô vang dậy “HCM muôn năm”. Nhưng các lãnh đạo đảng thì thực tế hơn. Hai ngày sau, ủy ban thường vụ ra nghị quyết với tên gọi “Hoà để tiến”, nêu rõ “Tổ quốc đang lâm nguy, thoả thuận với Pháp cho chúng ta thêm thời gian bảo toàn lực lượng, củng cố vị trí để có thể nhanh chóng tiến tới độc lập hoàn toàn”. Giáp quay lại Hải phòng để đàm phán với L về các điều khoản quân sự quy định trong hiệp định tạm thời. Nguyễn Lương Bằng được cử lên Thái nguyên để chuẩn bị căn cứ kháng chiến, Hoàng Văn Hoan được cử đi Thanh hoá cũng với mục đích đó. H gửi thư cho đồng bào Nam bộ thông báo về việc ngừng bắn, nhưng kêu gọi giữ vững kỷ luật và chuẩn bị. Tại Paris, bản hiệp định được chào đón tích cực. Bộ trưởng thuộc địa Marius Moutet trình lên chính phủ và được phê duyệt về nguyên tắc. Thủ tướng Pháp Bidault còn gọi đây là mô hình để giải quyết tình hình ở các nước thuộc địa khác. Trong nước, các phần tử đối lập vẫn đòi chính phủ tìm kiếm sự ủng hộ của Tưởng hoặc Mỹ. Cố vấn Vĩnh Thụy xin và được phép đi Trung khánh để trực tiếp kêu gọi Tưởng Giới Thạch giúp đỡ.^{xvii}

Ngày 18/3, 1200 quân Pháp trên 200 xe quân sự, chủ yếu là của Mỹ, tiến qua cầu Paul Doumer vào nội thành Hà nội trong sự hân hoan của kiều dân Pháp. Quân Tưởng đã rút khỏi thành phố trước đó mấy ngày. Dân Việt nam nhìn thấy đội quân được trang bị tối tân của Pháp đều choáng: “*Chúng ta thua mất rồi, họ mạnh quá*”. Trong khi Leclerc thừa biết rằng 1 sư đoàn khó có thể bình định được giải đất này. Chiều đó, Leclerc, Sainteny, Pignon cùng một số sĩ quan khác đến Bắc bộ phủ để chào H và các thành viên chính phủ. Mặc dù H và L nâng cốc chúc mừng tình hữu nghị Việt Pháp, không khí trong phòng họp cũng nặng chằng kém gì ngoài phố. Tối đó, H mở tiệc chiêu đãi. Một trong những khách mời danh dự là thiếu tá Frank White, đại diện mới của OSS. White được xếp ngồi ngay cạnh H làm cho nhiều sĩ quan có cấp cao hơn cùng dự buổi tiệc đó cảm thấy khó chịu. Bản thân White cũng lúng túng. Nhưng H nói: “nếu không nói chuyện với anh thì tôi nói chuyện với ai”. Theo White, không khí rất khách sáo. Bên Pháp thì chẳng có gì mà nói, quân Tàu do Lư Hán đứng đầu thì “say khướt”. Tuy nhiên H cũng bi quan về sự quan tâm của Mỹ tới Đông dương. Sự thực là Truman cũng chẳng buồn động đến lá thư do H gửi kêu gọi Mỹ ủng hộ Việt nam độc lập theo các điều khoản của hiến chương LHQ. Khi nghe tin về hiệp định Việt Pháp, ngoại trưởng Mỹ James Byrnes nói “thế là Pháp đã hoàn thành việc thu tóm Đông dương”. Sau khi Churchill đọc bài diễn văn nổi tiếng về “bức màn sắt” tại Fulton, Missouri, quan tâm hàng đầu của Mỹ là chủ nghĩa cộng sản thế giới, chứ không phải việc công nhận Việt nam là “quốc gia tự do” trong khối liên hiệp Pháp.

Ngày 22/3, một cuộc diễu binh chung được tổ chức gần khu thành cổ Hà nội để hâm nóng “tình hữu nghị Việt Pháp”. Xe của Pháp toàn do Mỹ sản xuất, máy bay Spitfire thì của Anh. Đám đông thì bên nào vỗ tay quân bên đấy. Ngày hôm sau Leclerc rời Hà nội, bàn giao lại cho tướng Valluy. Tuy không có những giao tranh lớn, đã xảy ra đụng độ khi quân Pháp chiếm một số công sở và chỉ chịu rút sau khi nhân dân tổng bãi công.

Khi trao đổi với S, thống sứ Pháp là D'Argenlier ngỏ lời muốn gặp H trực tiếp. H nhận lời ngay vì thấy đây là cơ hội để có thể đàm phán chính thức tiến tới phê duyệt hiệp định

sơ bộ càng nhanh càng tốt. Ngày 24/3, H đội một chiếc mũ rộng vành, cùng với Giám và bộ trưởng ngoại giao mới Nguyễn Tường Tam, lên chiếc thủy phi cơ Catalina, bay đến Hạ long gặp D'A trên chiến hạm Emile Bertin. Sau khi xem những chiến hạm của D'A biểu dương lực lượng, hai bên trao đổi trong cabin của đô đốc. H muốn phê chuẩn hiệp định ngay lập tức. D'A ngược lại, muốn các đại diện khác của Pháp làm quen với những điều khoản căn bản của hiệp định trước. D'A đề nghị tổ chức một cuộc họp trừ bị dự kiến ở Đà Lạt và sau đó sẽ đàm phán tiếp tục ở đó. H đồng ý họp trừ bị, nhưng sợ D'A sẽ kiểm soát tình hình ở Đà Lạt, nên đề nghị chuyển địa điểm đàm phán sang Pháp, hy vọng có thể dùng uy tín cũ ảnh hưởng đến ý kiến của công chúng Pháp vốn đang rất dao động từ sau chiến tranh. S and Leclerc lại vào hòa với H, cho rằng như thế H sẽ đỡ bị sức ép của phe đối lập và quân Tưởng. Cuối cùng D'A cũng đồng ý. Cuộc gặp gỡ này là một bài tập hữu ích cho H. Nó giúp ông được đối diện với một tay thực dân lỗi đời như D'A và đã đứng vững trong cuộc nói chuyện. Trên đường về, H chia sẻ với đệ tử của D'A là tướng Salan: *“Nếu đô đốc nghĩ rằng hạm đội của ông ta làm tôi sợ thì ông ấy làm to. Những chiến hạm to dùng dấy làm sao bơi ngược vào các cửa sông của chúng tôi được.”*

Hội nghị trừ bị được tổ chức tại Đà Lạt vào giữa tháng 4/1946. Đoàn Việt nam gồm có Giáp và Tam đã không thuyết phục được D'A thảo luận về tình hình Nam bộ lúc đó đang có giao tranh dữ dội mặc dù đã có lệnh ngừng bắn. Mậu thuẫn cũng phát sinh khi bàn về vị trí tương lai của VN trong khối LH Pháp. Đoàn VN cho rằng VN sẽ là một quốc gia có chủ quyền trong Liên hiệp. Pháp thì cho rằng LHP là một nhà nước liên bang, mỗi quốc gia tự do cần phải nhượng bộ phần lớn chủ quyền cho cơ chế liên bang và thống sứ do Paris bổ nhiệm. Giáp quay về Hà nội rất thất vọng. H an ủi, hai bên dù sao đã hiểu nhau hơn, các vấn đề khác biệt không phải là quá đối kháng và có thể thoả hiệp trong cuộc đàm phán sắp tới tại Pháp. Năm ngày sau, D'A bay ra Hà nội định thuyết phục H hoãn chuyến đi với lý do cuộc vận động tranh cử ở Pháp đang đến hồi cao trào. D'A còn dọa hình như sắp tới sẽ thành lập Nhà nước Nam bộ tự trị, hoàn toàn đi ngược lại với những gì đã quy định trong hiệp định tạm thời giữa H và Sainteny. H quyết định không nhượng bộ. Ngày 30/5/1946, hơn 50,000 dân đã đội mưa đến khuôn viên Đại học Đông dương để tiễn phái đoàn chính phủ đi Pháp đàm phán hoà bình. Phái đoàn do Phạm Văn Đồng dẫn đầu. H không có trong thành phần đàm phán chính thức mà tham gia với tư cách “Khách mời danh dự” của chính phủ Pháp. Cùng đi có Salan. H thề trước đám đông sẽ phục vụ quyền lợi Tổ quốc và nhân dân Việt nam, kêu gọi nhân dân tuân thủ các yêu cầu của chính quyền khi H vắng mặt và tôn trọng người ngoại quốc. Sáng hôm sau, cả đoàn khởi hành từ Bắc bộ phủ, sang sân bay Gia lâm và cất cánh trên 2 chiếc Dakota. Tất cả đều mặc âu phục trừ H vẫn chiếc áo khoác kaki và đi giày đen.^{xcvii}

Paris chỉ thị cho phi công bay lòng vòng, bảo đảm phái đoàn chỉ đến Pháp khi kết quả bầu cử đã ngã ngũ. Chặng nghỉ đầu tiên là ở Calcuta (sau khi stop tại Miến điện). Ra đón đoàn có Lãnh sự Pháp và đại diện chính quyền Anh. Cả hội được bố trí ở khách sạn Great Eastern hai ngày đi ngắm cảnh. Ngày thứ 4 đi Agra thăm Taj Mahal, sau đó đi Karachi, Iraq, đến Cairo ngày thứ bảy và ở lại đó 3 ngày. Trước khi rời Ai cập, H nhận được tin D'A đã lập nhà nước Nam bộ tự trị và được chính phủ Pháp công nhận. H yêu cầu Salan hành động để dừng biến Nam bộ thành “Alsace-Lorraine mới” có thể dẫn đến cuộc chiến tranh Trăm năm.^{xcviii} Cuộc bầu cử ở Pháp ngày 2/6 đã đánh đổ chính phủ xã hội của thủ tướng Guin. Trong khi chính phủ mới đang được thành lập, không rõ ai sẽ đứng ra tiếp đón chính thức phái đoàn. Paris đành phải lái chuyến bay đến bãi biển Biarritz trên vịnh Biscay. Các quan chức địa phương đã ra đón và đưa H đến khách sạn Carlton ngay bờ

biển, còn các thành viên khác được mời đến chỗ ít sang trọng hơn.^{xcix} Sau đó các thành viên khác được đưa đến Paris, còn thủ tướng bảo thủ mới bầu Georges Bidault phái Sainteny đến hầu chuyện H mấy ngày ở Biarritz cho đến khi chính phủ mới được thành lập xong. H rất lo lắng về diễn biến tình hình Paris và đặc biệt ở là Đông dương. Có vẻ như D'A đang làm mọi cách để phá hoại hiệp định sơ bộ giữa H và Sainteny. S ra sức trấn an H là quốc hội Pháp sẽ không công nhận Nam bộ nếu không có kết quả trưng cầu ý dân. Saiteny cố gắng làm cho H khuây khoả. thỉnh thoảng hai người đến thăm biệt thự của em gái S tại Hendaye, ở đó H chơi đùa hàng giờ với cháu gái của S trên bãi biển. H còn đi xem đấu bò ở biên giới Tây ban nha, thăm tu viện Lourdes. Khi ăn trưa tại làng đánh cá nhỏ Birstou, H đã để lại dòng lưu niệm: “Đại dương và biển cả không thể chia cắt những người anh em gắn bó với nhau”. Có hôm, họ dành cả ngày đi đánh cá trên biển ở St-Jean de Luz. H có vẻ khoái, tự câu được mấy con cá nưừ và tán phét với thuyền trưởng. Khi bàn đến phong trào ly khai xứ Basque ở trong vùng, H nhấn mạnh: “Riêng khoản này tôi có kinh nghiệm hơn anh, tôi e rằng người anh em Basque nên nghĩ rất kỹ trước khi hành động”. Vào những năm sau này, thỉnh thoảng H có nhắc lại đây là một trong những ngày hạnh phúc nhất của đời ông.^c H còn dành một số thời gian cho việc nhà nước. Ông vào vai “Bác Hồ” tiếp các đại diện Việt kiều, công đoàn và phóng viên báo Nhân đạo. H quan tâm đến mọi thứ, mọi người, cư xử hết sức giản dị và nhũn nhặn. Nhưng cũng có lúc H tỏ ra cứng rắn. Khi được một đảng viên xã hội Pháp thông báo là Việt minh đã ám sát phần tử Troskit Tạ Thu Thâu tại Sài gòn, H đã khóc “người yêu nước vĩ đại” nhưng sau đó nói thêm “Tất cả những người đi sai đường đều sẽ bị loại bỏ”. Ngày 22/6 H và S bay đến Paris qua vùng đồng bằng sông Loạ tuyệt đẹp. S kể lại, khi máy bay chuẩn bị hạ cánh “H tái mặt, mắt chớp liên tục, thậm chí cổ họng nghẹn lại, không nói được nên lời”. Khi máy bay chạy chậm trên đường băng, H cầm tay S: “Hãy ở gần tôi. Đông người quá”

Sân bay Bourger quả thật hôm đó rất đông. Cờ Việt nam và cờ Pháp tung bay trong gió. Đón H tận sân bay là Maurius Moutet, bộ trưởng hải ngoại, cũng là bạn cũ của H thời sau Thế chiến I. Sau vài nghi lễ ngoại giao, H được bố trí đưa về căn phòng suit, khách sạn Royal Monceau phố Hoche. Hình ảnh lãnh tụ du kích loay hoay xoay sở với những đồ vật sang trọng của căn phòng khắc đậm trong trí nhớ của Saiteny. S còn nghi ngờ là thể nào H cũng ngủ trên thảm sàn chứ không phải trên giường. Chính phủ Bidault đến tận ngày 26 mới chính thức nhậm chức, bởi thế đàm phán chỉ có thể bắt đầu vào tháng 7. H loanh quanh thăm thú những chỗ trước đây, ra rừng Boulogne rồi đến ngõ Compoint. H còn đề nghị S đưa đến bãi biển Normandy nơi đồng minh đổ bộ. H ngủ tại biệt thự của S ở gần đó và dậy rất sớm để tán gẫu và hỏi kinh nghiệm chăn nuôi của các nông dân Pháp. H còn phải tiếp đón vô số khách khứa, dưới sự chỉ đạo của vụ trưởng lễ tân Jacques Dumaine. Nhưng nói chung là H làm đơn giản, mời tất cả những người muốn phỏng vấn đến ăn sáng với ông từ 6h sáng và ăn mặc bình thường. Kể cả tại tiệc chiêu đãi tân thủ tướng Bidault tối 4/7, H cũng chỉ cài kín cổ chiếc áo kaki của mình cho trang trọng, tuy nhiên vẫn diện đôi dép cao su. Trong một bữa tiệc do S tổ chức tại nhà riêng, H đã gặp lại Albert Sarraut. Ông này kêu lên: “Cuối cùng thì tôi cũng tóm được ngài, tôi đã phải tốn gần cả đời để theo đuổi ngài” rồi ôm chầm lấy rất thân thiết. Saraut chỉ quan tâm không biết trường A. Saraut ở Hà nội có còn không? H cũng xin gặp De Gaule nhưng không được vì Charle “Lón” không thích can thiệp vào công việc của chính phủ sau khi ra nghỉ hưu ở Colombey. Lạ nhất là Leclerc lại tìm cách tránh H mặc dù cả hai có vẻ rất thân nhau ở Đông dương. S cho rằng các hoạt động của L tại Đông dương bị các giới chức

quân sự Pháp phê phán như điên nên ông này tránh đổ thêm dầu vào lửa. Cũng có thể là L cho rằng H đã lừa mình khi khẳng khẳng định là chính phủ VN không chuẩn bị chiến tranh.

11h sáng 2/7, 14 ô tô cùng với Dumaine đón H đến khách sạn Matignon dự lễ tiếp đón chính thức của Bidault. Trong bài phát biểu khai mạc, Bidault xin lỗi về sự chậm trễ tiến hành đàm phán hoà bình và nhắc đến tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc. Ông này miêu tả Khối Liên hiệp Pháp mới sẽ thấm đẫm tính nhân đạo và hy vọng hai bên sẽ đàm phán chân thành và trên tinh thần hiểu biết lẫn nhau. Đáp lời, H nhắc lại Paris là cái nôi của những lý tưởng cao cả của cách mạng Pháp năm 1789. H dự đoán đàm phán sẽ khó khăn nhưng sẽ thành công nếu cả hai bên đều “không làm với người khác những điều mà không muốn người khác làm với mình”^{ci}. Ngày hôm sau, H đi bộ trên đại lộ Champ-Elysees, đặt hoa tại mộ chiến sĩ vô danh cạnh Khải hoàn môn, kéo theo một đám đông người tò mò. H nói đùa “Họ muốn xem Charlie Chaplin của châu á như thế nào.” H cũng đến điện Versailles nơi ông đã trao “Bản kiến nghị” cho lãnh đạo các nước đồng minh thắng trận sau Thế chiến I, thăm mộ Napoleon tại điện Les Invalides và thăm tượng đài kỷ niệm các chiến sĩ du kích bị Đức hành hình trên núi Valerian ở Monmartre.

Cuộc đàm phán chính thức bắt đầu từ ngày 6/7 tại cung Fontainebleau cổ kính. Đoàn Pháp do Max André (đã được De Gaulle cử sang Đông dương hồi tháng Giêng) lãnh đạo. D’A đã đề nghị bay về Paris làm trưởng đoàn nhưng Bidault từ chối vì sợ phản ứng của Việt nam và công chúng Pháp. Thành phần chính trị tương đối hỗn hợp gồm cả đảng viên FCP, đảng Xã hội và đảng Nhân dân cộng hoà (MRP) của Bidault. Tình hình Việt nam trước đàm phán xấu đi nhanh chóng. Ngày 1/6, chính quyền Nam bộ do Nguyễn Văn Thịnh lãnh đạo đã nhậm chức ở Sài gòn. Tại Hà nội, quân Pháp chiếm toà nhà Thống sứ, biểu tượng quyền lực ở Đông dương. Chỉ sau khi bị phía Việt nam phản đối kịch liệt, Valluy mới chịu rút ra và tổ chức canh gác chung cùng với quân đội Việt nam đợi kết quả đàm phán ở Paris. Phạm Văn Đồng đã đả kích những hành động này của Pháp ngay trong phiên khai mạc. Hai bên cũng thống nhất được nội dung gồm 3 phần: vị trí Việt nam trong Liên hiệp Pháp, quan hệ với các nước thứ ba và thống nhất 3 miền. Tuy nhiên các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như tại Hội nghị tháng Tư ở Đà lạt. Người Pháp đặc biệt khó chịu khi nói đến chuyện Nam bộ, đòi rút tất cả các quân của miền Bắc trước khi có ngừng bắn, họ cũng đưa ra một định nghĩa rất hẹp cho khái niệm “quốc gia tự do”. Một số còn tỏ thái độ coi thường bằng cách thường xuyên vắng mặt tại các cuộc họp. Đoàn VN hy vọng sự ủng hộ từ FCP và may ra thì từ đảng Xã hội. Báo chí hai đảng này đều có thái độ ủng hộ HCM rõ rệt. Trước đó đoàn đại biểu quốc hội cũng đã đến Pháp và nói lại quan hệ với FCP. Tuy vậy, mặc dù nhiều đảng viên FCP có thiện chí với ước vọng của VN, lãnh đạo đảng tỏ ra nghi ngờ trước động thái giải tán ICP hồi tháng 11 năm ngoái. FCP cũng đang bị cuốn vào làn sóng khôi phục tinh thần dân tộc chủ nghĩa sau chiến tranh tại Pháp. S đã biết thái độ của FCP khi ông trình bản hiệp định sơ bộ lên Maurice Thorez, một thợ mỏ được đôn lên phó thủ tướng. Thorez duyệt bản hiệp định và nói thêm: “Nếu Việt nam không tuân thủ những điều khoản này, hãy để nòng súng nói chuyện hộ chúng ta”^{ci}. H không tham gia vào cuộc đàm phán chính thức mà lợi dụng tất cả các cơ hội bằng uy tín và sự cuốn hút của mình để tìm kiếm sự ủng hộ cho sự nghiệp của Việt nam. Có người gọi những hoạt động này là “Chiến dịch làm duyên” của H. H gặp đại diện tất cả các đảng phái chính trị, nói chuyện với tất cả các nhà báo và trí thức nổi tiếng. H còn đề nghị ông bạn cũ là Thorez giúp ảnh hưởng đến chính phủ Pháp. Không rõ Thorez trả lời thế nào.

Do không có thông tin từ các cuộc hội đàm, xem ra công chúng thì ủng hộ Việt nam còn phe bảo thủ chống lại. Không khí khá nóng trong xã hội Pháp. Ngày 12/7 HCM tổ chức cuộc họp báo để trình bày quan điểm của chính phủ mình. H nhấn mạnh, VN tìm kiếm độc lập dân tộc và không tán thành phương án liên bang. Tuy nhiên VN sẵn sàng chấp nhận độc lập trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp. H tuyên bố các tỉnh Nam bộ là một phần không thể tách rời của Việt nam và không thể đàm phán riêng rẽ. H hứa sẽ bảo vệ tất cả các tài sản và quyền lợi kinh tế của Pháp ở Đông dương, bảo đảm quyền ưu tiên cho Pháp khi Việt nam cần sự trợ giúp của nước ngoài. Khi một phóng viên Mỹ hỏi, có phải H là cộng sản? H thừa nhận là học trò của Marx, tuy nhiên cho rằng chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi một nền công nghiệp phát triển do đó không có điều kiện xây dựng ở VN. Ai mà biết được bao giờ giấc mơ thế giới đại đồng của Marx được thực hiện. 2000 năm trước Jesus cũng đã dạy ta phải yêu kẻ thù của mình, bây giờ có thấy ở đâu đâu?^{ciii}

Tại Sài gòn, D'A bắt đầu các hành động nhằm gây ảnh hưởng đến cuộc đàm phán. Ngày 23/7, có tin đồn là D'A dự kiến sẽ tổ chức hội nghị tại Đà Lạt ngày 1/8 để thành lập liên bang Đông dương gồm Nam bộ, Nam Trung bộ, Tây nguyên, Lào, Cambodia. Phạm Văn Đồng lập tức bỏ cuộc họp, phía Pháp phải hứa trình chính phủ xem xét. Việt minh cũng tiến hành một loạt các cuộc tấn công vào các quyền lợi của Pháp. Ngày 26/7, H đến Fontenebleau và thuyết phục được 2 bên ngồi lại bàn đàm phán. Nhưng không được bao lâu. Ngày 1/8, D'A vẫn tiến hành hội nghị Đà Lạt, đoàn VN sau khi chính thức phản đối, không được chính phủ Pháp trả lời, đã rời bàn họp. H lại phải nhờ đến ông bạn cũ Moutet để tìm ra công thức nối lại đàm phán. Moutet cho rằng đàm phán với H vẫn là tốt hơn cả, trên tinh thần hiệp định sơ bộ 6/3. Tuy nhiên hai bên phải giảm volume chửi bới, tuyên truyền và khiêu khích. Moutet dự đoán là VM sẽ thắng trong bất cứ cuộc bầu cử tại Nam bộ nếu pháp luật ở đó không được khôi phục. Cuối tháng 8, các cuộc đàm phán được nối lại. Tuy nhiên phía Pháp kiên quyết không chịu chấp nhận độc lập của VN cũng như định chính xác ngày trưng cầu ý dân tại Nam bộ, ngày 10/9 đoàn Việt nam bỏ bàn họp. Ba ngày sau, họ lên tàu về nước để HCM ở lại một mình.

Khi đàm phán rơi vào bế tắc, S đã đề nghị H về nước để dẹp những tư tưởng chống Pháp ở trong nước, nhưng H không thể ra về “tay trắng” và quyết định ở lại. Chính phủ Pháp gây sức ép bằng cách không trả tiền tại Roayl Monceau. H chuyển đến nhà người quen là Raymond Aubrac tại Soysy-sous-Montmorency và tiếp tục tiếp khách, trả lời phỏng vấn. H kêu gọi Moutet “đừng để tôi rời Pháp trong tình trạng này, hãy trang bị cho tôi chống lại những kẻ muốn diệt tôi, ông sẽ không phải tiếc”. Ngày 11/9, H tổ chức họp báo nhấn mạnh VN muốn tìm kiếm thỏa thuận. H cho rằng những mâu thuẫn hiện tại cũng như mâu thuẫn trong gia đình, dự đoán có thể ký hiệp định trong 6 tháng và hứa sẽ ổn định tình hình tại Đông dương. Cùng ngày H gặp đại sứ Mỹ Jefferson Caffery tại đại sứ quán. Caffery trong báo cáo về Washington đã nhận định rằng H rất có tư cách và đúng mực trong nói chuyện, dự định lôi kéo Mỹ vào đàm phán để gây sức ép với Pháp. Ngày hôm sau, H gặp George Abott, bí thư thứ nhất sứ quán Mỹ sau này là tổng lãnh sự Mỹ tại Sài gòn. H nhắc lại chuyện hợp tác với Mỹ trong chiến tranh, bày tỏ sự ngưỡng mộ với Rousevelt, kêu gọi Mỹ giúp đỡ kinh tế cho Việt nam vì Pháp quá nghèo không thể làm gì được. Cuối buổi, H nhắc khéo về chuyện Mỹ có thể sử dụng Cam Ranh làm căn cứ hải quân cho mình.

Một số chuyên gia châu á của Bộ ngoại giao Mỹ cũng tỏ ra lo ngại. Abott Low Moffat của vụ ĐNA trong một bức thư gửi thứ trưởng phụ trách các công việc Viễn đông John Carter Vincent đã cảnh báo: “tình hình đã trở nên nghiêm trọng” ở Đông dương do Pháp

vi phạm hiệp định 6/3. Người Việt rất phẫn nộ về các hành động của Pháp dẫn đến Pháp sẽ sử dụng vũ lực để tái chiếm Đông dương. Moffat khuyên cáo bộ ngoại giao nên “bày tỏ Mỹ hy vọng Pháp sẽ tuân thủ các điều khoản của hiệp định 6/3, ổn định trật tự và bảo đảm quyền lợi của các dân tộc phụ thuộc”. Tất nhiên chính phủ Truman chẳng đại gì mà dây với Pháp vào thời điểm chính trị nhạy cảm này của nước Pháp. Thêm nữa, có tin tin báo chính phủ Hà nội chẳng qua là công cụ của Kremlin để mở rộng ảnh hưởng sang châu á. Tháng 8, tổng lãnh sự Charles Reed nhận được điện phải tìm hiểu tương quan giữa cộng sản và không cộng sản trong chính phủ, cũng như đường lối của H và các đồng chí. Reed đã thông báo cho Washington rằng người VN đều tin là Mỹ ủng hộ Pháp, bằng chứng là lính Pháp cưỡi xe Jeep chạy trên đường, khí tài quân sự mà Pháp sử dụng được lấy từ kho quân dụng của Mỹ ở Manila nên vẫn còn nguyên phù hiệu của quân đội Mỹ. Bộ ngoại giao đã báo cho Nhà trắng về tình hình này, nhưng Truman quyết định không can thiệp.

Quyết định của H ở lại Paris sau khi cả đoàn đàm phán đã về nước đã gây nên tranh luận lớn. Một số nhà quan sát Pháp cho rằng H muốn ăn vạ chính phủ Pháp những điều mà H không thoả thuận được trên bàn đàm phán. Một số cho rằng lời kêu gọi tới Moutet là không chân thành vì cuối cùng H đã ra lệnh cho chính phủ tiến hành chiến tranh chống Pháp, mà nếu có chân thành thì đã chắc gì H bảo được đám đàn em cũng như kiểm soát được tình hình lộn xộn ở Đông dương. Đúng thế, ở Việt nam, và thậm chí ngay trong giới Việt kiều ở Pháp, tinh thần chống Pháp đang lên cao và H chịu sức ép to lớn trước bất kỳ thoả hiệp nào. Saiteny thì tin rằng H chân thành, bằng chứng là H đã bỏ nhiều công sức để xoa dịu lòng căm thù Pháp trong dân chúng. Bidault thì cho rằng H chỉ diễn “tình hữu nghị” còn trên thực tế đã chỉ đạo Hà nội chuẩn bị chiến tranh.^{civ}

Bidault không phải là không có lý, Trong một cuộc phỏng vấn H ngày 11/9, phóng viên Newyork Times David Schoenbrun đã hỏi thẳng: “Liệu ông có nghĩ chiến tranh là không thể tránh khỏi?”. H đã trả lời “Chắc chắn chúng tôi sẽ phải chiến đấu. Người Pháp ký hiệp định và vẫy cờ chào đón tôi. Nhưng tất cả chỉ là để che mắt”. Khi David cho rằng bắt đầu cuộc chiến tranh mà thiếu quân đội và vũ khí thì thật là vô vọng, H đã phản đối: *Không, không vô vọng. Đó sẽ là một cuộc chiến gay go và quyết liệt nhưng chúng tôi sẽ thắng. Chúng tôi có một vũ khí mạnh chẳng kém những cỗ đại bác: đó là tinh thần dân tộc! Đừng có đánh giá thấp điều đó. Người Mỹ chắc hẳn phải nhớ là một đám nông dân chân đất Mỹ đã đánh thắng quân đội hoàng gia Anh như thế nào*

David cho rằng đó là chuyện xưa rồi. Còn bây giờ vũ khí đã phát triển đến mức quyết định. H nhấn mạnh, vũ khí lúc nào có thể mua được, và tinh thần anh dũng của con người mới là quyết định, như các du kích Nam tư đã đánh thắng phát xít Đức. “*Hàng triệu cây tầm vông sẽ mọc lên sau lưng quân thù*” và đây sẽ là cuộc chiến

Giữa hổ và voi. Nếu hổ đứng yên, chắc chắn voi sẽ đâm bẹp. Nhưng hổ nấp trong rừng và sẽ xuất hiện ban đêm, cắn một miếng rồi lại biến mất vào rừng sâu. Dần dần voi sẽ chảy hết máu mà chết. Đó sẽ là cuộc chiến tranh Đông dương

Do vẫn có hy vọng là FCP sẽ lên nắm quyền ở Pháp, Thorez đã thuyết phục H hoãn tiến hành các hoạt động quân sự để tìm biện pháp ngoại giao. Ngày 14/9 ngay trước khi đi gặp Moutet, H đã cảnh cáo Saiteny là nếu không đạt được thoả thuận, chắc chắn chiến tranh sẽ xảy ra. “*Mỗi người các ông bị giết, các ông sẽ giết 10 người của chúng tôi. Nhưng các ông mới là người hết hơi trước*”. Trong cuộc gặp H đã đề nghị hai bên cùng chịu trách nhiệm về tình hình ở Nam bộ, nhưng Moutet từ chối, cho rằng Việt nam tham gia vào uỷ ban theo dõi tình hình là vi phạm chủ quyền của Pháp. Moutet đề nghị ký bản

Ghi nhớ (modus vivendi) để tránh cho đàm phán đổ vỡ hoàn toàn. Bản ghi nhớ kêu gọi ngừng bắn tại Nam bộ từ ngày 30/10 và nối lại đàm phán vào tháng Giêng 1947. H không đồng ý và rời bàn đàm phán lúc 11h đêm, tuyên bố sẽ trở về Đông dương vào thứ hai 16/9. Sau nửa đêm, H liên lạc lại với Moutet. Hai bên đồng ý về nguyên tắc là đại diện VN được uỷ quyền hợp tác với D'A để tiến tới hoà bình tại Đông dương. H đã đồng ý ký bản Ghi nhớ. Bản Ghi nhớ là tất cả những gì H có được sau 2 tháng đàm phán tại Fontenbleau. Saiteny nhớ lại mẫu giấy “nóng bỏng” đó đã được soạn thảo vội vã ngay trong phòng làm việc của ông và cho H “ít hơn nhiều cái mà ông ta hy vọng”. Tại Đông dương, người Pháp thờ phào, còn người Việt cảm thấy bị làm nhục. H đã nói với Sainteny khi cuộc họp kết thúc lúc 3h sáng: *“Tôi đã ký vào bản án tử hình của tôi”*

Kỳ lạ là sau khi ký kết thoả thuận, H cũng có vẻ không vội vàng gì quay về Việt nam. H từ chối chiếc máy bay do chính phủ Pháp bố trí, lấy cớ là sức khoẻ yếu và đề nghị được đi tàu thuỷ. Trong khi S đang lưỡng lự, H liên lạc thẳng với bộ trưởng hàng hải và được đồng ý lên tàu *Dumont D'Urville* khởi hành từ Toulon. Ngày 16, H và S lên tàu đi Toulon. Tại Montelimar, H đã xuống tàu và gặp đoàn đại biểu sinh viên VN để giải thích về Bản ghi nhớ và khuyến khích sinh viên cố gắng học tập. Tại Marseill H cũng làm tương tự, mặc dù trong đám đông có nhiều tiếng kêu “Việt gian”. Ngày 18/9 H đến Toulon và lên tàu. (Đoàn Việt nam cũng khởi hành từ đây 4 ngày trước đó trên tàu Pasteur). Cùng đi với H là một số trợ lý và 4 sinh viên mới kết thúc năm học trở về Việt nam. Sáng ngày 19/9, con tàu mang cờ đỏ sao vàng do thuyền trưởng Gerbaud chỉ huy nhổ neo nhằm hướng Địa trung hải thẳng tiến. Ngay ngày đầu, H đã điện về HN để giải thích những điều khoản của Bản ghi nhớ. H cũng gửi điện cảm ơn Moutet và hy vọng ông này sẽ giúp đỡ thực hiện hiệp định. Vài ngày sau, H nhận được điện của Bidault và lập tức trả lời, cảm ơn về lòng hiếu khách, nhưng cũng nhận xét rằng nhân dân Việt nam không hài lòng về Bản ghi nhớ. Theo H, đó cũng là chuyện thường tình *“Tôi đã làm tất cả và chắc đã thành công, nếu những người bạn Pháp áp dụng những quyền tự do dân chủ tại Nam bộ, chấm dứt những khiêu khích vũ trang, trả lại tự do cho tù nhân và tránh dùng những từ ngữ xúc phạm. Tôi hy vọng vào sự hỗ trợ tích cực của ông để tiến hành công việc vì lợi ích của hai dân tộc”*.

Ngày 22/9, tàu cập bến Port Said, cửa ngõ phía bắc của kênh Suez. H gửi thư trả lời một phụ nữ Pháp kêu gọi ông đừng để xảy ra chiến tranh. H nói Việt nam cũng như Pháp rất ghét đổ máu, nhưng cũng như dân Pháp, dân Việt mong muốn độc lập và thống nhất. Nếu Pháp công nhận những ước vọng chính đáng đó, Pháp sẽ chiếm được trái tim của cả dân tộc Việt nam. Điềm đến tiếp theo là cảng Djibuti thuộc Pháp, H đã xuống tàu đến thăm Thống sứ. Sau đó tàu đến Ceylon, Colombo và H được các đồng chí của Gandhi và Nehru chào đón. Tàu đi chậm vì thỉnh thoảng phải dừng lại vài ngày để duy tu hoặc bán vài loại đại bác để hoàn thành nhiệm vụ tuần tiễu. H sống đơn giản, chỉ có một bộ quần áo để thay và tự giặt lấy. Lúc rỗi rãi H tán phết với các thuỷ thủ và sinh viên, dĩ nhiên là không quên công tác tuyên truyền. Một sinh viên cùng đi nhớ lại, H đã nói: *“chúng ta không có gì, không có máy móc, nguyên liệu và cả thợ lành nghề. Bù lại chúng ta có sông núi, biển khơi và những con người mạnh mẽ, dũng cảm và sáng tạo”*. Có người hỏi H khi thuyền trưởng cho tàu thử pháo: *“Họ thử thần kinh ông đấy, ông có sợ không?”* H đã cười phá lên. Đối với thuyền trưởng Gerbaud thì H là một người *“thông minh nhưng lý tưởng hoá, hiến dâng đời mình cho sự nghiệp mà ông ta tưởng tượng ra”*

Ngày 18/10, tàu đến vịnh Cam ranh. D'A và tướng Morliere (người thay thế Sainteny, đại diện cho Pháp với chính phủ Hà nội) đón tiếp H trên chiến hạm *Suffren*, lần thứ hai trong

vòng 7 tháng, H được xem điều binh của hải quân Pháp. H và D'A bàn về việc triển khai Bản ghi nhớ. D'A nhất trí hợp tác với đại diện của Việt nam để ngưng bắn, H cũng bày tỏ sự phản đối trước những hành động khủng bố diễn ra gần đây. Mặc dù 2 bên không thống nhất được về việc rút quân miền bắc ra khỏi miền nam, cuộc gặp đã kết thúc vui vẻ. D'A báo cáo về Paris, tất cả phụ thuộc hành động của chính phủ VN khi H về đến Hà nội. 2 ngày sau, *Dumont d'Urville* vào cửa Cẩm trong sự chào đón của đám đông hát Tiến quân ca và Marseillaise (theo đề nghị của H). Tối hôm đó, H chiêu đãi các đồng chí và báo cáo sơ bộ tình hình đàm phán 4 tháng qua. Sáng hôm sau H lên tàu hoả về Hà nội và được đưa về Bắc bộ phủ nơi đã có hơn 100,000 tụ tập chào mừng.

Cho đến giờ, các nhà sử học vẫn băn khoăn là tại sao H không trở về nước ngay. Lý do H viện ra với chính phủ Pháp là sức khoẻ là không thể chấp nhận được vì H chưa bao giờ để sức khoẻ của mình ảnh hưởng đến các mục đích chính trị. Một số người cho rằng, H dành thời gian để Giáp tranh thủ diệt bớt bọn đối lập, tập trung quyền lực để chuẩn bị chiến tranh. Số khác thì nghĩ H muốn những phản ứng tức thời về Bản Ghi nhớ lắng xuống đã. Sainteny thì đoán là H sợ bị ám sát. Nhiều năm sau này, H thừa nhận với các đồng chí ở Hà nội, đó là một trong những lo ngại lớn nhất của ông. Ông còn thêm vào “đi tàu thủy để xem nhiều sự thay đổi cũng hay”

Không hề nghi ngờ gì là Giáp đã sử dụng thời gian H vắng mặt để tăng cường sự quản lý của Đảng với chính phủ. Đầu hè, Pháp đề nghị được tổ chức điều binh nhân ngày 14/7. Theo tin tình báo, Giáp được biết là các phần tử đối lập sẽ tổ chức khiêu khích quân Pháp để phá vỡ đàm phán. Giáp từ chối Pháp vì lý do an ninh và ngày hôm sau tổ chức đột nhập trụ sở Việt quốc, phát hiện ra phòng tra tấn và một số tù nhân, cùng với kế hoạch bắt cóc con tin Pháp. Cuộc tấn công này đã chặn đứng âm mưu chống chính phủ nhưng đã làm sự căng thẳng giữa hai bên lên cao dẫn đến Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam rút khỏi chính phủ. Quan hệ giữa chính phủ VN và Pháp cũng không lấy gì làm tốt. Mặc dù Morliere là người khá ôn hoà, sau khi hội nghị Fontenebleau thất bại, các cuộc đụng độ giữa người Pháp và người Việt xảy ra như cơm bữa. Mỗi lần lại thấy M ra tối hậu thư để tìm thủ phạm nên nhân dân gọi ông này là “Tướng tối hậu thư”. Cuộc chiến Nam bộ, đương nhiên là làm xấu thêm tình hình. Trần Văn Giàu bị phê phán vì những hành động tàn bạo được thay bằng Nguyễn Bình. Ông này trông võ biền, một mắt chột sau cặp kính đen. Đặc biệt ghét Pháp. Đã tham gia Quốc dân đảng từ cuối những năm 20, sau đó biến mất và đột ngột xuất hiện lại ở Việt bắc vào cuối thế chiến II tham gia Việt minh. Có thiên tài quân sự và mặc dù không phải là đảng viên vẫn được trao trách nhiệm tổng chỉ huy quân kháng chiến ở Nam bộ từ tháng 1/1946. Bình đã tổ chức những khu căn cứ du kích lớn ở phía bắc Sài gòn (sau này được biết đến như là chiến khu D), Đồng tháp mười và trong rừng U minh để từ đó quấy phá quân Pháp. Tuy nhiên Bình đã bỏ qua lời dặn của H phải tránh vũ lực và tập hợp được đông đảo dân chúng. Bình đã đưa những hành động khủng bố lên tầm cao mới, đặc biệt là vụ ám sát Huỳnh Phú Sổ “mad bonze”, người sáng lập ra giáo phái Hoà Hảo.^{cv}

Bốn tháng đi xa, chắc chắn làm H phải nhìn nhận tình hình với con mắt khác. Một mặt các đồng chí đã giúp ông củng cố quyền lực để bề đưa ra các chính sách. Mặt khác những hành động này sẽ thu hẹp sự ủng hộ của đông đảo nhân dân mà H đã dày công vun đắp trong những ngày sau CMT8, sẽ đặt H vào thế khó để thống nhất dân tộc trong cuộc chiến tranh dự kiến. Các đồng chí của H như Giáp, Đồng, Việt, Chinh cũng lợi dụng khoảng thời gian này để thể hiện mình nhiều hơn trong Đảng. Nhiều người không tin là có thể hoà hoãn với Pháp mà phải nhanh chóng chuẩn bị chiến tranh. Trong bài diễn văn

kỷ niệm 1 năm quốc khánh, Chinh đã áp đặt tầm nhìn của mình cho cách mạng Việt nam, phê phán xu hướng “thoả hiệp không nguyên tắc”, không tin tưởng vào quần chúng, nhấn mạnh rằng chúng ta không sợ quân thù mà chỉ sợ “sai lầm của các đồng chí của chúng ta”. Mặc dù không ai dám phê bình H công khai, rõ ràng là H sẽ phải mất công hơn nhiều để thuyết phục các đồng chí của mình. Đối với nhân dân, đặc biệt phía bắc, H vẫn được coi là người mang những khát vọng của dân tộc. Ngày 23/10 H tuyên bố với dân chúng, dù tình hình rất khó khăn nhưng nhất định Việt nam sẽ là một nước độc lập và thống nhất. Do H thường từ chối nói về quá khứ mà chỉ nhận mình là “người yêu nước già” nên ít người biết được H chính là Nguyễn ái Quốc. Chị H là Nguyễn Thị Thanh tình cờ nhận ra ảnh của em trên báo đã lần ra tận Hà nội thăm H tại Bắc bộ phủ. A Khiêm cũng lên thăm và được tiếp đón tại một căn nhà ngoại ô. Cả Thanh và Khiêm đều sống ở Kim liên, Khiêm chết năm 1950, Thanh chết 4 năm sau đó.^{cvi}

Việc đầu tiên của H khi về đến VN làm họp ngay Ban thường vụ để phân tích tình hình và định ra kế hoạch hành động. Hai vấn đề chủ chốt là có đồng ý ngày ngừng bắn 30/10 và đối phó với phe đối lập. H đề xuất triệu tập họp quốc hội để thông qua hiến pháp tiến tới thành lập chính phủ mới thay thế cho chính phủ liên hiệp đã bị yêu đi rất nhiều sau khi những người như Hải Thần từ chức.

Phiên họp quốc hội ngày 28/10 thật khác xa không khí thống nhất dân tộc của kỳ họp 7 tháng trước. Có tổng cộng 291 đại biểu trong số 444 đại biểu được bầu tham dự. Trong số 70 đại biểu chỉ định chỉ có 37 người đến. Khi một đại biểu đứng lên hỏi những người còn lại đâu, ông này được trả lời là cả lũ đã bị bắt theo yêu cầu của uỷ ban thường vụ quốc hội vì những tội hình sự. Trước đó vài ngày, hàng trăm nhân vật đối lập đã bị bắt, đã xảy ra xung đột vũ trang làm nhiều người chết trong đó có hai nhà báo. Tình hình khá căng thẳng. Các đại biểu ngồi thành 3 khối: bên trái là các đại biểu ICP, đảng xã hội và đảng dân chủ đeo cà vạt đỏ. Trung tâm là các đại biểu Việt minh không cộng sản, bên phải là các đại biểu Việt quốc và Đông minh hội. Sang ngày thứ hai, chính phủ xin từ chức và ba ngày sau quốc hội phê duyệt danh sách chính phủ mới do HCM đệ trình. Danh sách chính phủ mới chỉ còn 2 phần tử ngoài Việt minh, trái ngược lại những gì H hứa khi rời Paris là sẽ mở rộng thành phần chính phủ. Giáp giữ chân bộ trưởng quốc phòng, Đồng bộ trưởng kinh tế. H là chủ tịch kiêm thủ tướng, kiêm bộ trưởng ngoại giao. Mặt trận liên hiệp với các đảng dân tộc tan vỡ. Có thể do các đảng dân tộc công khai đối lập chính phủ buộc ICP không thấy sự cần thiết phải thoả hiệp. Cũng có thể phe cứng rắn như Chinh, Việt, Liêu đang thắng thế (bằng chứng là mấy tuần sau, Chinh công bố một bài báo phê phán chủ trương cách mạng từng giai đoạn của H). Mấy ngày sau, quốc hội dự thảo Hiến pháp mới, mặc dù bị Chinh phê phán, rõ ràng là nội dung bản Hiến pháp rất ôn hoà và đáp ứng mong ước của đại đa số dân chúng. Chương về tổ chức chính trị nhấn mạnh bảo đảm các quyền tự do dân chủ và nhu cầu liên kết rộng rãi để chống lại việc khôi phục chế độ thực dân Pháp. Chương kinh tế bảo đảm quyền tư hữu và không đả động gì đến việc thành lập xã hội phi giai cấp. Người Pháp hẳn phải rất thất vọng khi bản Hiến pháp tuyên bố nền độc lập hoàn toàn cho Việt nam mà chẳng thấy đả động gì đến liên bang Đông dương hoặc khối Liên hiệp Pháp cả. Quốc hội đã phê duyệt Hiến pháp và uỷ quyền cho chính phủ quyết định ngày đưa vào hiệu lực. Ngày 14/11 Quốc hội giải tán, chỉ còn 242 đại biểu, trong đó chỉ có 2 thuộc phe đối lập^{cvi}.

Trong khi quốc hội họp, hai bên cũng đã thử cố gắng tuân thủ điều khoản ngừng bắn của Bản ghi nhớ vào ngày 30/10, nhưng không ăn thua. D’A đề phòng Việt minh bắt ngờ tấn công mình ở miền Bắc và miền Trung, đã chuẩn bị kế hoạch thay thế H bằng một chính

phủ ôn hoà hơn. Từ tháng 9, Pháp đã liên lạc với Bảo đại khi đó đang ở HK về khả năng ông này trở lại chính trường. Vào giữa tháng 11 D'A cũng đã chỉ thị Valluy chuẩn bị phương án tấn công nhanh cho trường hợp đàm phán đổ vỡ.

Với nguy cơ chiến tranh đã cận kề, Đảng cũng ra sức chuẩn bị nhập lậu vũ khí qua cảng Hải phòng để trang bị cho quân đội vì trên thực tế biên giới đường bộ đã bị quân Pháp phong toả. Hải phòng trở thành điểm nóng trong đàm phán giữa hai bên, nhất là vấn đề hải quan vì thuế nhập khẩu vốn là nguồn thu nhập chính của chính phủ thuộc địa trước đây. Được D'A bật đèn xanh, đầu tháng 11, quân Pháp chiếm trụ sở hải quan Hải phòng mặc cho phía Việt nam ra sức phản đối. Ngày 20/11, quân Pháp bắt một tàu Trung quốc chở xăng lậu được nghi là cho mục đích quân sự và dong vào bờ. Các dân quân Việt nam đã nổ súng và Pháp lập tức đáp trả. Cuộc bắn nhau lan nhanh khắp thành phố trước khi được dập tắt bằng một lệnh ngừng bắn. Hai ngày sau, Valluy ra lệnh cho quân Pháp chiếm thành phố. Ngày 23/11, Pháp nã pháo vào khu phố Tàu đòi Việt minh phải hạ vũ khí. Hàng trăm thường dân chết, hàng ngàn người bị thương. Hơn 2000 quân Pháp tràn vào khu vực và vấp phải sức kháng cự mãnh liệt, trước khi Việt minh bỏ trận địa vào ngày 28/11.

Sự cố Hải phòng ngay lập tức được James O'Sullivan báo về Nhà trắng. Ông này nói mặc dù Việt minh khai hoà trước nhưng thái độ của Pháp là không thể chấp nhận được. Đại sứ Mỹ tại Pháp Caffery được lệnh bày tỏ sự không hài lòng với chính phủ Pháp. Phía Pháp trung ra bằng chứng là chính phủ H nhận chỉ thị từ Moscow. Từ Sài gòn, lãnh sự Mỹ là Charles Reed cũng cảnh báo là nếu Nam bộ rơi vào tay Việt minh, thì Lào và Cambodia sẽ nguy hiểm. Đây là một trong những phát biểu đầu tiên của một quan chức về cái sau này được gọi là "học thuyết domino"^{cvin}

Cuối tháng 11, bộ ngoại giao Mỹ cử Moffat vụ trưởng vụ Đông Nam á sang Đông dương để đánh giá tình hình và tìm hiểu bản chất của chính phủ Hà nội. Moffat là người công khai ủng hộ độc lập của Việt nam và được uỷ quyền thông báo với VN là Mỹ ủng hộ hiệp định 6/3 và có thể bảo được chính phủ Pháp. M cũng dự kiến sẽ khuyên H không dùng vũ lực và thoả hiệp trong vấn đề Nam bộ. M đến Sai gon ngày 3/12 và ra Hà nội ngày 7/12. Sullivan cho rằng H đang "cực kỳ cô đơn" và thông tin công khai về chuyến viếng thăm của M sẽ làm tăng uy tín của H. Mặc dù rất ốm do lao phổi trở lại, H vẫn mời M đến Bắc bộ phủ. H khẳng định mình không phải là cộng sản mà chỉ đấu tranh vì độc lập, kêu gọi Mỹ ủng hộ và nhắc lại đề nghị cho Mỹ sử dụng Cam ranh. Do không chuẩn bị trước vấn đề này, Moffat "không nói được câu nào" như về sau ông này điều trần trước Thượng viện Mỹ. M khẳng định rằng Mỹ không thể có quan hệ ngoại giao chính thức với Việt nam nếu Việt nam không thoả thuận được với Pháp về thể chế. Trong báo cáo sau khi rời Đông dương, M nhận định chính phủ Hà nội đang nằm dưới sự kiểm soát của cộng sản và có thể có quan hệ với Nga và Trung cộng. Tuy nhiên ông này cũng thấy sự khác biệt giữa những phần tử ôn hoà xung quanh H và các phần tử cứng rắn như Giáp. M kết luận, hiện tại cần có sự hiện diện của Pháp để không những chống ảnh hưởng của Nga mà đề phòng Tàu tấn công. M đề nghị Mỹ ủng hộ thoả thuận trước khi tình hình tiếp tục xấu đi cho Pháp. Nhà sử học Pháp Philippe Devillers cũng nhận thấy sự chia rẽ trong lãnh đạo Việt minh giữa H và những phần tử hiếu chiến hơn như Giáp, Việt. Bản thân H cũng thường xuyên kêu gọi Pháp và các nước phương Tây giúp ông củng cố quyền lực với đối thủ. Nhưng cũng có người bi quan cho rằng đó là đòn của H sử dụng để gây sức ép với Pháp. Nhận xét của M về quan hệ của Hà nội và Nga có vẻ không đúng, thực tế thì H và đồng chí chỉ có thể biết được tình hình Nga xô qua FCP.^{cix} Báo cáo của M cùng với cuộc nội

chiến đang nóng lên ở Trung quốc đã dẫn Bộ ngoại giao Mỹ đi đến kết luận “Sự có mặt của Pháp ở khu vực là quan trọng, không chỉ để ngăn ảnh hưởng của Nga mà còn bảo vệ Việt nam và Đông nam á khỏi đế quốc Tàu”.

Ngày 13/11 D’A đi Pháp xin thêm quân để có thể tiến hành tiến công phủ đầu. Không ngờ chính phủ Pháp vẫn đang hy vọng hoà hoãn. Bidault đang chuẩn bị chuyển giao quyền lực cho đảng Xã hội mới thắng cử, hứa là sẽ có thêm quân nhưng cũng cảnh báo rằng Đông dương không thể giữ được chỉ bằng quân sự. Trong khi đợi chính phủ mới được thành lập, Sainteny được bổ nhiệm thay thế cho Morliere. Sainteny đến Sài gòn ngày 23/11, chỉ vài giờ sau sự cố Hải phòng. Đợi ở đó vài ngày cho tình hình lắng xuống, ngày 2 S ra Hà nội với chỉ thị của D’A trong túi: “*Danh dự quân sự đã được bảo vệ, uy tín của Pháp đang tăng, không nên làm tình hình căng thẳng thêm dồn chính phủ của H vào những hành động cùng quẫn. Tôi cho rằng ông không nên ở trong dinh Thống sứ, dễ bị coi là hành động khiêu khích và quay trở lại phương pháp thống trị cũ*”. Valluy cũng ủng hộ hoà hoãn, cho rằng “*có thể H không muốn chiến tranh*”

Do ốm, H không đón được S tại phi trường mà tiếp ông này vào ngày hôm sau, đúng ngày Pháp đổ thêm quân vào cảng Đà Nẵng. Tuy nhiên H đã được Giám quân sự về thái độ hoà hoãn của Pháp. Hai bên không bàn chuyện gì nghiêm túc mà chỉ xoay quanh sức khoẻ của H và chuyến đi từ Pháp về Việt nam. Mấy ngày sau, S mất luôn liên lạc với H nên cứ bán tin bán nghi không biết H có còn kiểm soát được tình hình nữa không? Mặc dù ghi nhận lo ngại của H về sự thay đổi bất chợt nhưng Sainteny đã yêu cầu H phải khai trừ những phần tử cực đoan khỏi chính phủ, bằng không Pháp sẽ dùng các biện pháp “cảnh sát”. S chia sẻ quan điểm của mình với Sullivan nhưng ông này tỏ ra bi quan: “Nếu ông muốn đuổi Việt minh đi thì e rằng sẽ mất thời giờ hơn nhiều”

Quãng giữa tháng 12, H điện cho Blum nêu ra những giải pháp cụ thể để giải quyết căng thẳng. Nhưng rõ ràng là H đã không hy vọng vào các giải pháp chính trị. Tháng 10, ICP thiết lập Uỷ ban quân sự để có thể bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội, cử chính uỷ cho từng đơn vị, lập cơ sở đảng tại tất cả các vùng quân sự. Văn Tiến Dũng, người sau này sẽ là tổng tư lệnh cuộc tiến công vào Sài gòn, chỉ đạo toàn bộ việc này. Theo tin tình báo Pháp, quân Việt minh nay được đổi thành Quân đội Nhân dân Việt nam có khoảng 60,000 quân ở phía Bắc được tổ chức thành 35 tiểu đoàn bộ binh và 3 tiểu đoàn pháo binh, cộng với khoảng 12000 quân ở Nam bộ. Về vũ khí VPA có khoảng 35000 khẩu súng trường, 1000 tiểu liên và 55 pháo. Việt minh đang tích cực chuẩn bị căn cứ, các quân xưởng ở Tân trào, Việt bắc và sơ tán các cơ quan chính phủ đến đó khi chiến tranh xảy ra. Đa số quân VM được bố trí ở ngoại ô, trong thành phố chỉ có khoảng 10,000 dân quân và thanh niên xung phong. Quân Pháp có vài ngàn lính lê dương, đóng chủ yếu trong thành và các điểm quan trọng như Dinh Thống sứ, nhà Ga, cầu Doumer và sân bay Gia lâm. Giáp nhận định là có thể giữ Hà nội được trong vòng 1 tháng để các cơ quan có thời gian rút ra chiến khu. Ngày 6/12, H kêu gọi quân Pháp rút lui về các vị trí trước ngày 20/11 nhưng không được đáp lại. Trả lời phỏng vấn báo Pháp vào ngày hôm sau, H nói “*chúng tôi bị áp đặt chấp nhận cuộc chiến này, chúng tôi thà đấu tranh chứ không hy sinh sự tự do của mình*”

Cũng lúc đó, tướng Valluy hiểu rằng H không hề có ý định loại các phần tử cực đoan ra khỏi chính phủ. Valluy xin chỉ thị được hành động ngay sau khi quân tăng viện đến, nếu để đến sang năm sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Pháp. Nhưng thủ tướng Blum có vẻ chưa muốn dùng đến quân sự. Ngày 12/12, Blum tuyên bố sẽ xem xét việc công nhận độc lập của Việt nam. Ba ngày sau, H trao cho Sainteny bức thư gửi thủ tướng

Pháp với những đề nghị cụ thể. S điện vào Sài Gòn nhờ chuyển sang Paris. Không rõ là các nhà lãnh đạo khác của Việt Nam có thực sự hy vọng gì vào tuyên bố của Blum? Còn Giáp trong hồi ký của mình cho rằng Blum chỉ là công cụ của tư bản Mỹ và Pháp. Rõ ràng là Blum không lựa chọn một bộ trưởng cộng sản nào và tiếp tục bổ nhiệm D'A làm Đại diện toàn quyền ở Đông Dương. Tuy nhiên nội các mới của Blum đã không quyết định được có tặng viện cho D'A hay không và có nên tiến hành những hành động quân sự tức thời hay không. Valluy, cũng như D'A quyết tâm duy trì sự có mặt của Pháp ở Việt Nam đã quyết định cần phải khiêu khích để Việt Nam khởi xướng những hoạt động thù địch đặt Paris vào sự đã rồi. Valluy ra lệnh cho Morliere phá hủy các chiến lũy trên đường phố. Khi nhận được điện của H do S chuyển vào, Valluy đã tự bình phẩm thêm vào là phải tiến hành các hoạt động quân sự vào trước cuối năm. Bức điện chỉ được chuyển đến Paris vào ngày 19, khi đã quá muộn.

Ngày 17, các chiến xa bắt đầu xô đổ các chiến lũy, lính lê dương đứng đầy từ thành cổ ra đầu cầu Doumet dọc đường đến sân bay. Ngày hôm sau, Pháp ra tối hậu thư cấm được xây các công sự trên đường phố, ngay buổi trưa hôm đó, lại ra tiếp tối hậu thư từ ngày 20, quân Pháp sẽ bảo đảm trật tự an ninh trên đường phố. Sáng ngày 19, Pháp yêu cầu Việt Nam ngưng tất cả các hoạt động chuẩn bị chiến tranh, giải tán các đơn vị dân quân và chuyển giao toàn bộ việc bảo đảm an ninh cho Pháp. Tình hình rất giống ở Hải Phòng, khi trung tá Debes ra hết tối hậu thư này đến tối hậu thư khác trước khi ném bom Hải Phòng. Ngày 18, H chỉ thị chuẩn bị tấn công các cơ sở của Pháp vào ngày 19. Cùng ngày, sợ thư gửi qua S không tới được Paris, H đã điện thẳng cho Blum. Sáng 19, H viết một bức thư cho S nhờ Giám chuyển hộ, nội dung viết: *“Tình hình đã trở nên rất nghiêm trọng, trong lúc chờ đợi quyết định từ Paris, tôi hy vọng là ông sẽ cùng với ông Giám tìm được giải pháp để cải tiến tình hình hiện tại”*. Theo giọng văn mà đoán thì rõ ràng H cũng chẳng đợi trả lời một cách nghiêm túc. Chưa kể sáng hôm đó, S đã gửi cho H một bức thư dài thông phản đối Việt Minh nổi loạn giết chết và làm bị thương mấy người Pháp, đòi phải trừng trị ngay lập tức kẻ phạm tội. Do đã đồng thuận để Valluy khiêu khích, S khất gặp Giám sáng hôm sau. Khi được Vũ Kỳ báo tin S từ chối gặp Giám, ngay lập tức H triệu tập họp uỷ ban thường vụ gồm Giáp, Lê Đức Thọ và Chinh. Uỷ ban đã nhận xét trong hoàn cảnh hiện tại, không thể tiếp tục nhượng bộ và quyết định toàn dân kháng chiến. Uỷ ban cũng xem xét lời kêu gọi của H gửi toàn thể đồng bào mới được H dự thảo lúc trưa. Giáp được giao chỉ huy các hoạt động quân sự. Thời điểm tiến công được xác định là 8h tối. Sau đó Uỷ ban giải tán.

Buổi tối hôm đó 19/12. S đang chuẩn bị rời nhiệm sở về nhà riêng. Cũng như mọi người S biết rằng cuộc chiến đã có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Khi đồng hồ tại bệnh viện Yersin điểm 8h, S nói với đồng nghiệp *“Thế là không phải hôm nay rồi, tôi đi về nhà đây”*. Đúng lúc S đang chuẩn bị bước vào xe, một tiếng nổ lớn phát ra. Điện tắt phụt, toàn thành phố chìm vào bóng tối. S chạy vội về nhà, lên chiếc xe bọc thép chạy thẳng vào thành. Được một đoạn, chiếc xe trúng mìn. S bị thương nặng nằm trong vũng máu trong gần 2h giữa các đồng đội quần quai hấp hối.^{cx}

Theo đúng kế hoạch, Việt Minh đã đặt mìn nhà máy điện. Các đội dân quân tấn công các cơ sở của Pháp, còn biệt động thì thâm nhập vào tư dinh trong khu phố Tây. Giáp có 3 sư đoàn bố trí ở ngoại ô phía tây nam và cạnh Hồ Tây, nhưng quyết định không sử dụng. Quân Pháp bị bất ngờ lúc ban đầu nhưng nhanh chóng giành lại thế chủ động. Gần đến nửa đêm Pháp đã kiểm soát hầu hết những điểm trọng yếu. Một cánh quân tấn công Bắc bộ phủ suýt bắt được H. Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất bắt đầu.

Sự kiện 19/12 gây nên phản ứng ồ ạt tại Pháp. Đa số cho rằng Việt minh đã tấn công khiêu khích các lợi ích và công dân Pháp. Nhưng nhìn kỹ có thể thấy vai trò của Pháp cũn rất quan trọng. Mặc dù, chính phủ Paris còn đang lưỡng lự trong việc có tiến hành chiến tranh không, thì các tướng Pháp ở Đông dương đã tự cho mình quyền hành động. Valluy cho rằng H không thể hoặc không muốn kiểm soát các phần tử cực đoan trong chính phủ, nên đã quyết định ra tay trước khi lực lượng Pháp tại khu vực yếu đi. Tối hậu thư 17/12 đòi hỏi chuyển quyền kiểm soát an ninh trật tự ở thành phố cho Pháp rõ ràng là đã được tính toán để khiêu khích Việt minh. Liệu H có thực sự muốn tránh chiến tranh hay chỉ “động tác giả” để có thêm thời gian chuẩn bị chiến tranh? Thực ra cũng chẳng cần trả lời. Là đệ tử của Tôn Tử, H tin rằng chiến thắng đẹp nhất là chiến thắng không cần vũ lực. Để đạt được nó, ngoại giao và tuyên truyền là các vũ khí sắc bén làm chia rẽ và giảm năng lực chiến đấu của đối thủ. Đến ngày 19/12, H và các đồng chí của mình hiểu rằng, không thể thoả hiệp được nữa. Vấn đề phải được quyết định trên chiến trường.

Hồ và Voi

Ba ngày sau sự biến ở Hà nội, ngày 22/12, chính phủ Việt nam ra thông báo, cuộc chiến sẽ được tiến hành qua 3 giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công và Pháp sẽ phải chịu những hậu quả cay đắng. Các cơ sở của chính quyền được rút lên Việt bắc. Những đơn vị chiến đấu vẫn tiếp tục bám trụ tại khu phố cổ và kháng cự quyết liệt. Valluy đã đề xuất ném bom huỷ diệt nhưng Morlieres đã phản đối và vẫn quyết định dùng bộ binh. Phải đến tận giữa tháng 1/1947, quân Pháp mới đến được chợ Đồng xuân. Các đơn vị Việt minh rút lên phía bắc qua chân cầu Long biên, để lại những dòng chữ viết bằng than trên tường: “Chúng tôi sẽ quay lại”. Trong hồi ký của mình, lãnh sự Mỹ O’Sullivan đã ghi nhận “Sự dũng cảm và ngoan cường chưa từng thấy của quân Việt nam”, chẳng khác gì quân Nhật trong cuộc chiến Thái bình dương. Khoảng 100 lính Pháp và 40 thường dân châu Âu chết, hai trăm người khác mất tích. Tại các khu vực khác, tình hình cũng tương tự, Việt minh tìm cách kìm chân quân Pháp trong thành phố để rút lực lượng về nông thôn. Khi Pháp bắt đầu tiến ra ngoại ô sẽ gặp phải cảnh “vườn không, nhà trống”. Tuy nhiên, có vẻ như H chưa muốn từ bỏ những nỗ lực tìm kiếm hoà bình. Ngay trong ngày đánh nhau đầu tiên, Việt minh đã rải truyền đơn thông báo với “nhân dân Pháp” về nguyện vọng của chính phủ được sống hoà bình trong khối liên hiệp Pháp. Cuộc chiến đã xảy ra vì “những tên thực dân phản động đã đánh mất danh dự nước Pháp, chia rẽ hai dân tộc”. Chỉ cần Pháp công nhận Việt nam độc lập và thống nhất, sự hợp tác sẽ được khôi phục ngay lập tức. Ngày hôm sau, đài Việt minh kêu gọi nổi lại đàm phán. Ngày 23/12, H viết thư cho Moutet và Leclerc đề nghị hai bên gặp nhau, khi hai vị này vừa lên đường sang Đông dương để thị sát tình hình. Mấy ngày sau, H chính thức đề nghị ngừng bắn và tổ chức hội nghị hoà bình mới tại Paris trên tinh thần hiệp định Ho-Sainteny tháng 3/1946. Pháp thì chưa vội kết thúc đánh nhau. Ngày 23, thủ tướng Blum phát biểu trước quốc hội: “*Chúng ta đang phải đối mặt với việc dẹp loạn. Tôi tuyên bố, binh lính Pháp đang chiến đấu, kiều dân Pháp đang sinh sống và các bạn bè Pháp ở Đông dương có thể yên tâm vào sự kiên quyết của chính phủ*”. Kết luận, Blum đề nghị khả năng đàm phán: “*chúng tôi sẽ khôi phục lại cuộc đàm phán bị phá vỡ để có được một nước Việt nam tự do trong liên bang Đông dương tự do trong Liên hiệp Pháp. Nhưng đầu tiên, trật tự phải được khôi phục*”. Ngay cả một người được coi là “sứ giả hoà bình” như Moutet cũng phát biểu với báo chí hôm Noel khi ông ta đến Sài gòn: “*cần phải có chiến thắng quân sự trước khi có bất cứ cuộc đàm phán nào. Tôi rất tiếc nhưng những gì mà Việt minh đã làm phải bị trừng trị*”. Moutet cũng không tìm cách liên lạc với người bạn cũ là H mà suốt ngày chỉ trò chuyện với các quan chức Pháp ở Lào và Cambodia. Về phần mình, ngày 3/1, H đã viết thư cho Moutet, nhưng bức thư đã không đến được nơi. Tướng Leclerc có quan điểm mềm dẻo hơn. Một mặt ông cho rằng một đòn giáng trả đối với cuộc tấn công của Việt minh là cần thiết, nhưng giải pháp cuối cùng phải là giải pháp chính trị. Pháp không thể khuất phục dân tộc 24 triệu dân với tinh thần dân tộc ngất trời bằng vũ lực. Leclerc lo ngại về việc Moutet không chịu gặp H. Trước khi rời VN ngày 9/1, L nhận xét: “*Có quá nhiều người tưởng là có thể xây chiếc cầu nối giữa Việt nam và Pháp bằng súng đạn*”. Tuy nhiên L cho rằng cần phải thay chủ nghĩa dân tộc quá khích của Việt minh bằng một hình thức ôn hoà hơn. Muốn vậy, vị thế của quân Pháp trên chiến trường càng mạnh càng tốt. Quan điểm của L tương đối trùng với Blum. Vì thế khi trở lại Pháp, Blum đã đề nghị L làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông dương thay D’A quá cứng và bị cho là

góp phần gây nên tình trạng hỗn loạn hiện nay. Trong lúc L còn đang suy nghĩ thì Blum bị Ramadier thay thế. Thủ tướng mới lên lưỡng lự chưa dám quyết việc tăng quân cho Đông dương, lại thêm De Gaul rĩ tai, nên L đã quyết định từ chối. Ramadier bổ nhiệm Emile Bollaert, được một nhà ngoại giao Mỹ miêu tả là “năng động và có năng lực nhưng chưa được nhiều người biết đến”.

Bollaert đến Đông dương vào đầu tháng 3 và ngay lập tức rơi vào tình huống khó xử. Được sự ủng hộ của D'A, các quan chức thực dân địa phương đáng ráo riết tìm cách qua mặt Việt minh và thoả thuận với Bảo đại, lúc đó đang ở Hồng kong đánh bạc và chơi gái. Mặc dù chưa có kết quả cụ thể nhưng phương án này cũng có một số người hâm mộ tại cả Đông dương và Pháp. Trong khi đó Việt minh vẫn được sự ủng hộ của đông đảo dân chúng, và H được thừa nhận như nhà lãnh đạo của dân tộc. Trước khi rời Paris, Leclerc cũng đã tư vấn B “đàm phán bằng mọi giá”. Đám tay chân của B gồm chánh văn phòng Pierre Messmer và cố vấn Paul Mus, cũng tán đồng việc đàm phán với Việt minh. Tuy nhiên với hơn 1000 quân Pháp đã chết hoặc mất tích, tâm lý của dân Pháp Đông dương là chống Việt minh. Bảo đại coi như là phương án khả dĩ nhất. Nhưng Bảo đại khó đối trọng được với HCM trong lòng dân. Mặc dù có một số quan chức cũ ủng hộ, đại đa số nhân dân không ưa gì lối sống của ông Cựu hoàng này. Càng nghi ngờ về khả năng của ông có thể thống nhất được những lực lượng đối lập mạnh mẽ.

HCM vẫn kiên trì duy trì quan hệ mong manh với Pháp. Ngày 23/4, bộ trưởng ngoại giao Giám chuyên cho Bollaert thư của H đề nghị ngừng bắn ngay lập tức và đàm phán để vấn đề hoà bình. Đang nghi hoặc, lại được một số quân sự thông báo rằng quân Pháp đang kiểm soát tình hình trên chiến trường, Bollaert đưa ra một loạt các điều kiện mà thực chất là đòi Việt minh đầu hàng trước khi đàm phán. Paul Mus được giao nhiệm vụ này nhờ mối quan hệ cũ với H. Ngày 12/5, Mus đã gặp Giám ở ngoại ô Hà nội sau đó là gặp H gần Thái nguyên. H lắng nghe rất lịch sự rồi trả lời: “*Trong khối Liên hiệp Pháp, không có chỗ cho kẻ hèn nhất. Nếu tôi chấp nhận những điều kiện này, tôi sẽ là một người như vậy*”. H hiểu rằng Pháp không thể nuốt trôi việc phải từ bỏ các thuộc địa của mình. Cuối tháng, H ra lời kêu gọi kháng chiến mới, tuyên bố Pháp đưa ra những điều kiện không thể chấp nhận được cho hoà bình.

Hy vọng đàm phán của H bây giờ chỉ có thể dựa vào sự can thiệp của Mỹ (mà H và các đồng chí của mình không hề có thông tin). Trên thực tế, ngay sau khi sự kiện Hà nội, thứ trưởng Dean Archeson đã gọi đại sứ Pháp Henry Bonnet lên bày tỏ sự không hài lòng và đưa ra đề nghị Mỹ có thể trung gian hoà giải. Pháp thẳng thừng từ chối, nói dẹp loạn xong mới có thể đàm phán. Vài tuần sau, George Marshall được điều từ Trung quốc về thay James Byrnes ở chức ngoại trưởng. Marshall đã ra sức tìm cách hoà giải Quốc – Cộng nhưng thất bại, cuối năm 1946, nội chiến vẫn đã nổ ra. Marshall đã gửi một bức điện bày tỏ quan điểm chính thức đầu tiên của Washington cho đại sứ Caffery tại Paris. Mỹ công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông dương và không muốn can thiệp, nhưng “chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ, các bằng chứng cho thấy Pháp (chủ yếu ở Sài gòn) ít hiểu biết về đối phương, vẫn còn cố bám lấy mô hình và cách suy nghĩ thực dân lạc hậu”. Ngay sau đó, M lại cho thấy sự lưỡng lự: “Chúng ta không quên rằng H có những mối quan hệ trực tiếp với cộng sản và không muốn mô hình thực dân lại được thay thế bằng một tổ chức mới do Kremlin kiểm soát”. Cuối cùng M cũng chẳng đưa được ra giải pháp nào, ngoài việc khuyên Pháp nên để ngó quan hệ và “hào phóng” hơn trong việc tìm giải pháp. Đó cũng là thái độ điển hình của Mỹ cho đến khi Truman rời nhiệm sở.

Cuối tháng 2, Marshall chỉ thị cho Sullivan tìm gặp các lãnh đạo Việt minh nếu có điều kiện. Chẳng phải đợi lâu, tháng 4, lãnh đạo Thanh niên tiên phong là Phạm Ngọc Thạch, mới được thăng chức thứ trưởng ngoại giao, đã liên lạc với cộng đồng doanh nhân Mỹ tại Thái. Thạch còn bí mật gặp gỡ đại tá William Law, tham tán quân sự tại đại sứ quán Mỹ. Thạch cũng trả lời bằng văn bản một số câu hỏi của Law và đại sứ F. Stanton. Về mặt chính trị, Thạch nói, mục đích của chính phủ là dân tộc chứ không phải cách mạng thế giới. Về kinh tế, chính phủ sẽ “tôn trọng việc phát triển quyền tự trị của tư bản cũng như kêu gọi đầu tư nước ngoài để tái thiết đất nước”. Thạch cũng dự đoán, nếu không thoả thuận được VN sẽ sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh du kích có thể kéo dài đến 6 năm. Cùng thời điểm, H trả lời phỏng vấn một nhà báo Mỹ phủ nhận chính phủ của ông ta theo những nguyên lý của Marx. H còn hỏi, tại sao không thể áp dụng mô hình Philippin và ấn độ cho Việt nam^{cx1}

Các động thái này của Việt nam, cùng với việc Giám được bổ nhiệm làm ngoại trưởng đã làm các quan chức bộ ngoại giao Mỹ chú ý. Sullivan đề nghị được trực tiếp gặp Thạch ở Băng kok vì cho rằng H là người “rất giả dối”. Marshall đồng ý, giao luôn nhiệm vụ tìm hiểu ảnh hưởng của Moscow đến Việt nam sâu đến mức nào. Nhưng cuộc gặp đã không bao giờ diễn ra. Stanton thông báo Thạch bắt ngờ rời BK, 2 ngày sau Marshall cũng đề nghị huỷ vì Thạch đã đi mất và sợ phản ứng của Pháp. Ngày 8/5, Giám chính thức kêu gọi Mỹ công nhận chính phủ Việt nam để “nâng cao uy tín của mình và ổn định tình hình trong khu vực”. Thạch gửi một thông điệp nữa đề nghị giúp đỡ về chính trị, kinh tế, văn hoá và trung gian hoà bình. Marshall đặt câu hỏi cho bộ máy ngoại giao của mình ở Hà nội, Sài gòn và Paris: quan điểm thực sự của H là gì? Những nhân vật hiệu chiến đáng ngờ như Chinh, Việt liệu sẽ có vai trò gì trong một chính thể Việt nam độc lập? Các phân tử không cộng sản có biết về thiên hướng cộng sản của Việt minh không? Họ có làm việc được cùng nhau không? Và cuối cùng là DRV liệu có chấp nhận “quyền tự do bày tỏ chính kiến một cách hợp lý”? Sullivan đánh giá một cách thận trọng “tuy có ảnh hưởng cộng sản nhưng khó đủ để lái Việt nam vào phía Liên xô, mặc dù hiển nhiên là có xu hướng như vậy”. Sullivan nhấn mạnh việc H ngăn ngừa không công nhận mình là NAQ vì H muốn thương thảo với phương Tây. Sullivan kết luận: H mong muốn nhận được hỗ trợ và sẽ lái các chính sách của mình theo nguồn hỗ trợ đó. Các nhận xét khác thì bi quan hơn. Charles Reed miêu tả H là một tay “cơ hội” và “sẵn sàng xây dựng một quốc gia cộng sản, kể cả khi nhân dân không mấy người quan tâm đến cộng sản là gì”. Đại sứ Mỹ tại Paris Caffery cũng cho rằng, tuy nhân dân Việt nam không ưa lắm chủ nghĩa cộng sản, “ít nghi ngờ là H có những quan hệ mật thiết với cộng sản”.

Bollaert đã khá chần thành khi đề nghị các điều kiện hoà bình với Việt minh, bởi vậy khi bị từ chối, ông này vẫn tiếp tục tìm kiếm các phương án khác. Lúc đó, bộ trưởng chiến tranh Paul Coste-Floret vừa tuyên bố sau chuyến thị sát Đông dương: “vấn đề quân sự ở VN đã chấm dứt, chúng ta đã kiểm soát hoàn toàn tình hình”. Được cổ vũ bởi tình hình chiến trường, B bắt đầu xem Việt minh chỉ là một trong nhiều những nhóm Việt nam đòi độc lập mà ông ta cần đàm phán. Nhận xét của Coste-Floret không phải không có lý. Việt minh không giữ được lâu thế trận họ có hồi đầu chiến tranh do ham đánh chính quy dẫn đến tổn thất lớn, thiếu vũ khí, thiếu phương pháp lãnh đạo chiến tranh du kích, đánh giá sai sự ủng hộ của nông dân. Các chính sách tàn bạo của Nguyễn Bình ở Nam bộ đã đẩy cả Cao đài và Hoà hảo sang phía Pháp.

Thừa thắng Valluy đề nghị tấn công vào sào huyệt của Việt minh, bắt sống HCM và chỉ khi đó mới bắt đầu đàm phán. Valluy đề nghị tăng quân lên đến trên 100,000 quân. Tại

Paris lúc đó cũng không có phong trào phản chiến nào đáng kể. Có điều mọi người đều cho rằng cuộc chiến Đông dương chẳng qua cũng là cuộc cãi vã vớ vẩn ở góc nào đó của thế giới. Chính phủ Pháp đang nhúc nhủ đầu với Madagascar và chỉ đồng ý tăng viện tí chút cho Valluy. Ông này phải chấp nhận lập kế hoạch tấn công với ít quân hơn rất nhiều so với yêu cầu.

Tháng 8, Việt minh gửi một thông điệp hoà bình rõ ràng bằng cách thay 2 vị trí bộ trưởng quan trọng: nội vụ và quốc phòng của Tôn Đức Thắng và Võ Nguyên Giáp bằng những phần tử ôn hoà hơn. Valluy và Bollaert được triệu về Paris để tư vấn. Tháng 9, Bollaert đưa ra đề nghị Việt nam thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp nhưng không nhắc gì đến độc lập hoàn toàn. Ngày 15/9, Giám trả lời: không thể có tự do nếu không nền độc lập hoàn toàn. Ba ngày sau, Bảo đại tuyên bố chấp nhận đàm phán với Pháp nhưng cũng đặt điều kiện là phải có độc lập và thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất mới được thành lập ở HK, cũng vội vã tuyên bố không chấp nhận đề nghị của Bollaert. Dân Sài gòn đồn ầm lên là H đi đêm với Bảo đại.

7/10/1947, quân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt bắc. Do thiếu quân nên thay vì đánh cả từ hai phía bắc và nam, Pháp sẽ tấn công vào trung tâm và giành quyền kiểm soát toàn bộ thung lũng sông Hồng từ Hà nội đến Lào cai. Chiến dịch mang tên Léa do Salan chỉ huy, dự kiến sẽ tiến hành trong 3 tuần. Đầu tiên quân Pháp nhảy dù xuống Bắc cạn chiếm chỉ huy sở. Hai cánh quân một từ phía bắc, một sử dụng chiến xa từ phía tây Lạng sơn sẽ kẹp Việt minh ở giữa và hội quân ở Bắc cạn. Quân Pháp tiến nhanh nhưng H và các đồng chí đã kịp chạy vào rừng đến một căn cứ khác. Trên bàn làm việc của H còn điều thuốc đang cháy dở và một số bản trình ký cho H. Quân Pháp tiếp tục càn quét khu vực nhưng rất ít khi gặp Việt minh. Salan tuyên bố đã hoàn thành nhiệm vụ, làm chủ đường lên Cao bằng, tuyên phòng thủ cuối cùng của Việt minh đã bị phá huỷ. Việt minh bây giờ chỉ còn là: “những nhóm thổ phỉ bị cô lập, chỉ có thể tiến hành những hoạt động khủng bố”.

Có lẽ đây là một trong những nhận định sai lầm nhất trong toàn bộ cuộc chiến. Vì thực ra cuộc chiến mới chỉ bắt đầu. Không nghi ngờ gì là Việt minh đã phải rút lui nhưng các lãnh đạo Việt minh đã thay đổi chiến lược chiến tranh. Họ giải tán những đơn vị chính quy của mình thành những nhóm tuyên truyền vũ trang theo mô hình trước cách mạng tháng 8, từ bỏ những trận đánh “thông thường” tập trung vào chiến tranh du kích, thành lập những uỷ ban hành chính kháng chiến tại mỗi làng biển làng xã thành đơn vị phòng thủ và chỉ cung cấp quân cho trung ương khi cần thiết.

Từ khi quay lại Việt bắc tháng 12/46, H lại trở lại với nếp sống cũ tưởng đã kết thúc khi lên làm chủ tịch tháng 9/45. H có 8 người giúp việc, bao gồm cả vệ sĩ, giao liên và cấp dưỡng, ở trong một căn nhà sàn được chia làm 2. một bên là phòng của H, bên kia vừa là bàn họp, phòng ăn và ký túc xá. Cả hội nuôi một con chó săn, nhưng sau đó bị hổ vồ mất. H ăn uống đơn giản, cơm rau chấm nước mắm, thỉnh thoảng được bổ sung thêm thịt băm xào với ớt, muối, sả, gọi đùa là “thịt Việt minh”. Nhiều khi thiếu lương thực, cả nhóm phải tự đào khoai, trồng sắn, trồng rau trên triền núi. Giường ngủ của H chỉ là cái màn và mấy bộ quần áo để sẵn. Khi có lệnh phải di chuyển, chỉ trong mấy phút là tất cả đã sẵn sàng. H mang mấy quyển sách và tài liệu trong một cái cặp, một đệ tử được phân chuyên trách chiếc máy chữ. H luôn dành thời gian để rèn luyện sức khoẻ, đặc biệt thích chơi bóng chuyền. Khi đội bạn lợi dụng cứ nhắm chỗ H mà bỏ nhỏ thì ông thường rất khoái trá: “các chú đánh được bác rồi”. Khi vượt suối, luôn có người bên cạnh H. Tuy nhiên, theo một kẻ đào ngũ kể lại thì sức chịu đựng và dẻo dai của H hơn đa số các đồng đội trẻ của ông. H thường đùa: “bác là máy bay bà già cổ lỗ, còn các chú là phản lực”.

Cuộc sống dần dần ổn định hơn, quanh nhà có vườn hoa, vườn rau, sân bóng chuyền, xà kép, xà đơn. H còn mua các dụng cụ âm nhạc của đồng bào địa phương và thỉnh thoảng tổ chức những đêm liên hoan văn nghệ cho dân địa phương, giảng giải cho họ về cuộc sống dưới xuôi, phát thuốc chữa bệnh. Cuộc sống bình yên kết thúc mùa thu 1947, khi chiến dịch Léa bắt H phải sơ tán.

Sau chiến dịch Léa, cuộc xung đột rơi vào giai đoạn mà một nhà bình luận quân sự Pháp miêu tả là “sa lầy”. Do ít quân, Valluy đành tập trung ở khu vực châu thổ để Việt minh có cơ hội lập khu giải phóng ở miền Trung kéo dài 200 dặm từ Faifo (Hội An) tới Mũi Varella (Phan Thiết??). Tại Nam bộ, quân của Nguyễn Bình bị đẩy tít vào rừng sâu.

Quân Pháp tiếp tục hành quân bình định những khu vực mới chiếm đóng để cô lập đối phương. Việt minh còn phải đương đầu ở phía Nam với một số nhóm du kích muốn trở thành “lực lượng thứ ba” giữa Việt minh và Pháp.

Trong bối cảnh, chiến dịch Léa không “đánh giáp đầu” được Việt minh, các phần tử dân tộc quan tâm đến mặt trận chính trị và vai trò của Bảo Đại. Tháng 12, Bảo Đại gặp Bollaert tại Hạ Long, không được kết quả lắm vì Bollaert không chịu làm rõ những quyền gì sẽ được chuyển giao cho nước Việt Nam tương lai. Bảo Đại ngần ngại đã định ký vào tuyên bố chung, nhưng lại thôi vì thấy Mặt trận dân tộc thống nhất phản đối mạnh quá. Tháng 3/1948, Bảo Đại gặp đại diện Mặt trận tại HK và đồng ý chỉ định Nguyễn Văn Xuân, người Nam bộ, công dân Pháp làm thủ tướng cho chính phủ lưu vong để có thêm con bài mặc cả với Pháp. Sau một hồi suy nghĩ, Bollaert đồng ý đàm phán với chính phủ tạm thời này. Tháng 6, hai bên gặp lại tại Hạ Long và thống nhất thành lập Quốc gia liên hiệp Việt Nam, trên nguyên tắc độc lập và thống nhất của Việt Nam trong khối liên hiệp Pháp. Tuy nhiên cũng chẳng có gì quy định rõ ràng ý nghĩa của chữ “độc lập” cũng như quyền hạn của quốc gia này. Cũng không rõ việc thành lập Quốc gia này có thể ảnh hưởng gì đến cuộc chiến Việt minh – Pháp hiện tại.

Đối với Pháp, thoả thuận này là cái cớ tốt để tiếp tục xin viện trợ Mỹ. Mặc dù không hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn của Pháp, Mỹ cũng không có nhiều lựa chọn trước sự đe dọa bành trướng của cộng sản Trung Quốc và quan hệ càng ngày càng xấu đi với Matxcova. Marshall đã ra lệnh cho các viên chức Mỹ ở Đông Dương làm tất cả những gì có thể để thổi “các nhóm dân tộc chủ nghĩa” làm suy yếu Việt minh. Mặc dù không ưa gì Bảo Đại, Mỹ cũng coi thoả thuận này là một “bước tiến” và cảnh báo nếu Pháp “không thực thi độc lập và thống nhất cho Việt Nam thì có thể mất cả Đông Dương”, ngược lại Mỹ sẽ xem xét lại chính sách để có thể viện trợ trực tiếp cho Pháp ở Đông Dương. Tháng 1/1949, cuối cùng Pháp nhượng bộ để Bảo Đại ghép Nam bộ và trong Quốc gia liên hiệp và ngày 9/3 tại Paris hai bên đã ký hiệp định. Pháp công nhận Việt Nam độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp. Quốc gia mới sẽ có ngoại giao, tài chính và quân đội riêng. Một số quy định hạn chế là hiệp định phải được quốc hội Pháp thông qua, các điều kiện của thành viên Liên hiệp và tình hình chiến tranh ở Việt Nam. Những trở ngại này hoá ra là quá lớn.

Tháng 1/1948, Việt minh tuyên bố kết thúc giai đoạn “phòng ngự” để chuyển sang “cầm cự”. Lãnh đạo Đảng cho rằng cần phải huy động nhân dân Lào, Cambodia vào cuộc chiến để phân tán quân Pháp. Một tài liệu của Đảng đã viết: “Nếu người Anh coi sông Ranh là tuyến phòng ngự thứ nhất của họ trong thế chiến 2 thì Việt Nam cũng coi Mekong ở vị trí tương tự”. Trường Chinh đã viết trong một bài báo năm 1947: “Nếu địch đánh phía trên, ta sẽ đánh chúng từ phía dưới. Nếu chúng đánh ở miền Bắc, ta sẽ trả lời ở miền Trung hoặc Lào, Cambodia. Nếu địch thò chân vào căn cứ, ta sẽ đánh vào thắt lưng

và hậu phương chúng cắt đường tiếp viện”. Các cán bộ đảng ở địa phương được chỉ thị liên lạc với Lao Issara và Khme Issarak và tìm cách lái các tổ chức này theo Việt nam. Tuy nhiên, chỉ thị nói tiếp, cần phải rất cẩn thận, không để cho bạn bất mãn vì sự thống trị của Việt nam.

Bóng mây đen duy nhất che phủ hy vọng của Việt minh là việc Mỹ sẽ nhảy vào cuộc chiến thông qua viện trợ trực tiếp cho Pháp ở Đông dương nếu Hiệp định Elysee được phê chuẩn. Việtminh cần phải có đồng minh mới có thể đứng vững được. Nga thì ở xa và có vẻ không quan tâm gì, có vẻ như Trung cộng là lựa chọn duy nhất. Quan hệ với CCP mới được khởi động lại từ mùa xuân 1947. H và Chu An Lai có điện qua điện lại cho nhau, trao đổi thông tin. Tại vùng biên giới, các đơn vị của hai bên cũng đã hợp tác với nhau lập ra Trung đoàn độc lập, chủ yếu là người Tày, Nùng, đánh Pháp ở vùng biên giới. Tại Trung quốc, Bát lộ quân đang thắng thế và tiến xuống phía Nam. Pháp lo lắng. Salan (thay Valluy chỉ huy quân viễn chinh ở Đông dương FEF) đề nghị mở các cuộc tấn công để củng cố biên giới trước khi cộng sản thắng thế ở Trung quốc.

Trong đề nghị xin quân để mở cuộc tiến công mới, Salan đã không tiếc lời chỉ trích chính phủ thờ ơ. Ngay lập tức tháng 4 năm đó, lấy cớ Salan còn trẻ và thiếu kinh nghiệm Paris đã cử tướng Blaizot sang thay. Leon Pignon cũng được cử sang thay Bollaert. Hai ông này không thống nhất được với nhau về kế hoạch quân sự tấn công lên Việt bắc. Để hoà giải, tháng 5/1949 Paris cử tướng Revers sang thị sát. Ông này có ý kiến khá bi quan về cả 2 lĩnh vực quân sự lẫn chính trị, không tin tưởng gì chính phủ tham nhũng của Bảo đại. Revers cũng đề nghị chức danh Cao uỷ Pháp phải quyết cả chính trị lẫn quân sự.

Nhưng ông cũng nghi ngờ về thắng lợi quân sự, theo ông khả thi nhất là cải thiện tình hình để dễ đạt được thoả thuận. Revers gợi ý quân Pháp củng cố vùng Bắc bộ cho đến khi Mỹ đưa quân tham chiến trực tiếp. Do không đủ quân rải khắp biên giới, Revers đề xuất chỉ bảo vệ đoạn từ Lạng sơn đến Thất Khê và rút quân khỏi các vùng biên giới khác.

Mùa xuân 1949, PLA vượt sông Dương tử, tiến về phía Nam. Cộng sản chuẩn bị lập chính phủ ở Bắc kinh. Tướng đang lập kế hoạch di tản sang đảo Đài loan. Các nguồn tình báo bắt đầu thông báo về sự có mặt của PLA tại biên giới. Có tin cho rằng, PLA đã chiếm Móng Cái vào cuối tháng 3, sau đó mới rút đi. Cũng có tin cho rằng Giáp đã ký thoả thuận về hợp quân tại vùng biên giới vào tháng 4. Một nguồn tin Mỹ nói đài phát thanh của Việt minh thông báo PLA đã đến biên giới và đang hỗ trợ “một cách quan trọng” cho Việt minh. Tại một cuộc họp gần Vinh vào thời điểm này, H đã tuyên bố chuẩn bị để mở cuộc tấn công trên biên giới thông đường với Trung quốc. Việc Trung cộng thắng thế hiển nhiên là tin tức tốt lành cho Việt minh. Nhưng H cũng thừa hiểu rằng, bất kỳ một sự “a dua” công khai nào với Trung quốc sẽ tạo cơ hội để Mỹ can thiệp trực tiếp vào Việt nam và làm lợi cho những lực lượng đối lập thù địch. Tháng 3/1949, H phủ nhận là đã có một thoả thuận với Trung quốc, nói rằng đó là “tin đồn của bọn thực dân”. Khi trả lời một phóng viên Mỹ cũng trong tháng đó, H nói Việt nam sẽ tự giành được độc lập, còn luận điệu cộng sản đảng “khống chế Việt minh” là “trò tuyên truyền của Pháp”. Tháng 8/1949, H tuyên bố, mặc dù có nhiều điểm tương đồng nhưng dân chủ mới của TQ là TQ, dân chủ mới ở VN sẽ là của VN. Việc Pháp công nhận Quốc gia Liên hiệp của Bảo đại cũng là thách thức mới. Washington bây giờ không còn phải đoán ý Pháp nữa và sẽ có thể quyết định dính líu trực tiếp tới chiến tranh Đông dương. Tháng 6/49, H thừa nhận với một phóng viên Indonesia là Việt minh có thể vẫn muốn đàm phán với Pháp trên cơ sở độc lập và thống nhất dân tộc. Tuy nhiên những thắng lợi cuối cùng của Bát lộ quân vào mùa hè năm đó đã thuyết phục các lãnh đạo Đảng là có thể thành công bằng con đường

quân sự. Ngày 9/7, Phạm Ngọc Thạch tuyên bố Bảo đại là “bù nhìn của bọn xâm lược”. Tình báo Pháp thu nhật được một số thông tin về việc Giáp ra lệnh cho quân sĩ chuẩn bị chuyển sang Tổng phản công.

Giữa tháng 8, chính phủ Việt minh chính thức kêu gọi chính quyền mới ở TQ giúp đuổi quân Pháp. H cử hai đại diện đi Bắc kinh để chào mừng Mao và nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến thắng này đối với nhân dân châu á. Sau đó ít lâu, H quyết định đích thân sẽ đi Bắc kinh để thắt chặt mối quan hệ. Hai đại biểu Việt minh đến vào giữa tháng 10. Chính phủ mới ra mắt vào ngày 1/10 tại quảng trường Thiên An Môn và đang suy nghĩ về vai trò tương lai của mình trên trường quốc tế. Mặc dù Mao tuyên bố “sẽ nghiêng” về Liên xô nhưng Mỹ vẫn còn đại diện ngoại giao và vẫn hy vọng tránh được cuộc khủng hoảng ngoại giao. Quan điểm chính thống của TQ được Lưu Thiếu Kỳ phát biểu tại đại hội Công đoàn toàn quốc vào tháng 10. Lưu nói, TQ sẽ giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc tại châu á, đặc biệt là Đông dương và Malaysia. Ngày 25/11, báo chí TQ đăng “Việt nam và Trung quốc trên tuyến đầu chống chủ nghĩa đế quốc”. Đến lúc đó, tất cả các nước cộng sản đều đã công nhận ngoại giao TQ. Tháng 12/1949, dưới ảnh Stalin, Mao, và H, Trường Chinh đã đọc báo cáo tại hội nghị công đoàn, tuyên bố Việt nam đi theo chế độ mới của TQ về chính trị và tư tưởng. H gửi thư đến hội nghị nhấn mạnh “công nhân sẽ là giai cấp lãnh đạo xã hội”

Giữa tháng 12, Mao lên đường đi Matxcova, mà chưa có kế hoạch gì cụ thể với đề nghị của Việt minh ngoài việc Lưu đã nói chuyện để gửi Luo Quibo, một cán bộ bộ tổng tham mưu sang VN 3 tháng để nắm tình hình. Ngày 24/12, khoảng 1 tuần sau khi Mao đi, Lưu triệu tập bộ chính trị để bàn về tình hình Đông dương và đưa ra chiến lược. Ngày hôm sau, Lưu điện cho lãnh đạo Việt nam là sẽ gửi đoàn đại biểu sang đánh giá tình hình và cũng mời chính thức phía Việt nam sang thăm Trung quốc. Trước khi Lưu nhận được điện trả lời, đoàn VN đã lên đường đi bộ xuyên rừng. Mặc dù Bắc kinh được thông báo trưởng đoàn là cục trưởng hậu cần Trần Đăng Ninh, thực chất H chính là người dẫn đầu đoàn. H vẫn mặc bộ kaki thường ngày, sử dụng bí danh là Định. Đoàn rời Tuyên quang ngày 30/12, đến Jingxi ngày 16/1/1950 và được PLA hộ tống đến Nam ninh. Tại đây, H được tin Trung quốc đã công nhận ngoại giao Việt nam dân chủ cộng hoà, 4 ngày sau khi DRV tuyên bố tại Băng kok là đại diện duy nhất của nhân dân Việt nam. Nghi ngơi một chút, cả đoàn lên tàu đến cảng Vũ Hán trên sông Dương tử. Vài ngày sau, đoàn đến Bắc kinh và được xếp ở Trung Nam Hải, khu biệt thự ở phía tây cấm thành. H được gặp lại bạn cũ là Hoàng Văn Hoan, từ châu Âu đến dự Đại hội công đoàn nhưng bị muộn. Trưởng đoàn đón tiếp H là tướng Chu Đức, chiến hữu của Mao, để bàn về các nội dung quân sự chắc chắn sẽ được đề cập đến. M cũng gửi điện về hỏi thăm và chúc mừng DRV gia nhập hệ thống XHCN. Trong bữa tiệc chiêu đãi đoàn, Lưu đề nghị với đại sứ Nga Roshin là H cần được gặp trực tiếp Stalin để báo cáo tình hình. Không ngờ S đồng ý. Ngày 3/2, H cùng với Ninh và Chu Ân Lai lên tàu đi Matxcova. Hoan ở lại để chuẩn bị mở đại sứ quán.^{cxi}

Từ cuối thế chiến 2, Nga xô có vẻ như chẳng quan tâm gì lắm đến số phận của cách mạng Việt nam. Trong một phát biểu nổi tiếng tháng 9/1947, một thân cận của Stalin là Andrey Zhdanov đã tuyên bố ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống lại chủ nghĩa đế quốc, ngụ ý là Nga ủng hộ tất cả các lực lượng dân tộc tự sản đấu tranh đòi độc lập tại các thuộc địa. Nhưng sang đầu 1948, Nga lại thay đổi thái độ, tỏ ra cực đoan hơn. Trong tuyên bố của mình tại Hội nghị thanh niên Calcuta, Nga đã chỉ thị cho các đảng cộng sản từ bỏ liên hiệp với các đảng dân tộc, để tự giành chính quyền. Chính sách thiên

cận này đã trở thành thảm họa tại Đông án thuộc Hà lan khi cuộc khởi nghĩa của cộng sản bị chìm trong máu. Các đảng dân tộc trong khu vực cũng thẳng tay loại cộng sản ra khỏi các mặt trận liên hiệp. Chính sách thù địch đối với các lực lượng tư sản dân tộc này chính là quan điểm của Stalin, qua những bài học rút ra từ cuộc hợp tác Quốc-Cộng tại Trung quốc. Từ lâu Stalin cũng đã nghi ngờ sự trung thành của H, nhất là thái độ câu thân của H với Mỹ trong những tháng sau cuộc chiến Thái bình dương. Stalin càng nghi ngờ hơn khi ICP dùng dùng tuyên bố tự giải tán. Năm 1947, Nga công nhận ngoại giao Indonesia của Sukarno nhưng lờ đi Việt nam vì cho rằng VN khó có thể thắng được Pháp.

Trong những năm đầu của cuộc chiến, VM cũng chẳng có quan hệ trực tiếp gì với Nga. Cho đến năm 1949, đoàn đại biểu cộng sản Pháp, được cho là do Nga chỉ đạo, đến thăm Đông dương để đánh giá tình hình. Tháng 8 năm đó, H gửi thư trực tiếp cho Stalin, cảm ơn Nga đã giúp đỡ CCP và hỗ trợ cho Liên đoàn lao động quốc tế^{cxiii}. Thái độ của Stalin được thể hiện rõ trong chuyến thăm của H. Trong hồi ký của mình, Nikita Khrushchev, miêu tả thái độ của Stalin với H là “khiêu khích và xúc phạm”. Ngày 14/2, H tham dự lễ ký hiệp ước hữu nghị Nga – Trung và đề nghị Stalin ký hiệp ước tương tự với Việt nam. Stalin chối phắt, lý do là chuyến đi của H là chuyến đi bí mật. Khi H đề nghị kiếm một chiếc trực thăng lượn vài vòng rồi hạ xuống đâu đó với nghi lễ đàng hoàng, Stalin đã trả lời: “người phương đông các ông thật giàu trí tưởng tượng!”. HCM đã làm mọi cách để lấy lòng vị chủ nhà độc đoán. Tan một cuộc họp, H đã tiến tới xin chữ ký của Stalin trên cuốn tạp chí “*Liên xô đang xây dựng*”, Stalin đã ký, nhưng sau đó lại ra lệnh cho đệ tử thu hồi lại vì lỡ ký nhầm. Khi đã thu lại được cuốn tạp chí, Stalin đã đem ra đùa với các đồng hữu: “H chắc vẫn đang đi tìm cuốn tạp chí, nhưng ông ta làm sao tìm được”.

Dù sao những cố gắng của H cũng có được kết quả, ngày 30/1/1950, Nga xô tuyên bố công nhận ngoại giao với DRV. Tuy nhiên Stalin chưa bao giờ hết nghi ngờ về tư tưởng chính thống của H. Nhiều nguồn tin Việt nam kể rằng trong một cuộc gặp gỡ giữa hai bên năm 1952, Stalin đã đưa ra 2 chiếc ghế và nói: “đồng chí H, một chiếc là dành cho người dân tộc chủ nghĩa, một cho người quốc tế chủ nghĩa, đồng chí sẽ ngồi ghế nào?”, H đã trả lời: “Tôi muốn ngồi trên cả hai”^{cxiv}

Tại sao Stalin lại quyết định công nhận DRV mặc dù vẫn còn nghi ngờ H? Theo các nguồn Trung quốc, cuộc đàm phán với Mao là nguyên nhân chính. Sau hiệp định Yalta, Nga chiếm một vùng lớn đất đai của TQ mà Mao rất muốn đòi lại. Stalin sợ rằng TQ có thể vì tức giận mà đi theo Mỹ nên tìm cách xúi giục TQ theo đường lối cực đoan gây gổ với Mỹ, chặt đứt quan hệ Trung Mỹ. Trong một cuộc gặp tay ba tại Matxcova, Stalin đã khuyến khích Mao cầm đầu cách mạng tại châu á. Stalin hứa với H: “*sẽ quan tâm đến Việt nam như TQ. Các đồng chí có thể tin vào chúng tôi, đặc biệt bây giờ, sau chiến tranh, chúng tôi có vô khối nhu yếu phẩm, phương tiện và sẽ chuyển cho các đồng chí qua đường TQ. Tuy nhiên vì điều kiện địa lý tự nhiên, TQ mới là người đỡ đầu chính. TQ thiếu gì, chúng tôi sẽ cung cấp*”. Mao hứa theo: “*Cái gì TQ có mà VN cần, chúng tôi sẽ cung cấp*”^{cxv}.

Ngày 17/2 H cùng với Chu và Mao lên tàu về Bắc kinh. Cả hai đều đã giành được một phần lợi ích, nhưng không phải dễ dàng. Sau này Mao kể lại: “*lấy được cái gì đó từ Stalin chẳng khác gì giằng miếng thịt ra khỏi miệng hổ*”. Ngày 3/3 tàu về đến BK. Mao mở tiệc chiêu đãi H tại Trung Nam Hải với tất cả các quan chức cao cấp của TQ tham dự. Trong cuộc đàm phán chính thức sau đó, PRC đồng ý đảm nhận an ninh tại biên giới và cho phép VN mở lãnh sự tại Nam ninh và Côn minh. H chỉ định Hoàng Văn Hoan làm

đại sứ đầu tiên tại TQ và quyết định chuyển trụ sở hải ngoại của Đảng đang ở Bangkok về TQ. Ngày 11/3, H lên đường về nước.

H có thể hài lòng về chuyến đi của mình. Ông đã giành được sự công nhận ngoại giao của hai cường quốc XHCN chính và lời hứa sẽ giúp đỡ về quân sự và kinh tế. Việt minh sẽ không phải chiến đấu đơn độc. TQ cũng có lợi. Mao rất tin rằng chiến tranh với Mỹ là không thể tránh khỏi và có thể xảy ra bất cứ lúc nào dọc biên giới TQ không chỉ ở Triều tiên. Có được VN làm lá chắn phía nam là cực kỳ quan trọng.

H đã không nhầm khi lo rằng việc chơi thân với Nga và TQ sẽ làm cho Mỹ điên lên. Liên tiếp hai sự kiện TQ và Nga công nhận ngoại giao DRV đã ảnh hưởng lớn đến chính sách của Mỹ. Trước đó năm 1949, quyết định của Pháp lựa chọn Bảo đại để đối trọng với Việt minh làm Mỹ không hài lòng. Các quan chức Mỹ cho rằng vị cựu hoàng này không có cá tính và không được nhân dân ủng hộ. Có tin đồn là Mỹ đã tiếp cận môi giới HCM liên minh với Bảo đại, thậm chí là hai bên đã gặp nhau. H lập tức lợi dụng luôn, trả lời phỏng vấn của phóng viên Mỹ Harold Isaacs: tôi đã bảo tôi không phải là cộng sản, DRV không phải là vệ tinh của Nga xô mà là chính phủ đoàn kết dân tộc rộng rãi. Chắc là những tin đồn này có ít phần sự thật. Mặc dù Dean Archeson không ưa gì Bảo đại, nhưng ông này còn nghi H hơn, nhất là thái độ “cộng sản dân tộc” kiểu Tito. Dean nói: *“cộng sản hay dân tộc chủ nghĩa chỉ có ý nghĩa hàn lâm. Tại các nước thuộc địa, tất cả cộng sản đều là những người dân tộc. Khi lên nắm chính quyền, những quan điểm cực đoan Stalin của họ mới lộ ra”*. Cuộc cãi vã trong bộ ngoại giao Mỹ về việc có công nhận Bảo đại hay không kéo dài cho đến cuối năm 1949. Dean Archison, vốn là một người châu Âu, không muốn làm Pháp giận dữ. Raymond Fosdick, thành viên chủ chốt của nhóm cố vấn tổng thống về chính sách châu á thì cho rằng thí nghiệm Bảo đại không có nhiều cơ may thành công. Tuy H cũng không phải là lựa chọn hấp dẫn, nhưng nếu nhìn vào quan hệ lịch sử phức tạp giữa TQ và VN, có cơ may là Mỹ sẽ có lợi thế hơn bây giờ. Quan điểm của Fosdick tất nhiên là chìm ngim ở một thành phố mà chiến tranh lạnh đã gõ cửa. Sau khi PRC ra đời, Truman bị đá kịch liệt vì không làm gì để ngăn chặn làn sóng đỏ. Tháng cuối cùng năm 1949, Mỹ vẫn chưa quyết hy vọng là Pháp sẽ trao nhiều quyền tự quyết hơn cho Việt nam. Nhưng đầu năm 1950, tình hình biến chuyển, TQ chính thức giúp đỡ Việt nam đã làm thay đổi cán cân lực lượng. Đầu tháng 2, Mỹ công nhận chính phủ Bảo đại. Anh và một số nước châu Âu theo đuôi ngay nhưng đa số các nước châu á lại đứng ngoài. Ngày 10/3 Truman quyết định viện trợ quân sự \$15m cho Đông dương và \$10m cho Thái lan. Nhà trắng cũng bắt đầu lên kế hoạch cử đoàn cố vấn sang Đông dương để xác định làm thế nào có thể quản lý chương trình một cách hữu hiệu.

Đoàn đại biểu TQ do Luo Guibo đến biên giới Việt nam ngày 26/2/1950 và được Giáp cùng với Hoàng Văn Thái nghênh đón và đưa về căn cứ địa Việt bắc. Trường Chinh, lãnh đạo đảng khi H đi vắng cũng đã tiếp đoàn.^{cxvi} Ba tuần sau khi H lên đường, Chinh đã chủ trì Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 để bàn kế hoạch tổng phản công. Chinh phấn khích tuyên bố, với sự thành lập của nước Trung hoa mới *“chúng ta đã không bị cô lập, đã mở được đường ra thế giới. Đảng sau chúng ta là một đồng minh hùng mạnh”*. Ngày 21/2, đảng kêu gọi tổng động viên: tất cả ra tiền tuyến, tất cả cho chiến tranh nhân dân, tất cả cho chiến thắng. Giáp cũng có bài phát biểu dài tại hội nghị. Giáp nhấn mạnh mặc dù tình hình thế giới đang diễn biến có lợi cho ta và ta nhất định sẽ thắng, nhưng quân Pháp vẫn chiếm ưu thế trên toàn cục. Cuộc tổng phản công sẽ không phải là một chiến dịch đơn lẻ mà là một chuỗi các trận tấn công trên nhiều điểm khác nhau của Đông dương, đẩy cán cân lực lượng dần dần nghiêng về Việt minh.

TQ bắt đầu viện trợ thiết bị quân sự cho Việt nam vài tháng sau đó. Đoàn cố vấn Trung quốc (CMAG) do tướng Vi Quốc Thanh chỉ huy cũng đã đến Việt bắc và bắt đầu huấn luyện chiến lược, chiến thuật cho VLA. Trước khi đi, đoàn đã được Lưu Thiệu Kỳ dặn dò: “nếu các đồng chí không giúp được đuổi kẻ thù ra khỏi Đông dương, thì TQ cũng sẽ gay go”. Những đơn vị chính quy đầu tiên của Việt nam cũng được gửi sang Vân nam huấn luyện vào tháng 4/1950. Thiết bị quân sự, chủ yếu là chiến lợi phẩm của Nhật và Mỹ được chở theo đường biển từ cảng Yulin, phía nam đảo Hải nam. Hai bên thoả thuận là TQ sẽ không đưa quân tham chiến trực tiếp trừ khi Việt minh bị đe dọa tiêu diệt. Bắc kinh cũng yêu cầu giữ kín để tránh làm xấu quan hệ với Pháp. Nhưng lo lắng này bằng thừa vì Pháp đã được thông tin đầy đủ về chuyến đi của H và những hậu quả của nó. Đến tháng 9/1950 đã có khoảng 20,000 quân được huấn luyện và trang bị ở TQ. Đa số họ được biên chế vào sư đoàn 308. Hai trường chính trị được mở tại Nam ninh và Kaiyuan ở Vân nam, mỗi khoá 6 tháng. Luo và Vi thường xuyên gặp gỡ với lãnh đạo Việt minh. Việt minh cũng không che dấu tầm quan trọng của mối quan hệ với TQ. Tháng 8, khi trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ Andrew Roth, H thừa nhận ảnh hưởng của TQ và phong trào giải phóng Việt nam đang chuyển mình theo mô hình của TQ. Phong trào học tập kinh nghiệm kháng Nhật, chống Tưởng của PLA được phát động rộng khắp ở Việt bắc. Tài liệu được dịch, in và phân phối cho tất cả sĩ quan, binh lính. Các lớp học được mở thường xuyên để thảo luận làm cách nào áp dụng những kinh nghiệm đó vào điều kiện Việt nam. Tất nhiên là Việt minh chỉ giả vờ là mới “bất ngờ” phát hiện ra sự hay ho của Trung cộng. Ngay từ lời kêu gọi kháng chiến năm 1946, H đã xác nhận là Việt nam sẽ áp dụng đường lối chiến tranh nhân dân của Mao. Đầu năm sau, Trường Chinh đã viết bài ngắn *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, trích dẫn rất nhiều từ những bài viết của Mao về chiến tranh du kích. Bản thân bút danh của Chinh cũng thể hiện sự ngưỡng mộ cách mạng Trung quốc (tên của một chiến dịch nổi tiếng của Bát lộ quân). Tuy nhiên Chinh cũng đã chỉ ra một số điểm không thể áp dụng: Việt nam nhỏ hơn và không có khả năng xây dựng vùng giải phóng rộng lớn ở phía bắc TQ trong cuộc chiến kháng Nhật. Việt nam cũng sẽ phải đặc biệt chú trọng đến mặt trận ngoại giao mà các đồng chí TQ hoàn toàn không quan tâm.

Nhưng ảnh hưởng TQ không dừng lại ở lĩnh vực quân sự mà lan sang các vấn đề đối nội và tổ chức đảng. Từ hội nghị 8 tại Pacbo năm 1941, đảng chủ trương ưu tiên đấu tranh chống đế quốc theo kế hoạch mà H đã du nhập từ những năm 1920. Giai đoạn đầu là giải phóng dân tộc, đảng sẽ phải thu mình để đoàn kết dân tộc và tránh sự can thiệp của các thế lực chống cộng bên ngoài. Sau đó mới dần chuyển sang cách mạng XHCN. Bây giờ, các đồng chí Trung quốc nghĩ khác và tư vấn tổ chức lại đảng theo mô hình TQ, khi mà giai đoạn một sẽ chuyển ngay sang giai đoạn hai là cách mạng xã hội phân phong. Những ảnh hưởng của quá trình này thể hiện rõ nét trong Hội nghị toàn quốc lần thứ 3, khi đảng quyết định sẽ nhấn mạnh hơn vấn đề giai cấp trong mặt trận thống nhất, cũng như đưa đảng trở lại công khai. Hành động này sẽ gộp DRV vào cùng một phe với chính phủ mới của TQ cũng như những “nền dân chủ nhân dân” ở Đông Âu, tuy nhiên chắc chắn sẽ làm việc đạt được thoả thuận với Pháp trở nên phức tạp cũng như giúp Mỹ có cơ can thiệp trực tiếp.

Vai trò của H trong việc chuẩn y thay đổi đường lối này đến đâu là một câu hỏi lớn? Đặc biệt trong bối cảnh H vắng mặt tại Hội nghị 3. Từ những năm 20, quan điểm rõ ràng của H là cách mạng hai giai đoạn. Trong giới cộng sản quốc tế và ngay cả giữa các đồng nghiệp cũng luôn luôn có sự nghi ngờ về lòng trung thành của H với những quan điểm

giáo điều của Bắc kinh và Matxcova. Suốt mùa đông 1949-1950, nhiều bài báo dựa trên thông tin của bọn đào ngũ đã đưa tin về việc Stalin ra lệnh thay thế H bằng Chinh vì H không chịu tuân lệnh Matxcova. Cũng có tin đồn là đoàn đảng CS Pháp do Léo Figueres đến Việt bắc tháng 3/1950 để khôi phục lại vai trò lãnh đạo của đảng như đội tiên phong của cách mạng Việt nam^{cxvii}. Có thể cho rằng H không hào hứng lắm trong việc chấp nhận đường lối mới, nhưng H thừa hiểu rằng sự can thiệp của Mỹ là không thể tránh khỏi và chỉ có dựa vào Nga xô và Trung cộng, Việt minh mới có thể chiến thắng. Như mọi khi, H sẵn sàng điều chỉnh và biến hoàn cảnh mới thành có lợi cho mình. Với nghệ thuật “lay động” các ân nhân bằng cách như nuốt lấy từng lời khuyên cũng như kinh nghiệm của họ, H đã gửi thư ca ngợi chính phủ mới ở TQ và thừa nhận là đảng và chính phủ mình chẳng có cách nào khác là học theo mô hình các đồng chí TQ. Không phải ngẫu nhiên mà H bắt đầu thử nghiệm tập thể hoá nông nghiệp vào cuối năm 1950.

Từ mùa xuân năm 49, các nhà chiến lược của đảng đã chỉ ra rằng phải kiểm soát được biên giới, mở đường tiếp tế từ TQ mới có thể nói đến chuyện tổng phản công. Về phần mình tướng Pháp là Blaizot quyết định bỏ phía bắc Lạng sơn và tập trung kiểm soát vùng từ Lạng sơn đến vịnh Bắc bộ. Tuy nhiên cho đến hè năm 50, kế hoạch này cũng chưa được triển khai đến nơi đến chốn. Kết quả là quân Pháp bị căng ra trên một tuyến những đồn cô lập dọc đường 4 từ Móng cái đến Cao bằng.

Vào tháng 4/49 VM quyết định sẽ tấn công cánh tây trước, nhưng đến tháng 7/50, ban thường vụ lại quyết định chuyển sang cánh phía đông, có đường thâm nhập đồng bằng sông Hồng dễ dàng hơn. H phát biểu, chỗ này “*dễ giữ khi rút, dễ đánh khi tấn công*”. Giáp được bổ nhiệm chỉ huy chiến dịch. TQ cử tướng Trần Canh, chuyên gia gỡ rối của Bát lộ quân đến Việt bắc để giúp Việt minh lên kế hoạch. H dặn Giáp “*chiến dịch này cực kỳ quan trọng. Chúng ta không được thua!*” và hứa sẽ trực tiếp thị sát chiến trường cùng với Trần Canh. Giữa tháng 9, hơn 8000 quân Việt minh tấn công Đông Khê. Tình báo Pháp kinh ngạc thấy VM lần đầu tiên được tổ chức thành trung đoàn, có sử dụng bazoka, súng phóng lựu và tiểu liên. Quân Pháp rối loạn và rút chạy để lại hàng trăm xác chết và hàng chục ngàn tấn vũ khí. Quân ứng viện từ Cao bằng lên cũng chịu số phận tương tự. Tướng Marcel Carpentier chỉ huy quân Pháp trên mặt trận đã ra lệnh rút khỏi tất cả các đồn dọc tuyến biên giới, trừ Móng cái. Tại Hà nội, cao uỷ Léon Pinon rất phẫn nộ và miêu tả Carpentier là “*bị động và chỉ biết phòng thủ...rõ ràng là không có khả năng lãnh đạo tối cao*” và thay thế ông này. Tuy nhiên mọi việc đã quá muộn. Đến cuối tháng 10, toàn bộ khu biên giới rộng lớn phía bắc châu thổ sông Hồng đã về tay Việt minh. Người Pháp hoảng loạn, thông báo hơn nửa dân Hà nội theo Việt minh và chuẩn bị sơ tán anh em bà con khỏi Hà nội. Các tướng Pháp không bao giờ có thể lừa dối mình về chiến thắng quân sự cuối cùng được nữa. Donal Heath, vừa mới đến Sài gòn với tư cách đại diện của Mỹ tại Quốc gia liên hiệp cũng cảnh báo rằng tình hình ở Bắc bộ là bi đát. Ông này cho rằng, chính phủ liên hiệp thì vừa lười biếng vừa không được dân ủng hộ, Bảo đại thì thiếu động cơ và cũng không có khả năng lãnh đạo. Heath cũng dự báo là TQ sẽ không can thiệp trực tiếp trừ khi Việt minh bị đe dọa tiêu diệt.

Vai trò của cố vấn TQ trong chiến dịch biên giới cũng gây tranh cãi sau này. Hoàng Văn Hoan cho rằng, chính Trần Canh đã tư vấn H đánh Đông Khê và chỉ bao vây Cao bằng, cố vấn TQ cũng được H bố trí vào tất cả các đơn vị từ cấp tiểu đoàn trở lên. Giáp thì kiên quyết rằng chính ông đã tự lực đi đến quyết định đánh Đông Khê, và sau đó cả Trần Canh lẫn H đều đã phê duyệt kế hoạch này. Dù sự thật thế nào đi nữa, sau chiến dịch, Trần Canh được rút về và điều sang mặt trận Triều tiên. Trước khi về, Canh đã viết một báo

cáo phê phán khá gay gắt khả năng chiến đấu của Việt minh. Theo Canh, lính VM thì không có kỷ luật, không có kinh nghiệm chiến đấu và chưa sẵn sàng cho những trận đánh lớn, chỉ huy VM thì không nắm được khả năng của lính, hay giấu những tin tức xấu. Các nhà chiến lược của VM thì đang phấn khởi với kết quả tốt hơn mong đợi của chiến dịch biên giới và bàn đến việc tổng phản công vào trung tâm của châu thổ sông Hồng. Mặc dù H vẫn thận trọng phê phán mấy viên tướng nóng đầu là tổng phản công, cũng như phụ nữ có mang, phải đủ ngày đủ tháng mới có thể tiến hành, không khí lạc quan bao trùm. Giáp dự kiến trong năm sau sẽ tấn công tại 3 điểm đồng bằng: phía bắc tại Vĩnh Yên, phía đông tại Mạo kê và phía nam dọc theo sông Đáy. Nếu thành công sẽ bắt đầu giai đoạn 2 tấn công thẳng vào thủ đô. Đài phát thanh Việt minh dự báo năm sau H sẽ ăn Tết tại Hà nội. TQ hứa sẽ cung cấp đầy đủ vũ khí và các phương tiện chiến tranh. Nếu đảng không lạc quan tếu trong những dự báo của mình, có vẻ như cuộc chiến đã đến hồi kết.

Nơi đó, Điện biên phủ

Có vẻ như HCM không thể ăn Tết ở Hà nội. Mặc dù VM đã có những khởi đầu khá thuận lợi. Những đơn vị Việt minh chân đất từ trong rừng đã tràn vào Vĩnh yên theo chiến thuật “biển người” của TQ. Nhưng tướng Jean de Lattre de Tassigny, được bổ nhiệm 19/12/1950 làm cao uỷ kiêm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông dương không phải là người dễ bị bắt nạt. Như một anh hùng thời chiến và là người cực tự tin, De Lattre lập tức hành động. Ông này ngay lập tức huỷ lệnh sơ tán thân nhân Pháp ra khỏi Hà nội, tập trung quân dự bị và ra lệnh cho các phi cơ ném bom napalm của Mỹ xuống Vĩnh yên. Những người lính VM lần đầu tiên chứng kiến những hiệu quả khủng khiếp của napalm đã hoảng hốt bỏ chạy. Một người trong số họ kể lại

Sư đoàn của chúng tôi bắt đầu tấn công từ sáng. Từ xa xuất hiện 3 con chim én. Đến gần thì ra 3 chiếc máy bay. Chúng nghiêng cánh và mở ra cánh cửa địa ngục. Ngọn lửa khủng khiếp lan xa hàng trăm mét trùm lên đội hình. Lửa napalm rơi từ trên trời xuống. Một chiếc máy bay nữa xà tới. Một quả bom rơi ngay sau lưng và tôi cảm thấy hơi nóng chạy khắp người. Tất cả bỏ chạy và tôi không thể ngăn họ. Lửa ăn tất cả mọi thứ xung quanh, không để bất cứ một chỗ nào cho ai trốn.^{cxviii}

Theo báo cáo của tình báo Mỹ, khoảng 3500 đến 4000 quân Việt minh bị giết trong tổng số 10,000 quân tấn công. Pháp mất khoảng 400 lính và 1200 bị thương. Các cuộc tấn công Mạo Khê và sông Đáy còn ít có hiệu quả hơn và cuối cùng Việt minh đành phải rút quân về núi. Sức ép lên Hà nội đã giảm đáng kể. De Lattre thú nhận là quyết định “ngừng di tản Hà nội” của ông ta là quyết định mò mẫm và chỉ có mục đích lấy lại tinh thần quân lính. Thay vì mở đường đến Hà nội, cuộc tiến công đã trở thành một thất bại cá nhân thảm hại cho nhà chiến lược quân sự của H là Võ Nguyên Giáp. Tại hội nghị lãnh đạo đảng vào giữa tháng 4, H đã đề nghị tự kiểm điểm và rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho trận đánh mới. Các nguồn tin chính thức ngừng sử dụng khẩu hiệu: “chuẩn bị chuyển sang tổng phản công”. Đòi phát thanh của VM nhắc đi nhắc lại là chỉ đánh lớn khi chắc thắng. H cũng nhấn mạnh việc phải sử dụng các kỹ năng chiến tranh du kích để trường kỳ kháng chiến. Các cố vấn TQ tỏ thái độ vô can “không phải tôi”, bằng cách báo cáo kêu ca lên thượng cấp (sau khi sự việc đã diễn ra), rằng quân VM thiếu kinh nghiệm cho những trận đánh lớn như vậy. Giáp thừa nhận khuyết điểm khi đưa quân thiếu kinh nghiệm ra đối đầu với quân đội được trang bị tốt hơn trong những trận đánh cổ điển. Chưa kể quân VM nhiều lúc còn chưa thật kiên quyết và dũng cảm^{cxix}

TQ không chỉ gây ảnh hưởng đến chiến lược chiến tranh. Những cán bộ mặc áo đại cán kiểu Mao, luôn mồm khẩu hiệu cách mạng bắt đầu ồ ạt kéo vào, tư vấn cho Việt minh cách cai trị cũng như phương thức cư xử hợp lý. Mặc dù Lưu Thiếu Kỳ đã không ngừng dằn dò các đồng chí của mình trước khi đi là không được áp đặt các phương pháp TQ, không phải cán bộ nào cũng tuân theo lời khuyên đó. Các sĩ quan và cán bộ VN vốn luôn cảnh giác với những láng giềng phương Bắc của mình, tất nhiên là chẳng thích thú gì. Đáng kể nhất là phong trào “chỉnh huấn, chỉnh phong”, đào tạo lại về tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Những cuộc tự phê bình thường xuyên trở thành làm nhục và xúc phạm. Nhiều cán bộ VM, vốn chưa hiểu biết nhiều về Max, tham gia kháng chiến vì lòng yêu nước chứ không phải vì tư tưởng, trở thành đối tượng cho các cuộc đấu tranh giai cấp của các đồng chí nghèo hơn của mình. Georges Baoudarel, đảng viên cộng sản Pháp, hoạt động trong Việt minh lúc đó, miêu tả không khí tại một số đơn vị căng thẳng đến mức phải thu dao cạo râu và để đèn suốt đêm vì sợ số cán bộ này tự tử. Tất cả các đơn vị đều

có thêm chức danh chính trị viên, trong trường hợp mâu thuẫn với chỉ huy, anh này có quyền quyết định.^{cxx}

Những chính sách cực đoan thân Mao này có hai hiệu quả xấu: trước mắt là mất các cán bộ ôn hoà, gây chia rẽ trong Đảng, lâu dài sự sợ hãi sẽ giết chết tính sáng tạo của các nhà văn và nghệ sĩ. Pháp cũng nhận được vô số tài liệu nói về sự mâu thuẫn giữa VN và các cố vấn Tàu. Nhiều kẻ đào ngũ đã thừa nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao là nguyên nhân khiến họ rời bỏ hàng ngũ. Nhiều cán bộ trung và cao cấp bị thanh trừng theo yêu cầu của TQ. Theo một nguồn tin của Pháp, tướng Nguyễn Bình, chỉ huy quân VM tại Nam bộ đã phản ứng quyết liệt với sự can thiệp của Tàu và đã bị điều ra Trung ương để “cải tạo”. Việt minh nói Bình bị quân Hoàng gia Khơ me giết tại biên giới Campuchia trên đường ra Việt bắc. Cũng có tin rằng thực ra ông này bị bắt và đã lựa chọn “chết trên chiến trường” thay vì bị xử tại hậu phương^{cxxi}

Mao cũng bắt đầu có ảnh hưởng tại nông thôn. Trước đây, chính sách nông nghiệp của H chủ yếu tập trung vào việc giám tô và chỉ tịch thu đất của những người cộng tác với Pháp và Bảo đại, lôi kéo tầng lớp địa chủ ủng hộ kháng chiến. Chính sách mới đặt mục đích thủ tiêu những ảnh hưởng về kinh tế và chính trị của địa chủ tại các làng, xã. Lãnh đạo Đảng như Trường Chinh cho rằng nếu không động viên được sự ủng hộ của dân nghèo, mục đích của cách mạng khó mà đạt được. Các cố vấn Tàu sẵn kinh nghiệm còn nóng hổi của cuộc cải cách ở TQ cũng ép VN phải “làm việc” với các phân tử phong kiến ở làng quê một cách kiên quyết hơn.

Sự kiện quan trọng nhất đánh dấu sự dịch chuyển thiên tả của chính phủ là Đại hội 2 của đảng được tiến hành vào giữa tháng hai năm 1951 tại Tuyên quang. Hơn 200 đại biểu đại diện cho khoảng nửa triệu đảng viên đã về dự. Đại hội đã công khai thừa nhận sự ảnh hưởng của Tàu. Trường Chinh phát biểu: Việt nam sẽ áp dụng “chuyên chính dân chủ nhân dân” của Tàu chứ không phải “chuyên chính vô sản” của Nga. Việt minh, được thành lập từ năm 1941, được đổi tên thành Mặt trận Liên Việt và thừa nhận sự lãnh đạo của đảng cộng sản. ICP cũng được đổi tên thành Đảng lao động Việt nam. Đảng thừa nhận sự khác biệt trong tình hình 3 nước đông dương và mỗi nước có thể có con đường khác nhau. Hai nước còn lại sẽ thành lập Đảng nhân dân cách mạng và sẽ lập liên minh với VWP. Mặc dù nguồn tin của Đảng sau này nói rằng, quan điểm Liên bang Đông dương được nêu lên từ đại hội I năm 1935 bị chính thức xoá sổ tại Đại hội này, một tài liệu chính thức của Đại hội đã viết: “Sau này nếu điều kiện cho phép, 3 đảng cách mạng sẽ tập hợp thành một đảng duy nhất, đảng của Liên bang Việt-Lào-Miên”. Dấu ấn của H là tương đối rõ qua việc nhấn mạnh tầm quan trọng của phản đế so với phản phong, cách mạng hai giai đoạn (dù thời gian trung chuyển có thể rất ngắn), và áp dụng tư tưởng cách mạng trong những điều kiện cụ thể của từng nước. Việc đảng được gắn tên với Việt nam cũng thể hiện quan điểm dân tộc mà H theo đuổi từ giữa những năm 20. Tuy nhiên cũng khó phủ nhận là những kết quả chính của đại hội là chịu ảnh hưởng của Bắc kinh. Thuật ngữ “dân chủ mới” cũng chính là cái mà TQ áp dụng cho chính thể của mình. Đưa đảng ra công khai và chấp nhận “grow over” từ cách mạng dân tộc sang cách mạng XHCN hiển nhiên là để giải toả những nghi ngờ của Tàu và Nga về màu sắc Max của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam.

Tất nhiên là ít người ở VN hiểu Mao và các đồng chí của ông ta hơn H. H cần sự ủng hộ của TQ để có thể hoàn thành sự nghiệp cách mạng của mình. Nhưng H cũng thừa hiểu là những kỹ thuật tập trung quyền lực của đảng, cải tạo tư tưởng và đàn áp tàn bạo các phân tử chống đối chưa chắc đã thành công dưới ánh nắng mặt trời của Đông dương

thuộc Pháp. Linh tính chắc chắn cũng mách bảo H chống lại những chính sách có thể đẩy hàng loạt cán bộ nòng cốt của VM sang tay kẻ thù. Giới quan sát bấy giờ hiển nhiên không bỏ qua những lo lắng của H. Tin đồn lan nhanh là mặc dù vẫn được bầu là chủ tịch Đảng, đại hội đánh dấu sự thất bại của H và ảnh hưởng của ông đối với cách mạng VN. Một báo Sài gòn còn đưa tin là Giáp đã ra lệnh thủ tiêu H. Ban chấp hành TƯ có 29 thành viên (chủ yếu là thành viên cũ từ trước WWII). Bất chước mô hình Nga xô, đại hội bầu ra Bộ chính trị gồm 7 thành viên và một thành viên dự khuyết. Chinh, Đồng, Giáp và HCM được coi là “Tứ trụ” của Đảng. Báo Nhân dân ra tháng 3 đã đăng tiểu sử sơ bộ của các cán bộ và gọi Chinh là kiến trúc sư và xếp lớn, còn HCM là linh hồn của cách mạng Việt nam.

Sau thất bại tại chiến dịch đồng bằng sông Hồng của Giáp, tình hình chiến trường trở nên giằng co. Đến năm 1951 thì các trận đánh chỉ chủ yếu ở phía Bắc. Tại miền Nam, sau cuộc tiến công dở chừng mùa hè 1950, Việt minh thay đổi chiến thuật. Lợi dụng điều kiện kinh tế khó khăn, Bình tổ chức những cuộc biểu tình lớn chống chiến tranh tại Sài gòn còn được gọi là “Những ngày đỏ”. Tuy nhiên nhiều thành phần ôn hoà đã không tham dự vì những bạo lực thái quá của đoàn biểu tình. Thủ tướng mới của Bảo đại là Nguyễn Văn Tâm vốn có biệt danh là “hổ Mái Lai” khi còn phụ trách cảnh sát, đã đàn áp dữ dội. Đến tháng 8 thì có thể nói bộ máy VM tại Sài gòn đã bị tan rã. BCH Trung ương VWP quyết định thành lập TƯ Cục miền Nam (COSVN) để chỉ đạo cuộc chiến. Giáp và các chiến hữu của mình cũng bắt đầu gây sức ép ở Lào, Campuchia và vùng miền núi Tây bắc, kéo căng lực lượng Pháp để tìm điểm tiến công. Hoà Bình là một thị xã phía Nam châu thổ sông Hồng và quân Pháp tin rằng đây là điểm nối giữa Việt bắc và các vùng phía nam cung cấp quân lương cho trung ương. HCM đã từng nói: “Những cánh đồng lúa chính là chiến trường”. Các đơn vị Pháp đã chiếm Hoà bình tháng 11/1951 và ngay lập tức chịu sự tấn công ác liệt của Việt minh. Nhà sử học Bernard Fall đã gọi đây là những cái “cối xay thịt”. Tháng 2/1952 quân Pháp bắt đầu rút lui. Trong khi trận đánh đang diễn ra, De Lattre phải về Pháp chữa bệnh và đã chết vì ung thư vào tháng Giêng. Bao nhiêu lạc quan gắn với sự năng động của viên tướng này tan biến. Đại sứ quán Mỹ ở Sài gòn thông báo, các phần tử dân tộc càng ngày càng tin rằng Việt minh sẽ chiếm Hà nội vào mùa hè. Chuỗi lô cốt phòng thủ được xây theo lệnh của De Lattre nhanh chóng trở thành phòng tuyến Maginot. VM hoặc là đi vòng qua hoặc chiếm từng cái một. Cuối năm 1952, các đơn vị Việt minh đã có thể di chuyển tự do trên những cánh đồng xung quanh Hà nội. Hơn một nửa số làng tại châu thổ đã có chính quyền kháng chiến.

Cũng mùa thu năm đó, VM mở mặt trận sâu trong vùng Tây bắc, nơi có những thung lũng hẹp lọt thỏm trong những dãy núi trập trùng. Pháp đã chiếm vùng này từ những ngày đầu cuộc chiến. Kế hoạch của VM được hình thành từ mùa xuân, do các chuyên gia Trung quốc đề xuất, nhằm mục tiêu tạo thế để đánh vào Thượng Lào. Tháng 9, HCM bí mật đi Bắc kinh để tư vấn với TQ và đi Matx dự Đại hội 19 đảng CS Liên xô. Kế hoạch tấn công Nghĩa lộ được phê duyệt vào cuối tháng 9. H quay về Việt nam vào tháng 12. Giữa tháng 10, 3 sư đoàn VM tấn công Nghĩa lộ. Quân Pháp bỏ luôn Sơn la và lùi về cố thủ tại Nà sản và Lai châu. VM tập trung tấn công Nà sản nhưng chịu thất bại nặng nề và bỏ cuộc. Đầu năm sau, VM tiến sang Bắc Lào, giải phóng Sầm nưa và uy hiếp Luang Prabang, tiếp tục kéo dẫn quân Pháp rồi quay về Việt bắc.

Từ năm 1947, trong suốt thời gian kháng chiến, hành tung của H tỏ ra khá bí ẩn đối với thế giới bên ngoài. Một số tin rằng H đã chết vì những bệnh kinh niên mắc từ trước đó. Có kẻ lại đồn H đã bị đưa đi đày ở TQ vì chống lại sự ảnh hưởng của PLA. Mãi đến

tháng 7/1952, mật thám Pháp mới tin là H vẫn còn sống qua tấm ảnh của báo Humanite. Cuối cùng tháng 3/1953, phóng viên tờ Daily Worker là Joseph Starobin đã gặp và phỏng vấn H tại một địa điểm bí mật và thông báo cho toàn thế giới biết.^{cxvii}

Trong vùng giải phóng, ngược lại, người ta thấy H ở khắp nơi. Trên chốt tiền tiêu, trên cánh đồng, trong các cuộc họp... H không mệt mỏi động viên khích lệ nhân dân hy sinh để kháng chiến. Mặc dù đã trên 60, mỗi ngày H đều có thể đi bộ được hơn 30 dặm đường rừng. Theo thông tin của một số kẻ đào ngũ thì tinh thần trong khu giải phóng có vẻ đi xuống. Việt minh bắt buộc phải đưa ra chế độ lao động công cộng cưỡng bức. Trí thức thì bất mãn vì những đợt tự phê bình và tẩy não, thuế cao và bom đạn thường xuyên của Pháp cũng làm cho dân nơm nớp lo sợ. Tuy đa số cơ chấp nhận tất cả những khó khăn đó như cái giá phải trả để giành lại độc lập từ Pháp, chiến tranh kéo dài ngốn rất nhiều nhân lực và vật lực. Trong khi các cơ sở ở thành phố hầu như không còn hoạt động. Đảng quyết định phải giành lại dân nghèo nông thôn.

Tháng 3/1953, học tập kinh nghiệm Trung cộng trong cao trào của cuộc nội chiến, VM ra nghị quyết cải cách ruộng đất: giảm tô và tịch thu ruộng đất của những địa chủ bất hợp tác. Các toà án xã, do những nông dân quá khích lập ra, tổ chức đấu tố và phân phối lại ruộng đất. Trong một số trường hợp, kẻ bị kết tội “phản bội” nhân dân bị thủ tiêu ngay tại chỗ. Dương Văn Mai Elliott đã miêu tả lại bi kịch của chính gia đình mình:

Họ tổ chức các phiên toà kiểu Kangaroo, khéo léo ngụy trang dưới cái gọi là “nguyện vọng của dân”. Chừng một chục những kẻ nghèo nhất, chịu đựng nhiều nhất, căm thù địa chủ nhất được chọn sẵn và huấn luyện trước những điều cần phải tố cáo trước toà.

Trong lúc đó, đám đông đứng sau kích động “đả đảo địa chủ”... để tăng không khí thù địch. Nếu bị kết tội chết, địa chủ sẽ bị xử ngay tại chỗ, nếu không sẽ bị dẫn đi. Toàn bộ tài sản, ruộng đất, nhà cửa, đồ đạc, công cụ sẽ bị tịch thu và chia lại cho những người nghèo.

Đảng hy vọng là sẽ lừa được nhiều nông dân nghèo tham gia vào kháng chiến thông qua những chính sách như vậy. Đài VM suốt ngày trích đọc bức thư của một bà lão nông dân gửi H: “*Trước đây, tôi và các con không có cơm ăn, áo mặc... từ cuối năm 1952, nông dân đã vùng lên chống lại bọn địa chủ bản thù. Chúng tôi không bao giờ quên ơn cụ*”.

Tuy nhiên, đối với một số đồng chí quân sự cực đoan, có vẻ các biện pháp mạnh vẫn chưa đủ để cho dân nghèo không ruộng đất (khoảng 15% dân số) ra trận. Tháng 11/1953, tại Hội nghị Nông nghiệp toàn quốc, Trường Chinh đã đề xuất luật cải cách mới, thực chất là tịch thu tài sản và ruộng đất của toàn bộ giai cấp địa chủ. Chắc chắn là H sẽ chống lại tất cả những biện pháp nào quá cứng rắn làm mất sự ủng hộ của kháng chiến của những người ôn hoà. Nhưng nhu cầu cấp bách về nhân lực tham gia kháng chiến đã thắng. Tại kỳ họp quốc hội kháng chiến vài tuần sau Hội nghị nông nghiệp, H phát biểu, chính phủ đã quá nuông chiều địa chủ mà quên mất quyền lợi của nông dân nghèo. Luật cải cách mới được thông qua quy định ngặt nghèo về giảm tô cũng như tịch thu của cải của tất cả địa chủ. Những địa chủ được coi là tiến bộ sẽ được bồi thường bằng trái phiếu chính phủ. Những kẻ được coi là bóc lột sẽ bị trừng phạt. Lần đầu tiên từ sau Xô viết Nghệ – Tĩnh, Đảng quyết định phát động đấu tranh giai cấp ở nông thôn, quyết tâm tiêu diệt giai cấp phong kiến, hòng giành sự ủng hộ của nông dân^{cxviii}

Tháng Giêng 1953, tổng thống thứ 34 của Mỹ Dwight D. Eisenhower (Ike) tuyên thệ nhậm chức. Ông này thẳng cử trên cương lĩnh “giải thoát khỏi chủ nghĩa cộng sản” cho rằng đảng Dân chủ nhu nhược dẫn đến mất TQ và giằng co ở Triều tiên. Tuy nhiên Ike không quan tâm nhiều đến Đông dương, chỉ nhắc đến đôi chút trong thông điệp Liên

bang, cho rằng chiến tranh Triều tiên “là một phần của cuộc xâm lăng đã được tính toán của kẻ thù mà hiện cũng đang gây sức ép tại Đông dương, Malaixia và quần đảo Formosa”. Khi gặp thủ tướng Pháp là Rene Mayer cuối tháng 3, Ike chỉ đồng ý tăng viện trợ nếu Pháp quyết tâm giành thắng lợi toàn diện cuối cùng.

Về phía Pháp, sau khi tướng Salan thay de Tassigni, hy vọng vào thắng lợi quân sự đã tan biến. Pháp cần viện trợ Mỹ để cải thiện tình hình chiến trường trước khi bước vào đàm phán. Nhiệm vụ thuyết phục Washington được giao cho Henry Navarre, nguyên tham mưu trưởng quân đội Pháp ở NATO, mới được bổ nhiệm làm chỉ huy quân viễn chinh tại Đông dương. Việc đầu tiên ông này làm là vạch ra một kế hoạch đầy tham vọng (Kế hoạch Navarre) nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường tại Đông dương. Mỹ thì luôn nghi ngờ và Navarre bị cho là quá cẩn thận và thậm chí không quyết đoán. Đầu tháng 8/1953 tạp chí Life đăng bài phê phán kịch liệt những nỗ lực của Pháp và kết luận: cuộc chiến coi như là tàn. Tuy nhiên Mỹ cũng chẳng có nhiều lựa chọn và Eisenhower đã ký hiệp định viện trợ cho quân viễn chinh Pháp FEF tháng 9/1953. Tại Paris, cũng không có nhiều người ủng hộ Navarre. Dân chúng thì la ó, cho rằng chính phủ đã đổ máu Pháp lấy đô la Mỹ. Bản thân chính phủ cũng từ chối chuyển 11 tiểu đoàn từ châu Âu sang Đông dương theo yêu cầu của Navarre.

Tháng 11/1953, Navarre cho quân nhảy dù chiếm lại Điện biên phủ làm bàn đạp chống lại các cuộc tấn công của Việt minh vào Thượng Lào và Luangprabang. Tin này đến đúng lúc các tướng Việt minh đang chuẩn bị trình bản kế hoạch tấn công Lai châu, cách ĐBP 30 dặm về phía Bắc. Trước đó, hồi đầu năm, các nhà hoạch định chính sách của Đảng đã yêu cầu giới quân sự tìm kiếm những điểm yếu trong tuyến phòng ngự của Pháp tại Lào, Campuchia và Tây bắc. Giáp cũng đã từng đề xuất tấn công tại vùng châu thổ nhưng đã bị các cố vấn TQ được HCM ủng hộ, gạt đi. Cú mạo hiểm của Navarre mở ra cơ hội cho VM tái chiếm ĐBP sẽ trực tiếp tác động đến tinh thần quân Pháp, tạo tiền đề cho những cuộc tấn công khác. Mặt khác VM sẽ lần đầu tiên bị đặt vào thế phải tấn công trực diện một cứ điểm cố thủ của quân Pháp. Ngày 6/12, được những cố vấn TQ khích lệ, lãnh đạo Việt minh quyết định chuyển hướng tấn công sang ĐBP. Ba sư đoàn mới được thành lập được chuyển đến trận địa, trong khi các đơn vị khác tấn công nghi binh ở Bắc Lào, kéo dẫn quân Pháp.^{cxxiv}

Tại sao các lãnh đạo TQ lại khuyến khích đồng minh của mình nhảy vào một trận đánh hứa hẹn sẽ là một cuộc đụng độ lớn? Mặc dù TQ có những lợi ích riêng của mình như bảo vệ vùng biên giới phía nam, cuộc chiến ở ĐBP chắc chắn sẽ đòi hỏi một khối lượng viện trợ quân sự lớn cả về chất lẫn về lượng. Và chưa rõ liệu pháo binh VM có thể hạn chế hoặc cắt hẳn đường tiếp tế không vận của Pháp? Trong bối cảnh quốc tế lúc đó, có vẻ như TQ đang thay đổi quan điểm. Tiếp theo hiệp định ngừng bắn tại Triều tiên tháng 7/1953, giới lãnh đạo không muốn đẩy cao căng thẳng với phương Tây, dành nguồn lực cho kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế. Mao có vẻ như lờ đi dự báo của chính mình về cuộc chiến tranh tất yếu với chủ nghĩa đế quốc. Đến tháng 10, Chu Ân Lai đã phát biểu với đoàn đại biểu India những ý tưởng đầu tiên của “5 nguyên tắc chung sống hoà bình” sau này. Ngoại trưởng Hoa kỳ, Jhon Foster Dulles cũng đã tỏ ra mềm mỏng khi đề nghị đàm phán để giải quyết vấn đề Đông dương trong phát biểu trước American Legion vào tháng 9. Nga cũng sốt sắng, thủ tướng mới lên hồi tháng 3 Malenkov đề nghị triệu tập hội nghị 5 cường quốc để giảm căng thẳng quốc tế. TQ đồng ý ngay.

Có vẻ như TQ quyết định đánh bạc. Chiến thắng của Việt minh tại ĐBP có thể sẽ đẩy cao căng thẳng, dẫn đến nguy cơ Mỹ can thiệp trực tiếp. Mặt khác, chiến thắng cũng sẽ kích

động phong trào phản chiến tại Pháp, đặt tiền đề cho đàm phán hoà bình theo những điều kiện có lợi cho Việt minh và Trung quốc.

HCM và các đồng chí của mình phản ứng thận trọng trước thái độ của các nước lớn. Hồi đầu kháng chiến, khi VM rõ ràng là yếu hơn rất nhiều so với quân Pháp, H luôn luôn kêu gọi đàm phán. Khi đã rõ ràng là Pháp không thể giành chiến thắng quân sự, các lãnh đạo VM tỏ ra không mấy mặn mà với hoà giải. Tháng 3/1950, khi nói chuyện với đảng viên Pháp Leo Figueres, H nhấn mạnh “lãnh đạo Đảng tìm kiếm những giải pháp chính trị nhưng chắc chắn sẽ không thoả hiệp”. Trường Chinh còn hung hơn, phát biểu trong dịp kỷ niệm thành lập DRV năm đó, ông này cho rằng: “cần phải đả phá những tư tưởng thoả hiệp về việc đàm phán hoà bình với kẻ thù”. Cuối năm 1952, DRV lờ đi những tín hiệu hoà giải của Paris. Đến tận tháng 9/1953, hãng TASS còn dẫn lời H cho rằng hoà bình chỉ có thể đạt được bằng thắng lợi hoàn toàn.

Vậy mà, mấy tuần sau, lãnh đạo Đảng đã thay đổi thái độ, chuyển sang đồng tình với Nga và TQ. H trả lời phỏng vấn tạp chí Expresen là chính phủ của mình sẵn sàng tham gia hội nghị quốc tế về hoà bình và sẽ xem xét các đề nghị của Pháp. Theo các nhà ngoại giao Mỹ ở Sài gòn, sự thay đổi đột ngột này làm cho những phần tử dân tộc không cộng sản ở Sài gòn hết sức “lúng túng, thậm chí sợ hãi”.^{cxxv}

Tại hội nghị Berlin đầu năm 1954, các cường quốc đã quyết định triệu tập Hội nghị hoà bình Geneva vào tháng 4, và mặc dù Eisenhower không ưa, chương trình nghị sự bao gồm cả vấn đề Đông dương. Tháng 3, phái đoàn Việt nam sang Bắc kinh để tham khảo ý kiến. Ngay sau đó, H đích thân đi BK và Matxcova để thảo luận chiến lược thương thuyết chung. Từ kinh nghiệm đàm phán về Triều tiên, TQ cảnh báo các đồng chí Việt nam phải “thực tế” trong những đòi hỏi của mình.

Hai ngày sau khi hội nghị Geneva được công bố, mật thám Pháp phát hiện các đơn vị Việt minh ở Thượng Lào đang tiến về Điện biên phủ. Đến đầu tháng 3 thì Pháp đã không còn nghi ngờ gì về một trận đánh lớn sẽ xảy ra ở đây. Để có thể những điều kiện thuận lợi trên bàn đàm phán, viện trợ quân sự của TQ được đổ vào ào ạt trong vài tháng. Khoảng 200 xe tải, 10000 thùng dầu, 1700 tấn lương thực, 3000 khẩu súng, 60,000 viên đạn đại bác. (Theo một nguồn tin khác từ TQ, trong suốt giai đoạn 1951-1954, TQ đã đổ vào Việt nam 116.000 khẩu súng bộ binh, 4.630 khẩu đại bác, trang bị cho 5 sư đoàn bộ binh, một sư đoàn công binh, một trung đoàn phòng không, một trung đoàn cận vệ). Chu Ân Lai gửi thư cho các cố vấn TQ: “Chúng ta phải có những chiến thắng ấn tượng trước khi bước vào đàm phán, tương tự như ở Triều tiên”. HCM cũng ra lời kêu gọi: “Đây là chiến dịch quan trọng không những về quân sự mà còn về chính trị, không những ảnh hưởng trong nước mà còn tác động đến tình hình thế giới. Toàn đảng, toàn quân, toàn dân phải đoàn kết dành thắng lợi cuối cùng”.

Để chống lại 16.000 quân Pháp tại ĐBP, Việt minh đã tập hợp được 33 tiểu đoàn gồm khoảng 50.000 quân, chiếm lĩnh các sườn núi bao quanh thung lũng. Việt minh còn có lực lượng hậu cần 55.000 người và gần 100.000 dân công. Lực lượng dân công này chủ yếu là nữ từ các tỉnh miền Trung, vượt qua vùng đồng bằng sông Hồng. Mỗi người mang khoảng 30 pounds lợi bộ 10 dặm mỗi đêm trên các con đường rừng. Hàng hoá chủ yếu là lương thực và đạn dược. Ngoài ra còn có các khẩu pháo lớn do Nga viện trợ, được tháo ra và khênh tay về từ biên giới cách đó hơn 200 dặm.

Trong giai đoạn thăm dò, VM áp dụng chính sách “biên người” của TQ và chịu thương vong quá lớn. Cuối tháng Giêng, bộ tư lệnh Việt minh sau khi tham khảo với BK, đã quyết định chuyển sang chiến thuật “đánh chắc, thắng chắc”. Quân VM đào hàng trăm

km giao thông hào tiến từ từ nhưng vững chắc bao vây các cứ điểm Pháp. Trên những sườn đồi bao quanh thung lũng, các khẩu sơn pháo được tháo và vận chuyển bằng tay từ biên giới, có thể di chuyển theo các đường hầm dần dần kiểm soát hoàn toàn sân bay. Các đồ tiếp tế Pháp được thả dù bay lung tung cả sang bên Việt minh, đa số quân tăng viện chết trước khi tiếp đất. Giữa tháng 3, Pháp quay sang kêu cứu Mỹ. Tướng Paul Ely bay đi Washington đề nghị Mỹ tăng cường khẩn cấp hỏa lực không quân. Tham mưu trưởng liên quân, đô đốc Arthur Radford và phó tổng thống Nixon tỏ vẻ ủng hộ ý tưởng này của Pháp. Tuy nhiên tổng thống Eisenhower, đã quá ngán ngẫm vì tình trạng giằng co trong cuộc chiến Triều tiên, không muốn tham chiến một mình Ông này đòi hỏi tìm kiếm liên minh quốc tế và đặt điều kiện Pháp phải trao trả lại độc lập cho 3 nước Đông dương. Ngoại trưởng Dulles được phái sang London và Paris, nhưng chẳng nơi nào chấp nhận các điều kiện của Mỹ.

Đầu tháng Năm, quân Việt minh đã tiến sát những căn cứ cuối cùng. Theo nguồn tin Trung quốc, các nhà hoạch định chiến lược Việt nam không dám mở trận tấn công cuối cùng vì sợ Mỹ can thiệp và thương vong quá lớn, phải nhờ Bắc kinh động viên họ mới dám quyết định tấn công vào ngày 6/5. Ngày 7/5, tướng Giáp miêu tả “quân ta tấn công từ mọi hướng, chiếm chỉ huy sở và bắt sống toàn bộ quân Pháp tại Điện biên phủ”. Pháp đã thất bại toàn diện, 1500 quân chết, 4000 bị thương, còn lại bị bắt sống, chỉ có 70 lính Pháp chạy thoát. Việt minh mất khoảng 25,000 người, trong đó 10,000 trực tiếp trong các trận đánh.

Một ngày sau Điện biên phủ thất thủ, hội nghị hòa bình về Đông dương được khai mạc tại Geneva với sự tham gia của Pháp, DRV, Anh, Liên xô, Trung quốc, Mỹ, đại diện của chính phủ Bảo đại và chính quyền Hoàng gia Lào, Campuchia. Lãnh đạo đoàn DRV, được H cảnh báo là sẽ không có đàm phán dễ dàng, có vẻ hơi run, tuy nhiên họ cũng cảm thấy đây là cơ hội cho “bước ngoặt của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước”

Đoàn Pháp mở đầu hội nghị kêu gọi thỏa thuận và tập kết quân đội hai bên tại những địa điểm do ủy ban quốc tế kiểm soát. Cũng như năm 1946, Phạm Văn Đồng cầm đầu đoàn Việt nam. Đồng chấp nhận ngừng bắn trước khi có một giải pháp chính trị. Nhưng bộ chính trị đòi hỏi hơn thế. Đồng yêu cầu công nhận chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông dương, rút hết quân Pháp và tiến hành bầu cử tự do. Việt minh còn đòi hỏi các lực lượng kháng chiến là Pathet Lào và Khơ me đỏ cũng phải được tham gia hội nghị. Như một cử chỉ hữu nghị, Đồng nhất trí xem xét về khả năng tham gia khối liên hiệp Pháp trên cơ sở tự nguyện và xác nhận các quyền lợi kinh tế và chính trị của Pháp tại 3 nước Đông dương.

Người Pháp không có nhiều thế để đàm phán. Các nguồn tin tình báo cho rằng Hà nội sẽ thất thủ. Người Mỹ cũng bị quan, tại hội nghị của Hội đồng An ninh quốc gia, giám đốc CIA Allen Dulles cho rằng Việt minh có thể dùng 5000 chiến xa để chở quân từ Điện biên phủ về Hà nội trong 2 đến 3 tuần^{cxxvi}. Tuy nhiên Việt minh lại có vấn đề với các đồng minh của mình. Mặc dù đã họp trước để thống nhất chiến lược đàm phán, cả LX và Trung quốc đều cho thấy sẽ không ủng hộ vô điều kiện những đòi hỏi của Việt minh cũng như không muốn tài trợ để Việt minh tiếp tục cuộc chiến. Cả hai đều lo ngại sẽ dây vào việc đối đầu với Mỹ. Chu Ân Lai và Molotov thống nhất với nhau là nên chia Việt nam thành 2 vùng, một do VM kiểm soát, vùng kia cho quân của Bảo đại và những nhà tài trợ. Chu cũng đề nghị không mời Pathet Lào và Khơ me đỏ, khuyến cáo Việt minh nên chấp nhận chính phủ Hoàng gia trung lập tại những nước này. Đề thuyết phục Đồng đồng ý, Chu thỏa hiệp cho Pathet Lào cũng được tập kết cùng với Việt minh.

Nhiều năm sau này, Việt nam cho rằng TQ cố tình thiết kế để lừa Lào và Campuchia vào vòng ảnh hưởng của mình. Mặc dù không có bằng chứng cụ thể nào, cũng có thể đoán được là TQ chẳng thích có một liên bang Đông dương. Tuy nhiên, nhiều khả năng, mong muốn chính của Chu lúc đó là đề phòng đàm phán đồ võ và Mỹ có thể thành lập các căn cứ quân sự tại Lào và Campuchia. Được Nga ủng hộ, Chu thuyết phục được Đông gặt đầu dù là miễn cưỡng.

Xong việc Lào, Campuchia, cả hội quay ra mổ xẻ những chi tiết liên quan đến Việt nam. Trong cuộc đàm phán quân sự riêng với Pháp, Việt minh muốn vùng tập kết của mình phải ít nhất bao gồm toàn bộ châu thổ sông Hồng và Hà nội, Hải phòng. Pháp thì không muốn mất Hà nội nhưng biết cũng chẳng thể nào giữ được tìm cách đổi chác lấy quyền kiểm soát ở miền nam và thời gian để di tản khỏi Bắc bộ. Còn lại việc lớn là xác định đường ranh giới tập kết và làm thế nào có thể kiểm soát việc thực thi hiệp định. Việt minh muốn vĩ tuyến 13, Pháp thì muốn đẩy lên sát với Bắc bộ. Việt minh chỉ muốn các bên tự dàn xếp, Pháp (được Mỹ thầy dùi) thì muốn có ủy ban kiểm soát quốc tế dưới danh nghĩa Liên hợp quốc.

Khi VM và Pháp đang tranh luận câu chữ thì Chu bay về Bắc kinh để tư vấn Mao và chính phủ. Trên đường đi, Chu ghé thăm Nehru. Ông này đang cảm giác bất ổn khi thấy khả năng cả Đông dương sẽ rơi vào tay cộng sản và như thế sẽ chịu ảnh hưởng của Bắc kinh. Chu phải thuyết phục Nehru là Lào, Campuchia sẽ trung lập, còn Việt nam sẽ chia làm 2 miền, và chủ nghĩa cộng sản không phải là thứ để “xuất khẩu”. Cuối cùng cả hai nhất trí ủng hộ 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình là cơ sở cho các quan hệ quốc tế ở châu Á và thế giới. Chu còn dừng lại ở Rangoon để gặp thủ tướng Myanma U Nu, rồi bay thẳng đến Lưu châu gặp Hồ và Giáp tại trụ sở cũ của tướng Trương Phát Khuê. Chu thuyết phục được H nhượng bộ tại Geneva để tránh việc Mỹ can thiệp trực tiếp. Hai bên thống nhất chọn vĩ tuyến 16 và chấp nhận chế độ trung lập ở Lào, Campuchia nếu có vùng tập kết riêng cho Pathet Lào. Đổi lại Chu cam kết sẽ viện trợ thương mại và kinh tế cho DRV thông qua hiệp định ký ngày 7/7. Các nguồn chính thức của Việt nam đưa tin rất hai mặt. Báo Nhân dân viết: “hòa bình ở Đông dương không thể chỉ do một bên quyết định”

Sau khi báo cáo tình hình tại Bắc kinh, Chu quay trở về Geneva để thống nhất chi tiết. Khó khăn nhất vẫn là đường giới tuyến. Phương án cuối cùng là vĩ tuyến 17. Để thuyết phục Đông, Chu đã phải dỗ dành, cần phải giữ thể diện cho thủ tướng Pháp Mendes, còn “khi quân Pháp rút hết, toàn bộ Việt nam là của các đồng chí”. Hiệp định cuối cùng được ký ngày 21/7. Hiệp định sẽ do ủy ban quốc tế gồm Ba lan, ấn độ, Canada giám sát. Ngoài ra còn có Tuyên bố chính trị kêu gọi hợp tác giữa chính phủ hai miền và tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước sau 2 năm.

Ngay sau lễ ký kết, đã có nhiều việc diễn tiến không thuận lợi cho H và các đồng chí. Mỹ không chấp nhận những điều khoản của hiệp định và Tuyên bố chính trị, sợ rằng nếu tổng tuyển cử sẽ dẫn đến khả năng cộng sản thắng lợi hoàn toàn. Bảo đại cũng không nhất trí, viện cớ việc chia cắt đất nước đi ngược với ý nguyện của nhân dân. Vài ngày sau khi hội nghị kết thúc, ngoại trưởng Mỹ Dulles họp báo tuyên bố Mỹ ủng hộ việc xây dựng các quốc gia không cộng sản tại Nam Việt nam, Lào và Campuchia. Nhiều thành viên của phái đoàn Việt nam cũng hậm hực vì cho rằng các đồng minh Nga, Trung đã phản bội họ nếu không thì đã có thể “một phát thống nhất ngay đất nước”. Tâm trạng này lan rộng cả ở trong nước, đến nỗi H phải viết trong báo cáo chính trị cho trung ương:

Một số đồng chí, đang say chiến thắng, muốn đánh nhau bằng mọi giá, đến cùng. Họ không thấy cây mà không thấy rừng. Thấy Pháp rút quân mà không thấy Mỹ đang đến. Họ chỉ biết quân sự mà coi nhẹ ngoại giao. Họ không biết rằng muốn đạt được mục đích, chúng ta phải chiến đấu cả trên chiến trường và trên bàn hội nghị.

Hồ cho rằng, cuộc kháng chiến của cả 3 dân tộc đã đạt được những thành tựu đáng kể. Bây giờ là lúc phải thay đổi chiến lược vì Mỹ đang tìm cách phá hiệp định và tìm cơ để can thiệp. Khẩu hiệu “kháng chiến đến cùng” phải được thay bằng “hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ” để cô lập Mỹ (đang trở thành kẻ thù chính của các nước Đông dương) trên trường quốc tế. Hồ thừa nhận rằng, chia cắt đất nước là cái giá phải trả để đổi lấy hòa bình, nhưng cho rằng vùng tập kết chỉ là tạm thời:

Vì phải phi quân sự và thay đổi miền, một số vùng tự do sẽ lại rơi vào tay giặc. Nhân dân ở đấy sẽ bất mãn, một số sẽ thất vọng và theo kẻ thù. Chúng ta phải nói với nhân dân rằng, những thử thách mà họ đang phải gánh chịu là vì lợi ích chung lâu dài của đất nước. Đến vinh quang cuối cùng, cả dân tộc sẽ biết ơn họ.

Việc chấp nhận thỏa hiệp đương nhiên là có ảnh hưởng của Chu qua cuộc hội kiến ở Lư châu. Tuy nhiên nó cũng thống nhất với những gì Hồ đã thể hiện trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh Thái bình dương. Hồ hiểu rằng, độc lập và thống nhất của Việt nam không thể thực hiện riêng rẽ mà phải xét đến những thay đổi phức tạp đang diễn ra trên trường quốc tế.

Giữa hai cuộc chiến

Ngày 9/10/1954, những đơn vị quân Pháp cuối cùng do đại tá D'Argence chỉ huy làm lùi bước qua cầu Paul Dume (nay là cầu Long biên), nhường lại quyền quản lý Hà nội cho trung đoàn thủ đô của Giáp. Suốt 2 tuần trước đó, thành phố như đã chết. Dòng người di tản để lại những đường phố vắng lặng, các nhà hàng, cửa hiệu đóng cửa im ỉm.

Ngày hôm sau, cả thành phố bừng tỉnh chào đón những nhà cai trị mới. Các đoàn diễu hành mang theo cờ hoa đi trên đường phố. Ngày 11/10, những đơn vị quân đội Việt minh tiến vào thành phố được đám đông chào đón bằng những khẩu hiệu “độc lập! độc lập!”. Đối với nhiều thành viên của chính phủ, lần đầu tiên sau hơn 8 năm họ mới đặt chân trở lại thủ đô. HCM lảng lảng trở về thành phố lúc nào không ai rõ, cho đến khi ông xuất hiện trong lễ đón thủ tướng Ấn độ Nehru ngày 17/10. Trong xã luận của báo Nhân dân đăng ngày hôm sau, H giải thích: “hiện tại, phát triển kinh tế và tiến tới thống nhất đất nước quan trọng hơn các nghi lễ chào đón”. H kêu gọi các cán bộ đối xử đúng mực và nhân dân sẵn sàng để phê phán chính phủ, sinh viên, thầy giáo tiếp tục tới giảng đường, các thương gia tiếp tục buôn bán, người ngoại quốc hãy ở lại để tiếp tục công việc của mình. H từ chối ở trong Dinh thống sứ, cho rằng nó quá sang trọng với mình và quyết định ở một căn nhà trong vườn. Mặc dù vậy, chính phủ vẫn đổi tên dinh này thành Phủ Chủ tịch

Trong quan hệ đối ngoại H tiếp tục thể hiện một đường lối hòa giải. Ông ủng hộ 5 nguyên tắc chung sống hòa bình và hứa với Nehru sẽ thiết lập quan hệ hữu hảo với chính phủ hoàng gia Lào và Campuchia. Ngày 18, trong cuộc gặp với đại diện Pháp tại DRV Jean Sainteny, H bày tỏ nguyện vọng bảo vệ sự cố mật về văn hóa và kinh tế của Pháp, thông báo với Sainteny rằng Việt nam sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước không cộng sản khác. Tuy nhiên ông nhấn mạnh quan hệ Pháp – Việt giờ đây phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng.

Ngược lại với phong thái ung dung của H, các đồng chí của ông suốt ngày bận rộn với việc: “tổ chức meeting, diễu hành, tuyên truyền nhồi sọ, hò hét các khẩu hiệu yêu nước...”. Cộng đồng người nước ngoài, đặc biệt là người Mỹ bị theo dõi chặt chẽ và chịu nhiều hạn chế. Báo chí suốt ngày đả kích Mỹ, ủy ban Việt minh địa phương ra tuyên bố không thừa nhận cơ quan lãnh sự Mỹ tại Hà nội. H cũng đổ thêm dầu vào lửa bằng những bài viết châm biếm ký tên C.B. Cuối cùng tòa lãnh sự Mỹ cũng bị buộc phải đóng cửa vào cuối năm, sau khi tổ chức lễ Tạ ơn lần cuối cho một nhóm các nhà ngoại giao phương Tây và thành viên của ủy ban giám sát quốc tế.^{cxvii}

Ngày 3/11, H triệu tập phiên họp đầu tiên của chính phủ với những vấn đề nghị sự vô cùng cấp bách. DRV sẽ nhanh chóng cải cách phong kiến và xây dựng nền móng của xã hội chủ nghĩa hay sẽ tiến từ từ, tập trung cho việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân, vừa lấy lòng dân nghèo vừa không làm phật ý những tầng lớp thương gia? Chính phủ cũng sẽ làm thế nào để hiệp định Geneva được thực thi, nước nhà được thống nhất?

Để trả lời câu hỏi đầu tiên, Việt nam có thể học các đồng chí của mình. Ngay sau cuộc nội chiến ở Nga, Lenin đã thực thi chính sách kinh tế mới, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, cho đến tận những năm 1928 khi Stalin bắt đầu cuộc công nghiệp hóa của mình. Tại Trung quốc, sau khi dành được chính quyền, Đảng cũng áp dụng chính sách “dân chủ mới”, tìm kiếm sự ủng hộ của tầng lớp trung gian, chuẩn bị cho cuộc cải cách xã hội chủ nghĩa giữa những năm 50. Vài ngày trước khi hiệp định Geneva được ký

kết, tại Việt Bắc, chính phủ cũng đã công bố nghị định 8 điểm cho thời hậu chiến. Nghị định này nói rõ, chính phủ chỉ quốc hữu hóa những tài sản của bọn thực dân, bán nước và tôn trọng sở hữu cá nhân của tất cả các thành phần khác. Những nhân viên của chế độ cũ sẽ được tiếp tục công việc của mình, trừ những kẻ trực tiếp dùng vũ khí chống lại kháng chiến hoặc có hành động phá hoại. Binh lính thuộc quân đội quốc gia (của Bảo Đại) phải ra trình diện. Bảo đảm tự do tín ngưỡng cũng như an ninh của các công dân nước ngoài. Trong lời kêu gọi gửi nhân dân hồi tháng 9, Hồ viết: “chúng ta sẵn sàng thống nhất với tất cả những người chấp nhận hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, bất kể trước đó họ đã hợp tác với ai. Bảo đảm quyền của các nhà tư bản trong nước và ngoại quốc được tiếp tục công việc hợp pháp của mình, và chào đón tất cả những nhân viên của chế độ cũ mong muốn làm việc cho nhân dân”

Đảng cũng có nhiều lý do để hòa giải với kẻ thù cũ. Đã có tổng cộng hơn 800,000 người di cư vào phía Nam. Trong đó có rất nhiều gia đình công giáo đi theo tiếng gọi của Đức mẹ đồng trinh, nghe đồn là cũng đã “chuyên vào Nam”. Số dân di cư này đã giảm đáng kể cho Đảng những tiềm năng chống đối, tuy nhiên cũng làm mất đi một lực lượng lớn các nhà sản xuất, nhà buôn, thợ lành nghề và trí thức của các tỉnh phía Bắc. Một nhà quan sát đánh giá rằng vào tháng 10, cả chính phủ DRV chỉ có 50 người có bằng đại học và khoảng 200 có bằng tú tài. Hai mươi chín trong 30 nhà máy của Pháp ở Hải phòng bị đóng cửa. Xăng dầu khan hiếm và đường sắt không hoạt động. Đa số các hệ thống thủy lợi đã bị Pháp phá hoại, trên 10% đất canh tác của đồng bằng sông Hồng bị bỏ hoang do chính sách “Vùng được bắn tự do” của quân đội Pháp trước đó. Tháng 12 lại có một trận lụt lớn ở miền Trung đẩy vùng này đến bờ nạn đói.

Trong vài tháng sau khi cầm quyền, Đảng tập trung củng cố hệ thống hành chính cách mạng. Các ủy ban hành chính kháng chiến tại nông thôn được sửa đổi để tiếp tục công việc của mình (bỏ chữ kháng chiến) cho đến khi tổ chức bầu cử ra hội đồng nhân dân các cấp. Trong cuộc họp đầu tháng 9, bộ chính trị bắt đầu tính đến chuyện dài hơi sau khi đã củng cố được quyền lực. Ngày 2/9, HCM tuyên bố DRV là thể chế dân chủ tư sản về hình thức nhưng dân chủ nhân dân trên thực tế.

Một trong những lý do chính để Đảng chưa vội vã xây dựng CNXH tại phía Bắc là mong muốn thống nhất đất nước thông qua bầu cử như quy định trong Tuyên bố chính trị của hiệp định Geneva. Mặc dù các đồng chí phía Nam tỏ ra không thỏa mãn với thắng lợi nửa vời tại hội nghị, họ được thuyết phục là nếu bầu cử tự do, HCM sẽ dễ dàng thắng Bảo Đại, vốn chẳng được nhiều người ưa. Để bảo đảm thắng cử, Đảng phải thể hiện một khuôn mặt ôn hòa, tránh gây phản cảm với các phần tử không cộng sản ở phía Nam và các quan sát viên trên thế giới. Theo một số cán bộ thân cận, HCM tỏ vẻ lạc quan về khả năng sức ép của dư luận thế giới sẽ buộc miền Nam phải thực thi hiệp định và bầu cử sẽ diễn ra. Nhưng không phải tất cả các đồng chí của H đều nghĩ như vậy. Ngay cả một người ôn hòa như Phạm Văn Đồng, cũng đã thừa nhận riêng tư với một quan sát viên: “anh cũng biết như tôi là sẽ không có bầu cử mà”. Nếu như vậy, Đảng có thể sẽ lại phải quay về với chiến lược đấu tranh cách mạng. Tạm thời H cố gắng dùng tài năng của mình để thuyết phục các đồng chí dành cơ hội để thực thi hiệp định.^{cxxviii} Theo một số báo cáo, có khoảng từ 50 đến 90 nghìn cán bộ ủng hộ Việt minh (bao gồm cả con cái các vị cách mạng) tập kết ra Bắc. Khoảng 10-15000 ở lại và tham gia vào các hoạt động công khai, để ủng hộ bầu cử. Một số khác đi vào bí mật, chuẩn bị sẵn cơ sở, bộ máy để nếu cần có thể tái lập lại phong trào.

Trở ngại lớn nhất đối với kế hoạch của Đảng chính là thái độ của chính phủ Nam VN. Ngay từ khi hiệp định Geneva còn đang diễn ra, Bảo Đại đã chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng chính phủ của mình. Bảo Đại hy vọng là thái độ chống cộng điên cuồng của Diệm sẽ làm vừa lòng một số “điều hâu” ở Washington. Diệm đã từng bị Việt minh bắt hồi tháng 8/1945, phải chạy trốn vào sứ quán Canada tại Hà nội. Sau đó ông này sang Mỹ và cố tìm cách lấy lòng chính phủ Eisenhower để quay lại với chính trị. Là kẻ sùng đạo, Diệm đã ở hàng tháng tại một tu viện ở New Jersey và tự lãnh lấy sứ mệnh cứu các đồng bào khỏi sự đe dọa của bọn cộng sản vô thần. Nhiều quan chức Mỹ không thích Diệm vì hay hoang tưởng và thiếu sự nghiêm túc cần thiết cho một lãnh đạo quốc gia. Một nhà quan sát Mỹ (Robert McClintock) còn ví von Diệm như “một thiên sứ thiếu thông điệp”. Không chán nản, Diệm vẫn sấn đến các nhà ngoại giao và những bậc chức sắc trong giáo hội Mỹ, trong số đó có giáo chủ Spellman và cựu đại sứ Mỹ tại London Joseph Kennedy. Mặc dù có tin đồn là chính Mỹ gợi ý Bảo Đại bỏ nhiệm Diệm, Washington chẳng biểu hiện thái độ gì về vụ việc này. Tại Sài gòn cũng ít người hào hứng. Các trí thức miền Nam e ngại một vị lãnh đạo Công giáo cuồng tín lại vốn có quan hệ chặt chẽ với triều đình Huế. Diệm cũng không ưa gì dân Nam bộ, nói họ quá dễ dãi để có thể chống được cộng sản. Bởi vậy chính phủ mới gồm đa số thành phần là dân Bắc và Trung.^{cxxix}

Từ khi mới được bầu, Diệm đã bày tỏ sự không hài lòng với những điều khoản của hiệp định Geneva. Ngay sau khi hội nghị kết thúc, Diệm công khai tuyên bố không có ý định đàm phán với cộng sản. Cảnh sát Sài gòn bắt đầu truy bắt những phần tử cảm tình với Việt minh, đóng cửa những điểm tuyên truyền cho bầu cử, đàn áp hai giáo phái Cao đài và Hòa hảo, thanh lọc những phần tử trung thành với Bảo Đại vì Diệm cho ông này là tay chân của bọn thực dân Pháp. Thái độ hiếu chiến của Diệm làm nhiều quan chức Mỹ lúng túng. Tuy vậy, trên thực tế, Mỹ đã quyết định giữ một Nam Việt nam không cộng sản là quan trọng với những lợi ích an ninh của Mỹ ở khu vực. Mùa thu 1954, tổng thống E gửi tướng J Lawton Collins (có biệt danh là Joe “ánh chớp” nhờ tính quyết đoán từ trong chiến tranh thế giới thứ 2) sang làm cố vấn tổng thống điều phối các hoạt động của Mỹ tại Nam VN. Từ Sài gòn, Collins đã nhiều lần đề xuất thay Diệm bằng một nhân vật ôn hòa hơn để lấy lòng Pháp và người dân. Nhà trắng đã bắt đầu xem xét đề nghị này. Nhưng đến tháng 4/1955, Diệm đã thành công trong việc thanh lọc tất cả các đối thủ, đẩy Washington vào thế phải hết lòng ủng hộ Diệm. Eisenhower nói với Collins, cơ hội thành công của Mỹ tại Nam VN đã từ 10% lên đến 50%. Ngay sau đó, Diệm tuyên bố từ chối đề nghị của Hà nội tiến hành bầu cử.

Một báo cáo của CIA lúc đó đã khẳng định, nếu tiến hành bầu cử thì Việt minh sẽ thắng, không chỉ vì uy tín rộng lớn của H trong dân chúng mà DRV có kỹ thuật vận động chính trị tốt hơn hẳn chính quyền Diệm. Quan điểm quần chúng tại Mỹ cũng bắt đầu cho rằng Việt minh không chỉ là một nhóm yêu nước đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân mà là những đặc vụ cộng sản chính hiệu, nhất là sau khi được xem những thước phim hãi hùng về hàng ngàn người bỏ chạy vào Nam. Tuy nhiên Washington cũng cảm thấy bất tiện khi để Diệm công khai từ chối bầu cử, coi thường hiệp định. Họ đề nghị Diệm cứ đàm phán và đặt ra những điều kiện mà Việt minh chắc chắn sẽ không chấp nhận ví dụ như giám sát bầu cử quốc tế, sau đó đổ lỗi cho Hà nội. Tuy nhiên, được sự hậu thuẫn của một số quan chức Mỹ ở Sài gòn, Diệm đã bỏ ngoài tai những “góp ý” này. Mỹ dậm ra rơi vào thế khó xử, vì chính họ đã tuyên bố tại Geneva rằng: “Bất cứ việc xâm phạm hiệp định nào cũng có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường”. Liệu Mỹ có coi việc cộng sản tràn vào Nam là vi phạm nếu bản thân Diệm đã từ chối tuân thủ hiệp định? Nhưng cuối cùng Mỹ cũng

phải nghe theo Diệm, ngoại trưởng Mỹ Dulles tuyên bố trong một cuộc họp báo, rằng mặc dù Mỹ không phản đối bầu cử tuy nhiên tại thời điểm này, các điều kiện là chưa chín muồi.

Hà nội hết sức ngạc nhiên trước việc Diệm nhanh chóng củng cố được quyền lực và được Mỹ ủng hộ, vì xưa nay vẫn đánh giá thấp những phần tử dân tộc không cộng sản. Trong cuộc họp Bộ chính trị cuối năm 54, H đã kêu gọi các đồng chí kiên trì, tìm cách hợp tác với Pháp, cô lập Mỹ và tay sai. Hội nghị trung ương tháng 3/1955 công bố sách lược chú trọng xây dựng miền Bắc và giải quyết vấn đề miền Nam thông qua con đường ngoại giao. Tháng 6/1955 H cùng với Trường Chinh đi thăm Bắc kinh và Matxcova để kêu gọi các đồng minh gây sức ép lên Mỹ và Diệm. Tuy nhiên kết quả chuyến đi không được khả quan lắm. Cả Nga và TQ đều đang tìm cách giảm căng thẳng với Mỹ và không muốn để Việt nam trở thành trở ngại. Để bù lại, cả hai hứa sẽ tăng viện trợ kinh tế (TQ cho 200 triệu còn Nga cho 100 triệu đô), đồng thời cung cấp ngay lương thực chống lại nạn đói đang đe dọa miền Bắc. Ngày 22/7, trong bài phát biểu về nước, H đã cảm ơn sự giúp đỡ của Nga và TQ, tuy nhiên cũng cảnh báo nhân dân rằng Việt nam sẽ phải dựa vào chính sức mình để thống nhất đất nước. Hội nghị trung ương tháng 8 khẳng định lại chính sách thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình với khẩu hiệu “Xây dựng miền Bắc, hướng về miền Nam”.

Quyết định này của Hà nội không giúp được gì mấy cho các đồng chí của mình ở phía Nam. Hè năm đó, Diệm tuyên bố mở chiến dịch “Diệt cộng” nhằm tiêu diệt hoàn toàn những lực lượng còn lại của Việt minh. Hàng ngàn người bị bắt giữ, đưa vào các trại tập trung, chuồng cọp và bị thủ tiêu. Một lão thành là Nguyễn Văn Linh nhớ lại đó là thời ác liệt nhất và họ phải chiến đấu cho sự sống còn của mình. Chính sách hòa hoãn của Hà nội đã làm nhiều cán bộ phía Nam không đồng tình. Một số xin ly khai. Số khác gia nhập các phe phái như Hòa Hảo, Cao Đài cùng chống lại Diệm.

Để tranh thủ sự hỗ trợ của đông đảo dân chúng, tháng 9/1955 Mặt trận Tổ quốc Việt nam được thành lập “liên kết tất cả mọi người Việt nam, không phân biệt tôn giáo, đảng phái,... thành tâm ủng hộ độc lập và thống nhất đất nước”. Trong lĩnh vực kinh tế, Đảng theo đuổi chính sách “kinh tế mới” chấp nhận kinh tế tư nhân và các “chuyên gia tư sản”, với mục tiêu trong một năm khôi phục kinh tế trở lại mức năm 1939. Nhà nước có can thiệp vào chính sách giá cả và phân phối hàng tiêu dùng chỉ với mục đích chống lạm phát và đầu cơ. Đường lối ôn hòa này không được các phần tử cấp tiến do Trung quốc đứng đằng sau ủng hộ. Một vũ khí của hội này là tìm cách đưa cuộc đấu tranh giai cấp vào nông thôn dưới danh nghĩa cải cách ruộng đất. Trong chiến tranh với Pháp, H đã luôn chống lại những biện pháp cực đoan, tuy nhiên cuối năm 1953, dưới sức ép của TQ, ông đã phải nhân nhượng để có thể động viên được dân nghèo cho chiến dịch Điện biên phủ. Bây giờ chiến tranh đã kết thúc, Đảng quyết tâm hoàn tất chương trình, chuẩn bị cho việc tập thể hóa tất cả ruộng đất ở nông thôn. Tháng 9/1954, H tuyên bố chính sách “người cày có ruộng”. Tuy nhiên, ông cũng tỏ lộ với một số cộng sự tin cậy là bản thân ông không thấy “cấp bách”, chẳng qua là muốn làm vừa lòng Bắc kinh và các đồng chí quá khích như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt. Đảng muốn áp dụng mô hình tương tự như Mao đã làm tại TQ với các tòa án lưu động, xử những phần tử có “nợ máu” với dân. Từ năm 1952, Lê Đức Thọ đã phát biểu: “muốn nông dân đứng lên, phải khơi dậy lòng căm thù và giải quyết những quyền lợi thực tế của họ”

Chiến dịch bắt đầu từ mùa hè 1954, trong khoảng 50 xã ở Thái nguyên do Hoàng Quốc Việt trực tiếp lãnh đạo. Mặc dù diễn ra tương đối ôn hòa và chỉ có vài trường hợp bạo

lực, một cơn sốt đã lan khắp nước, đe dọa chính sách hòa hợp của HCM công bố mùa thu 1954. Những đợt sóng cải cách liên tiếp diễn ra vào mùa đông và mùa xuân năm 1955. Mặc dù xã luận báo Nhân dân trong tháng hai đã cảnh cáo về bệnh “tả khuynh”, rất nhiều các đội viên cải cách được chuyên gia Trung quốc tập huấn và gửi về nông thôn 3 cùng với nông dân. Các đội viên thường kích động dân làng phê phán những phần tử bóc lột. Rất nhiều người bị kết tội “chống lại nhân dân” và bị thủ tiêu. Trong một số trường hợp, dân làng đã lợi dụng để trả thù riêng. Hàng ngàn người đã từng hỗ trợ Việt minh, giờ bị quy là phản bội và xử lý. Các cán bộ “nòng cốt” tấn công những cựu binh vừa hoàn thành nhiệm vụ về quê. Kể cả những người có mối quan hệ cấp cao cũng không thoát. Có trường hợp, đích thân HCM đã can thiệp với địa phương mà gia đình cán bộ vẫn bị dân làng cô lập, đánh đập, mất hết cả nhà cửa đất đai, phải dựng một túp lều ngoài rìa làng, cầm cự qua ngày. Một người cháu của ông này tên là Dương Văn Mai Elliot đã kể lại: *Mỗi khi bác tôi ra ngoài là bị trẻ con xúm vào ném đá, người lớn thì chửi rủa. Bác tôi cứ phải cúi đầu nhẫn nhục: “Con lạy các ông các bà tha cho...”. Địa chủ trở thành chỗ cho dân nghèo trúт con giận dữ vì cuộc sống khó khăn của họ. Một số thì muốn lấy lòng các đội viên cải cách đang nắm quyền, số khác thì chẳng qua vì ghen tức với tài sản của địa chủ”^{cxxx}*

Tất nhiên một phần bạo lực có nguồn gốc bột phát từ hận thù giai cấp và cá nhân đã được tích lũy bao đời nay trên những cánh đồng lúa. Hậu quả của những hành động này nhiều khi rất bi thảm, nhưng có thể nhìn nhận như những sản phẩm phụ không thể tránh khỏi của bất cứ cuộc cách mạng nào. Nhưng cũng có nhiều bằng chứng cho thấy các lãnh đạo Đảng đã trực tiếp cổ vũ cho bạo lực. Trường Chinh, một người thân Mao, đã công khai quan điểm ủng hộ “cuộc chiến tranh giai cấp tại nông thôn”. Cùng ban lãnh đạo cải cách, ngoài Hoàng Quốc Việt, thứ trưởng bộ nông nghiệp Hồ Việt Thắng còn có Lê Văn Lương, trưởng ban bí thư. Lương thường xuyên kêu gọi nhân dịp này làm trong sạch Đảng. Cũng chính các vị này đã đặt ra chỉ số 5% dân số tại mỗi làng là kẻ thù giai cấp, bắt chấp trên thực tế tại nhiều làng quê, ngay cả những người được coi là khá giả nhất cũng chỉ tạm sống được.^{cxxxi}

HCM có thể đã bị bất ngờ về mức độ bạo lực của cuộc cải cách ruộng đất. Mặc dù trên thực tế có vẻ như ông chia sẻ quan điểm phải tiến hành đấu tranh giai cấp tại nông thôn. Trên hội nghị cán bộ ở Thái nguyên vào cuối năm 1954, ông đã tuyên bố:

Cần phải củng cố lại bộ máy tại làng xã: ủy ban hành chính, dân quân, hội nông dân, thanh niên, phụ nữ... Nếu còn những phần tử xấu trong các tổ chức đó, sẽ rất khó tiến hành cải cách như giảm thuế nông nghiệp. Phải có những biện pháp thích hợp với các phần tử này. Nếu giáo dục được, hãy giáo dục. Nếu cần cũng phải khai trừ, cách ly. Đó là nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay.

Tuy nhiên H chống lại việc sử dụng cách đối xử không chọn lọc và phản đối các biện pháp bạo lực

Không thể nói cả một nhóm người hoặc đều tốt hoặc đều xấu. Ở đâu cũng có người tốt, người xấu và phải dựa vào dân để xác định.... Một số đồng chí vẫn sai lầm ưa thích dùng tra tấn, biện pháp mà bọn thực dân, đế quốc đã làm. Chúng ta có chính nghĩa, tại sao phải làm như vậy?

Quan điểm của H không được hưởng ứng rộng rãi. Ngay tại Thái nguyên, một địa chủ đã từng che dấu Hoàng Quốc Việt và Trường Chinh trong kháng chiến, đã bị xử tội chết. Khi dân làng kéo đến phản đối, họ liền bị quy là tay sai của kẻ thù. Mãi đến khi H biết chuyện, rí tai Chinh, ông này mới được giảm tội chết. Nhưng đây là trường hợp hiếm.

Đến cuối năm 1956, đã có hàng ngàn người bị thủ tiêu và vô khối những người khác bị đánh đập, giam cầm, làm nhục. Chắc chắn là H biết về bạo lực tràn lan, nhưng bất lực vì sợ làm mất lòng Mao và các cán bộ Trung quốc lúc đó đang ở Việt nam.

Tháng 3/1955, hội nghị trung ương họp tại Hà nội với chủ đề chính là cải cách ruộng đất. Mặc dù H và các đồng chí đã được báo cáo về tình trạng bạo lực, tại thời điểm đó, việc Mỹ thành lập khối SEATO, rồi thả các toán biệt kích ra quấy rối ở miền Bắc đang làm nhức đầu lãnh đạo và càng làm cho họ tin rằng cách mạng ở nông thôn là cần thiết. Hội nghị đã kêu gọi phải tiến hành cải cách một cách thận trọng, nhưng cũng đã ra tuyên bố là “hữu khuynh” (coi nhẹ việc cải cách XHCN, tập trung thống nhất đất nước) là nguy hiểm hơn “tả khuynh”. H tỏ ra không hài lòng với sự chuẩn bị không cẩn thận của hội nghị và kêu gọi các đồng chí phải đoàn kết. Những làn sóng cải cách liên tiếp diễn ra sau đó. Hơn 20 ngàn cán bộ được gửi thêm về nông thôn. Đến giữa mùa hè thì việc Diệt sẽ không tham gia bầu cử đã trở nên quá rõ ràng, xóa bỏ mọi cố gắng thuyết phục hoãn cải cách cho đến khi nước nhà được thống nhất. Tháng 8, báo Nhân dân đăng xã luận đã kích quan điểm “của một số đồng chí cho rằng cần tập trung nỗ lực thống nhất đất nước và việc củng cố quyền lực ở miền Bắc là mâu thuẫn với cuộc đấu tranh thống nhất”. Tại hội nghị toàn thể lần thứ 8, ủy ban Trung ương kêu gọi đẩy mạnh cải cách ruộng đất như một công cụ để tiêu diệt các phần tử phản cách mạng ở nông thôn. Giữa đỉnh cao của cuộc cải cách vào cuối năm, HCM vẫn tìm cách “giảm nhiệt”, trong cuộc gặp mặt các cán bộ cải cách tại Hà bắc ngày 17/12, H đã ví CCRĐ như một bát súp nóng, chỉ có thể ngon nếu húp từ từ. Tuy nhiên những cố gắng của H lọt thỏm trong khí thế sôi sục lúc đó. UB đoàn kết nông dân gửi thư, liên kết trực tiếp những người có đất với những hành động phản cách mạng tại nông thôn. Ngày 14/12, UBTU đã gọi CCRĐ là “trận Điện biên phủ chống lại bọn phong kiến ở miền Bắc”. Đến đầu xuân năm 1956 thì đã có rất nhiều quan chức đảng và chính phủ tại Hà nội có người thân và gia đình bị ảnh hưởng tại quê. Trên báo chí lác đác xuất hiện những bài bào phê phán. Thư ký riêng của H, ông Vũ Đình Huỳnh (người mà Trường Chinh luôn nghi ngờ và gọi là tay chân của bọn phản động) đã dũng cảm nhắc: “Máu của các đồng chí ta đang đổ, lẽ nào Bác lại ngồi yên?” H lại kêu gọi các đồng chí của mình thận trọng khi phân loại các địa chủ và gán cho họ mác phản cách mạng. Tháng 4, khi thăm một xóm chài, H nhấn mạnh không phải chủ thuyền nào cũng bóc lột và gian xảo. Con thuyền không những chỉ cần những tay chèo mà còn cần cả những người cầm lái. Giữa tháng 5, báo Nhân dân phê phán việc đối xử bất công với con em các địa chủ. Vài tuần sau, một bài báo khác chỉ trích một số cán bộ đã “thối phồng nguy cơ về kẻ thù, quy kết vội vã từ một vài hiện tượng riêng biệt”^{cxxxii}.

Gió có vẻ đã đổi chiều. Ngoài lý do có quá nhiều quan chức Việt minh không hài lòng vì trở thành nạn nhân, có một sự kiện xảy ra cách Hà nội hàng chục ngàn dặm đã ảnh hưởng đến cuộc CCRĐ. Tháng 2/1956, tại đại hội 20, đảng CSLX, Nikita Khrutsop bất ngờ lên án mạnh mẽ xếp cũ là Stalin. K kết tội Stalin tạo nên sự “sùng bái cá nhân”, mâu thuẫn với những quan điểm dân chủ của Lê nin, và đàn áp dã man các đồng chí trong đảng không có cùng quan điểm. Thêm vào đó, ông này đã có một loạt những quyết định đối ngoại sai lầm trong chiến tranh thế giới thứ Hai dẫn đến những hậu quả nặng nề. K kêu gọi các đại biểu “tự kiểm điểm” để không bao giờ lặp lại những sai lầm đó. Bài phát biểu của K làm Bắc kinh cảnh giác vì sợ liên lụy đến Mao và uy tín của Đảng. Hà nội có vẻ tù mù hơn. Trường Chinh và Lê Đức Thọ dự đại hội cũng không có bình luận gì. Báo Nhân dân kêu gọi “nghiên cứu kỹ chủ nghĩa M-L và áp dụng một cách sáng tạo vào điều kiện Việt nam”. Một số lãnh đạo Đảng, không hài lòng với sự tràn ngập hình ảnh của “Bác

Hồ” trong công chúng, đương nhiên cảm thấy khoái trá thậm vì những phê phán sùng bái cá nhân tại Liên xô. Trường Chinh đã viết “chủ nghĩa xã hội và sự ca tụng cá nhân khác nhau như nước với lửa”. Những sự kiện diễn ra ở Liên xô chắc chắn đã có ảnh hưởng tới Việt nam. Tại hội nghị mở rộng của Ban CHTU tháng 4, Đảng đã thừa nhận chưa có được sự dũng cảm thừa nhận khuyết điểm và tinh thần tự phê bình như đảng CSLX. Phát biểu tại hội nghị, H cho rằng những ảnh hưởng của thực dân và phong kiến trong các tổ chức đảng, có thể được khắc phục thông qua phê và tự phê. H cũng nhắc đến tệ sùng bái cá nhân, tuy chưa gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhưng cản trở sự nhiệt tình và hết mình của các đảng viên khác. H kêu gọi tinh thần lãnh đạo tập thể tại tất cả các cấp của Đảng. Rõ ràng là bài phát biểu của K đã giúp H một công cụ thuyết phục các đồng chí mình đánh giá lại sách lược CCRĐ. Ngay sau hội nghị, nhiều cuộc họp tiếp theo được tổ chức khắp nơi để thảo luận các nghị quyết. Một số cá nhân bị bắt giam vì tội phản cách mạng được thả. Ngày 1/7, H gửi thư cho hội nghị cán bộ cải cách ruộng đất nêu rõ, cuộc cải cách đã cơ bản thành công nhưng những sai lầm nặng nề đã hạn chế kết quả của nó. Nhiều người trực tiếp tham gia chưa hoàn toàn nhất trí về độ nghiêm trọng của vấn đề. Trong một bài báo, Lê Văn Lương thừa nhận là có những sai lầm nhưng cho đó là cần thiết vì nhiều nơi chính quyền thực chất đã bị các phần tử cách mạng chiếm giữ. Ngày 17/8, H tuyên bố: “lãnh đạo cao cấp của đảng và Nhà nước đã có những sai lầm nghiêm trọng dẫn đến sự thất bại của CCRĐ trong việc tạo nên khối đoàn kết tại nông thôn” Đây cũng là chủ đề chính của hội nghị TƯ 10, tháng 9/1956. Tuyên bố của hội nghị nghiêm khắc một cách khác thường

Giai đoạn vừa qua có nhiều sai lầm và khuyết điểm. Đặc biệt là trong cuộc cải cách nông nghiệp và điều chỉnh tổ chức. Hội nghị TƯ lần thứ 10 đã phân tích chi tiết các khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân và thống nhất những biện pháp khắc phục. Hội nghị thừa nhận nguyên nhân của những khuyết điểm là sự yếu kém của bộ máy lãnh đạo. Vì thế Ban chấp hành TƯ nhận khuyết điểm của mình. Các ủy viên tham gia trực tiếp đã kiểm điểm trước TƯ theo tinh thần tự phê, và chấp nhận những hình thức kỷ luật nghiêm khắc.

Ban chấp hành TƯ đã cho thôi chức một loạt những nhân vật quan trọng trong đó có 4 thành viên chủ chốt của CCRĐ. Trường Chinh thôi giữ chức Tổng bí thư, Hồ Việt Thắng ra khỏi Ban chấp hành, Lê Văn Lương bị loại khỏi bộ chính trị và ban bí thư, Hoàng Quốc Việt cũng bị cách chức ủy viên Bộ chính trị. Vài ngày sau, Hội đồng bộ trưởng ra quyết định hủy các tòa án nhân dân tại mức xã, chuyển các ủy ban cải cách sang nhiệm vụ cố vấn, không có quyền thực thi. Những ai bị xử oan được ân xá, tài sản tịch thu một cách bất hợp pháp được trả lại.

Việc Tổng bí thư bị cách chức là một sự kiện vô tiền khoáng hậu với một đảng luôn tìm cách xoa dịu những cuộc đấu đá phe phái vốn rất đặc trưng cho đảng CS LX và TQ. Các đồng chí của Chinh vội vàng tìm người thay. Ứng cử viên số 1 hiển nhiên là Giáp, vốn đứng thứ 3 trong thang quyền lực (sau H và Chinh), lại đang rất nổi sau chiến thắng Điện Biên phủ. Tuy nhiên cũng có lẽ vì Giáp quá nổi tiếng nên một số đồng chí tỏ ra e ngại, và lại đảng cũng không ưa việc tập trung quyền lực đảng với quyền lực quân đội. Bởi thế H tạm thời giữ chức Tổng bí thư. HCM không trực tiếp tham gia thiết kế và triển khai chương trình CCRĐ, tuy nhiên cũng khó có thể nói là hoàn toàn vô can. Chính H đã phê duyệt sự ra đời của chương trình và đã tuyên bố là cuộc cải cách đã “thành công” mặc cho những sai lầm rành rành. Trong những lúc nói chuyện thân mật với các đồng chí của mình, H cũng đã thừa nhận: “Bác đã thiếu dân chủ, không nghe, không thấy. Bởi thế tất cả chúng ta phải tiến hành dân chủ. Bác thừa nhận khuyết điểm trong vụ này. Từ nay tất

cả các lãnh đạo trung ương phải nghe, quan sát, suy nghĩ và hành động. Bài học này phải trở thành nguồn cổ vũ mới cho chúng ta”^{cxviii}

Đối với Chinh, vụ việc là một thất bại nặng nề. Hơi xa lạ, ông này không được các đồng chí yêu quý không phải vì sự tàn bạo mà vì sự lạnh lùng và hơi thiếu tình người. Khi thực hiện chương trình theo gợi ý của các chuyên gia TQ, Chinh không hề nghi ngờ sự đúng đắn của nó, theo các tiêu chuẩn về ý thức hệ của mình. Chinh đủ kiêu ngạo để không bao giờ tỏ ra thất bại trước công chúng, cũng không bao giờ nhắc đến chuyện này khi nói chuyện với các đồng chí. Chinh cũng sẵn sàng bảo vệ những quan điểm của mình. Vài tuần sau hội nghị 10, Chinh còn tuyên bố, mặc dù có những sai lầm, CCRĐ là một cuộc cách mạng và “chuyển giao quyền sử dụng đất một cách hòa bình chỉ có thể là ảo tưởng” Đảng đã phản ứng quá chậm để tránh được một cuộc bạo động đầu tiên của dân chúng kể từ khi chiến tranh kết thúc. Đáng buồn hơn nữa là vụ việc lại xảy ra tại Quỳnh Lưu, cách quê của H không bao xa. Đa số dân ở đây theo Thiên chúa và ủng hộ Việt minh chống Pháp, tuy nhiên quan hệ với chính quyền chưa bao giờ được coi là hoàn toàn tin cậy. Sau đình chiến, khoảng 600,000 tín đồ Thiên chúa giáo đã chạy vào Nam nhưng cũng còn khoảng 900,000 ở lại. Chính quyền cố gắng thuyết phục số này tin là họ sẽ không bị đối xử tàn tệ. Ủy ban công giáo yêu nước và yêu hòa bình được thành lập. H cũng thường xuyên tìm cơ hội phát biểu trước công chúng về quan điểm của chính phủ với tôn giáo. Các giáo chủ mới được bổ nhiệm, các trường dòng mở cửa trở lại và 6/1955 chính phủ chính thức công nhận quyền lực của Vatican mặc dù vẫn cấm các hoạt động tuyên truyền chống phá chính phủ. Tuy nhiên, CCRĐ đã phá hỏng tất cả. Các cán bộ cải cách với cái nhìn đầy nghi ngờ, thường quy cho các tín đồ công giáo là phản động. Trên thực tế, những người này cũng là những người có uy tín ở địa phương và hay phát biểu chống lại cải cách. Bản thân Nhà thờ, sở hữu khoảng 1.3% đất canh tác, cũng chẳng ưa gì cải cách. Vấn đề ở Quỳnh Lưu âm ỉ từ năm 1955 khi nhiều dân làng cho rằng chính quyền tìm cách ngăn cản họ vào Nam. Đến hè 1956 thì bùng lên do những cáo buộc về phân biệt tôn giáo và đàn áp trong CCRĐ. Tháng 11, phái đoàn của UBKTQT đến thanh sát, bạo lực đã nổ ra khi đám đông dân làng xô xát với cảnh sát địa phương để đưa bản tố cáo cho ủy ban. Ngày 13/11, hàng ngàn người trang bị vũ khí thô sơ tràn vào thị trấn Quỳnh Lưu. Quân đội đã ra tay làm vài người thiệt mạng. Hôm sau, một sư đoàn quân chính quy được phái đến chiếm đóng toàn bộ khu vực, bắt giữ một số chủ mưu. Khi đoàn thanh tra của chính phủ đến, đa số những người này được thả và trả lại tài sản. Tuy nhiên quan điểm của Đảng chưa phải đã thống nhất, Trường Chinh, lúc đó là chủ tịch ủy ban CCRĐ, khi báo cáo về vụ việc đã cho rằng, “một số phần tử” nguy hiểm đã được tha một cách vô lý, Chinh còn kêu gọi tìm mọi cách để “bọn địa chủ” không thể trở lại thống trị nông thôn. Sự kiện Quỳnh Lưu, tuy có hơi hướng tôn giáo, và không phải là phổ biến trong CCRĐ đã là dấu hiệu rõ ràng cho thấy CCRĐ đã chia rẽ sâu sắc nội bộ lãnh đạo Đảng, làm giảm nghiêm trọng sự tin tưởng của nhân dân miền Bắc vào tính chất của Đảng. Vào cuối tháng 10/1956, Giáp đã phát biểu thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng, trước đám đông thân quyền của những gia đình bị hại, tụ tập trước cửa trụ sở ủy ban TƯ. Theo Giáp, Đảng đã thổi phồng số lượng địa chủ, đánh đồng tất cả họ là phản cách mạng vì thế đã phá vỡ khối đoàn kết dân tộc. Đảng cũng đã vi phạm những nguyên tắc tự do tôn giáo, và không đánh giá xứng đáng sự đóng góp của nhiều cựu chiến binh khi trở về làng. H giữ im lặng cho đến khi phát biểu trước cuộc họp quốc hội tháng 2/1957. Mặc dù xác nhận những sai lầm, H vẫn bảo vệ mục đích của chương trình nhằm giải phóng nông dân khỏi

nghèo đói và sự bóc lột của địa chủ. H đã khóc khi nhắc đến những người phải chịu nhiều đau khổ trong chương trình.

H không phải không có lý. Khoảng hơn 2 triệu mẫu ruộng đã được chia cho khoảng 2 triệu gia đình nông dân nghèo, bằng một nửa lao động tại nông thôn thời đó. Tại các làng xã, sự thống trị đời đời của giai cấp địa chủ bị phá vỡ, nhường chỗ cho một chính quyền mới của người nghèo và trung nông. Nhưng cái giá phải trả cũng rất đắt. Theo những thống kê ưu ái nhất, cũng phải có đến 3000-5000 người bị xử bắn, thường là ngay sau khi bị tòa án xã kết tội. Khoảng 12000-15000 bị tổng giam oan ức, và không biết bao nhiêu người nữa bị đàn áp, xua đuổi vì có quan hệ với nạn nhân. Tổ chức đảng tại địa phương cũng chịu tổn thất nặng nề. Một nghiên cứu vào năm 1980 cho rằng, hơn 30% số chi bộ tại địa phương đã phải giải tán vì mất người. Tại Bắc Ninh, chỉ còn 21 bí thư chi bộ trong số 76 xã còn tại vị khi cơn bão cải cách lắng xuống.

Tại thành thị cũng cảm nhận rõ ràng hậu quả xã hội của CCRĐ đối với các thành phần trí thức, những người đã hết lòng ủng hộ chương trình của Việt minh gắn chặt độc lập dân tộc với những cải cách ôn hòa. Uy tín của Đảng đối với những phần tử này thực chất đã bắt đầu giảm sút từ những năm 1951, khi TQ khuyến khích phong trào chỉnh huấn.

Nhiều người trong số họ cảm thấy bị sỉ nhục khi bị bắt buộc dung hòa tinh thần yêu nước với những tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của Mao. Một số đã rời bỏ hàng ngũ, số khác thì tìm cách biện minh rằng cuộc kháng chiến gian khổ đòi hỏi sự hy sinh của cá nhân. Nhà văn Phan Khôi đã nhận xét, vị ngọt của tinh thần yêu nước, như đường trong cafe, đã pha nhạt vị đắng của lãnh đạo Đảng và cứu rỗi nhân cách của người trí thức.

Sau hiệp định Geneva, những nguy hiểm như vậy bắt đầu bị lung lay, khi vấn đề độc lập dân tộc bị lấn lướt bởi nhu cầu xác định vai trò của Đảng. Câu chuyện về nhà văn trẻ Trần Dần có thể nói rất đặc trưng cho nhiều trí thức trong giai đoạn đó. Là cựu binh tại Điện Biên phủ, Dần đã viết một truyện ngắn về chiến trường theo phong cách thời thượng lúc đó là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Hòa bình lập lại, Dần được cử sang TQ tu nghiệp và viết kịch bản phim dựa trên truyện của mình. Tại đây Dần gặp Hồ Phong, một nhà văn luôn kêu gọi tự do sáng tác. Trở về nước, Dần viết lại câu chuyện của mình, thay thế việc miêu tả chủ nghĩa anh hùng và tinh thần hy sinh bằng một câu chuyện thực hơn về những gian khổ của người lính trong cuộc chiến tranh ác liệt. Mùa đông 1954-1955, Dần và một số đồng nghiệp cùng chỉ hướng trong ban tuyên huấn quân đội soạn thảo một bức thư dự kiến gửi Ban chấp hành TƯ có tiêu đề: “Những đề xuất về văn hóa chính trị”, kêu gọi tự do hơn cho các nghệ sĩ khi phản ánh sự thật về cuộc chiến đã qua. Đầu tiên có vẻ như bức thư được sự tán đồng của một số quan chức chính trị. Sau đó, các chiến sĩ tư tưởng cảm thấy có vấn đề không ổn và ra tay hành động. Lãnh đạo cuộc chiến làm trong sạch hóa tư tưởng là Tố Hữu, người rất nổi tiếng vì những bài thơ phổ biến thời trước cách mạng và trong kháng chiến, bây giờ được giao trách nhiệm canh gác tâm hồn cho Đảng. Từ năm 1949, như nhà cổ súy cho “nghệ thuật vị nhân sinh”, TH đã kêu gọi loại bỏ những ảnh hưởng phản động của phong kiến và tư bản trong nền văn hóa cách mạng Việt nam non trẻ. Ngoài việc bị kết tội đòi thoát khỏi sự kiểm soát về tư tưởng của Đảng, Dần còn bị cáo buộc là có “cách sống tư sản” và bị tổng giam trong thành. Trong tù, Dần viết: “*Tôi chẳng thấy gì, ngoài mưa rơi trên cờ đỏ*”^{cxixiv}. Nhưng những men thay đổi từ bức thư của Dần, với việc bạo lực của CCRĐ gây bất mãn nặng nề, cộng thêm ảnh hưởng của bài phát biểu của Khrushchov đã kích động các trí thức khác. Mùa xuân năm 1956, tạp chí *Giai phẩm* ra đời, có một số bài phê phán đường lối của chính phủ. Tuy có ý kiến phản đối, nhưng *Giai phẩm* vẫn ra được những số tiếp theo trong mùa hè, khuyến khích sự ra đời

của tạp chí nữa có tên là *Nhân văn*. Các nhà văn Việt nam được tiếp sức bởi phong trào *Trăm hoa đua nở* tuy ngắn ngủi nhưng đã kêu gọi toàn dân góp ý cho Đảng CSTQ. Hoàng Cầm đã viết một bài tố cáo chính quyền đàn áp Trần Dần và bảo vệ những quan điểm của Dần. Nhiều bài khác nói về những đau khổ của nhân dân trong cải cách ruộng đất cũng như đã kích chính quyền quan liêu. Các phần tử tả khuynh nghe ngóng tình hình, chưa vội hành động ngay. Thậm chí hội nghị TƯ lần thứ 10 hồi tháng 9 còn kêu gọi mở rộng quyền tự do dân chủ. Tháng 12, chủ tịch nước ra sắc lệnh xác nhận quyền tự do (tuy còn hạn chế) của báo chí.

Những sự kiện ở Quỳnh lưu đã đánh động Đảng. Trường Chinh đăng đàn diễn thuyết về văn hóa mới của Việt nam mang nội dung xã hội chủ nghĩa trong hình thức dân tộc. Mặc dù chẳng ai hiểu Chinh nói thế nghĩa là gì. Khi một trí thức kêu ca vì không được tự do ngôn luận, Chinh đã “ngạc nhiên” trả lời: “*thế à, nhưng các anh chẳng được thoải mái phê phán chủ nghĩa đế quốc sao?*” Cuối tháng 12, cả Nhân văn lặn Giai phẩm đều bị đóng cửa. Một số trí thức được đưa đi học lại về Max-Lenin. Lão thành Phan Khôi bị khai trừ khỏi Hội Nhà văn, tổng giam và chết trong tù trước khi bị xét xử. Trần Dần bị khai trừ khỏi Đảng, mặc dù Dần vẫn trung thành với những tư tưởng không tưởng của mình, Dần tuyên bố mình là “*người cộng sản không đảng*”.^{CXXXV}

Không dễ dàng đánh giá vai trò của H trong cả hai vụ CCRĐ và đàn áp trí thức. Những người ủng hộ cho rằng H không trực tiếp tham gia và thường xuyên nhắc nhở các đồng chí của mình không nóng vội và phải biết phân biệt đâu là những phần tử phản cách mạng đích thực. Phe tả kích thì cho rằng, dù không trực tiếp cầm dao thì ít ra H cũng đã tạo điều kiện cho những đao phủ. Thêm nữa, khi sự việc đã xảy ra, H đã không dùng uy tín tuyệt đối của mình để hạn chế hậu quả của nó. Rõ ràng là mặc dù cá nhân không ưa dùng những biện pháp bạo lực đối với đối thủ, H sẵn sàng chấp nhận (theo thời gian) để các trợ thủ của mình hành động vì những lợi ích lớn hơn của sự nghiệp. Trong một số trường hợp, do H quen biết cá nhân với rất nhiều nhà trí thức, H có can thiệp nhưng thường là không có kết quả. Người trong gia đình của một nạn nhân đã trực tiếp nói với tác giả (WD) rằng, H đã cố gắng thay đổi chế độ đối xử trong tù của vị trí thức đó. Có thể nói H trở thành tù binh của chính hệ thống do mình dựng nên, một con ruồi ở trong chai, không có khả năng thoát khỏi logic nghiệt ngã của hệ thống sẵn sàng “hy sinh” cá nhân cho “những mục đích cao cả” của kế hoạch lớn.

Mặc dù Hà nội chỉ quan tâm nhiều đến bài phát biểu chống Stalin của Khrutxop, đại hội 20 Đảng CSLX còn có những nghị quyết quan trọng về chiến lược “chung sống hòa bình”. Kh cho rằng đó là cách duy nhất để tránh một cuộc chiến tranh hạt nhân có thể làm thiệt mạng hàng triệu người ở hai bên chiến tuyến tư tưởng. Vì vậy Moscow có thể sẽ không hứng thú lắm với việc Hà nội tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng để thống nhất đất nước. Tại thời điểm đó, chiến lược này phù hợp với quan điểm của VWP cũng là tìm kiếm thống nhất đất nước qua con đường hòa bình. Tuy nhiên tình hình có thể thay đổi. Cuối đông năm 1956, Văn Tiến Dũng được cử vào Nam để thảo luận với Lê Duẩn, bí thư Trung ương cục từ 1951 (thay Nguyễn Bính), bàn cách xây dựng lại các căn cứ cách mạng và liên kết với hai phái chống đối khác.

Khác với đa số các lãnh đạo khác của đảng, vốn xuất thân từ tầng lớp nho giáo, Duẩn là con trai của một thợ mộc ở Quảng trị. Không có học vấn và truyền thống gia đình, đáng về mảnh khảnh, điệu bộ cứng nhắc, nhưng Duẩn lại thừa tự tin. Ông được coi là nhà tổ chức tài và người phát ngôn cho quyền lợi của miền Nam. Trong anh em, nhiều người không thích Duẩn vì ít khi chịu lắng nghe ý kiến người khác. Duẩn là người toàn tâm

toàn ý cho sự nghiệp thống nhất đất nước, nhưng ông cũng rất thực tế và sẵn sàng kỳ công thuyết phục các đồng chí miền Nam cần phải tính đến các điều kiện quốc tế để có được những sách lược khả thi. Dẫn cho rằng các lực lượng vũ trang chưa sẵn sàng để tiến hành chiến tranh như hồi chống Pháp, nhưng cũng rất bi quan về giải pháp hòa bình. Theo ông, những động thái chính trị phải được hỗ trợ bằng các chiến thắng quân sự “của một quân đội đã từng thắng trận Điện Biên phủ”. Tháng 3/1956, Duẩn trình bày với Dũng kế hoạch chuẩn bị để quay trở lại cuộc đấu tranh vũ trang. Sau khi các vị khách ra về, Trung ương Cục quyết định thành lập 20 tiểu đoàn quân chính quy và các đội du kích địa phương.

Tháng 4/1956, lần đầu tiên một quan chức cao cấp của Liên xô, phó thủ tướng Mikoan sang thăm Việt nam và được đón tiếp nồng nhiệt. Hai tuần sau khi ông này về nước, Hội nghị TƯ 9 đã ra nghị quyết ủng hộ những quyết định của Đại hội 20 Đảng CSLX, bao gồm cả chiến lược chung sống hòa bình. Tuy nhiên, không phải tất cả lãnh đạo VWP đều chia sẻ quan điểm này. Trường Chinh, khi đó vẫn là Tổng bí thư đã viết: “*những đồng chí không tin vào cương lĩnh chính trị mới cũng như việc thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình, cho rằng đó là ảo tưởng và cải lương*”^{xxxvi}

Không biết có phải Chinh ngụ ý Lê Duẩn không nhưng H cũng có vẻ có chung quan điểm. Mặc dù thường xuyên công khai kêu gọi các đồng chí của mình quan tâm đến giải pháp hòa bình, chưa bao giờ H từ bỏ mục tiêu độc lập dân tộc là quan trọng nhất và sẵn sàng sử dụng bạo lực cách mạng nếu cần thiết để thống nhất đất nước. Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị 9, H nêu rõ “tầm quan trọng” của những nghị quyết tại Moscow và sự lớn mạnh của các lực lượng hòa bình thế giới, nhưng kết luận: “*Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc thì còn nguy cơ chiến tranh*”. Hội nghị 9 có thể đã tạm thời làm chậm lại đề xuất quân sự hóa của Duẩn, nhưng không thể kết thúc được những tranh luận trong Đảng về sách lược đối với miền Nam. Giữa tháng 7/1956, báo Nhân dân đăng xã luận dài nhận xét nhiều người vẫn còn “ảo tưởng”. Một số thì đơn giản hóa, nghĩ rằng sẽ có bầu cử, bây giờ đâm ra bi quan chán nản. Số khác “e ngại đấu tranh trường kỳ gian khổ” vẫn hy vọng có thể thống nhất bằng con đường hòa bình. Những người thất vọng nhất chính là những cán bộ tập kết. Để xoa dịu số này, H đã gửi một lá thư ngỏ tháng 6/1956 giải thích lý do chưa thể chuyển sang đấu tranh vũ trang. H viết, cuộc đấu tranh sẽ kéo dài và rất gian khổ, chỉ có thể thắng lợi nếu miền Bắc mạnh lên để có thể đảm nhận vai trò hậu phương lớn. “*Cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa và sẽ nhất định thắng lợi. Nhưng để xây được một ngôi nhà tốt, cần phải xây một nền móng tốt*”.

Quan điểm của H về tập trung xây dựng kinh tế tại miền Bắc có vẻ phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Miền Bắc đang thiếu lương thực và đội ngũ thợ lành nghề một cách trầm trọng. Trung quốc hứa giúp đỡ xây dựng công nghiệp nhẹ, nhưng trước tiên phải kiếm cái ăn đã. Một nhà thơ thời đó đã viết:

Tôi đã đi qua bao làng mạc Kiến An và Hồng Quảng

Nơi biển rút đi chỉ để lại muối trắng

Nơi đã hai năm không có hạt lúa nào mọc lên

Và tay người đổ vì mọc rễ khoai

Tôi đã gặp bao trẻ còi xương

Ăn rễ cây nhiều hơn gạo^{xxxvii}

Tháng 6/1956, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị “Tình hình và Nhiệm vụ cách mạng miền Nam”. Văn bản này nêu rõ, trên thực tế Nam Việt nam đã trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, bởi thế phải sẵn sàng đấu tranh vũ trang để tự bảo vệ. Tuy nhiên hiện tại, cần tập trung

cho đấu tranh chính trị. Là thành viên của bộ chính trị, chắc chắn Duẩn phải tuyên truyền chỉ thị này cho các đồng chí phía Nam. Không lâu sau đó, Duẩn viết tập sách “*Con đường cách mạng miền Nam*”, trình bày quan điểm riêng của mình. Trên bề mặt có vẻ như Duẩn đồng ý với chính sách hòa bình trong Đảng. Duẩn tuyên bố hiện tại Đảng có hai nhiệm vụ quan trọng: xây dựng CNXH ở miền Bắc và giải phóng miền Nam. Chiến lược đấu tranh chính trị hiện nay là phù hợp với tình hình thực tế khi cơ sở Đảng tại chỗ còn quá yếu, cũng như phù hợp với tình hình chính trị thế giới. Tuy nhiên Duẩn nêu rõ sự khác nhau căn bản trong các hiểu “đấu tranh chính trị”. Có một số kẻ cố tình hiểu đó là “đấu tranh pháp lý và nghị trường”, trong khi đó nhiệm vụ chủ yếu phải là xây dựng lực lượng quần chúng cả về chính trị và quân sự, chuẩn bị sẵn sàng để dành chính quyền, như kinh nghiệm Cách mạng tháng Tám đã chỉ ra.

Đến cuối năm 56, quan điểm của TQ và Liên xô bắt đầu chia rẽ. TQ cảm thấy rất khó chịu khi LX mạnh tay đưa quân vào Hung và Ba lan, vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng anh em. Bắc kinh còn cho rằng, chính bài phát biểu xét lại của Khrushchov đã cổ vũ trực tiếp cho những cuộc nổi dậy đó. Ngày 18/11 Chu Ân Lai đến Hà nội thăm chính thức Việt nam. Chu hứa hẹn sẽ ủng hộ cuộc đấu tranh thống nhất đất nước nhưng khá tù mù trước đòi hỏi của Việt nam về việc gây sức ép để thực hiện hiệp định Geneva. Chu tìm kiếm sự ủng hộ của Vietnam trong cuộc đấu khẩu với LX, phê phán chủ nghĩa “Sô vanh nước lớn” và nhấn mạnh 5 nguyên tắc cùng tồn tại. Quan điểm của Chu được một số lãnh đạo DRV đồng điệu nhưng H đã can thiệp để giữ vững cân bằng. Trong tuyên bố cuối cùng, không có nội dung nào đã kích trực tiếp các chính sách của LX.

Hội nghị 11 họp ngay trong tháng 12, sau chuyến thăm của Chu. Quan điểm gân đây của Hà nội là “Con đường cách mạng miền Nam” được coi là có ý nghĩa then chốt lúc đó. Bởi thế chắc hẳn bản này đã gây ra thảo luận sôi nổi tại Hội nghị và Duẩn đã phải vất vả bảo vệ những quan điểm của mình. Tuy nhiên Hội nghị không đưa ra thay đổi đường lối chính thức nào. Xã luận của tạp chí Học tập ra vài ngày sau hội nghị vẫn nhấn mạnh tầm quan trọng của xây dựng miền Bắc. Quan điểm của H trong cuộc tranh luận này không rõ ràng. Tháng giêng 1957, phát biểu trước Quốc hội, H nhắc lại lời kêu gọi tập trung xây dựng để biến miền Bắc thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng đất nước tuy gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Mặc dù H không bao giờ ủng hộ khủng bố, Ban chấp hành TƯ đã chấp thuận một chiến dịch trừ gian có chọn lọc. Mặc dù đối tượng của chiến dịch này được coi là bọn quan lại tham nhũng, địa chủ bóc lột hoặc phản bội, cũng có khá nhiều nhân vật có uy tín được lòng dân chúng bị tiêu diệt. Có vẻ Đảng đã cảm thấy nguy hiểm khi chính phủ Sài gòn càng ngày càng củng cố được quyền lực. Dấu hiệu rõ ràng nhất về một thời đại mới là việc Lê Duẩn được bầu làm quyền Tổng bí thư Ban chấp hành TƯ Đảng. Sau khi Chinh bị hạ bệ, H tạm thời nắm chức này, tuy nhiên H chưa bao giờ quan tâm đến điều hành công việc hàng ngày mà chỉ tập trung vào chính sách đối ngoại cũng như các vấn đề thống nhất đất nước. Có rất nhiều cuộc tranh luận xung quanh lý do Duẩn được thăng chức. Có thể là vì những phẩm chất của Duẩn như tính tổ chức, tận tụy và tầm nhìn chiến lược, nhờ nó mà có khi Duẩn được gọi là “Cụ Hồ miền Nam”. Một số khác coi đó là biểu hiện của việc thừa nhận tầm quan trọng của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Như một người miền Nam, Duẩn đại diện cho tất cả nhân dân sống phía Nam khu phi quân sự. Có ý kiến nhận xét Duẩn ở xa khó có thể đe dọa ảnh hưởng quyền lực trong bộ chính trị của những người như H và Chinh. Lại có ý kiến Duẩn được ưu tiên hơn Giáp vì đã có vài năm trong nhà tù Pháp, vốn được coi là

“trường học lớn” của Đảng, trong khi đó Giáp không những thoát cảnh tù tội mà lại còn xin được học bổng đi học ở Pháp. Vì lý do gì đi chăng nữa thì chắc chắn Duẩn cũng phải được sự ủng hộ của H, người bây giờ đã có thể yên tâm là đệ tử của mình sẽ toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Sau 12 năm, cuối cùng H quyết định chính thức tiết lộ danh tánh mình là Nguyễn Ái Quốc. Tháng 6/1957, H về thăm quê sau hơn 50 năm lưu lạc.

Trong lúc các nhà lãnh đạo Hà nội đang cố gắng ngăn cản sự chia cách vĩnh viễn đất nước thì Sài gòn lại làm tất cả để biến điều đó thành sự đã rồi. Đầu năm 1957, Liên xô, không tham khảo ý kiến Hà nội, bất ngờ đưa ra đề xuất kết nạp cả hai miền Việt nam vào Liên hiệp quốc. DRV phản ứng kịch liệt. Không lâu sau đó, Đại hội đồng LHQ bỏ phiếu kết nạp Nam Việt nam. Phạm Văn Đồng viết thư phản đối đến đồng chủ tịch của Hội nghị Genevo là LX và Anh. Vụ việc được “kính chuyển” sang Hội đồng Bảo an và chưa ngã ngũ thì giữa tháng Năm, chủ tịch Xô viết tối cao, bạn cũ của Lenin là Vorosilop đến thăm Hà nội sau khi dừng chân thoải mái ở Trung quốc và Indonexia. Có nhiều đồn đại về lý do của chuyến đi này. Hà nội chắc là muốn tìm hiểu quan điểm của LX về việc thống nhất đất nước, còn LX rõ ràng là muốn thuyết phục Hà nội không manh động, đi theo chính sách “thống nhất trong hòa bình”, tránh cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Trong tình hình như vậy, dễ hiểu là Vorosilop không được chào đón trọng thể lắm. Một loạt các sự kiện được hủy để tránh lộ sự bất đồng trước công chúng. Để làm yên lòng chủ nhà, LX hứa sẽ tăng viện trợ kinh tế và không ủng hộ Nam Việt nam đơn phương gia nhập LHQ (tháng 9 cùng năm, LX đã dùng quyền phủ quyết để thực hiện việc này). Báo chí Hà nội tỏ ý hoan nghênh “thái độ đúng mực” này.^{cxxxviii}

Hà nội không thể đánh mất sự hỗ trợ ngoại giao và tài chính của Moscow. Tháng 7, H đi thăm LX. Trên đường, H có ghé vào tư vấn với Mao và được khuyên hãy thư thư việc thống nhất. Sau đó H đi thăm một số nước Đông Âu và Bắc Triều. Lúc về, H tuyên bố đã đạt được “quan điểm thống nhất” của khối các nước XHCN^{cxxxix}. Nhưng tình hình có vẻ không hoàn toàn như vậy. Tháng 11, H lại dẫn đoàn gồm cả Lê Duẩn và Phạm Hùng đi Moscow, lần này là để tham gia Hội nghị các Đảng CS. Việc cả Duẩn và cấp phó là Hùng cùng đi chứng tỏ vấn đề miền Nam được rất coi trọng. Mục tiêu của hội nghị là thống nhất quan điểm tiến lên XHCN bằng con đường hòa bình. TQ phản đối quan điểm này vì muốn giải quyết vấn đề Đài loan. TQ sợ LX sẽ phản bội lợi ích của cách mạng thế giới dưới chiêu bài “cùng tồn tại hòa bình”, vì thế đích thân Mao lãnh đội. Đây là lần đầu tiên Mao rời đất nước kể từ năm 1949. Theo Mao, những thành tựu công nghệ của LX chứng tỏ sự ưu việt của CNXH (“gió đông thổi bạt gió tây”) và LX cần phải máu hơn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc toàn cầu. Cuối cùng hội nghị đã thỏa hiệp đưa ra tuyên bố: “*trong trường hợp giai cấp bóc lột sử dụng bạo lực chống lại nhân dân, cần phải xem xét con đường không hòa bình. Lenin đã dạy và lịch sử xác nhận, giai cấp thống trị không bao giờ tự nguyện rời bỏ quyền lực của mình*”. Các báo cáo của đoàn Italia và Đức cho rằng, chủ yếu là LX và TQ cãi nhau, các đảng khác không tham gia được gì. Tuy nhiên, câu trích trên quá giống với bài phát biểu của H tại hội nghị TU 9, nên có thể giả thiết là H đã đóng vai trò quan trọng trong việc thỏa hiệp giữa hai ông anh lớn. Các nguồn Việt nam khẳng định đoàn Việt nam đã làm rõ với Moscow quan điểm của mình là “bạo lực cách mạng” là phổ biến và chỉ có vài trường hợp cá biệt mới có thể tiến lên CNXH bằng con đường hòa bình. Sau hội nghị, H còn ở lại thêm một thời gian, chắc là để tìm cách hàn gắn sự bất đồng quan điểm cũng như tranh chấp quyền lãnh đạo

giữa LX và TQ bởi điều này sẽ có ảnh hưởng hết sức tiêu cực đến tình hình cách mạng ở Việt nam.

Hội nghị TƯ mở rộng lần thứ 13 họp vào tháng 12/1957 có hai nhiệm vụ: đánh giá kết quả của Hội nghị Matxcova và thảo luận kế hoạch 3 năm tại miền Bắc. Sau khi nghe Duẩn báo cáo, các lãnh đạo Đảng bày tỏ tin tưởng vào sự đoàn kết của các nước XHCN. Không rõ các nước anh em có đoàn kết thật hay không, nhưng mâu thuẫn trong lãnh đạo Đảng tại Việt nam xung quanh ưu tiên của hai nhiệm vụ thống nhất và xây dựng CNXH là sự thật. Suốt 3 năm qua, Đảng đã duy trì một sự đồng thuận mong manh về việc tạm hoãn những cải cách XHCN để củng cố quyền lực và đợi tình hình thống nhất đất nước trở nên rõ ràng hơn. Giờ đây khi vấn đề thống nhất bị hoãn vô thời hạn, phe Trường Chinh yêu cầu tiến hành ngay các cuộc cách mạng XHCN ở cả nông thôn và thành thị miền Bắc trước cuối thập kỷ. Hội nghị đã thông qua kế hoạch 3 năm nhưng rõ ràng là không phải “hoàn toàn nhất trí”. Vài tuần sau đó, một số lãnh đạo tiến hành chiến dịch giải thích để chấm dứt: *“những tư tưởng rầm rối về mối quan hệ gần gũi giữa cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”*. Nguyên nhân chính của các cuộc tranh luận là vai trò mới của Duẩn. So với người tiền nhiệm của mình là H thì Duẩn chỉ như cậu học trò mới lớn. Có thể Chinh quyết tâm thông qua kế hoạch 3 năm để dẫn dắt Duẩn. Giáp cũng không thích thú gì vì Duẩn “qua mặt” khi trực tiếp đưa ra sách lược chiến tranh tại miền Nam. Giáp cũng e ngại với khát vọng sôi sục đẩy nhanh chiến tranh ở miền Nam, có thể buộc Quân đội Nhân dân Việt nam (PAVN) phải trực tiếp tham chiến khi chưa được chuẩn bị cẩn thận. Có tin đồn là Duẩn cho đăng xã luận báo Nhân dân đầu tháng 11: *“một số đồng chí cần phải hiểu rằng Đảng lãnh đạo quân đội một cách toàn diện”* chủ yếu là để “nhấn nhủ” Giáp.

Không thấy H đóng vai trò gì trong cuộc tranh luận này. Thậm chí H còn không dự Hội nghị, trên đường trở về từ Matxcova, H đã ở lại Bắc kinh nghỉ ngơi và chữa bệnh. Thật đáng ngạc nhiên là H cố tình không dự Hội nghị 13 vào thời điểm dự kiến là sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến DRV. Một số đồn rằng H bị sốc sau những sự kiện vừa qua, thậm chí đã chết ở LX. Số khác cho rằng đó là cách để H buộc các đồng chí phải nghe lời khuyên của mình. Ngay sau khi trở về ngày 24/12, H đã phê duyệt các nghị quyết của Hội nghị, kết thúc giai đoạn phục hồi kinh tế ở miền Bắc để chuyển sang phát triển một cách có kế hoạch. Năm ngày sau, báo Nhân dân tuyên bố, Việt nam hiện có 2 cuộc cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân chủ dân tộc ở miền Nam. Để xóa tan mọi nghi ngờ, tháng 3/1958 tại cuộc gặp đại diện Mặt trận tổ quốc, Trường Chinh phàn nàn là một số đồng chí không chịu hiểu tầm quan trọng của xây dựng CNXH ở miền Bắc là một bước chuẩn bị giải phóng miền Nam. Phạm Văn Đồng, khi đó là vây cánh của Chinh cũng khẳng định: *“Miền Bắc mạnh hơn sẽ làm cho Việt nam mạnh hơn trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Và con đường làm cho miền Bắc mạnh hơn chính là con đường XHCN”*.

Mặc dù hơi bị Chinh qua mặt trong cuộc tranh luận về chính sách tại Hội nghị 13, Duẩn cũng đã lợi dụng thời gian để củng cố ảnh hưởng của mình trong bộ máy Đảng và thay thế các nhân vật bị coi là thân Chinh và H. Chiến hữu của Duẩn là Lê Đức Thọ được bầu làm trưởng Ban tổ chức Trung ương, một công cụ hữu hiệu để điều tra và kiểm soát các đảng viên. Thọ (tên thật là Phan Đình Khải) sinh năm 1911 tại ngoại ô Hà nội trong một gia đình nhà nho. Tham gia cách mạng vào cuối những năm 1920, sau đó bị bắt và mất gần 20 năm trong tù. Được tha năm 1945, Thọ được cử vào Nam với bí danh là Sáu, làm phó cho Duẩn. Suy nghĩ nhỏ nhặt, phong cách ranh mãnh và hình ảnh khắc khổ trong

con mắt người ngoài, Thọ nhanh chóng được tặng biệt danh là “Sáu Búa” vì cách xử rắn với các đồng chí. Một người khác có thể so sánh được với Thọ về cách làm cho các đồng chí phải run sợ là Trần Quốc Hoàn. Sinh năm 1910 tại Quảng Ngãi, thăng tiến trong cuộc chiến với Pháp, Hoàn trở thành Bộ trưởng an ninh DRV năm 1953. Vừa thiếu văn hóa vừa thiếu trí tuệ, lúc nào cũng làm ra vẻ bí mật, xun xoe với cấp trên, Hoàn nổi lên như “Beria của Việt nam”. Hoàn là nhân vật chính trong một câu chuyện lâm ly bi thương nhất của DRV. Năm 1955, có một cô gái Cao bằng tên là Xuân đến Hà nội. Lúc nào cũng tươi như hoa, cô lọt vào mắt xanh của vị chủ tịch già và được cho vào làm phục vụ. Sau đó cô gái này có một đứa con trai, được thư ký của H là Vũ Kỳ nhận làm con nuôi. Một ngày đẹp trời năm 1957, người ta tìm thấy thi thể của Xuân bên đường, trông như nạn nhân của một vụ tai nạn giao thông. Hai cô gái ở cùng phòng với Xuân ngay sau đó cũng mất tích một cách khó hiểu. Đầu tiên, cũng chẳng ai chú ý. Nhưng vài năm sau, chồng chưa cưới của một cô gái đã tố cáo với Quốc hội là Xuân bị Hoàn hiếp và thủ tiêu. Hai cô bạn cũng bị cùng chung một số phận để bịt đầu mối. Mặc dù vụ việc bị cho “chìm xuống” và Hoàn không bị hình phạt nào, tất cả các đảng viên hiểu biết của Hà nội đều biết chuyện này. Không rõ H có nắm được chi tiết của bi kịch không, nhưng không bao giờ thấy H nhắc đến.^{cxl}

Những bước cải cách nông nghiệp đầu tiên được tiến hành từ thời Đại Nhảy Vọt của Trung quốc. Sau vài năm đầu tập thể hóa dần dần không thực sự thành công, Mao quyết định đánh bài lớn, thành lập những “công xã nhân dân” hàng chục ngàn người với đủ các cấu trúc hành chính và kinh tế. Theo luận thuyết của M-L, đây là mô hình lý tưởng, tuy nhiên ngay cả LX cũng chưa dám thử nghiệm. Khi ở Bắc kinh cuối năm 1957, H cũng viết một số bài ca ngợi Đại Nhảy Vọt đăng trên các báo của TQ với bút danh TL. Tuy nhiên ý đồ chắc chỉ để làm vừa lòng mấy ông bạn lớn vì ngay khi về nước H đã căn dặn các đồng chí phải cẩn trọng, tuyệt đối không sao chép mù quáng mô hình các nước anh em. Duẩn là đồng minh của H trong vụ này, cảnh cáo những hành động phiêu lưu, lo sợ tập trung cải cách miền Bắc sẽ chiếm mất những nguồn lực của đảng lẽ ra có thể dành cho giải phóng miền Nam. Duẩn hay trích Lư Thiệu Kỳ, hãy dùng những ngọn sóng nhỏ thay cho những cơn sóng dữ, để mang đến thay đổi. Phạm Văn Đồng cũng phát biểu nhấn mạnh mục đích của kế hoạch 3 năm là nâng cao sản lượng lương thực chứ không phải thay đổi ý thức hệ tại nông thôn theo quan điểm của Mao. Ngay cả Trường Chinh cũng phải thừa nhận là cải cách nông nghiệp cần được tiến hành từng bước. Các đồng chí Việt nam đã học được cách không nhập khẩu nguyên kiện mô hình TQ, qua những thất bại cay đắng trong quá khứ.

Trong suốt năm 1958, chủ đề thống nhất đất nước không được nhắc đến nhiều. Phần lớn là do tập trung chú ý vào những vấn đề nội bộ của miền Bắc. Nhưng cũng có phần không nhỏ phụ thuộc vào thái độ của hai nhà bảo trợ cho DRV. Quan điểm của Kh thì đã rõ như ở trên đã nhắc đến. Mao cũng giữ thái độ tương tự. Mao khuyên các đồng chí Việt nam cần chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh trường kỳ “*Nếu 10 năm không đủ, thì sẵn sàng mất 100 năm*”. DRV cần tìm kiếm thêm sự ủng hộ ngoại giao cho sự nghiệp của mình.

Tháng 2/1958, H dẫn đoàn đại biểu đi thăm India và Miến điện. Mục tiêu của chuyến đi là cân bằng cán cân sau khi India công nhận ngoại giao chính phủ Nam Việt Nam. Trong những cuộc hội đàm cá nhân, H đã thuyết phục được Nehru ủng hộ cho quan điểm Việt nam thống nhất, nhưng Nehru từ chối công kích công khai NVN và Mỹ trong việc phá hoại bầu cử. Rangoon cũng giữ lập trường tương tự.^{cxli}

Đến lúc này, vai trò của H càng ngày càng bị hạn chế trong việc hoạch định các chính sách đối ngoại cũng như xây dựng hình ảnh vị “Cha già dân tộc”, linh hồn của cách mạng Việt nam. Hình ảnh “Bác Hồ” giản dị được H xây dựng đến mức hoàn hảo. H tiếp tục tránh xa những cạm bẫy xa hoa của chức Chủ tịch. Năm 1958, H chuyển vào ở trong căn nhà sàn bằng gỗ gợi nhớ đến những ngày ở Việt bắc, chỉ cách khu biệt thự vườn của Phủ Chủ tịch có vài bước chân.

Không lâu sau khi kết thúc Hội nghị 14, Duẩn lên đường vào Nam để trực tiếp đánh giá tình hình. Giữa tháng Giêng 1959, Duẩn trở ra và báo cáo trước Bộ chính trị. Duẩn tuyên bố: tình hình đang nguy cấp, kẻ thù quyết tâm đìm cách mạng vào biển máu. TÍNH mạng của các đồng chí và quần chúng miền Nam bị đe dọa. Nhân dân đang căm ghét chế độ đến cùng cực. Tất nhiên là Duẩn cũng có cường điệu thêm đôi chút vì mục đích chính trị của mình, nhưng tình hình thực tế ở miền Nam lúc đó là hết sức căng thẳng. Để đáp lại chiến dịch khủng bố, ám sát của DRV năm 1957, Diệm thực thi chính sách “làng nông nghiệp”, thực chất là dồn dân vào những khu tập trung, có hào bao quanh, trên đắp thành đất, cắm dây thép gai. Dân làng được tổ chức thành những đội tự vệ có vũ trang để chống thâm nhập. Đội ngũ mật vụ, chỉ điểm lục tìm những gia đình có cảm tình với Việt minh, chẳng may để lộ ra trong và sau hiệp định Geneva. Một tài liệu bí mật của Đảng đã thừa nhận rằng Diệm đã thành công trong việc ổn định tình hình và hạn chế tối đa hiệu quả của những hoạt động cách mạng:

Kẻ thù đã hoàn thiện bộ máy cai trị từ trung ương đến địa phương, xây dựng mạng lưới gián điệp và lực lượng dân phòng đến tận từng xã. Chúng còn kiểm soát đến từng gia đình thông qua cơ chế “tự quản” theo từng đơn vị 5 gia đình, trong đó mỗi hộ phải chịu trách nhiệm về sự trung thành của những gia đình hàng xóm. Phong trào xuống thấp đến mức, ngay cả những phản kháng nhỏ như đòi cho vay để trồng trọt cũng bị gán cho là “hoạt động Việt cộng” và bị tra tấn, đe dọa. Cùng lúc đó, chính sách “làng nông nghiệp” dồn dân đến gần những trung tâm thương mại hoặc nơi thuận tiện giao thông thủy bộ để dễ bề kiểm soát.

Mặc dù vẫn tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, nhưng nhân dân vẫn hoang mang giao động. Càng ngày càng xuất hiện nhiều nghi ngờ về phương pháp đấu tranh hòa bình và những quan điểm cũ. “Đòi dân chủ và dân quyền chỉ dẫn đến nhà tù hoặc nghĩa địa”, “Đấu tranh thế này thì cuối cùng sẽ chết hết”. Tại nhiều nơi, nhân dân đòi hỏi đảng phải đứng lên cầm vũ khí để bảo vệ mình.

Từ năm 1957 đến 1959 hơn 2000 nghi can cộng sản bị tử hình trên những chiếc máy chém được kéo lê qua khắp các làng xã. Hàng chục nghìn người khác bị tình nghi có cảm tình với cách mạng bị bắt và tống giam. Theo một thông kê, số đảng viên đã giảm từ hơn 5000 đầu năm 1957 xuống còn chưa đến 1/3 vào cuối năm. Trần Văn Giàu, nhà sử học của đảng đã viết: “đó là những giờ phút đen tối nhất của sự nghiệp cách mạng”

Cũng may, ngoài Việt cộng, chế độ Diệm còn tự tạo ra những kẻ thù cho chính mình.

Theo đòi hỏi của Mỹ, Diệm phải thông qua hiến pháp năm 1956, thừa nhận chính phủ do tổng thống và nghị viện bầu ra, bảo vệ các quyền tối thiểu của con người. Tuy nhiên Diệm chưa bao giờ là nhà dân chủ. Thô kệch trong xử sự, rất sợ xuất hiện trước đám đông, Diệm không thể hòa đồng với các công dân của mình. Vốn rất nghi ngờ người miền Nam, Diệm lựa chọn tay chân toàn những kẻ tị nạn từ miền Trung, theo công giáo và ghét cộng sản. Diệm để em là Nhu lập ra Đảng cần lao nhân vị. Các đảng đối lập bị đóng cửa, những kẻ lên tiếng phê phán chế độ bị trừng trị thẳng tay. Thất bại lớn nhất của Diệm là không đáp ứng được nhu cầu thực sự của nông dân, chiếm đến hơn 80% dân số.

Sau hiệp định, có đến hơn một nửa diện tích đất canh tác chỉ do khoảng 1% dân số sở hữu. Bị Mỹ thúc ép, Diệm phải tiến hành cải cách ruộng đất. Tuy nhiên để làm vừa lòng những nhà địa chủ ủng hộ chính quyền, thực tế chỉ có chưa đến 10% nông dân nhận được dù chỉ là một mảnh đất. Thậm chí trong các vùng Việt minh cũ, nông dân còn bị ép buộc phải trả lại đất đã được chia trong kháng chiến. Đối với nông dân, cuộc sống mới chẳng hơn gì so với thời thực dân. Có thể nói, đến cuối những năm 1950, nông thôn miền Nam đã sẵn sàng cho những thay đổi lớn.

Sau cuộc họp của Duẩn cho Bộ chính trị, Trung ương triệu tập hội nghị lần thứ 15. Duẩn đọc báo cáo, chỉ rõ sự bất mãn dâng cao với chính quyền Diệm đang tạo ra một cơ hội vàng để tiến tới thống nhất đất nước. Tất nhiên là lãnh đạo đảng không quyết định được dễ dàng. Theo một tài liệu của Nam Việt nam thu được sau đó, có rất nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau trong hội nghị 15. Một số cho rằng đương nhiên là phải cứu phong trào và các đồng chí ở miền Nam, trên thực tế là đang đấu tranh cho sự sống còn của mình. Số khác e ngại việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang sẽ làm các đại ca LX, TQ tức giận và quan trọng nhất là có thể dẫn đến Mỹ trực tiếp can thiệp. Phe của Chinh thì cho rằng làm như thế thì lấy sức đâu mà xây dựng CNXH ở miền Bắc để hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất miền Nam.

H là người phát biểu mạnh mẽ nhất cho quan điểm thận trọng. H cho rằng không thể chỉ sử dụng đấu tranh vũ trang, chắc chắn sẽ tạo cơ cho Mỹ can thiệp. Theo H, cách mạng Việt nam phải được xét trong quan hệ với cách mạng thế giới. Đế quốc Mỹ đang mạnh nhưng sẽ suy yếu, bởi thế chúng ta phải có chiến lược từng bước. Các lực lượng cách mạng ở miền Nam chắc chắn sẽ giành được những thắng lợi to lớn, nhưng trước mắt cần phải thỏa mãn với những thắng lợi nhỏ.

Với sự can thiệp của H, hội nghị đã đạt được thỏa hiệp, phê chuẩn chiến lược chiến tranh cách mạng để thống nhất đất nước. Tuy nhiên mức độ kết hợp giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị được đề ngỏ. Nghị quyết nêu rõ:

Con đường đấu tranh cơ bản của cách mạng miền Nam là bạo lực cách mạng. Tùy theo tình hình cụ thể và những nhu cầu hiện tại của cách mạng mà phối hợp giữa sức mạnh chính trị của quần chúng và sức mạnh quân sự để lật đổ quyền lực của phong kiến và đế quốc thiết lập chính quyền của nhân dân.

Cuộc tranh luận về quyết định của Hội nghị 15 không chỉ có ý nghĩa học thuật. Nếu quyết định leo thang bạo lực ở miền Nam chỉ là do những đồng chí miền Nam quyết tâm để xuất, cuộc chiến về cơ bản có thể coi là một phong trào kháng chiến nội bộ chống lại một chính quyền thối nát và Bắc Việt có thể được coi như một nhà quan sát bị động. Ngược lại, nếu các lãnh đạo miền Bắc khởi xướng, cuộc chiến chúng tỏ tham vọng thống trị toàn đất nước của Hà nội. Thực tế chắc là nằm đâu đó ở giữa. HCM và các đồng chí của mình đã quyết định phải tổ chức lại sự bất bình âm ỉ nhưng thiếu tập trung chống lại chính quyền miền Nam.

Nghị quyết của Hội nghị 15 không được phổ biến ngay. Trong vài tháng sau đó, Giáp được giao nhiệm vụ đánh giá lại tình hình một cách toàn diện, trong khi HCM được cử ra nước ngoài để thăm dò ý kiến các đồng minh. Đã gần 70 tuổi, H vẫn miệt mài thực hiện ước mơ thống nhất đất nước dưới chế độ XHCN của mình. H đến Bắc kinh vào giữa tháng 1/1959, sau đó đi dự đại hội ĐCSLX tại Moscow. Trên đường về, H lại ghé qua Bắc kinh và về đến Việt nam vào ngày 14/2/1959. Không rõ H đã thảo luận gì với các đồng minh của mình trong chuyến đi này. Tháng 5/1959, nghị quyết hội nghị 15 được chính thức phê chuẩn.

Tất cả cho tiền tuyến

Hội nghị 15 đã xác nhận Đảng từ bỏ thái độ theo dõi đợi thời và đặt mục tiêu thống nhất đất nước lên ưu tiên cao nhất. Tuy nhiên chiến lược thực hiện thế nào thì chưa rõ ràng. Một số đề nghị kết hợp đấu tranh vũ trang và nổi dậy như thời cách mạng tháng Tám. Số khác lại tiên đoán, có lẽ phải chấp nhận đặng độ quân sự trực tiếp như giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Có nhiều câu hỏi đặt ra chưa được giải đáp: liệu chế độ Diệm có tự sụp đổ vì tham nhũng và dốt nát? Liệu Mỹ có thể can thiệp trực tiếp để tiến hành một cuộc chiến tranh ở Đông dương? Liệu các đồng minh của Hà nội có sẵn lòng giúp đỡ? Tạm thời, các nhà lãnh đạo Đảng thống nhất dùng thuật ngữ của Duẩn: “cuộc chiến tranh cách mạng”, theo đó, các lực lượng cách mạng miền Nam trước mắt phải dựa chủ yếu vào đấu tranh chính trị, dần dần xây dựng các vùng giải phóng và sức mạnh quân sự để đẩy phong trào tiến lên. Mao cũng đã khuyên H cần thận trọng chuyển nghĩ mát ở Bắc đại hải mùa hè năm 1958. Mỹ thì công khai bày tỏ thái độ kiên quyết phá bỏ hiệp định Geneva, quyết tâm xây dựng chính quyền không cộng sản tại Nam Việt nam. Trong hiến chương thành lập khối SEATO năm 1954, Mỹ còn đề vào: “*Trong trường hợp Nam VN, Lào, Campuchia bị tấn công, các nước thành viên cần phải coi như đó là một hiểm họa chung và phối hợp hành động trong khuôn khổ hiến pháp nước mình cho phép*” Trong suốt năm 1959, từng nhóm nhỏ trong số hơn 90,000 các cán bộ tập kết được tập trung huấn luyện ở Xuân Mai và được đưa trở lại miền Nam. Mỗi nhóm có khoảng từ 40-50 người được xe tải chở theo đường núi ở Nam Lào và đi bộ qua giới tuyến để vào Nam. Đoàn 559 (tháng 5 năm 1959) được thành lập và giao nhiệm vụ xây dựng hệ thống đường mòn để vận chuyển vũ khí, lương thực và quân đội. Hệ thống này dựa trên các tuyến đường được hình thành trong kháng chiến, sau này sẽ được cả thế giới biết đến dưới cái tên: “đường mòn Hồ Chí Minh”. Một đơn vị khác, được gọi là đoàn 759, chịu trách nhiệm mở tuyến đường biển. Các đơn vị hoạt động vận tải được đặt tên là “Bộ đội Trường sơn”. Đầu tiên, họ vận chuyển đồ tiếp tế bằng tay, bằng xe đạp, sau này mới có xe tải. Các chuyến đi thường cực kỳ gian khổ. Một người kể lại: “*càng đi về phía Nam, tình hình càng xấu đi. Cuối cùng mỗi người chỉ còn một nhúm gạo để dành cho những lúc khẩn cấp nhất. Trong hai tháng liền, chúng tôi ăn tất cả cây, củ, chim thú tìm thấy trong rừng*”. Người khác kể:

Đầu tiên, chúng tôi đi 8 tiếng/ngày. Gặp rừng núi hiểm trở, càng ngày càng chậm đi. Chỉ khi nào giao liên và trưởng đoàn cho nghỉ mới được nghỉ. Những trạm tiếp đón thường là chỗ quang đãng và an toàn. Ngoài ra cũng không có gì khác. Với một chiếc võng, chúng tôi tự chống chọi với mưa gió. Thực phẩm và nước uống cũng không đủ. Mọi người tự học cách tiết kiệm. Càng đi xa càng đói. Khi thức ăn trở nên khan hiếm, tình đồng chí cũng bị mòn theo. Ai cũng chỉ lo cứu mạng sống của mình^{cxlii}

Tình hình miền Nam tiếp tục diễn biến phức tạp. Diệm thực thi luật 10/59 cho phép các lực lượng an ninh được tự do buộc tội, đánh đập và xử tử những phần tử bị nghi là có quan hệ với Hà nội. Tại đồng bằng sông Cửu long, dân chúng bị dồn vào các khu làng nông nghiệp làm du kích mất chỗ ẩn náu. Các lãnh đạo đảng tìm cách đánh trả. Cuối tháng 8, dân chúng được sự hỗ trợ của Việt minh trong vùng đã nổi dậy chiếm 16 thôn thuộc huyện miền núi Trà bông, tỉnh Quảng Ngãi, lập nên vùng giải phóng với khoảng hơn 1000 dân. Năm tháng sau, một cuộc khởi nghĩa nữa nổi lên ở Kiến hòa (Việt minh gọi là Bến tre), nằm giữa châu thổ sông Cửu long. Dân chúng vùng này có cảm tình với Việt minh vì được chia đất, sau đó Diệm đã buộc họ phải trả lại cho chủ cũ. Các cán bộ

đảng đã khéo léo kích động dân chúng nổi dậy, cầm theo giáo mác và gậy tầm vông, hỗ trợ cho các đơn vị đóng giả là lính Sài Gòn xông vào chiếm các cơ quan hành chính xã. Một thành viên tham gia khởi nghĩa đã kể lại:

Lúc đó khoảng sau 9h tối. Tôi mới về đến căn cứ thì nghe thấy tiếng trống và mõ, hòa theo tiếng reo hò lan hết từ làng này sang làng khác. Đêm càng khuya, tiếng trống càng thôi thúc kêu gọi tất cả mọi người vùng lên. Bỗng có tiếng reo: “Cháy rồi, bắt cháy rồi. Cháy nhanh quá”. Các lực lượng bao vây được lệnh đốt tất cả các đồn bót mà họ chiếm được. Nhân dân xé cờ ba que, đốt biển nhà và thả căn cước, chặt cây dựng chướng ngại vật trên đường..^{cxliii}

Với nhịp độ chống đối ngày càng tăng, các nhà lãnh đạo Đảng quan ngại là tình hình sẽ dẫn đến cuộc chiến lan rộng. Tháng 4/1960, Duẩn phải phát biểu kiên quyết giới hạn bạo lực chỉ trong miền Nam. Duẩn thừa nhận, việc giữ ổn định hòa bình quốc tế và xây dựng CNXH ở miền Bắc, trước mắt sẽ tạo thêm khó khăn cho cách mạng miền Nam, nhưng cho rằng về lâu dài sẽ trở thành những nhân tố có lợi cho thống nhất.

Trên trường quốc tế, mâu thuẫn giữa LX và TQ về chiến lược toàn cầu ngày càng sâu sắc. Giận dữ vì thái độ không hợp tác của TQ, Liên xô rút lại lời hứa cung cấp bom nguyên tử đã được thỏa thuận từ mấy năm trước. Sau này, Việt nam mới học được võ lợi dụng mâu thuẫn để thủ lợi, còn hiện tại họ chỉ biết cầu xin hai ông anh làm lành với nhau. H tiếp tục đóng vai trò nhà ngoại giao chiến lược. Tháng 7/1959, H đi Moscow. Trước khi đi, H dặn lại cuộc chiến ở miền Nam sẽ rất khốc liệt và phức tạp, các đồng chí tuyệt đối phải tránh manh động. Thời điểm này hoàn toàn không phù hợp cho việc bàn chiến lược gia tăng xung đột ở miền Nam. Kh đang chuẩn bị cho chuyến đi thăm Mỹ vào tháng 9 và hiển nhiên không muốn làm mất lòng Mỹ về vụ Việt nam. LX cam kết viện trợ kinh tế cho DRV nhưng đều nhấn mạnh tầm quan trọng việc thực thi các điều khoản của hiệp định Geneva trong hòa bình.

Sau khi hội đàm với Kh, do Trung ương ĐCS TQ đang họp, chưa tiếp được, H thông thả dạo qua các nước cộng hòa châu Âu của LX như U, Crum và Capcazo. Cuối tháng 7, H đi tàu qua Trung á đến Alma Ata và từ đó mới bay đi Urumqi, thủ phủ của tỉnh Tân cương Trung quốc. Hội nghị TU của ĐCS TQ lần này họp tại Lư sơn, một khu nghỉ mát tại miền Nam TQ, nhằm mục tiêu giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ lãnh đạo về chính sách Đại Nhảy Vọt. Tổng chỉ huy quân đội trong chiến tranh Triều tiên, nguyên soái Bành Đức Hoài đã lớn tiếng chỉ trích ĐNV làm cho nhân dân đói khổ. Bành cũng bảo vệ mối quan hệ chặt chẽ với Hồng quân, chống lại chính sách tự lực của Mao. Kết quả, Bành bị cách chức và Lâm Bưu lên thay. H ở lại Urumqi vài ngày rồi đi tàu đến Tây An, nơi ông đã từng đến năm 1938 như một người tham quan, và đến Bắc kinh hôm 13/8. Do Mao vẫn chưa về, H đàm phán với Chu và Lưu Thiệu Kỳ. Hội này thông báo chấp nhận chiến lược “chiến tranh cách mạng” nhưng hạn chế ở đấu tranh chính trị và các hoạt động vũ trang ở mức thấp. H quay về Hà nội ngày 26/8.

Có thể nói H không thu thập được gì nhiều qua chuyến đi này ngoài những lời hứa giúp đỡ một cách lịch sự. Mao thậm chí còn không tiếp. Nhưng H đã quá quen với thái độ ngạo mạn của mấy ông bạn TQ, trong lúc thân mật với anh em, H gọi Mao là “Hoàng đế Vũ trụ”. Mấy tháng sau, lại có dịp tu bổ lại quan hệ, khi dẫn đoàn Việt nam sang dự lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa. Sau khi gặp lại người bạn cũ thân thiết là Tổng Khánh Linh, H đã hội đàm với Mao ngày 3/10. Khi về nước, H viết bài đăng trên báo Nhân dân, kêu gọi các đồng chí nghiên cứu kinh nghiệm Trung

quốc và bày tỏ sự biết ơn “đời đời” của nhân dân VN với sự giúp đỡ của TQ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong lúc H bận rộn trên mặt trận ngoại giao, thì các đồng chí của ông tập trung vào kế hoạch 3 năm xây dựng nền móng của CNXH ở miền Bắc. Nhờ H luôn cảnh cáo việc dùng vũ lực và chỉ được phép dùng “các biện pháp dân chủ” để thuyết phục nhân dân, việc tập thể hóa ở nông thôn cũng như quốc hữu hóa công thương tại thành phố đã diễn ra tương đối thuận lợi, tránh được cảnh bạo lực và bất hòa của cải cách ruộng đất. Đến cuối năm 1959, lãnh đạo Đảng bắt đầu nghĩ đến kế hoạch công nghiệp hóa 5 năm kiểu Xô viết. Vì việc thực hiện kế hoạch này sẽ ngốn nhiều nguồn lực và ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh ở miền Nam, đảng muốn triệu tập Đại hội vào hè hoặc mùa thu năm 1960 để thảo luận và thông qua.

Tình hình thế giới tiếp tục phức tạp. Mâu thuẫn giữa LX và TQ đã lên đến đỉnh điểm tại Đại hội đảng cộng sản Rumani tháng 6/60 khi hai đoàn công khai đả kích nhau về chiến lược của phe XHCN trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Sau vụ việc, LX đã quyết định gọi tất cả các chuyên gia ở TQ về nước. Đoàn Việt nam do Lê Duẩn dẫn đầu đã làm lơ, không đứng về bên nào, mặc dù Duẩn ủng hộ quan điểm của TQ là Mỹ đang tìm cách gây chiến. Xã luận báo Nhân dân cũng không nhắc gì đến vụ này chỉ nói rằng sự bất hòa giữa các đảng cộng sản có thể ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân Việt nam. HCM làm mọi việc để không làm mất lòng bên nào. Tháng 5, H bay sang TQ để kỷ niệm sinh nhật lần thứ 70 và nghỉ ngơi vài ngày. Ngay sau đó, trên báo Nhân dân lại xuất hiện bài của H ca ngợi “chính sách đúng đắn” của LX. Tháng 8, H lặng lẽ viếng thăm cả Bắc kinh và Moscow vừa để thông báo chính sách của DRV tại miền Nam vừa tìm cách hàn gắn sự bất hòa giữa hai đồng minh lớn.

Đại hội đảng lần thứ 3 được tổ chức tại Hà nội ngày 5/9/1960 lần đầu tiên từ năm 1951. Có 576 đại biểu đại diện cho hơn nửa triệu đảng viên từ hai miền tham dự. H phát biểu khai mạc với tư cách là chủ tịch Đảng. Tuy có dành một chút thời gian nói về những sai lầm trong quá khứ mà Đảng đang tích cực sửa chữa, bài phát biểu chủ yếu nói về tương lai xây dựng XHCN ở miền Bắc. Về vấn đề thống nhất, H gọi miền Nam là “thành đồng tổ quốc” và khẳng định Đảng tìm kiếm thống nhất bằng con đường hòa bình. Có vẻ như lãnh đạo Đảng chưa thống nhất được chiến lược với miền Nam, nên trong báo cáo chính trị của mình, Lê Duẩn cũng chỉ kêu gọi chung chung, cho rằng đó sẽ là cuộc đấu tranh “gian khổ và lâu dài, bao gồm nhiều hình thức và sử dụng sức mạnh của quần chúng”. Duẩn cũng không nhắc đến khả năng DRV phải can thiệp trực tiếp. Bởi thế kế hoạch 5 năm được thông qua với sự nhất trí cao. Đại hội cũng chính thức bổ nhiệm Duẩn làm bí thư thứ nhất (thay thế chức Tổng bí thư). Bộ chính trị cũng được bổ sung thêm 2 thành viên miền Nam là Phạm Hùng và Nguyễn Chí Thanh. Thanh mới được phong hàm đại tướng ngang với Giáp, nhưng xuất thân từ tổng cục Chính trị. Lê Đức Thọ tuy là người bắc nhưng đã làm phó cho Duẩn ở miền Nam trong thời gian kháng chiến chống Pháp.^{cxliv}

Đại hội III không phát biểu gì về quan hệ Xô - Trung. Cả hai nước đều cử đoàn đại biểu đến dự. Không có cãi vã gì trên diễn đàn, trước công chúng. H đích thân đứng ra làm phiên dịch cho 2 đoàn. Nghị quyết của đại hội vẫn nêu rõ Liên xô là đầu tàu của phe xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên cả hai đoàn đều không mặn mà lắm với việc đẩy cao xung đột ở miền Nam Việt nam.

Đảng vẫn tích cực tìm kiếm cách lật đổ Diệm mà không tạo cơ cho Mỹ nhảy vào can thiệp trực tiếp. Một phương pháp cổ điển là thành lập một mặt trận rộng rãi kiểu Việt

minh, làm ngọn cờ để tập hợp mọi lực lượng có thể, nhưng vẫn chịu sự chi phối của đảng. Mặt trận này phải có một cương lĩnh đủ để hấp dẫn những trí thức đấu tranh cho Việt nam thống nhất nhưng e ngại sự thống trị của miền Bắc, những người không ưa thích gì chủ nghĩa cộng sản nhưng luôn ủng hộ nhân dân lao động. Mặt trận phải làm các thành viên tin tưởng là có thể lật đổ chế độ độc tài thối nát của Diệm mà không sợ phải ngay lập tức dâng các tỉnh miền Nam cho cộng sản. Ngay trong đại hội III, Tôn Đức Thắng đã nhắc đến ý tưởng này. Theo Thắng, mặt trận này theo nguyên tắc 4 giai cấp của Lê nin, bao gồm thêm các phần tử tôn giáo và dân tộc ít người. Nguyên tắc tổ chức là thành phần rộng rãi, chia thành nhiều cấp từ trung ương đến địa phương. Mặt trận sẽ thành lập chính phủ lâm thời bao gồm tất cả các phần tử tiến bộ, đàm phán tiến tới thống nhất hòa bình với miền Bắc. Chủ nghĩa cộng sản tuyệt nhiên không được nhắc đến. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam, gọi tắt là NLF được thành lập ngày 20/12/1960 trong một khu rừng cao su dọc biên giới với Campuchia, sau này sẽ trở thành cơ sở đóng quân của Trung ương cục. Theo Trương Như Tảng, một thành viên tham gia lễ thành lập *“tất cả những người có mặt trong gian nhà đơn sơ đều hiểu rằng mình đang tham dự một sự kiện có ý nghĩa lịch sử”*. Trên đường về Sài gòn, Tảng cảm thấy lâng lâng *“một hy vọng dù nhỏ nhoi”*.

Mấy tuần sau, JFK nhậm chức tổng thống Mỹ. Trong lễ bàn giao, tuyệt nhiên không thấy Eisenhower đã động gì đến sự phản kháng ngày càng tăng ở miền Nam Việt nam.^{cxlv}

Nông dân bất mãn vì tham nhũng và thuế cao. Phật tử phản kháng vì chính quyền đàn áp, chỉ ủng hộ công giáo, các dân tộc ít người, người Hoa... bị phân biệt đối xử. Giới trí thức thành thị không thể chấp nhận một chính quyền độc tài, gia đình trị. Hiến pháp năm 1956 được Mỹ giúp phác thảo đã trở thành một tờ giấy chết. Khoảng giữa tháng 1/1961, ngay sau một cuộc đảo chính quân sự bất thành ở miền Nam, Bộ chính trị đã họp để đánh giá tình hình. BCT nhận định không còn một cơ hội nào cho việc thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình và cần phải đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa có thể đến bất cứ lúc nào. H đồng ý, không quên nhắc các đồng chí của mình phải chuẩn bị hết sức cẩn thận. Đảng quay trở lại với cách tổ chức thời chống Pháp. Trung ương Cục miền Nam được tái thành lập do Nguyễn Văn Linh phụ trách. Dưới Cục có đảng ủy miền tại 5 vùng và các chi bộ đảng tại tỉnh, huyện, xã. Tháng 2/1961, tại hội nghị ở chiến khu D, các đơn vị vũ trang của đồng bằng sông Cửu long và Tây nguyên được sát nhập thành Quân giải phóng miền NVM (PLAF) chịu sự chỉ huy thống nhất. Chính quyền Sài gòn bắt đầu gọi họ là Việt cộng.

Trong lúc các lãnh đạo kháng chiến bận rộn với việc tổ chức lại cơ sở cách mạng, H tiếp tục tập trung vào mặt trận ngoại giao. Với mâu thuẫn Xô - Trung đã trở thành công khai, vấn đề lập trường của khối XHCN với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã trở thành chủ đề bàn luận gay gắt trong các cuộc tụ tập lớn. Tháng 11/1960, H, Duẩn, Thanh tham dự Hội nghị 81 đảng CS và công nhân tại Moscow. Khrutsev chắc cũng hy vọng sử dụng diễn đàn hội nghị để ép TQ theo các chính sách của mình, nhưng không được các đoàn khác đồng tình. Đoàn Việt nam tuy không phát biểu nhưng tham gia tích cực các hoạt động sau hậu trường để soạn thảo nghị quyết của hội nghị, khẳng định quan điểm từ Tuyên bố 1957 về quyền lựa chọn các phương pháp tiến lên CNXH khác nhau ở các nước có điều kiện khác nhau. H đóng vai trò cá nhân quan trọng. Tại một phiên họp, khi trường đoàn TQ Lưu Thiếu Kỳ tức giận bỏ về sứ quán, Kh đã phải nhờ H đứng ra hòa giải mời Lưu trở lại. Những người thân cận đều nói H rất buồn về sự chia rẽ, làm uy tín của khối XHCN trong các nước thứ ba suy giảm nghiêm trọng. Trong khi các thành viên

khác của đoàn Việt nam đều có vẻ ủng hộ quan điểm của TQ, H nghi ngờ sâu sắc về tham vọng của Mao cũng như chính sách “Tọa sơn quan hổ đấu” của ông này. Bởi thế H thường ủng hộ quan điểm của Nga trong những phiên họp đình. Quen với việc “làm theo ý Cụ” nên Duẩn, Thanh không nói gì. Tuy nhiên khi về Hà nội, chắc họ cũng đã thì thầm với các thành viên khác của Bộ chính trị dẫn bất mãn về quan điểm “ba phải” của H tại hội nghị. Đại hội 22 Đảng cộng sản LX mùa thu năm 1961 lại một dịp cãi vã to. Lần này H đi cùng với Duẩn và vẫn quyết tâm giữ thái độ trung lập. Tuy nhiên khi Chu Ân Lai đùng đùng bỏ về Bắc kinh giữa chừng thì đoàn Việt nam bị buộc phải hành động. H và Duẩn cũng rời hội nghị, nhưng thay vì về nước, lại đi tham quan các tỉnh miền Tây Liên xô để chứng tỏ là mình không bất mãn gì.^{cxlvi}

Việc thành lập NLF và PLAF đã tiếp thêm sức mạnh cho phong trào chống Diệm. Đến cuối năm 1961, PLAF đã có đến 15000 người, gấp 5 lần so với năm 1959. Họ cũng đã bắt đầu chủ động tấn công các căn cứ của đối phương, thiết lập các vùng giải phóng ở Tây nguyên để làm bàn đạp xuống đồng bằng. Sự lớn mạnh nhanh chóng có hai lý do: tiếp viện từ phía bắc, đến năm 1961 đã đạt khoảng 5000 người, và ảnh hưởng rộng rãi của NLF trong dân chúng.

Trước khi nhậm chức, Kennedy đã được thông báo về tình hình xấu đi ở Lào do Pathet Lào quyết tâm lật đổ chính phủ liên hiệp, nay lại phải đối mặt với nguy cơ ngày càng tăng ở NVN. Một phái đoàn đặc biệt đã được phái đến nghiên cứu tình hình và khuyến cáo tổng thống nhanh chóng tăng số lượng cố vấn quân sự tại Nam VN, đồng thời tìm kiếm một giải pháp thương lượng ở Lào (vì rất khó lý giải cho sự can thiệp quân sự của Mỹ ở đây)

Mặc dù là người cho rằng chế độ của Diệm chứa đựng những mâu thuẫn nội tại trầm trọng và sẽ tự sụp đổ, H luôn dặn các đồng chí không được đánh giá thấp Diệm, bởi Diệm là một nhà lãnh đạo kiên định và có đội ngũ cộng sự rất trung thành. Hà nội cũng phải cảnh giác với Mỹ. Nước này có vẻ như đã quyết rằng quyền lợi của Mỹ sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nếu thất bại ở Nam Việt nam. Tại hội nghị chiến lược của Bộ chính trị tháng 10/1961, H đã chỉ ra rằng Mỹ mạnh hơn rất nhiều Pháp về mặt quân sự và bất cứ ý tưởng nào lấy vũ lực để chọi vũ lực trong cuộc chiến mới sẽ thất bại. Sức mạnh của các lực lượng cách mạng nằm trong lĩnh vực chính trị, vì thế H đã đề ra sách lược gồm 3 thành tố: chiến tranh du kích, phát động quần chúng, và đặc biệt quan trọng là dành được sự ủng hộ của dư luận thế giới. Nghị quyết gửi cho các lãnh đạo miền Nam nhấn mạnh: “cao trào cách mạng chưa tới và chúng ta chỉ có thể dành thắng lợi bằng từng bước vững chắc” Tháng 7/1962, chính quyền Kennedy ký hiệp định thành lập chính phủ liên hiệp 3 bên tại Lào (cánh hữu, Pathet Lào và các phần tử trung lập). Trong thư gửi các đồng chí của mình ở miền Nam, Duẩn nhắc đến khả năng Mỹ có thể chấp nhận một giải pháp tương tự ở miền Nam VN. H đặc biệt hứng thú với ý tưởng này. DRV tích cực xúc tiến việc tìm kiếm những phần tử trí thức trung gian ở miền Nam VN và Pháp ủng hộ mình để chuẩn bị cho việc thành lập chính phủ 3 bên ở Sài gòn. Kennedy chấp nhận giải pháp thỏa hiệp ở Lào trên cơ sở nhận định là Hà nội sẽ tuân thủ hiệp định Geneva và ngừng việc tiếp tế qua đường mòn HCM mà một phần lớn chạy qua lãnh thổ Lào. Bởi thế, khi những báo cáo tình báo cho thấy Hà nội vẫn tiếp tục tăng cường tiếp tế, Mỹ quyết định từ bỏ phương án thỏa hiệp ở Nam VN. Dù vậy, H vẫn hy vọng vào một giải pháp chính trị với sự tham gia mạnh mẽ của NLF. H hiểu rằng Mỹ đang lúng túng và không phải tìm kiếm chiến thắng mà một đường rút lui trong danh dự.

Các phần tử bị quan trong Đảng không tin vào quan điểm của H là có thể dành thắng lợi mà không phải đổ máu nhiều. Và họ có lý. Có nhiều dấu hiệu cho thấy Washington quyết tâm dành chiến thắng ở Việt nam. Năm 1962, Mỹ giúp Diệm xây dựng chương trình áp chiến lược, vốn được người Anh sử dụng khá hiệu quả trong cuộc chiến chống nổi loạn ở Mã lai. Hàng ngàn áp chiến lược được xây dựng như những cộng đồng dân cư độc lập, có khả năng tự bảo vệ chống VC thâm nhập để tuyển dụng và kiểm thực phẩm. Lúc đầu chương trình này đã gây được một số khó khăn nghiêm trọng cho VC, tuy nhiên do sự yếu kém và quan liêu của chính phủ, cuối cùng hơn một nửa số áp bị VC phá hủy hoặc trà trộn vào.

Vào đầu những năm 60, Hà nội tiếp tục gặp khó khăn hơn trong việc duy trì quan hệ cân bằng với hai ông bạn lớn. Mặc dù không muốn mang tiếng là không ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng rõ ràng là Khrutsov không muốn đối chọi trực tiếp với Mỹ và không hài lòng khi tình hình ĐNA ngày càng căng thẳng. Thái độ này rất vừa ý Bắc kinh, đang muốn thay thế Moscow ở vị trí anh Cả của các dân tộc bị áp bức. Mao cho rằng Mỹ đâm đầu vào thòng lọng khi tăng cường can thiệp quân sự ở Việt nam. Kinh nghiệm trong cuộc chiến Đông dương lần đầu cho thấy, Mỹ sẽ không phản ứng mạnh khi TQ giúp đỡ vũ khí cho Việt nam, vì vậy khi H và Thanh sang thăm Bắc kinh hè năm 1962 và đề nghị giúp đỡ, BK đã không ngần ngại đồng ý tăng cường viện trợ quân sự, hy vọng Hà nội sẽ đoạn tuyệt với Moscow. Tháng 5/1963, Lưu Thiếu Kỳ dẫn đoàn sang thăm Việt nam để đánh giá tình hình. Lưu nhắc lại quan hệ lịch sử giữa hai nước, phê phán công khai thái độ “lưng chừng” của bọn xét lại (ngụ ý Liên xô), và thề sẽ là “hậu phương lớn” của nhân dân Việt nam. Các nhà lãnh đạo Việt nam đã đón tiếp Lưu rất nồng hậu. Có điều là mấy ngày trước đó, họ cũng hết sức vồn vã với một phái đoàn thương mại của Liên xô. Trong tiệc chiêu đãi Lưu, H cũng tránh chỉ trích LX mà chỉ kêu gọi phe XHCN phải đoàn kết hơn nữa.

Mùa xuân năm 1963, chính quyền Diệm tự kết án tử hình mình bằng cách đàn áp Phật giáo. Ngày 11/6, hình ảnh một nhà sư tự thiêu trên đường phố Sài gòn được truyền đi khắp thế giới và gây xúc động sâu sắc. Khi Kennedy chỉ trích Diệm đã đàn áp Phật tử, Ngô Đình Nhu tức giận tuyên bố đã đàm phán với NLF để đuổi tất cả các cố vấn Mỹ ra khỏi Việt nam. Có báo cáo cho rằng cuối hè năm 1963, H đã gửi thư riêng cho Diệm đề nghị đàm phán. Không rõ Diệm trả lời thế nào, nhưng khi trả lời câu hỏi của Mieczyslaw Maneli, đại biểu Balan ở DRV về điều kiện đàm phán của Bắc Việt, Phạm Văn Đồng đã nêu rõ: *Người Mỹ phải rút đi. Không có căn cứ quân sự và quân đội nước ngoài ở Việt nam. Chúng tôi có thể đạt được thỏa thuận với bất cứ người Việt nam nào*”. Theo Maneli, H cũng có mặt trong cuộc gặp, nhưng không bình luận gì. Mặc dù tình thế của Diệm đã xấu đi nhiều, nhưng H vẫn thừa nhận Diệm là một đối thủ đáng nể, và cần phải thỏa thuận để có thể giảm thiểu quyền lực của ông này. H kêu gọi các đồng chí của mình ở miền Nam tìm mọi cách tìm kiếm sự ủng hộ của dân chúng, trong khi đợi Mỹ tỉnh ngộ. Trả lời một phóng viên Nhật bản tháng 7/1963, H nhận định, qua kinh nghiệm bản thân, ông thấy dân Mỹ rất yêu công lý và hòa bình. Bởi thế chỉ có một giải pháp là Mỹ phải rút và người VN sẽ tự giải quyết lấy vấn đề theo các nguyên tắc của hiệp định Geneva.

Quan điểm lạc quan thận trọng của H về một giải pháp chính trị không được sự ủng hộ hoàn toàn trong Đảng. Tại hội nghị Bộ chính trị tháng 12/1962, đảng đã nhận định cuộc chiến tranh ở miền Nam là cuộc chiến tranh chống đế quốc và cần phải tăng cường cả đấu tranh chính trị lẫn đấu tranh vũ trang. Một nghị quyết bí mật được gửi vào Nam, khẳng định cuộc chiến rồi sẽ được giải quyết bằng vũ lực từ nhỏ đến lớn. Tài liệu này không

công khai phủ nhận tầm quan trọng của đấu tranh chính trị, và không chấp nhận quan điểm quân sự được dùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng cho rằng làn sóng cách mạng ở VN đã đạt đến cao trào, và vấn đề chỉ còn là khi nào sẽ áp dụng vũ lực. Cuộc chiến sẽ kết thúc bằng nổi dậy và tổng tiến công của NLF, một kiểu kết hợp giữa Cách mạng tháng 8 và mô hình chiến tranh 3 giai đoạn của Mao. Quan điểm này rõ ràng phản ánh cách nhìn của Duẩn, người luôn tin vào một thắng lợi quân sự rõ ràng. Duẩn cho rằng quan điểm của H dựa vào đấu tranh ngoại giao là ngây thơ, ông này nói “Bác Hồ lưỡng lự, còn tôi đã chuẩn bị tất cả khi rời miền Nam ra đây. Tôi chỉ có một mục đích: thắng lợi cuối cùng”,^{cxlvii}

Đầu tháng 11/1953, cuộc đảo chính quân sự được Mỹ bật đèn xanh đã lật đổ Diệm. Cả Diệm và Nhu, mặc dù đã đầu hàng, đều bị thủ tiêu. Mất Diệm, NLF mất khả năng lợi dụng cảm tính chống Diệm để mở rộng lực lượng. Tại các thành phố, phe đảo chính do Dương Văn Minh tức Minh Lớn cầm đầu được sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng đang bất mãn. Mặt khác, Đảng cũng đoán trước được rằng giới lãnh đạo mới không thể nào có được sự kiên định và ý chí của Diệm. Đã quá kinh nghiệm về tính bè phái của các phần tử dân tộc, trong cuộc họp Bộ chính trị ngày 10/12, H tiên đoán (và hóa ra là đúng như vậy) đây sẽ là không phải là cuộc đảo chính cuối cùng.

Vài tuần sau, bản thân Kennedy cũng bị ám sát tại Dallas, Lindon Jonson lên thay. Tình hình thay đổi nhanh chóng, buộc Đảng phải xem xét lại sách lược của mình. Liệu có đẩy mạnh đấu tranh để lợi dụng tình trạng hỗn loạn ở Sài Gòn? Liệu tổng thống Mỹ mới lên có hiếu chiến hơn? Hay hòa hoãn để tìm một giải pháp chính trị? Theo các bằng chứng rải rác còn sót lại, Hội nghị TƯ lần thứ 9 tháng 12/1963 là cuộc hội nghị nóng bỏng nhất trong lịch sử Đảng. Lần đầu tiên, TƯ không chỉ là cơ chế đóng dấu cho các quyết định đã được Bộ chính trị dàn xếp. Một số thành viên lớn tiến đề nghị nhanh chóng đưa ngay quân đội miền Bắc tham chiến để giải quyết vấn đề trước khi Mỹ có thể can thiệp. Số khác e ngại làm vậy sẽ dẫn đến Mỹ can thiệp trực tiếp, làm mất lòng Liên xô đang tìm cách tránh căng thẳng với Mỹ, đẩy Việt nam vào thế phải dựa hẳn vào ông bạn TQ không mấy tin cậy. Nghị quyết cuối cùng thỏa hiệp, chính thức thừa nhận đấu tranh vũ trang là hình thức đấu tranh chủ yếu, kêu gọi các lực lượng miền Nam tìm cách giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất, nhưng không đưa quân miền Bắc vào trực tiếp tham chiến. Các nhà chiến lược của Đảng đặt cược vào việc có thể đánh đổ Sài Gòn mà không tạo cơ cho Mỹ nhảy vào.

Mặc dù luôn luôn tìm cách cân bằng trong quan hệ Xô - Trung, trong thời gian cuối, có nhiều lãnh đạo không giữ được bình tĩnh. Thanh đã từng phát biểu: “Chúng tôi không ảo tưởng và không đánh giá thấp Mỹ, có điều chúng tôi không sợ. Nếu ai đó cứ cho rằng kiên quyết chống Mỹ là sẽ thất bại và dẫn đến chiến tranh hạt nhân, thì chỉ còn có cách đầu hàng chủ nghĩa đế quốc”, rõ ràng là nhằm vào Kremlin. Quan điểm của Thanh được Duẩn và các đồng sự như Hoàn, Thọ ủng hộ. Phạm Văn Đồng là một nhà tổ chức và thường không có ý kiến trong những vụ này. Chính cũng không muốn thách thức giới lãnh đạo mới. Giáp không nhất trí với chiến lược chiến tranh du kích tích cực của Duẩn, nhưng cũng không đồng ý với Thanh về việc tiến hành chiến tranh “thông thường” vào thời điểm hiện tại khi quân đội nhân dân Việt nam chưa được huấn luyện và trang bị đầy đủ. Theo Giáp, căng thẳng với Liên xô vào thời điểm này là tự sát vì chỉ có Moscow mới có thể cung cấp những kỹ thuật mà quân đội đang cần. Tuy nhiên, kỳ lạ là Giáp đã ngồi im, không phát biểu. Vai trò của H trong vụ này không rõ ràng. Duẩn cho rằng gần đây H không còn sự sắc sảo trong suy nghĩ và đánh giá tình hình, thậm chí có tin đồn là Duẩn

đã đề nghị H nghỉ hưu, chuyển sang lãnh đạo Viện Max-Lenin, Thanh sẽ giữ chức chủ tịch nước còn Duẩn lãnh đạo Đảng^{cxlviii}. Nhưng tất nhiên H không thể không quan tâm đến chiến lược mới. H thường xuyên nêu rõ đây là một cuộc chiến mưu mẹo, chứ không phải là đối đầu trực tiếp nhất là với Mỹ. H cũng luôn luôn tìm cách cân bằng quan hệ giữa LX và TQ. Khi Lê Liêm, một tướng có công lớn trong trận Điện Biên phủ, báo với H là dự thảo nghị quyết hội nghị có thể có những điểm đả kích LX trực tiếp, H nói làm thế khác gì tát vào mặt người ta, và khuyên Liêm chống lại. Tuy nhiên khi Liêm đứng lên phát biểu thì H lại ngồi im. Những lúc tinh thần bài Xô trở nên quá nóng, H bỏ ra ngoài hút thuốc. Cuối cùng những điểm đả kích Liên xô trực tiếp cũng được Duẩn gạt ra vì không muốn đốt cầu với LX. 10 thành viên đã bỏ phiếu chống lại bản nghị quyết cuối cùng.^{cxlix}

Không muốn làm mất lòng LX, sau hội nghị, Duẩn, Thọ và Tố Hữu đã sang Moscow để trình bày quan điểm. Tố Hữu – nhà thơ, đã xuất hiện trên chính trường nhờ những phát biểu chống LX âm ỉ trong hội nghị 9. Trên đường đi cả đoàn đã dừng lại ở Bắc kinh để thảo luận. Kết quả làm việc ở Moscow không nhiều, thông cáo chung rất chung chung, chứa đựng sự không thống nhất về quan điểm ở miền Nam VN. Sau khi đoàn trở về, báo chí chính thống lại tiếp tục đả kích tràn lan “chủ nghĩa xét lại”. Tư tưởng bài Liên xô lan rộng. Bộ chính trị bật đèn xanh thành lập một tòa án để xét xử và đưa ra khỏi đảng những thành phần xét lại, bao gồm cả những cán bộ cao cấp như Viện trưởng Viện Max Lenin Hoàng Minh Chính, cánh tay phải của Giáp là Lê Liêm. Thậm chí Giáp cũng bị tấn công, bị buộc tội là có thư từ bí mật trực tiếp với Khorutxov. Cuối cùng H phải can thiệp và xác nhận là chính mình đã cho phép Giáp làm việc đấy.^{cl}

H chắc chắn là đã rất nhức đầu với những sự kiện xung quanh hội nghị 9. Việc phé bỏ Diệm cho thấy Mỹ có thể đã từ bỏ đường lối không can thiệp trực tiếp vào Việt nam. Mặc dù phê duyệt chiến lược leo thang vũ trang ở miền Nam, H không thể không lo lắng vì thái độ hấp tấp của một số cái đầu nóng trong Đảng, đặc biệt là việc đánh LX và những đồng minh của LX ở Hà nội. Sau một thời gian im tiếng, H đã xuất hiện trong ghế chủ tịch Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3/1964, được tổ chức để bàn về những bất đồng trong lãnh đạo Đảng. H phát biểu, nhấn mạnh Việt nam tiếp tục tìm kiếm việc thống nhất bằng con đường hòa bình trên cơ sở những điều khoản của hiệp định Geneva, nhưng cũng khẳng định, nhân dân miền Bắc sẽ quyết tâm ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam. H kêu gọi nhân dân Mỹ hãy hành động để buộc chính phủ Mỹ chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa và bẩn thỉu, đang làm ô danh nước Mỹ. Cuối cùng, H kêu gọi sự thống nhất mục đích trong DRV và trong khối xã hội chủ nghĩa.

Trong mấy tháng sau, các lực lượng cách mạng ráo riết hoạt động ở miền Nam. Lợi dụng sự yếu kém về chính trị và bè phái lục đục của chính quyền Sài gòn, NLF và PLAF liên tục tấn công khuếch trương thanh thế ở vùng nông thôn. Mục đích của đảng là đánh đổ chính quyền Sài gòn, thành lập chính phủ 3 bên gồm một số quan chức Sài gòn cũ, NLF và thành phần thứ trung gian gồm các trí thức trong và ngoài nước. Các phần tử này đã được đảng làm việc trước, vì thế đảng tin tưởng là chính phủ mới sẽ là điểm khởi đầu để tiến tới thống nhất với miền Bắc theo đường lối của đảng. Nhưng Mỹ không nghĩ vậy. Hà nội không hề hay biết là chính quyền Johnson đã quyết chí ở lại miền Nam Việt nam và đang ráo riết kiếm cơ để thể hiện cho Hà nội biết ý chí của mình. Đầu tháng 8/1964, các xuống máy của hải quân Việt nam tấn công một chiến hạm Mỹ. Vài ngày sau, khi “hình như” lại xảy ra một vũ tấn công mới, Johnson liền lập tức hạ lệnh ném bom miền Bắc để trả đũa. Mặc dù McNamara tuyên bố các tàu chiến Mỹ chỉ đang thực hiện việc tuần tra

thường xuyên của mình, nhưng chứng cứ sau đó, cho thấy chúng đang tiến hành một chiến dịch trinh sát, nhằm thăm dò khả năng theo dõi của rada Bắc Việt. Cùng thời điểm, một chiến dịch đổ bộ biệt kích được tiến hành. Các chỉ huy địa phương Bắc Việt rõ ràng là đã có lý khi quyết định tấn công cảnh cáo.

Sự kiện vịnh Bắc bộ thuyết phục các nhà lãnh đạo Đảng rằng Washington quyết tâm leo thang chiến tranh. Vài ngày sau, Bộ chính trị quyết định gửi những đơn vị chủ lực chiến đấu đầu tiên vào Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh. Đến cuối năm, sư đoàn quân chủ lực đầu tiên đã vào đến chiến trường miền Nam, chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công cuối cùng mùa xuân năm 1965. Lãnh đạo đảng vẫn hy vọng có thể lật đổ chính quyền Sài Gòn trước khi Mỹ có thể can thiệp. Sau cuộc họp Bộ chính trị, Lê Duẩn đã bay sang Bắc kinh để tham khảo ý kiến về quyết định của mình. Mao cũng cho rằng tình hình miền Nam chưa thuận lợi cho một giải pháp chính trị và có thể phải tiến hành một cuộc chiến tranh du kích kéo dài. Chính quyền TQ cũng kích động những cuộc biểu tình chống Mỹ rộng rãi. Quân đội TQ ở miền Nam được đặt trong tình trạng báo động. Mao và các quan chức khác công khai phát biểu sẽ giúp đỡ Việt nam, cho dù cuộc chiến có thể kéo dài 100 năm, “*Rừng xanh còn đây, lo gì thiếu củi*”.^{cli} Tuy nhiên Việt nam cũng đã khéo léo từ chối đề nghị của phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình sẽ giúp đỡ mạnh mẽ hơn nữa nếu VN chấm dứt quan hệ với Liên xô.

Ngược lại với TQ, sự kiện vịnh Bắc bộ làm xấu đi mối quan hệ giữa VN và Liên xô. Khi Duẩn đến thăm Moscow vào giữa tháng 8, sau khi thăm Bắc kinh, LX đã chỉ lập lờ lên tiếng lên án Mỹ, đồng thời kêu gọi đàm phán hòa bình và trì hoãn việc công nhận NFL là đại diện chính thức của miền Nam Việt nam. May mắn, tình hình lại thay đổi. Mùa thu năm đó, phái Breznhev đã lật đổ Khrutxov, đưa B lên làm Tổng bí thư. Ngày 16/10, Hà nội gửi điện chúc mừng B, ngay ngày sau đó lại khéo léo gửi điện chúc mừng TQ thử thành công vũ khí hạt nhân. H và các đồng chí hy vọng Ban lãnh đạo mới của LX có thể trợ giúp về mặt quân sự và giúp Việt nam duy trì được mối quan hệ cân bằng giữa hai cường quốc. Tháng 11, Phạm Văn Đồng sang thăm Moscow để đánh giá tình hình.

Chuyến thăm được đánh giá tốt. LX hứa sẽ tăng viện trợ và hỗ trợ nếu Mỹ mở rộng chiến tranh ra phía Bắc, cho phép NLF được mở văn phòng đại diện tại Moscow.

Việt nam đã có được sự ủng hộ của cả hai đồng minh quan trọng nhất của mình cho cuộc chiến mới.

Mùa thu năm 1964, tình hình Sài Gòn rất không ổn định. Các phe phái đua nhau đấu đá dành quyền lực mặc cho Mỹ hết sức tức giận. Thiếu sự chỉ đạo từ phía trên, quân đội Sài Gòn ở địa phương chẳng buồn tác chiến, một số thậm chí còn lén lút thỏa thuận với lực lượng VC hoạt động trong vùng. Báo cáo của CIA khẳng định nếu không có những hành động kiên quyết từ phía Mỹ, Sài Gòn sẽ sụp đổ trong vòng từ 3 đến 6 tháng. Hà nội cũng có vẻ đồng quan điểm, kêu gọi các đồng chí miền Nam tập trung nỗ lực để dành thắng lợi cuối cùng. Để cảnh báo Mỹ về những thiệt hại nếu liều lĩnh tham chiến, VC đã tấn công căn cứ không quân Biên Hòa, giết 4 lính Mỹ, làm bị thương hơn 30. Trong dịp Noel, khách sạn Caravel bị đánh bom. Bom cũng nổ tại Brink's BBQ bên kia phố, giết chết 2 lính Mỹ.^{clii} COSVN không lạc quan lắm vì cho rằng PALF chưa đủ sức đánh lớn. Tháng 12, VC đánh trận Bình Giã, chứng tỏ khả năng PALF có thể tiêu diệt một lực lượng lớn quân chủ lực của Sài Gòn. Ngay cả cảnh thận như H cũng phải thốt lên: “Bình Giã là trận Điện Biên phủ thu nhỏ”. Trong thư gửi Thanh tháng 2, Duẩn thúc giục tấn công trước khi Mỹ quyết định có gửi quân bộ hay không. Khi đó VC sẽ có thể mạnh để đàm phán về

việc Mỹ rút quân. Mặc dù không bảo đảm thắng lợi, Duẩn dẫn lời Lenin: “Hãy hành động sẽ biết”.

Hà nội đã hành động hơi muộn. Ngày 7/2, VC tấn công trại lính đặc nhiệm tại Pleiku, giết 8 lính Mỹ và làm bị thương gần 100. Sáu ngày sau, Johnson hạ lệnh cho máy bay ném bom trả đũa trên khắp miền Bắc, kể cả một số thành phố. Tháng 3, hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Ngay sau đó, 2 tiểu đoàn nữa được tiếp viện. Tướng Oetmolen, tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt nam kêu gọi nhanh chóng tăng quân để ngăn chặn VC chiếm đóng miền Nam.

Đầu tháng 2, Kosugin thăm Hà nội, hứa sẽ tăng cường viện trợ quân sự, bao gồm cả tên lửa đất đối không và pháo cao xạ. Việt nam hứa sẽ kiềm chế chiến tranh trong phạm vi miền Nam và tìm kiếm các giải pháp hòa bình. TQ có vẻ không hài lòng và từ chối ra tuyên bố chung cùng với LX ủng hộ Việt nam, khiến Hà nội rất tức giận. Tháng 3, Chu Ân Lai sang Việt nam giải thích, sớ dĩ TQ từ chối vì chính sách của Liên xô chẳng qua là “xét lại” được nguy trang. Chu cũng khuyên VN không nên nhận viện trợ quân sự của LX, nói bóng gió rằng điều đó có thể ảnh hưởng đến quan hệ Trung – Việt.^{cliii}

Ngày 26/3, Hội nghị trung ương lần thứ 11 được nhóm họp. Đến lúc này, quy mô can thiệp của Mỹ đã rõ, tuy nhiên Hà nội vẫn chưa nắm được mục tiêu cuối cùng của Mỹ. Một số cho rằng Mỹ muốn điều võ giương oai để có thể đàm phán trên thế mạnh. Theo H, tình hình nguy hiểm hơn nhiều vì cho rằng có thể Mỹ đã quyết định chấp nhận cứng rắn ở miền Nam VN. Hội nghị ra nghị quyết hăm dọa khả năng đàm phán của Mỹ. Ngày 22/3, NLF thông báo trên đài phát thanh Giải phóng về đề nghị 5 điểm, mấy ngày sau đài Hà nội đưa lại, có thay đổi đôi chút không đòi hỏi Mỹ phải rút hết mới đàm phán mà chỉ cần Mỹ hứa. Ngày 8/4, Phạm Văn Đồng đưa ra tuyên bố 4 điểm: rút hết quân đội nước ngoài, tuân thủ các điều khoản của hiệp định Geneva, giải quyết vấn đề miền Nam theo cương lĩnh của NLF, tiến tới thống nhất đất nước một cách hòa bình. Washington tỏ ra cứng rắn. Trong lúc Đồng con đang chuẩn bị bản tuyên bố của mình, Johnson đã ra lệnh đưa thêm 2 sư đoàn vào Việt nam. Ngày 7/4, tại trường Đại học John Hopkins, LBJ tuyên bố chỉ đàm phán mà không có bất cứ một nhượng bộ nào. Thái độ của Mỹ càng làm cho phe chủ chiến trong Đảng tin rằng vấn đề sẽ được giải quyết trên chiến trường chứ không ở trên bàn đàm phán như H hy vọng. Trong thư gửi cho Thanh, Duẩn nêu rõ: “chỉ khi nào nổi dậy thành công mới có thể đặt lại vấn đề một chính phủ trung lập”

Vai trò của TQ trở nên đặc biệt quan trọng khi cuộc chiến bắt đầu leo thang đầu năm 1965. Không những cung cấp viện trợ quân sự và kinh tế với tư cách là “hậu phương lớn”, TQ nhiều lần tuyên bố sẽ trực tiếp tham chiến nếu Mỹ xâm lược miền Bắc, mang lửa chiến tranh trực tiếp đến TQ. Mao lúc này đang bận rộn chuẩn bị cho cuộc thanh trừng nội bộ lớn, lợi dụng Việt nam như cái cớ để kích động tinh thần cách mạng trong nước, đồng thời dúi Mỹ sa lầy vào một cuộc chiến “unwinable”. Khi tiếp H tại Bắc kinh tháng 5/1965, Mao hứa “sẽ giúp tất cả những gì có thể”, gửi các đội xây dựng thiết lập mạng lưới giao thông từ biên giới TQ, thậm chí cả đường mòn HCM và hệ thống đường từ Bắc Lào (để “chuẩn bị cho những trận đánh lớn sau này”, như Mao nói). H đã hết lòng cảm ơn “tình anh em đồng chí của TQ”, hứa VN sẽ tự lực chiến đấu. Cùng lúc đó, Bắc kinh cũng không tìm cách đối đầu trực tiếp với Mỹ. Trong cuộc phỏng vấn của nhà báo Mỹ Edga Snow hồi tháng Giêng, Mao đã tuyên bố không tham gia chiến tranh nếu không bị tấn công trực tiếp, qua đó gián tiếp không phản đối việc Mỹ tăng cường sự hiện diện quân sự chỉ ở miền Nam. Tháng 4, Chu Ân Lai cũng gửi điện riêng cho tổng thống Pakistan Abu Khan, thông báo rằng TQ sẽ không tìm cách gây chiến với Mỹ mà chỉ hoàn

thành nghĩa vụ quốc tế với DRV. Tháng sau, tướng Dũng ký hiệp ước quân sự tại Bắc kinh, theo đó, nếu tình hình không đổi, VN sẽ phải tự chiến đấu. Nếu Mỹ yểm trợ không quân và hải quân cho quân đội Sài gòn tấn công miền Bắc, TQ cũng sẽ yểm trợ không quân và hải quân. Nếu Mỹ tiến công trực tiếp miền Bắc, TQ sẽ đưa bộ binh tham chiến tùy theo yêu cầu của chiến trường. Tháng 7, Lâm Bru từ chối cung cấp phi công chiến đấu cho Việt nam, làm Duẩn rất giận, liền đi thăm Moscow và gọi Liên xô là “tổ quốc thứ hai”

Cuối năm 1965, quân Mỹ đóng tại Việt nam đã lên tới 200.000, chính thức leo thang từ “chiến tranh đặc biệt” sang “chiến tranh cục bộ” với sự tham gia toàn diện của các đơn vị chiến đấu Mỹ. Trung ương Đảng cũng quyết định ồ ạt đưa quân chủ lực vào Nam để cân bằng lực lượng. Được sự ủng hộ của Duẩn, Thanh đã chỉ đạo quân đội giao chiến trực tiếp với Mỹ tại một số địa điểm chọn trước, nhằm chứng minh khả năng đối đầu trên chiến trường của PAVN, mặc dù không được Giáp đồng tình. Duẩn còn gọi Giáp là “con thỏ hèn nhất”. H không tham gia trực tiếp vào việc lập chiến lược chiến tranh do sức khỏe càng ngày càng suy giảm. Tuy nhiên, những khi có thể, H vẫn tham gia ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp Bộ chính trị. Mặc dù trước đây luôn tìm những biện pháp đấu tranh để tránh Mỹ có cơ can thiệp trực tiếp, bây giờ H hoàn toàn ủng hộ việc tăng cường chiến tranh tại miền Nam, để chứng minh cho Mỹ sự quyết tâm của Việt nam. “*Chúng ta sẽ chiến đấu bằng bất cứ cách nào kẻ thù muốn, và chúng ta sẽ thắng*”. H cũng đồng ý rằng thời điểm hiện tại không chín mùi cho đàm phán vì Mỹ đang quyết tâm gây chiến để đàm phán trên thế mạnh. Nhận thức được phong trào phản chiến thế giới và tại Mỹ đang lớn mạnh, H nhắc các đồng chí phải trình bày quan điểm đàm phán của mình rõ ràng để thế giới thấy được bản chất giả dối trong những đề nghị của Mỹ. H cũng nhấn mạnh, những cuộc tấn công trực tiếp vào quân Mỹ và tay sai sẽ tạo điều kiện cho phe bò câu tăng thêm sức mạnh trong cuộc hội và công chúng Mỹ.

Chiến tranh tiếp tục khốc liệt, làm VN phải dựa thêm vào vũ khí của LX, khiến TQ rất thấy khó chịu, thường xuyên cảnh cáo các nhà lãnh đạo Việt nam về bọn phản bội LX. Những lời khuyên của TQ về cách thức tiến hành chiến tranh, dựa trên quan điểm của Chu là TQ có nhiều kinh nghiệm “dealing” với Mỹ hơn, gọi lại những kỷ niệm cay đắng của VN trong hội nghị Geneva. Hồng vệ binh TQ “tình nguyện” sang giúp đỡ VN hồi đầu cách mạng văn hóa gây khó chịu cho dân chúng địa phương, chẳng khác gì những cố vấn TQ hô hào khẩu hiệu của Mao thời cải cách ruộng đất tại VN. Đến mùa xuân năm 1966, quan hệ trở nên khá căng thẳng. Trong một bài phát biểu hồi tháng 5, đáp lại bài báo của Lâm Bru về việc VN phải có thói quen “tự lực”, Duẩn đã tuyên bố VN nghiên cứu kỹ kinh nghiệm của các nước anh em nhưng không áp dụng một cách mù quáng. Duẩn còn đi xa hơn nữa khi nhắc lại lịch sử: “*Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử dân tộc ta, mỗi khi đứng lên chống giặc ngoại xâm, chúng ta đều quyết chiến đấu*”. Báo chí Việt nam cũng bóng gió nói về sự đe dọa từ phía Bắc từ thời phong kiến. Bắc kinh cũng nhanh chóng nhận ra vấn đề này. Giữa tháng 4, khi tiếp Đồng, Mao đã xin lỗi về thái độ của bọn hồng vệ binh, “*Nếu chúng nó phá, các đồng chí cứ bắt giao lại cho chúng tôi*”. Ngay sau đó, về bài phát biểu của Duẩn, Chu tuyên bố TQ không có ý định áp đặt ý chí cho Việt nam và nếu các đồng chí Việt nam thấy khó chịu, TQ sẽ rút các đơn vị xây dựng tại miền Bắc (khoảng 100,000 người) và rút quân đội ra khỏi vùng biên giới. Duẩn cũng nhượng bộ, cảm ơn TQ đã giúp đỡ to lớn. Tuy nhiên Duẩn vẫn bảo vệ quyền được quan hệ với LX vì những mục đích thực tế, cho rằng ngay cả TQ hồi xưa cũng đã sử dụng sự giúp đỡ của LX. Về quan điểm LX phản bội, Duẩn đề nghị thái độ hòa giải với “các

nước xét lại” để thuyết phục họ quay về những nguyên tắc cách mạng cơ bản. H cũng can thiệp trực tiếp. Trong cuộc gặp giữa H với các nhà lãnh đạo TQ, khi Chu nhắc lại quan điểm đề nghị rút quân ra khỏi biên giới, Đặng đã ngắt lời, cho rằng cần phải giữ quân để đề phòng Mỹ tấn công. H ngay lập tức khẳng định là VN hoàn toàn ủng hộ và cảm thấy thoải mái với sự có mặt của quân đội TQ ở biên giới phía Bắc.

Tình hình có dịu đi, nhưng những hạt giống nghi ngờ đã được uơm cho tương lai.

Trong năm 1966, quyết tâm tránh thất bại bề mặt ở miền Nam, Mỹ tiếp tục tăng cường sức mạnh quân sự. Quân đội Mỹ trực tiếp tiến hành các chiến dịch “tìm và diệt” để đẩy các lực lượng cách mạng lên vùng cao nguyên và biên giới xa dân chúng và nguồn tiếp tế. Quân đội Sài gòn chủ yếu làm nhiệm vụ bình định và hoạt động trong đô thị và các tỉnh duyên hải. Tướng Thanh tiếp tục chiến lược đối đầu trực tiếp, nhằm gây sức ép buộc Mỹ đàm phán và giữ tinh thần cho các lực lượng cách mạng. Chiến lược này cực kỳ hao người. Mặc dù con số 300,000 thương vong của PAVN và PALF do Mỹ đưa ra rõ ràng là bốc phét, quân đội Việt nam chắc chắn phải chịu những tổn thất rất lớn, và phải buộc liên tục bổ sung từ ngoài Bắc, hàng năm lên tới hơn 50,000 quân. Chiến lược của Thanh chưa mang lại lợi ích rõ ràng gì. Chính quyền Sài gòn vẫn lung lay nhưng chẳng có vẻ gì là sắp đổ, nhất là khi “bọn trẻ” Thiệu – Kỳ lên nắm quyền. Dưới sức ép của Mỹ, một dự thảo hiến pháp được thông qua. Sài gòn chuẩn bị bầu cử tổng thống. Tại Mỹ, phong trào phản chiến lan rộng nhưng chưa đủ để Nhà Trắng chú ý. Trong Đảng, bắt đầu có sự bàn tán xì xào về chiến lược “vá trời” của Thanh. Như thường lệ, H đứng về phe ôn hòa, ủng hộ chiến tranh kéo dài, nhiều giai đoạn, kết hợp giữa đấu tranh chính trị, tuyên truyền và chiến tranh du kích. Để thuyết phục những người nóng vội muốn đạt thắng lợi nhanh, H sử dụng hình ảnh nấu cơm. Rút lửa sớm, cơm sẽ sống. Để lửa to quá cơm sẽ cháy. H tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng, dự đoán **những mâu thuẫn nội bộ trong nước Mỹ dâng cao và sẽ đạt được đỉnh vào cuộc bầu cử tổng thống tới**. Tháng 12/1966, H viết thư ngỏ gửi nhân dân Mỹ, nêu rõ những mất mát của nhân dân Việt nam, cũng như uy tín của nước Mỹ, do cuộc chiến gây ra. H viết bức thư này khi đại sứ quán Italia ở Sài gòn đang môi giới một số sáng kiến hòa bình. Tuy nhiên ngay sau đó, không quân Mỹ oanh kích một số vùng ngay sát thủ đô và Hà nội đã hủy bỏ cuộc gặp dự kiến được tiến hành ở Vacsava^{cliv}. H cũng đã tỏ rõ thái độ rất cương quyết khi gặp lại ông bạn cũ là Jean Sainteny, tháng 7/1966 để thăm dò khả năng trung gian hòa giải của Pháp. Cũng như tổng thống Pháp Charle de Gaulle, S cho rằng Mỹ không thể đạt được mục đích của mình ở Đông Dương, tốt nhất là một giải pháp thỏa hiệp tạo nên một chính phủ trung lập ở Sài gòn. Trong cuộc thảo luận, H nói biết rất rõ khả năng của Mỹ có thể tiêu diệt tất cả các thành phố Bắc Việt, nhưng nhân dân Việt nam sẽ sẵn sàng chiến đấu đến cùng và sẽ chiến thắng. Việt nam mong muốn tìm một giải pháp rút lui trong danh dự cho Mỹ, nhưng kết quả là quân Mỹ vẫn phải rút hết. Lúc đó mọi vấn đề sẽ được giải quyết.

Tháng 5/1965, H sinh nhật lần thứ 75. Trong suốt thập kỷ cuối cùng, H vẫn điều hành Hội đồng chính phủ, Bộ chính trị và Ủy ban TU, nhưng càng ngày càng ủy quyền cho các đồng chí của mình. Mặc dù vẫn lắng nghe những kinh nghiệm của H trong quan hệ quốc tế và các vấn đề chiến lược chiến tranh, từ giữa những năm 1960, vai trò chính của H là trở thành hình ảnh “Bác Hồ” yêu quý, thăm dân chúng, trường học, nhà máy để cổ vũ cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng CNXH.

Đó là những năm tháng cực kỳ gian khổ. Cuộc chiến leo thang ở miền Nam đòi hỏi sự tăng viện không ngừng. Từ năm 1965 đến cuối thập kỷ, quân số PAVN tại miền Nam đã tăng từ 240,000 người lên hơn 400,000 người. Hầu như tất cả nam giới từ 16 đến 45 bị

động viên nhập ngũ. Phụ nữ thay thế họ trong các nhà máy, đồng ruộng. Phụ nữ còn tham gia các đội thanh niên xung phong, tự vệ địa phương, lực lượng phá bom và phòng không tầm thấp. Sản lượng lương thực giảm sút trầm trọng và chỉ có viện trợ của TQ mới ngăn được nạn đói lan rộng. Các cuộc không kích của không quân Mỹ phá hủy nhiều thành phố trong đó có Vinh. Nhân dân thành phố được sơ tán về các vùng nông thôn. Dân chúng cũng đã đào hơn 300,000 km giao thông hào và 20 triệu hầm trú ẩn. Nhưng có vẻ vẫn chưa đủ. Dù không có con số dân thường thương vong chính thức của miền Bắc, ước tính có đến hàng triệu người Việt nam chết ở cả hai miền đất nước. Nhân dân đã phải trả giá đắt cho quyết tâm thực hiện giấc mơ thống nhất đất nước của Bác H.

H cũng chia sẻ cùng những khó khăn chung của nhân dân và sống rất giản dị trong căn nhà sàn, đây những kỷ niệm lãng mạn của những ngày đầu kháng chiến. Thời gian bắt đầu in dấu ấn của mình. Các phóng viên nước ngoài đều nhận thấy H có những lúc khó thở, chuyển động chậm chạp, và thỉnh thoảng mắt tập trung. H bắt đầu viết di chúc lần đầu tiên vào dịp sinh nhật lần thứ 75. Cũng trong tháng 5/65, H cùng với thư ký riêng Vũ Kỳ đi TQ 3 tuần, vừa để tránh bom, vừa để tư vấn chiến lược với TQ, đồng thời tranh thủ nghỉ ngơi. Sau khi gặp Mao ở Trường Sa, H tiếp tục đến Bắc kinh để thảo luận với các lãnh đạo TQ khác. Khi có người quan ngại về sức khỏe và hỏi H có ngủ ngon không, ông đã trả lời: "*Hỏi chú Kỳ thì biết*". Mặc cho H phản đối, TQ vẫn tổ chức sinh nhật H rầm rộ với vô số khách mời là các cô gái trẻ (Vũ Kỳ cho biết là H rất "tôn trọng" họ). Kết thúc đàm phán, H đi Sơn đông thăm quê hương của Khổng tử. Trước miếu thờ Đại Sư phụ, H nhắc lại sự cam kết sâu sắc của Khổng giáo với những giá trị nhân đạo. H giải thích nguyên tắc Đại Đồng (Great Unity), chính là nền móng của quan điểm xã hội công bằng hiện tại. Hòa bình vĩnh viễn chỉ có được khi thế giới trở nên đại đồng. Trên máy bay về nước, H đã làm thơ ghi lại những cảm xúc của mình khi được thăm quê hương của người con vĩ đại của Trung hoa.^{clv}

Sau khi đi về, sức khỏe của H tiếp tục giảm sút, mặc dù có lúc có những phút lóe sáng bất thường. Trong một chuyến viếng thăm của Tào Trư đến Hà nội, H đột ngột nhờ Tào kiếm cho một cô gái trẻ Quảng đông để đỡ đỡ trong cuộc sống. Khi Tào hỏi lại, sao H không kiếm một cô gái Việt nam, H nói: "*ở Việt nam, ai cũng gọi tôi là Bác*". Về đến TQ, Tào báo cáo lại với Chu Ân Lai, vì sự việc tế nhị, Chu tư vấn với ban lãnh đạo VN và vụ việc bị cho chìm xuống.^{clvi}

Tháng 5/1966, H lại sang TQ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 76. Sau khi được các lãnh đạo TQ cam kết sẽ ủng hộ VN đến thắng lợi cuối cùng, bất kể nguy cơ Mỹ có thể tấn công TQ trực tiếp, H đi nghỉ mấy ngày tại trung nguyên, sau đó đi Sơn đông, Mãn châu và về nước và tháng 6. Ngày 17 tháng 7, H gửi lời kêu gọi đến toàn thể nhân dân Việt nam, cảm ơn những hy sinh cao cả của họ và tuyên bố "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*". Tại Bắc kinh, hàng trăm ngàn dân TQ biểu tình trên quảng trường Thiên an môn ủng hộ sự nghiệp thống nhất đất nước của Việt nam.

Mặc dù sức khỏe yếu đi, H vẫn tuân thủ chặt chẽ việc tập thể dục buổi sáng và một nếp sống lành mạnh: làm vườn, cho cá ăn và tiếp khách. H tiếp tất cả từ phóng viên phương Tây, các chính khách nước ngoài, đại biểu miền Nam cho đến nhân dân khắp nơi, dưới một rặng cây ngay gần nhà. Bộ chính trị họp ngay dưới nhà sàn, trừ những khi Mỹ ném bom quá gần. Tuy nhiên không phải lúc nào H cũng tham dự họp. Khi có những vấn đề rắc rối, Duẩn dặn các đồng chí: "*Đừng làm Bác phải suy nghĩ nhiều*". Vào dịp sinh nhật lần thứ 77, khi H đang đi Quảng đông, Bộ chính trị đã họp về sức khỏe của H và cử Nguyễn Lương Bằng trực tiếp theo dõi sức khỏe của Cụ. Lê Thanh Nghị được phân công

dẫn đầu một đoàn sang LX để tư vấn và tìm hiểu cách thức giữ gìn thân thể của H sau khi chết.

Đầu năm 1967, H tiếp hai nhà hoạt động hòa bình Mỹ là Harry Ashmore và William Baggs, gợi ý có thể đàm phán hòa bình nếu Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc. Sau khi vụ việc được báo cáo lại cho bộ ngoại giao Mỹ, Johnson gửi thư cho H, đề nghị chấm dứt ném bom nếu miền Bắc chấm dứt tiếp tế vào Nam. Dĩ nhiên là Hà nội, dự kiến lợi dụng chấm dứt ném bom để tăng viện, không thể chấp nhận đề nghị đó. Tháng 7, khi ông bạn cũ là Raymond Aubrac đến Hà nội để thăm dò triển vọng hòa bình, H đã nêu rõ, Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc một cách vô điều kiện thì mới có thể đàm phán. Tháng 9, H đi dưỡng bệnh dài ngày tại một vùng núi gần Bắc kinh.

Trong lúc H đi vắng, Bộ chính trị tích cực thảo luận về tiến hành “Cuộc tổng tiến công và nổi dậy” được dự kiến từ đầu thập kỷ. Mặc dù quân giải phóng và quân Bắc Việt vẫn hoạt động tương đối hiệu quả trên toàn chiến trường, nhưng với sự có mặt của gần 500,000 quân Mỹ, VC và Bắc Việt đang phải gánh chịu những thương vong nặng nề, tinh thần quân sĩ giảm sút, tỷ lệ đào ngũ tăng nhanh. Washington không chấp nhận thất bại làm cho nhiều người nghi ngờ cách mạng sẽ tắt yếu thắng lợi. Các nhà lãnh đạo Đảng cần phải có hành động để giành lại quyền chủ động và chiếm lại những vị trí đã mất. Trong một thời gian dài, H luôn dặn các đồng chí của mình, cuộc tiến công phải được tổ chức vào năm bầu cử tổng thống để gây sức ép tối đa lên hệ thống chính trị của Mỹ. Những cuộc tiến công quân sự phải được kết hợp với sự nổi dậy của dân chúng trong thành phố. Mục tiêu tối thiểu là làm Sài gòn hoảng loạn và buộc Mỹ phải đàm phán trên thế yếu. Kế hoạch tấn công Tết Mậu thân chỉ được phê duyệt vào tháng 12 khi H từ TQ trở về. Ngay sau đó H lại quay lại TQ.

Cuộc tổng tiến công được tiến hành đồng loạt ngày 31/1/1968 trên tất cả các thành phố lớn, thị xã, thị trấn và nông thôn. Tại Sài gòn, những đơn vị đặc công cảm tử đánh chiếm các cơ sở chính quyền, thậm chí chiếm tầng dưới của tòa nhà Đại sứ quán Mỹ. Tại Huế, VC chỉ chịu rút lui sau những trận đánh giáp lá cà với lính thủy đánh bộ Mỹ, sau 3 tuần chiếm giữ thành phố. Cuộc tiến công đã thất bại về mặt quân sự, hơn 30000 thương vong làm cho Việt cộng hầu như không gượng dậy lại được trong những năm tiếp theo. Chính quyền Thiệu vẫn đứng vững. Tuy nhiên những hiệu quả chính trị lại hết sức khả quan. Hơn 2000 lính Mỹ chết, 3000 bị thương, cùng với những trận đánh được ghi hình trực tiếp từ trung tâm Sài gòn đã đẩy phong trào phản chiến Mỹ lên đỉnh cao. Nhà Trắng buộc phải nhượng bộ để tìm giải pháp hòa bình. Cuối tháng 3, Johnson tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở lên và không ra tranh cử nhiệm kỳ tiếp.

Trong khi Nhà Trắng đang nhần quả đắng, Lê Đức Thọ đi Bắc kinh để báo cáo kết quả với H. Mặc dù sau này thừa nhận thành công vừa phải của chiến dịch, chắc chắn là Thọ đã miêu tả với H một thắng lợi vĩ đại. Khi Thọ báo cáo là sẽ đi miền Nam để đánh giá tình hình, H một mực đòi đi theo. Thọ tìm cách thoái thác, kêu rằng khi đi qua cảng Sihanoukville – Campuchia, mọi người sẽ nhận ra bộ râu của H ngay. H liền đồng ý cạo đi, Thọ lại cho rằng nếu thế thì nhân dân miền Nam sẽ không nhận ra Bác. H cam kết sẵn lòng làm bất cứ việc gì, kể cả phải đóng giả thủy thủ hoặc nấp trong hầm tàu. Cuối cùng Thọ phải hứa sẽ báo cáo với bộ chính trị để xem xét sự việc. Khi Thọ đứng lên ra về H ôm hôn và khóc. Sau này Thọ kể lại ông có cảm giác không bao giờ gặp lại người đồng chí già của mình nữa.

Có lẽ H cũng đoán được là Bộ chính trị sẽ không thỏa mãn yêu cầu của ông vì lý do sức khỏe. H viết thư cho Duẩn, cho rằng nếu được thay đổi không khí, sức khỏe của ông sẽ

khá hơn. Chuyến đi của ông cũng sẽ cổ vũ tinh thần của đồng bào chiến sĩ miền Nam đang hết lòng chiến đấu cho sự nghiệp. Ngày 19/3, H viết thư nhờ Chu can thiệp, nhưng cũng chẳng đi đến đâu^{clvii}

H về nước ngày 21/4 và tuy sức khỏe còn rất yếu, vẫn tham gia vào cuộc họp Bộ chính trị đánh giá kết quả của cuộc tổng tiến công. H hài lòng khi biết McNamara phải tuyên bố từ chức và Johnson không ra tranh cử nhiệm kỳ 2. Tháng 6, sau khi Robert Kennedy, một TNS chống chiến tranh bị ám sát, H viết trên báo Nhân dân rằng sẽ còn nhiều người Mỹ vô tội nữa bị giết vì chiến tranh. Tháng 5, Johnson tuyên bố ngừng ném bom dưới vĩ tuyến 20 và chấp nhận ngồi vào bàn thương lượng. Không rõ H có trực tiếp tham gia quyết định chấp nhận đàm phán hay không? Tuy hài lòng, H cảnh báo các đồng chí của mình, công việc sau khi thắng lợi sẽ “rất phức tạp và khó khăn”. Để tránh sai lầm, Đảng phải tái tổ chức, xác định lại vị trí của đảng viên. H căn dặn tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, nâng cao đời sống dân chúng, cải tạo những phần tử chậm tiến như hút xách, đi điếm trong xã hội miền Nam.

H còn tư vấn về chiến lược đàm phán trong tương lai với Mỹ, khi tình hình vẫn đang rất phức tạp. Mỹ từ chối đưa ra văn bản về việc chấm dứt ném bom vĩnh viễn. TQ lúc đó đang vật lộn với cách mạng văn hóa, chỉ trích các đồng chí Việt nam qua vôi vãi đàm phán với bọn đế quốc. Chu tư vấn Đồng bất Mỹ chấp nhận “Bốn điểm” trước khi thương lượng và chỉ đàm phán trên thế mạnh. Đồng vận lại, đương nhiên VN sẽ không thỏa hiệp và đàm phán trong những điều kiện bất lợi, nhưng suy cho cùng, Việt nam mới là người tiến hành chiến tranh. Trong các nhận xét của mình về vấn đề đàm phán, H thường xuyên tỏ ra là người thực tế, cân nhắc kỹ lưỡng được và mất. H cảnh báo, không được chủ quan, có thể rơi vào bẫy của Mỹ, ngừng bắn ở miền Nam nhưng Mỹ vẫn có cơ hội ném bom trở lại miền Bắc. Tháng 11/1968, đàm phán hòa bình được mở ra ở Paris. Mỹ cam kết chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc (mặc dù Johnson vẫn kiên quyết không chịu viết thành văn bản), mặc dù không có ngừng bắn, Hà nội hứa sẽ không tiến hành những cuộc tiến công quy mô lớn như Tết. Những đột phá hòa bình đã quá muộn để giúp ủng hộ viên dân chủ Humphrey thắng cử. Humphrey có quan điểm chống chiến tranh, nhưng không được công khai quan điểm vì bị ràng buộc bởi vị trí phó tổng thống, được đảng dân chủ đề cử sau một Đại hội cực kỳ sóng gió tại Chicago. Richard Nixon, người tuyên bố đã có “*kế hoạch bí mật*” để chấm dứt chiến tranh, đã đưa đảng Cộng hòa trở lại chính trường sau 8 năm.

Trong những năm cuối đời, H đã sửa lại di chúc nhiều lần, nhưng lần nào ông cũng nêu rõ nguyện vọng được hỏa táng. Trong bản cuối cùng, H muốn tro của mình sẽ được rải tại 3 địa danh ở miền Bắc, miền Nam và miền Trung, biểu tượng cho sự cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp thống nhất đất nước. H viết, ông sẽ vui lòng đi gặp Karl Max, Vladimir Lenin và các nhà cách mạng khác. H dặn miễn thuế nông nghiệp 1 năm để khoan sức dân và bày tỏ lòng biết ơn của đảng. Trong dịp Tết năm 1969, H lần cuối cùng ra khỏi Hà nội, đi thăm nhân dân ở thị xã Sơn tây. Tháng 4, H tham gia họp Bộ chính trị, khuyên các đồng chí, nếu Mỹ đã quyết định rút, phải đề cho họ rút trong danh dự. Tại hội nghị Trung ương tháng 5, H căn dặn không nên chủ quan vôi vãi trong đánh giá, mặc dù Mỹ đã quyết định rút quân, tình hình vẫn rất nguy hiểm.

Cuối cùng H cũng được thỏa mãn nguyện vọng gặp gỡ với đoàn đại biểu các chiến sĩ miền Nam tại Hồ Tây. Tại lễ sinh nhật lần thứ 79, các cộng sự của ông đã thề sẽ giành chiến thắng và đưa H vào thăm miền Nam. Cũng trong tháng đó, H sửa lại lần cuối cùng bản di chúc, viết thêm trên lề. Sức khỏe H đã yếu đi rất nhiều và các bác sĩ quyết định

theo dõi nhịp tim của ông thường xuyên. Mặc dù ngôi nhà sàn rợp bóng cây, H vẫn rất mệt trong mùa hè nóng nực. Ông vẫn cố gắng duy trì tập thể dục buổi sáng, tưới cây và cho cá ăn. Nguyễn Lương Bằng và Trường Chinh hàng ngày sang ăn cơm với H.^{clviii} Một ngày giữa tháng 8, sức khỏe H xấu đi đột ngột, phổi bị xung huyết. Mặc dù được tiêm kháng sinh, H vẫn thấy đau ở ngực. Ngày 28/8, tim bắt đầu loạn nhịp. Tuy nhiên khi Bộ chính trị đến báo cáo tình hình, H nói đã đỡ rất nhiều. Hai ngày sau, khi Đông đến thăm, H hỏi han về tình hình chuẩn bị cho ngày lễ Độc lập. Sáng hôm sau, H dậy sớm, ăn một bát cháo và tiếp một đoàn cựu chiến binh đến thăm. 9h45 sáng ngày 2/9, 24 năm sau ngày khôi phục nền độc lập của Việt nam, trái tim HCM đã ngừng đập

From Man to Myth

(Con người trở thành huyền thoại)

Cái chết của HCM tạo nên một tiếng vang rộng lớn trên khắp thế giới. Hà nội nhận được hơn 22000 điện chia buồn từ 121 nước. Các nước XHCN đều tổ chức lễ viếng trọng thể. Tuyên bố chính thức từ Matxcova: “HCM là người con vĩ đại của nhân dân Việt nam anh hùng, nhà lãnh đạo nổi bật của phong trào cộng sản và giải phóng dân tộc, người bạn của nhân dân Xô viết”. Các nước thứ ba ca ngợi Hồ như người bảo vệ cho các dân tộc bị áp bức. Một bài báo Ấn độ viết:

“HCM là tinh hoa của dân tộc, hiện thân của khát vọng cháy bỏng cho tự do và tranh đấu”. Bài xã luận trên một tờ báo Uruguay viết: “Người có trái tim bao la như vũ trụ, tình yêu vô bờ bến với con trẻ, là mẫu mực của sự giản dị trên tất cả các lĩnh vực”^{clix}.

Phản ứng chính thống của các chính phủ phương Tây lạnh lẽo hơn. Chính phủ Nixon từ chối bình luận. Nhưng các phương tiện thông tin đại chúng bày tỏ quan điểm quyết liệt. Các báo chống chiến tranh miêu tả HCM như một địch thủ đáng kính trọng, người bảo vệ cho kẻ yếu và các dân tộc bị áp bức. Ngay cả những kẻ chống đối chế độ Hà nội cũng bày tỏ sự kính trọng HCM như người suốt đời chiến đấu cho độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

Điều mà các nhà bình luận khắp thế giới quan tâm là ảnh hưởng của cái chết của Cụ tới cuộc chiến tranh Đông dương. Mặc dù những lời đồn đại về HCM như một đặc vụ cộng sản, và một nhà cách mạng tàn bạo, dư luận đều thống nhất HCM là một người thực dụng. Hồ hiểu được sự phức tạp của tình hình thế giới và luôn có những quyết sách phù hợp. Ngay cả Lindon Jhonson, đối thủ chính của Hồ trong suốt thập kỷ 60 đã phải nhiều lúc bực mình quát lên: giá như mà tôi có thể ngồi với “Già Hồ”, chúng tôi chắc chắn sẽ đạt được thoả thuận. Những người kế tục Hồ không có được ảnh hưởng như vậy. Ngoài Hồ, chẳng ai trong ban lãnh đạo Đảng chu du trên thế giới, đặc biệt là Pháp, chưa kể đến các nước phương Tây khác. Một số được đi học nước ngoài thì tầm nhìn cũng bị hạn chế bởi quan điểm chính thống của Matxcova và Bắckinh. Chẳng ai ở phương Tây biết đến Lê Duẩn. Thậm chí, Matxcova và Bắckinh cũng không có nhiều hiểu biết về ông này. Lần đầu tiên Hồ khởi thảo bản di chúc vào năm 1965, sau đó chỉnh sửa vào các năm 1968, 1969. Cũng như trong cuộc đời mình, trong bản di chúc, ông cố gắng cân bằng sự cống hiến cho độc lập của dân tộc Việt nam và phong trào cách mạng thế giới. Ông coi trọng cả chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhưng nhấn mạnh đến việc hàn gắn vết thương chiến tranh và nâng cao đời sống nhân dân như nhiệm vụ hậu chiến quan trọng nhất của Đảng. Ông đặc biệt căn dặn việc dân chủ hoá tổ chức và nâng cao tiêu chuẩn đạo đức của đảng viên sau chiến tranh. Cuối cùng ông tha thiết đề nghị sự thống nhất của phong trào cộng sản quốc tế.

Lễ viếng HCM được cử hành tại quảng trường Ba đình với hơn 100,000 người tham dự. Lê Duẩn đọc di chúc đánh bại xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Duẩn còn hứa sẽ hiến dâng hết sức mình để xây dựng CNXH ở Việt nam và hàn gắn những rạn nứt trong phong trào cộng sản quốc tế.

Duẩn đã phần nào thực hiện được lời hứa của mình. Dưới sự lãnh đạo của ông, Hà nội kiên trì tăng cường lực lượng tại miền Nam, chuẩn bị cho cuộc tiến công vào năm bầu cử tổng thống Mỹ. Hai bên cũng đã ngồi vào bàn đàm phán tại Paris nhưng chẳng mấy kết quả bởi đều chờ đợi những thắng lợi tại chiến trường để mặc cả. Mặc dù bị những tổn thất nặng nề nhưng Đảng vẫn lạc quan vì phong trào phản chiến đặc biệt lên cao ở Mỹ. Tổng thống Nixon đã buộc phải tuyên bố rút hết quân Mỹ về nước vào cuối nhiệm kỳ của mình. Mùa hè 1972, khi Mỹ chỉ còn khoảng 50000 lính Mỹ ở Việt nam, Hà nội mở chiến dịch Phục sinh. Cũng như Tết 1968, chiến dịch không đạt được kết quả như ý nhưng đã tạo một động lực quan trọng trên bàn đàm phán. Tháng 1/1973, hai bên ký hiệp định Paris, bảo đảm rút hết quân Mỹ về nước. Không lời nào đã động đến các đơn vị chủ lực Bắc Việt đang đóng ở miền Nam. Một cơ quan được thành lập là Hội đồng Hoà giải và Hoà hợp dân tộc nhằm xác định ranh giới chiếm đóng giữa chính quyền Sài gòn và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam. Hội đồng này sau đó sẽ lãnh trách nhiệm tổ chức tổng tuyển cử. Cũng như hiệp định Genevo 2 thập kỷ trước đây, hiệp định Paris không kết thúc được chiến tranh Việt nam. Nó chỉ mở đường cho Mỹ rút quân dễ hơn và đưa miền Nam trở lại tình hình đầu những năm 1960. Và cả hai bên chẳng ai có ý định tôn trọng hiệp định. Năm 1975, Hà nội mở cuộc tổng tiến công. Chính quyền Mỹ, (đã yếu đi nhiều sau vụ scandal của Nixon dẫn đến ông này từ chức và đưa Ford lên cầm quyền) quyết định không can thiệp và sơ tán các nhân viên của mình khỏi Việt nam. Ngày 30-4, cuộc vật lộn đẫm máu làm hơn 1 triệu người Việt nam thiệt mạng đã trở thành “Cuộc chiến giờ đã chấm dứt” (lời tổng thống Ford). Khomeini cũng đã tiến vào Phompenh trước đó 2 tuần. Chính quyền cách mạng cũng được thành lập ở Lào trong cùng năm. Tháng 7/1976, hai miền Việt nam thống nhất trở thành nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam.

Nhưng trong các lĩnh vực khác, Duẩn đã không thành công lắm trong việc thực thi lời hứa của mình. Từ những năm 1968, chuyên gia Xô viết đã đến để bàn về việc ướp xác Hồ. Tuy nhiên kế hoạch này được giữ kín vì chắc chắn HCM mong muốn mình được hoá thiêu. Khi Hồ mất, trung ương cũng tỏ ra khá lúng túng. Sau khi tư vấn với Liên xô, một chuyên gia được cấp tốc cử sang vào giữa tháng 9 để tiến hành bảo tồn cơ thể Hồ. Ngày 29/11, Bộ chính trị quyết định xây Lăng. Theo kế hoạch do Bộ xây dựng và Quốc phòng đề xuất, lăng phải hiện đại và có tính dân tộc, nghiêm túc nhưng giản dị như phong cách của HCM. Dự án được phê duyệt tháng 12/1971 và khởi công ngay sau khi hiệp định Paris được ký kết. Ngày 29/8/1975, Lăng HCM được khánh thành tại địa điểm linh thiêng nhất của cách mạng Việt nam: quảng trường Ba đình. Theo ý tưởng, nó thể hiện bông sen vươn lên từ bùn đen, một đôi âm của chùa Một cột gần đó. Tuy nhiên theo nhiều nhà quan sát, toà nhà này quá nặng nề và buồn tẻ, hoàn toàn đối lập với tính cách không phô trương và sự hài hước tinh quái của chủ nhân của nó. Nhà sử học Huế Hồ Tài Tâm cho rằng, người ta muốn xây dựng HCM như một lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế chứ không phải là Bác Hồ được hàng triệu người Việt nam yêu quý. Tuy nhiên hàng tuần cũng có đến hơn 15000 người viếng lăng. Ban lãnh đạo Đảng rõ ràng đã cố tình lờ đi mong muốn của HCM được tổ chức tang lễ một cách bình dị và hoá thiêu. Sinh thời Hồ luôn ghét sự xa hoa và đã từng phủ quyết một kế hoạch xây dựng bảo tàng của mình tại

Kim liên năm 1959. Để tránh sự dị nghị của dư luận, ban lãnh đạo Đảng đã xoá đi đoạn này trong di chúc của Hồ. Họ còn tiện thể xoá luôn ý nguyện của Hồ miễn thuế nông nghiệp 1 năm và dự báo của ông rằng cuộc chiến tranh sẽ kéo dài thêm vài năm nữa. Sau đại hội IV vào tháng 12/1976, lãnh đạo Đảng tuyên bố sẽ xây dựng căn bản chủ nghĩa xã hội trên toàn quốc vào cuối thập kỷ. Để thể hiện quyết tâm, Đảng đổi tên từ Đảng lao động Việt nam thành Đảng cộng sản Việt nam. Hình ảnh Hồ Chí Minh được triệt để lợi dụng để kêu gọi sự hỗ trợ của dân chúng. Ảnh Hồ treo khắp nơi. Sách, báo về HCM xuất bản liên tục. Thanh niên được tổ chức học tập cách sống Hồ Chí Minh. Các học trò như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đua nhau viết hồi ký về Hồ, nhấn mạnh “tư tưởng Hồ Chí Minh” như một công cụ chính để xây dựng đất nước. Một bảo tàng đồ sộ về HCM được khánh thành vào năm 1990 cạnh quảng trường Ba Đình. Các nhà thiết kế phủ một lớp đá trắng với ý đồ biến bảo tàng thành một đóa hoa sen, tuy nhiên toà nhà trông vẫn giống một cái mũi tàu hơn.^{clx}

Mặc dù HCM được trình diễn như hiện thân của nước Việt nam mới, các nhà quan sát đã thấy rõ sự khác nhau trời vực giữa phong cách lãnh đạo của Lê Duẩn và người tiền nhiệm lầy lùm của mình. HCM luôn nhấn mạnh sự kiên trì và phát triển từng bước của cách mạng Việt nam và tranh thủ sự thống nhất ủng hộ trong toàn xã hội, Duẩn thì ưa dùng những chiến thuật quá tham vọng dẫn đến sự chia rẽ trong nội bộ lãnh đạo Đảng, gạt một bộ phận không nhỏ dân chúng ra ngoài cuộc. HCM luôn tìm cách điều chỉnh những chiến lược của mình cho phù hợp thực tế quốc tế. Duẩn thì hùng hổ trong lĩnh vực đối ngoại, không những biến các láng giềng Đông Nam Á thành thù địch mà còn chọc tức đồng minh quan trọng nhất của mình là Trung quốc. Những người chống đối bị đưa ra khỏi Ban lãnh đạo như Võ Nguyên Giáp^{clxi} hoặc phải chuồn ra nước ngoài như Hoàng Văn Hoan.

Kết quả thật là bi thảm. Cuộc cải tạo công thương nghiệp tháng 3/1978 làm hàng vạn người vượt biên. Chương trình hợp tác hoá gây nên sự thù địch của đa số nông dân miền Nam. Đến cuối những năm 70, nền kinh tế bị xáo động bởi việc “xây dựng nền móng của CNXH trước cuối thập kỷ” đã trở thành thảm họa. Tình hình đối ngoại cũng chẳng khá khẩm gì hơn. Sau khi không thuận phục được chế độ cuồng tín và diệt chủng Pol Pot, tháng 12/1978 Việt nam tấn công Cambodia và dựng nên chính phủ bù nhìn ở Phnompenh. Để trả thù, Trung quốc đưa quân qua biên giới phía Bắc. Một cuộc chiến ngắn ngủi nhưng đã ngốn nốt những nguồn lực quý báu còn sót lại của đất nước.

Giữa những năm 80, dân chúng công khai bày tỏ sự tức giận đối với Ban lãnh đạo đã cố tình không theo đuổi những lời khuyên của HCM là bảo đảm cho nhân dân được hưởng những thành quả của thắng lợi. Sau khi Duẩn chết năm 1986, Đảng thừa nhận sai lầm (được gọi là chủ nghĩa “thắng lợi”) và quyết tâm cải tổ. Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, một người kháng chiến miền Nam cũ, chấp nhận kinh tế thị trường XHCN, mở cửa cho đầu tư nước ngoài, khuyến khích những tư tưởng tự do trong dân chúng. Chính sách này được gọi là “đổi mới” và tỏ ra rất giống chiến lược perestroika của Gorbachev. Tuy nhiên Hà nội cho rằng chính sách của họ được đề ra bởi đòi hỏi bức bách của tình hình Việt nam.

Cuối thập kỷ 80, những thế lực bảo thủ trong Đảng giành lại thể chủ động. Họ cho rằng, những tư tưởng ngoại lai tuy có tác dụng kích thích kinh tế tăng trưởng nhưng lại đẻ ra những tệ nạn xã hội như nghiện hút, SIDA, mại dâm và chủ nghĩa hưởng thụ. Người thay thế Nguyễn Văn Linh, cán bộ đảng chuyên nghiệp Đỗ Mười thắng tay trừng trị những phần tử chống đối dưới khẩu hiệu “cải tổ kinh tế, ổn định chính trị”. Mặc dù tự do hoá

kinh tế mới có những thành công khiêm tốn, Đảng tái xác nhận quyền lãnh đạo xã hội duy nhất của mình trong hiến pháp 1991^{clxii}.

Những nhà cải cách nhanh chóng sử dụng di sản của HCM để hậu thuẫn cho đường lối của mình. Họ cho rằng với cách suy nghĩ thực dụng, Cụ sẽ ủng hộ việc nâng cao mức sống nhân dân trước khi xây dựng CNXH. Như một nhà nhân văn, dám chấp nhận nhiều tư tưởng trái ngược, chắc chắn Cụ cũng không để xảy ra sự phân rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo và có nhiều biện pháp để huy động tối đa sự ủng hộ của dân chúng. Cuối những năm 80, những người cải cách được cổ vũ bởi Vũ Kỳ, thư ký riêng cuối cùng của HCM. Ông này tố cáo Lê Duẩn và các đồng chí đã xoá đi một số đoạn trong di chúc của Cụ, đặc biệt là về thuế nông nghiệp và đám tang đơn giản. Bộ chính trị buộc phải nhận lỗi, nhưng chống chế là họ hành động như vậy duy nhất chỉ vì mục đích làm lợi cho đất nước và nhân dân Việt nam như mục tiêu của cuộc đời Cụ.

*

Không chỉ ở Việt nam, tính cách và di sản thực sự của Hồ cũng được nhìn nhận hết sức mập mờ ở nước ngoài. Vị thánh giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức của phương Tây? Thủ phạm gieo rắc chủ nghĩa cộng sản? Hay tệ hơn, một kẻ cơ hội lợi dụng giả vờ giải đi để tìm kiếm những hào quang cá nhân? Tại hội nghị của UNESCO nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của HCM, những lời ca tụng cũng phần nào bị lu mờ bởi làn sóng những chỉ trích chống lại việc tôn sùng một con người, suy cho cùng phải chịu trách nhiệm về cái chết của rất nhiều đồng bào mình.

Đối với nhiều nhà quan sát, cái nút của vấn đề là ở chỗ xác định HCM là ai, một chiến binh cộng sản hay một nhà dân tộc chủ nghĩa. Những người ngoại quốc đã từng tiếp xúc với H đều khẳng định H giống một người yêu nước hơn một nhà cách mạng Marxist. Bản thân H cũng đã nhiều lần khẳng định chính khát vọng giải phóng dân tộc đã dẫn ông đến với chủ nghĩa Max chứ không phải ngược lại. Hãy đọc trả lời của H cho sĩ quan tình báo Mỹ Charles Fenn:

Đầu tiên, hãy hiểu rằng, để đánh thắng một kẻ thù hùng mạnh như Pháp là một nhiệm vụ bất khả thi nếu không có sự giúp đỡ từ bên ngoài. Sự trợ giúp đó không chỉ bằng vũ khí, mà có thể là các quan hệ, lời khuyên. Người ta không thể giành độc lập bằng cách đánh bom hoặc các hành động tương tự. Các nhà cách mạng tiền bối thường phạm sai lầm này. Cần phải có tổ chức, tuyên truyền, đào tạo và kỷ luật. Cũng cần phải có những niềm tin, cảm nang, phân tích, thậm chí có thể nói tương tự như Kinh Thánh. Chủ nghĩa Max-Lenin đã cho tôi những khuôn khổ đấy.

Khi được hỏi, tại sao ông lại không chọn dân chủ hoặc một hình thức chính trị nào đấy mà lại chọn một hệ tư tưởng rõ ràng gây phản cảm cho Mỹ, đất nước mà ông hết sức ngưỡng mộ, H đã trả lời: ông nhận được sự giúp đỡ thực tế chỉ khi đến Matxcova và Liên xô đã là "người bạn thực sự trong lúc khó khăn". Chung thủy đổi lấy sự thủy chung.

Rõ ràng là sự tồn vong của VN luôn là mối quan tâm đầu tiên và cao nhất của HCM. Quan điểm này đã từng làm cho không ít các đồng chí của ông tại Hà Nội, Bắc kinh và Matxcova nghi ngờ liệu ông có phải là nhà Marxist chân chính? Nhưng cũng chắc chắn là trong ông có một trái tim của nhà cách mạng thế giới. Khuynh hướng này nhiều khả năng xuất phát từ những kinh nghiệm của ông trong những năm lênh đênh trên biển, tận mắt chứng kiến sự cùng cực mà các dân tộc thuộc địa phải gánh chịu. Thời gian sống ở Pari càng làm cho Hồ thất vọng về thói đạo đức giả của chủ nghĩa thực dân Pháp, từ chối áp dụng những lý tưởng sống cao đẹp cho các nước thuộc địa. Hai năm nằm trong giai đoạn cao trào của cách mạng Nga đã tiếp cho Hồ niềm tin lãng mạn vào tương lai của chủ nghĩa cộng sản, khi mà theo Lê nin, chủ nghĩa yêu nước sẽ được thay thế bằng quan điểm thế giới cộng đồng. Những cuộc tàn sát đẫm máu diễn ra sau đó ở Matxcova cũng như sự thờ ơ của phong trào cách mạng vô sản với các vấn đề thuộc địa đã phần nào ảnh hưởng nhiều đến thái độ của Hồ. Tuy vậy, đến cuối đời, Hồ vẫn trung thành với một chế độ xã

hội mà ông cho là tốt đẹp hơn chế độ tư bản đã mang lại những đau khổ không kể xiết cho các dân tộc bị áp bức ở Á, Phi và Mỹ la tinh.

Suy cho cùng, trong HCM có cả hai: nhà dân tộc chủ nghĩa và một chiến binh cộng sản. Vấn đề ở đây chỉ là vấn đề chiến thuật trong từng thời điểm. Cụ là tín đồ của của nghệ thuật “quyền biến”, luôn biết cách điều chỉnh những lý tưởng của mình theo những điều kiện của thời đại. Ngay cả ở đối với các đồng chí trong đảng, hành động của Cụ có vẻ như rất “vô nguyên tắc”. Nhưng HCM chia sẻ quan điểm của nhà khoa học xã hội Anh Walter Bagehot: “the best was sometimes the enemy of the good”, Cụ tin rằng có thể đạt được mục tiêu tốt nhất thông qua hàng loạt những bước vô cùng nhỏ. Trên thực tế năm 1945 và 1954, HCM đã thoả hiệp trên mặt trận ngoại giao thay vì tiếp tục cuộc chiến trong những điều kiện bất lợi. Trong nước, Cụ luôn nhấn mạnh rằng việc tiến lên mô hình CNXH phải được thực hiện hết sức từ tốn để chiếm được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng.

Cũng như tổng thống Mỹ LBJ, HCM tự coi mình là Nhà Tuyên Truyền, kiểu mẫu lãnh đạo luôn tin mình có thể đạt được mục tiêu không phải bằng sức mạnh mà bằng lẽ phải. Trong chừng mực nào đó, có thể nói ông đã thành công. Trong nhiều trường hợp, bằng việc thoả hiệp Cụ đã giải giáp kẻ thù, biến yếu điểm về quân sự thành lợi thế chính trị. Thêm vào đó, hình ảnh của Cụ: giản dị, hào hiệp, quên mình đã mang lại sự ủng hộ to lớn cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt nam. Khó có thể tưởng tượng cao trào phản chiến toàn cầu chống chiến tranh ở Việt nam những năm 60 lại có thể xảy ra nếu cuộc chiến đó được gắn với Lê Duẩn hoặc Trường Chinh chứ không phải Hồ Chí Minh.

Liệu hình ảnh của HCM là chân thật? Đây là một câu hỏi rất khó trả lời. Có vẻ như không nghi ngờ gì là Cụ cảm giác hết sức không thoải mái trong một môi trường sang trọng và thích sống một lối sống không phô trương. Tuy nhiên một số người quen “không mù quáng” cũng nhận thấy những yếu tố kỹ xảo trong hình ảnh một nhà nho khổ hạnh trở thành nhà cách mạng Marxist. Năm 1946, khi sang Pháp, cùng với HCM, ông Vũ Đình Huỳnh thư ký của cụ có kể lại lời tâm sự của Cụ: “nhiều khi vài giọt nước mắt cũng góp phần giải quyết được vấn đề”. Một nhà ngoại giao Balan trong ủy ban đình chiến cũng đã quan sát thấy tuy cực lực phản đối nhưng thực ra Cụ cũng “khoái” sự tàn tụng mà dân chúng dành cho. Cái “Tôi” cũng góp phần đáng kể khi HCM cho ra đời hai cuốn tiểu sử tự viết những năm 1940 và 1950. Hình ảnh HCM như một vị thánh không chỉ là kết quả của sự xưng tụng của người khác mà còn được nuôi dưỡng cẩn thận bằng chính HCM.

Tất nhiên là Cụ có những lý do chính trị chính đáng để làm việc đó. Năm 1947, khi một phóng viên Mỹ hỏi tại sao Cụ lại được tặng bốc nhiều thế, HCM đã trả lời, có thể phần nào nhân dân tìm thấy trong Cụ một biểu tượng thể hiện khát vọng của chính họ. Khi còn trẻ, HCM đã nhận thấy thanh niên Việt nam luôn sùng kính những tư tưởng nhân đạo bắt từ của Khổng tử được thể hiện và truyền đạt bởi các ông giáo làng quê mùa. Trong điều kiện đất nước bị nô lệ, văn hoá và bản thân sự tồn vong của dân tộc bị đe dọa, dễ hiểu tại sao HCM đã chọn cá tính đó như biểu tượng của sự cứu nước và phục hưng.

Đương nhiên là Cụ cũng phải trả giá cho hình ảnh của sự hy sinh và thực dụng của mình. Khác với phương pháp lãnh đạo bằng thống trị cá nhân của Lenin, Mao, Stalin, HCM là người hoà giải luôn tin tưởng vào việc thuyết phục chứ không phải đàn áp để lãnh đạo đảng CSVN từ những ngày trướng nước. Trong những năm 30,40, nhờ uy tín và kinh nghiệm ở QTCS, Cụ rất thành công. Nhưng từ những năm 50 trở đi, một số nhà lãnh đạo khác bắt đầu đòi quyền được hoạch định chiến lược và tỏ ra nghi ngờ những lời khuyên của Cụ. Giữa những năm 60, trong những năm cuối đời, HCM hầu như bị biến thành một kẻ bất lực. Các tư tưởng của Cụ được các đồng chí – học trò “chào đón” nhưng sau đó bị cho ra rìa vì “không phù hợp”.

Có phải là HCM thực sự ngây thơ khi tin vào học thuyết của Tôn Tử: chiến thắng vĩ đại nhất là chiến thắng không cần bạo lực. Nếu nhìn lại, có lẽ Cụ cũng đã quá cả tin khi tin rằng có thể thuyết phục người Pháp rời bỏ Đông Dương sau WWII. Vài năm sau HCM cũng đã tính lầm khi cho rằng nếu có thể tìm được một lối thoát danh dự, Mỹ có thể chấp nhận một chính phủ do cộng sản chiếm ưu thế ở Việt nam. Nhưng mọi bằng chứng đều cho thấy HCM luôn tỏ ra sáng suốt trong việc đánh giá tương quan lực lượng trên trường thế giới và luôn mềm dẻo để tìm được quyết sách phù hợp với những khả năng thay đổi. Mặc dù tìm mọi cách để tránh bạo lực, khi cần

thiết Cụ sẵn sàng “rút kiếm”. Đáng tiếc là các học trò của Cụ đa phần là không có được sự mềm dẻo như vậy.

Rất nhiều nhà phê bình đã cho rằng chính Truman đã châm lửa cho cuộc chiến Việt nam khi không trả lời những “ve vãn” từ HCM sau khi thế chiến II kết thúc. Là người thực dụng, HCM thừa hiểu là đất nước ông dễ nhận được sự giúp đỡ thiết thực từ Washington hơn từ Moscow. Ông cũng thường công khai bày tỏ sự ngưỡng mộ của mình với nền dân chủ Mỹ và đã gắn những tư tưởng đó vào bản Tuyên ngôn độc lập của Việt nam. Mặc dù những quan điểm này mới nghe có vẻ hấp dẫn, nhưng phần nào nó nói lên người Mỹ cũng có những “huyền thoại” về HCM. Bằng chứng cho thấy, những động thái ngoại giao có tính mời chào của HCM với Mỹ là kết quả của một sự tính toán hơn là sự nhận thức về tư tưởng. Trên thực tế Hồ thường xuyên rộng rãi những lời tán dương cho đồng minh và cả những kẻ thù tiềm năng của mình để tìm kiếm những lợi ích chiến thuật. Mặc dù luôn đề ngó khả năng thuyết phục những nhà lãnh đạo Mỹ bỏ cuộc ở Đông Dương, Cụ cũng không nghi ngờ về việc Mỹ, kẻ đại diện cho chủ nghĩa tư bản bóc lột, trước sau cũng sẽ xung đột với phe XHCN^{clxiii}.

Cũng chưa chắc là Hồ đã hoàn toàn rảnh tay trong việc xây dựng chiến lược. Nhiều đồng chí của ông (như Trường Chinh và Lê Duẩn chẳng hạn) không hoàn toàn chia sẻ cách tiếp cận hoà giải của Hồ, thậm chí họ còn cho đó là thái độ thoả hiệp vô nguyên tắc với kẻ thù giai cấp. Và có thể Cụ cũng phải tính đến các vấn đề nội bộ đó. Cũng khó tin là một cử chỉ thân thiện của Nhà Trắng cũng đủ đưa HCM và các đồng chí của mình vào con đường tư bản. Như sau này Hà nội tìm cách lợi dụng mâu thuẫn giữa Moscow và Bắc Kinh, nhiều khả năng là Washington cũng chỉ trở thành công cụ để họ đạt được mục tiêu của mình. Nhà Trắng chắc cũng chẳng ngồi yên nhìn Hà nội xây dựng phong trào cách mạng tại Lào và Campuchia.

Tuy nhiên, từ chối bàn tay thân thiện của HCM, Paris và Washington đã để lại những hậu quả bi thương cho dân tộc Việt nam. Cho dù HCM theo tư tưởng gì đi chăng nữa, bây giờ nhìn lại cũng phải công nhận rằng HCM và các đồng chí Việt minh của mình là những người xứng đáng nhất được lãnh đạo đất nước. Chính sự ủng hộ sâu sắc của nhân dân cho chính phủ Việt nam dân chủ cộng hoà qua nhiều thế hệ đã giúp họ đứng vững trong hai cuộc chiến với Pháp và Mỹ.

Ngày nay sự tôn sùng HCM vẫn còn khá sâu sắc ở Việt nam, đặc biệt là phía Bắc. Phía Nam, tình hình không được khả quan lắm do nhân dân vốn quen nhìn chính phủ trung ương đầy nghi ngờ. Tuy nhiên, những ảo tưởng của Cụ về một Đảng cách mạng trong sáng và vì dân đang bị tan vỡ. Chẳng có gì ngăn chặn được nạn tham nhũng trong các quan chức đang đe dọa tạo nên một làn sóng giận dữ trong dân chúng có thể đi cách mạng xuống bần. Lớp trẻ cũng đang dần lãng quên, họ vẫn kính trọng HCM nhưng không còn coi hình ảnh Cụ là quan trọng trong đời sống của họ. Ảnh hưởng của HCM đối với thanh niên Việt nam trong thế kỷ 21 cũng sẽ không khác nhiều Abraham Lincoln đối với một người Mỹ bình thường.

Kể cả trong những người ủng hộ sự sùng kính với HCM, nhiều người cho rằng nó như một thứ thuốc phiện cho nhân dân. Một trí thức Việt nam nói với tôi: “Tất cả các dân tộc trong chiến tranh đều cần những huyền thoại về những người sáng lập”. Nhiều người muốn thay thế hình ảnh HCM trong sáng như một vị thánh bằng một hình ảnh khác gần gũi với con người hơn. Những năm gần đây, có nhiều tin đồn về những cuộc phiêu lưu tình ái cũng như những đứa con ngoài giá thú của cụ. Tháng 4/2000, Nông Đức Mạnh,

một quan chức vô danh, được đồn là con của HCM, đã được bầu làm tổng bí thư Đảng CSVN^{clxiv}.

Trên bình diện thế giới, hình ảnh HCM như một nhân vật tinh túy của thế kỷ 20, cũng không còn gây được nhiều xúc động như vài thế hệ trước (mặc dù, một cửa hàng ở quận Cam - Cali đã bị Việt kiều đập phá vì đã treo ảnh HCM trước cửa). Vài chục năm trước, khi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc nổ ra khắp nơi, và nên văn minh Hoa kỳ có vẻ như đang xuống dốc, HCM tượng trưng cho tiếng nói của tương lai. Ngày nay, khi chủ nghĩa cộng sản mang đầy tai tiếng còn chủ nghĩa tư bản đang lên, hồn hồng của lòng yêu nước và CNXH của Hồ, cũng như cách mạng văn hoá của Mao hay những tư tưởng thần thánh của Ghandi trở nên kỳ quặc. Nhiều người cho rằng Hồ chỉ là một nhà chiến thuật lăm mưu mẹo, các bài viết thì tầm thường và thiếu tính tư tưởng, tầm nhìn thì chẳng khác gì giấc mơ của Max thấy giai cấp công nhân giận dữ đập cửa các ông chủ tư bản bóc lột. Những cách nhìn phiến diện như vậy đã không thấy được tầm quan trọng của HCM với thời đại của chúng ta. Có thể tầm nhìn của ông về một xã hội cộng sản đại đồng là khiếm khuyết (hay ít nhất là như vậy với cách nhìn tại thời điểm này), không thể phủ nhận sự nghiệp mà ông lãnh đạo và cổ vũ là quyết định của thế kỷ 20, là đỉnh cao của phong trào giải phóng dân tộc và là dấu hiệu rõ ràng đầu tiên minh chứng sự giới hạn quyền lực của thế giới tự do do Mỹ lãnh đạo nhằm chặn đứng chủ nghĩa cộng sản. Thế giới sau Việt nam đã không bao giờ như xưa nữa.

Khó mà hình dung cách mạng Việt nam mà không có HCM. Tuy các nhà sử học thường lý luận rằng thời thế sẽ tạo nên anh hùng, rõ ràng trong nhiều trường hợp như cách mạng Nga, cuộc nội chiến Trung hoa, vai trò của cá nhân là vô cùng to lớn. Việt nam cũng là trường hợp như vậy. HCM là người khởi xướng, sáng lập và là biểu tượng đầy cảm hứng của cách mạng Việt nam. Như một nhà tổ chức tài năng, một nhà chiến lược sắc sảo, một nhà lãnh đạo lôi cuốn, HCM là hình ảnh của Lenin và Gandhi được gạch nối bằng Khổng tử. Mặc dù cuộc chiến tranh Việt nam vượt quá số phận của bất cứ một cá nhân nào, không có HCM, nó sẽ là một cuộc chiến hoàn toàn khác với những hậu quả hoàn toàn khác.

Nhiều nhà quan sát lấy làm tiếc là một tài năng như HCM mà lại chọn nhầm ý thức hệ, và liệu có một sự thay đổi nào của điều kiện lịch sử có thể làm cho cậu Nguyễn Tất Thành cải đạo theo những tư tưởng của văn minh phương Tây hiện đại? Vào thời đó, phương Tây tượng trưng cho sự bóc lột các thuộc địa, và cũng như nhiều nhà lãnh đạo châu Á khác, các cảnh tượng man rợ của chủ nghĩa thực dân đã in dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn mãnh cảm của Nguyễn Tất Thành. Tuy nhiên, rất nhiều những niềm tin của HCM xem ra gần gũi với lý tưởng phương Tây hơn là với Max và Lenin. Mặc dù thường nhận là nhà Marxist chính thống, Hồ không quan tâm nhiều đến những học thuyết giáo điều và thường xuyên làm dịu đi những khía cạnh cứng nhắc của chủ nghĩa cộng sản khi áp dụng ở Việt nam. Tại sao HCM, một con người cả cuộc đời ngưỡng mộ những giá trị nhân văn của Nho giáo và các tín ngưỡng phương Tây, lại tiếp tục truyền bá cho chủ nghĩa Max-Lenin, kể cả khi đã thấy rõ những thất bại của nó trong việc bảo vệ những giá trị ấy? Một số nhà phê bình cho rằng, bộ mặt nhân văn của Hồ là chỉ để đánh lừa những kẻ cả tin. Tuy nhiên câu trả lời thuyết phục hơn là có vẻ như HCM tin rằng ông có thể tránh được những cạm bẫy của chủ nghĩa Stalin và sẽ thành công trong việc kết hợp những tư tưởng tiến bộ của chủ nghĩa Max cổ điển với những giá trị nhân văn trong một nước Việt nam tương lai. Đến khi sự việc vỡ lở rằng Việt nam cũng sẽ lặp lại đúng những sai lầm như

người anh Xoviet của mình, HCM mất phương hướng và không đủ nghị lực chính trị để công khai chống lại.

Dù sao, như từ của nhà triết học Mỹ Sidney Hook's, HCM xứng đáng là “con người làm nên lịch sử”, “con đẻ của khủng hoảng”, người kết hợp trong mình hai động lực chính của nước Việt nam hiện đại: ước mơ độc lập dân tộc và khát vọng tìm kiếm bình đẳng kinh tế - xã hội. Những động lực đó vượt qua biên giới Việt nam, mang hình ảnh HCM đến thôi thúc các dân tộc bị áp bức đứng lên đòi lại phẩm giá và tự do. HCM đã trở thành huyền thoại trong đền thờ các vị anh hùng cách mạng suốt đời đấu tranh để mang tiếng nói của những người cùng khổ đến với thế giới!

ⁱ Thông tin chính xác về ngày sinh của Hồ thường gây mâu thuẫn. Ông thường xuyên khai những ngày sinh khác nhau, có thể với mục đích gây rối cho chính quyền. Trong một bản sơ yếu lý lịch viết tại Nga, ông khai sinh năm 1903, trong bản khác, ông lại khai 1894. Tuy một số người vẫn còn nghi ngờ về năm sinh 1890, nhưng những chứng cứ về thời thơ ấu, cũng như chuyến đi của cả gia đình vào Huế năm 1895 làm cho quan điểm này đang được công nhận hơn cả. Tuy nhiên ngày sinh thì vẫn có nhiều nghi ngờ. Có ý kiến cho rằng, ngày 19/5 được chọn để trùng với ngày thành lập Việt minh. Có ý kiến khác, đó là ngày đoàn đại biểu Pháp đến Hà Nội năm 1946. Tại thời điểm H ra đời, chắc chắn là nông dân Việt nam vẫn dùng lịch Âm và khả năng cao là chính H cũng không bao giờ biết rõ ngày sinh của mình.

ⁱⁱ Hàng xóm đã đỡ cậu bé Cung đứng khóc trước hiên nhà, vì theo luật không được thể hiện sự đau khổ gần Kinh thành.

ⁱⁱⁱ Trong một lần uống rượu tại nhà Sác, Châu đã đọc một bài thơ chế nhạo việc đọc “sách thánh hiền”. Hai mươi năm sau, khi gặp lại Châu, Q đã đọc lại bài thơ đó cho ông này.

^{iv} Nguyễn Đắc Xuân *Thời niên thiếu của Bác Hồ*, cho rằng Châu đã gặp Thành trên một chuyến đò. Kobelev cho rằng, chẳng qua Thành mượn cơ phải xin phép bỏ để từ chối lời mời.

^v Hai anh em Thành có quan điểm “chống chính quyền” rõ ràng, nên thường xuyên bị nhà trường kỷ luật

^{vi} Thư Phan Chu Trinh

^{vii} Thi vào trường Quy nhơn

^{viii} Hồ sơ Pháp

^{ix} Can kiểm tra lai Dat (Đạt hay Dật)

Con ngựa hoang

^x Bùi Quang Chiêu

^{xi} Xem Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngu Chiêu “Từ mộng làm quan đến đường cách mệnh”, Đường Mới, số 1 (6/1983), tr. 14. Cũng có thể có lý do là Thành muốn giúp cha mình được khôi phục vị trí. Không phải ngẫu nhiên tên cha cậu lại được nhắc đến.

^{xii} Có thể là Thành viết bức thư này ngay trước khi cậu rời Việt nam vì cậu đề địa chỉ là: “Tàu LT”

^{xiii} Các cuộc tìm kiếm trong hồ sơ của khách sạn Parker House không thấy thông tin gì về Thành. Cơ quan nhập cảnh Mỹ cũng không lưu bất cứ một hồ sơ nào về sự có mặt của HCM ở Mỹ.

^{xiv} Hồi ký của Escoffier không thấy nhắc gì đến kỷ niệm với HCM. Hồ sơ lưu trữ của Anh cũng không có thông tin về Hội công nhân hải ngoại.

^{xv} Ngay những người chống đối nhất cũng thừa nhận là HCM đã từng ở London, có điều chỉ thăm trong thời gian ngắn. (xem Huy Phong & Yên Anh “*Nhận diện HCM...*”, Văn nghệ, SanJose, 1988, pp18-19 hoặc Nguyễn Thế Anh: “*Vô sản hoá HCM: thực tế và huyền thoại*”, Đường Mới, 7/1984). Bà chị HCM bị bắt năm 1918 vì tội buôn lậu vũ khí đã khai trong một cuộc hỏi cung năm 1920 rằng ông em đã viết thư báo cho bà về việc đi Anh và sống ở London trước khi chiến tranh nổ ra. Cũng vào năm đó, chính quyền Pháp báo cáo rằng, ông đã gửi một bức thư cho toàn quyền Albert Sarraut qua cơ quan lãnh sự Anh tại Sài gòn. Mật vụ Pháp đã không truy tìm được tung tích nhưng việc HCM viết thư qua cơ quan lãnh sự Anh cho thấy có thể ông đã gửi thư đi từ Anh.

^{xvi} Boris Souvarine, sau đó rời bỏ phong trào cộng sản và trở thành một trong những người công kích HCM gay gắt nhất. Xem “De Nguyen Ai Quoc en Ho Chi Minh”, *Est et Quest (Paris)*, 1-15/3/1976, pp 567-568

^{xvii} Karnow phỏng vấn Leo: *Paris những năm 50* (Newyork Random House, 1997) pp 216-217. Ông còn nhận xét rằng Thành còn ham thích nghiên cứu những chủ đề thần bí. Hình như Thành còn viết bài cho tạp chí điện ảnh và đã xin vào Hội tam điểm.

^{xviii} Gaspard (*HoChiMinh ở Paris*), p 76. Dấu vết của Thành trong giai đoạn đầu ở Paris rất khó tìm. Hình như cậu sống với một người Tunizi ở Rue de Charonne, gần Palace de Bastille, sau đó chuyển đi vì người bạn bị theo dõi. Địa chỉ sớm nhất (quãng đầu năm 1919) có thể kiểm tra được là nhà trọ (bây giờ là khách sạn Tổng thống Wilson) tại 10 Rue de Stockholm.

^{xix} Nhiều nhà nghiên cứu còn đang tranh cãi về ngày vào FSP của NAQ. Kobelev cho rằng đó là vào năm 1918. Còn theo Gaspard và Nguyễn Thanh *Chủ tịch HCM* p.43, chẳng có người Việt nào trong FSP năm 1918.

^{xx} Xem thêm *Con đường tới chính quyền của những người cộng sản* pp.26-29, của cùng tác giả. Nguyễn Khắc Viện cũng đề cập tới vấn đề này trong cuốn *Truyền thống và cách mạng ở Việt nam*, pp 15-74.

^{xxi} Xem Đặng Hoà *Bác Hồ: Những năm tháng ở nước ngoài* Hà nội, NXB Thông tin, 1990, tr 33. Trong hồi ký, HCM nhớ lại cuộc nói chuyện với một cô gái ghi tặc ký của hội nghị tên là Rose. Cô này hỏi NAQ sao lại bỏ phiếu cho quốc tế III. NAQ trả lời “*Thật là đơn giản, tôi chẳng hiểu gì khi các bạn cãi nhau về chiến thuật của giai cấp vô sản. Nhưng tôi hiểu rõ rằng, QT III đặt mục tiêu giải phóng các dân tộc thuộc địa. QT II thì chẳng thấy đã động gì. Điều mà tôi muốn là tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho đất nước tôi. Đó là lý do vì sao tôi bỏ phiếu cho QT III*”.

^{xxii} Gaspard *HCM ở Paris*, Thời điểm của cuộc nói chuyện này có lẽ vào tháng Hai, 1921. Theo một số nguồn khác, NAQ ở bệnh viện từ tháng Giêng đến đầu tháng Ba. Một mật thám Pháp đã nói chuyện với Quốc trong bệnh viện và Quốc đã nhắc đến cuộc gặp gỡ với Sarraut.

^{xxiii} Theo lời đồn của giới di cư Việt nam, HCM có vợ và con trong giai đoạn này. Tuy nhiên tác giả không tìm thấy một bằng chứng nào. *Xem thêm bài trong tạp chí Thức tỉnh (Paris) số 3, tr 19*

^{xxiv} Ngày sang Nga của NAQ có nhiều quan điểm, có người nói năm 1922, có người nói năm 1923. Tuy nhiên thông tin trên đây lấy từ hồ sơ của cảnh sát Pháp được coi là chính xác nhất.

Nhà cách mạng tập sự

^{xxv} Một số nhà nghiên cứu Việt nam cho rằng NAQ nhập trường muộn hơn, hè năm 1924. Sokolov còn cho rằng chẳng có bằng chứng nào về việc Q đã từng học ở đây. Tuy nhiên, trong một cuộc phỏng vấn một tờ báo Italia, tháng 3/1924 Q đã xác nhận mình là học viên.

^{xxvi} Bản án chế độ Thực dân Pháp

^{xxvii} Đám tang Lenin

^{xxviii} ủng hộ nông dân

^{xxix} Về tung hoả mù trước chuyến đi TQ

^{xxx} Đến Quảng châu

Con rong châu Tiên

^{xxxi} Về Nguyễn An Ninh sau khi Cognacq thăm vấn

^{xxxii} Quan điểm về chủ nghĩa Max và cách mạng Nga tại Việt nam lúc đó

^{xxxiii} Về Lê Hồng Phong...

^{xxxiv} Về bài viết của Châu về Thái

^{xxxv} Vai trò của Thụ trong vụ ám sát

^{xxxvi} Hỗ trợ từ Moscow

^{xxxvii} ăn mặc đẹp

^{xxxviii} NamNT đã đến chỗ này và thấy đây là bảo tàng Tôn Trung Sơn chứ không phải Lỗ Tấn

^{xxxix} (39) Về việc tăng quân số Thanh niên hội

^{xi} (58) Những thông tin này chủ yếu là từ báo cáo của Lâm Đức Thụ. Ngoại hình của Tuyết Minh được Lê Quang Đạt khai với cảnh sát Pháp. Thông tin về con gái của hai người, xem *Nguyễn Khắc Huyền, Vision Accomplished, p. 8 (New York, Collier, 1971)*

Thanh kiếm báu

^{xli} (3) Những người bạn của Phú tại trường Stalin là: Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trí, Bùi Công Trùng và Bùi Lâm. Lê Hồng Phong lúc đó đang học tại trường hàng không Leningrad

^{xlii} (18) Theo hồ sơ mật thám Pháp, Lâm Đức Thụ được bầu làm chủ tịch tại hội nghị.

^{xliii} Trần Văn Cung viết ý kiến của mình trong cuốn “*Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt nam*”

^{xliv} Một số nhà quan sát cho rằng phái viên chính là NAQ, nhưng nhiều khả năng hơn đó là Hilair Noulens, người Ucraina, làm việc cho FEB từ năm 1928 và biến mất và mùa đông 1929, trở về HK vào tháng 3/30.

Mất hút

^{xlv} Tài liệu tốt nhất về vụ bắt NAQ là cuốn “HCM in HK” của Ducanson

^{xlvi} Theo T. Lan, “Vừa đi đường vừa kể chuyện”, Hồ Tùng Mậu đã kể chuyện Q bị bắt với L, ông này rõ ràng là có quan hệ với cộng sản.

^{xlvii} Thư của Howard Smith, Bộ Ngoại giao gửi thư ký Bộ Thuộc địa, 28/7/1931

^{xlviii} *HK Weekly Press*, 28-8-1931: NAQ được bồi thường HKD 7500 vì những sai sót trong quá trình thẩm vấn. Cô gái trẻ có cái tên trong hồ sơ của Pháp là Lê ứng Thuần được thả khỏi nhà tù Victoria ngày 20-8. Sau đó, trong tháng 9 cô ta đến Nam Kinh ở nhà bố chồng là Hồ Học Lâm – một sĩ quan quốc dân đảng có cảm tình với ICP. Chính Phan Bội Châu cũng đã ở nhà Lâm ở Hàng Châu trước khi bị Pháp bắt. Trước khi ra tù, cô gái đã đến gặp Q trong nhà tù và hứa sẽ thực hiện những chỉ thị của ông.

^{xlix} Thư trao đổi với Phát Chân (Lâm Đức Thụ). Các nguồn tin Pháp cho rằng Q đã tìm cách nhờ các đồng chí trong CCP hoạt động ở HK giúp đỡ nhưng không có kết quả

ⁱ Theo “*Những mẩu chuyện niên thiếu*”, bà Thanh đã buộc chính quyền Pháp từ bỏ ý định triệt hạ làng Kim liên sau XVNT. Bà cũng được phép đi thăm bố đang hấp hối và mang hài cốt của ông về Kim liên (tr 101-110). Có những báo cáo khác nhau về Tăng Tuyết Minh, vợ Q. Một đồng chí của Q tại Thượng hải, Lê Quang Đạt đã khai với mật thám Pháp là Q nói với ông này rằng vợ ông không đến thăm chồng vào mùa đông 1929-1930. Lâm Đức Thụ lại báo với Noel là bà này có đến thăm, thậm chí sau khi Q bị bắt, còn liên lạc với Luseby để biết tin chồng. (Báo cáo của Noel, No 660, 23/5/1932)

ⁱⁱ Xem hồi ký của Pritt tại Bảo tàng HCM. Về xu hướng chính trị của Cripps, xem thêm cuốn “HCM ở HK” của Ducanson. Cripps sau này trở thành đại sứ Anh tại USSR. Nguồn tin Q là điệp viên của Anh được trích dẫn từ cuốn “*Từ chủ nghĩa thực dân đến chủ nghĩa CS*” của Hoàng Văn Chi – New York, Praeger, 1964, tr. 50. Ông này chắc đã lấy tin từ nguồn của cảnh sát Pháp, dossier CAEO/2b

ⁱⁱⁱ Theo hồ sơ của cảnh sát HK, quyết định thả Q của chính quyền đã làm cảnh sát HK và Singapore rất bức mình.

ⁱⁱⁱⁱ Xem Nguyễn Khánh Toàn “*Ở Liên xô với Bác Hồ*”, tạp chí *Souvenir*, tr 143-145

^{iv} Hà Huy Tập viết dưới bút danh Hồng Thế Cộng (“Đo sẽ mang lại chủ nghĩa cộng sản”). Nhiều năm sau, tác giả đã phỏng vấn em của Tập là Hà Huy Giáp. Ông này thừa nhận anh mình đã sai khi tách rời vấn đề dân tộc.

^{lv} Nguyễn An Ninh được đưa vào danh sách này là điều hơi lạ vì ông này đã bắt đầu cộng tác với ICP ở Saigon. Theo tài liệu của mật thám Pháp, tham dự hội nghị còn có Nguyen Van Dut, Tran Van Chan và Nguyen Van Than.

^{lvi} Note periodique, second quarter 1935, pp 21, 58. Đại hội ICP dự kiến sẽ được tổ chức tại căn hộ của Hà Huy Tập tại Macao. Đoàn đại biểu QTCS được phân 1 giường. Xem thêm Nguyễn Văn Khoan, Triều Tiên “*Lê Hồng Phong*” p 10.

^{lvii} Theo một số nguồn từ ICP, trước khi trốn Trâm đã hãm hiếp một nữ đảng viên khác. Cô này sau đó bị chết vì các vết thương quá nặng.

^{lviii} Có một số tranh luận về ngày rời Matxcova của MK. Sophie Quinn-Judge cho là vào khoảng tháng 2/1937 còn Tôn Quang Duyệt lại tin rằng đó là năm 1936. Thông tin về đám cưới MK+LHP, xem *Kobelev*, pp 116,118. Con gái của Vasileva sau này có kể lại rằng Q có vài lần đến thăm mẹ bà ta với một phụ nữ trẻ tự xưng là Phan Lan – xem *Quinn-Judge: Hồ Chí Minh*. Tin đồn về vợ "tạm" và con, xem Hoàng Văn Chí, *Từ chủ nghĩa thực dân*, p. 51 Báo Đại Con rồng An nam (Paris: plon, 1980 p 134, hoặc *China New Analysis*, 12/12/1969).

Trong hang Pacbo

^{lix} Vũ Thiệu Quân *Con đường của tôi* (Nhà xuất bản PLA 1984, p 61). Năm 1950 khi HCM sang thăm TQ và gặp lại Vũ ông mới biết người khách châu á của mình lúc trước là ai

^{lx} Tham gia tại hội nghị TW 7/36 có: LHP, HHT, Hoàng Đình Gióng, Võ Văn Ngân, Phùng Chí Kiên. Các biên bản tại hội nghị này đều đã bị thất lạc. Các báo cáo đều phải dựa trên trí nhớ của những người tham gia và những quyết định được ban hành sau đó. Xem thêm Vũ Thư *Một số vấn đề lịch sử Đảng thời kỳ 36-39* đăng trên tạp chí NCLS, số 85 (4/1966)

^{lxi} Tham dự hội nghị này còn có Nguyễn Chí Điều, Phan Đăng Lưu, Hoàng Quốc Việt và ngôi sao mới nổi Lê Duẩn. Nguyễn Văn Cừ đã được Pháp chú ý từ trước và đặt mật danh là "Chột". Đầu những năm 30, Cừ cũng đã viết một bài có tên là "Tự chỉ trích" nhưng đã khá nhiều vào chính sách thoả hiệp của Lê Hồng Phong. *Phóng vấn ông Nguyễn Thanh*, 3/12/1990, *Phạm Xanh* 12/12/1990.

^{lxii} Hoàng Văn Hoan trong hồi ký *Giọt nước trong biển cả* của mình đã nhận xét: Mr. Trần hướng dẫn rất nhiều về cách viết báo cho những người như Hải (Vũ Anh) vốn xuất thân từ công nhân hiệu. Ông còn đề xuất đổi tên báo thành D.T. để có thể hiểu là Đấu Tranh, Đánh Tây, Đảng Ta... Thông tin về chuyến đi dọc đường sắt, có thể tham khảo Hoàng Quang Bình "Au Yunam", tạp chí *Souvenirs*, p.p. 135-152 trong đó có những câu chuyện đã thành huyền thoại về nếp sống giản dị hàng ngày của Q. Quốc đã ở nhà Bình, tuy trả tiền thuê nhưng vẫn tham gia việc nhà, còn chính đồn anh này vì tội đánh vợ

^{lxiii} Ngoài Cừ, Duẩn, hai thành viên khác là Phan Đăng Lưu và Võ Văn Tần

^{lxiv} Trong sự đảng, cuộc họp này được gọi là hội nghị TƯ 7, tuy nhiên nhiều nguồn tin cho rằng, ban đầu đây chỉ là cuộc họp xử uỷ BK

Triều dâng

^{lxv} Thơ do tác giả tự dịch. Một trong những cai ngục là người quen của gia đình Xu Weisan, chắc đã tuồn giấy bút vào cho Q. Xem thêm *phóng vấn Wang xiji*, *HZZY*, pp 83-84 ngày 24/6/1981

^{lxvi} Một báo cáo của Văn phòng Trương Phát Khuê ngày 23/1/1944 đã cho thấy sự phức tạp của vụ việc này. Từ Teyuan chuyển lên Debao, rồi lên chính quyền Qué lâm, chuyển cho đại diện Trung ương ở Qué lâm, chuyển cho Hội đồng quân sự quốc gia trước khi đưa về trụ sở của quân khu 4

^{lxvii} Tay cán bộ này chắc là Đặng Văn Cáp. Xem *Hồ Chí Minh* của Võ Nguyên Giáp, pp 196-197. Vũ Anh có một lời kể khác, theo đó sau khi nghe Cáp báo tin, Đảng đã cử một cán bộ nữa đi thăm tra lại. Anh này mới phát hiện ra Cáp nghe nhầm: "Bạn tù của Q đã chết" thành "Q đã chết"

^{lxviii} Trương kể rằng ông chỉ thông báo cho chính quyền TƯ và được phê duyệt. Trương còn bình thêm: "*Hồ nói chuyện rất cẩn trọng, vượt ve bộ râu. Ông có một cái đầu lạnh, suy nghĩ sâu và khả năng làm việc lớn*" Cũng cần nói thêm là HCM rất thành thạo tiếng Tàu và điều này chắc cũng giúp ông nhiều.

^{lxix} Theo một số nguồn phương Tây, hội nghị đã thành lập chính phủ lâm thời cho Việt nam, nhưng trên thực tế đó chỉ là đề xuất của một số đại biểu và bị phản đối. *Giọt nước trong biển cả*, Hoàng Văn Hoan, p 200. Một tác giả khác là Chang Yung- Ching trong cuốn *Hu Zhi-minh*, p 167-168, cho rằng, sau hội nghị một số đại biểu "công sản" đã gây sức ép để thành lập chính phủ, tuy nhiên Trưng khánh đã phản đối vì sợ Đồng minh nổi giận. Bản thân H không thấy liên quan gì đến vụ việc.

^{lxx} Theo *HZZY* p 106 và *Hoàng Văn Hoan*, p 202: Kinh Chen nói rằng chỉ có 16 người theo H từ Lưu châu. Nếu đúng vậy thì 2 người còn lại chắc là Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh đã đón H ở Jingxi để cùng về Pacbo

^{lxxi} Theo Patti *Why Vietnam*, bức thư này do Phạm Văn Đồng gửi

^{lxxii} Hoàng Văn Hoan, *Giọt nước trong biển cả*, p.203. Mặc dù các nguồn VN đều cho rằng H được mời đến CM, không ai biết chắc chắn là AGAS hoặc tổ chức nào khác của Mỹ có mời H đến CM hay không. Theo một số tài liệu, cả tướng Chennault lẫn văn phòng OSS địa phương đều không biết đến sự tồn tại của H. Tổ chức có khả năng biết H nhất là AGAS, nhưng Charles Fen khẳng định rằng ông chỉ làm quen với H khi gặp H ở CM

^{lxxiii} Hoàng Quang Bình “ở Vân nam” trong cuốn *Với Bác Hồ*, NXB ngoại ngữ, 1972, pp 239-240

^{lxxiv} Quán này có tên là Quang Lac restaurant, ở phố Tai Ho Gai

^{lxxv} Xem thêm *Chúng tôi làm ngoại giao với Bác Hồ* (Mai Văn Bộ, Nhà xuất bản Trẻ, HCM, 1998, p 41) về sự nghi ngờ của Xiao Wen với Việt minh. Theo Hoàng Văn Hoan (*Giọt nước...*) nếu H dừng ở Bose (Paise) thì phải dừng trên đường tới Jingxi. Theo Kinh Chen *Việt nam and China*, pp95-96 H còn ở Paise ít nhất là đến ngày 12/4. Fenn thì không nhắc gì đến chuyện ở Paise. Ông này nói H đi thẳng về Pắc bố, nhưng có nhắc đến chuyện một bạn đồng hành của H kể về cuộc gặp gỡ với một số phần tử dân tộc tó ý nghi ngờ quan hệ của H với Mỹ. Fenn nói rằng có cảm giác như cuộc gặp đó xảy ra ở Việt nam, nhưng chắc đó chính là cuộc gặp với các thành viên của Đồng minh hội.

^{lxxvi} Đây là “Chiến dịch Quail” do chi nhánh đặc biệt của OSS ở Trung quốc thực hiện. Xem thêm báo cáo “*Dự án Quail*” trong hồ sơ OSS, 26/2/1945. Có vẻ như Patti cho mình là người ra quyết định chiêu mộ H, nhưng theo Fenn, chính giám đốc OSS là William Donovan muốn điều đó và Patti được giao nhiệm vụ đi tìm H. Xem thêm Patti *Việt nam* p. 67 và Fenn *Trial run to Dooms day* p 265.

^{lxxvii} Patti (trong *Why Vietnam*, p 86) kể rằng H đã đưa cho P một cuốn sách ảnh gọi là “Sách đen” miêu tả sự khủng khiếp của nạn đói. P đã gửi cuốn sách cho sứ quán Mỹ tuy nhiên sau đó cuốn sách bị thất lạc. Theo các nguồn Việt nam, sản lượng lương thực trung bình lúc đó khoảng 1.1 triệu tấn. Do mất mùa, sản lượng năm 1944 chỉ còn khoảng 800,000 tấn. Nhật tịch thu 125,000 tấn để lại tiêu dùng chỉ cỡ 700,000 tấn. Xem thêm Marr *Vietnam 1945*, pp96-107 hoặc Nguyễn Kiên Giang, *Vietnam, năm đầu tiên sau CMT8*, NXB Sự thật, 1961

^{lxxviii} Tonession, *Vietnam revolution* p 238, 337. Tonession cho rằng tiếng Anh trong văn bản này quá chuẩn, có lẽ H đã có người giúp đỡ. Tuy nhiên tại thời điểm đó tiếng Anh của H đã khá tốt.

^{lxxix} Xem thêm Shaplen *Lost Revolution*, p.29. Phelan xem ra không hào hứng lắm với các đồng chí khác của H: “họ suốt ngày hô khẩu hiệu độc lập, nhưng ít nhất cũng phải 75% trong số họ chẳng hiểu ý nghĩa của hai từ đấy là gì”

^{lxxx} Võ Nguyên Giáp *Hồ Chí Minh*, pp 210-211

^{lxxxi} Xem Nguyễn Khang *Hà nội khởi nghĩa* trong *Những ngày tháng 8* (NXB Văn học, 1961)

^{lxxxii} Theo Trần Văn Giàu *Một số đặc điểm của khởi nghĩa tháng 8 ở Nam bộ*, đầu năm 1945, lực lượng dân tộc chủ nghĩa so với ICP là 10:1. Theo Stein Tonesson “*Vietnamese revolution 1945: HCM, Roosevelt and Degaulle in the world at was*”, Giàu đã thừa nhận rằng chính nhà tù đã bảo vệ hơn 300 đồng chí cùng bị giam với ông sau năm 1940 để làm thành lực lượng nòng cốt cho khởi nghĩa. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch lúc đó là công dân Pháp không được các đồng chí tin tưởng lắm.

^{lxxxiii} Một số tài liệu cho rằng H về đến HN ngày 26, nhưng tác giả nghiêng về phương án 25 vì Pati kể rằng khi ông ta được mời đến gặp H trưa ngày 26, H có vẻ như đã ổn định chỗ ở. Daniel Hõmery trong *HCM: De L’indochine au Vietnam* (Paris, Gallimard, 1990), p 89, thậm chí còn cho rằng H về đến Hà nội ngày 21

^{lxxxiv} Trong hồi ký của mình *Le Dragon d’Annam* (Paris: Plon 1980, pp 117-21), Bảo đại nhớ lại các quan lại nhận tin Đức Vua thoái vị trong sự im lặng chết người. Trần Huy Liệu, trong bài viết *Tước ấn kiềm của Bảo đại* (NCLS, No 18, 9/1960, pp 46-51) lại miêu tả sự hồ hởi của dân chúng hai bên đường. Trong phút tế nhị sau khi thoái vị Liệu hỏi Bảo đại “Ông có thấy đau khi phải làm nô lệ cho Pháp, Nhật”, Bảo đại đã trả lời “Có, thường rất đau”. Bảo đại cho rằng Liệu với “cặp kính đen che dấu những ý nghĩ của mình, luôn gây cho người đối diện một cảm giác sợ hãi”

^{lxxxv} Trong *Vietnam 1945*, p 530 Marr cho rằng đám đông không thể quá 400.000 người nếu tính đến dân số Hà nội lúc đó chỉ có 200.000 người. Theo một số nhân chứng, khi máy bay bay qua, các quan chức Việt minh đã giới thiệu “đó là máy bay ta”. Một cán bộ Việt minh có kể lại cho tác giả (WD), khi dân Tân trào được nghe truyền thanh bản tuyên ngôn độc lập, họ đã tháo máy radio ra để tìm người nói ở trong đó.

^{lxxxvi} Để hiểu hơn về tình hình Sài gòn lúc đó dưới con mắt của một người quan sát Mỹ, xem báo cáo của đại úy Herbert Bluechel, ngày 30/9/1945, được trích trong *Causes, Origins and Lessons of Vietnam War*, Ủy ban đối ngoại thượng viện Mỹ, 1972, pp 283-384. Muốn biết thêm về Giàu bị ICP phê phán thế nào, xem *Vietnam 1945*, Marr, p 462

^{lxxxvii} Xem *Dragon*, Báo đại, pp 130-131. Chi tiết thuốc phiện được lấy trong *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thu Hiền (Wesminster. Calif, Văn nghệ 1997, p 108). Cũng theo sách này dù đã cố gắng nhưng H vẫn bị quân Tưởng bắt một lần. Tuy nhiên chính Lư Hán đã gọi HCM không phải là Ông Hồ mà là Chủ tịch Hồ, *Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ*, Mai Văn Bộ, NXB Trẻ, 1998, p46.

^{lxxxviii} Harold R Isaccs *No peace for Asia* (Newyork, Macmillian, 1947). H vốn quen biết Isaccs từ những năm 30 lang thang ở Thượng hải. Cuối cuộc nói chuyện, H đã cười phá lên “Bây giờ tôi là chủ tịch của nước cộng hoà Việt nam, người ta gọi tôi bằng Ngài, ông thấy buồn cười không?”

Kháng chiến và kiến quốc

^{lxxxix} Theo Báo đại, đa số các thành viên chính phủ không hiểu ý ông vì họ là người miền Trung, không thích ăn dôi chó.

^{xc} Xem K.N.T “*Jours passes aupres Oncle Ho*” in *Avec l’Oncle Ho* (NXB Ngoại ngữ, 1972) p 352

^{xci} Theo Chen *Vietnam and China*, H đã cho Hải Thần biệt thự lớn và đề nghị Thần dùng ô tô của mình. Đổi lại Thần hứa sẽ xem bói cho H

^{xcii} Bức thư của H xuất hiện trong điện của OSS về Côn minh, đề ngày 28/2/1946

^{xciii} *Chronique de l’Indochine* (Paris, Albin Michel 1985), p.148 viết, Leclerc đã cãi nhau với D’A về vấn đề này, đến nỗi D’A đã đòi triệu hồi L về nước. Khi De Gaul yêu cầu phải khôi phục lại chủ quyền của Pháp trước khi đàm phán, L cũng trả lời rằng ông ta không có đủ sức để làm việc đó.

^{xciv} Trong hồi ký *HCM* của mình, Sainteny cũng nhận xét rằng H có nói, có thể người khác sẽ ký nếu hiệp định được thoả thuận (p 60)

^{xcv} Xem Paul Mus *sociology de une guerre* (Paris, Edition de seul, 1952) p 85

^{xcvi} Cả Saiteny và Giáp đều cho rằng chính Tàu đã thuyết phục H ký hiệp định. Một nhà ngoại giao Mỹ có mặt trong buổi lễ báo về Washington là cuộc trưng cầu ý dân về Nam bộ sắp diễn ra đến nơi. Có một câu chuyện kể, khi H đến Đại học Đông dương để kêu gọi sinh viên ủng hộ hiệp định, một sinh viên đã trần truồng chạy từ nhà tắm ra để làm H mất mặt. H đã bình tĩnh vỗ vai anh nọ “*ồ chú đấy à, chú biết cách mua vui cho mọi người nhỉ?*”. Xem Bùi Diễm, *In Jaws of History* (Boston, Houghton Mifflin, 1987) p 40

^{xcvii} Ngoài Đồng, phái đoàn còn có Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền và Trịnh Văn Bình. Ngoại trưởng Tam cũng trong thành phần nhưng cáo ốm không đi. Ông này sau này thú nhận là không muốn tham dự đàm phán. Theo *Chủ tịch HCM ở Pháp*, Nguyễn Thành (Hà nội, NXB Thông tin lý luận, 1988) p 165

^{xcviii} Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870, việc cắt vùng lãnh thổ phía đông là Alsace và Lorraine cho Đức đã nuôi dưỡng ý chí trả thù trong dân Pháp và là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Thế chiến thứ Nhất. Trong Grass, *Histoire de la guerre* có trích hồi ký của Salan. Grass cho rằng chính phủ Pháp không có ý định công nhận nhà nước này trước khi cuộc trưng cầu ý dân được tiến hành.

^{xcix} Khá nhiều nguồn cho rằng H ở Khách sạn Carlton. Sainteny còn ghi lại, bộ trưởng hàng không của chính phủ Guin là Charles Tillon còn bay đến tận nơi để kiểm tra điều kiện ăn ở của H. Tuy nhiên các nguồn Việt nam *BTNS*, *Chủ tịch HMC ở Pháp* thì cho rằng H ở khách sạn Le Palais. Philippe Deviller nói rằng phái đoàn ở chung với H ở Carlton, nhưng báo cáo của một quan chức ngoại giao Mỹ thì lại nói rằng họ được chuyển đến một khách sạn hạng hai.

^c Các thông tin này lấy từ sách của Saiteny *Hồ Chí Minh*. S còn nói rằng, các thủy thủ rất ngạc nhiên khi thấy H “sea legs” trên vùng biển động ở Biscay. Họ không biết rằng H đã có vài năm kinh nghiệm đi biển. S còn thêm la ai đó đã viết vào cuối lưu bút của H ở Birstou dòng chữ “Cuốn theo chiều gió”.

^{ci} Sau này H kể lại ông thừa biết chính phủ Pháp định mua chuộc ông bằng cách đổi xử như một nguyên thủ quốc gia và treo cờ VN ngay cạnh cờ tam tài Pháp

^{cii} Nhà sử học Alain Ruscio cho rằng Thorez không phải nói về chính phủ Việt nam tại Hà nội mà nói đến phe đối lập. Nhìn chung quan hệ giữa FCP và VN là hữu hảo. Xem thêm *Le communistes francais et la guerre d’Indochine 1944-1954* (Paris, Harmattan, 1985) p 109. Tuy nhiên Thorez sau đó, trong cuộc phỏng vấn với Philippe Deviller đã nói rằng: đảng ông ta sẽ không phải là người xoá bỏ sự có mặt của Pháp tại Đông dương và ủng hộ việc cờ tam tài tung bay khắp địa cầu trong khối liên hiệp Pháp. Xem Deviller *Paris-Saigon-Hanoi* p. 269

^{ciii} Theo Ruscio, nhà báo Mỹ này là David Schoenbrun. Cũng có người hỏi là liệu H có chấp nhận Nam bộ ly khai, H hỏi lại, có gì mà Nam bộ lại không nhập vào VN khi họ chung một tiếng nói và tổ tiên.

^{civ} Nhiều năm sau, H thừa nhận với các đồng chí của mình là cuối mùa hè 1946, ông đã tin chiến tranh là không thể tránh khỏi. “Bọn chúng tìm cách kéo dài thời gian để chuẩn bị tấn công. Ta cũng hiểu điều đó, và tận dụng thời gian để chuẩn bị”. Xem Mai Văn Bộ *Chúng tôi học làm..*

^{cv} Nguyễn Bình (tên thật là Nguyễn Phương Thâu) thực sự là một betes noire của cách mạng Việt nam, nhưng có một cuộc đời rất ít được biết đến. Xem thêm chi thị của H “*Giảm ngay các cuộc khủng bố*” trong hồ sơ phòng nhì Pháp “1946-1949”, SPCE, Carton 366, CAOM

^{cvi} Tình báo Mỹ có báo cáo về nhận định của Đồng khi H đi Paris: “áo tưởng rằng có thể xin xô nên độc lập dân tộc từ tay bọn đế quốc”. Các nguồn của Pháp cũng nói về sự phân hoá trong đảng và Việt minh. Trong hồi ký của mình Salan có kể lại H nhận xét như sau: “Giáp rất trung thành với tôi. Hắn tồn tại chỉ vì có tôi hỗ trợ. Hắn và những người khác không thể làm gì mà không có tôi. Tôi là cha đẻ của cách mạng Việt nam.” Nhưng có vẻ những nhận xét kiểu này không giống của HCM lắm.

^{cvi} Do chiến tranh đã xảy ra ngay sau đó, bản hiến pháp này không bao giờ được đưa vào cuộc sống.

^{cviii} Theo Devillers, số dĩ sự cố Hải phòng khó dập bởi vì thái độ hết sức ngang ngược của trung tá Debes được Valluy bảo kê. Về số người chết, nhiều nguồn cho đến con số hàng ngàn, phía Pháp công nhận là từ khoảng 200-300. Moffat, quan chức bộ ngoại giao Mỹ đến thị sát tình hình sau đó đưa ra con số 2000. Trong thư gửi thủ tướng Blum, H đưa ra số 3000.

^{cix} Một cán bộ Việt minh đào ngũ đã khai rằng, H lãnh đạo hết mọi chuyện và sử dụng những phần tử cứng rắn để gây sức ép. Trong cuộc điều trần tại Hạ viện năm 1972, Moffat đã bày tỏ cảm tình với H, nói rằng ông cảm thấy sự hiện diện của một con người vĩ đại. Còn Giáp, M cho chỉ là một “tay cộng sản điển hình”

^{cx} Theo Devillers, đã có một cơ hội mong manh để chậm lại cuộc chiến. Trưa ngày 19, Morlliere bất ngờ đồng ý yêu cầu của Giáp triệt thoái quân Pháp khỏi đường phố. Việt minh cũng huỷ kế hoạch tấn công. Khoảng 5h, Morlliere mới được một điệp viên 2 mang thông báo về kế hoạch tấn công của VM nên đã lại bố trí quân Pháp trở lại. Việt minh cũng quay về phương án ban đầu.

Hỗ và Voi

^{cx} Phóng viên phỏng vấn H là Harrie Jackson của AP. Những phiêu lưu của Thạch ở BK được ghi chép trong cuốn *“Improbable Opportunity: America and DRV’s 1947 initiative”* của Mark Bradley. Trong báo cáo ngày 17/4 Stanton nói đã nhận được của Thạch 2 bức thư. Bức thứ nhất gửi ngày 12, miêu tả cuộc xung đột Đông dương và được copy cho Sullivan. Ngày 24, Stanton thông báo, Thạch thừa nhận với Law rằng Việt minh rất thất vọng về các đồng chí ở FCP đã ủng hộ Pháp khởi chiến. Thạch miêu tả Mỹ như người bảo vệ Hiến chương Đại tây dương và khả dĩ nhất có thể mang lại hoà bình

^{cxii} Theo Luo Guibo *“Lishi”* p 151-53, thông tin giữa hai chính phủ chủ yếu do giao liên thực hiện. Cũng có thực hiện điện báo vài lần nhưng rất hay trục trặc. Theo Gras *Histoire de la guerre*, quân TQ đi hộ tống đã rất ngạc nhiên khi phát hiện ra Định chính là H, và đã vội vàng báo về TU

^{cxiii} Bức thư của H được đài phát thanh Matxcova phát ngày 29/8/1949. Theo cuốn *Autobiographie* của Georges Boudarel, một quan chức ngoại giao Mỹ kể lại khi dự một bài giảng tại Nga ngày 23/2/1950, ông này được giảng viên thông báo, đảng Việt nam là một đảng kiểu mới và đang trên đường trở thành đảng Marxist

^{cxiv} Phong vấn Đỗ Quang Hưng tại Hà nội, 15/12/1990

^{cxv} Theo Guibo “Lishi”, p161, Stalin giải thích quan điểm của mình là do Nga xô quá bận bịu với Đông Âu. Theo Võ Nguyên Giáp *Đường tôi*, pp 14-15, H đã yêu cầu Stalin trang bị cho 10 sư đoàn bộ binh và 1 trung đoàn pháo binh

^{cxvi} Như mọi khi, H luôn quan tâm đến ăn ở của các vị khách. H đã dặn thư ký Vũ Đình Huỳnh phải chuẩn bị tươm tất để đón Luo: “với bác thế nào cũng được, nhưng với các vị khách phải đàng hoàng. Họ rất quan tâm đến điều đó”. Xem Vũ Thu Hiền, *Đêm giữa ban ngày*, p 108

^{cxvii} Theo một kẻ đào ngũ có vị trí cao trong phong trào, từ sau chuyến đi của H, Chính lãnh trách nhiệm chính về việc xây dựng các chính sách đối nội. Xem *Declaration sur la vie*. Theo tạp chí Pháp *Aux Ecoutes*, Matxcova đã cảnh cáo H rằng mục tiêu của cách mạng không phải là độc lập dân tộc mà là chủ nghĩa cộng sản toàn thế giới. Matxcova cũng yêu cầu H lắng nghe những lời khuyên của các đồng chí TQ.

Nơi đây Điện biên phủ

^{cxviii} Ngô Văn Chiêu, *Nhật ký một chiến sĩ Việt minh (Journal d'un combattant Vietminh)*, Paris 1957

^{cxix} Theo báo cáo *Saigon 1580 cho Ngoại trưởng Mỹ*, 10/3/1951, các tạp chí địa phương đã đưa tin Giáp tử tử

^{cxx} Theo Boudarel, cuốn sách giáo khoa của chương trình “Đổi mới phương pháp làm việc” chính là bản dịch của cuốn “Về Đảng” của Lưu Thiếu Kỳ

^{cxxi} Theo một số tin từ Hà nội, Lê Duẩn có chân trong đoàn với Bình ra Việt bắc

^{cxxii} J Starobin, *Eyewitness in Indochina*, (NewYork, Cameron & Kahn, 1954)

^{cxxiii} Xem thêm Bernard Fall *Vietminh regime: Government and Administration in DRV*. Muốn có thông tin phê phán, xin tham khảo Hoàng Văn Chi, *Từ thuộc địa tới cộng sản: Trường hợp lịch sử của Bắc Việt* (NY, Praeger, 1964). Trong trang 182-83, Chi đã trích dẫn HCM khi quan sát muốn uốn thẳng 1 thanh tre cong, cần phải bẻ nó theo chiều ngược lại và giữ một lúc. Sau đó nó sẽ từ từ thẳng lại. Cũng có thể tìm hiểu Edwin E. Moise *Land reform in China and Vietnam: consolidating the revolution at village level* (Chapel Hill. N.C. University of North Carolina Press, 1983)

^{cxxiv} Theo *Zhongquo junshi* p90, tác giả Han Huazhi, *Dangdai, vol 1* p350, các cố vấn TQ đã tư vấn cho Giáp đánh ĐBP vì tin rằng chiến thắng sẽ có một ý nghĩa chính trị và quốc tế lớn. Xem thêm bài của Hoàng Văn Thái trong *Vietnam courier*, 3/1984 và cuốn *People War, People Army* (Newyork, Praeger, 1962) p 148.

^{cxxv} Ban biên tập tạp chí *Expresen* thì nghi ngờ vào sự chân thành của H, trong phần bình luận của bài phỏng vấn H, họ cho rằng bài báo bị Matxcova “ảnh hưởng”.

^{cxxvi} Theo điện báo của sứ quán Mỹ tại Sài gòn ngày 10/5/1954, khoảng 9 tiểu đoàn Việt minh có thể di chuyển về đồng bằng trong 10 ngày, tất cả 25 tiểu đoàn cần khoảng 3 tuần. Cộng với 16 tiểu đoàn đang có sẵn. Tuy nhiên một số sĩ quan Pháp tỏ vẻ lạc quan hơn. Tướng Cônhi cho rằng Việt minh không thể tấn công trước tháng 10 và ông ta hoàn toàn có thể đứng vững nếu có tiếp viện. Việt minh sau này cũng thừa nhận là khó có thể tấn công thành công trước năm 1955

Giữa hai cuộc chiến

^{cxxvii} J Sainteny: *Ho Chi Minh and his Vietnam*. Cũng theo S, quân Việt minh đóng ngoài tòa nhà đã ghi lại biển số xe của tất cả các vị khách đến dự lễ này,

^{cxxviii} Về sự tự tin của H vào bầu cử, xem *Đêm giữa ban ngày*” của Vũ Thu Hiền

^{cxxxix} Chỉ có 6 trong số 17 thành viên nội các là người Nam. Một điều thú vị, là theo báo cáo của Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn cho Bộ ngoại giao ngày 10/10/1950, các nguồn Việt minh đã dự đoán là Mỹ sẽ thay Bảo đại bằng Diệm

^{cxxx} Xem thêm Dương Vân Mai Elliot *Sacred Willow: Four generations in the Life of Vietnamese Family* Newyork 1999

^{cxxxi} Về quan điểm của Lương, xem “Vì sao phải chỉnh Đảng” trong *Cuộc kháng chiến thần thánh* tập 3, 293-302. Lương là em trai của nhà văn Nguyễn Công Hoan. Có thể tham khảo thêm Moise *Land Reform*

^{cxxxii} Lời của H được trích trong “Bài nói chuyện với các cán bộ cải cách miền biển”. Chi tiết về Vũ Đình Huỳnh được nhắc đến trong “Đêm giữa ban ngày”

^{cxxxiii} Xem thêm Elliot *Sacred Willow* p343-344 để biết ý kiến của một dân thường về trách nhiệm của HCM trong vụ này

^{cxxxiv} Nguyễn Mạnh Tường, *Un excommunié. Hanoi 1954-1991: Process d'un intellectuel* (Paris, Que me, 1992) p9

^{cxxxv} Boudarel *Cent Fleurs* p 143. Xem thêm Hirohide Kurihara *Changes in literary policy of VWP, 1956-1958*. Về những nhận xét của Chinh về tự do ngôn luận, xem Nguyễn Văn Trân *Viết cho mẹ và Quốc hội* (Wesminster, Calif.: Van nghe, 1996) p..275

^{cxxxvi} Theo nhà sử học Nga Ilia Gaiduk., bản thân Chinh là một trong những người nghi ngờ. Từ năm 1955, Chinh đã nhận định bi quan với một quan chức Liên xô về một giải pháp hòa bình cho việc thống nhất Việt nam. Xem thêm “*Developing an Alliance: The Soviet Union and Vietnam, 1954:1975*”

^{cxxxvii} Xem Hoàng Văn Chi “Collectivization and Production of Rice”, in *China Quarterly* Jan-Mar 1962, p 96

^{cxxxviii} Gerard Tongas, *L'Enfer communiste au Nord Vietnam* (Paris, Nouvelles Editions Delmesse, 1960) pp 85-86. Nhiều nhà quan sát không tin tưởng lắm vào những nhận định của Tongas, tuy nhiên dưới ánh sáng của những thông tin mới, có vẻ như có nhiều phần sự thật. Tuy thế, Tongas lại cho rằng thời gian của chuyến thăm là tháng 9/1957. Trong hồ sơ lưu trữ chỉ có một chuyến thăm vào tháng 5

^{cxxxix} H đưa ra ý này trong bài phát biểu nhân dịp Quốc khánh. Cùng đi trong đoàn có Bộ trưởng văn hóa Hoàng Minh Giám, cựu đại sứ tại TQ Hoàng Văn Hoan và thứ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch

^{cxli} Câu chuyện như cổ tích này được kể trong *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thu Hiền. Bức thư của người chồng chưa cưới có thể tìm trong “Letters de larmes et de sang”, *Chronique Vietnamien* (Fall 1997) pp 8-11

^{cxlii} Theo Carlyle Thayer *War by Other Means*, pp 166-167, India cũng đón tiếp Ngô Đình Diệm rầm rộ như đón H. Thái độ của Ấn trong cuộc chiến này là tương đối phức tạp. Rõ ràng là Nehru coi thường Bảo đại và ủng hộ Việt minh trong cuộc chiến với Pháp. Tuy nhiên trong các cuộc nói chuyện riêng với những quan chức Mỹ hoặc phương Tây, ông này tỏ ra lo ngại về viễn cảnh một Việt nam thống nhất bị cộng sản Hà nội cai trị. Bởi thế, thái độ của Ấn có thể tóm tắt là ủng hộ DRV trên công chúng, nhưng thực tế chẳng làm gì.

Tất cả cho tiền tuyến

^{cxliii} Trích trong David Charnoff và Đoàn Văn Toại: *Vietnam: a Portrait of its People at War* (London, I.B. Tauris, 1996)

^{cxliiii} Theo Nguyễn Thị Định *Không có con đường nào khác* p 65, 69-70. Bà Định sau này trở thành bộ trưởng quốc phòng trong chính phủ Lâm thời miền NVN, thành lập năm 1969

^{cxliiv} Phạm Hùng quê ở Vĩnh long. Nguồn gốc của Thanh có gây tranh luận, nhiều bằng chứng là Thanh sinh ra trong một gia đình nghèo ở phía nam Huế, nhưng cũng có người cho là Thanh xuất xứ từ một dòng họ quý tộc và có quá khứ tương đối huyền bí. Trong tương lai gần, Thanh sẽ thay thế Giáp trong việc hoạch định các chiến lược chiến tranh ở miền Nam.

^{cxliv} Về sự kiện thành lập NLF, xem thêm: Trương Như Tảng *Vietcong memoir: An inside Account of the Vietnam War and its aftermath*.

^{cxli} Các lãnh đạo Trung quốc cũng không bằng lòng với thái độ của H. Xem *China and Vietnam War 1950-1975* Quang Zhai, (Chapel Hill, University of North Carolina Press) pp 87-88. Khi còn ở Moscow, khi H khuyên Khrutsov nhượng bộ vì TQ là một nước lớn và rất quan trọng, Kh đã phản bác lại là LX cũng là một nước lớn và rất quan trọng. H nhận xét “Đồng chí thấy chưa, chúng tôi còn khó khăn gấp đôi vì đứng quên TQ còn là láng giềng của chúng tôi”. Xem Ang Cheng Guan *Vietnamese Communist's relations*, p 168

^{cxlii} Vũ Thu Hiền *Đêm giữa ban ngày*” theo Hiền, H không thích chiến tranh và chỉ sử dụng như là biện pháp cuối cùng. Còn Duẩn luôn dùng chiến tranh để đạt được mục đích của mình.

^{cxliiii} Nguyễn Văn Trân, *Viết cho mẹ và quốc hội* (Garden Grove, Calif: Van nghe 1996) p 328, hoặc xem thêm Georges Boudarel, Nguyen Van Ky, *Hanoi 1936-1996: Du drapeau rouge au billet vert* (Paris: Editions Autrement 1997) pp 144-147

^{cxlix} Nghe đồn là có lúc cãi nhau căng thẳng quá, Giáp phải bỏ ra ngoài đánh piano

^{cl} Chính là bạn của Giáp, nhà khoa học và anh hùng trong kháng chiến chống Pháp. Chính Trường Chinh đã yêu cầu Chính soạn thảo dự thảo nghị quyết của hội nghị, sau đó bị bác bỏ vì “xét lại”. Chính bị tổng giam dài hạn. Cùng bị xử còn có Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm

^{cli} Không có chứng cứ rõ ràng về vai trò của H trong quyết định gửi quân vào Nam. Mặc dù trước đó trong cuộc họp BCT, H đã cảnh báo các đồng chí của mình phải chuẩn bị cho tình huống xấu nhất, và cho rằng quyết định ném bom miền Bắc của Mỹ là một quyết định chiến lược chứ không phải tạm thời. Trong cuộc gặp với Mao, Duẩn đã thông báo là DRV quyết định gửi 1 sư đoàn vào Nam, và cuộc tiến công tàu Madoc chỉ là quyết định của các chỉ huy địa phương. Theo thông tin mà Mao có được, lời buộc tội của Mỹ về cuộc tiến công thứ hai của hải quân Việt nam do Wasinhton bị nhận thông tin sai lệch.

^{clii} Một ngày thứ sáu đầu năm 1965, tác giả sang Bangkok nghỉ cuối tuần. Ngày thứ bảy, đảo chính, một chính phủ mới ra đời. Chủ nhật, chính phủ mới bóc tem này lại bị lật đổ. Ngày thứ Hai, tác giả quay lại Sài gòn, bỏ qua mất hẳn một chính phủ mới.

^{cliii} Muốn phân tích kỹ hơn về chính sách của LX trong giai đoạn này, xem thêm Iliia Gaiduk “*The Soviet Policy Dilema in Vietnamese conflict*”, hoặc *Vietnam: The early decision* của Gardner và Gittings, pp 207-218

^{cliv} Sáng kiến này được gọi là Chiến dịch Marigold, được miêu tả trong cuốn *LBJ and Vietnam: A different kind of War* của George C. Herring (Austin: U of Texas Press, 1994) pp 104-107

^{clv} Chi tiết chuyến đi được Vũ Kỳ kể trong cuốn *Bác viết di chúc* . H đã trích những quan điểm của Không giáo như: không sợ nghèo, chỉ sợ không công bằng; dân là gốc của nước; lợi ích của nhân dân trước, sau đó là lợi ích của đất nước, sau cùng mới đến lợi ích của vua. H cũng cực kỳ kính trọng Nguyễn Trãi. Tháng Giêng 1965, H thăm Côn sơn và đã dành thời gian rất lâu bên mộ của Nguyễn

^{clvi} Câu chuyện này được kể lại trong cuốn “*Những điều bí ẩn của Tao Trư*” (*Tao Zhu Ji mi*), tác giả Quan Yan, Xinan Military Literature (Chengdu), No 72 (1995). Tào là bí thư Quảng đông trước khi bị thanh trừng trong cách mạng văn hóa. Tôi (tác giả) đoán rằng sự việc diễn ra vào mùa xuân hoặc đầu hè năm 1966. Bài báo cho rằng H muốn một cô gái Quảng đông vì nhớ đến những kỷ niệm về người vợ đầu tiên Tăng Tuyết Minh. Chính phủ TQ đã cất công tìm 3 ứng viên trước khi ý tưởng bị dẹp. Chu Ân Lai e ngại rằng điều này sẽ đẩy lên tinh thần chống Trung quốc tại Việt nam.

^{clvii} Theo Fidel Castro, trong những năm cuối đời, mấy lần đảng đã phải dùng sức mạnh để ngăn H tham gia các đoàn đi B

^{clviii} Để chống nóng, H đã dùng một cái quạt mo, tự tay viết lên đó chữ B (Bác?) để phân biệt với người khác.

Con người trở thành huyền thoại

^{clix} Báo Nhân dân (Montevideo) 4/9/1969

^{clx} Trong chuyến thăm Việt nam ngay trước khi khánh thành tác giả may mắn được làm quen với một nhóm thợ người Tiệp đang thực hiện một số những công trình bên trong. Nhóm này nói, họ được chỉ đạo thể hiện

sự xấu xa của chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ 20, nhưng họ đã lén lút tìm cách đưa vào tác phẩm của mình những tiến bộ của thời đại.

^{clxi} Tại đại hội Đảng năm 1982, Võ Nguyên Giáp bị đưa ra khỏi Bộ chính trị, chuyển sang làm trưởng ban công nghệ.

^{clxii} Sự “mặc cả của quý sứ” này được thể hiện trong Hiến pháp phê duyệt năm 1991

^{clxiii} Tôi thấy nhiều nhà nghiên cứu Việt nam cũng mắc phải sai lầm này. Họ hỏi tôi, tại sao Truman và Rusovelt không trả lời thư của HCM đề nghị công nhận DRV. Tôi đã nói với họ là Stalin cũng chẳng trả lời những bức thư đó. Rất nhiều những bài báo của Hồ đã kích xã hội Mỹ cũng chẳng bao giờ được dịch sang tiếng Anh.

^{clxiv} Mạnh luôn phủ nhận tin đồn này mặc dù thừa nhận mẹ mình đã có một thời gian phục vụ Hồ đầu những năm 40. Ngẫu nhiên, phong cách lãnh đạo của Mạnh cũng có phần giống Hồ: hoà giải, luôn thuyết phục các đồng chí của mình tha hiệp. Xem thêm Olivier Todd : “Huyền thoại về HCM: đỉnh cao về thông tin sai lệch”, Vietnam Commentary (5-6/1990) pp 13-14.